Tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan

Hỗn canh hỗn cu
Cải thủ lợn
Nợ nần

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tiểu thuyết

NGUYỄN CÔNG HOAN

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ VĂN NGUYỄN CÔNG HOAN

(1903 - 2003)

Tiểu thuyết

NGUYỄN CÔNG HOAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2002

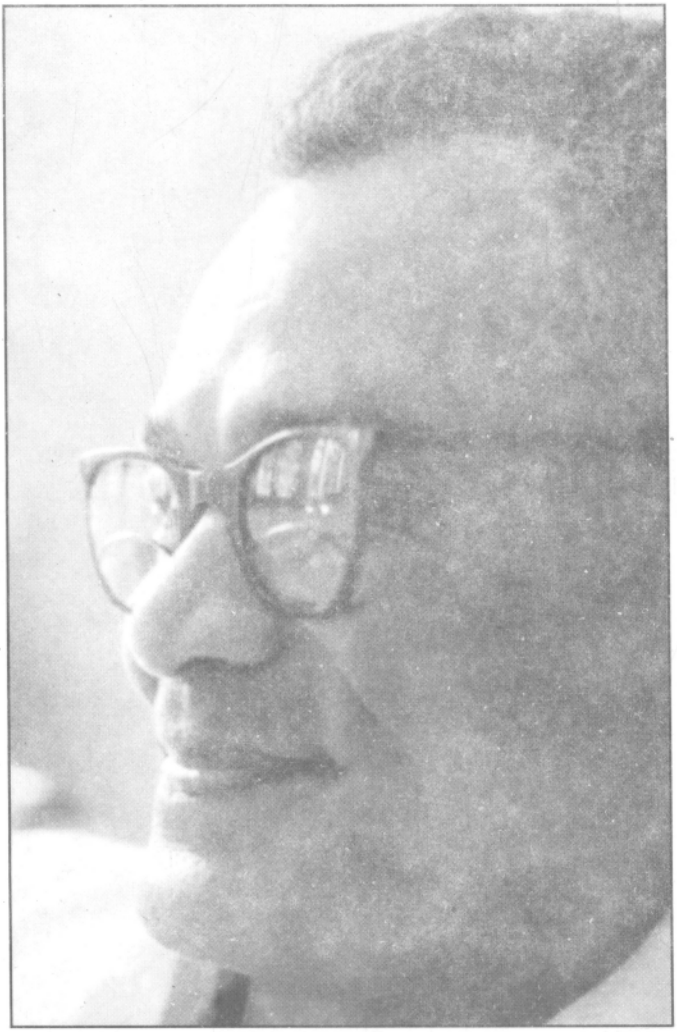

(1903 - 1977)

Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà văn Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6 tháng 3 năm 1903 tại làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Ông mất ngày 6 tháng 6 năm 1977 tại Hà Nội.

Từ tuổi 17 (1920) khi đang còn học ở trường Bưởi, Ông đã bắt đầu viết truyện. Năm 20 tuổi (1923), Ông đã tập hợp những truyện ngắn chưa đăng báo, in thành tập với tên "Kiếp hồng nhan", do Tản Đà thư cục xuất bản. Từ đó, Ông viết nhiều truyện ngắn đăng báo, được bạn đọc hâm mộ. Năm 1932, Ông đã xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên "Những cảnh khốn nạn". Năm 1935 khi tập truyện ngắn "Kép Tư Bền" ra mắt bạn đọc, thì tên tuổi ông được khẳng định như một cây bút viết truyện ngắn đặc sắc.

Suốt cuộc đời sáng tác, Ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ (35 bộ tiểu thuyết, trên 300 truyện ngắn, nhiều bài nghiên cứu và phê bình văn học nghệ thuật, cùng với những tập hồi ức, tự sự mang dấu ấn lịch sử, thời đại mà Ông đã trải qua). Trong 25 năm kể từ khi Ông mất (1977-2002) các tác phẩm của Ông vẫn đều đặn đến với bạn đọc, có cả những tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên.

Điều này thể hiện sự hâm mộ của bạn đọc dành cho tác giả.

Là nhà văn, Nguyễn Công Hoan còn là một thầy giáo và một chiến sĩ cách mạng hoạt động sôi nổi, có hiệu quả trên mặt trận văn học nghệ thuật.

Khi Hội Nhà văn Việt Nam thành lập (1957), Ông được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội.

Từ những công lao đóng góp của Ông, sau khi mất, Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (1977) và Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Tại Thủ đô Hà Nội có con đường mang tên Ông và ở thị xã Lao Cai, ngôi trường xưa Ông dạy học nay cũng mang tên Ông.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh cố nhà văn Nguyễn Công Hoan (6-3-1903 - 6-3-2003), Nhà xuất bản Thanh Niên với tấm lòng trân trọng, ngưỡng mộ Ông đang triển khai xuất bản toàn bộ tác phẩm của Ông trong 3 năm (2002-2004), nhằm giới thiệu với bạn đọc một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của Việt Nam thế kỷ 20.

Để bạn đọc thấy được phong cách, bút pháp của tác giả cũng như văn phong đương thời, Nhà xuất bản xin được tôn trọng nguyên bản tác phẩm, mặc dù hiện nay ngôn từ, cách thể hiện đã có nhiều thay đổi.

Xin trân trọng cảm ơn vàgiới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỖN CANH HỖN CƯ

Để tác oai với chính trị phạm cũ, đồng thời để khủng bố tinh thần nhân dân làng Văn Chương, từ ngót một năm nay, theo lệnh tên công sứ Vát-xi, năm người lính cơ đã về đóng hẳn ở làng ấy để gác.

Năm người lính trú ở miếu.

Sở dĩ địa điểm này được chọn làm nơi canh phòng, vì nó ở ngay đầu làng. Cách con sông nhỏ có cầu gỗ bắc qua, là làng Nhạc Lịch, thuộc huyện khác. Muốn kiểm soát chặt chẽ những người lạ mặt ra vào làng, bọn lính bắc ở đầu cầu một cái ngáng bằng cả một cây tre dài. Xe cộ từ ga về, hoặc từ chỗ đỗ ô tô ngoài đường cái nhựa vào, đến đây, đều phải dừng lại. Khi họ nhấc cái ngáng lên, xe mới được qua. Nghĩa là sau một vài phút đồng hồ họ khám thẻ - và khám đồ đạc, nếu xét ra là người khả nghi.

Dạo đầu tiên, người làng Văn Chương thấy bóng dáng bọn "thịt gà lá chanh", thì cho là một điều rất phiền nhiễu. Nhưng lâu dần, nhìn quen đầu trâu mặt ngựa đi, thì người ta biến ngay sự bị chèn ép về mặt chính trị thành sự giải trí về mặt văn hoá. Người ta đặt ra những chuyện buồn cười quanh việc lính khám xét để pha trò với nhau cho hả, cho cuộc sống đỡ tẻ.

Thật thế. Ngày mới đến Văn Chương, độ nửa tháng đầu, dân "ắng đê" nhà ta làm ra vẻ hắc lắm. Họ "cắt tua"

nhau đứng ở đầu cầu, dưới gốc cây bàng, nghiêm chỉnh y như ngày họ gác ở cổng dinh "cụ nhớn Tuần". Họ mặc binh phục thật oai vệ. Quần áo thì bằng vải vàng dày, họ gài cái khố hình chữ nhật màu lá mạ, xếp nếp phẳng lì, quấn xà cạp trắng, đội nón sơn màu cánh gián, vác súng có cắm lưỡi lê sáng nhoáng, và quanh mình, quấn cái thắt lưng da to bản, có lồng bao đạn kêu lọc cọc. Vì mới về, cho nên ai họ cũng cho là lạ mặt, là khả nghi. Bất cứ ai, họ cũng xem thẻ, đánh vần từng chữ từ đầu đến cuối, và hỏi vặn vẹo thật kỹ lưỡng về tung tích. Có khi họ lục soát cả va li, thúng, đẫy, hoặc gánh hàng. Cô nào đèm đẹp, thì thấy quyền lục vấn thật lâu, hoạnh cả là bao nhiêu tuổi, có chồng chưa, nhà ở đâu, trong nhà có những ai. Họ không đòi khám người ngay, nhưng lại cứ toét mồm ra cười, đòi về buồng để xem "thẻ da". Có những cô nhí nhảnh, bị họ giật mất nón, lấy làm "kỷ liệm".

Nhưng dần dần, họ quen mặt người làng. Và người làng cũng làm quen với họ. Vả họ không làm quen với người làng, thì năm "cẩm ma lách" nhìn nhẵn mặt nhau cũng buồn tình. Cho nên họ thấy rằng đứng canh ở đầu cầu, chỉ tổ mỏi chân, rỗi tay mà nhổ râu, chỉ tổ rát cằm. Bộ nai nịt mà hàng ngày họ thắng vào, làm cho họ tốn xà phòng để giặt, chứ không lòe được ai. Mà lòe cũng chẳng được thêm cái gì. Dân làng như gần chùa, đã gọi bụt bằng anh mất rồi. Mà bụt chẳng ở trên toà, cho nên bị gà mổ mắt. Vì vậy, tuy nhân danh là người nhà nước thật, mà họ không làm bộ làm tịch nữa. Làm bộ làm tịch, chỉ bị thiệt. Tử tế với người làng, thì thỉnh thoảng nhà ai có giỗ, có chạp, người ta còn mời đến đánh chén, được no say bí tỉ, khỏi phải đến gạ ăn ở nhà lý trưởng, chánh hội. Kênh kiệu, khệnh khạng, thì ai người ta cần, ai người ta sợ, quanh năm mòn mõm với rau muống, muối vừng.

Ở đây, năm thì mười họa mới có một người có thể gọi là lạ mặt. Cho nên chẳng mấy lâu, bọn lính tự linh động kỷ luật canh gác.

Về khí giới, mới đầu, họ cất lưỡi lê đi, để đeo súng, chứ không vác. Khi thấy súng không dùng để bắn ai, họ cất súng ở nhà, và ngoe nguẩy cái que, thay cái roi. Rồi cuối cùng, kiếm chẳng ra que, họ canh bằng tay không.

Về ăn mặc, trước hết, họ cất cái thắt lưng cho đỡ đau xương sườn, rồi đến cái xà cạp bó vào cái chân, làm đọng cả máu. Dần dần, họ lận guốc cho khỏi bẩn chân. Sau cùng, họ cất nốt bộ binh phục, và mặc quần áo thường, chỉ gài có cái khố, để phân biệt với dân mà thôi.

Cho nên trong phiên gác, họ cất luôn cả người họ.

Đến ai, thì người ấy chịu trách nhiệm, trách nhiệm về tinh thần. Cứ việc nằm ở phản trong nhà cũng được, miễn là thỉnh thoảng ngóc cổ dậy, nhìn một tí ra ngoài đường. Vả xe đi đến cầu, bánh lăn trên gỗ, kêu lùng ùng, lùng ùng, như báo hiệu, thì có là tài thánh cũng không giấu nổi tai mắt tinh quái của người làm việc quan thạo đời.

Sự tự động lỏng lẻo kỷ luật canh gác tự nhiên đẻ ra những hiện tượng khá kỳ quặc. Nhiều chuyến xe tay kéo đến đó, dừng lại, đợi lính kiểm soát. Nhưng chờ mãi, chẳng thấy ai, thì người phu xe tự tay nhấc cái ngáng ra để đi qua. Nếu người nào biết trọng nguyên tắc, nhưng lại sợ chờ lâu, mất thì giờ, mời họ ra, thì người ấy còn bị họ "cô xoong xà-lù", cho là làm họ mất thì giờ, vì kéo người quen, thì cứ việc mà đi qua, chứ can gì mà phải trình với chả trọt.

Việc thiết quân luật như vậy, có thể gọi là lỏng lẻo đấy. Nhưng đó là thuộc về ban ngày. Sáng rõ mồn một, ai

là người tình nghi mà có thể đi lén lút trước mặt lính của nhà nước được. Còn ban đêm, ban đêm thì sự canh phòng thật thà là nghiêm ngặt hơn. Muốn tiện cho cả đôi bên, bọn lính treo lủng lẳng ở cành bàng một chiếc mõ gỗ, đẽo hình con cá, mượn của điếm xóm sở tại. Ai đi qua, thì móc lấy cái dùi ở trong lòng mõ, đánh một tiếng *cốc*. Nghe thấy hiệu báo, lính ở trong miếu đi ra. Hỏi han, khám xét xong, muốn cho đi, họ đánh hai tiếng *cốc cốc*. Không nói năng chuyện trò với người bị khám là phép của nhà binh. Những tiếng mõ ròn tan, kêu vang lên trong đêm khuya yên tĩnh, nghe thật là nghiêm trang một cách dứt khoát.

Nhưng rồi hiệu lệnh này tự nó biến đổi giản tiện hơn.

Khi có một tiếng mõ báo ở ngoài đường, thì tự người đánh mõ ấy nói lên một tiếng *tôi*, y như để đáp người hỏi *ai* vậy. Tức thì, ở trong miếu, có hai tiếng *bộp bộp* của chiếc guốc nện vào thân cái cột mục, như tiếng nói của người sổ mũi. Thế là dù là ai cũng cứ đi qua như thường!

Nhưng về sau, việc khám xét ban đêm lại biến đổi cho giản tiện hơn nữa. Ai đến đầu cầu, nếu có thì giờ, hoặc buồn tay, hoặc còn trọng phép, thì đánh mõ báo. Việc đánh mõ báo hoàn toàn do tự nguyện tự giác. Nếu không, thì cứ lẳng lặng bước qua cái ngáng cầu, đã nằm rơi xuống mặt đất, mà đi. Càng đỡ phiền. Nhưng đã tự nguyện tự giác báo bằng tiếng *cốc*, thì sau tiếng mõ ấy, tự người ấy nói ngay: *tôi*, rồi lại tự nguyện tự giác đánh luôn hai tiếng *cốc! cốc!* để cho phép mình đi. Bốn tiếng *cốc tôi cốc cốc* nhiều lúc đi liền với nhau rất nhanh, y như để khôi hài.

Nếu không tự tay mình đánh *cốc cốc*, mà cứ chờ cho được hai tiếng *bộp bộp* sổ mũi, thì có thể là đến sáng.

Thường thường, sau những ngày "túc-xê la sôn" [1], thì ở trong miếu, bọn người đánh nhau thuê cho đế quốc với bọn dân ăn chơi trong làng cùng rút bấc, hoặc mở canh xóc đĩa để sát phạt nhau, cười, nói, cãi cọ, văng tục văng rác toang toang; nói dại, giá có súng nổ ngay cạnh, cũng không ai nghe tiếng.

Vào khoảng những ngày không tổ chức những cuộc đen đỏ, thì, nếu cao hứng, cả năm thầy quyền rủ nhau, mỗi thầy một ngả, đi "*rỏn*" khắp làng để ghẹo gái, hứa mù-soa lụa, thắt lưng sồi, đọc những câu văn *Người đâu gặp gỡ làm chi*. Những tối túi đã sạch như chùi, thì buồn thỉu buồn thiu, ngay từ lúc nhá nhem, mỗi thầy đã thủ dinh một xó, phanh áo bụng ra để đánh trống cơm, nghêu ngao câu hát chèo, hoặc văn minh hơn, huýt bài kèn "La-mác". Rồi một lát sau, cả mấy người cùng lăn quay ra ngủ khì, ngáy rất hồn nhiên.

Làng Văn Chương sở dĩ bị đặt dưới chế độ kiểm soát đặc biệt như vậy, vì làng ấy xưa nay có tiếng là một làng "phản đối". Cây đề và cây liễu, trồng ở sân văn chỉ, đánh dấu bước ngoặt về lịch sử tư tưởng của làng, đồng thời, nhắc nhở một ý chí mới. Người lạ qua đây, thấy hai cây ấy mọc đối nhau, thì không khỏi không lấy làm lạ, tại sao làng văn vật này lại đặt ngay ở trước chỗ thờ tiên liệt văn thân một đôi câu đối mà hai vế không chọi nhau. Nhưng đó không phải vấn đề văn nghệ, mà là vấn đề chính trị.

Nguyên là từ ngày xưa, ở chỗ trồng cây đề là cây thông, ở chỗ trồng cây liễu là cây mít. Thông tượng trưng cho sự học vấn, sự thông thái. Mít là tượng trưng cho sự dốt nát, sự mít tịt. Muốn khuyến khích con em cố gắng dùi mài kinh sử nơi sân Trình cửa Khổng, để đỗ đạt, làm rạng

[1] Lĩnh lương

rõ cho làng mạc, tổ tiên, các cụ chăm chút cây thông cho cành lá xum xuê. Còn cây mít thì để mặc cho nó cằn cỗi. Một dị đoan riêng của làng Văn Chương, là không ăn mít. Ăn vào, sợ khiếu bị lấp, học không thông. Bởi có truyền thống đèn sách, nên trong làng, không mấy đời không có người đỗ đại khoa.

Nhưng từ ngày Tây sang, thì ở làng Văn Chương, sự học hành bỗng sa sút hẳn. Thời thế đổi thay, làm người ta chán nản. Cụ bảng Năng theo Đông kinh nghĩa thục, chết trong đề lao. Con cháu và học trò cụ bị bắt bớ lung tung. Chuyện chưa nguôi, thì năm ông Đề Thám bắt đầu nổi lên ở Yên Thế, người trưởng tràng cụ bảng là ông Liễu đi theo. Ông Liễu chiêu mộ được một ít thủ hạ, tự xưng là đề đốc, đến hợp lực với ông Thám. Nhưng đánh giặc được bốn tháng, thì ông bị một tên đầy tớ làm phản. Nó bắt ông, nộp cho kẻ thù. Ông bị đóng cũi, giải sang Hà Nội. Nhưng trong khi đi đường, ông không ngớt chửi quân cướp nước và quân bán nước, rồi cắn lưỡi tự tử.

Muốn triệt hạ tinh thần nhân dân Văn Chương, thực dân đem quân về triệt hạ làng. Muốn cắt đứt dòng máu yêu nước trong gia đình ông Liễu, chúng bắt bà Liễu và ba con còn bé, sang ở bên Pháp.

Làng Văn Chương bị đốt. Cây thông và cây mít trước văn chỉ bị cháy trụi. Nhưng cây liễu nhỏ, mọc cạnh hậu cung đình làng, chỉ sém có lá. Còn nhựa, nên đến mùa xuân năm sau, nó lại nẩy chồi. Thấy loại cây yếu ớt mà lửa của thực dân không thiêu huỷ nổi, cây ấy lại là cây liễu, tên của con người bất khuất đến cùng, con cả cụ bảng Năng đánh nó lên, rước nó, trồng ở bồn cây mít trước văn chỉ. Còn chỗ cây thông, không biết người nào trong làng đã bật gốc đi, và thay vào bằng cây đề. Cây đề và cây liễu

mọc song song. Tên ông đề Liễu và ý chí của ông vì thế sống mãi trong lòng người làng Văn Chương.

Về sau, trong những năm đòi trả tự do cho ông Phan Bội Châu và để trở ông Phan Chu Trinh, làng Văn Chương có mấy thanh niên hoặc ở Hà Nội và Hải Phòng bị nhà trường đuổi, vì can vào những vụ biểu tình và bãi khoá. Họ về ở làng, cổ động các bạn hữu tập thể dục, đánh quyền, đánh gậy. Sách báo nào bị cấm cũng lọt được đến tay họ. Muốn làm rắc rối cho những người có tên trong sổ đen, và muốn cản trở công việc làm ăn của họ, bọn cầm quyền nay về làng khám nhà, mai gọi họ đến công môn để hỏi han, doạ nạt. Kết cục là có ba người, trong số đó, một người là con út cụ bảng Năng, đi biệt tích. Đồn rằng họ trốn sang Quảng Đông, học trường võ bị Hoàng Phố. Một chị phụ nữ, tên là Tâm, cháu gọi ông đề Liễu là cậu ruột, đã đứng tuổi, mà ai hỏi cũng chả chịu lấy. Chị ta nay đi Hà Nội, mai đi Hải Phòng, nói là buôn bán. Nhưng người làng thừa hiểu là chị nói dối. Chị làm gì có đồng vốn nào. Thế mà còn với ai cũng chuyện trò. Không khéo thì hư rồi. Có người nghi dễ thường chị có mang, đi luôn như thế để đẻ cho kín. Nhưng đánh đùng nghe tin chị bị mật thám Hà Nội bắt, người làng mới ngã ngửa ra là chị Tâm làm chính trị.

Trong số những người bị tình nghi, thì sau những năm xảy ra lắm chuyện, còn có anh Na, anh Thụ, anh Tụng không hoạt động gì nữa. Anh Thụ, anh Tụng đi Hải Phòng, kiếm việc làm để sinh nhai. Anh Na nằm nhà, im lìm, không nhóc nhách gì cả. Chẳng hiểu thoái chí đến mức nào, anh làm đơn xin chân hương sư dạy học ở trường làng. Nhưng đơn anh không được chấp nhận. Rồi có tin tung ra là anh muốn ứng cử lý trưởng thay lý Quyên. Thấy những người "có đầu óc" nay muốn "cải tà quy chính", bọn

cầm quyền mừng thầm là đã triệt nổi tinh thần cách mạng ở quê hương cụ bảng Năng và ông đề Liễu. Chúng đương hí hửng, thì bỗng ở Hải Phòng, anh Thụ và anh Tụng bị bắt. Hai tháng sau, anh Na cũng sa vào lưới của quân thù. Anh Thụ bị án một năm, anh Tụng sáu tháng, giam ở Hải Phòng. Còn anh Na bị mười năm, đày đi Sơn La, rồi ra Côn Lôn. Sau ngày mãn hạn tù, anh Thụ và anh Tụng ở làng một ít lâu, rồi lấy vợ có vốn, mở chung một hiệu bán sách báo, lấy tên là Bình dân, ở trên tỉnh. Anh Na ở Côn Đảo hơn một năm, thì bên Pháp, chính phủ Bình dân lên cầm quyền. Anh được trả lại tự do.

Anh Na bị bắt và bị án nặng, người làng mới hiểu về anh. Thì ra anh đã khéo bịt mắt bọn mật thám. Chứ đời nào anh chịu làm hương sư ăn nhờ đế quốc, huống hồ ứng cử lý trưởng, làm kiếp tay sai. Sau mới vỡ ra rằng, trong thời gian ấy, chẳng biết anh hoạt động những gì, nhưng trong nhà anh, vẫn có một số người bí mật đi về, nghe đâu làm truyền đơn.

Từ ngày đi tù về, thì anh Na ở làng. Chế độ lao tù khắc nghiệt ở Côn Đảo bắt anh phải mang nhiều bệnh tai hại. Mấy lần anh bị phạt xay lúa trong hầm tối và bụi, mắt anh đau nặng, nay mờ đi. Bệnh tim thỉnh thoảng lại lên cơn, làm anh đau chết ngất. Thời tiết sắp thay đổi, mình mẩy anh đau như dần. Bởi luôn luôn ốm yếu, lắm lúc anh bực với thân. Vì làng không có trường học, anh nhận dạy bốn đứa cháu, vừa để giúp bốn người em họ nghèo, vừa để có việc cho vui. Đấy là con anh Nhã, em con nhà chú, anh Xích, em con nhà cô, anh Bàng và Lung, hai anh em đồng hao của anh.. Bốn người này đối với anh đều rất thân. Trong thời gian anh đi tù, họ vẫn đến thăm gia đình anh. Thỉnh thoảng gia đình gặp khó khăn, họ giúp đỡ rất tự nhiên, không rụt dè, e ngại.

Trước kia, làng Văn Chương cũng có trường sơ đẳng. Trẻ con các xóm đi học rất đông vui. Vài năm sau, trường ấy xin thêm được một thầy giáo nữa. Muốn khuyến khích con em theo được gót ông cha ngày xưa, cụ ký Lung đứng ra xin phép quyên tiền, chữa văn chỉ thành trường học ba gian ba lớp. Trường mới làm xong, làng xin thêm được thầy giáo nữa để dạy đến cấp tiểu học. Phong trào đi học đương rầm rộ, và chính năm ấy anh Na giả vờ xin hương sư, thì xảy ra việc trong làng có nhiều người bị bắt. Thế là tự nhiên, trường tiểu học Văn Chương bị bãi. Ba thầy giáo đổi đi mạn ngược. Trường ấy chỉ còn một lớp sơ học như cũ, nhưng lại di chuyển đến tận cuối tổng.

-Đất làng ta không hợp với chữ Tây.

-Các cụ ăn hết cả lộc của con cháu.

Trong làng nói với nhau như thế. Bởi vì người ta thấy nền tân học thiết lập bao nhiêu năm ở nước ta rồi, làng khác, có những con em đỗ đến cao đẳng, làm nên đến chức nọ chức kia, thế mà làng Văn Chương có tiếng là văn vật, mà cứ lẹt bẹt mãi. Nhiều cha anh thắt lưng buộc bụng, dành dụm tiền nong, cố lo cho con em có lương ăn học, nhưng chỉ được đến nửa chừng thì đuối sức, đành cho trẻ phá ngang hoặc xoay nghề, đi kiếm ăn ở những tỉnh xa.

Anh Na giảng cho người làng rõ âm mưu ngu dân thâm độc của bọn thống trị, chúng triệt để thi hành ở những làng mà chúng cho là nguy hiểm. Anh khuyên người biết phải nhận nhiệm vụ bảo ban những người chưa biết.

Song, anh dạy học, mà người làng không coi anh như một thầy giáo dạy tư. Gặp một khó khăn to hay nhỏ, đối với nhau, đối với chức sự trong làng, hay đối với quan nha trên huyện, họ đều muốn được ý kiến của anh. Những

người nhát gan, không dám đến thẳng với anh, thì nhắn mẹ anh, vợ anh nói chuyện hộ. Những người mạnh dạn hơn, như ông quyền Lạc, trước kia đi lính mộ sang Pháp trong Đại chiến thứ nhất, ông Thái, trong họ nhà anh Tụng, anh Phùng, cháu nội cụ bảng Năng, anh Ban, con cụ tú Hoài, em họ chị Tâm, cùng bốn người con gửi anh dạy, họ thích gặp anh, nhưng anh cũng giữ gìn cho họ cẩn thận. Anh khuyên họ nên che mắt bọn chức trách hay xoi mói, có đến với anh, thì hãy chờ lúc em anh, là anh Lê, làm hương sư ở làng Hạ, có mặt ở nhà. Ông quyền Lạc đã lập được hội tương tế, anh Lê, hội bài trừ hủ tục, anh Phùng, hội dạy quốc ngữ, anh Nhã lập lại hội thể dục đã tan từ mấy năm nay. Hội viên của những hội này luôn luôn được nghe đọc sách báo.

Vì làng có nhiều người giác ngộ lại đạn cửa quyền, cho nên làm việc quan ở làng này, chẳng xơ múi gì. Ở làng khác, người ta tranh nhau làm lý trưởng, dù có mất mấy đi chăng nữa, thì chỉ một vụ thuế cũng kéo hoà vốn. Thế mà ở Văn Chương, có ai chịu ra làm việc đâu. Chức lý trưởng là chức béo bở nhất, thì lại không ai thiết, đến nỗi nó về tay người đụt nhất làng, là Nguyễn Sinh.

Làm lý trưởng, muốn hợp lệ, phải có gia sản tương đương với mức thuế thu được của làng, và phải biết chữ quốc ngữ. Nhưng Sinh không có cả hai điều kiện ấy. Song, vì tên tri huyện trước ép và hứa giúp, lại được nhiều người đế vào, nên hắn đầu đơn ứng cử. Hắn chỉ có hơn một mẫu ruộng tr. Người em con nhà cậu với vợ hắn cho mượn một mẫu. Người con rể chú dượng hắn cho mượn hai mẫu phụ canh ở làng khác. Có thêm ba mẫu của những người họ xa tít mù tắp ấy, những ruộng ăn rơm ấy lại được khai thặng lên là nhất đẳng điền, và nâng giá cao lên, hắn mới đủ gia sản hợp lệ. Khi hầu bán xong xuôi, hắn lên tỉnh để sát

hạch, thì hắn đã khấn ông phán Tuân ở dinh cụ Tuần hai chục bạc rồi. Thế là chu. Ông phán cho hắn viết lậu chính tả bằng cách bảo anh nho viết sẵn một câu bằng mực bút chì lên tờ giấy, để hắn dạm lại bằng bút mực. Có chứng cớ hắn viết được là đủ. Còn hắn đọc được hay không, thì khẩu thiệt vô bằng, ai biết đấy là đâu. Hắn chỉ phải đãi thêm cho anh nho có ba đồng nữa, là chẳng còn ai phát giác là hắn không thông thạo quốc ngữ.

Từ ngày làm việc, thì nội những tờ sức, tờ bẩm, hắn sai con trai, tên là Nhàn, đọc hộ và viết hộ. Và cũng ký hộ. Nếu có phải làm những bản khai khó khăn, như khoản Điền hòa trong Nguyệt để chẳng hạn, thì hắn phó mặc cho bác nho Bái trên huyện giúp hộ. Bác nho xem những tờ trình của làng khác, rồi liệu thay đổi con số cho làng Văn Chương. Ví dụ tháng ấy, làng đã cấy được bao nhiêu, thừa thiếu bao nhiêu mạ, lúa má bao nhiêu mẫu tốt, bao nhiêu mẫu xấu, vân vân, thôi thì bác nho Bái làm tuốt. Sáng tác xong khoản Điền hòa cho làng Văn Chương, bác nhắn hắn lên huyện để ký tên vào Nguyệt để. Thường thì những việc không quan hệ ấy, lý Sinh sai con trai mang đồng triện đi, và đưa bác nho một đồng bạc. Chứ hắn không đi. Sở dĩ hắn có thể liều được như thế, vì bác nho cho biết đây là khai lấy lệ, chứ ai hơi đâu mà xem. Nhận được Nguyệt để các làng trình, quan huyện đưa dần dần cho thầy thông sự Hảo. Thầy thông xếp vào một tập, đợi cho đủ, rồi đưa bác Bái cộng con số của các làng, để làm tờ khai chung cho toàn hạt. Nhiều lúc, phải làm tính cộng dài, bác ngại, thì cứ bịa ra một con số thành tương đối hợp lý, rồi xin chữ ký của quan. Quan chẳng xem, cứ nhắm mắt ký vào đánh toẹt. Bác đóng kiềm đỏ loè. Thế là gửi lên tỉnh. Bác nho Bái lại nói rằng không biết bản Nguyệt để của huyện bẩm tỉnh, cụ tuần có đọc hay không, hay lại giao cho một ông thông

phán nào đó cất vào tủ. Và nếu có phải làm Nguyệt để toàn tỉnh, thì hẳn bác nho của ông phán ấy cũng ngại làm những việc mất công mà chẳng được đồng xu nào, nên chắc rằng cũng lại cộng lăng nhăng những con số của các phủ huyện gửi đến, cho xong chuyện. Và rồi cụ tuần cũng cứ ký và chuyển sang toà. Ở đây, chẳng hiểu bản ấy nằm lại trong tủ, hay được lên đến phủ Thống sứ, và được cộng kiệc bằng cách nào.

Lý Sinh đã góp phần vào việc thống kê về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội cho toàn xứ Bắc kỳ là như thế.

Vì làm lý trưởng bằng cách ấy, cho nên lĩnh được bằng về, thì hắn vừa hết xoẳn tiền khao. Thành thử đến tận bây giờ, hắn còn nợ cử tri mỗi người một bữa chén. Hách dịch không nổi với cái dân cứng cổ, hắn biết là bị xui ăn cứt gà. Hắn đành cắn răng chịu cảnh trên đe dưới búa của kiếp đầu chày đít thớt.

***

Đàn ông làng Văn Chương làm ruộng, nhưng phần lớn lại không có ruộng. Họ cấy ruộng công của làng. Một số ít, sở dĩ còn có được tư điền, như lý Sinh chẳng hạn, là vì ruộng của họ vào loại xấu, không bán nổi. Bởi vậy, để thêm cặp vào sinh kế, đàn bà có nghề buôn hàng xén, đi các chợ.

Song, không phải bất cứ người nào đến tuổi cũng được chia công điền, và công điền giúp người nghèo có ruộng

mà cày cấy. Ở đây, người được lĩnh công điền không cứ là người không có ruộng. Được chia công điền, trước hết phải là đàn anh. Bọn đàn anh bao giờ cũng được chiếm trước tiên và giành cho nhau những ruộng tốt nhất, gần nhất và liền khoảnh. Thứ đến họ hàng của họ, hoặc những người tốt lễ, thì được chia lẫn lộn, xấu có tốt có, xa có gần có. Còn cùng đinh, tay nào sừng sỏ, thì được thí cho những thửa lẻ, vừa xấu, vừa xa. Những phần ruộng của bọn đàn anh bao giờ cũng luẩn quẩn trong gia đình nhà họ. Người nào chết, thì năm sau, có người đáo tuế xin cấy thay liền. Thảng hoặc có một người nào thất thế, phải nhả miếng béo bở ra, thì nó lại về một tay nào khác mới lên, chứ không lọt được xuống đến người lép vế. Ngày trước, một mình lão chánh Toản mà nhận đến hai mươi bốn xuất. Lão nhận cho anh em, con cháu lão. Người thì đi vắng hàng bẩy, tám năm không về làng, chỉ hàng năm gửi công sưu về đóng. Người thì chưa đáo tuế, nhưng lão cứ khư khư giữ lấy ruộng của một người trong họ chết đã đến ba, bốn năm, để chia cho người ấy. Thậm chí có người lão bảo là cháu, mà nghe tên, đố ai biết là người nào. Việc chia ruộng công, đáng lẽ ba năm làm lại một lần, thế mà ở Văn Chương, dễ có đến ngót ba mươi năm nay, cứ là nguyên canh một cách bất công và vô lý thế đấy.

Nhưng có một cái mà mấy chục năm nay, ở làng Văn Chương, thượng hạ bằng đẳng. Là, hiện nay khắp làng không còn một ai có nhà ngói để ở. Trừ cái đình có mái còn nguyên bằng ngói, và cái miếu có mái nửa lợp ngói nửa vá rạ, còn thì từ đầu đến cuối làng, chỉ toàn nhà tre lợp rơm. Một điều đáng chú ý là nhà thì một gian hai chái, nhà thì ba gian, nhỉnh hơn một chút, nhưng cái nào cũng dựng trên một cái nền cao, và quá rộng, có bó gạch. Nhà hẹp, thấp và ọp ẹp, đặt trên nền vững chãi, để thừa xung quanh

rất nhiều, trông y như đứa bé ngồi trên lưng con trâu mộng. Ấy thế mà, phía trước, nhà nào cũng có một cái sân, lát toàn bằng gạch Bát Tràng, hạng gạch dày vuông, mỗi bề một gang rưỡi, màu tím hoặc màu gan gà, mà đã lâu không thấy có bán nữa. Song, bây giờ không sân nhà nào còn vuông vắn. Những hàng gạch ở mép, cơ chừng lỏng vữa, hòn vỡ đôi, hòn còn nguyên. Những hòn còn nguyên thì lìa ra xa, hoặc được xếp gọn vào một chồng, rêu phủ như liền vào nhau.

Thế thì cứ nhìn cái nhà với cái nền ấy, cái sân với chồng gạch ấy, người tinh mắt cũng đoán thấy cái lịch sử kinh tế của làng Văn Chương, đi từ chỗ phồn thịnh đến cảnh điêu tàn.

Truyền rằng thời xưa, khi chưa có phương tiện giao thông vận tải bằng máy móc, khoẻ-khoắn và nhanh chóng, sự xê dịch của người và hàng hoá đều phải nhờ đến sức của bắp thịt, thì thuyền bè qua lại đều đỗ ở bến Văn Chương. Cảnh buôn bán trong làng rất sầm uất. Gầm giường nhà nào cũng xếp ít nhất là mười quan tiền xanh. Nhà gỗ, nhà ngói xây trên cái nền cao rộng có vì thế. Sân gạch Bát Tràng tím hoặc gan gà cũng có vì thế.

Nhưng từ ngày giao lưu hàng hoá không dùng đến thuyền, thì người làng Văn Chương không buôn lớn và xa nữa. Dần dần, rút lại, hàng hoá thu hẹp vào trong đôi bồ, gánh đi các chợ gần. Do tiền kiếm khó khăn, mà trong làng không có thêm nhà ngói, sân gạch. Trái lại, nhà ngói sân gạch bị thời gian, mưa nắng phá phách. Rồi đánh đùng một cái, Tây về triệt hạ làng. Nhà gạch không cháy, nhưng chủ nhà bị khảo của đến khánh kiệt. Thế là mái sụt, tường lở không được chữa. Di tích sự giàu có còn trơ lại có cái nền cao và rộng, cùng cái sân gạch rắn và phẳng. Cho nên

để chịu chung nỗi uất ức như người làng, cái nền cao rộng phải đội cái nhà thấp hẹp, không xứng đáng, và cái sân vuông vắn đành cho thời tiết nó làm mòn mất bốn cạnh phẳng phiu. Đến cái hàng rào bảo vệ sự giàu có của gia đình, bây giờ cũng không có tác dụng. Vì không nhà nào còn gì để bảo vệ, nên nó cũng xơ xác, trống hở.

Từ ngày có cụ bảng Năng và ông đề Liễu làm quốc sự, thì làng Văn Chương bị coi như một kẻ có tội. Bọn thống trị phải làm cho nó hèn đi. Muốn nó hèn, phải làm nó ngu. Và muốn nó ngu, phải làm nó chật vật mới sống được, tức là phải làm nó yếu. Cái cầu bắc cho tư tưởng bài Pháp lọt vào đến trong làng, trước kia là nhà nho, bây giờ là học sinh, con em các nhà khá giả, học ở các tỉnh. Tư tưởng ấy bắt vào những con nhà có đủ bát ăn trong làng, rồi tìm những người nghèo khổ làm chỗ đất tốt để đâm chồi nẩy lộc.

Vì vậy, thực dân phải phá vỡ cái cầu ấy đi. Muốn cho người làng phải kiệt quệ về tinh thần, chúng làm cho họ phải kiệt quệ về vật chất. Chúng sách nhiễu làm cho mất thì giờ làm ăn, bằng cách vài tuần lại bắt những nhà có máu mặt đi điểm mục một lượt. Chúng khủng bố, làm cho họ lo lắng, sợ hãi, bằng cách vô cớ, cũng tống giam chơi mấy ngày. Ai hối lộ thì được tha. Ai không hối lộ rồi cũng được tha. Sưu thuế, phu dịch tuy nặng, nhưng không ai dám hé răng. Quan nha, tổng lý nhũng lạm, bọn cường hào bất công, bắt nạt, đè nén con em quá tệ, cũng không ai dám kêu ca. Không ai muốn bị nghi là có dị chí để chịu sự khủng bố mãi mãi. Bởi tiền cứ như đội nón mà đi, nên ruộng phải bán, tư điền ít dần. Một số ruộng không lọt ra đến làng khác, là do được các hội, các phường, các họ mua lại, thành ruộng công. Nhưng ruộng công cũng không được yên. Nhiều phần công điền vô phúc vào nhà những người

cần tiền thì nó cũng bị đợ, để người vay phải nai lưng ra mà kéo cày trả nợ.

Thiên nhiên cũng đứng về phe với địch để làm hại làng Văn Chương. Năm 1926, nước sông Hồng lên cao bất ngờ. Thực dân sợ Hà Nội bị lụt, nhưng không kịp mở cống ở Vĩnh Yên, bèn đánh mìn khúc đê bên Gia Lâm, làm vỡ đi, cho nước có lối thoát. Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Phúc Yên, v.v... mênh mông như biển cả. Năm sau, một cây to mọc trên đê bị chết đã lâu, rễ mục trong thân đê, làm cho đê bị yếu. Nước bục vào. Chỗ vỡ cũng lại là đê sông Hồng thuộc hạt Gia Lâm. Rồi những năm sau, 1928, 1929, lụt cũng có, bão cũng có. Rồi đến những năm sau nữa, lụt, bão, sâu, úng, hạn, khổ ải ngút tới trời.

Để tránh thiên tai và nhân hoạ, người làng Văn Chương tìm con đường thoát. Một số người bỏ làng ra đi thiên hạ, tưởng rằng không còn đâu có những hoạn nạn như làng mình. Một số người không muốn rời chỗ chôn rau cắt rốn, thì cố ngoi lên để khỏi bị bắt nạt đè nén, rồi để bắt nạt đè nén người khác. Họ tranh nhau vị thứ, đánh nhau, kiện nhau để ăn trên ngồi trốc. Nhưng một số người cần cù làm ăn, cố duy trì tục lệ ngàn xưa, và để đương đầu với những món tiêu pha bất thình lình, họ vào những hội, những phường, những họ. Các cụ đến 50 tuổi thì vào hội Kỳ anh. Những người có nghề, như nghề hoạn lợn, nghề hát chèo, thì vào phường hoạn lợn, phường hát chèo với người cùng nghề trong vùng. Những người ít tiền thì lập họ, mỗi tháng đóng chút ít vào họ cơm, họ thịt, hoặc họ rượu. Có hội, có phường, có họ, người ta mới có thể nói đến chuyện vào nóc ở trong làng, như nóc làng, nóc giáp, nóc trạ, nóc tư văn, nóc các cụ, v.v... Có ở nhiều nóc, thì, nói đổ xuống sông xuống biển, trong nhà có ông già bà cả nằm xuống, mới có nhiều người chạy đến, giúp đáp, và có

cái mà trả nợ miệng.

Một mặt, những hội, phường, họ, nống cho cái tệ hương ẩm, nhưng một mặt, nó cũng thành ra thói quen tốt cho làng Văn Chương, là có ý thức về tập thể, về tương trợ. Bởi vậy, mấy năm bình dân, ở Văn Chương, nhiều kiểu hội mới được thành lập. Ngoài sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, các hội viên còn được nghe đọc báo, đọc sách để nhìn mình mà suy nghĩ, biết mình khổ vì đâu, và muốn thoát khổ thì làm thế nào. Họ hiểu rằng trước hết phải sống. Sống nghĩa là phải được yên ổn mà làm ăn. Và muốn được yên ổn làm ăn, phải chống chế độ bất công, chống áp bức bóc lột.

***

Anh Na nằm trên phản, ghé mắt vào ngọn đèn hoa kỳ, đương mải mê đọc cuốn *Vấn đề dân cày*. Bỗng cụ Na ở trong buồng nói ra:

-Này, nghe như có tiếng ai gọi ở ngoài ngõ.

Chị Na ngừng tay sàng gạo, tặc lưỡi:

-Lại thằng Lựu được nghỉ học ở trường về, nó gọi nghịch đấy chứ ai.

Rồi chị quay ra phía cổng, mỉm cười, nói bằng giọng âu yếm, như để mắng đùa con:

-Thằng chó! Tưởng người ta phải lừa mãi. Quen mui! Bà đương mắng cho đấy.

Nhưng anh Na lắng tai, hơi ngạc nhiên:

-Không phải nó. Tiếng gọi tôi. Mà hình như không gọi to.

Lối gọi bất thường như vậy làm cụ Na như gà phải cáo, nên chột dạ, cụ giục con:

-Bố nó chạy ra xem. Hay lại việc gì thế? Đêm hôm rồi.

Chị Na cũng ngờ ngợ, nhìn chồng:

-Phải, tiếng gọi lạ lắm. Nếu quen thì đã cốc tôi cốc cốc.

Anh Na ngồi dậy, gấp đôi cuốn sách bị cấm lại, gài trong cạp quần, phía trước bụng, rồi đứng lên. Tuy óc anh hơi bận rộn, nhưng nghe chị nói, anh cũng phải mỉm cười.

Là vì ở làng Văn Chương, ít lâu nay, người ta mới phổ biến một lối chào nhau mới. Đến nhà nhau, người ta không gọi cổng, mà cứ lừng lững vào, đến sân, mới đánh tiếng bằng bốn tiếng *cốc tôi cốc cốc*. Thế là cả khách lẫn chủ nhìn nhau và cười khoái trá. Bất cứ vào trường hợp nào, cách chế nhạo hóm hỉnh lối canh phòng cộng sản này cũng gợi cho người ta phải nhếch mép.

Anh Na ra đến cổng. Trong bóng tối, anh cố nhận rõ xem người đứng chờ ở đó là ai. Bỗng anh ôm chặt lấy lưng người ấy, hôn lấy hôn để vào má:

-Ối giời ôi! Mày!

Cả hai cùng cười rúc rích. Không chịu nổi nỗi mừng rỡ bất ngờ, anh Na đưa bạn vào, vừa thì thầm dồn dập:

-Đi đâu mà qua đây? Tao nghe nói mày thoát ly từ lâu rồi kia mà? Làm thế nào vào được đây? Có tin gì mới không?

Người bạn bấm vào vai và ghé vào tai anh:

-Bí mật! Nhưng cứ tự nhiên như thường. Không có tin thì cần gì gặp mày. Thế mày? Cái gì lạ không?

-Khối. Ở đây đến bao giờ?

-Cả đêm nay.

Anh lại ôm ghì lấy bạn:

-Thế thì vui quá!

Lên bậc hè, người bạn tuy chưa nhìn rõ những ai, nhưng chào to từng người, như thể anh ta vẫn thường đi lại quen thuộc vậy:

-Chào bà! Chào chị Na! Chào chú Lê! Chào cháu Lựu! Chào cháu bé!

Anh Na muốn cho vợ cũng mừng rỡ ngay, vội vàng nói:

-Anh Thịnh đấy mà.

Quả nhiên chị Na hết ngay ngơ ngác. Chị reo lên:

-À! Anh! Chào anh! Thế mà tôi chưa nhận ra.

Anh Thịnh bấy giờ mới nhìn xung quanh. Thấy trong nhà không còn ai, anh hỏi:

-Bà đâu? Bọn chú cháu nó đâu?

Cụ Na ở trong buồng đi ra. Cụ biết đây là một người bạn thân của con. Cụ nói:

-Tôi đây. Thịnh nào đấy?

Anh Thịnh chạy đến gần, ôm lấy cánh tay cụ:

-Bà nhìn kỹ đi. Đố bà biết con là đứa nào đấy.

Anh Na giơ ngọn đèn đến trước mặt bạn. Cụ Na xoè bàn tay để ngăn ánh sáng khỏi làm chói đôi mắt cập kèm, vừa tủm tỉm, vừa lắc đầu:

-Chưa nhận ra ai. Nhưng nghe tiếng thì quen đáo để.

Cụ nhìn một lát nữa, rồi bỗng toét miệng cười, gật gật, nói:

-À, răng mọc lẫy. Tôi nhận ra rồi. Nhưng quên tên.

Chị Na không muốn mẹ chồng phải nghĩ lâu, nhắc:

-Anh Thịnh đấy, bà ạ.

Anh Thịnh đã nhìn rõ những nét nhăn nheo trên mặt cụ. Anh nói to như để giấu kín nỗi buồn thoáng hiện trong đầu anh.

-Gọi là Thịnh thì bà chả biết là đứa nào đâu.

Rồi anh hạ giọng:

-Con là thằng Hai ngày trước đây, mẹ ạ.

Bà cụ sực nghĩ ra:

-À, phải rồi. Hai. Anh Hai.

Cả đoạn thời gian con người kín đáo này ở nhà cụ, vụt diễn ra trong trí nhớ của cụ. Nhưng hình như sức già nua của cụ không chứa đựng xuể nỗi mừng, nỗi thương to lớn nó đến dồn dập và bất thình lình. Cụ ứa nước mắt, cuống quít xoa đầu, sờ vai anh Hai, như âu yếm đứa con nhỏ. Rồi nghẹn ngào, cụ nói:

-Vẫn còn sống thật đây mà! Trước tôi nghe đồn anh chết ở ngoài Côn-lôn rồi. Tôi cứ thương mãi.

Anh Na cười:

-Hai ấy là Hai khác, bà ạ.

Anh Thịnh kéo cụ ngồi xuống phản:

-Chứ Hai này còn phải sống.

Cụ Na nắm bàn tay anh:

-Ừ, thế thì mừng.

Anh Thịnh nhìn xung quanh trong gian nhà: cái phản, bàn thờ, bức giấy đỏ viết chữ *Đức Lưu Quang*. Anh đứng dậy, cầm đèn soi vào hai chái bên. Cả nhà đương chưa hiểu anh muốn gì, thì bỗng anh tủm tỉm:

-Bao nhiêu năm mà vẫn như cũ. Nhà con chả được như thế này.

Nghe đến câu ấy, cụ Na ngẩn ngơ, hỏi:

-Này, anh Hai. Tôi hỏi khí không phải, anh là người đâu ta nhỉ? Ngày trước, giá có hỏi, anh cũng chả nói thực.

Anh Thịnh cười:

-Bây giờ thì giấu bà làm gì. Con quê bên Vạc, bà ạ.

Thấy bạn nói dối, anh Na tủm tỉm một mình. Nhưng cụ Na tin là thật:

-Thế à? Hai cụ khoẻ mạnh cả chứ?

-Vâng.

-Quý hoá quá. Mấy cháu rồi?

-Để chốc nữa con nói.

Im lặng một lát, cụ lại hỏi:

-Tôi hỏi một câu khí lẩn thẩn. Thế tên thật anh là Hai hay là Thịnh?

Anh Thịnh cười:

-Tên nào cũng là tên thật.

Cụ mỉm cười:

-Chuyện!

Rồi ghé lại gần anh Thịnh, cụ thân mật hỏi khẽ:

-Từ ngày về thì làm gì? Có đủ ăn không?

-Thường thôi, bà ạ.

Bống cụ sực nghĩ ra, hỏi:

-Này, ăn cơm chưa nhỉ?

Chị Na ở bếp nói ra:

-Con đã lấy gạo rồi, bà ạ.

Anh Thịnh xua tay:

-Thôi chị ạ. Tôi ăn quà no rồi. Đến đây thăm mẹ, thấy nhà cửa nguyên vẹn, mẹ mạnh khoẻ, là mừng rồi. Cần gì ăn thêm.

Cụ Na trách:

-Đến đây mà lại ăn quà à? Trước thế nào sau vẫn thế chứ? Càng mừng thì càng phải ăn.

Anh Na, từ nãy bận rót dầu vào cây đèn to. Bây giờ đã lau thông phong xong, anh thắp lên, đặt ở giữa phản. Cụ Na lại hỏi anh Thịnh:

-Thế nào, nói cho tôi nghe. Đi đâu thế? Sao lại vào được đây?

Cả nhà đều muốn biết điều đó, nên yên lặng để nghe.

-Có gì đâu! Sở mật thám gọi con lên. Tưởng việc gì, chẳng hoá ra là ảnh của con ở trong sổ cái bị nhảy nhấm mất chỗ tai. Nó bắt chụp lại.

Anh Na nhìn anh Thịnh. Hai người hiểu nhau, cùng cười. Cụ Na đương hồi hộp, bỗng nhẹ nhõm. Anh Thịnh tiếp:

-Nhưng chẳng lẽ chỉ gọi đến để chụp ảnh thì nhạt. Thằng chánh mật thám Phu-tít lại phải thêm mắm muối rẻ tiền bằng bài luân lý trung thành với nhà nước, bà ạ.

Anh Na pha trò:

-Thế là mắm, chứ lại mắm muối!

Cụ Na nhổ bãi quết trầu để chửi cho rõ:

-Cha con đẻ ra mẹ nó! Tưởng việc gì. Làm bà sợ!

Anh Thịnh cười:

-Sợ gì? Thỉnh thoảng họ vẫn làm những việc đầu voi đuôi chuột thế đấy. Tự nhiên được lên tỉnh thì thích, bà ạ.

Chị Na chế xong ấm nước sôi vào bình tích, nói:

-Anh uống nước, rồi ra bể rửa mặt, rửa chân, thì vừa chín cơm.

Anh Na không muốn ngắt câu chuyện đương vui, hỏi:

-Làm thế nào mà mày qua được cầu làng này?

-Nhớ đường. Đi về lối này mãi, còn lạ gì.

Cụ Na thấy anh Thịnh chưa đáp đúng câu hỏi mà mọi người đương tò mò, nên nhắc lại:

-Bố nó muốn hỏi là làm thế nào anh qua được cầu kia mà.

Anh Thịnh vẫn không hiểu, nên pha trò:

-Đi bằng hai chân, chứ làm thế nào.

Anh Na hỏi cho rõ thêm:

-Thế không có lính tráng ra chào hỏi gì à?

Anh Thịnh ngơ ngác:

-Lính nào?

-Có bọn lính gác ở miếu, đặt cái ngáng ở đầu cầu ấy mà.

Anh Thịnh nghĩ một lát, rồi cười ngặt nghẽo:

-Ừ, phải rồi. Thảo nào. Tối quá, tao nhìn không rõ.

Đến đầu cầu bên này, tao vấp phải cây tre, xuýt ngã. Tao tưởng đứa nào tinh nghịch, để cho vướng cẳng người đi đường, nên tao hất nó sang bên cạnh. Không ngờ nó rơi tõm xuống sông mất rồi.

Tiếng cười ròn tan, đến nỗi bác Nùng hàng xóm phải nhắc:

-Nhà bác Na có chuyện gì mà vui thế? Khẽ chứ. Kẻo lời nói có chân đấy. Có cần thì tôi bảo trẻ nó mang lúa ra xay cho.

Chị Na nói to để đáp:

-Không cần đâu, bác ạ.

Rồi chị nói một mình:

-Giờ này còn nhà ai đem lúa ra xay.

Anh Thịnh hỏi:

-Xay để làm gì?

Cụ Na khẽ đáp:

-Bên ấy có cối xay đặt phía ra đường, cạnh bên này. Có lần bên này nói chuyện to quá, bác ta lo hộ, mới bảo con đem lúa ra xay cho ầm lên để ở ngoài đường khỏi nghe rõ.

Yên lặng một lát để nghe ngóng, anh Na lại hỏi nhỏ:

-Thế qua miếu, không ai hỏi à?

-Tao có biết là có lính canh đâu. Thấy im ắng như không ấy. Thế bây giờ làng này lại có lính về gác à?

Anh Na gật đầu:

-Gác bọn mình.

Anh Thịnh trố mắt, rồi lăn ra cười sặc sụa, không nói được câu nào. Cả nhà cùng phải bưng miệng để khúc khích

cho thoả thuê. Bỗng sực nhớ ra, anh Thịnh hỏi:

-Quên! Quà, quà! Đâu cả rồi?

Anh móc túi, sờ soạng để tìm, rồi lấy một gói nhỏ, đưa cụ Na:

-Cái này con mua cho bà.

Cụ Na giơ tay cầm lấy, hỏi:

-Gì thế?

-Thuốc đau mắt.

Cụ cảm động, tay run run, đưa đến gần mắt để nhìn, rồi nói:

-Anh vẫn còn nhớ là tôi đau mắt kia à?

Giọng âu yếm, anh Thịnh đáp:

-Con lại chẳng nhớ bệnh của mẹ hay sao?

-Nhưng bây giờ thuốc này chả chữa nổi. Mắt tôi hỏng rồi. Hỏng từ ngày bố nó với các anh bị bắt. Dạo đầu, tôi khóc lóc nhiều quá, hai mắt sưng húp lên, chẳng trông thấy gì. Xuýt mù.

Anh Thịnh nhìn cụ, chớp luôn mấy cái, lặng đi một lát, rồi cố nói ra dáng thản nhiên:

-Rõ tội! Việc gì mẹ khóc? Chúng con đi, rồi chúng con lại về.

Cụ cười sung sướng:

-Nào ai biết đâu là thế.

Anh Thịnh lấy chiếc gương con và chiếc lược sừng, gọi chị Na đương đun bếp:

-Đây là quà của chị. Ngày trước chị vẫn phải chải đầu bằng năm đầu ngón tay.

Chị Na nhận quà, tủm tỉm cười:

-Anh nhớ lâu quá. Cảm ơn anh.

Anh Na làm như mách tội của vợ:

-Bây giờ cũng vẫn chải đầu bằng ngón tay.

Rồi anh giục anh Thịnh:

-Còn quà của tao?

-Gượm nào.

Nói đoạn, anh Thịnh lấy ra một gói đầy những kẹo bọc giấy các màu:

-Cho cháu Lựu. Nó đâu? Chắc ngủ rồi. Hẳn bây giờ nó lớn, dễ học đến lớp ba rồi.

Chị Na đỡ lấy quà của con, nói:

-Cháu bác đã học đến lớp nhì rồi, bác ạ. Cháu học trường huyện, trọ ở trên ấy, ngày nghỉ mới về.

Anh Thịnh giương tròn đôi mắt:

-Ồ! Nhanh quá nhỉ.

Anh ngẩn mặt ra để nghĩ, rồi gật đầu:

-Ừ nhỉ. Năm nay nó mười bốn.

Cả cụ Na lẫn chị Na nhìn nhau. Cụ Na khen:

-Đúng. Mười bốn. Anh nhớ cả tuổi cháu kia à! Nào, thế còn quà của bố cháu đâu?

-Chưa đến lượt bố cháu. Phải làm việc có trật tự chứ.

Anh lại móc túi, lấy ra cái kèn tí tẹo bằng sắt tây, cho lên miệng thổi toe toe:

-Đây là của em thằng Lựu. Thằng cu hay cái đĩ thế?

Cả nhà ồ lên cười:

-Thằng Lựu chưa có em.

Anh Thịnh ngớ mặt nhìn anh Na, rồi làm như nghiêm chỉnh để mắng:

-Cơm tọi à?

Cả nhà lại cười. Cụ Na giơ tay ra:

-Thôi được. Bác đã cho thì cứ lấy. Thằng Lựu càng chóng có em.

Anh Thịnh lấy ra một quyển sách cũ, đã gần nát:

-Đây là cuốn tiểu sử Lênin, đề là *Lý Ninh*. Chú Lê đâu? Chắc là chú ấy đã đọc nổi những loại sách này rồi.

Chị Na nhận cho em chồng và đáp:

-Chú ấy ngồi hương sư, bảo học ở làng Hạ. Tối nay bận, không về.

Anh Thịnh ngớ mặt:

-Lạ quá nhỉ. Đã là ông giáo rồi kia à? Vợ con gì chưa?

Cụ Na đáp:

-Chưa. Ngoài hai mươi tuổi đầu rồi, cao lộc ngộc, mà bảo lấy ai cũng chả lấy. Anh có chỗ nào, làm mối cho em?

Anh Thịnh nhìn cụ, rồi nói giọng nghịch ngợm:

-Có. Chỉ vị hơn tuổi tí ti thôi.

-Được. Anh cứ mách. Người của anh mách, chắc là tốt. Hơn tuổi thì tôi bảo em cũng được.

Anh Thịnh cười khì khì:

-Người này mới có ba mươi chín tuổi. Đã bỏ sáu đời chồng rồi. Bà muốn lấy làm con dâu bà, thì con bảo người ấy bỏ thêm đời chồng nữa, chắc cũng dễ thôi, chả sao.

Cụ Na đấm thùm thụp vào lưng anh:

-Cái nhà anh phải gió này, đến là vui tính thôi. Lúc nào cũng đùa được. Thế Tây nó bắt, cũng cứ đùa như thế à?

Rồi cụ nhắc chuyện cũ:

-Ngày trước ở đây cũng vậy. Người ta đã phải giấu tận trong buồng, mà lúc nào cũng rúc rích cười. Sợ sợ là. Tưởng là có vợ con thì đứng đắn ra, chả hóa vẫn thế.

Anh Na nhìn bạn, chế:

-Đã có vợ đâu mà có con! Vô duyên thế, có khỉ nó lấy.

Cụ Na cau mặt, có ý thương hại:

-Thế về từ bao giờ mà còn kén chọn mãi? Cụ ông cụ bà không sốt ruột à?

-Ai người ta dám lấy chính trị phạm, hở mẹ? Lấy để nuôi báo cô à?

-Làm gì chả là làm? Báo cô với báo cậu gì!

Anh Thịnh nhìn cụ bằng đôi mắt đầy kính mến:

-Mấy người nghĩ được như bà. Người ta bảo lấy chồng làm chính trị, cầm bằng như ở góa mà thôi.

Chị Na nghe câu nói, có vẻ bất bình, nên nhại lại để đay:

-Như ở góa!

Anh Thịnh nhìn chị, sực nhớ chuyện cũ, bèn nhắc:

-Ngày ấy, tôi suýt khổ với chị. Tôi chỉ sợ chị ghen với chị Tâm. Mất chồng có khác gì ở góa?

Chị Na bẽn lẽn:

-Chứ lại không à? Giá phải là nhân tình thật xem tôi có ghen không? Ai bảo các anh cứ giấu. Không nói thực.

-Nói thực để sở mật thám đánh đòn ghen à? Nó bắt chồng đi tù, thì vợ khác gì ở goá.

Cụ Na thở dài, rồi gật gù:

-Thật đáng khen cái nhà chị Tâm. Cả làng chê cười là lẳng lơ mà cứ chịu. Ai biết đâu nỗi oan thị Kính.

Chị Na đáp:

-Cháu ông để có khác. Thế mới làm được việc.

-Chứ lại hèn như tao với mày ấy, thì cứ là chịu bất nạt suốt đời.

Anh Thịnh sực nhớ lại hình ảnh của cụ trong những tháng anh ở với cụ. Anh nói:

-Bà tưởng bà hèn à? Bà hèn mà dám chứa chấp chúng con. À! Ngày thằng Na bị bắt, con chắc bà chửi con vô số.

-Chửi thế nào?

-Chửi là con dất díu con bà đi cho con bà khổ.

-Khổ thì có khổ. Nhưng tôi không chửi các anh. Đứa nào làm cho các anh khổ, con tôi khổ, tôi khổ, thì tôi chửi.

Anh Thịnh ôm lấy vai cụ.

-Đúng quá. Con chả bao giờ quên được những ngày con ở đây với mẹ. Mẹ trông nom săn sóc chúng con hơn mẹ chúng con ở nhà.

-Chả thế thì thế nào. Tôi già yếu, không làm được. Thấy các anh đi về khó nhọc, tôi cứ thương thương là. Mà quái lạ, anh chị nào đi cộng sản cũng tử tế, chu đáo.

Để biểu đồng tình với mẹ, chị Na nhìn anh Thịnh, nói:

- Lúc nào các anh cũng chu đáo. Anh về đây, mà nghĩ

đến cho quà cả nhà, chả thiếu một ai.

Anh Na đùa:

-Lại thừa là đằng khác. Nhưng mày cứ vờ mải nói chuyện, lờ quà của tao phải không?

Anh Thịnh sực nhớ ra:

-Ừ nhỉ.

Rồi hỏi:

-Thế nào? Lê nó có khá không?

Anh Na gật đầu:

-Khá. Được việc.

Anh Thịnh cởi gói bọc bằng giấy nhật trình, lấy ra một tập sách và báo. Anh Na vồ lấy, rú lên:

-Giời ơi! Thích quá!

Cụ Na thấy con trai mừng rỡ, cũng vui sướng:

-Anh biết ai thiếu cái gì thì cho cái ấy. Tài quá! Thế mà cứ bảo các anh ấy vô tình không thiết gì làng nước, nhà cửa, bà con. Chúng nó mới làm hại làng nước, nhà cửa, bà con chứ, nhỉ, anh nhỉ.

Anh Na mở từng quyển sách và lướt từng tờ báo:

-Những thứ này quý hơn vàng. Ở nhà có một ít sách báo cũ, đọc đi đọc lại mãi cũng chán.

Anh Thịnh nói:

-Cũ ta nhưng mới người. Những sách báo này tao đọc đi đọc lại mãi cũng thấy chán. Nhưng tao chắc là đối với mày thì nó mới. Mai tao về, tao lấy những sách báo cũ của mày. Đối với tao, nó lại là mới.

Anh Na gật đầu:

-Ý kiến hay đấy. Thỉnh thoảng ta nên đổi sách báo cho nhau để đọc. Bọn Thụ, Tụng, một dạo cũng hay gửi sách báo về cho, nhưng rồi tao không muốn lấy không. Mà mua thì mình làm gì có tiền.

Thấy nhắc đến tên hai người chính trị phạm cũ, anh Thịnh hỏi:

-À, thế nào, sao hai thằng ấy ở bển với cái hiệu sách để là Bình dân của chúng nó thế?

Anh Na mỉa mai

-Hiệu sách chỉ có cái tên là Bình dân, chứ còn đâu sách bình dân mà bán! Chúng nó lấy vợ giàu, yên trí nằm dài, giữ tiền hộ vợ rồi!

Anh Thịnh hất hàm:

-Quay à?

-Chưa đến nỗi thế. Chỉ là thoái chí vì vợ có dấn vốn thôi.

-Thế thì còn có cơ hội dạy được. Không làm chó là không khốn nạn.

Nồi cơm vừa chín, chị Na gắp đồ ăn vào đĩa, rồi bưng mâm đặt lên phản. Anh Thịnh vui vẻ, nói với cụ Na:

-Thật là con ăn quà rồi. Nhưng bà với chị cho ăn, mà không ăn, thì bị mắng là làm khách.

Cụ nhắc con dâu:

-Này, hình như còn tí rượu, lấy ra cho anh ấy uống.

Anh Thịnh nhìn chị Na:

-Được rồi. Có gì cứ mang cả ra đây. Anh em chúng tôi cứ ăn, cứ chuyện.

Cụ Na hỏi:

-Dễ từ ngày bố nó ở ngoài ấy về, đến hôm nay, hai người mới lại gặp nhau lâu đấy nhỉ.

-Vâng, cho nên lắm chuyện lắm. Bà đi ngủ đi. Chúng con còn thức. Mai con về sớm đấy nhé.

Cụ Na muốn cho đôi bạn được tự do, chống tay đứng dậy, bảo anh Thịnh:

-Thôi, anh ăn cơm nhé. Tôi đi ngủ đây. Anh đến thăm tôi là cho tôi vàng không bằng. Thấy các anh còn sống, khoẻ mạnh, tôi trẻ lại đến mấy tuổi. Tưởng anh rồi, ở chơi với bố nó vài hôm.

Đi được vài bước, cụ quay lại bảo:

-Sáng mai, cơm nước xong hãy về kẻo đói, anh ạ. Để gà gáy, tôi đánh thức nhà nó dậy thổi. Không sợ muộn đâu.

-Thôi, bà với chị đừng cho ăn gì nữa. Ăn bữa này là đủ no đến trưa mai rồi.

Chị Na cũng đứng dậy:

-Để mai tôi làm cho anh niêu cơm nếp cẩm.

Rồi chị dặn:

-Anh ăn thật thà nhé.

Anh Thịnh cười:

-Ăn bữa cơm đầu tiên đàng hoàng ở nhà này, thì tôi phải thực thà chứ.

Như còn ân hận về mâm cơm thết khách quý mà quá xoàng xĩnh, chị thở dài:

-Chưa gọi được là đàng hoàng. Bao giờ anh ăn han ngày ở đây, trong mâm lại có nhiều thịt, nhiều cá, mới gọi được là đàng hoàng.

Anh Thịnh cảm động. Anh đáp lại bằng giọng đầy tin tưởng của những người có trách nhiệm tạo ra tương lai:

-Rồi dần dần cũng phải được như thế, chị ạ.

***

Anh Na và anh Thịnh nằm chung một giường, nói chuyện khẽ. Anh Thịnh hỏi:

-Mày cho tao biết tình hình quần chúng ở đây?

Anh Na đáp:

-Không hiểu bên mày thế nào, chứ bên tao, khá gọi là bi quan. Tao về, hoạt động được ít lâu, thì sở mật thám tỉnh khủng bố, bắt bớ lung tung. Nhưng không hiểu hương lý và tri huyện khai báo ra sao, mà nó toàn bắt vu vơ.

Anh Thịnh cười:

-Mày cho là vu vơ, nhưng chúng nó cho là đúng. Đúng những người có máu mặt để chúng nó khảo của.

Anh Na cũng cười:

-Ý thế. Cho nên cuối cùng thằng Phu-tít không động chạm đến tao, lại tôm thằng Thụ, thằng Tụng ở trên tỉnh. Tao chắc nó bắt nọn là những người các hội đã khai đứa cầm đầu. Thế là tao yên trí rồi nó tha cho tất cả. Quả nhiên, vì không có chứng cớ, hoặc đã móc được tiền, cả bọn dần dần được về. Nhưng từ ngày ấy, thằng công sứ cho lính đóng ở làng, thằng tri huyện lại luôn luôn về dọa dẫm, những nhiễu. Anh em làng này như gà phải cáo, không hoạt động nữa.

-Gay nhỉ!

-Thật đáng tiếc! Nhất là hội Tương tế, lúc đầu có ba người, sau được tín nhiệm, lên đến ngót hai chục. Phong trào còn có cơ phát triển, thế mà bị tan rã. Đương lúc quần chúng mất tinh thần, mà tao thì ốm yếu luôn, tao đành chờ cơ hội khác thuận tiện hơn vậy.

Anh Thịnh ngồi nhổm dậy:

-Quần chúng mất tinh thần là nói chung. Chứ nói riêng, cũng còn nhiều người tốt chứ. Hồi mới đầu, tao cũng nghĩ như mày, là chờ cơ hội thuận tiện. Nhưng nghiêm khắc mà nói, thì là chúng mình quá nhút nhát. Có lẽ là sợ tù tội. Chúng mình là những người hy sinh. Chúng mình chỉ nên hết sức tránh tù tội để được rộng cẳng mà hoạt động. Còn như cơ hội có thuận tiện hay không, là do mình tạo ra. Nếu mình cứ ngồi ỳ, thì không bao giờ cơ hội đến. Nghĩa là mình phải tạo ra cơ hội và nắm lấy cơ hội, để làm chủ cơ hội. Nếu cơ hội không ở trong tay mình, thì tất nó về tay địch. Phải nhớ đây là một cuộc đấu tranh quyết liệt, một bên sống thì một bên phải chết. Mình phải sống. Chúng nó phải chết. Muốn sống, phải giành lấy từng ngày, giành lấy từng người. Mà giành được, thì cơ hội thuận tiện về mình.

Anh Thịnh hút xong điếu thuốc, vặn nhỏ ngọn đèn, rồi lại nằm. Anh Na yên lặng một lát để suy nghĩ. Bất thình lình, anh đập mạnh vào đùi anh Thịnh, rồi vui sướng, nói:

-Mày nói đúng quá! Những lúc bị bệnh tật nó dày vò, tao cứ bực dọc, chán nản, không biết nên hoạt động hay nên chờ. Thì té ra là tao chờ cho Tây cút hết về nước rồi mới bắt đầu hoạt động. Bởi vì lúc ấy, cơ hội mới thuận tiện!

Hai anh em cùng cười. Anh Na tiếp:

-May gặp mày hôm nay, tao mới thấy là tao sai. Mấy tháng nay, nhiều lúc, tao muốn gây lại phong trào, nhưng thoạt định làm việc, thì tao lại ngài ngại. Nằm im, không hoạt động, thì khổ tâm, vì thấy mình sống không có nghĩa lý gì. Khổ tâm hơn nữa, là tao cứ thấy tinh thần quần chúng vì không có tổ chức mà tan rã dần. Thì ra quả là tao nhút nhát, sợ tù tội.

-Tao nói phải giành lấy từng ngày và giành lấy từng người. Giành lấy từng ngày là giữ quyền chủ động, tiến được trước một bước. Nếu bị động thì phải đối phó, vừa mất công, vừa mất thì giờ. Giành lấy từng người, là giành lấy lòng người. Lý tưởng của chúng ta là nhân đạo, là tiến bộ. Nó đã vào lòng người, thì khó có sức mạnh nào hơn để rứt nó ra. Địch cậy cường quyền, hung hăng dùng võ lực, dù có chém giết, tù đày chúng ta, thì cũng chỉ tạm giấu xa chúng ta một số người, chứ cướp sao nổi tư tưởng của những người ấy và của chúng ta.

Được động viên, anh Na nhổm dậy:

-Đúng! Đúng!

Anh Thịnh tiếp:

-Cho nên bọn đế quốc ngu đại, trao quyền lực cho một đoàn tay sai mà phần lớn chỉ hám danh lợi, để bị bịt mắt nghe nói dối. Vì vậy, chúng mù quáng, không nhìn rõ nguy cơ diệt vong. Thắng lợi lớn đến với chúng ta là tất nhiên. Tình hình làng tao không hơn gì làng mày. Nhưng tao sớm biết gây lại phong trào.

Thấy bạn thở dài, có vẻ hối hận, anh Thịnh nói hằng giọng có vẻ đanh thép:

-Trong trận đấu tranh giữa chúng ta với chúng nó, kẻ

thắng cuối cùng là kẻ chiếm được lòng người vừa nhanh, vừa rộng, vừa sâu. Chứ không phải kẻ nào bắt bớ, giam cầm được nhiều người. Quần chúng không chờ cơ hội như mày đâu. Mày thử nghĩ xem, trong làng còn có người nào khá, vững tinh thần không?

-Có. Còn có khá nhiều người.

-Những ai.

-Tao chỉ hãy chọn một người. Trong họ hàng tao, có bốn người gửi con cho tao dạy học. Thấy họ rất nghèo, nhưng rất thiết tha muốn con biết chữ, tao bảo để tao dạy giúp. Họ bằng lòng ngay. Tao thấy như vậy, là họ can đảm. Trong bốn người này, có một người tốt hơn cả, tên là Nhã. Nhã trước kia lập lại hội Thể dục cũ, có từ đời thằng thống sứ Sa-ten. Hồi chúng nó khủng bố, bắt giải tán các hội, thì hội Thể dục được coi như hợp pháp. Và Nhã không phải là người đáng nghi, nên không bị lôi thôi. Nhã tuy ít nói, nhưng vững vàng, chín chắn, được người làng coi là đứng đắn.

Anh Thịnh gật đầu:

-Đấy, mày đã thấy quần chúng là tốt chưa? Người hàng xóm mày định xay lúa lúc ban nãy đấy, không đáng chú ý à? Chúng ta cần hiểu rõ từng người, để khai thác hết cái kho ấy. Cứ tìm việc mà thử thách anh Nhã đi. Ban nãy mày nói quần chúng làng mày như gà phải cáo. Nhưng theo tao, thì quần chúng không phải như gà phải cáo, mà chính mày là gà phải cáo. Mày ở làng mà không dám tự nhận lấy việc gây lại phong trào, thì định đùn cho ai?

Anh Na có vẻ lạc quan, đáp:

-Được, mày nói, tao hiểu rồi.

-Hương lý làng này thế nào?

-Thằng nào cũng khôn ngoan, sắc mắc. Duy chỉ có lý trưởng là gà mờ nhất.

Anh Thịnh xua tay:

-Đừng khinh thằng gà mờ nhé. Đối với thằng khôn, mình dễ xử hơn. Vì nó hiểu. Khi mình mạnh, nó biết sợ mình. Khi mình yếu, nó cũng biết gờm mình. Thằng gà mờ chẳng biết mình mạnh, mình yếu, cho nên nó chẳng sợ, cũng chẳng gờm mình. Nó chỉ biết sợ, biết gờm mỗi một mình quan lớn nhà nó. Nhưng nói chung, ở làng nào cũng vậy, hương lý rất ít thằng thật là phản động. Chúng nó chẳng qua chỉ là thiên lôi, chỉ đâu đánh đấy. Chứ dù sao chúng nó cũng nghĩ đến tình trong họ ngoài làng, dây mơ rễ má. Chúng nó thật sự chỉ muốn được yên thân để vơ vét lặt vặt, gà què ăn lẩn cối, cho công danh trót lọt đến ngày từ dịch, chứ chúng nó không muốn bới móc, sinh sự với mình đâu. Cho nên chúng ta hết sức làm thế nào trung lập được chúng nó. Giảng lẽ phải cho chúng nó, chúng nó sẽ hiểu. Chưa nên có tham vọng là chúng nó tiến bộ mà theo ta. Lại không bao giờ nên làm quá để chúng nó trở thành phản động thật. Cho nên, đối với hương lý, không khó đâu. Khó nhất là mấy thằng quan lại, làm việc nay đây mai đó, không cần giữ tình cảm ở đâu với ai, chỉ cốt được danh lợi. Thằng tri huyện này thế nào?

-Thằng này mới đổi về, chưa được một tuần lễ, nên chưa rõ ra sao. Nhưng dân những nghe tiếng nó đã lắc đầu lè lưỡi. Nó ác lắm. Nó tự mệnh danh là con Hùm xám, xin đổi về huyện này để trị cộng sản.

-Tên nó là gì nhỉ?

-Là Lê Sung. Có lẽ thằng này là thằng Sung kẹo vừng.

-Sao lại kẹo vừng?

-Vì mặt nó rỗ. Nếu đúng là thằng Sung kẹo vừng thì trước kia, nó đã làm tham tá ở toà sứ tỉnh. Ngày bé, nó học với tao. Tao bãi khoá, bị đuổi. Nó không dám bãi khoá, nên học đến cao đẳng. Ở cao đẳng ra, nó đi tham tá mãi, mới bổ tri huyện mấy năm nay thôi. Bố nó ngày xưa đã bị Tây bỏ tù bốn năm.

Anh Thịnh mừng rỡ:

-À, thế thì cũng là con nhà có truyền thống đấy chứ?

-Phải, có truyền thống. Nhưng lại truyền thống khác. Nguyên do việc bố nó bị tù như thế này. Bố nó là một người làm công cho một hiệu ảnh, tên là Khánh Ký. Một hôm, có một ông cụ đến chụp ảnh. Bố nó thấy ông cụ đẹp đẽ, mới in trộm thêm một tấm ảnh, đem về nhà treo chơi. Chẳng ngờ ông cụ lại là cụ huấn Quyền trong Đông Kinh nghĩa thục. Khi cụ huấn Quyền bị bắt, có người tố giác là bố nó quen thân với cụ, có cả ảnh của cụ. Vì thế, bố nó cũng bị Tây bắt, và không thể nào minh oan được, bố nó phải nằm nhà pha bốn năm.

Hai anh em cười, rồi cùng ngồi dậy, hút thuốc lào. Anh Thịnh nói:

-Mày có thể lợi dụng tình bạn cũ, thuyết nó được không?

-Chắc gì nó nhận tao là bạn. Mà đời nào tao nhận nó trước? Hồi nó làm tham tá, tao với nó đã chạm trán nhau ở toà sứ mấy lần. Tao nhận ra nó. Chắc nó cũng không quên tao. Nhưng hai thằng lờ nhau. Nó bần tiện lắm, có con vợ lẽ trẻ, chỗ nào cũng thấy đem đi theo.

Anh Thịnh cười khỉnh:

-Làm quan thì thằng đếch nào không bần tiện!

Rồi nói:

-Nhưng mà không sợ. Thằng tri huyện này không làm gì nổi chúng mình đâu. Làm quan, muốn đàn áp cách mạng ở làng nào, thế tất phải dựa vào lý trưởng làng ấy làm tai mắt. Lý trưởng làng này gà mờ, thì tri huyện có tài thánh cũng phải bó tay. Rồi con Hùm xám sẽ biến thành con chó đá!

Hai anh em lại cười. Anh Na nói:

-Thật đấy. Vì lý trưởng làng tao gà mờ, cho nên ngày đàn áp các hội, sở mật thám mới bắt vu vơ. Thằng huyện Sung mới đổi về đây, nó định kinh lý khắp hạt. Nay mai, nó về làng này, chắc thế nào cũng hỏi lý trưởng về tao. Hắn nó sợ làng này bướng, nên nhân đi kinh lý, nó phải tự làm lấy việc cổ động thí nghiệm trồng đay cho Nhật.

Anh Thịnh sửng sốt:

-Làng này phải thí nghiệm trồng đay cho Nhật à?

-Phải. Mới có giấy sức. Lý trưởng bảo mười lăm mẫu.

Anh Thịnh tặc lưỡi:

-Thí nghiệm thì làm đếch gì đến mười lăm mẫu! Lạ gì lối làm việc của chúng nó là hay trừ hao. Từ công sứ xuống đến lý trưởng, cứ trừ hao số đay thiếu nên phải tăng dần dần diện tích lên. Dân nào không biết, mà cứ cắm cổ nghe, thì phải khổ. Tao chắc Nhật nó không bắt đến mười mẫu đâu. Một mẫu không được trồng màu, dân cũng đủ đói, nữa là mười lăm mẫu. Thế dư luận làng mày đối với việc này ra sao?

-Chưa rõ lắm. Tờ sức mới về hôm qua. Lý trưởng thì lo sút vó. Còn dân, người sợ không có cái ăn, người mừng hán đay được nhiều tiền.

-Phải nhân việc này mà tuyên truyền cho quần chúng thấy rõ cái hoạ phát xít.

Anh Thịnh trầm ngâm một lát, rồi hỏi:

-Hay là giao việc này cho anh Nhã?

Anh Na lắc đầu:

-Việc khó. Hắn không làm nổi đâu. Tao đương nghĩ. Không tranh đấu không được, mà tao ra mặt thì sợ lộ. Và chưa rõ thật sự phải trồng bao nhiêu đay, giá cả bán chác thế nào, rồi chưa nghe dư luận quần chúng ra sao, nên tao chưa đặt được hướng tranh đấu.

-Nhưng cứ bắt đầu đi. Được đến mức nào, lợi mức ấy. Để quần chúng quen với tranh đấu, nhìn thấy cái lợi của tranh đấu.

Anh Na đáp:

-Hiện nay có một việc có thể giao cho Nhã được. Lão huyện sắp về làng tao. Không hiểu thật hụng nó không muốn phiền nhiễu dân, hay e dè làng này, mà nó sức cho lý trưởng, cấm không được bày vẽ ra đón rước. Nhưng lý trưởng sợ nó, cứ muốn bắt dân cắm cờ, đặt hương án bái vọng. Tin ấy tung ra, nhiều người muốn phản đối, nhưng chỉ ngấm ngầm bàn tán với nhau. Đây là một dịp tốt để tao thử thách Nhã. Nhã sẽ tranh đấu với lý tưởng. Việc này mà thắng lợi, quần chúng tất phải phấn khởi, thì nhân đà ấy, ta tiếp đến việc chống trồng đay. Nếu Nhã có đủ sức tranh đấu cao hơn, ta sẽ lựa, giao cho những việc hợp với khả năng của hắn.

Anh Thịnh gật đầu:

-Được đấy. Hãy bắt đầu bằng những việc dễ cho quần chúng tập dượt dần. Bảo Nhã tìm thêm người để có sức mạnh. Nên nhắc hắn là đối với bọn tay sai của đế quốc, mình trung lập được nhiều ngần nào, hay ngần ấy. Tình hình rồi một ngày một khó khăn thêm. Đã thằng Tây, lại

thằng Nhật. Bây giờ trồng đay. Nay mai còn trồng nhiều thứ khác để dùng cho chiến tranh. Không khéo không có thóc gạo mà ăn nữa. Đồng bào ta còn khổ nhiều. Thế mà mày định chờ cơ hội, thì cơ hội nào?

Anh Na phì cười như tự chế nhạo mình. Anh Thịnh thương hại hạn ốm yếu, ôn tồn khuyến khích:

-Đồng bào ta còn khổ, chúng ta chưa có quyền nghỉ ngơi. Chúng ta phải giành chủ động mà đi trước thời cục. Nếu ngay từ bây giờ, không tổ chức dần dần quần chúng để tạo sức mạnh mà đối phó, thì rất nguy.

Hai anh em thở dài. Yên lặng một lát, anh Thịnh tiếp:

-Làm thế nào rồi ra mỗi làng phải có một chi bộ Đảng. Có Đảng, dân mới sống được.

***

Phó đô đốc Đờ-cu lim dim đôi mắt, ngả từ từ cái đầu xuống chiếc gối nhồi bông gạo, lồng trong cái áo bằng xa tanh hồ thuỷ. Màu xanh bóng của xa tanh làm nổi bật màu hồng hào mỡ màng của nước da người thực dân già có nhô lên cái núm mũi cao cao tròn tròn. Muốn thoải mái hơn, Đờ-cu đặt nốt cẳng bên trái lên mặt sập gụ chân quỳ có trải đệm gấm thất thể. Bỗng có một thứ hơi ấm áp đến cuối sập. Hắn lé mắt ra nhìn, biết thứ hơi ấy là hơi người, và biết người có hơi ấy là ai. Ống chân hắn được nâng nhẹ nhàng, đặt lên lần thịt nóng hổi, rồi giấy hắn được cởi ra. Hắn thấy khoan khoái, vắt cánh tay lên trán, lại lim dim mắt. Hắn co chiếc chân vừa được tự do, tìm chỗ có hơi

nóng hổi hơn để ruồi thẳng và dùng toàn quyền của một người cầm vận mệnh một xứ, ngoáy ngoáy mấy ngón vào đó. Ánh sáng của ngọn đèn điện, lọc qua cái chao bằng lụa tím, cũng như chiều ý hắn, chỉ chiếu một cách lờ mờ vào bộ mặt phương diện quốc gia của hắn thôi. Trong bóng khuâng, hắn ngắm người ngồi ở phía chân, hai tay đương thoăn thoắt. Điếu thuốc phiện nở như hoa, múa trên ngọn lửa dầu lạc trắng, mấy ngón tay ngà ngà của người lăn mũi tiêm cũng múa trên diện tấu gan gà. Điếu thuốc quánh bị ấn dẹp, phì ra những tia khói. Mùi khói của ả phù dung hoà với mùi phấn, mùi nước hoa của mỹ nhân, lan thoang thoảng trong phòng một mùi thơm phưng phức. Đôi mắt đen lay láy chú nhìn vào lỗ nhĩ, đôi môi son mắm lại, như gắng sức hoàn thành một công việc phải thận trọng. Tiêm xong, người ấy lấy đầu móng tay dài, tỉa nhọn hoắt và nhuộm đỏ, gạt mấy sợi tóc loà xoà trên má đánh hồng, rồi dí cái đầu dọc tẩu bít vàng vào bàn tay hung hung những lông của người Pháp. Làm ra vẻ vẫn tỉnh táo, vị thượng khách lại khai vị bằng cách ngoáy ngoáy đầu ngón chân vào chỗ khi nãy. Hắn không nhúc nhích tay, nhưng dẩu đôi môi thịt trâu xám để hớp hớp, tìm cái đầu dọc tẩu, như đứa trẻ sơ sinh tìm đầu vú mẹ. Hắn vừa lé mắt ngắm cái ngực phồng phồng trong bộ áo ki-mô-nô rộng bằng xa tanh màu huyết dụ thêu kim tuyến, vừa chẩu mồm, bú xè xè.

Thở mạnh đợt khói cuối cùng xong, Đờ-cu mở đôi mắt ra. Hắn nhìn lên phía trên và xung quanh. Phía trên là chiếc lọng rộng, phất bằng giấy xanh, xoè kín cả cái trần nhà, lủng lẳng những quả bông bằng sợi ngũ sắc. Xung quanh là bộ bát bửu bằng đồng sáng nhoáng, bộ ghế bành sơn son bóng lộn, bộ hoành phi, câu đối thếp vàng nhóng nhánh. Tất cả những thứ ấy, tia ra những ánh toé ra như đốm sao. Muốn tận hưởng khoái lạc bằng cả ngũ quan

đương mơ hồ, chập chờn vì rượu và thuốc phiện, hắn lại lim dim mắt và vắt tay lên trán. Hắn cần quên cái thực tế khổ nhục của người làm thủ hiến của thuộc địa đầu sóng ngọn gió, trong khi chính quốc lâm vào cảnh dậu đổ để bìm leo. Ở đây, giờ này, hắn đương sống, không phải trong buồng khách rộng lớn của phủ Toàn quyền, mà là trong phòng xinh xắn của một gia đình, bài trí bằng những đồ đạc đầy uy thế của một chế độ dù đã lạc hậu. Hắn đương thưởng thức cái hương vị, không phải mùi yến tiệc linh đình miễn cưỡng bày ra để ngoại giao, mà là những làn mây khói lạ mũi, như ẩn như hiện, như gần như xa, thần bí của giới Á đông hưởng lạc. Hắn lại đương sống bên cạnh một người, không phải người vợ gái xề cơm bữa của hắn, nhất là không phải, chao ơi, ngài tướng Nhật Bản Ni-si-ha-ra hay hách dịch và hay bắt nạt, mà là một người đàn bà bản xứ, phục tùng, ngoan ngoãn, bảo sao nghe vậy.

Muốn chìm đắm sâu hơn nữa vào cõi mộng, hắn quờ lấy cổ tay người đàn bà, rồi hỏi khẽ:

-Đâu cả rồi?

Câu trả lời đầy kính cẩn bằng giọng rất trong trẻo:

-Họ sang cả buồng bên cạnh, để im lặng cho quan Toàn quyền yên nghỉ.

Hắn nhăn mặt, lắc đầu:

-Ở đây không có quan Toàn quyền.

Rồi, tự đu thêm vào cảnh lãng mạn đu dương, trước mặt người đẹp, Đờ-cu giơ tay cầm cái cốc pha lê đặt ở đầu khay đèn, ngửa mặt lên, nốc nốt hụm sâm banh cho đến đáy. Hắn khà một tiếng, rồi nói:

-Thú thật!

Từ ngày phó đô đốc Đờ-cu nhận chức thay tướng Ca-trrúc, chưa bao giờ hắn phớn hằng hôm nay. Là vì trong hơn bốn trăm ngày, hắn phải đối phó với biết bao nỗi đắng cay về nội trị, nhất là về ngoại giao. Sáng nay, từ bốn giờ đến chín giờ, hắn phải cắn răng mà mỉm cười, mới dẹp nổi một cơn giông tố ấy. Cơn giông tố làm mê hoảng đầu óc hắn. Cơn giông tố làm hồi hộp biết bao nhiêu người Pháp. Cơn giông tố làm sửng sốt tất cả Hà Nội. Bỗng nhiên vô cớ, một loạt chiến xa sơn hiệu mặt trời rầm rộ như vũ như bão, kéo đi chiếm các ngã tư, chiếm các công sở, chõ miệng súng vào trại lính Pháp đóng ở cửa Bắc. Nhưng hiệp ước ký lúc chín giờ đã kéo được những chiến xa ấy về nằm yên trong doanh trại Nhật. Bây giờ, qua cơn giông tố, phải đến buổi bình minh. Chiều nay, hắn đã nếm lần đầu tiên cái mùi làm Toàn quyền xứ thuộc địa giàu có ở Đông Á, mà những người trước hắn được luôn luôn hưởng. Hắn vừa bán một chữ ký lấy hai vạn đồng cho một công ty, để công ty ấy được phép tải thuốc phiện qua địa hạt Cao-mên, Ai-lao và Bắc kỳ. Đó là cái bổng lộc xứng đáng với địa vị của hắn, cái bổng lộc ấy, hắn chắc nó là cái bổng lộc cuối cùng của người làm Toàn quyền bị tước dần hết quyền. Hắn quyết tâm bỏ hết nghĩ ngợi để chơi tối nay cho thật thoả thuê, giối già cái đời làm mưa làm gió ở Đông Pháp của hắn.

Đồng thời với làn khói thuốc phiện quyện mơ màng trong biệt thự lộng lẫy soi gương trên mặt hồ Tây của Hà thành hoa lệ, ở quân cảng Tân Châu của Mỹ trong Thái-bình-dương, khói thuốc súng bắt đầu toả mù mịt. Và cũng đồng thời với khói thuốc phiện và khói thuốc súng này, ở làng Văn Chương, anh Na và anh Thịnh đương say sưa tâm sự trong không khí ấm cúng, lành mạnh.

Có lẽ cũng sực nghĩ đến nông nỗi cực nhục phải ký tờ

hiệp ước lúc buổi sáng, hiệp ước tuy gọi là *Phòng thủ chung Đông Dương*, nhưng sự thực là hắn trao nốt quyền quân sự cho bọn phát xít để làm đầy tớ cho họ trong cuộc chiến tranh xâm lược Viễn đông, Đờ-cu vẻ mặt buồn buồn, nhìn người đàn bà, và xua tay:

-Thôi, không tiêm thêm nữa. Hút thuốc phiện không quen, tôi đã thấy mình mẩy ngứa ngáy quá! Ta để thì giờ nói chuyện.

-Vâng, xin tuân lệnh.

Đờ-cu chống tay ngồi dậy:

-Tôi muốn dứt khoát với bà về việc bà yêu cầu tôi khi nãy. Tôi xin bà đừng nhắc đến vấn đề ấy nữa. Nếu bà cần, tôi biếu bà cái này.

Vừa nói, hắn vừa đặt trên khay đèn tấm giấy bạc năm trăm màu lụa, gấp làm tư.

Người đàn bà nhếch một bên mép cho thật tươi, để đáp:

-Thưa phó đô đốc, xin ngài đừng coi tôi như người buôn bán. Chồng tôi và tôi lúc nào cũng mong ước được coi phó đô đốc như vị ân nhân vĩ đại.

Đờ-cu khừ khừ cười, cái cười khừ khừ theo thói quen của hắn để làm lệch hướng những nét nhăn tàn nhẫn vừa lộ ra ở trên má hắn. Hắn chậm rãi giảng:

-Cho nên tôi nói là tôi muốn dứt khoát. Nếu bà muốn tiêu, thì bà nhận lấy món tiền này. Chứ tôi không muốn rằng vì buổi tối hôm nay mà tôi phải nợ bà một việc khác sau này. Chồng bà nay mới làm tri huyện, nhưng với cái tài trị cộng sản của nó, thì mấy nỗi mà nó không thăng đến tuần phủ, tổng đốc. Chẳng năm nay thì sang năm, thế nào nó không được đi tri phủ. Vả lại trong mấy năm làm tham

tá, nó đã xây dựng được cái gia tài như thế này, thì có thể gọi là giàu rồi. Công danh chẳng qua như cái hoa. Tiền bạc mới thật là bánh thịt.

-Phó đô đốc dạy rất phải, nhưng mà...

-Không nhưng mà gì cả. Vả lại bà cũng biết là việc bà nói thuộc phạm vi Bắc kỳ, còn tôi thì chỉ làm những việc của Đông Pháp.

-Bắc kỳ ở trong Đông Pháp.

-Thôi, tôi muốn chấm dứt câu chuyện. Tôi tưởng sống trong căn buồng trang hoàng như thế này, cạnh một người vợ lẽ trẻ, đẹp và dịu dàng như bà, thì người ta có thể khoe là đã tìm thấy hạnh phúc.

Nói đến câu này, Đờ-cu nhăn răng ra cười, rồi ngồi nhích lại gần hơi ấm áp, như để ăn trộm hạnh phúc của người khác. Hắn đắm đuối nhìn người đàn bà, và hỏi:

-Nó già và yếu lắm phải không?

Không hiểu đó là câu hỏi bông đùa của thứ quỷ dâm dục, hay là câu hỏi bất chợt của vị quan có trách nhiệm muốn biết sự thực về sức lực của chồng mình, người đàn bà lắc đầu:

-Người ngoài tưởng lầm là thế.

Đờ-cu tủm tỉm cười ranh mãnh, gật gù nói:

-Phải, còn người trong, trong buồng, thì biết đúng hơn. Bởi vì người chồng yếu hay khoẻ, duy chỉ có người vợ mới biết. Tôi cũng tin là chồng bà khoẻ lắm, nó mới đủ sức phụng sự nhiều vợ, trong đó, có người cỡ lớn như bà!

Hai chuỗi cười to vừa cất lên, bỗng cánh cửa buồng mở ra. Một người dong dỏng cao, mặc sơ mi cụt tay, bước vào. Người ấy nhồm nhoàm miếng kẹo trong mồm, vừa

đứng dừng lại, vừa hỏi:

-Tôi có làm ngắt câu chuyện riêng không?

Đờ-cu tươi cười:

-Không, ông Đuy-cu-roa ạ. Câu chuyện không có gì bí mật đến nỗi phải giấu giếm.

Người đàn bà vẻ mặt bẽn lẽn, đứng dậy, toan sang ngồi phía bên kia bàn đèn, thì Đờ-cu nói như chính hắn là chủ nhà, để ra lệnh:

-Bây giờ đến lượt bà sang buồng cạnh để tôi nói chuyện với trung tá. Chỉ có câu chuyện giữa hai người Pháp mới phải giấu giếm người An Nam mà thôi. Còn câu chuyện giữa tôi và bà, nếu có phải giấu giếm, thì chúng ta nói với nhau ở một buồng khác, kín hơn.

Nói đoạn, hắn hơi nhếch mép để làm ra vẻ cười.

Biết rằng mình bị đuổi khéo, người đàn bà ra.

Đờ-cu và Đuy-cu-roa nhìn theo. Đuy-cu-roa gật gật:

-Thật là đẹp. Thật là Á đông. Nhưng cũng thật đáng thương hại.

Đờ-cu gạt đi:

-Thôi, mặc kệ cái nhan sắc ấy với cái số phận ấy. Ta nói chuyện khác.

-Chuyện gì? Chuyện thời cục nhé?

-Không. Nên nói chuyện khác tiêu cơm hơn chuyện chính trị nó làm tôi nhức óc.

Đuy-cu-roa không đáp. Hắn vắt chân chéo khoeo, ngồi nghiêng người, tì khuỷu vào cái gối, rồi vớ cái tiêm và cái dọc tẩu. Hắn tiêm rất thạo. Tiêm xong điếu thuốc, hắn nằm sấp, ngóc đầu lên để hút. Cả cái thân hình khẳng

khiu của hắn dẹt dét như con nhái bén bám vào cọc rào. Hút xong, không thở khói ra, hắn cầm cái cốc sâm banh của Đờ-cu đã uống cạn, ngửa mặt lên, đợi những giọt cặn từ từ chảy xuống, rồi khen:

-Cũng ngon! Đây đã là giọt sâm banh cuối cùng của Đông Dương hay chưa!

Một lát, hắn hỏi:

-Buổi tối hôm nay, ông được hài lòng chứ?

Đờ-cu gật đầu:

-Cũng khá.

-Tiếc rằng con mụ Chương và Oanh vắng mặt. Vì Pác-xi không đến.

-Sao bảo vợ Pác-xi ghen với con mụ Oanh, đã cho nó một cái tát ở giữa hội Khai trí tiến đức. Bây giờ hai đứa không dám đi lại với nhau nữa?

Đuy-cu-roa nhún cái vai so và cười:

-Phải. Không dám đi lại với nhau trước mặt vợ Pác-xi thôi! Hai con mụ Chương và Oanh nói chuyện hay lắm. Chúng nó tiêm thuốc phiện rất khéo.

-Nhưng tôi không thích. Chúng nó âu hoá quá, thành thạo quá. Tôi chán chường cái lối giao thiệp ấy rồi. Sang Đông Dương, ta phải hưởng màu sắc lạ của Á đông. Con mụ này tôi ưa, vì nó còn nhiều tính chất của một người đàn bà trong xã hội phong kiến. Lần này, ông tìm được nhà này, khá gọi là hiểu sâu Hà Nội.

Đuy-cu-roa được khen, lấy làm sung sướng, muốn nịnh lại quan thầy, hắn giơ đầu dọc tẩu về phía Đờ-cu để mời hút. Hắn nói:

-Nhà này không phải tiệm chuyên môn.

Đờ-cu gật đầu:

-Tôi biết.

Đuy-cu-roa tiếp:

-Ta muốn thì bảo chúng nó tổ chức. Lúc nào chúng nó cũng cầu khẩn được cái vinh dự phục vụ ta.

-Nhưng nếu phục vụ vô điều kiện thì tốt hơn. Người Pháp chúng ta đã làm hư chúng nó, vì đã dùng những cảnh thần tiên này làm cái chợ bán ơn huệ. Pác-xi chính là anh lái buôn đắt hàng nhất.

Đuy-cu-roa cười:

-Pác-xi không đến đây tối hôm nay.

-Càng tốt. Nó bận việc gì?

-Nó nhờ Sô-vê giới thiệu nó với Bô-đoanh để nó được hùn vốn vào công ty Điện.

Đờ-cu ngớ mặt:

-Sao lại Bô-đoanh chứ không là Đroanh, giám đốc? Bô-đoanh là chủ tịch ban trị sự Đông Dương ngân hàng kia mà?

-Phải. Nhưng hắn có chân trong ban trị sự công ty Điện, cũng như trong ban trị sự của những công ty Nước, Rượu, Xe lửa, Muối, Cao su, và còn nữa.

-Giàu nhỉ! Nhưng Pác-xi mới là công sứ hạng ba, chơi với bọn tư bản kếch sù ấy chỉ tổ bị lép vế. Phải như Brê-vi-ê, làm Toàn quyền, Sô-vê là công sứ hàm cao, hoặc Max-pê-rô, nhà học giả danh tiếng, họ có thế lực lớn, thì bọn ấy mới nể.

-Nhưng có tiền mà không kinh doanh để lấy thêm lãi, thì để làm gì. Chắc là Pác-xi nghĩ thế.

-Đành vậy. Nhưng thời buổi này không phải là thời buổi nên kinh doanh ở Đông Dương. Quyền lợi kinh tế ở xứ này về tay bọn lùn hết cả rồi. Nói ra thì rất bực mình. Nhưng biết làm thế nào? Năm ngoái, chúng nó bắt ta phải bỏ ra sáu triệu bạc để nuôi quân cho chúng nó ba tháng cuối. Năm nay, món tiền ấy vọt lên gần sáu mươi triệu. Sang năm, còn tăng đến chín mươi triệu!

Câu chuyện tự nhiên động chạm đến thời thế. Cho nên dù không muốn, thì theo thói quen, Đờ-cu cũng không ngăn nổi mình không nói đến chính trị. Vả lại, được Đuy-cu-roa mời hút luôn điếu nữa, nên hắn càng phải kiếm câu chuyện làm quà lại.

-Được, ông giúp tôi việc gây phong trào thể dục thể thao để giữ lấy thanh niên. Năm Mặt trận bình dân, ông Sa-ten đã có sáng kiến gây phong trào này ở Bắc kỳ, rồi gây luôn phong trào ăn chơi, rất có kết quả. Những thủ đoạn chính trị của ông ta, chúng ta nên bắt chước. Nhưng khuyết điểm của ông Sa-ten là không lập thành tổ chức thanh niên. Bây giờ chúng ta phải tổ chức họ lại mới ngăn cản được phong trào thanh niên thân Nhật, nhất là phong trào Thanh niên phản đế của Cộng sản.

Đuy-cu-roa trầm ngâm:

-Về việc này, tôi đã suy nghĩ kỹ. Từ chối ông là không đúng. Nhưng tôi tự xét mình, thân hình thì gầy gò, xanh xao, bản tính lại không ưa hoạt động, không thích thể dục thể thao. Giá ông chọn người khác thì hơn. Tôi chỉ có khả năng về kinh tế.

Đờ-cu gật đầu:

-Tôi hiểu ý ông rồi. Làm việc kinh tế thì vui, vì hễ có lợi cho Chính phủ thì cũng có lợi cho cả mình. Nhưng hiện nay, ở đây, việc nhiều mà người ít. Ông với tôi là bạn tâm

phúc lâu năm. Tôi có thể tin cậy ông, nên mới giao phó cho ông việc ấy. Còn những lý do ông viện ra để từ chối, thì tôi cũng đã nghĩ đến. Tôi sẽ bảo các báo tuyên truyền đề cao ông, để gây uy tín lớn cho ông trong giới thanh niên. Ông tin ở mánh khoé chính trị của tôi. Ông đừng ngại. Cộng sản lấy thanh niên bằng danh, Nhật Bản câu thanh niên bằng lợi. Chúng ta có nhiều phương tiện hơn đối phương. Vì chúng ta có thể thu hút thanh niên bằng cả lợi lẫn danh.

Đuy-cu-roa thở dài:

-Nhưng tôi thấy cái hoạ trước mắt của chúng ta ở xứ này, là cái hoạ Nhật Bản, về kinh tế, nhất là về quân sự.

Đờ-cu lắc đầu:

-Không phải. Tôi không nghĩ như ông. Và nhất là không ngây thơ như ông Ca-trrúc. Làm Toàn quyền Đông Dương mà đi chống Nhật, lại định dựa vào người Việt Nam để chống Nhật, thì thật ông ta muốn khôi hài! Không trông mong được ở lòng trung thành của người dân thuộc địa, ông ta thốt ra câu: "Người ta đã làm gì trong bảy mươi lăm năm để đi đến nông nỗi ấy!" Người ta làm gì à? Thế sao ông ấy không hỏi Chính phủ Pháp chịu bỏ ra bao nhiêu máu và tiền để chiếm Đông Dương làm gì?

Hai người phá ra cười. Đờ-cu lau mép cho nước dãi khỏi bắn thêm ra, rồi nói:

-Ông ấy là tướng, nên chỉ nghĩ đến việc đánh nhau. Ông ấy lại lầm tưởng Tưởng Giới Thạch có thể thắng nổi Nhật, cho nên mới dựa vào Hiệp ước chín nước ký với nhau ở Hoa-thịnh-đốn, mà nước Pháp phải bảo vệ lãnh thổ cho nước Trung-hoa, để cho Mỹ dùng cảng Hải Phòng làm đường tải khí giới và đồ tiếp tế bán cho Tưởng Giới Thạch.

-Chưa chắc ông ta đã tưởng thế. Một tờ giấy phép ông ấy ký cho Trung Hoa được nhận khí giới qua xứ Bắc kỳ không có giá trị hàng chục vạn bạc à? Mà chục vạn bạc đối với tướng tá của Tưởng Giới Thạch thạo ăn cắp hơn đánh nhau, có thấm tháp vào đâu?

Đờ-cu gật đầu:

-Cho nên đóng cửa Hải Phòng là phải. Tôi chủ trương không chống Nhật. Cầm quyền cai trị ở Đông Pháp mà chống Nhật là cận thị. Tôi đã cương quyết huỷ bỏ xưởng làm máy bay ở chùa Thông, dù có phí phạm vài chục triệu bạc đi nữa, tôi cũng cứ làm. Tôi đã nhượng bộ cho Nhật nhiều, và sẽ còn nhượng bộ nhiều nữa, và mãi mãi. Tôi không hèn đâu. Chính là tôi nhìn xa mà không sợ Nhật. Ở Đông Pháp, cái gì đáng sợ cho ta nhất, ông có biết không?

Đuy-cu-roa đương kéo vo vo, phải ngừng lại để nghỉ, nên điếu thuốc bị tắc. Hắn ho sù sụ. Đờ-cu không để mất thì giờ, tự trả lời:

-Là Cộng sản. Phong trào Cộng sản ở Đông Dương mới đáng sợ, ông ạ.

Ngừng một lát, hắn giảng:

-Ta sẽ mất hẳn Đông Pháp về tay cộng sản, chứ không phải về tay Nhật. Bởi nếu ví thử Nhật có mạnh thế mà một ngày kia chiếm Đông Pháp của ta, thì chẳng qua cũng chỉ tạm thời trong một thời gian ngắn thôi, rồi sẽ thua Đồng minh, Đông Pháp sẽ trả lại cho Chính phủ Pháp. Cho nên chống Nhật là vô ích. Đồng minh sẽ làm việc này cho ta sau này. Việc chính của ta bây giờ và mãi mãi, là đối phó với Cộng sản Đông Dương. Việc ấy không Đồng minh nào làm thay ta cả. Nếu tôi có quyền to hơn nữa, tôi có can đảm ký giấy nhường cả quyền cai trị Đông Pháp cho Nhật

mà không sợ mất Đông Pháp. Tôi chỉ bắt họ nhận một điều kiện khá nguy hiểm cho họ, là triệt cộng sản.

Đuy-cu-roa tán:

-Thật là ông biết nhìn xa trông rộng. Như vậy, ta chịu hy sinh quyền lợi tạm thời, đùn cho Nhật Bản gạt bão của gió ta gieo, để ta hưởng vĩnh viễn sau này.

Đờ-cu đáp thong thả:

-Cũng không thể nào vĩnh viễn. Người Việt Nam bây giờ khôn rồi. Trừ những hạng dựa vào ta để hưởng phú quý, còn thì hầu hết, họ thấy cái nhục làm dân mất nước. Họ phải giải phóng nước họ. Họ theo cộng sản. Cứ suy lòng người Pháp ở bên Pháp bây giờ thì biết. Cộng sản Pháp hy sinh cho nền độc lập của nước Pháp thế nào, thì cộng sản Đông Dương cũng hy sinh cho nền độc lập của xứ họ không kém. Ở đâu thì cộng sản cũng dựa được vào lực lượng của dân chúng. Lực lượng dân chúng mới là vô địch. Ai có dân chúng, người ấy sẽ thắng. Và cố nhiên, ở Đông Dương này, cả Nhật Bản lẫn ta, đều không có dân chúng.

Đuy-cu-roa đương hút sè sè, bỗng ngừng lại để nói:

-Nhưng vận mệnh dân chúng Đông Pháp là ở trong tay ta. Ta có bộ máy cai trị lão luyện và tinh vi, có thể bắt dân chúng như thế này.

Nói xong, hắn ngậm dọc tẩu, vừa kéo dài một hơi, vừa lấy đầu mũi tiêm chỉ vào điếu thuốc phiện đương chui thun thút vào lỗ nhĩ. Rồi nhỏm dậy, hắn trỏ cái điện tẩu nhẵn trơ như đắc thắng.

-Nghĩa là phải làm cho xứ này không còn gì.

Thấy giọng nói của bạn sền sệt, vương trong làn khói quyện ở phổi, Đờ-cu bật buồn cười:

-Ông nói rất đúng. Cho nên ta cần nắm lấy thanh niên. Nhưng nếu làm không khéo, thì ngọn súng ấy sẽ chĩa về phía ta, như hiện giờ, vị thuốc an thần đã làm ông khản tiếng!

Đuy-cu-roa đằng hắng trong giọng, rồi chữa thẹn:

-Ông lầm. Tôi còn hút được nhiều. Sức hoạt động của tôi về môn này còn mãnh liệt.

-Thế thì ông sẽ giúp tôi đắc lực. Ông nắm thanh niên cho tôi. Nắm thanh niên để làm yếu cộng sản. Làm yếu cộng sản để chia sẻ lực lượng của dân chúng.

Rồi Đờ-cu giơ hai ngón tay để nhấn mạnh:

-Tôi chỉ nói làm yếu thôi nhé. Bởi vì triệt cộng sản là một điều không thể. Nó từ Nga-xô lan đi khắp thế giới rồi. Nó đương hà sinh khí cho sư tử ngủ là Trung Quốc. Các dân tộc nhược tiểu đón nó như đón một vị danh sư. Ta chỉ có thể ngăn ngừa cộng sản ở Đông Pháp trong một thời hạn nào đó, để kéo dài cuộc thống trị ở đây thêm năm nào hay năm ấy mà thôi. Chứ sớm hay muộn, ta sẽ phải rời khỏi xứ này. Có điều là nếu có phải đi, thì ta nên đi bằng ân tình, hơn là bằng súng đạn.

Đuy-cu-roa giơ dọc tẩu mời Đờ-cu hút, nhưng Đờ-cu đương đà nói:

-Cho nên chính sách hay nhất của chúng ta là làm sao cho thuộc địa phải kiệt quệ về vật chất và về tinh thần. Nếu cộng sản là thầy lang chữa bệnh cho người ốm này trở nên lành mạnh, thì ta phải nhắm vào nó mà đánh. Và trong tình thế hiện tại, phải đánh cho mạnh.

Hắn nắm chặt tay, đập xuống đệm, rồi tiếp:

-Đây là cuộc đấu tranh một còn một mất giữa hai chủ nghĩa. Ta tin ta thắng họ bằng sức mạnh của súng đạn.

Nhưng họ tin họ thắng ta bằng sức mạnh của tư tưởng hợp lòng người. Không bao giờ ta nên để mất thế chủ động. Ở trong nghề, tôi vào sinh ra tử nhiều lần, nên tôi không bi quan, nhưng cũng không khinh địch. Theo tôi, bất luận là người Pháp hay người Đông Dương, ai có sáng kiến giúp ta trị cộng sản được tốt, đều đáng khuyến khích bằng tiền tài, bằng chức vị. Nếu tôi gặp ông Pác-xi, tôi sẽ bảo ông ta rằng trong hàng quan lại bản xứ có rất nhiều người coi cộng sản như kẻ thù. Cứ mặc cho họ ngộ nhận cộng sản là xấu.

Đuy-cu-roa biểu đồng tình:

-Đúng. Cộng sản Đông Dương xấu với Chính phủ Pháp ở Đông Pháp.

Đờ-cu gật đầu:

-Cho nên Bắc kỳ không nên thay đổi chân tay. Ai tỏ thiện chí về việc đàn áp kẻ thù của chúng ta, thì dù đến tuổi hưu trí, chúng ta cũng cứ nên giữ lại. Tôi biết một vài người là tri phủ, tri huyện, có kế hoạch đối phó với cộng sản triệt để hơn cả sở mật thám.

Đuy-cu-roa nháy mắt, trỏ tay sang buồng bên cạnh và nói thầm:

-Ví dụ như chồng con mụ này.

Đờ-cu hơi mỉm cười, nhưng vẫn cố nghiêm chỉnh:

-Ta phải nhận một thực tế là rất nhiều người quan lại trị cộng sản, không vì thù cộng sản, mà chỉ vì muốn được thăng thưởng. Thì ta cứ mạnh dạn thăng thưởng họ. Không thiệt hại gì mà chỉ có lợi cho ta. Một năm cho lên một trật cũng được. Để khuyến khích kẻ khác.

Hút xong điếu thuốc phiện đáng lẽ là của Đờ-cu, Đuy-cu-roa khoái lắm, nằm ngửa ra, thở phì một luồng

khói tuôn thẳng lên cao, rồi lại lừ đừ cầm cái tiêm, dí vào hộp sừng, hơ lên ngọn lửa. Nhưng Đờ-cu xua tay, giao hẹn:

-Thôi, ông hút nốt đi. Không đi biển mà rập rềnh như như đi biển. Trong người tôi lao đao, rạo rực, buồn nôn, như ngày mới làm lễ nhập môn học nghề hàng hải. Tôi muốn nằm yên để nghỉ.

Nói đoạn, hắn nhăn mặt, bóp trán. Hắn nghỉ nói, nhưng hắn nghĩ. Trong khi ấy, Đuy-cu-roa giữ đúng bổn phận của kẻ dưới có ý thức kỷ luật và vâng tuân thượng lệnh để được thoả mãn tính ăn uống tham lam. Hắn hút rền tấm điếu liền ...

***

Thấy anh Thịnh qua cầu, ra khỏi làng được bình yên, anh Na còn đứng nhìn theo hút bóng bạn lờ mờ trong sương bạc cho đến lúc khuất.

Trở về, anh định đến tìm ngay anh Nhã.

Lúc ấy mới tang tảng sáng. Nhưng trong nhiều nhà, bếp đã chiếu ánh lửa vàng ra sân. Thấy cái cảnh nông thôn cần cù làm lụng mà vắt mũi không đủ đút miệng, anh lại càng yêu các bạn của anh. Các bạn của anh không quản khó khăn gian khổ, vẫn kiên trì hoạt động để đem lại hạnh phúc cho mọi người. Anh mong luôn luôn gặp các bạn. Chỉ nói chuyện với họ, anh mới thấy khoẻ khoắn, vui đời, khỏi chán nản vì bệnh tật.

Một vài người làng đã tay cầm mồi lửa, vai vác cuốc ra đồng. Anh với họ chào nhau. Anh hỏi thăm đời sống của

họ. Họ đáp vội vàng để vội vàng đi làm việc. Tự nhiên, lòng anh Nao nao. Anh hối hận đã tiêu phí mất bao nhiêu ngày tháng, cô độc, im lìm. Anh đã được Đảng làm cho anh sáng mắt, nhưng anh đã lại nhắm mắt. Vậy từ nay anh phải mở mắt và làm cho nhiều người khác sáng mắt như anh.

Bỗng anh nghe có tiếng gọi. Thấy anh Nhã, anh ngạc nhiên, đứng lại, mỉm cười, chờ. Anh Nhã rảo cẳng tới. Anh gật đầu chào, và hỏi:

-Chú đi đâu mà sớm thế?

Anh Nhã không đáp, hất hàm hỏi khẽ:

-Khách đã dậy chưa?

Anh Na vờ ngớ ngẩn:

-Khách nào?

Anh Nhã cười:

-Khách nào à? Khách đến tối hôm qua, chứ khách nào? Anh giấu nổi hương lý, chứ giấu sao nổi chúng tôi! Chúng tôi biết mà. Thế nào dịp này anh cũng có khách. Tôi định đến đằng anh đây.

-Tôi cũng định đến đằng chú. Thế thì chú lại tôi, nói chuyện cho tĩnh. Sao chú lại đoán dịp này tôi có khách? Khách tôi về rồi.

Anh Nhã đứng sững, sửng sốt hỏi lại:

-Thật à?

-Thật.

-Thế thì tiếc quá nhỉ! Hai anh có bàn việc ấy không?

Lần này thì anh Na ngạc nhiên thật:

-Việc gì?

-Việc quan về kinh lý ấy. Trên bảo ta nên như thế nào?

Anh Na mỉm cười, hỏi:

-Là việc đón rước hay việc trồng đay?

-Cả hai việc. Trên bảo ta nên như thế nào?

Thấy anh Nhã hỏi dồn dập, có vẻ sốt ruột, anh Na vừa buồn cười, vừa cảm động. Anh lắc đầu, đáp:

-Chúng tôi không nói những chuyện ấy. Nên sao là tuỳ ở ta thôi.

Anh Nhã thừ người, rồi thở dài, không nói gì.

Nét mặt thất vọng và lo buồn của anh Nhã làm anh Na nghĩ ngợi. Rõ ràng là nhân dân lúc nào cũng tin cậy và trông chờ người làm cách mạng giải quyết cho những nỗi khó khăn. Anh sung sướng vì được vinh dự là người làm cách mạng, nhưng không khỏi không tủi nhục vì đã phụ tiếng người làm cách mạng mà không hoạt động. Anh Nhã quả là một người có tinh thần tốt, có thể được giao việc để thử thách.

Vào trong nhà anh Na, anh Nhã nhìn các giường ghế trống không thì cười:

-Tôi đã đến sớm, không ngờ khách của anh đi sớm hơn. Thế thật các anh không bàn bạc gì về những việc ấy à?

-Đó là việc của chúng ta. Chúng ta bàn bạc với nhau. Bây giờ ta nói từng việc. Việc đón quan trước nhé. Chú thấy thế nào?

Anh Nhã mở vội cuốn *Lý Ninh* và những tờ báo xếp trên phản, rồi nói:

-Tôi nghe ngóng trong làng, thì thấy không ai đồng ý

với lý trưởng. Ai cũng sợ mất thì giờ và tốn kém. Nhưng không biết làm cách nào để phản đối. Dân ta đã khổ lắm rồi, lão ấy còn bày vẽ ra cho thêm khổ. Được khen thì lão ấy hưởng, nhưng bỏ việc nhà đi rãy đường, phát cây, quét làng, cắm cờ, bày hương án bái vọng, thì giai làng phải nai lưng ra gánh vác. Mà chẳng biết ông huyện này có ưa như thế hay không. Ông đã sức cấm đón rước kia mà?

-Chú thử đoán xem, có phải vì ông ấy thương dân nghèo đói hay vì ông ấy thích giản dị mà không muốn phiền nhiễu?

Anh Nhã tặc lưỡi:

-Về làng ta thì gã kiêng nể đấy thôi. Đến làng khác, ông ấy vẫn để đón rước như thường. Vì vậy, lý Sinh sợ không làm như làng khác thì ông ấy trù. Ông này hách dịch và ghê gớm lắm. Con Hùm xám đấy.

Anh Nhã cười mỉa mai:

-Phải con Hùm xám!

-Lý Sinh định đưa việc này ra Hương hội. Nhưng bàn bạc cóc khô gì! Chánh hội về hùa với lão ấy rồi. Còn tộc biểu thì ai dám phản đối.

-Tộc biểu cũng về hùa với lý trưởng, chánh hội à?

Anh Nhã lắc đầu:

-Không, họ không về hùa đâu. Nhưng họ chỉ phản đối sau lưng. Giữa hội đồng, chắc không ai dám hé răng. Vì họ sợ bị nghi là có dị chí.

-Thế thì làng định theo lý trưởng à?

-Không. Tôi định nếu biết lúc nào Hương hội gọi con em ra làm, thì rủ họ xui nhau trốn trước đi. Nếu không may, có ai không tránh kịp, thì làm bôi bác, hoặc suy tị,

rồi bỏ về.

Anh Na đồng ý:

-Cũng được. Nhưng ai đứng lên rủ? Và rủ có ai theo không?

-Tôi rủ. Rủ làm gì, chứ rủ tranh đấu thì chắc dễ.

Anh Na gật đầu, có vẻ tự hào:

-Làng ta là làng có truyền thống tốt. Tôi cũng tin là dễ.

Anh Nhã ghé tai nói thầm:

-Mấy lị cũng thèm tranh đấu lắm. Từ ngày các hội bị giải tán, ai cũng thấy buồn. Trước kia vui lắm. không mấy hôm là chúng tôi không gặp nhau.

Anh Na suy nghĩ, rồi hỏi:

-Tôi tin là chú rủ thì được nhiều người nghe theo. Nhưng rồi sau này, lỡ xảy ra gì, thì chú tính sao? Bởi vì chú thủ xướng tranh đấu thế nào cũng đến tai lý trưởng.

-Rủ kín đáo kia mà?

-Kín thế nào mà rồi không hở? Theo tôi nghĩ, việc này nhỏ và dễ, thì không cần làm kín. Ta cứ làm công khai cũng được.

Thấy anh Nhã lo ngại, anh Na giảng:

-Tôi cho là nhỏ và dễ, vì ta có thể vin vào cớ ông huyện sức không đón rước, mà lý Sinh lại muốn đón rước, thì dân nên tuân theo quan hay nghe lý trưởng? Quan với lý trưởng ai to hơn ai? Nghe lý trưởng, có là phản đối quan không? Cho nên, cũng là công rủ, chú nên rủ nhiều người ra Hội đồng Hương hội mà công khai nói với lý trưởng bằng những lý lẽ ấy. Tôi chắc thế nào hắn cũng bị đuối.

Anh Nhã đắc chí, cười hả hê. Anh Na tiếp:

-Tranh đấu bí mật hay công khai, là tuỳ từng việc. Có việc làm bí mật lợi hơn. Có việc làm công khai lợi hơn. Như việc này, có sẵn ý của ông huyện để dựa, ta có thể làm công khai. Làm công khai mà cũng thắng lợi, thì đỡ phải làm bí mật, bị coi là bất hợp pháp.

Anh Nhã sung sướng vì được một bài học quý giá:

-Thế thì phải rủ nhiều người đến Hội đồng.

-Nên chịu mất thì giờ để được lợi thì giờ về sau này. Dù ta không có chân trong Hội đồng, ta cũng cứ đến. Hội đồng là của toàn dân, không ai ngăn cấm được ta dự. Nhưng có một điều cốt tử, là phải dặn nhau, xếp đặt người nào nói trước, người nào nói sau. Mọi người cùng một lòng bênh vực lý lẽ của nhau, thì thế nào cũng thắng.

Anh Nhã gật đầu. Anh Na nói thêm:

-Nhưng cái khó là tìm sao được người nói đầu tiên để làm đà cho người sau. Nên nhớ rằng phải chọn những người nói năng ôn tồn, có suy nghĩ, thì dễ lọt tai. Không nên bốp chát. Dù là tộc biểu, hay cả chánh phó hội, lý trưởng nữa, mình cũng đừng nói quá đến nỗi họ phải bực dọc. Họ mà bực dọc, thì ta nói phải, họ cũng thấy chướng tai. Cho nên tranh đấu thì tranh đấu, nhưng vẫn phải giữ cảm tình mới có sức mạnh để tranh đấu. Tranh đấu để tan vỡ là thất bại. Ví dụ những người tộc biểu, trong thâm tâm, họ không muốn nghe theo lý trưởng, họ sẽ hứng lấy cái khó khăn là phải bảo con em trong họ của họ. Nhưng ở Hội đồng, chắc họ nể lý trưởng. Thế thì nếu ta phản đối lý trưởng, chắc họ đồng tình, kệ cho ta nói. Họ ngồi im là lợi cho ta, vì ta đã trung lập được họ. Nếu ta vụng về mà mạt sát họ, thì họ tức, họ bẻ lại ta ngay. Thế là ta mất người. Mất người thì yếu. Cho nên tranh đấu thì phải có tổ chức,

có chiến thuật. Chú định chọn ai nói đầu tiên? Ông quyền Lạc cũng bạo ăn bạo nói lắm mà?

-Nhưng ông ta kém lý lẽ. Cố nhiên tôi rủ thì tôi nói đầu tiên. Tôi chỉ vin mỗi một cớ là tôi là dân, phải tuân lệnh quan. Ai không tuân lệnh quan, là có ý phản đối, có ý tranh đấu.

Anh Na bật cười:

-Được. Như vậy thì bịt được miệng những đứa định đổ cho chú là phản đối, là tranh đấu. Nếu có tiện, thì lúc ấy, tôi cũng đến Hội đồng, nhưng đến vào lúc đương họp dở chừng. Tôi làm như đi qua thì vào xem.

Anh Nhã vui sướng:

-Thế thì tốt quá! Anh có mặt ở đấy là chúng tôi vững tâm thêm rồi, không cần anh phải nói gì cả. Vả anh nói thì không lợi.

Một lát, anh Nhã thở dài:

-Các hội làng ta tan, là chúng tôi gặp khó khăn ngay. Bây giờ mỗi người một nơi, ai biết phận nấy, tìm được nhau để bảo nhau, không phải nhanh chóng. Ngày trước, chúng tôi hoạt động vui vẻ lắm. Có việc gì, chỉ gọi nhau một lúc, là mỗi người một tay, làm phăng phăng. Giá các hội không bị giải tán, thì chắc còn đông hơn nhiều. Thành thử bây giờ chúng tôi như đũa lẻ chiếc, những lúc thấy người làng bị bắt nạt, ức hiếp, tôi cứ thầm mong các anh có làm thế nào chong chóng lên cho dân nhờ không.

Anh Na cảm động:

-Chóng hay chầy là do chúng ta cùng làm thôi. Chú tin cậy, mong đợi chúng tôi, Nhưng một mình chúng tôi làm sao nổi. Đảng là bộ óc. Nhân dân là chân tay. Chân tay không có bộ óc chỉ huy thì không biết đi đâu, làm gì.

Nhưng bộ óc không có chân tay, thì chỉ huy cái gì? Cũng như ra trận, tuy có tướng, nhưng cũng phải có quân vậy.

Anh Nhã yên lặng để suy nghĩ, rồi phàn nàn:

-Dân làng ta như toán quân bại trận. Gọi nhau lại cũng khó.

Anh Na lắc đầu:

-Bảo là bại trận, không đúng đâu. Trái lại, chúng ta là toán quân thắng trận. Chúng ta thắng chúng nó, vì chúng ta chiếm được người. Chúng nó mất người, nên mới phải dùng cường quyền áp bức chúng ta, để trừ người của chúng ta. Nhưng trừ người mà trừ sao nổi ý chí của người.

Anh Nhã hiểu, hãnh diện nói:

-Con cháu cụ Bảng với cụ Đề thì hèn nhát sao được, hở anh?

Thấy anh Nhã lạc quan, anh Na khuyến khích:

-Việc tranh đấu với lý tưởng sẽ đánh thức tinh thần dân làng ta. Chú nên hết sức làm cho có kết quả. Rồi dần dần chú sẽ tranh đấu cao hơn.

Anh Nhã hiểu ý của câu nói, giương to hai mắt nhìn anh Na, mừng rỡ, hỏi lại:

-Tranh đấu cao hơn?

-Phải. Tôi giúp chú việc ấy. Chú nên tìm một vài người ở trong làng này để làm việc với chú cho vui. Không cần nhiều người vội. Chưa được hai người, thì một người sốt sắng, lại kín đáo, là đủ. Thỉnh thoảng chú rủ người ấy đến gặp tôi. Nếu đến nhà tôi không tiện, thì ta tìm một nơi khác để nói chuyện. Hay muốn bọn hương lý đừng để ý, thì chỉ một mình chú đến với tôi thôi. Rồi có gì thì chú nói lại với người ấy, để người ấy lại đi nối với nhiều người

khác nữa.

Anh Nhã vui vẻ, nói:

-Nếu được tranh đấu cao hơn thì tôi sung sướng quá.

Anh Na cười:

-Sung sướng thì có sung sướng, nhưng nhiệm vụ nặng nề hơn. Rồi tôi sẽ giới thiệu cho chú gặp một người để làm việc.

Anh Nhã ngạc nhiên, hỏi:

-Thế anh đi đâu?

Anh Na không đáp, nói:

-Bây giờ ta sang việc trồng đay. Chú nghe dư luận trong làng thế nào?

Anh Nhã nghĩ một lúc, rồi đáp:

-Chưa ngã ngũ ra sao cả? Vì chưa ai biết ruộng nào phải trồng đay, và giá cả bán đay định liệu như thế nào. Ông Thái thì lo là ruộng trồng đay không trồng được màu. Cụ từ Hoài thì mừng là nếu chăm bón cẩn thận, đay sẽ tốt, bán được giá cao hơn thóc.

Anh Na phân vân:

-Tôi cũng không biết trồng đay là lợi hay là hại. Lợi thì ta trồng, hại thì ta thôi. Vì chưa rõ đích xác thế nào, nên khó mà đề ra ý kiến cho đúng. Ta hãy chờ hôm ông huyện về để xem ông ấy nói ra sao. Nhưng ta cứ cho người làng nhìn thấy cái nguy cơ phát xít. Người Nhật không giải phóng cho ta như họ thường nói đâu. Trái lại, họ quàng vào cổ ta thêm một tròng nữa. Quân của họ ăn gạo của ta. Thế mà ruộng của ta phải trồng cây công nghiệp chiến tranh cho họ dùng chứ không được cấy lúa.

Anh Nhã thở dài, nhắc lại câu ban nãy đã nói:

-Thế cho nên tôi mong ngày mong đêm Đảng mau mau cứu dân khỏi chết.

***

Tri huyện Lê Sung ngồi trong chiếc xe cao-su nhà sơn giả đồi mồi đương bon bon trên đường lên tỉnh. Với cái bụng phệ tròn và cái cổ rụt, trông hắn như một chiếc chum. Để vận tải cái chum vĩ đại đựng mỡ ấy, một lính lệ gò lưng để kéo, và một người khác ngửa ngực chạy theo sau, tay bám vào thùng xe để đẩy. Xe chạy như bay. Hắn ngồi ưỡn ngửa cái thân phì nộn, chân vắt chéo khoeo, đầu ngả về phía sau, hai mắt lim dim như người chưa quen dậy quá sớm. Thỉnh thoảng hắn mở choàng mắt ra, liếc vào chiếc đồng hồ vàng đeo ở tay:

-Mau lên một tý, chúng mày!

Hắn có vẻ sốt ruột lắm.

Con người gian quyệt như Lê Sung, không làm gì mà không có tính toán. Cả từ việc đi vội mà không dùng ô tô, cũng không phải là ngẫu nhiên. Những quãng đường dưới mười cây số, thì xe chạy bằng mồ hôi của lính có thể tiết kiệm tiền hơn xe chạy bằng dầu ét-xăng quan phải mua.

Nguyên là việc anh Thịnh đến nhà anh Na, Lê Sung biết muộn quá. Hắn cáu lắm. Lý trưởng Văn Chương lên huyện trình, nhưng đã quá mất một ngày rồi. Mắn chửi tên lý trưởng chậm chạp này cũng bằng thừa. Hắn đoán rằng thế nào hắn cũng bị quan trên quở. Số người chỉ điểm cho hai vị quan đầu tỉnh này nhiều không kém số người của sở mật thám. Vậy thì quyết rằng rồi thế nào viên tuần phủ

cũng gọi hắn lên để cự.

Hắn mới chân ướt chân ráo đổi về đây, tài trị cộng sản thế nào, chưa được thi thố. Hắn có tài thật, hay quan trên tin lầm mặt để gửi vàng. Mà sao con Hùm xám ngồi chưa yên chỗ, đã bị cộng sản nó vuốt râu! Nghĩ thế, hắn vừa tức, vừa xấu hổ, nên rất lo.

Song, về phía quan ta đã đành, nhưng về phía quan Tây, hắn còn lo hơn nữa. An Nam với nhau, nhất là cùng trong quan trường cả, thì dù người trên có giận dữ mà khiển trách, thì cũng không đến nỗi nặng lời. Nhưng mà Tây thì phải biết. Chỉ thiếu một nỗi là họ không mày tao, chứ khối công sứ chửi phủ huyện như tát nước vào mặt, những là đồ ngu, thằng phỗng, quân man rợ, về mà làm nghề khác!

Nghĩ đến cái đoạn trường bị công sứ Vát-xi xát xà phòng trước mặt bạn đồng nghiệp thì nhục, cho nên Lê Sung cần gặp riêng tên này ở một chỗ vắng. Dù có bị xỉ vả mấy đi chăng nữa, thôi thì ba mươi sáu chước, có chước lạy van để tạ tội là êm hết. Thân lươn bao quản lấm đầu. Lấm đầu thì chẹc cho kín, về nhà mà gội, mặt mũi sẽ vẫn lại quan rạng như thường.

Công sứ Vát-xi tính nóng nảy, nhưng cũng ưa nịnh. Nhược điểm này của nó, bọn quan lại bản xứ đã đánh hơi thấy từ lâu và đã dặn dò nhau để mà liệu. Cho nên, nhiều trường hợp, một lời hót khéo vào đúng lúc cũng có giá trị ngang với gáo nước lã, dập tắt được cơn thịnh nộ có thể cháy bùng bùng.

Từ ngày xảy ra chiến tranh bên châu Âu, ngân sách Bắc kỳ phải cung cho "Mẫu quốc" những số tiền khổng lồ để phục vụ cho mục đích chiến tranh. Vì vậy, ở thuộc địa, có lệnh đình chỉ tất cả mọi công tác kiến thiết. Ấy thế mà

cũng không hiểu Vát-xi cấu véo ở khoản nào của công quỹ hàng tỉnh được món tiền, làm được cái vườn hoa khá rộng ở đầu tỉnh. Chính tay nó vẽ kiểu, đâu là đường đi, đâu là bồn cỏ, đâu là luống hoa, chỗ nào đảo hồ, cái đảo giữa hồ hình vuông hướng ra phía nào để xây cái đình bia mái cong, lợp ngói ống, cái cầu bắc cong cong như thế nào, sơn màu gì, vân vân, từng ấy cái tỷ mỉ, nó đã nghiên cứu kỹ lưỡng, theo các kiểu công viên ở Ba-lê, ở Bắc-kinh, và ở đền Ngọc Sơn Hà Nội, cùng thác Bạc ở Tam Đảo. Cho nên, ngay từ hôm khởi công, sáng nào cũng vậy, trước giờ làm việc, nó cũng đến công trường ít ra là nửa giờ, để chỉ bảo cho những người thầu khoán đừng làm sai ý của nó.

Vườn hoa ấy hoàn thành. Kể ra thì cũng có vui mắt thực. Tên công sứ Vát-xi được những người ưa ngao du phong cảnh khen là "có công mở mang thành phố". Chiều chiều, những lúc mặt trời mới ngả núi, hoặc tối tối, những đêm chị Hằng nga mới lấp ló ở đầu rặng tre xa, từng cặp nam nữ đã đưa nhau ra đó, ngồi sát cạnh nhau trên ghế xi măng, để ấm ói nhau bằng những hành động thuộc về ái tình. Còn tên công sứ sáng lập ra cái cảnh nên thơ này, thì, theo thói quen như đã bắt nghiện, cứ sáng nào cũng vậy, nó chống cái ba toong bảo vệ to bằng cổ tay, thủng thỉnh đi bộ từ nhà riêng ra vườn hoa, đứng một mình, hút thuốc lá, và ngắm. Nó ngắm như vậy độ nửa giờ, rồi về toà làm việc.

Tri huyện Lê Sung đã biết cái quy luật ấy.

Vườn hoa này là chỗ hắn có thể gặp riêng tên công sứ.

Sự nghiệp mở mang cho thành phố thêm mỹ quan là đề tài hắn gãi vào tính ưa phỉnh của con người hay cáu gắt.

Và nếu tên quan cai trị này có chửi mắng hắn về tội cho người cộng sản hạt khác lọt vào huyện hắn, thì cũng

chỉ một mình hắn biết. Nhưng tất nó không nỡ nổi lôi đình với người dưới quyền độc nhất rất tri kỷ về phương diện biết thưởng thức sự nghiệp mỹ thuật của nó.

Vì những lẽ kể trên, Lê Sung cần có mặt ở vườn hoa đầu tỉnh vào lúc trước bảy giờ.

Và lúc trước bảy giờ, xe của hắn đến vườn hoa đầu tỉnh.

Xe đỗ lại. Hắn xuống đất, nhớn nhơ nhớn nhác nhìn. Hắn yên tâm lắm. Tên công sứ chưa đến. Hắn đến trước tên công sứ.

Hắn vươn vai, ngáp, lấy mù soa lau sạch nhử mắt, đội lại cái khăn và sờ vào các khuy áo xem đã chỉnh tề chưa. Rồi hắn qua cái cầu sơn đỏ, bước lên thềm đình, châm thuốc lá hút, và đứng ở đó một mình. Hắn chờ.

Quả nhiên độ mười phút sau, tên Vát-xi chống ba toong, lững thững đến. Lê Sung vừa khấp khởi mừng, vừa hồi hộp lo. Hắn vờ mải đọc lòng bia dựng ở giữa đình, kể lể "sự nghiệp của vị quan bảo hộ nhân đạo", mà lạc khoản đứng tên tất cả quan lại Việt Nam trong tỉnh. Song, luôn luôn, mắt hắn liếc về phía tên công sứ.

Không hiểu tên thực dân đương nghĩ ngợi vẩn vơ điều gì, hay nó không nhìn thấy Lê Sung, hay có nhìn thấy mà không muốn đến gần, để làm cụt hứng một người đương mê man hưởng phong cảnh. Nó không đứng yên một chỗ như mọi sáng, mà cứ từ từ đi ở ven đường ngoài. Nó không vào trong vườn.

Lê Sung nghĩ lung lắm. Làm thế nào để trình diện, làm đẹp lòng người trên. Không trình diện thì lỡ một cơ hội tốt để dò thái độ vị quan thầy hách dịch.

Hắn quyết không bỏ lỡ cơ hội. Cho nên chờ khi tên

Vát-xi quay trở lại, Lê Sung đi vội ra đón đầu, chắp hai tay, khom lưng, vái một cái.

Có lẽ tên công sứ bây giờ mới nhìn thấy tên tri huyện. Nhưng có lẽ nó đương bận nghĩ cái gì thật. Nó khẽ gật đầu để đáp, rồi vẫn nhìn thẳng, và lững thững đi.

Lê Sung trống ngực nổi lên, chắp hai tay, theo sau, miệng cười cười, nói:

-Thưa quan công sứ, đẹp lắm.

Vát-xi quay lại. Nét mặt thản nhiên, nó lại khẽ gật đầu một cái.

Thấy tên công sứ có vẻ lạnh lùng, không muốn nói chuyện. Lê Sung đứng lại cho đỡ trơ trẽn. Nhưng cái thiên tài về nịnh hót của hắn vừa làm nảy ra trong óc hắn một ý kiến hay. Hắn lại vội vàng đi rảo cẳng để theo sát sau lưng tên quan cai trị. Hắn lại vừa cười, vừa khẽ nói:

-Thưa quan công sứ, quan lớn cho phép tôi đề nghị đặt tên vườn hoa này là Công viên Vát-xi để ghi công đức của quan lớn về muôn đời.

Vát-xi vẫn cứ đi. Nghe xong câu nói, nó quay lại, mặt vẫn thản nhiên, đáp:

-Cảm ơn.

Thấy không được hắt lời, Lê Sung sượng sùng. Hắn đứng hẳn lại, không theo nữa. Hắn nhìn trước nhìn sau. Không có ai trông thấy cảnh này cả. Hắn yên tâm là không phải bẽ bàng với ai.

Hắn trông theo tên công sứ, miệng vẫn tủm tỉm.

Hắn vui vẻ như một người toại nguyện.

Hắn toại nguyện thật. Cứ nhận nét mặt của con người phong vũ biểu này mà đoán, thì chắc rằng giữa người ấy

với hắn, không có chuyện gì bất thường.

Hắn hớn hở lên xe, cho cái thẻ ngà ra ngoài hò áo, châm thuốc lá, vắt chân chéo khoeo, ngồi ưỡn ngực, để một người lính kéo và một người lính đẩy về huyện.

***

Thấy mẹ ở đình về, anh Na biết rằng sắp được nghe vô số chuyện. Anh đỡ cánh tay cụ lên thềm nhà, ái ngại, nói:

-Lâu nhỉ.

Cụ thở mạnh một cái cho khoan khoái:

-Chà chà là chờ! Thế mà bảo người ta ra từ mờ sáng. Khối người chả kịp cơm nước gì cả.

Rồi cụ ghé vào tai anh, nói thầm để mách:

-Đúng là rỗ mặt, bố nó ạ. Khiếp, mà sao béo đến thế! Mắt trắng dã, môi thâm sì, thật là tướng người dáo dở ra mặt.

-Bà cũng trông rõ à?

-Là tao thấy người ta nói thế.

-Hiểu dụ những gì, bà có nghe rõ không?

-Nói dài lắm. Tao không nghe hết. Chỉ nhớ mỗi một đoạn là ...

Cụ không nói vội. Cụ ngồi lên phản, xếp bằng tròn, để vừa nói vừa giơ tay và bắt chước giọng gắt gỏng của tên tri huyện:

-Làng Văn Chương có tiếng là làng nghịch ngợm.

Chưa hết người nghịch ngợm, thì dù bản chức có thăng trì phủ, bản chức cũng cứ ở huyện này. Bao giờ hết những người nghịch ngợm, bản chức mới đi nơi khác. Nhưng sau này, nếu làng Văn Chương lại nảy ra những người nghịch ngợm, thì dầu bản chức có làm đến tuần phủ, tổng đốc ở tỉnh nào, bản chức cũng nhất quyết lại xin về huyện này để rãy cho sạch cỏ nghịch ngợm.

Anh Na phì cười:

-Bản chức nói hay thế, mà bà chả nghe cho hết.

-Tao chỉ để tai đến những lời bàn tán ở bên cạnh.

-Bàn tán thế nào?

-Về việc ông ấy về kinh lý, mà sức cấm dựng cổng chào, cấm bày bái vọng, cấm cắm cờ, cấm mặc áo thụng, người thì khen là tốt, là tiến bộ, không muốn phiền nhiễu dân, người thì bảo tại về làng này, nên không dám làm oai. Cứ như bố mày nghĩ, thì là thế nào?

-Còn là thế nào nữa. Bảo là tốt, là tiến bộ, bảo là không dám làm oai, thì những lời bà vừa nhắc lại đó, có là tốt, là tiến bộ, là không dám làm oai hay không?

Cụ sực nhớ ra, nói thêm:

-Lại nói rằng phản đối nhà nước là vô ơn. Phải trừng trị thẳng tay. Ông ấy khuyên mọi người tố cáo hội kín để lấy thưởng. Ông ấy mắng lính cơ canh phòng trễ nải, để cho dân nhờn.

-Thế người làng nghe ra làm sao?

-Ai biết được. Chỉ thấy tiếng thì thào ở xung quanh là to thôi.

-Thế là người ta không nghe, chứ còn là gì nữa.

Cụ Na gật đầu:

-Giáng chừng thế.

Rồi cụ tiếp:

-Lý trưởng thấy tao chống gậy đến, thì hỏi vợ chồng nhà mày đâu.

-Bà bảo thế nào?

-Tao bảo là còn bận.

Anh Na mỉm cười:

-Đúng là thế.

-Tao còn bảo là mõ rao mỗi nhà một người ra đình nghe quan hiểu dụ, thì nhà này, một tao đi là đủ rồi chứ gì.

Rồi bực mình, cụ lẩm bẩm:

-Lộn tiết!

Anh Na hỏi:

-Thế về huyện rồi à?

-Chưa, còn bảo lý trưởng đưa đi xem làng với ra đồng để định đất trồng đay.

-Về việc trồng đay, bản chức truyền thế nào?

Cụ Na tặc lưỡi:

-Chỉ thấy khen nức khen nở người Nhật tử tế, rộng rãi, mua đay không tiếc đồng tiền. Cho nên trồng đay cho Nhật có thể làm giàu được. Nhưng vì làng ta có lắm người làm cộng sản, nên bị phạt. Đáng lẽ được trồng mười lăm mẫu, như lời lý trưởng nói với dân, thì nay quan chỉ cho mười hai mẫu thôi.

Bỗng anh Na bật tiếng cười sằng sặc. Mãi anh mới nói được:

-Loè bịp đến thế là cùng! Anh Thịnh đoán đúng quá!

Cụ Na ngơ ngác, hỏi. Anh Na đáp:

-Cũng không phải trồng mười hai mẫu đâu. Anh Thịnh đoán đúng. Anh ấy nói rằng lý trưởng bảo mười lăm mẫu, là hắn trừ hao những người hướng, được cộng sản giác ngộ, không chịu bỏ lúa. Chứ chắc huyện chỉ bắt dân trồng mười hai mẫu thôi. Mà sở dĩ huyện bắt mười hai mẫu, là vì sở tuần định độ mười mẫu, và toà sứ chỉ chia cho làng ta gánh độ tám mẫu.

Rồi anh nói đùa:

-Vì thế, làng ta mới bị phạt. Không hiểu quan phạt hay quan sợ cộng sản.

Cả cụ Na lẫn chị Na đều lăn ra mà cười. Anh Na hỏi:

-Bản chức khen người Nhật mua đay không tiếc đồng tiền, thì có bảo họ định bao nhiêu tiền một tạ không?.

Cụ Na lắc đầu:

-Không. Chỉ nói rằng đay chia làm ba hạng. Cái nào trắng, dài đủ kích thước, thì là hạng nhất, bán được giá cao.

-Đủ kích thước là bao nhiêu?

-Người làng hỏi, nhưng bản chức lắc đầu không biết. Rồi nói lảng ra việc khác. Lờ mờ lắm!

Bỗng sực nhớ ra, cụ kể:

-Bao nhiêu người lĩnh canh công điền, đều phải trồng đay hết.

Anh Na cười:

-Ồ! Thế thì gần khắp làng! Bán hết rồi, còn mấy người có tư điền. Nhưng bản chức ra lệnh thế, chắc là vì sợ tư điền, không ai thèm trồng đay chứ gì!

Cụ Na gật đầu:

-Chắc ý thế. Lại bảo gặt hái rồi, ai muốn trồng đay để được nhiều tiền, thì làm đất sẵn đi. Cấm công điền không được trồng gì cả. Đợi đấy, quan Tham canh nông sẽ về phát hạt và bảo ban cách trồng thế nào cho tốt.

Anh Na cau mặt hỏi:

-Làm sẵn đất để chờ, không được trồng gì khác?

-Phải.

Hai mẹ con vừa nói chuyện đến đó, bỗng có người tuần chạy đến báo:

-Bác Na! Quan sắp đến chơi thăm bác.

Anh Na nhíu đôi lông mi lại. Anh khó chịu lắm. Nhưng anh không thể tránh việc phiền phức này. Tuy bề ngoài là bạn cũ đến thăm bạn cũ, nhưng kỳ thực đây là một cuộc gặp gỡ gượng gạo giữa hai người trước có học với nhau, nhưng không thân nhau, thế mà nay mỗi người lại đi một ngả rất xa nhau, rất trái nhau. Vậy thì quyết không phải vì tình bạn mà Lê Sung đến thăm anh. Hắn muốn gặp anh, một là để mua chuộc, hai là để dò xét. Thật là hắn gây cho anh một khó khăn về cách đối xử. Hắn là quan, anh là dân. Hắn có đủ quyền trong tay để bảo anh là kẻ có tội. Song, anh có đầy đủ hãnh diện của người theo chính nghĩa để khinh bọn đầy tớ đế quốc là kẻ có tội. Anh là cộng sản. Việc này hiển nhiên, ai cũng biết. Thế thì người cộng sản phải chững chạc, để người ngoài hiểu người cộng sản là thế nào. Nghĩ như vậy xong, anh quyết định thái độ là bình tĩnh, tuỳ cơ mà đối phó, nhưng phải kín đáo và lễ độ.

Anh sửa lại quần áo cho chỉnh tề, nói với mẹ sửa soạn nước mời khách, rồi ra cổng đứng chờ.

Một lát, tên tri huyện đến. Theo hắn là thông sự Hảo, chánh hội Tuy, phó hội Dương, lý trưởng Sinh, phó lý Kiêu, vài người tuần, vài người lính cơ đóng ở miếu, và vô số người tò mò đi sau để xem.

Anh Na tiến mấy bước ra đường để đón Lê Sung. Nhưng có lẽ Lê Sung không nhận ra anh. Hắn quay lại hỏi lý Sinh, rồi cũng đi rảo đến anh. Hắn vừa cười ha hả, vừa ôm chầm lấy anh, bắt tay thật chặt và thật lâu:

-Hai mươi năm rồi nhỉ. Nhanh thật. Bác thay đổi khác hẳn. Tôi không nhận ra nữa.

Cũng dùng hai tiếng "thay đổi" để trả lời, anh Na làm ra dáng vui vẻ:

-Vâng, quan lớn cũng thay đổi nhiều. Mời quan lớn vào nhà trong.

Tên tri huyện vội vàng nhét cái thẻ bài ngà vào phía trong hò áo, rồi nhăn mặt, xua tay:

-Không quan lớn quan bé gì cả. Không xưng hô như thế, nó mất thân mật đi. Tôi làm quan với người khác, chứ đâu với bạn. Xin cứ gọi nhau là bác cho tiện. Thế nào, bác vẫn mạnh khoẻ, gia đình bình yên chứ?

Anh Na đi ngang Lê Sung, đáp:

-Vâng, cảm ơn bác. Thế còn bác và gia đình?

Lê Sung tươi cười:

-Bình thường thôi. Tôi về hạt này, được gặp bác là bạn cũ, thật là vui quá.

Rồi vừa dắt tay anh Na, vừa đi, hắn giao hẹn:

-Này, thỉnh thoảng lên huyện chơi nhé. Ta đánh chén, nói chuyện láo với nhau cho đỡ buồn.

Có lẽ để thì giờ cho lời nói khéo léo của mình nó

thấm sâu vào tình cảm của người nghe, Lê Sung yên lặng một lát, rồi nói như phàn nàn:

-Vô lý quá, ông nhà nước ông ấy cấm ái hữu! Không có thì ta lập hội cựu học sinh trường ta, để hàng năm, những thằng bạn cũ gặp nhau, thì thú biết mấy!

Hắn nhắc lại;

-Nhớ nhé. Lên tôi luôn nhé!

Thấy con hùm xám đội lốt người, anh Na lột cái lốt ấy ra, để đẩy con hùm xám về chỗ của nó:

-Tháng nào tôi cũng phải lên trình diện ở huyện một lần. Thế nào chả phải gặp bác.

Lê Sung lại xua tay:

-Ồ! Không nói những chuyện ấy. Không kể những lần ấy. Đấy chẳng qua là hình thức, ông mật thám ông ấy vẽ ra để làm phiền chúng mình, chứ làm quái gì.

Thấy con hùm xám vẫn cứ cố tiến lại gần, anh Na cười nhạt, không đáp.

Trong phút im lặng ấy, họn tuỳ tùng nhìn anh, rồi nhìn quan. Không ngờ đâu vừa mới đây, đối với cộng sản quan gay gắt, hằn học là thế, mà bây giờ, đối với người cộng sản chính cống này, quan lại dễ dãi, nhã nhặn, thân mật đến thế được.

Lê Sung vào trong nhà. Hắn làm ra vẻ rất tự nhiên. Hắn trật khăn ra, để trên phản, rồi không ngồi trên cao, hắn đặt đít xuống bậc cửa, kéo hai ống quần đến gần đầu gối, mở quạt ra, quạt phành phạch.

Thấy chướng mắt về những trò bả lả giả dối trắng trợn quá, lố bịch quá, anh Na bắc ghế gần tên tri huyện:

-Mời quan lớn ngồi.

Lê Sung nhăn mặt, dậm chân xuống đất:

-Lại quan lớn!

Anh Na vờ:

- À, tôi quên.

-Thế thì đừng quên nữa. Tôi thích ngồi thế này, cho nó mát. Ta nói chuyện thôi. Này, đừng nước non gì cả đấy. Tôi đến thăm bác cho biết nhà, rồi đi ngay bây giờ đây mà. Thế nào, từ ngày ở ngoài ấy về, bác làm ăn ra sao? Có đủ tiêu không? Cũng nên kiếm việc gì mà làm cho đỡ buồn chứ?

Nghe hắn liến thoắng những câu hỏi khách sáo, anh Na đáp:

-Bác đã hỏi, thì nhân tiện tôi xin lỗi bác, là biết tin bác về hiểu dụ, mà tôi không thể đến nghe được, là vì tôi bận dạy học. Nhà tôi thì đi chợ.

Lê Sung nhún vai:

-Ồ, làm gì cái vặt ấy. Hiểu dụ cho dân nghe, chứ đâu dám đánh trống qua cửa nhà sấm. Tôi nói ở nhà không làm việc gì thì buồn, là ý muốn rằng bác có nhiều ý kiến về việc cải cách thôn xã, thì nên làm thế nào cho làng ta tiến bộ hơn làng khác để giúp tôi. Ví dụ như cổ động cho nhiều người đọc sách báo mới, mở cuộc diễn thuyết giác ngộ họ chẳng hạn. À, thế ra bác cũng có dạy học đấy. Dạy học cũng tốt, cũng là làm công cuộc xã hội. Lương có đủ ăn không?

Thấy Lê Sung nhũn như con chi chi để đưa mình vào tròng, anh Na cũng dùng những tiếng nhã nhặn để cho hắn biết là anh không dễ bị lừa:

-Vâng, tôi xin lĩnh ý. Nhưng muốn giúp bác cho được

việc, xin bác mấy chữ vào công văn cho hợp pháp. Còn như việc tôi bây giờ, chỉ là dạy không lấy tiền mấy đứa cháu nhỏ con mấy người em họ nghèo. Vì không phải là trường tư có trên năm học sinh, nên không phải xin phép. Song, nhân tiện, cũng xin trình bác biết.

-Tha hồ! Tha hồ! Bác dạy đến bốn mươi đứa cũng không cần phép tắc gì. Bác với tôi chứ với ai mà ngại, mà phải giấy tờ.

Hiểu ngay hắn mập mờ về tiếng giấy tờ để đánh trống lảng, anh Na cười, toan nói lại, thì Lê Sung cướp lời, hắn nghiêm nghị nhìn lý trưởng:

-Cấm thầy không được làm khó dễ với ông Na. Người theo cộng sản bao giờ cũng thương kẻ nghèo. Ông Na là bạn thân của tôi nghe chưa.

Lý Sinh chắp tay:

-Dạ.

Hắn dặn anh Na:

-Hễ bọn này có điều gì không phải đối với bác, bác cứ bảo tôi một tiếng. Dân mình ngu dốt, không phân biệt thế nào là chính trị phạm với thường phạm đâu.

Rồi quay ra sân, hắn lại liến thoắng:

-Ông Na là người yêu nước, muốn nước ta độc lập, nên nhà nước bảo hộ bỏ tù. Tù này là tù sang trọng, đáng quý, đáng phục, chứ không phải là người tầm thường. Tầm thường là cái hạng cúi đầu làm nô lệ như thầy trò nhà mình ấy, các người biết không?

Hắn cười với anh Na.

-Phải nói rõ thế, họ mới hiểu.

Anh Na thấy Lê Sung thật là khôn ngoan. Không

những hắn đã đánh tháo nổi chỗ bế tắc mà anh dồn hắn vào, tức là đòi hỏi giấy tờ hợp pháp, để hắn chừa lừa bịp anh bằng những lời hứa suông rất nguy hiểm ấy, thế mà hắn còn phỉnh phờ anh thêm, hòng để anh tin hắn. Muốn hắn thấy anh không ngây thơ, anh cố giữ nét mặt thản nhiên. Anh vờ hận pha nước.

Khi nước pha xong, anh đưa một chén mời Lê Sung. Tên tri huyện giơ hai tay ra đỡ, nhấp một tí, rồi vẫn giọng tâng bốc, hắn khen:

-Ngon, thơm quá! Chè ta bây giờ tiến bộ lắm nhỉ. Chiến tranh cứ kéo dài đi. Hàng ngoại quốc không vào được, thì nội hoá mới có cơ phát đạt.

Nói đoạn, hắn cười ha hả, rồi hỏi:

-Thế nào, cứ như các bác trong Đảng ta tiên đoán, thì thống chế Pê-tanh có khôi phục được nền độc lập của nước Pháp không?

Bật cười về hai tiếng "Đảng ta" ráo hoảnh, anh Na thấy đây là một dịp tốt để đập vào chỗ hớ hênh của người tự cho là mình khôn khéo, anh đáp xa xôi để mỉa mai:

-Thống chế Pê-tanh, tôi không biết rõ. Nhưng so sánh nước Pháp bây giờ với nước ta hồi Pháp mới chiếm, thì tôi thấy ông ấy như các ông Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân.

Lê Sung gật đầu:

-Phải, không có các ông ấy thì còn loạn lạc, dân còn khổ.

Tự nhiên, anh Na ngạc nhiên về sự mê muội của hạng thượng lưu trí thức được đào tạo ở nhà trường cao đẳng. Anh cần phải vành mắt họ ra:

-Muốn khôi phục nền độc lập của nước Pháp, thống

chế Pê-tanh phải đuổi quân Đức ra khỏi bờ cõi. Như vậy, dân phải vất vả trong ít lâu. Nếu để cho phát xít Đức thống trị, thì Pháp mất nước, dân sẽ phải khổ mãi mãi. Nhưng việc khôi phục nền độc lập của nước Pháp, thống chế Pê-tanh không làm, mà là Đảng Cộng sản Pháp làm.

Đó là cái tát vào mặt tên tri huyện. Có lẽ tên này thấy đau, nên hắn im lặng. Nhưng hắn che ngay chiều gió thổi vào hắn, và lại nói trôi như nước chảy:

-Đảng Cộng sản giỏi thật. Tù tội, chết chóc cũng không sợ. Cứ thích ...

Hắn ngắt lại để nghỉ, rồi tiếp:

-Cứ thích cộng sản thôi. Tôi mà không làm quan, thì tôi cũng vào Đảng Cộng sản. Tôi cứ bị mang tiếng là trị cộng sản, nhưng làm quan mà như tôi, thật là hiếm. Tôi biết quý, biết trọng những người làm cộng sản. Tôi thề với bác là một đời tôi làm quan, tôi chưa hề làm hại một người cộng sản nào. An Nam mình, ai không có máu cộng sản ở trong người. Chính ông cụ sinh ra tôi này, cũng bị đi đầy về tích Đông Kinh nghĩa thục đấy.

Hắn ngắt lại, nhìn mọi người, có vẻ hãnh diện. Nhưng anh Na cười thầm. Rồi hắn rụt cái cổ lại để tỏ ý buồn nản với anh:

-Tôi chỉ tiếc vì việc quan bận quá, ít có thì giờ đọc sách cộng sản, nên không hiểu thấu chủ nghĩa của ta hay đến như thế nào. Cho nên bác là đảng viên, bác phải có bổn phận truyền bá tư tưởng cho chúng tôi mới được.

Rồi không để anh Na tỏ ý kiến, hắn đứng dậy:

-Thôi, lần đầu tiên đến thăm bác cho biết nhà biết cửa. Bác được mạnh khoẻ là tôi mừng. Bận khác, ta sẽ nói chuyện lâu.

Không muốn lưu con người lá mặt lá trái ở trong nhà, anh Na nói:

-Bác về huyện?

-Vâng.

Rồi vỗ vai anh, hắn dặn:

-Tôi đã hẹn rồi đấy nhé. Luôn luôn lên huyện chơi, đánh chén, nói láo nhé.

Hắn gọi người thông sự:

-Đưa tôi cái cặp. Ông Na đây sẽ là cố vấn chính trị của tôi. Thầy dặn lính tráng là từ nay, hễ ông Na về huyện, thì phải mời vào ngay, nghe chưa.

Lê Sung mở cặp, lấy ra một cuộn giấy tròn, đưa anh Na:

-Có món quà quý, biếu bác làm kỷ niệm.

Thấy cuộn ấy bọc ngoài bằng giấy nhật trình, anh Na sực nghĩ đến món sách báo mà hôm nọ anh Thịnh vừa cho anh. Anh cũng mong đây là quyển sách. Anh lấy đầu ngón tay nắn để xem. Không phải sách. Là tờ giấy cứng. Vậy nó là cái gì? Anh nói với Lê Sung:

-Cảm ơn bác cho quà.

Lê Sung xuống thềm, đứng dừng lại, nhìn sân, nhìn vườn, gật gù khen:

-Rộng rãi, mát mẻ lắm nhỉ.

Rồi chờ cho mọi người đi trước, hắn nắm tay anh, vừa thong thả bước, vừa hất hàm hỏi khẽ:

-Ở nhà có hơn không? Thôi đi nhé. Tội gì làm việc khỉ ấy cho tội thân!

Rồi hắn tiếp:

-Chẳng lẽ tôi với bác, rồi chúng mình đối xử với nhau như thế nào? Thôi đi nhé. Muốn tôi giúp gì, cứ bảo tôi là có hết.

Nhìn rõ hình thù con hùm xám, anh Na cười:

-Cảm ơn bác. Thế nào chẳng có nhiều lúc chúng ta có chuyện nói với nhau.

Muốn chừng không hiểu lời nói ấy có ý nghĩa gì, Lê Sung gật đầu:

-Thế thì cứ năng đến chơi tôi, chẳng ai nghi ngờ vào đâu được. Có hơn là giao thiệp với những tên như cái người đêm hôm nọ nó ngủ đây hay không.

Thấy tên tri huyện này khá tinh, anh Na hơi giật mình, anh không đáp.

Ra đến cổng, Lê Sung nắm tay anh thật chặt và rung thật lâu, để nhắc cho đủ những ý mà hắn muốn nhấn mạnh:

-Lên chơi tôi luôn nhé. Thôi đi nhé. Đừng hoạt động gì nữa nhé. Cổ động dân làng trồng đay cho tôi nhé.

Buông được tay con người xảo quyệt ra, anh Na phải cố nhịn cười. Anh thấy nhẹ nhõm.

Anh bắt tay người thông sự, và chào lại các chức dịch.

Bỗng mọi người cười ồ lên. Họ đã trông thấy lý Sinh qua mặt anh, thì khép nép cúi đầu, và vái một cái. Lê Sung chợt quay lại, thấy vậy, mặt hắn tím bầm hẳn đi.

Đợi cho bọn người khuất, anh Na trở vào nhà.

Cụ Na ra nhà ngoài, dọn dẹp ấm chén. Thấy anh, cụ tươi cười:

-Ừ, ăn nói cũng nghe được đấy chứ?

Anh Na đủng đỉnh:

-Nghe thì đổ thóc giống ra mà ăn!

Anh mở cuộn giấy để xem món quà quý của Lê Sung cho anh. Bỗng anh cười sằng sặc, bò ra giường để cười.

Cụ Na ngó vào, thấy mặt tờ giấy có hình người tô màu vàng roé. Cụ trông không rõ, hỏi:

-Cái gì thế này?

Anh Na vừa ôm bụng vừa đáp:

-Hoàng đế Bảo Đại với hoàng hậu Nam Phương! Không biết nó định chửi mình hay nó muốn mình chửi nó! Giời ơi! Chết cười mất!

***

Lê Sung ra đến xe ô tô, thì cho những người đi tiễn hắn được trở về. Duy hắn giữ lý Sinh ở lại. Chờ mọi người đi xa, hắn mới vẫy lý Sinh đến bên cạnh. Hắn quắc mắt, giơ năm đầu ngón tay như định tát,và hất hàm, hỏi:

-Ai cho mày vái thằng tù cộng sản? Hở? Hở?

Bị vặn bất chợt, lý Sinh cuống queo. Lại nhìn đôi mắt long lên của quan, hắn càng hết hồn. Hắn gãi tai mới đáp được:

-Lạy quan lớn, thừa lệnh quan lớn, chúng con phải...

Lê Sung nghiến răng:

-Mày ngu như con chó! Tao nói gì thì mặc tao chứ! Thân danh mày là lý trưởng trong làng, mà hèn thế, không trách nó cưỡi đầu cưỡi cổ.

-Lạy quan lớn tha tội cho. Lần sau chúng con không dám thế.

-Nhưng mày đã vái nó rồi. Nhục! Nhục! Những điều ngọt ngào mà tao nói với nó, là tao có quyền nói. Chứ mày tưởng thật à? Tao mà quý, mà trọng những thằng cộng sản à? Tao mà thèm vào Đảng Cộng sản à? Mày có biết tao với cụ Sứ thân nhau như bố con không? Mày có biết lúc nào tao vào yết kiến quan Toàn quyền cũng được hay không? Mày có biết tao là con hùm xám hay không?

Bị hỏi dồn dập, lý Sinh run cầm cập:

-Dạ, bẩm có ạ.

Tên tri huyện trợn đôi mắt trắng dã:

-Ừ, con hùm xám có thần thế như vậy vì đã ăn thịt cộng sản, nghe chưa? Cớ làm sao mày để nó dạy bốn đứa cháu nó?

Không biết trả lời thế nào, lý Sinh cứ gãi tai.

Lê Sung nói:

-Khôn hồn thì liệu mà đoạ dẫm những đứa cha mẹ ấy, không được cho con đi học nữa. Học gì? Học làm giặc à? Mày phải biết, tao đến nhà nó, là để dò xét bụng nó, là để xem nhà nó, từ trong gầm giường, gầm bàn, cho đến ngoài vườn, những chỗ nào có thể giấu được người, giấu được khí giới, giấu được máy in, giấu được truyền đơn, cờ đỏ. Tao bảo nó lên chơi luôn, là cho nó vào tròng, để bạn hữu nó nghi ngờ nó, không tin nó. Nhưng thằng ấy ghê gớm lắm. Nó không khờ khạo đâu. Đấy, mày xem, những câu nó đối đáp lại tao, có rõ ràng là thằng cộng sản chưa biết hối lỗi hay không? Mềm với thằng này không được. Mày phải làm thế nào triệt được sinh kế của nó đi. Vợ nó bán hàng ở chợ, phải xui nhau đừng mua nữa. Luôn luôn sách

nhiễu cho chúng nó mất thì giờ làm ăn. Để cho nó no ấm, nó còn rừng mỡ, làm bậy.

Nghe mỗi câu dặn, lý Sinh lại cúi đầu một cái và:

-Dạ.

-Còn thanh niên làng mày nữa. Chúng nó cũng theo gót thằng bố nó đấy. Củ dủ cù dù như mày, thì đứa nào nó sợ? Làm việc quan, bất độc thì bất anh hùng. Nhưng muốn độc, thì bề ngoài phải chững chạc chứ? Mày mà chững chạc thì đáng lý thằng dân cho mày ba hào, nó phải khấn đến năm hào. Không chững chạc, thì việc đáng năm hào, nó chỉ thí cho ba hào là tốt. Ấy là tao chưa nói nó quịt mà cũng phải câm họng đi đấy. Có thế không?

Lý Sinh gãi tai:

-Dạ, bẩm có.

-Mày còn một tội láo với tao, là mày chỉ mừng tao có ba đồng. Như làng này giàu có thế này, mày cũng phải mừng tao năm đồng mới phải.

-Lạy quan lớn tha tội, làng chúng con nghèo. Chúng con quen như cổ lệ.

Lê Sung trợn mắt, xông lại gần lý Sinh:

-Lệ lệ cái mả cha mày! Dân chúng mày đặt được ra lệ à? Thế bây giờ bao nhiêu tiền một chai rượu vang, một thước vải phin? Mày cãi là làng mày nghèo à? Tao đã cất công đi xem làng mày từ đầu đến cuối rồi. Nghèo mà nhà nào cũng nền gạch, sân gạch? Nghèo mà biết bao nhà có vườn cây ăn quả? Lại bao nhiêu nhà có cau ở sân? Chỉ những người phong lưu mới có thì giờ nhàn rỗi hưởng miếng giầu bát nước thôi chứ?

-Bẩm những cây ấy có từ đời ông cha chúng con.

-Mày còn cãi? Mày chỉ nhìn thấy có làng mày. Nhưng tao đi thiên hạ nhiều. Tao là ông quan, nên tao biết. Cây nào có từ đời ông cha, mà con cháu sa sút, thì nó khác. Đằng này, vườn nào cũng xanh tốt. Rõ ràng tao nhìn thấy nhiều cây cau mới bẻ buồng. Như nhà đứa nào có sáu cây cau với hai cây na ấy, tao còn thấy dựng cái thang ở ngay đấy. Nhà đứa nào có bốn cây cau với một cây mít, ở sân nhà nó, đương phơi một sàng cau. Những nhà ấy, không giàu thì là nghèo à?

-Dạ, đấy là nhà tên Thụ, tên Tụng, đi vắng, mở cửa hàng sách ở trên tỉnh.

-Đi vắng thì vẽ việc, gọi chúng nó về luôn luôn, hóp cho lòi tiền ra chứ!

-Bẩm chúng nó là những tên tù chính trị cũ.

Lê Sung chữa ngượng:

-Ấy là tao đơn cử một vài nhà như vậy, chứ tao làm nghề này, thoáng vào làng, tao biết ngay làng ấy là giàu hay nghèo, huống hồ ở đây, tao còn đi khắp. Như nhà đề Liễu chẳng hạn, đứa nào ở? Nó còn có nổi một chum tương đóng cọc ở sân, thì không phải là không đủ bát ăn. Thế mà mày không liệt nó vào hạng tình nghi, mà lại tha cho nó à? Thằng cháu bảng Năng cũng vậy, qua đấy, tao còn thấy có đứa con gái mặc áo cộc trắng. Nghèo mà mặc đồ trắng à? Không sách nhiễu những nhà ấy thì để làm gì? Còn bao nhiêu nhà đại khái như thế nữa. Thế mà mày còn dám vin vào cổ lệ, mừng tao có ba đồng. Còn hai đồng, tao cho nợ lại đấy. Liệu mà nộp cho đủ.

-Dạ.

Lê Sung yên lặng một lát, rồi tiếp:

-Còn một tội nữa. Tao đã nói thì nói cho hết. Tại làm

sao tao về kinh lý lần đầu mà mày không cờ quạt, bái vọng để đón?

Lý Sinh giật nảy mình:

-Thừa lệnh quan lớn sức cấm ...

Lê Sung bẻ:

-Sức cấm là việc của tao, còn đón rước vẫn là việc của mày chứ? Hay là bố Na mày xui mày?

-Bẩm quả là con chỉ tuân lệnh quan lớn, chứ không có ai xui.

-Mày nói dối. Sao thằng Na nó không ra đình? Có thật nó không xui mày không?

-Dạ, bẩm thật.

-Thế những thằng cộng sản, những thằng nhà giàu như...

Nói đến đó, tên tri huyện ngừng lại. Hắn móc túi, lấy quyển sổ con, mở từng tờ, rồi đến một trang, hắn đọc:

-Thằng Na, thằng Thụ, thằng Tụng, thằng Xích, thằng Nhã, thằng Bằng, thằng Thái, thằng Lung, không đứa nào xui mày cả à?

-Lạy quan lớn thật quả là không.

Lê Sung nhìn lý Sinh. Hắn nhún vai, lắc đầu, có vẻ thất vọng:

-Mày trả lời thế thì mày ngu độn thật. Mày là thằng không làm nổi việc, không biết có ở với tao được bền không.

Lý Sinh bị doạ, cuống queo:

-Lạy quan lớn, quan lớn mới về trọng nhậm, chúng con chưa thuộc tính quan lớn. Quan lớn tha tội cho lần

này, lần sau chúng con không dám ngạo mạn.

-Ừ, thu xếp rồi lên huyện mà tạ tội. Chứ không có lối xin bằng nước dãi ở giữa đường thế này. Hôm nọ, mày làm ông sểnh thằng Thịnh, ông đã ngơ đi cho. Ông mà ác, thì tù cả nút rồi. Về mà bảo nhau làm thế nào cho bõ công ơn của ông, nghe chưa? Thôi, đi về. Còn việc bắt dân trồng đay nữa đấy. Liệu mà làm cho tốt.

Lý Sinh chắp hai tay, khom lưng để vái. Rồi bâng khuâng như trong chiêm bao, hắn sờ cái khăn, cái áo, nắn tay vào túi, thấy vẫn còn nguyên cả.

Ô tô mở máy. Bánh chuyển. Bụi bay tung. Lý Sinh vái theo cái xe. Hắn nhìn xung quanh. Qua lần bụi, hắn thấy cái gì cũng mờ mờ, không biết đâu là thực, đâu là hư.

***

Cụ quản À bị cảm rồi qua đời.

Đây là một mối lo cho ông Thái, con trai cụ, nhưng lại là một tin vui cho bọn người chỉ nhấp nhổm rình đi đánh chén, nhưng ít lâu nay để cái miệng thất nghiệp. Họ cử trùm Hựu, là chú ruột hiếu chủ, đến đánh hơi, xem cỗ bàn mời mọc ra sao. Và xúc thêm cho người cháu ganh đua với nhiều đám khác.

Trong lúc tang gia bối rối vì đau thương, thì những người họ gần nhất đến hỏi thăm. Trùm Hựu cũng đến vào lúc ấy.

Hắn đứng trước giường người chết nằm, mở hé lá màn

nâu, rồi khẽ lật tờ giấy bản che mặt. Hắn thở dài, buông màn xuống, rồi thắp thêm một nén hương, cắm vào cái ống tre đầy gạo, đặt ở phía đầu giường. Hắn nhìn người cháu, lắc đầu, nhăn nhó nói:

-Tôi không ngờ ông cụ về chóng thế. Hai bác định lo liệu ra sao? Chỗ chú cháu trong nhà, cứ nói cho thật, thiếu đâu cứ bảo, rồi họ hàng mỗi người giúp một tay.

Vừa lúc ấy, bà trùm Bí, người chị họ, chạy ù từ ngoài ngõ vào, ngồi phệt xuống đất, gục mặt vào thành giường mà khóc. Trùm Hựu thấy đàn bà chỉ biết có việc khóc, làm ngắt cả câu chuyện hệ trọng sắp bắt đầu, cho nên lấy quyền uy bề trên, hắn nhăn mặt, tặc lưỡi:

-Thôi!

Bà Bí hỉ mũi, quệt vào gót chân hai ba lượt, mới ngẩng mặt lên nhìn chú với nhìn em. Trùm Hựu nhắc lại câu han nãy để hỏi ông Thái. Bà Bí lau nước mắt, nhưng nói còn nghẹn ngào:

-Cậu mợ thì nghèo, nhưng họ nhà đông, mà ai cũng có lòng, không ai nỡ để cho cậu mợ phải lúng túng đâu. Cậu định làm ma ông ấy thế nào, cậu cứ nói.

Ông Thái đáp bằng giọng chán nản:

-Bày vẽ ra, chỉ tổ tốn kém, lôi thôi. Ai qua cầu nào mới biết cầu ấy. Gia cảnh nhà tôi thế này, còn giấu nổi ai ở làng này mà phải tô son điểm phấn.

Trùm Hựu khực khực cái mũi hin để tỏ rằng mình hết sức ngạc nhiên về lời lẽ của cháu. Hắn cố nói ngọt ngào:

-Nào ai muốn thế, nhưng sự đời cứ bắt thế. Không thế không được. Còn ai lạ gì nhà này? Nhưng ngoài nhà này ra, còn có bà con, họ hàng. Tôi nói thật, bác chả nên so bì với ai, nhưng còn bác bảo báo hiếu cho bố thì tốn kém, lôi

thôi, là tôi không bằng lòng. Ít ra bác cũng bốn chục tuổi trên đầu rồi, bác biết ở làng ở nước, không ai có thể sống nổi một mình, sống theo ý mình. Cho nên ít ra bác cũng phải lo cho đúng lệ làng. Đám ma ông cụ mà làm kém đám ma bà cụ năm xưa, thì tủi vong linh ông cụ đã đành, mà làng nước người ta còn chê cười cho nữa. Chẳng những hai bác bị chê cười, mà ngay tôi đây cũng bị chê cười, vừa là chú, vừa là đàn anh trong làng, mà có cháu không biết bảo. Vả lại, bác cũng nghĩ đến tôi, đến các em một chút, bác mà giả nghĩa ông cụ như vậy, thì sau này, các em nó vin vào, nó bắt chước, nó bỏ tôi thối ra à?

Ông Thái hiểu ông trùm Hựu, nên rất bực dọc, nhưng không nói. Trái lại, bà Bí vô tình, nghe lời chú như những giáo huấn thành thực. Bà tán thành trùm Hựu:

-Vâng, cậu mợ cháu bây giờ chẳng còn ruột gan nào. Có gì không nên không phải, cụ là bậc cha chú, cụ cứ dạy bảo.

Trùm Hựu gật đầu:

-Phải, không lẽ tôi là chú ruột anh, tôi lại xui anh làm những điều càn, điều bậy. Lúc sinh thời, ông cụ chẳng chịu thua kém ai, hội văn thân có, hội các cụ có, nóc làng có, nóc giáp có. Từ ngày học uống chén rượu, mấy chục năm nay, tôi với ông cụ có vắng mặt ở đám nào đâu? Món khẩu trái to như thế, mà bây giờ anh ấy định xí xoá, coi sao cho tiện, có phải không chị trùm?

Muốn dồn người cháu gái đồng tình hơn nữa, trùm Hựu hỏi thế, nhưng không để bà Bí trả lời, hắn nói tiếp:

-Đành rằng làng này cải lương, nhưng cải lương cũng phải tuỳ từng người mà cải chứ vào lớp tuổi chúng tôi, nhất định chúng tôi không bỏ lệ xưa. Vả lại như bác trùm

vừa nói, là rất chí lý và có tình. Họ hàng ta đông, ai cũng có lòng, thì ai để mặc hai bác phải lo liệu một mình mà sợ?

Bà Bí được khen, nên khen lại chú:

-Cụ nói đúng. Cậu mợ không thể lúi xùi được. Cụ vừa nói làng nước chê cười cậu mợ, rồi chê cười lây đến cụ, nhưng tôi cho là chẳng gì một mình cụ bị chê cười, mà cả họ Phạm nhà mình bị chê cười, là không biết cưu mang lẫn nhau. Vả lại, người ta chê cười cậu mợ là người ta nói ai? Người ta nói ông cụ quản nhà, chứ nói ai? Rồi ngồi đâu người ta cũng xói móc. Tai tiếng để đời. Tôi tính đám ma này làm cho hẳn hoi, cũng không tốn kém mấy hột đâu. Cơm, rượu, thịt, đã có các họ lo hộ, hiếu chủ chỉ phải bù chút ít.

Ông Thái đáp:

-Cơm, rượu, thịt của các họ lo góp cho, thì lại mời các họ hết, còn đâu đến phần các nóc?

Trùm Hựu cau mặt:

-Anh này đâm quẩn mất rồi. Nói thế mà không sợ phải tội. Làm như các họ chỉ thiết ăn thôi.

-Ngày bà cháu mất, ông cháu giả nợ miệng thế nào, cụ cũng biết đấy. Cũng chỉ là tránh tiếng xì xào, cho nên phải đợ bốn sào ruộng công cho ông phó lý lấy trăm rưỡi bạc, đến nỗi tận năm nay, mỗi vụ còn phải nộp cho ông ta mỗi sào là sáu thùng. Như vậy thóc giả cho ông ta to gấp mấy cái trăm rưỡi rồi, mà ông ta vẫn tính hươu tính vượn, kêu rằng chưa đủ vốn. Ấy là họ hàng, chứ phải người dưng nước lã gì!

Thấy cháu đả động đến một người máu mủ, lại trong bọn đàn anh cùng cánh với mình, trùm Hựu bênh phó hội:

-Ông ấy làm nhiều cái không tốt, trong dân nhiều người oán trách thật. Nhưng tôi thấy riêng việc đợ ruộng này, thì ông ấy là tốt, ông ấy có tình. Các bác biết đấy, trong làng ta có ai ở trong nhà có sẵn một lúc trăm rưỡi bạc hay không? Thế mà khi ông cụ hỏi một tiếng, là ông ấy cố lo ngay cho đủ. Ông ấy cũng phải hỏi vay nhiều nơi, góp lại, mới có trăm rưỡi. Mà nghề đã vay, thì phải chịu lãi. Thế là thóc của bác chồng, ông ấy có được ăn vào bụng một hột nào? Không phải ruột non ruột già, tôi chắc ông ấy chả tận tâm như vậy. Bác đừng nói mà oan ông ấy. Làm ơn mà nên oán, thì ai còn muốn giúp đỡ ai nữa. Mấy lị tôi nghe ít lâu nay có vụ nào bác chồng đủ cho ông ấy hai mươi bốn thùng đâu?

-Vì vậy cho nên đến việc ông cháu, cháu không muốn hày vẽ, rồi phải vay mượn, để khó cho họ hàng. Không lẽ còn mấy sào ruộng công ở đống quán Ông già cũng đem cầm nốt, thì phải nhịn đói.

Thấy ông Thái nhắc đến mấy sào liền khoảnh với ruộng nhà lý trưởng, trùm Hựu gật đầu, giọng thân mật:

-Nhân tiện, tôi muốn bàn với anh việc này. Ông lý vẫn khẩn klhoản đòi đổi mấy mảnh đất ấy lấy mấy mảnh của ông ta ở cánh Mả giơi, tôi tưởng nhân dịp này, ta đổi quách.

Bà Bí hỏi:

-Ai lại dại thế hở cụ, ruộng tốt ruộng gần, tự nhiên lại đổi lấy ruộng xấu, ruộng xa.

Trùm Hựu giảng:

-Nào phải tự nhiên. Cũng do cái dận mình cần tiền, mà ông lý thì đánh tiếng mấy lần rồi. Ông ta xin bù vào chỗ thiệt. Vậy bác thử tính xem, bác muốn lấy các bao

nhiêu, bác cứ bảo tôi, tôi đứng giữa, đến nói chuyện với ông lý hộ. Có tiền các, thì đưa ông phó chút ít, tôi đứng lên xin xí xoá cái món nợ cũ hộ cho. Còn lại bao nhiêu, bác thêm thắt lo liệu ma chay cho tươm tất.

Ông Thái cười:

-Thế thì chết đói!

-Sao lại chết đói? Giời sinh voi sinh cỏ. Sạch nợ thì làm giàu.

Bà Bí sực nảy ra ý kiến mới, giảng thêm:

-Tôi nghe cụ dạy phải đấy. Cậu là người bị tình nghi. Mấy năm trước, làm ăn dành dụm được bao nhiêu, đã lo chạy chọt mất hết sạch, thế mà vẫn không khỏi là người tình nghi, nay bị lên cửa quyền, mai bị khám nhà, cứ những lo nghĩ cũng mất cả làm ăn. Ông lý là người làm việc quan ở trong làng. Người làng những ai thế nào, ông ấy chỉ nói một tiếng là ông quan tin. Nếu nhân dịp này, cậu đổi ruộng cho ông ta, cậu vừa được tiền các, vừa được sạch nợ ông phó lý, vừa được cầu thân với ông lý, thì ông ấy xoá tên trong sổ đi cho. Vả lại ruộng là ruộng công, chứ có phải tư điền hương hoả của cha ông đâu mà giữ. Nó như cái hoa, mỗi người hưởng một dạo.

Ông Thái lắc đầu, nhìn trùm Hựu:

-Nhưng có những cái hoa vẫn bị giữ khư khư, chẳng người khác nào được hưởng lần nào. Mà có ai muốn chia lại công điền!

Bà Bí tặc lưỡi khẽ:

-Ăn nói như cậu, không trách cứ mang tiếng là bướng bỉnh.

Không muốn kéo dài câu chuyện ruộng nương để ông

Thái kể tội đàn anh trong làng, phải nghe những lời nói cạnh, trùm Hựu vờ dỗi:

-Chỗ chú cháu nhà, tôi chỉ muốn cho bác hẳn hoi, để không ai nói động chạm đến ông cụ. Anh ruột tôi mà không nằm yên, thì tôi xót xa.

Ông Thái cười nhạt:

-Ở đời, chẳng ai không muốn hẳn hoi. Nhưng mua được tiếng hẳn hoi để phải chết đói thì tôi không dại. Đấy, cụ ngắm trong nhà tôi, còn có cái gì đáng giá hay không? Chẳng lẽ còn bốn cánh cửa gỗ mọt này, cũng đem bán đi nốt, thì nhà trống hốc.

Trùm Hựu gắt:

-Nói chuyện với anh này như đấm bùn sang ao. Thôi, tôi mặc kệ, khổ sở là thế mà không chừa được cái thói nói càn.

Mặt hắn hầm hầm, hắn đứng phắt dậy. Nhưng hắn lại đi rất thong thả ra ngõ, hình như để đợi người cháu biết hối hận, mời ở lại bàn bạc làm ma theo ý mình. Nhưng ông Thái mặc kệ. Ông chờ cho trùm Hựu đi khuất, mới bĩu môi, nói nhỏ với bà Bí:

-Ông tôi mất đã là một tai nạn, thế mà thoạt nhìn thấy ông ấy đến, tôi giật nảy mình, như thấy thêm một tai nạn nữa. Ông ấy là chú, nhưng chỉ rình mổ thịt cháu. Bác nghe ông ấy từ nãy đến giờ thì rõ cái tâm địa kỳ mọt đục khoét của ông ấy.

Bà Bí kéo chiếc chổi rơm ở góc nhà, ngồi lên trên, yên lặng một lát, rồi nói:

-Nhưng cũng là ông ấy không muốn cho cậu mợ bị tai tiếng về sau này.

Ông Thái cười:

-Bác thật thà quá. Lòng bác thế, cho nên tưởng lòng ông ấy cũng thế. Kể ra cứ nghe ông ấy nói, thì tưởng ông ấy tốt, bàn tính cho mình đấy. Nhưng nếu nhìn thấu vào ruột gan ông ấy, thì rõ ràng là ông ấy bắt mình phải làm mâm to cỗ đầy cho bọn ông ấy đến ăn. Ông ấy còn bênh phó lý với xui tôi đổi ruộng cho lý trưởng. Có đời nào lý trưởng chịu các tiền, mà lý trưởng làm gì có tiền? Có đời nào phó lý chịu xí xoá nợ? Bùi tai mà nghe ông ấy, thì chỉ có đi xiêu.

Bà Bí ngẫm nghĩ rồi thở dài:

-Thôi, ông ấy về rồi, bây giờ chỉ còn tôi với cậu, thì chị em mình bàn bạc riêng với nhau. Thế cậu định làm ma ông như thế nào?

Ông Thái lắc đầu:

-Tôi không định làm gì cả. Tôi đã nghĩ rồi. Làm cũng khổ, nhưng không làm thì đỡ khổ hơn.

Thấy bà chị chưa hiểu ý mình, ông Thái nói thêm cho rõ:

-Tôi là người bị tình nghi. Tôi không làm gì, chắc thế nào bọn họ cũng đổ cho là có óc khác, muốn phá lệ làng. Nhưng, nói thật với bác điều này, mấy năm nay, tôi sợ cái tiếng là bị tình nghi quá rồi, nó làm tôi không ngóc cổ nổi. Tôi chỉ muốn được yên thân, để làm ăn cho vợ con khỏi đói. Thế thì tôi không làm ma ông tôi, không phải vì tôi đáng nghi gì, mà chỉ vì tôi không muốn đeo nợ vào thân. Tôi biết rằng tôi không mời mọc ăn uống, thì làng, giáp, hội, họ, không ai chạy đến, có thể không ai khênh ông tôi ra đồng đâu. Song, tôi chắc họ hàng tốt, bạn bè tốt, không ai nỡ để ông cụ nằm ở trong nhà mãi. Nhưng tôi cũng nhất

định không nhờ ai. Bởi vì tôi không muốn họ hàng tốt, hà con tốt dây dưa với tôi về việc này, rồi lại bị tình nghi lây. Nếu tôi làm mâm to cỗ đầy, thì được tiếng khen đấy. Nhưng được tiếng khen, họ hen chẳng còn. Đành rằng có các hội, các nóc, các họ mỗi nơi giúp một tí. Nhưng việc giúp đáp không làm tôi không lo ngại đâu. Bây giờ nhà nước cấm đoàn kết, cấm tương trợ, ít lâu nay trừ hội tư văn, còn các họ, các phường, các nóc, không ai dám đả động đến nữa. Nếu bây giờ tôi nhờ đến họ, đến phường, đến nóc, có khác gì bới những hội đoàn kết tương trợ cho ông quan ông ấy nhìn thấy để ông ấy làm khổ dân lần nữa hay không. Mà các họ, các phường, các nóc giúp ai, chứ giúp một người bị tình nghi, thì ông quan ông ấy không để yên. Thế nào ông ấy cũng làm cho lôi thôi. Ông quan này ghê gớm lắm, hơi ở làng có việc gì, ông ấy cũng biết. Lệ nhà nước là cấm tụ họp quá hai mươi người. Nếu tôi mời mọc ăn uống, thế tất tôi không thể không xin phép. Nhưng liệu ông quan ông ấy có cho phép không? Mà rồi người ta chiếu số người đến ăn, tôi phải mua ba chục, năm chục lít rượu nữa, thì ai nốc cho hết. Mấy lị, liệu người làng có dám đến ăn, hay người ta sợ người tình nghi, rồi tôi đến phải đổ rượu, chôn cỗ xuống đất?

Bà Bí không nói gì. Ông Thái tiếp:

-Cho nên không làm thì bị tình nghi, nhưng làm cũng không tránh được là tình nghi, còn mắc nợ thêm nữa. Thì thà không làm cho đỡ khổ có hơn không? Tôi đã là người bị tình nghi, chịu lôi thôi quen rồi, không muốn hứng thêm cái khổ mắc nợ nữa. Vả lại, thời buổi này, cái gì cũng hiếm, cũng đắt, thì việc hiếu hỉ nhất định phải tuỳ sức mình có lo liệu nổi hay không. Một người tinh giảm được, thì hai người tinh giảm được. Rồi những người khác cũng theo, không ai nói ai nữa. Tôi bây giờ như gà phải cáo, làm

gì cũng sợ, nên phải đắn đo, chọn lấy cái hại nhỏ nhất, và đã chịu quen. Thôi thì tử đắc táng vi vinh, làm thế nào cho ông tôi được đào sâu chôn chặt là được.

Bà Bí đáp:

-Tôi hiểu hụng cậu rồi. Việc của ông, tuỳ cậu mợ định. Nhưng tôi thấy ít lâu nay từ ngày nhà nước cấm đoàn kết, tương trợ, cấm các hội, thì tục lệ làng ta lại có nhiều thói xấu như ngày xưa mất rồi. Nhà tư Toang không lo được khẩu trái cho mẹ, mà các ông đàn anh chiếu lệ làng, cấm phát khốc, cấm mặc tang phục, phải đưa bà cụ đi đêm và không được qua cổng đồng, phải xé luỹ tre đưa quan tài ra, y như đưa ma trộm. Tôi sợ đám này cũng như thế.

Ông Thái cười nhạt:

-Đám nào thì cũng đưa ra đồng để chôn. Cho nên tôi không cần. Thế bác thử xem, đám ma bà cụ nhà tư Toang như thế, thì người ta nói tư Toang hay người ta nói ai?

-Nhưng tư Toang khác, cậu khác. Ở làng ta, tư Toang không còn họ hàng để nhờ vả, cậu thì họ hàng đông.

Vừa lúc ấy, bà Thái và anh Báng, là con trai, gánh chiếc quan tài mới mua về. Anh Báng nói:

-Cỗ ván mỏng và mọt, mà cứ nhất định đòi mười đồng. Nói mãi họ mới cho chịu hai đồng.

Bà Bí nháy anh Báng ra góc sân, cởi dải yếm, lấy hai tờ giấy bạc, quay lại nhìn trộm ông Thái, rồi dúi tiền vào tay cháu, một tay xua xua.

***

Bọn kỳ mọt trong làng Văn Chương, ngơ ngác như đánh mất một cái gì. Họ mất thật. Mất một bữa chén khướt.

Nhưng họ còn muốn tin là trùm Hựu đánh hơi không đúng, hoặc ông Thái đã hồi tâm nghĩ lại mà nghe lời khuyên nhủ của ông chú già - xểnh cha còn chú - cho nên các trưởng nóc làng, trưởng nóc giáp, trưởng nóc trạ, và các hội, các họ, rủ nhau đến hỏi thăm ông Thái và dò xem ông ta định mời mọc thế nào để người ta liệu đồ phúng viếng. Nhưng khi thấy ông Thái vẫn giữ ý kiến cũ, họ không nói thêm gì, lẳng lặng chuồn dần.

Họ phẫn uất như người bị quỵt nợ. Ra đường cái, họ không nhịn được, họ chửi ra miệng thằng bố ăn chằng, và thằng con kiệt lỗ đít.

Qua hàng lò rèn nhà bác Bưng, thấy có con cầy mới thui vàng, treo ở cửa, khoá Hưởng rủ phó lý Kiêu, tộc biểu Chưng, vào làm vài chén cho đỡ bực.

-Mẹ kiếp, chỉ tại thằng trùm Hựu đếch biết nói, cho nên nó mới dám khinh lệ làng. Phải tay tôi thì tôi chửi toẹt vào mặt, chứ lại chịu về không à? Ông phó lý không nhân việc này mà chiếm mẹ mấy sào ruộng nợ của nó đi để rửa hận cho anh em à?

Thấy khoá Hưởng hỏi khích, phó Kiêu khà một tiếng, đáp:

-Ông chả phải dạy đĩ vén xống. Trước kia thằng già còn sống, thì tôi còn nể là chỗ họ hàng. Nhưng bây giờ nó giở mặt, chơi chúng ta một vố, thì ừ, chơi!

Tộc biểu Chưng cắn miếng riềng, thấy lạo xạo trong

mồm, thì quắc mắt nhìn bác Bưng:

-Mả mẹ mày, rửa chưa sạch!

Hắn nhổ toẹt xuống đất, rồi nói với các bạn:

-Nghe đâu ông lý đã đổi xong mảnh ruộng nhà Thái rồi mà?

Phó Kiêu bĩu môi:

-Xong đếch đâu! Mà lý nào chứ lý ấy tôi thách tranh nổi của tôi đấy! Phụ trái tử hoàn. Bố nó nợ tôi thì tôi bắt ruộng của nó, chứ nó nợ chó đâu ông lý mà ông lý hòng. Ông lý gạ đổi, chẳng qua vì ích kỷ, muốn lấy cho liền khu, thế thì dễ một mình ông ấy khôn thôi phỏng?

Khoá Hưởng gọi thêm cút rượu nữa, rồi cười:

-Coi mà hai ông đàn anh tranh nhau rồi kiện nhau, thì lũ con em nó cười cho thối óc ra đấy. Chúng ta họp đây là tìm cách chơi lại nó, chứ có phải để đố nhau xem ông lý hay ông phó lấy nổi ruộng của nó đâu. Mấy lị, tôi thách cả hai ông lấy nổi ruộng của nó ở quán Ông già đấy. Bố nó nợ thì lấy ruộng của bố nó, chứ sao lại lấy ruộng của nó ở quán Ông già?

Tộc biểu Chưng gạt đi:

-Chính ông lại nói đến chuyện ruộng đấy thôi. Việc của ông lý và ông phó thì sau này hai ông ấy phân xử với nhau cho êm thấm. Chúng ta bàn việc trước mắt. Ông phó bảo chơi lại nó, thì ông định chơi thế nào. Tôi tính phải để tay khoá Hưởng, vì ông khoá tinh thông văn tự, lại lắm mưu kế.

Khoá Hưởng đáp:

-Cần gì phải mưu với kế! Nó đã khoẻ kiệt, thì ta làm cho nó chừa kiệt. Đến mười tư này là giỗ cụ Bảng, mà mấy

năm nay, nó không đóng đồng môn, tôi sẽ cho nó một vố. Còn việc nó không làm ma cho bố nó, thì lẽ tất nhiên là không một ai thèm đến. Thử xem một mình nó, nó có khênh nổi bố nó ra đồng không nào?

Phó Kiêu đập tay xuống chiếu:

-Mẹ kiếp! Việc quan anh cứ phép công anh làm. Tôi mà thấy đứa nào mặc tang phục, tôi cứ bắt cởi ra, vứt mẹ vào đống lửa!

Chưng tiếp:

-Đứa nào khóc lóc, vả cho tan họng, hộc máu mồm!

Kiêu gật đầu:

-Thằng nào người ngoài đến khiêng giúp, tôi sai tuần đánh cho ựa cơm, rồi gô cổ lại, giải ra đình cho làng xử.

Hưởng nhấp chén rượu vừa rót, chép chép đôi môi, nói:

-Quái, dễ thằng này pha thêm nước lã?

Bác Bưng để cút rượu vào mũi, hít vài hơi, rồi đáp:

-Cháu có pha cháu chết! Vừa lấy trên ty về sáng nay.

Giữa lúc ấy, phó hội Dương đi qua, làm khoá Hưởng quên hoạnh việc rượu. Hắn gọi phó hội vào.

Thấy các bạn đương chén, Dương cười, hỏi:

-Ai làm khổ chủ thế?

Khoá Hưởng bảo bác Bưng lấy thêm chén, thêm đũa cho phó hội Dương, rồi tặc lưỡi:

-Tôi thủ xướng đấy, còn ai là khổ chủ, chưa biết. Nhưng chắc chắn là nhà Thái.

Dương gật đầu:

-Ừ, thế thì thả cửa. Bưng! Thái thêm thịt, lấy thêm rượu nhé.

Muốn chừng bác Bưng lo lắng về bữa ăn chịu này, bác gãi tai nói:

-Trình các cụ ...

Như hiểu ý, phó lý Kiêu cau mặt:

-Mẹ bố mày! Câm ngay cái họng! Chúng ông tai to mặt lớn, chúng ông thèm quịt của mày à?

Rồi hắn nhắc lại những ý kiến vừa rồi của Chưng và Hưởng. Phó hội tợp một hớp, tiếp tục câu chuyện:

-Coi không có lại xảy ra án mạng nhé. Mà việc gì phải giải ra đình. Cứ việc đưa tuột lên huyện. Khênh đám ma không hợp phép, vừa phạm lệ làng, vừa làm điều quốc cấm. Luật nhà nước cấm ngặt tương thân, tương ái, tương trợ vụng trộm được, chứ quan này, ngài biết, thì chỉ có mà rũ tù. Mà những đứa đến khiêng giúp, chẳng là tụi chúng nó, còn là ai? Cũng đáng kiếp lắm. Chứ người khác, ai hoài hơi?

Khoá Hưởng thêm:

-Mà khoá bố nó cái cổng đồng lại. Nội bất xuất, ngoại bất nhập. Xem có bắt được thằng bố nó phải chui qua luỹ như con chó cho mà nhục không nào!

Phó hội Dương xua tay:

-Không được. Khoá cổng thì cấm đồng à?

Phó lý Kiêu đáp:

-Thì cấm đấy. Quyền phép trong tay mình. Đứa nào kêu, cột cổ nó lại, giải phắt lên quan. Như thế không là về hùa với nhau, phản đối nhà đương sự thi hành nhiệm vụ à? Quan nào, chứ quan này thì ta bới cộng sản vô tội vạ.

Bác Bưng đứng lom khom để cắt thêm riềng vào đĩa, nói:

-Gớm, các cụ làm thế thì chỉ khổ nhà nghèo chúng cháu.

Chưng đáp:

-Lệ làng thế, giàu hay nghèo cũng phải theo, chứ các cụ nào làm khổ?

Bác Bưng thở dài:

-Mấy năm Bình dân, lệ chả nới cho người nghèo là gì. Bây giờ sống đã khổ, chết cũng chưa hết khổ!

Phó Kiêu cau mặt nhìn bác Bưng:

-Mấy năm Bình dân khác, mấy năm nay khác. Ai bảo chúng bay nghèo?

Khoá Hưởng sực nghĩ ra, chửi:

-Mẹ bố mày! Lại muốn bênh nhà nghèo à? Đừng có hóng chuyện rồi lại đi hớt lẻo.

Hắn đứng dậy, nói:

-Thật đấy, miệng nó trống như đít bụt. Ta lại tĩnh nhà cụ trùm Hựu mà ken-cờ để bàn thêm đi.

Phó hội Dương gắp hai, ba miếng thịt, cho vào mồm, vừa nhai, vừa nhìn bác Bưng, nói bằng giọng hằn học:

-Chua cả mồm! Chỉ tại mày.

Bác Bưng thấy bốn vị đàn anh đi một cách rất tự nhiên, không ai đả động đến tiền nong, bác nhìn theo, rồi thất vọng. Bác xếp đũa, xếp chén, miệng lẩm nhẩm tính xem hết mấy hào. Vợ bác bực mình với bác, ngừng tay thụt bễ, càu nhàu bằng những tiếng của phó hội vừa mắng bác:

-Chỉ tại mày!

***

Ở đồng làng Văn Chương, từng tốp dăm ba người một, trong lúc làm việc, người ta cũng bàn tán về đám ma cụ quản À. Nhưng những lời bàn tán ở đây không phải mai mỉa, hằn học, chửi bới ông Thái như bọn đàn anh đương nói với nhau quanh bàn đèn nhà trùm Hựu bây giờ, mà là những lời phàn nàn cho người chết, lo lắng cho hiếu chủ, và xót thương cho cảnh nghèo. Có người khen ông Thái dám cương quyết bỏ hủ tục. Một câu của bọn mọt dán bàn nhau đối phó với ông Thái, dù ở đâu và kín đáo thế nào, cũng bay được ra ngoài, đến đồng và lọt vào tai mọi người, để mọi người mỉa mai, hằn học, chửi bới lại bọn người hay đục khoét.

Vì anh Na bị lên cơn đau tim đêm trước, sáng nay còn mệt lắm, nên anh Nhã đến chơi, không hỏi thêm được ý kiến gì. Bây giờ càng thấy bọn đàn anh lộ cái mặt gian tham, đểu cáng, anh Nhã càng quyết định phải phá họ, làm cho người làng ăn ở với nhau có tình, lấy cái thuần phong mỹ tục đương gây dở dang hồi Mặt trận Bình dân. Anh cày vội vài luống cho xong, rồi đến đống Rố tìm ông quyền Lạc. Và chẳng mấy chốc, dưới bóng cây đa, cạnh cống đồng, một người đi làm về, rửa chân tay ở giếng, nghe thấy anh Nhã và ông Lạc nói việc đám ma, cũng đến góp chuyện. Rồi hai người. Rồi đến sáu, bảy người. Tự nhiên, thành ra một cuộc hội họp đến hơn một chục người. Họ không khích bác nhau, không phản đối nhau, nhưng khi giải tán, ai nấy mặt hầm hầm.

Người nói:

-Nhất định tôi khênh đòn. Đứa nào ngan cản, tôi đánh

bỏ mẹ!

Người nói:

-Nhất định phá cổng ra mà đi. Nhất là án mạng phen này cũng không cần!

Thấy khí thế người nào cũng hăng hái, ai cũng chán ghét cái tệ hương ẩm, ai cũng khinh thù bọn cậy quyền mà bắt nạt người cùng đinh, và biết bênh thương nhau, anh Nhã mừng lắm. Anh đến nhà ông Thái.

Anh kể cho ông Thái biết bọn cường hào định xoay ông thế nào, và anh em định đối phó lại ra làm sao. Ông Thái cảm động quá, nhưng cũng rất bối rối. Ông nói:

-Tôi chỉ vì nghèo, lại không muốn đeo nợ, nên không vẽ vời ra ăn uống, chứ thực không có ý gì khác. Nay các bác có lòng giúp, tôi lấy làm khó nghĩ quá. Tôi sợ rằng rồi việc này lôi thôi to. Thế nào những kẻ ác khẩu cũng vu tôi là phá lệ làng, là nêu gương tiến bộ. Tôi thì thế nào cũng chịu rồi, nhưng tôi chỉ sợ xảy ra không hay cho các bác. Tôi vốn là người bị tình nghi, thế mà các bác giúp tôi, tất bọn họ đổ là hội kín, hội hở, đoàn kết, tương trợ, thì rồi mất làm ăn. Tôi đã qua cảnh này, nên muốn các bác tránh cái khổ nhục ấy. Không nói gì xa xôi, ngay như việc bọn họ ngăn cản mà ta cứ làm, hai bên không chịu nhau, cùng hăng tiết lên, tất xảy ra đánh nhau, thành án mạng. Mình kiện bọn họ, chắc không được ông quan bênh. Bọn họ kiện mình, thế nào mình cũng thua, có người đi tù.

Anh Nhã đáp:

-Tôi cũng đã nghĩ đến tất cả những điều ấy. Nhưng tôi cam đoan là không xảy ra gì.

-Tôi thì nhân bần nên chí đoản, như gà phải cáo, nên chỉ cốt làm sao cho yên thân. Các bác có lòng thương, tôi

rất cám ơn. Nhưng tôi muốn các bác miễn cho việc giúp đỡ. Một mình tôi với vài người nhà cũng đưa được ông tôi ra đồng.

Thấy ông Thái nhút nhát, anh Nhã không nói nữa. Anh hỏi:

-Bao giờ bác đưa cụ ra đồng?

Ông Thái nghĩ ngợi một lát, rồi ấp úng:

-Sáng mai. Không thể sớm hơn, mà cũng không nên muộn hơn.

Anh Nhã đứng dậy, ra về.

Anh đi loan báo anh em, để gà gáy hôm sau, tám người vào điếm lấy đòn, và hai người đến cổng đồng, nâng hẳn hai cánh ra để không thể khoá được.

Nhưng vì không muốn những người tốt bụng phải vì mình mà liên luỵ, ông Thái đã nói dối anh Nhã. Ông không dám trái lệ làng, để tránh bọn cường hào khỏi sinh sự. Bà Thái thấy làng giáp hờ hững không ai đến thăm viếng, thì tức giận, coi là một sự nhục nhã, đau đớn hơn bị đòn. Bà toan kêu khóc, chửi bới bêu quơ rầm rĩ lên. Nhưng ông Thái ngăn lại. Ông không đào huyệt vào ruộng công, sợ bị ngăn giữ, cho nên ông chịu đi xa, để cụ quản vào đất của bà trùm Bí. Và ngay hôm ấy, chờ cho tối một lúc lâu, ông đưa cụ ra đồng. Bà Bí cầm hó hương đi trước. Ông với anh Báng gánh cỗ ván. Vợ ông vác ba chiếc cuốc, theo sau. Bốn người đi rất yên lặng. Cổng đồng vẫn mở phanh. Cụ Quản không phải chui qua kẽ luỹ tre một cách lén lút. Dưới ánh trăng, đám ma ra đến huyệt, bốn người đỡ quan tài từ từ hạ xuống sâu, rồi lấp đất lên, đắp cao thành nấm.

Công việc được ông chuốt, ông Thái mừng lắm. Ông

đến nhà anh Nhã, báo tin cho anh biết, nhân tiện cảm ơn và xin lỗi anh. Ông cũng đến chơi cả những anh em hảo tâm định giúp đỡ ông. Rồi ông về ngủ, rất yên lòng.

Nhưng đêm ấy, bọn cường hào không yên lòng. Vì họ không biết đám ma cụ quản À đã đưa rồi. Họ chỉ đồ biết là một số người bướng bỉnh trong làng sắp chống lại họ. Những người ấy định sáng hôm sau, vào điếm, cướp lấy đồ đưa ma, và giữ cổng đồng, không cho ai khoá. Vì vậy, họ lại quây quanh bàn tĩnh nhà trùm Hựu để bàn bạc thêm. Rồi lúc tan canh, lý trưởng với chánh hội phái tuần đem giáo mác đến điếm, canh đòn tang, và đến cổng đồng, khoá chặt hai cánh lại. Hễ ở đâu có chuyện lôi thôi, thì lập tức ở đấy phải nổi mõ động.

Thế là ông Thái nói dối anh em, vô tình đã làm cho bọn cường hào mắc lừa. Đám ma cụ quản À đã đưa từ tối hôm trước, tất nhiên ông Thái không còn bố nào chết nữa để đưa vào sáng hôm nay. Thế mà tuần vẫn cứ phải canh ở điếm và ở cổng đồng đã khoá. Nhưng chẳng thấy ai ra cướp đòn đám ma. Chẳng thấy ai phá cánh cửa. Chỉ thấy một lúc, một người dắt trâu ra, lúc nữa, lại một người nữa vác cuốc tới, bị mắc nghẽn đường, thì đứng đợi. Và vì đợi lâu, người thì giục tuần mở cửa, trâu thì húc sừng vào cánh gỗ kêu rầm rầm. Không ai biết thìa khoá ở đâu. Tuần xui người đến nhà lý Sinh mà hỏi. Nhưng lý Sinh bảo phó hội Dương giữ. Đến nhà phó hội Dương, thì lại thấy nói ở nhà thủ quỹ Chính. Bọn đàn anh đổ quanh cho nhau để kéo dài thì giờ, đợi đám ma phải chui qua luỹ rồi mới mở cổng. Nhưng đến khi họ được tin cụ quản đã được đưa ra đồng tối hôm trước, họ mới ngã ngửa người. Gần một chục con trâu đứng thở phì phò. Và hơn ba chục người đi làm, sốt ruột vì phải chờ cổng mở, họ bực tức, chửi bóng chửi gió bọn người bất nhân.

***

Ba hôm sau, buổi trưa, ông Thái đương ngồi ở hè xay ngô để nấu độn với cơm, bỗng thấy ở ngõ vào, bốn người đi rầm rập. Nhìn nét mặt khoá Hưởng hầm hầm, và ba người tuần, người mang tay thước, người mang đòn càn, người mang cuộn thừng, ông giật nảy mình, đoán ngay là có việc chẳng lành.

Quả nhiên, khoá Hưởng chợt nhìn thấy ông Thái, đã trợn mắt trỏ vào mặt và quát:

-Thằng vô đạo! Sao hôm nay ngày kỵ thầy, mày không góp giỗ? Mày lại muốn phá lệ đồng môn à? Trói gô nó lại. Đồ súc sinh!

Bất thình lình, một người tuần lực lưỡng ôm ghì lấy ông, quật ngã ngửa ông xuống đất, còn hai người khác, một người trói hai cổ chân với nhau, một người trói hai cổ tay với nhau. Khoá Hưởng như vẫn chưa nguôi giận, lấy tư cách là trưởng tràng, hoạnh thêm:

-Ba chữ quân sư phụ mày để đâu? Đồ bạc!

Bà Thái và anh Báng sợ xanh mắt. Bà ngồi phệt xuống đất, chắp tay kêu van. Nhưng khoá Hưởng để ngoài tai. Hắn nhìn một người tuần, sai:

-Tháo cánh cửa nhà nó ra. Cho đem bán đi lấy tiền góp đồng môn!

Bà Thái lại khóc lóc. Nhưng vô ích. Hai người tuần sỏ đòn càn vào chỗ nút buộc chân và tay ông Thái, gánh ông như gánh con lợn. Một người vác bốn cánh cửa gỗ mọt lên vai, đi sau. Bà Thái kêu la rầm rĩ, định theo. Nhưng khoá Hưởng giơ tay thước ra doạ. Bà đành ngồi phệt ở sân, rũ

tóc ra, hò cha, khóc chồng.

Khoá Hưởng giải người bạn đồng song đến trước bàn thờ thầy để nộp và trình cô. Cô, tức là cụ bảng Năng hà.

Ngày xưa, khi cụ bảng Năng ông chưa thi đại khoa, cụ có giảng sách cho một số con em trong làng. Những tay lười nhất hoặc hỗn nhất, bây giờ thành mọt già, như phó lý Kiêu, phó hội Dương, khoá Hưởng, tộc biểu Chưng v.v.... thì, khi cụ đỗ phó bảng, nhất định nhận là học trò cụ. Nhưng đến hồi cụ làm quốc sự, bị bắt đi đầy, thì họ lảng ráo cả. Chưa ai đóng một trinh đông môn nào. Đến cả giỗ cụ, họ cũng không biết ngày. Cho đến năm kia, tức là mới hai năm nay, nhân thấy nhà nước khuyến khích dân giữ lại thuần phong mỹ tục cổ truyền, khoá Hưởng mới lập hội đồng môn. Ý hắn ta, một là để hàng năm, được đi chén thêm một bữa không mất tiền, hai là để có địa vị - vì hắn đỗ khoá sinh, tất được bầu làm trưởng tràng - cho bọn chức sự trong làng vị nể. Tuy không làm lý phó trưởng, chánh phó hội, kém vai vế về chính quyền thôi, nhưng về chữ nghĩa, hắn hơn họ, vì đứng đầu trong hàng học trò cụ bảng.

Cụ bảng hà năm nay đã ngoài bảy mươi. Từ ngày nhà cửa, ruộng đất bị tịch ký hết, cụ phải đến ở nhờ một người em họ cụ ông. Nhưng từ năm ông con cả mất, và ông con út đi biệt tích, thì bọn cầm quyền trong làng khuyên cụ - nhưng chính là họ đuổi khéo cụ - về nguyên quán mà ở. Thấy không ở nổi quê chồng, cụ đành đem người cháu nội duy nhất, tên là Phùng, về bên quê mình ở làng An Vinh, cách Văn Chương hơn một cây số. Ở An Vinh, cụ sinh sống rất long đong. Cụ cho cháu đi học trường Pháp Việt. Phùng thông minh và ngoan ngoãn, hết lớp sơ đẳng, đỗ ngay Sơ học yếu lược. Nhưng đến khi thi vào lớp trung

đẳng năm thứ nhất, thì ba năm liền, Phùng bị đánh trượt. Cụ biết là Tây muốn đầy đoạ cho con em các nhà làm quốc sự phải thất học, cụ đành cho Phùng ở nhà, xoay nghề nông. Rồi Phùng lớn lên, anh lĩnh canh ruộng của nhà thờ đạo An Vinh để sinh sống. Mấy năm nay lấy vợ người quê nội, anh lại về ở làng. Đất không có, anh ở nhờ nhà người chú họ đi xiêu. Ruộng không có, anh xin chia công điền. Nhưng có lẽ vì không dám chia ruộng cho con cháu những người phản đối, hoặc có lẽ khinh anh ít tuổi, lại không còn bà con, vai vế gì trong làng, hoặc nữa, có lẽ hở phần công điền nào ra thì bọn cường hào chiếm ngay mất, cho nên đến nay, anh Phùng vẫn chưa được chia ruộng. Người ta lấy cớ là anh đã tạm có ruộng nhà chung, không phải đói, nên hãy chờ dịp khác. Anh chờ lần lữa mãi, rất lấy làm ức. Hàng ngày, anh không quên được ức, vì người thì ở Văn Chương, mà hàng ngày anh cứ phải xuống tận đồng An Vinh làm việc xa xôi, diệu vợi, khó nhọc quá. Lại khi nghĩ đến nông nỗi làm ruộng làng, chỉ phải nộp thuế điền, gặp năm mình đăng cai, mới phải đóng góp thêm chút ít, thế mà hiện nay, thuế điền mình chịu đã đành, còn phải nộp thóc quá nặng. Và thỉnh thoảng nhà thờ có việc, còn phải đến làm không công. Và những lần có việc vào khu vực thờ chúa, anh cứ phải nghe dỗ dành theo đạo. Nếu không được bù cái lợi, là có thể nuôi được bà, và ngày ngày được thăm bà, thì anh đã bỏ ruộng An vinh, đi kiếm ăn bằng nghề khác. Chăm và khoẻ thì nhất định không đói. Anh mời cụ bảng bà lại về ở Văn Chương với anh, nhưng cụ không muốn. Cụ quyến luyến với quê mình hơn quê chồng. Chỉ mỗi năm, đến ngày giỗ cụ ông, cụ mới về Văn Chương một lần.

Nhà của cụ bảng Năng bị tịch ký và đem bán. Nhưng người làng không ai dám mua, sợ là đất dữ. Bởi vậy, nó

thành cái vườn. Giữa vườn, vẫn còn nền gạch và sân gạch, đã long lở gần hết. Cụ bà thiết lập bàn thờ cụ ông ở đất cũ của nhà.Cũng chỉ sơ sài thôi. Một chiếc án thư đặt ở sân, giữa bày bát hương, hai bên là hai cây nến gỗ. Đồ lễ, chỉ là một khay nước và một cơi trầu. Họ hàng, bà con, ai nhớ thì đến, lễ xong, ăn trầu, uống nước rồi về. Mới chỉ từ ngày khoá Hưởng lập hội đồng môn, bày thêm đĩa xôi con gà, thì án thư mới thành hẹp đi. Nhưng học trò dâng lễ thì học trò hạ lễ, rồi phối hưởng với nhau. Chứ cụ không còn răng, cụ chả nhận một tí phần biếu nào, dù rằng cụ thương cháu cụ quanh năm chẳng được một miếng thịt vào miệng. Và cụ cũng hiểu bụng những người gọi là học trò này lắm.

Vì vậy, hôm nay, bỗng tự dưng cụ thấy hai người tuần gánh kĩu kịt một người đến, đặt bịch xuống nền gạch, trước bàn thờ cụ ông, và khoá Hưởng trình tội của ông Thái, cụ liền chạy đến, cởi trói cho ông Thái, và xin tha. Cụ tìm hộ cho ông Thái một lý do rất chính đáng:

-Ông ấy đại tang, kiêng đi lễ giỗ là phải.

Rồi cụ ngọt ngào nói với khoá Hưởng:

-Cô xin, cô xin!

Và cụ xua tay, bảo mấy người tuần:

-Thôi, các anh đem cánh cửa về giả ông ấy.

Khoá Hưởng nhất định không nghe, hăn truy ông Thái là bạc với bố, bạc với thầy, rồi tuyên án:

-Thưa cô, thầy là bậc đại đức độ, mà nó như vậy, là đắc tội với thầy. Cô đã truyền thì chúng con xin tha trói, tha gộp, nhưng chúng con xin phép cô cho nọc cổ nó trước bàn thờ thầy, đánh cho nó mười roi để nó nhớ tội.

Bọn Kiêu, Hưởng, Chưng, toan vật ông Thái xuống, thì cụ bảng lại chạy đến, ôm lấy họ để ngăn, và nằn nì:

-Thôi, tôi xin các ông. Thế là đủ rồi.

Họ không thể làm hơn được, đành để cho ông Thái ngồi xổm ở một chỗ xa.

Giữa lúc lộn xộn ấy, cụ Na đến. Tay cầm đĩa hoa, tay chống gậy, cụ chào cụ bảng và mọi người. Vợ anh Phùng chạy đến dắt cụ. Cụ đặt đồ lễ lên án xong, vái mấy vái, rồi nói:

-Gớm, ầm cả làng lên! Thế ông Thái đâu rồi? Làng gì lại có cái làng xấu thói thế! Dễ muốn người ta đi hết cả hay sao! Vừa chưa yên việc hôm nọ, đã đến việc hôm nay. Gớm quá!

Khoá Hưởng như bị chửi giữa mặt, cãi:

-Việc chúng tôi với nhau, cụ biết gì mà cũng nói vào. Nó bạc với thầy học, thì chúng tôi trị đấy.

Cụ Na nói:

-Tôi gần kề miệng lỗ rồi, cho nên tôi cứ thẳng tôi nói, tôi chả sợ ai. Các ông bảo nó bạc, thì các ông đã giả nghĩa thầy học cái gì nào? Đấy, cụ có thằng cháu đấy, sao mấy năm nay, các ông cứ để kệ nó cấy ruộng của nhà thờ An Vinh? Ruộng công của làng còn khối ra đấy.

Phó lý Kiêu không nhịn được:

-Ai bảo cụ là ruộng công còn khối.

Cụ Na thản nhiên, đáp:

-Các ông tự hỏi các ông, chứ hỏi gì tôi? Các ông dở rồi ra những chuyện như thế này, thì chỉ tổ các ông bị chê cười thôi, tôi nói thật thế. Người đời, ai chả ghét những kẻ hay bắt nạt, ức hiếp, đè nén người khác, ai chả thương những người nghèo, những người khổ, những người lép vế. Đấy, các ông ngẫm mà xem, tôi nói có đúng không?

Cụ bảng không muốn nghe những lời qua tiếng lại, nên nói với cụ Na:

-Thôi, tôi xin cụ, để đến lúc khác. Mình già, cứ hay ăn nói lẫn cẫn, chẳng biết có lọt tai các ông ấy không. Thằng cháu Phùng nhà tôi làm ruộng ở An Vinh quen rồi, thì mặc kệ nó. Chẳng biết ở đấy xử với những người đi đạo thế nào, chứ nó ở đời, người ta có thu nhiều thóc quá đấy, một năm, nó thiếu ăn đến bốn năm tháng đấy. Nhưng nhờ giời, nó còn khoẻ, cố làm, thì cũng có ngày sạch nợ. Cụ Na phàn nàn các ông chưa cho nó công điền, nhưng thôi, có thì cho, không có thì thôi, tôi không nghĩ ngợi gì đâu.

Đương nói dở, cụ thấy anh Phùng tới, cụ bảo:

-Nào, Phùng, hạ lễ để kính lại các ông môn sinh.

Anh Phùng thấy bà nội đương nói về mình, và anh đã biết việc xảy ra cho ông Thái, anh định chêm vào vài câu cho bõ tức, nhưng vì cụ bảng muốn gạt đi, nên anh đành im.

Anh chưa kịp giơ tay bưng đồ lễ, thì bọn học trò đã chạy đến đỡ hộ anh.

Trong khi ở trước án thư, lố nhố những người, thì phía sau lưng những người lố nhố ấy, ông Thái lừng lững lột chiếc chiếu ra, và chắp tay, lên gối, xuống gối, ông lễ bốn lễ trước bàn thờ cụ bảng.

***

Cũng như mọi năm, ngày giỗ cụ bảng ông, thì cụ bảng bà đến Văn Chương, ở lại ngày hôm ấy, sáng hôm sau mới về An Vinh. Lễ xong, cụ đi thăm họ hàng, bà con,

khắp lượt, rồi đến tối, cụ lại ngủ với cụ Na.

Nhưng lần này, cụ đến thăm thêm hai người nữa. Một người, để cám ơn, là tổng Hưởng. Một người, để an ủi, là ông Thái.

Được cụ bảng vào chơi, ông Thái vui sướng bất ngờ. Ông kể lể hết cảnh nhà và nỗi lòng cho cụ nghe, rồi uất ức quá, ông khóc. Ông nói:

-Lắm lúc bực tức, con cứ cho ở làng là dại, sống là dại. Sao con không bỏ làng, sao con không tự tử cho thoát thân. Hoặc là sao không không sang An Vinh, ở nhờ cụ rồi xin đi đạo quách để tránh những thói tục xấu xa của làng bên lương.

Cụ bảng cười:

-Ông không nên nghĩ quẩn. Những việc người ta làm cho ông khổ, thì không phải một mình ông tức, mà ông cũng không phải mang tiếng đâu. Cụ Na nói với tôi rằng chính là họ bị mang tiếng nhiều, vì cả làng tức thay cho ông, thương hại ông. Thế là người làng tốt, sao ông lại bỏ làng, sao ông phải tự tử? Còn như ông bảo muốn đến An Vinh để đi đạo, là ông tưởng làng đi đạo không có những thói tục xấu như làng bên lương. Ông chưa rõ làng đi đạo. Tôi ở đấy, tôi biết. Ở đâu cũng có những thói tục xấu xa. Ở đâu cũng có một tụi quen đi đè nén, bắt nạt người nghèo ông ạ. Nhưng tôi lạ cho ông, là tại sao ông cứ chịu cho họ đè nén, bắt nạt mãi thế?

-Thưa cụ, con vốn có phải con người hiền lành đâu. Nhưng vì mấy năm nọ, con vào hội tiến bộ, rồi bị bắt. Vì con không muốn mãi mãi bị tình nghi, cho nên con cố nén hết, cố làm như một người ngu dần, để người ta không ngờ vực nữa, cho con được yên thân kiếm miếng ăn. Nhưng

bây giờ con biết rồi, càng chịu ép một bề, thì càng bị đè nén. Ăn ở hiền lành mà tiếng tỉnh nghi không bao giờ được rửa sạch, thì tội gì con hiền lành cho thêm khổ vào thân.

Rồi ông gật gù:

-Thế mới biết cụ ông ngày xưa là giỏi.

Cụ bảng cười:

-Phải, ông cụ chẳng tự tử, chẳng bỏ làng, chẳng đi tu, cũng chẳng theo đạo.

Cụ bỏ lửng câu, nhưng ông Thái hiểu ngầm ngay ý cụ muốn nói là ông cụ chống với Tây, chống với kẻ cướp nước ta, làm dân ta khổ.

Thấy lý Sinh ở ngoài ngõ đương vào, cụ đứng dậy cáo từ đi về. Gặp lý Sinh, cụ đứng lại hỏi han vài câu cho vui vẻ.

***

-Tôi mách trước ông việc này để ông định liệu nhé.

Lý Sinh nói bằng giọng thân mật, rồi ngồi xích lại gần ông Thái để tiếng nhỏ tiếng to:

-Có phải cụ bảng đến đây điều đình lấy phần ruộng của cụ quản nhà cho thằng Phùng phải không?

Ông Thái lắc đầu:

-Không. Cụ thương tôi thì cụ đến thăm thôi.

-Thật chứ?

-Thật.

-Không đả động đến chuyện ruộng nương à?

-Không.

-Thế thì hay. Trưa hôm nay, bà cụ Na trách chúng ta không chia ruộng cho thằng Phùng. Chúng ta ăn mày thầy chả nhiều cũng được dăm ba chữ, cho nên ai cũng nên danh nên phận, là đàn anh ở trong làng, thì chúng ta phải ơn thầy. Nhưng lỗi là lỗi chung, anh em ta cùng sửa. Một người thường, có đóng góp với làng, còn được chia ruộng, huống hồ là cháu nội của thầy học những người đàn anh trong làng. Song, vì hiện nay chưa chia lại công điền, thì chúng tôi định cứ đành theo nếp cũ, nghĩa là lấy ruộng của người quá cố cho người sống cấy thay. Làng định rút cái phần của cụ quản nhà đấy.

Ông Thái tái mét mặt:

-Làng lấy lại, tôi cũng xin vâng, nhưng xin để một năm sau, như thường lệ.

Lý Sinh cười:

-Nếu như thường lệ, thì việc gì tôi phải đến đây nói chuyện với ông. Nếu như thường lệ, thì sang năm thằng Báng nhà ông đáo tuế, nó xin cấy thay ông cụ, thì còn làm gì ra ruộng phần cháu cụ bảng.

-Xét cho cùng, thì vô số phần ruộng thừa, các ông ấy cứ giữ khư khư, có chịu nhả ra đâu. Cứ chiếu số ruộng ấy, thì đến mười cháu cụ bảng cũng có thừa để cấy.

Lý Sinh ghé vào tai ông Thái:

-Tôi biết rồi. Nhưng phải đợi ngày chia ruộng lại. Chứ bây giờ hãy tạm làm như thế vậy.

-Tạm làm như thế, là tôi mất phần ruộng mãi mãi, và cũng không bao giờ làng chia lại công điền. Không phải tôi không muốn nhường phần ruộng của cụ ông nhà tôi cho cháu cụ bảng đâu. Nếu như làng thật không còn ruộng nữa,

thì ông chẳng bảo, tôi cũng vui lòng nhường liền. Nhưng vì làng còn ruộng, nên mấy tôi cũng không chịu ức.

Lý Sinh xua tay:

-Thời buổi này, không nói bướng được. Làng đã định thế, mà ông thì đương vận áo xám. Ông có biết bọn khoá Hưởng, phó Kiêu họ thù ghét ông không. Mấy lần, họ xử quá tệ với ông, tôi can mãi không nổi, đến nỗi tôi cũng ức đầy ruột. Mai kia, ông Hưởng, ông Kiêu, một người lấy tư cách là trưởng tràng, một người lấy tư cách là chức dịch, đến bắt ông phải tuân lệnh. Ông vừa là học trò cụ bảng, vừa là dân làng Văn Chương, nếu ông giở bướng, thì họ không để ông yên đâu. Tại sao họ không theo thường lệ, mà bắt ông phải nhường ngay phần ruộng của ông cụ? Là vì họ khép tội ông vốn bị tình nghi, vừa đây lại không theo lệ làng, rồi phá hội đồng môn, thế là một người vô đạo với quân, với sư, với phụ. Người như vậy, không xứng đáng được hưởng quyền lợi của làng, được hưởng tục lệ của làng. Vì vậy, làng không đợi một năm tang cụ quản, mà tước ngay phần ruộng của ông cụ.

Lý Sinh hút điếu thuốc, để thì giờ cho ông Thái ngẫm nghĩ, rồi cười xoà:

-Tôi hỏi thử ông đấy thôi. Chứ ngoài bọn ông Hưởng, ông Kiêu muốn ức hiếp ông, còn có tôi muốn bênh ông. Tôi là lý trưởng, lời tôi nói phải có giá trị. Được. Nếu ông không muốn nhường ruộng thì tôi sẽ đem những ý của ông nói khi nãy ra để cãi, là làng còn nhiều ruộng công khác, nhất là bắt các ông ấy chia lại công điền cho công bằng hơn. Các ông ấy không bằng lòng thì tôi lên quan. Việc này mà lên đến quan, thì ông quan chỉ biết có tôi, chứ biết ông khoá Hưởng, ông phó Kiêu là ai. Cho nên quyết là tôi bênh ông nổi.

Hắn lại im lặng một lát, rồi ôn tồn hạ giọng:

-Tôi chỉ muốn xin ông một điều, điều ấy, tôi đã nói với ông nhiều lần.

Ông Thái hỏi:

-Tức là ông muốn đổi mảnh đất của tôi ở quán Ông già lấy mảnh của ông ở Mả giới cho ruộng ấy liền khoảnh ấy à?

Lý Sinh gật gật:

-Phải, phải. Tôi cũng biết thế là ông bị thiệt ít nhiều, nhưng nó cũng là chỗ tôi phải phí tổn chè lá vào quan. Đâu cũng vào đó cả. Như vậy, tôi có lợi là có ruộng liền khoảnh, ông được lợi là giữ nguyên số ruộng đương cấy. Mấy lần trước, tôi cứ muốn đến điều đình thẳng với ông, nhưng cứ sợ ông hiểu lầm là cậy mình làm lý trưởng đến bắt ông phải chịu ức. Nhưng mà, thề trên có giời, dưới có đất, tôi có bụng dạ nào như các ông Hưởng, ông Kiêu, tôi cứ xin chết. Cho nên tôi chờ đến tận hôm nay, có làng quyết định hai năm rõ mười rồi đấy, tôi tìm cách làm thế nào cho hai người cùng không thiệt, để đến nói chuyện với ông. Ông nghĩ thế nào, ông cứ cho biết.

Ông Thái không nghĩ ngợi lâu, đáp liền:

-Tôi không đổi, tôi lại nhất định cổ động cho làng phải chia lại ruộng. Tôi hiền lành lắm thì càng bị bắt nạt mà không bao giờ rửa được tình nghi. Quá mù ra mưa. Tôi không cần. Tôi giữ ruộng tôi. Các ông phải chia ruộng của các ông cho anh Phùng.

Lý Sinh trợn mắt:

-Chia ruộng cho anh Phùng à? Ông này coi giời bằng vung thật. Ông anh Phùng là thế nào? Bố anh Phùng là thế nào? Làng này có thừa ruộng cũng không dám chia cho

con cháu những người phản đối nhà nước. Sao ông thật thà thế?

Ông Thái cười nhạt:

- À, thế ra bây giờ tôi mới hiểu cái tình thầy trò của các ông. Nhưng mà tự nhiên vô cớ, tôi không đổi ruộng cho ông đâu. Nếu có phải đổi thì cũng do vì chia lại cho công bằng, tôi mới vui lòng. Còn ông quan là của chung. Là dân, ai vào ông ấy cũng được.

Lý Sinh đứng dậy:

-Thôi được. Ông cứ nghĩ kỹ. Rồi ta nói chuyện với nhau lần nữa. Tôi chỉ sợ rồi ông hối là đã không nghe tôi nói những điều phải.

***

Phó Kiêu đến nhà lý Sinh, cau mặt, trách:

-Ông dại quá, tự nhiên ông bia ra cái tin làng lấy ruộng của nó để cho thằng Phùng, làm dư luận nổi lên ầm ầm là dân sắp bắt đàn anh chia lại ruộng.

Lý Sinh vò đầu vò tai:

-Tôi không ngờ đâu bây giờ nó đâm hướng bỉnh. Tôi tưởng nhân lúc nó ngã, thì đến đạp thêm cho nó một cái, mà nó vẫn phải ơn.

-Con giun xéo lắm cũng phải quằn, nữa là người. Chính bố nó nợ tôi, tôi có quyền bắt ruộng của bố nó, nhưng tôi hãy tạm phải gác lại, đợi lúc khác. Còn như ông với tôi, hai người cùng muốn lấy ruộng nhà nó, thì ta hãy

thoả thuận với nhau trước đi, kẻo tôi không chịu ông, ông không chịu tôi, rồi chẳng nhẽ hai bên đi thưa kiện nhau à? Không biết là đến khi giời long đất lở thì thế nào, chứ mà cứ bình thường như thế này, thì không đời nào cháu lão bảng Năng lại hòng được chia ruộng của làng này, chứ còn nói chi được đến chia cho nó mảnh ruộng của cả ông lẫn tôi đều đã chấm, không về tay người nọ thì về tay người kia. Cho nên, giá trước khi ông đến nó, ông bảo tôi một tiếng, có phải tôi bàn bạc với ông cách làm không nào.

-Thế như ông, thì ông làm thế nào?

-Tôi mà muốn lấy ruộng cho liền khoảnh ấy à? Thì tôi chẳng phải đổi chác, chẳng phải nói năng với thằng nào con nào cả, mà ruộng ấy về tay tôi từ đời nào rồi.

Lý Sinh nhìn phó Kiêu, có vẻ không tin. Phó Kiêu nói:

-Anh muốn cày ruộng nhà anh, nhưng tôi cấm trâu anh không được đi qua ruộng tôi, nào, anh làm thế nào thì làm? Ruộng anh khô, anh muốn tát nước vào, thì anh muốn dẫn nước qua đâu mặc anh. Anh cho qua ruộng tôi, tôi chửi cho ủng mồ. Ruộng anh bị úng, anh đừng tháo nước sang ruộng nhà tôi mà rầy rà với tôi. Ruộng anh cần tích nước, tôi chọc thủng bờ cho nước thoát đi mất. Anh nói lôi thôi, tôi đánh. Rồi anh còn chịu trăm cái khó chịu khác nữa chứ. Mà cùng lắm, thì một hũ bã cơm quẩy vào ruộng anh, rồi đi báo đoan, là gọn nhất. Anh liều bỏ ruộng mọc cỏ thì anh tiếc của giời. Thôi, thế là chỉ còn cách là anh đành lạy tôi mà xin nhường cho tôi để được ân tình còn hơn.

Lý Sinh cười sằng sặc, khen:

-Lắm mưu kế quá nhỉ!

Phó Kiêu hãnh diện đáp:

-Cho nên muốn đổi ruộng cho nó mà phải đả động đến việc chia lại công điền, là tối thất sách. Công điền sở dĩ giữ nguyên canh được hơn hai chục năm nay, là do đàn anh làng ta khôn khéo. Không bao giờ một người đàn anh lại tự miệng xui đàn em chia lại công điền. Bốn tiếng chia lại công điền mà được gợi ra, thì dư luận ầm ầm, khó mà dẹp nổi. Mà chia lại công điền, có phải đụng chạm gì đến một mình ruộng nhà Thái. Rút dây động rừng. Trước mắt, là thiệt đến bản thân mình.

Lý Sinh ngồi ngẫn, rồi thở dài, phó Kiêu tiếp:

-Ông có biết phần béo bở nhất của công điền là về tay những ai không? Ông nhả ra, ông có tiếc không? Tôi nhả ra, tôi có tiếc không? Cụ chánh Toản chết rồi, mà ông chánh hội giữ nguyên hai mươi bốn phần ruộng, bây giờ bới ra việc chia lại, thì nhà ông ấy còn năm suất, ông ấy có chịu không? Chia lại thì lợi cho chúng nó, rồi chúng mình bị túng thiếu. Túng thiếu thì làm sao có uy thế làm nổi đàn anh trong làng?

Lý Sinh tươi tỉnh để lấy lòng phó Kiêu, hỏi:

-Thế bây giờ làm thế nào được nhỉ?

Phó Kiêu ngẫm nghĩ, vừa gật gù, vừa nói:

-Bây giờ phải dập tắt hẳn bốn tiếng chia lại công điền đi, không ai được đả động đến để nhắc nhở nhau nữa. Năm Bình dân, chúng nó cũng đã nói đến bốn tiếng ấy, nhưng rồi im bặt ngay, là vì nhà nước ngày ấy bắt bớ lung tung. Thì bây giờ, ta phao lên là thằng nào nói bốn tiếng ấy, tức là cộng sản, vì chỉ thằng nghèo, không có ruộng, mới muốn chia lại công điền để có ruộng. Lại dọa bắt riết một dạo, là câm họng hết. Nếu ta đổ riệt cho là cộng sản, mà

chúng nó không sợ, vì chúng nó không làm cộng sản, thì ta thêm cả hai tiếng hội kín. Cộng sản, hội kín. Thật ra, làng đếch nào mà không có hội, mà đổ cho là kín rất có lý, vì chả hội nào có sổ sách, phép tắc. Hội tư văn, hội các cụ, không bảo là hội kín được à? Phường nhuộm vải, phường hoạn lợn, không phải là hội kín à? Họ cơm, rượu, giò, nem, bánh chưng, không phải là hội kín à? Nóc làng, nóc giáp, nóc trạ, không phải là hội kín à? Giấy tờ nhà nước cho phép anh đâu?

Lý Sinh cười:

-Thế thì khắp dân, ai không có chân trong hội kín!

-Phải rồi, thế thì câm họng đi, đừng bới ra việc chia lại công điền nữa mà đi tù sớm. Năm nọ, nhà nước chỉ bắt những người trong các hội mới, như hội tương tế, hội đọc báo, hội học quốc ngữ, nhưng còn biết bao nhiêu hội cũ, bất hợp pháp, ngày ấy ta không khai ra, chứ ta mà khai ra, thì cả làng này không sót một người nào không phải bắt. Nếu ta muốn cho ông quan tin ta hơn nữa, thì ta trình rằng những người trong các hội bị giải tán hồi Bình dân, nay lại hoạt động bí mật trong các hội, các phường, các họ, các nóc. Quan nào, chứ quan này, thì ông ấy nhổ cỏ sạch! Cho nên khắp làng, cả đàn ông, đàn bà, ông già, trẻ con, không một ai không có hội, có phường, có họ, có nóc, nếu ta phao tin là sẽ tố giác các hội kín ấy vì hội viên các hội kín ấy chủ trương chia lại công điền, thì tôi tưởng bố bảo cũng không đứa nào dám hé răng nói bốn tiếng ấy nữa.

Mưu mô của phó Kiêu xui lý Sinh cũng có kết quả. Một số người nhút nhát, khuyên nhau đừng bàn tán và hy vọng chia lại công điền. Nhưng một số người đi guốc vào bụng bọn cường hào, biết là họ doạ già thế thôi. Một vài người viết thư nặc danh lên huyện, tố giác thẳng tên những

người lạm dụng công điền. Một số người làm đơn hẳn hoi, lấy được nhiều chữ ký, định để đệ trình quan.Đơn ấy người ta nhờ anh Na đến ngày phải lên huyện trình diện, thì nhờ đưa vào hộ. Anh vừa là người tù chính trị cũ, vừa là bạn của quan, chắc ăn nói gẫy gọn, có lý lẽ, được quan chú ý.

***

Từ nửa tháng nay, chiều nào cũng vậy, cứ sau tiếng còi tầu bốn giờ rúc ở trên ga, sân đình làng Văn Chương trở nên rất huyên náo. Làm công việc hàng ngày xong, ăn cơm xong, thanh niên các xóm rủ nhau đến đó để đá bóng.

Quả bóng họ chơi là của hội Thể dục cũ. Hồi các hội bị giải tán, hội Thể dục không hoạt động nữa. Lý trưởng tịch thu quả bóng, gửi ở nhà chánh hội. Quả bóng bị xì hơi, nằm rúm ró ở xó buồng, trong gầm giường vợ chồng chánh hội. Nó bị quên đi.

Nhưng anh Nhã nhớ đến nó. Gặt hái xong rồi, công việc đồng áng có thư thái đôi chút. Thì quả bóng này sẽ là một thứ đồ chơi tốt, thu hút cho thanh niên luôn luôn gặp nhau. Thanh niên vốn ưa vui nhộn. Và chỗ thanh niên chơi bóng sẽ là một nơi vui mắt, vui tai, thế nào người lớn cũng đến đó để tiêu khiển. Chỗ ấy vô hình chung sẽ là nơi tập hợp người làng, đủ các hạng tuổi.

Anh Nhã xui anh Trụ, con một của chánh hội, lén lấy quả bóng ấy ra để mà chơi. Người thanh niên nghịch ngợm này như được gãi đúng vào chỗ ngứa, sốt sắng chữa lại quả bóng. Mới đầu, anh chơi một mình ở sân. Mẹ anh bảo đem

ra đường mà đá cho khỏi hại mái nhà. Vì vậy, một vài người bạn của anh đến chơi ghẹ. Nhưng vì sợ cản trở người qua lại, họ rủ nhau ra sân đình. Vì ở vào chỗ rộng rãi, cuộc chơi bóng được hưởng ứng và say mê. Sân đình trở thành sân bóng của thanh niên.

Thấy bọn trẻ chơi đùa vui vẻ, các người đứng tuổi trong làng cũng đến để tiêu cho hết quãng thời giờ nhàn rỗi. Đồng thời họ xem, đồng thời họ tải đến cho nhau đủ các thứ chuyện. Tốp năm, tốp ba, hoặc họ đứng xúm lại, hoặc họ ngồi rải rác trên thềm đá, họ nói, họ cười. Chuyện nhỏ, chuyện to, chuyện trong nhà, chuyện ngoài đường, chuyện thật, chuyện bịa, chuyện đúng, chuyện sai, chuyện đứng đắn, chuyện khôi hài. Sân đình biến thành một diễn đàn, hoặc một toà báo bằng miệng, xuất bản bằng đủ các thứ mục.

Một kết quả không ngờ nữa của cuộc chơi bóng, là bọn lính cơ ở miếu cũng hoan nghênh. Cả ngày những người này chỉ nằm ro ró trên phản, nên cũng buồn. Có một nơi vui vẻ, được nghe lắm chuyện, họ rất thích. Đến đây họ cũng bàn tán với người làng những việc xảy ra ở các thôn xóm. Một đôi khi, quả bóng lăn tới chân, họ không vờ nghiêm chỉnh mà làm ngơ. Vốn là con nhà võ, nên được dịp phô trương tài nghệ, họ cũng co cẳng, đá uỳnh một cái thật mạnh. Có anh cao hứng, chạy theo bóng, vờn, lừa, tranh nhau với thanh niên. Sân đình tự nhiên hoá ra một thứ câu lạc bộ công cộng.

Chiều hôm nay, anh Trụ ôm quả bóng vừa bơm căng phồng ra, dập bình bịch xuống đất tai ba lần để đánh tiếng. Thì chỉ trong mấy phút, anh Ban, nhà ở gần nhất, cắm cổ chạy đến. Rồi anh Lễ, anh Bái. Rồi những anh ở xa như anh Quý, anh Thung. Anh Nhàn, con lý trưởng, cũng

vừa reo, vừa lăn sả vào quả bóng, cướp cho được, làm một cú thật bổng, rồi mới chịu đứng yên để thở.

Thế là nam có, nữ có, lão có, ấu có, thường nhân có, quân nhân có, lục tục kéo đến.

Anh Nhã hôm nào cũng có mặt ở đấy.

Đến chỗ đá bóng, anh lắng tai hơn là để mắt. Câu chuyện thời sự nóng hổi được bàn tán sôi nổi ở đây mấy hôm nay, là việc trồng đay. Anh cố nghe xem ý kiến mọi người thế nào.

Nhưng khi mọi người đương trò chuyện, thì một việc xảy đến làm ai nấy phải chú ý. Bỗng tự nhiên, có tiếng vỗ tay và tiếng reo ầm ầm:

-A! Ông lý đá bóng! Anh em ơi!

Người ta trở lại nhìn. Lý Sinh đương chạy theo quả bóng lăn bon bon. Hắn vồ lấy nó. Nhưng vồ trượt. Ngã xoài, lại chạy theo vồ. Lại ngã. Tiếng cười và tiếng vỗ tay nổi lên từng đợt ầm ầm.

Ông lý đùa! Ông lý làm thể dục! Thật là một việc đáng hoan hô!

Nhưng lý Sinh không đùa. Sau khi vớ được quả bóng, thì hắn ôm ghì vào lòng. Hắn lấy cánh tay áo lau mồ hôi trán, trừng mắt nhìn bọn thanh niên, và hất hàm hỏi:

-Ai cho phép các anh dùng sân đình làm chỗ đá bóng?

Thấy mãi không có ai trả lời cau hỏi của hắn, anh Ban nhại thật thong thả mấy tiếng của hắn để chọc tức:

-Ai ... cho ... phép ... Ử!

Tiếng cười nổi lên ròn tan, hoan nghênh anh chàng có duyên. Lý Sinh cáu quá, nhìn thấy con mình đứng trong đám ấy, thì trỏ vào mặt nó:

- À! Nhàn! Ai cho mày ra đây để đá bóng? Mày muốn theo gót bố mày phỏng?

Hai tiếng "bố mày" mà lý Sinh dùng, không phải hắn nói hắn, mà chắc là hắn ám chỉ anh Na. Vì hắn nghi anh Na cổ động thanh niên hoạt động.

Anh Nhàn lùi lũi chạy mất. Nhưng anh Ban lại nhại:

-Ai... cho... mày. Ủ!

Tiếng cười lại như phá cái không khí nghiêm trang. Thấy mọi người coi thường lời mình, lý Sinh đỏ mặt tía tai, nhìn anh Ban:

- À, tôi nhớ mặt anh. Anh đừng láo!

Anh Ban không những không sợ, còn pha trò:

-Nhớ... láo...Ủ!

Điệu khôi hài này đã hơi nhạt, nhưng người ta cố rặn ra cười thật to để giữ vững lý Sinh trong vai hề của hắn.

Lý Sinh càng tức. Hỏi chung chung như vừa đây, thì bọn bất trị này không trả lời, mà mình lại thành ra làm trò cười, nên hắn hỏi đích danh. Thấy anh Trụ, quần đùi, cởi trần, cứ rình giật quả bóng ở tay hắn, hắn nắm lấy anh, hỏi:

-Ai cho các anh đá bóng ở sân đình?

Anh Trụ bướng bỉnh đáp:

-Ai cho chúng tôi à? Thế ai cho ông cấm chúng tôi đá bóng ở đây?

Lý Sinh xoè bàn tay ra doạ:

- À, anh là con ông chánh hội phỏng? Để tôi về bảo bố anh. Con chánh hội mà ăn nói hỗn hào với lý trưởng thế à? Quả bóng này anh lấy ở đâu ra?

Anh Ban thấy chướng tai, lại nhạo:

-Hỗn... hào. Ử!

Tiếng cười đã đỡ to. Muốn phá tan cái không khí bắt đầu trở nên gay go, anh Thung đứng ra, nhí nhảnh nói:

-Tại mọi khi ông hiền lành, mà sao hôm nay ông hách thế? Cho nên chúng cháu tưởng ông đùa!

Đoạn anh cười khanh khách.

Lý Sinh mãi không tác oai nổi, mặt hắn đỏ gay:

-Từ nay tôi cấm tất cả làng không được ra đình nữa.

Anh Ban nhạo:

-Cấm cả tế đang cai. Ử!

Tiếng cười lại to hơn khi nãy. Nhưng ông quyền Lạc kiễng chân lên giữa đám đông, hỏi:

-Ông có quyền phép gì mà ông cấm làng?

Tóm được đối phương, lý Sinh đáp:

-Sao không cấm được? Tôi là nhất lý chi trưởng, tôi có quyền.

-Ông không có quyền. Đình là của chung, không phải sân nhà ông.

-Nhưng quan trên cứ tôi, chứ cứ gì các ông mà các ông biết. Quan cấm tụ bạ ở sân đình đấy.

Chị cu Sử đủng đỉnh, nói:

-Cấm tụ bạ ở sân đình, thì ta ra sân miếu.

Thấy bị đàn hà trêu chọc, lý Sinh càng cáu:

- À, nữ nhi nan hoá. Từ nay tôi cấm làng không được tụ bạ ở bất cứ nơi nào. Không biết sợ tù tội à? Đình là chỗ thờ tự, chứ là chỗ chơi đùa, mà các anh dám ngỗ nghịch?

Anh Trụ càng thấy lý trưởng dở chứng, càng muốn làm cho hắn bẽ. Anh lừa lúc hắn sơ ý, giật phắt lấy quả bóng:

-Thế thì ông giả tôi đây! Quả bóng này tôi lấy ở tay ông ra chứ ở đâu?

Quả bóng rơi xuống đất, anh đá phốc một cái, bổng lên cao. Bọn thanh niên chạy xô ra cướp, và chuyền cho nhau bình bình.

Thấy họ ngược quá, lý Sinh hét:

-Không được! Không được!

Anh Ban lại nhại:

-Không... được.Ử!

Lý Sinh trỏ vào mặt anh:

-Tôi bạn với bố anh, anh đừng hỗn. Để rồi tôi hỏi cụ Từ xem cụ dạy anh thế có phải không?

Anh Ban nhăn răng ra đáp:

-Tôi nhắc lại lời ông cho rõ, chứ tôi làm gì mà ông mắng tôi!

Bổng lý trưởng trông thấy anh Phùng có quyển sách cuộn ở trong tay. Muốn đánh trống lảng chuyện mất bóng, hắn giật lấy quyển sách. Đó là quyển *Lý Ninh*. Đoán rằng đây là sách chính trị, lý Sinh giữ chặt, rồi nhìn vào bìa, hỏi:

-Sách gì đây? Lý Ninh là thế nào? Anh định mang sách báo bậy bạ đến đây để truyền bá phải không?

Anh Phùng đương lúng túng, thì anh Ban đã đáp:

-Đây là quyển tiểu thuyết kể chuyện ông lý trưởng tên là Ninh đấy chứ gì mà cũng phải hỏi. Phùng cho ông ấy

mượn, ông ấy hảo thằng Nhàn nó đọc cho ông ấy nghe.

Lại có tiếng liến thoắng:

-Ông Ninh ông Ninh, ông ra đầu đình, ông gặp ông Lang. Ông Lảng ông Lang, ông ra đầu làng, ông gặp ông Ninh!

Anh Phùng thấy lý Sinh ngớ ngẩn nghe anh Ban, thì nói:

-Ông mà làm việc giỏi, thì người ta cũng viết truyện Lý Sinh! Thôi, ông đưa tôi.

Nói đoạn, anh lấy lại cuốn sách.

Tiếng cười lại rầm rộ.

Không biết làm thế nào để đỡ ngượng, lý Sinh khuỳnh hai tay vào háng:

-Tôi nhớ mặt tất cả các anh hôm nay. Rồi tôi trình quan cho mà xem.

Trình cả thằng Nhàn nữa, ông nhé!

Anh Ban nói xong, cười như nắc nẻ.

Anh Nhã cũng buồn cười. Anh nhìn theo lý Sinh, thấy hắn vừa đi, vừa quay lại, mặt hầm hầm.

Nhưng hắn không đi xa. Tới đầu hồi, chỗ dán yết thị, hắn móc túi lấy ra một tờ giấy và một gói bún nhỏ. Hắn miết kỹ bún vào giấy, rồi dán lên tường, vỗ tay mạnh lên bốn góc. Khi bóc thử mấy lần, thấy tờ yết thị dính chắc rồi, hắn nhìn về phía mọi người, và vẫn giọng gay gắt, hắn nói:

-Đấy! Các ông các bà đến mà đọc lệnh trồng đay.

Tức thì anh em thanh niên, chưa hết cơn trêu hắn, vừa reo như mừng rỡ, vừa chạy ồ đến. Lý Sinh vội vàng lủi thật

mau.

Có đến mười cái đầu xúm xít trước tờ giấy mới dán. Khoảng trên, anh Nhàn viết chữ rất tốt. Khoảng dưới, lý trưởng ký chữ Nguyễn Sinh bằng có một nét, ngòng ngoèo như con giun hò.

Bỗng có tiếng anh Phùng cười rất to và nói:

-Chẳng có gì mới. Chẳng phải đọc cũng thuộc lòng rồi. Yết thị thế này thì tớ cũng làm được lý trưởng.

Rồi anh giơ từng ngón tay để nhắc lại từng điều:

-Mười hai mẫu này! Quan Nhật mua giá cao này! Đay chia làm ba hạng này! Công điền phải làm đất sẵn này! Cấm không được trồng gì khác này! Chờ quan tham canh nông về phát hạt giống và dạy cách trồng này! Hết! Khác quái gì ông huyện nói hôm nọ!

Anh Ban cười sằng sặc, rồi pha trò:

-Thế thì ông Sinh làng ta cũng đáng được thăng trì huyện! Lý Phùng ạ!

Rồi vốn tinh nghịch, anh thò tay bóc ba góc của yết thị cho bong ra khỏi tường. Tờ giấy đương đứng chễm chệ, là hình chữ nhật, bây giờ lủng lẳng, hoá ra hình quả trám. Còn một góc dính lỏng lẻo ở tường, nó bị gió làm bay phần phật, như cố cựa quậy để được tự do nhảy lăn kềnh hẳn xuống đất.

***

Buổi tối hôm ấy, anh Nhã đến nhà anh Phùng. Anh yêu mến người thanh niên này hơn tất cả các bạn trẻ khác,

vì anh Phùng có nhiều đức tính. Ông nội anh bỏ mạng ở chốn lao tù, cha anh long đong nơi hải ngoại, là hai vết thương lớn, làm cho anh sớm đau đớn và hiểu biết. Lại bởi gia đình sa sút dần, cho nên ngay từ thuở bé, anh hay lo nghĩ. Lớn lên, lĩnh canh ruộng của nhà chung An Vinh, lại quay về ở nơi quê cha đất tổ, cho nên bản thân phải chịu đựng bao nhiêu đắng cay, còn nhìn thấy hoặc trải qua biết bao khổ nhục, anh càng căm giận những kẻ làm cho lớp người như anh phải đắng cay, khổ nhục. Tuy vậy, biết rằng chưa thể cưỡng nổi hoàn cảnh, anh đành cần cù, chăm chỉ làm ăn, chứ không lông bông, mải chơi như anh em. Những lần có việc đổi công, cùng nhau làm lụng, trò chuyện, anh Nhã còn thấy anh Phùng là người có suynghĩ, ngăn nắp. Vì vậy, từ nay, để thêm sức, anh Nhã cần những người hăng hái, nhanh nhẹn, là thanh niên, nhưng trong thanh niên, anh chỉ chọn được anh Phùng là người đắc lực, có thể uỷ thác cho những việc hệ trọng.

Đến nhà anh Phùng, anh Nhã đã thấy anh Lê ở đấy. Hai người ngồi trên hai khúc gỗ làm ghế, ở góc sân. Không hiểu họ đương nói chuyện gì, thấy anh, thì anh Lê mừng rỡ:

-A! May quá, chú đến mà phân xử. Chúng tôi đương cãi nhau đây.

Biết là anh Lê vui đùa, anh Nhã tìm một thanh tre để ngồi bên cạnh. Anh trông thấy cuốn Lý Ninh đặt trên lòng anh Phùng. Anh đã nhận ra sách ấy là của anh Na và xuýt nữa bị lý Sinh lấy mất, nhưng cũng vờ hỏi:

-Quyển sách này, chú Phùng mượn ở đâu thế?

Anh Phùng cuộn tròn cuốn sách lại, nhét sâu vào lòng, tặc lưỡi, đáp:

-Thấy vứt xó ở đằng kia, tôi lấy về xem cho đỡ buồn.

Vốn biết anh Phùng kín đáo, anh Nhã không hỏi nữa. Đến đây, anh chỉ định bàn với anh Phùng làm cách nào để lý trưởng khỏi phá phong trào thể dục mới chớm nhóm lại.

Trước hết, anh hãy dò ý kiến anh Phùng về thái độ của thanh niên đối với lý Sinh buổi chiều hôm nay. Anh nhắc lại việc ấy, rồi vờ khen:

- Anh em làm cho hắn bẽ mặt. Hả quá! Tiếc rằng lúc ấy anh Lê chưa ở trường về, nên không được cười.

Anh Lê gật đầu:

- Ấy, chúng tôi đương cãi nhau về việc này đây. Phùng nó cứ kêu rằng làm như thế là quá.

Anh Phùng nhìn anh Nhã như để phân vua:

-Thật đấy. Bác xem. Rồi ông ta cho là chúng tôi cấc lấc, ngỗ ngược. Làm thế nào để người lớn yêu bọn hậu sinh mới phải chứ?

Anh Nhã mỉm cười, nói thật ý nghĩ của mình:

-Tôi cũng thấy là các anh làm quá. Cái gì vừa vặn mới tốt. Thiếu không tốt đã đành, nhưng thừa cũng không tốt đâu. Lý trưởng phản động thật, nhưng làm cho ông ta thành trò cười thì không nên. Mình phải đối lại thế nào cho ông ta bằng lòng, đừng ngăn cấm bóng đá, thì hai bên mới vui vẻ cả chứ?

Anh Phùng được người đồng tình, trỏ vào anh Lê, giao hẹn:

-Đấy nhé! Như anh chẳng hạn, anh là ông giáo, mà học trò nó trêu chọc, anh có thích không? Mấy lị ai không có sĩ diện? Làm người ta ngượng với xung quanh, thì người ta chịu sao nổi? Ông lý Sinh hiền lành, chứ giá phải ông chánh hội, thì phải biết. Ông ta làm việc quan, lên

huyện với quan luôn, nói gì mà quan không tin. Dân trái mà ông ta trình là phải, quan cũng chẳng biết, huống chi dân phải, mà ông ta thù, nói là trái, có phải tai hại không. Vả lại ông ta già, mình cũng nên nể tuổi của ông ta.

Anh Lê đáp:

-Ai chẳng biết thế? Nhưng cũng nên làm cho ông ta chừa bắt nạt dân một cách vô lý đi. Được đằng chân, lân đằng đầu!

Muốn chấm dứt câu chuyện, anh Nhã ôn tồn:

-Anh Lê muốn ông ta chừa bắt nạt dân là phải. Thế thì thiếu gì cách? Cách tốt nhất, vẫn là làm cho ông ta hiểu thì hơn. Ví dụ nói cho ông ta biết là hội Thể dục cũ không bị cấm, thế mà anh em thanh niên trong làng chỉ chơi với nhau cho khoẻ người, chứ không lập hội hè gì. Ở các tỉnh, tỉnh nào chẳng có hội Thể dục. Nhiều phủ huyện cũng lập sân vận động. Có những cuộc đá bóng thi, các quan về dự và cho giải thưởng. Đến ngay như ông thống sứ ngày trước, chẳng khuyến khích thể dục thể thao là gì?

Anh Phùng gật gù:

-Đấy, bác ấy đứng tuổi có khác. Nói đâu ra đấy. Như vậy, thì ai chẳng thấy lọt tai?

Anh Nhã hỏi anh Lê:

-Về việc lý trưởng cấm đá bóng, anh Na bảo thế nào?

Anh Lê lắc đầu:

-Chán chết! Anh ấy cứ cặm cụi xem sách, xem báo, hỏi gì cũng ừ ào. Đến ngay việc trồng đay, anh ấy cũng chẳng buồn nói, lại bảo là chưa có ý kiến gì.

Vì hiểu anh Na, anh Nhã nói:

-Anh Na chưa có ý kiến, vì cho đến hôm nay, chúng

ta đã biết thêm gì hơn hôm ông huyện về đâu. Bây giờ ta tiếp tục bàn xem làm thế nào để lý trưởng cứ yên để ta đá bóng? Duy trì được phong trào thể dục, không những tập hợp được thanh niên, mà còn thu hút được vô khối người đến xem. Để ông ta tức mà phá, và phá không nổi, lại đi trình huyện là thanh niên làm hội kín, thì không khéo còn lôi thôi nữa là khác.

Anh Phùng và anh Lê yên lặng để nghĩ. Bỗng anh Phùng reo lên:

-Thế thì làm thế này. Việc này phải nhờ bác Nhã mới xong. Bác là người đứng tuổi, ăn nói đứng đắn, chắc ông lý nể. Bác lấy tư cách là người của hội cũ, thiết tha đến nền thể dục của làng, đến điều đình với ông ấy. Bác viện những lẽ như vừa nói với chúng tôi khi nãy để ông ấy hiểu đá bóng không có gì đáng nghi ngại. Lính cơ cũng chơi với chúng ta kia mà?

Anh Nhã vẻ mặt băn khoăn:

-Tôi điều đình cũng được. Giúp anh em, tôi rất lấy làm sung sướng, huống chi tôi là người gây lại việc đá bóng. Nhưng tôi sợ tôi nói thì hỏng việc. Ông ta còn đương hậm hực về việc tôi cổ động chia lại công điền công thổ. Vậy chú tìm người khác thì hơn.

Anh Phùng cầm cái que, vừa vạch trên đất, vừa thở dài. Anh Lê khoanh hai tay, đặt trên gối và gục đầu xuống, rồi lẩm bẩm:

-Không lẽ mình lại đến xin lỗi lão ta!

Anh Phùng sực nảy ngay một ý. Anh vỗ tay vào đùi, mắt sáng ngời:

-Được. Xin lỗi. Nhưng chúng ta không xin lỗi, mà xui thằng Nhàn xin lỗi ông lý trưởng, thằng Trụ xin lỗi ông

chánh hội. Con xin lỗi bố, có gì là đáng nhục? Một mặt anh Lê đến thuyết cả lý trưởng lẫn chánh hội. Anh là ông giáo, chắc được nể nang hơn chúng tôi.

Thấy anh Phùng có sáng kiến hay, anh Nhã gật đầu để tán thành. Anh Lê đáp:

-Được, tôi nhận việc này.

Rồi bàn thêm:

-Không những ta xui thằng Trụ xin lỗi bố nó, mà còn xui nó ăn vòi nữa. Nó được ông bà chánh hội chiều như chiều vong. Nếu cần thì bảo nó khóc lóc với bà ấy, thì chắc bà ấy thương nó, mà bắt ông ấy phải nghe, vì ông ấy sợ bà ấy như cọp.

Cả ba người cùng cười. Anh Lê lại tiếp:

-Khi ông chánh hội đã đồng ý cho đá bóng, thì thằng Trụ thúc ông ấy đến nói chuyện với ông lý Sinh. Vận động có cả tay trong, tay ngoài, thì càng mạnh.

Ba người đắc ý, chuyền nhau cái đóm để hút thuốc.

Thấy không còn gì để nói thêm về công việc được giao phó. Anh Lê đứng dậy:

-Thế này nhé. Hai người ở lại nhé. Tôi đi đây. Tôi gọi ngay thằng Nhàn, thằng Trụ để bảo chúng nó. Rồi tôi phải về nhà chấm bài, kẻo khuya. Tối mai, tôi đến thuyết ông lý Sinh có được không?

Anh Phùng đáp:

-Anh bận thì cứ về. Miễn là làm cho kết quả.

Anh Lê vừa đi khỏi độ dăm phút, thì anh Ban lừng lững đến. Thấy anh Ban tay cầm cái rá, mặt buồn rười rượi, đến nhà bạn mà không *cốc tôi cốc cốc* và cười từ ngoài cổng cười vào, như mọi ngày, anh Phùng đoán ngay anh

này có việc gì bất thường:

-Đi đâu mà mang rá thế?

Anh Ban vừa ngồi, vừa thở dài:

-Đi vay gạo. Nhưng không được.

Anh Nhã ái ngại, nhìn người thanh niên vui tính:

-Vay bao nhiêu?

-Hai bơ. Để ăn bữa sáng mai.

Anh Nhã lẩm bẩm tính toán một mình, rồi bảo:

-Nhà tôi còn sáu bơ. Tôi nhường tạm cho một bơ.

Anh Phùng đùa:

-Tại anh không đến vay những nhà giàu như nhà chúng tôi. Thôi được. Ngồi đây. Không phải đi đâu nữa. Tôi nhường cho nửa bơ.

Được yên tâm, anh Ban nhoẻn cười:

-Chuyện gì thế?

Hai người nhà giàu, giàu lòng yêu bạn, nhắc lại cho anh Ban những ý kiến của họ vừa trao đổi với anh Lê. Nghe xong, anh Ban hối hận, vật đầu vật tai:

-Tôi chỉ phải cái tội là không nén được bực mình.

Anh Nhã nói:

-Chú bực mình với ai, mà lại làm cho người ấy phải bực mình, thì chú có đỡ bực mình không? Hay là cả hai người thành ra cùng bực mình lẫn nhau.

Anh Ban cười, không đáp, nhưng trỏ tay về phía nhà mình:

-Ông ta hiện còn đương ngồi với ông cụ nhà tôi kia kìa. Ông ta mách là tôi hỗn. Ông cụ vừa chửi cho tôi một

trận. Bực mình quá!

Anh Phùng nhạo:

-Lại bực mình?

-Không bực mình vì bị ông cụ chửi, mà bực mình vì thấy ông cụ nghe ông ta tán bất trồng đay, và tin ông ta doạ rằng ký vào đơn xin chia lại ruộng là hội kín.

Thấy việc thể dục chưa bàn xong, anh Nhã chưa muốn nói đến chuyện khác vội. Anh bảo:

-Nhân gặp chú Ban, tôi hỏi ý kiến chú nhé. Chắc chú thích đá bóng lắm. Chú có kế gì làm cho ông lý Sinh đừng ngăn cản ta không?

Anh Ban vừa hút thuốc vừa nghĩ. Đặt cái xe xuống, anh đáp:

-Khó quái gì? Mấy người lính cơ cũng thích đá bóng đấy. Thì ta vận động họ, để mang bóng ra sân miếu mà chơi. Thế là nể các thầy quyền, ông lý há miệng mắc quai.

Như được bạn cất cho gánh nặng trĩu, anh Phùng cười:

- Ừ, chú nó khá đấy. Bác Nhã nhỉ?

Anh Nhã cũng thấy nhẹ nhõm, khen:

-Ý kiến hay. Nhưng tôi còn ngại một chút. Tôi thấy một vài anh em mình không muốn chơi với lính, cứ xui ngầm nhau tẩy chay họ... Làng thấy lính ra chơi với thanh niên, nhiều người cũng cho là chướng mắt.

Anh Phùng nói:

-Thế thì giải thích. Lính chẳng qua cũng như ta. Từ ngày họ về đóng ở làng, mới đầu, ta thấy khó chịu. Nhưng dần dần, họ làm quen với ta, ta cũng đến chơi với họ. Ít lâu nay, trừ một hai người còn cái tội thỉnh thoảng đi ve gái,

còn thì họ sống như người làng. Họ ở với ta lâu rồi, có cần canh phòng gì nữa đâu. Hôm nọ, họ bị ông huyện mắng là trễ nải chức vụ, nhưng họ mặc kệ, chẳng chăm chỉ gì hơn trước. Thế là họ khá đấy. Nếu ta biết lợi dụng họ, thì chỉ tốt cho ta thôi.

Anh Ban nghĩ thêm được một ý nữa:

-Bọn lính hay đến chén nhà ông chánh hội. Thì cứ bảo thằng Trụ tán với họ. Chắc họ phải chiều ý nó. Nếu cần thêm, thì bảo những người hay vào miếu đánh bạc như ba Lỳ, khán Tùng, đến khích họ, cho họ tức là lý trưởng cấm thanh niên đá bóng, có khác gì khinh miệt họ, vì họ cũng chơi với thanh niên. Họ mà tức thì họ cho thiên sấn vận động đến miếu.

Ba anh em cùng cười. Anh Phùng nhắc:

-Hay nếu cần cả người đứng đắn, thì nhờ ông quyền Lạc đến thuyết.

Anh Nhã vui vẻ, chấm dứt câu chuyện:

-Ý kiến các chú rất hay. Hôm nào tôi gặp anh Na, tôi sẽ bàn kỹ lại. Bây giờ ta sang việc trồng đay. Chú Ban nói là lý trưởng đến bảo ông cụ trồng đay, ông cụ nghe à?

Thấy nhắc nhở đến nỗi bực mình, anh Ban nhăn nhó:

-Hiện giờ còn đương ngồi ở nhà tôi đấy. Tôi cãi nhất định trồng màu như mọi năm, thì cụ lại chửi. Ông cụ nhà tôi nhút nhát lắm, thấy trên bảo thế nào, đố dám trái.

Anh Nhã hỏi:

-Chú không muốn trồng đay? Cấy ruộng công kia mà?

-Mặc! Đay bằng thế nào được màu. Ông lý bảo rằng nếu chăm bón xới, làm cỏ, thì đay không kém màu. Tôi nói nếu cũng công bón xới, làm cỏ ấy, mà chăm cho màu,

thì màu lại hơn đay nhiều. Và lại, màu đem về nhà thì được ăn ngay. Đay đem về nhà, còn phải bao nhiêu công ngâm, đập, phơi nữa, mới thành tiền. Nghe thấy thế, ông lý không cãi được, thì tán rằng quan Nhật mua đay giá cao. Ông ấy khuyên nhà tôi nghèo, thì nên trồng thứ bán được nhiều tiền.

Anh Phùng cười:

-Nghèo mà trồng đay thì nghèo thêm chứ lị!

Anh Ban gật đầu:

-Tôi cũng nói vậy. Thế là ông cụ cho tôi là bướng. Quan đã ra lệnh ruộng công phải trồng đay, thì không ai được trái ý quan. Tôi không cãi nữa. Tôi bỏ, tôi đi. Ông cụ tôi nhất định bắt tôi làm đất để chờ phát hạt đay.

Anh Nhã hỏi:

-Ông cụ cấy bao nhiêu ruộng công nhỉ?

-Ba xuất. Một mẫu hai.

-Nếu ai cấy ruộng công cũng phải trồng đay, thì làng này phải trồng đay gần hết. Tôi cũng cấy gần hai mẫu trên đồng cao.

Anh Phùng đùa:

-Còn tôi, dê-rô mẫu! Nhưng chắc lý trưởng chỉ bắt ép những người hiền lành, lép vế.

Anh Ban cầm cái xe điếu như dậm doạ:

-Ông cụ tôi hiền lành, chứ tôi không hiền lành.

Nói xong, anh đứng dậy, điệu bộ hung hăng:

-Để tôi về, tôi cãi nhau với ông lý một phen nữa. Ông ấy chỉ muốn được việc cho ông ấy, ai chết kệ ai.

Anh Ban ra cổng. Anh Nhã và anh Phùng trông theo.

rồi nhìn nhau, thở dài. Anh Nhã lắc đầu:

-Chú Ban chỉ phải cái nóng này. Nóng này vì kém suy nghĩ. Kém suy nghĩ thì hay cả nghe. Nếu ta không kèm riết chú ấy, thì nay mai có ai tán bùi tai, chú ấy thích trồng đay hơn mọi người khác cho mà xem.

Anh Phùng cười:

-Thật đấy. Ta chưa rõ người Nhật định giá đay thế nào, nên chưa thể so sánh với màu được. Khó lòng cho mọi người thấy lợi hại!

-Cái hại trước mắt, là ruộng trồng đay thì không trồng được cái mà ăn.

-Tôi cũng đã tuyên truyền cho mọi người hiểu như vậy. Nhưng người ta nói có tiền thì có gạo, không sợ đói.

Thấy anh Phùng tự động làm một việc đúng với ý muốn của mình, anh Nhã vừa ngạc nhiên vừa mừng:

-Chú đi tuyên truyền?

-Phải. Tôi chẳng biết là làm việc ấy có đúng hay không. Nhưng vì tôi nghĩ thế nào, thì cứ muốn mọi người cũng nghĩ như thế. Sau tôi hỏi anh Lê. Anh Lê bảo tôi tuyên truyền là đúng.

- Ý tôi cũng thế. Ta biết hơn điều gì thì nên tuyên truyền cho người chưa biết. Nhưng trước khi định tuyên truyền, ta nên bàn bạc cho kỹ để chuẩn bị những câu người ta hỏi mà trả lời. Chẳng hạn như người ta bảo có tiền thì có gạo, chú nói sao?

Anh Phùng cười, không đáp. Anh Nhã dặn:

-Từ nay, làm những việc khó khăn, anh em mình nên gặp nhau trước. Theo ý tôi, thì phải cho họ biết là hàng năm, ta đã không có đủ gạo để ăn, thế mà bây giờ thêm

mấy chục vạn lính Nhật ăn gạo của ta, họ không chịu được đói như ta, thì tất rồi có ngày ta có tiền cũng không có gạo mà đong.

Anh Phùng rất sung sướng vì thêm được một lý lẽ đanh thép. Anh ghé vào tai anh Nhã:

-Về việc trồng đay, không đấu tranh thì chết. Bác Na có bàn cho ta làm cách gì không?

Anh Nhã gợi:

-Tranh đấu khó khăn lắm. Phải nhiều người cùng một lòng mới được. Vừa đây, ký vào đơn đòi chia lại công điền công thổ như vậy là ít quá đấy.

-Tại nhiều người nhút nhát, cứ sợ ký là hội kín. Liệu ông huyện có xét không nhỉ?

-Bác Na chưa có dịp lên huyện. Nhưng tôi chắc lần này ông ta không xét đâu. Bọn quan lại có bao giờ làm việc cho người nghèo!

Anh Phùng có vẻ chán nản:

-Tôi mà không thoát được nhà thờ An Vinh thì khổ quá!

-Đừng thất vọng. Ta làm đơn một lần mà không được xét, thì ta làm lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, cho kỳ đến được chia lại ruộng mới thôi. Song, dù đơn ta chưa được xét, thì bọn mọt cũng phải chùn tay, không dám làm liều như trước. Tranh đấu phải kiên gan, phải có lực lượng. Thật là khó khăn!

Anh Phùng hăm hở, trỏ vào ngực mình:

-Tôi xin một tay. Tôi chỉ mong có người dìu dắt để làm những việc khó khăn cho làng.

***

Anh Nhã vừa ở đồng về tới cổng làng, thì gặp Trọc, một em bé người làm ở nhà lý Sinh. Trọc nói:

-Bác đến chơi xơi nước. Bác cháu hỏi có tí việc cần.

Hơi có vẻ ngại ngùng, anh Nhã nhìn Trọc, rồi đáp:

-Được, tớ rửa qua loa chân tay, hút điếu thuốc, rồi đến.

Trọc đi. Nhưng anh gọi lại, hỏi dò:

-Này! Trọc! Việc gì thế? Có ai ở đằng ấy không?

Trọc đáp:

-Chả có ai cả. Không biết việc gì, mà từ chiều, bác cháu ở huyện về, mặt cứ ỉu sìu sìu, gắt như mắm.

Nói xong, Trọc vội vàng đi, và dặn với lại:

-Bác đến ngay nhé.

Anh Nhã không thể không suy nghĩ. Từ trước đến giờ, anh không làm việc công, việc tư với lý trưởng, thế thì hắn mời anh đến, chắc chắn chỉ để xoay anh đã ký vào đơn xin chia ruộng công.

Anh đắn đo. Trước khi đến nhà lý Sinh, anh có nên gặp anh Na để bàn xem phải đối phó thế nào không. Nhưng anh cho rằng từ nay, ngoài những việc to lớn, mà anh không thể tự xử lý, thì anh không nên năng lui tới nhà anh Na, để hương lý đừng ngờ là mọ việc anh làm là do anh Na xui. Vừa không lợi cho anh Na, vừa không lợi cho anh. Anh nghĩ sẵn những câu lý Sinh có thể hỏi anh, để tìm lời mà đối đáp.

Anh vào nhà lý trưởng. Thì anh rất ngạc nhiên. Hắn không ỉu xìu xìu và cáu bẳn như Trọc mách. Trái lại, nhìn thấy anh, hắn vui vẻ, niềm nở. Hắn giải chiếu ra hè, mang ấm chén, đèn điếu, rồi gật gật:

-Ta ngồi đây cho mát.

Hắn mời anh uống nước, hút thuốc. Anh hỏi:

-Ông bảo tôi đến có việc cần?

Lý Sinh vừa nhìn ra cổng, vừa đáp:

-Phải. Nhưng ta hãy đợi một tí.

Nói đoạn, hắn đứng dậy, vào trong nhà, để anh ngồi một mình.

Anh Nhã nhìn theo hắn. Anh phỏng đoán. Thế này thì không phải việc chia lại ruộng. Có lẽ là việc khác khó khăn, cho nên hắn phải lấy lòng anh.

Đương thắc mắc, thì bỗng ở cổng vào, anh thấy anh Xích tới. Lý Sinh lại vuĩ vẻ ra hè mời anh Xích ngồi uống nước, hút thuốc. Song, hắn vẫn chưa nói chuyện gì. Anh Nhã đoán, anh Xích với anh, cùng anh Bàng, anh Lung, có con nhờ anh Na dạy học. Thế thì hắn hôm nay lý Sinh được mật thám của quan huyện bắt các anh phải đối xử với anh Na thế nào đây. Không được cho con đến học, hay phải trả tiền học cho xứng đáng? Quan huyện này tuy ghê gớm, nhưng anh nghe nói lại muốn lấy lòng anh Na. Chưa đoán được đúng, anh nóng ruột, lại giục lý trưởng:

-Ông cho gọi chúng tôi có việc gì?

Lý Sinh hút xong điếu thuốc, đáp:

-Đợi tí nữa. Các bác bận gì mà phải vội?

Anh Xích nhìn anh, nói:

-Còn đợi bác Bàng, bác Lung đến nữa. Tôi thấy Trọc

nó bảo ông lý gọi cả bốn chúng ta.

Lý Sinh gật:

-Phải, để nói một thể.

Thế là anh Nhã yên tâm. Anh đã đoán đúng vấn đề. Trong khi chờ đợi, lý Sinh tìm câu chuyện làm quà:

-Quan về hôm nọ, làng không xảy ra gì, thật là may. Ngài hằng lòng lắm.

Anh Nhã và anh Xích không đáp. Hắn tiếp:

-Cứ đồn ông ấy hách. Tôi thấy ông ấy bình dân đấy chứ?

Anh Nhã cười:

-Chúng tôi không được gần quan, nên không rõ. Bây giờ ông nói, chúng tôi mới biết. Ông ấy về làng mà cấm dân đón rước, dân cũng hiểu ông ấy thương dân, không muốn phiền nhiễu dân.

Anh Xích gật đầu:

-Quan tốt thì dân được nhờ. Quan không tốt thì dân phải chịu. Như vừa rồi, ông lý tuân lệnh quan, lại nghe dân, không bày vẽ ra như các làng khác, thành thử dân không mất công mất việc, ai cũng vui vẻ, hả hê. Chắc quan ta sáng suốt, biết là dân nghèo khổ quá. Nếu ta cứ đón rước, chắc quan không bằng lòng, vì chả còn dịp nào quan tỏ ra là thương dân như dịp này nữa.

Lý Sinh không nói gì và cũng không chú ý nghe. Chốc chốc, hắn lại nhìn ra cổng. Một lát sau, anh Bàng và anh Lung cùng đến một lúc.

Lý Sinh mời bốn người uống nước. Hắn ậm ừ, đằng hắng mãi mà chưa nói được tiếng nào. Chắc hắn phải tìm những lời sao cho lọt tai người nghe. Bởi vì hắn biết việc

hắn nói, khó lọt vào tai những người nghe này:

-Tôi thú thực với các bác, làm việc quan, khó lắm. Có những việc mình không muốn, nhưng cứ phải làm theo ý ông quan. Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Các bác có các cháu nhờ bác Na bảo học. Nhưng như tôi, thì tôi không bảo sao. Bởi vì các bác với bác Na là anh em gần. Bác Na lại chỉ dạy có bốn cháu, mà không lấy tiền học, thì pháp luật cũng không cấm. Nhưng các bác ạ, quan huyện ta lại không muốn thế. Chắc các bác biết, bác Na không phải như người ta. Giả thử là người khác, không tai tiếng gì, thì ông ấy chẳng để ý đâu. Cho nên ông ấy nhắn tôi khuyên các bác đừng nên cho các cháu đến học nữa.

Bốn người cùng yên lặng. Lý Sinh nói tiếp:

-Quan huyện này, ngài tốt. Ngài không muốn làng ta xảy ra lôi thôi. Bác Na vốn là chính trị phạm cũ. Quan bảo rằng nếu các bác là những người lương thiện, cứ giao thiệp với bác ấy, thì sợ rồi liên luỵ. Sở mật thám tỉnh thế nào cũng liệt các bác vào trong sổ đen. Rồi khó làm ăn ra. Các cháu đầu óc còn non nớt, như tờ giấy trắng, nhuộm màu gì cũng dễ bắt. Rồi bác Na giảng cho chúng nó những điều bậy bạ, thì chúng nó quen đi. Lớn lên, chúng nó làm bậy bạ. Lại phải tù, phải tội như bác Na, thì khổ chúng nó, khổ các bác.

Không thấy ai nói gì, lý Sinh lại loè để dỗ dành:

-Sáng nay, ông ấy có hỏi tôi về bốn bác. Tôi nói các bác là những người tuy nghèo, nhưng rất hiền lành, đứng đắn. Ông ấy bằng lòng lắm. Ông ấy bảo tôi cố khuyên các bác đừng dính dấp gì đến bác Na nữa. Ông ấy dặn đi dặn lại là khuyên thôi, chứ không được cấm. Khuyên là đừng nhờ vả người cộng sản mà phải luỵ suốt đời. Tôi tưởng được ông quan tốt, bảo ban như thế, thì ta là dân, ta phải

nghe theo. Ông này tuy tốt, nhưng là tốt với người thường, còn đối với cộng sản thì chắc các bác cũng nghe biết, ông ấy là con hùm xám. Tôi chỉ sợ ta không nghe theo, thì ông ấy thẳng tay trừng trị.

Nhìn bốn người lặng thinh, hắn lại nói:

-Đấy, tôi bảo các bác đến, chỉ định dặn có thế.

Anh Nhã ngẩc đầu lên, thấy ba anh Bàng, Xích, Lung cùng nhìn xuống, có vẻ nghĩ ngợi. Anh không hiểu ý họ ra làm sao. Việc này, tuy gọi là khuyên nhủ, nhưng chính là cấm đoán. Nhưng không rõ quan huyện cấm hay chính lý trưởng cấm. Song dù ai đi nữa, cũng không thể cấm được việc hợp tình hợp lý. Hợp tình, vì anh Na với các anh là anh em, thấy các em nghèo mà giúp là thường. Hợp lý, vì anh Na không mở trường tư, không làm trái pháp luật. Thế thì phải tranh đấu cho lẽ phải. Nhưng, như lời anh Na nói, tranh đấu thì phải có tổ chức, có chiến thuật. Vì chưa biết ý ba anh Bàng, Xích, Lung thế nào, có định phản đối như anh hay không, cho nên anh cần phải dùng kế hoãn binh. Nghĩ thế xong, anh Nhã nói với lý trưởng:

-Ông bảo vậy, thì chúng tôi biết vậy. Ông để chúng tôi bàn với nhau, rồi thế nào, chúng tôi nói chuyện với ông sau.

Lý Sinh mỉm cười, vẫn ngọt ngào:

-Tôi muốn biết ngay các bác có nghe lời quan khuyên hay không. Sáng mai tôi lại có việc lên huyện, thế nào ngài cũng hỏi.

Biết lý trưởng đem quan ra để hịp, lại cố nhấc hai tiếng "quan khuyên", anh Nhã nói:

-Thế nào thì trước khi ông lên huyện, chúng tôi cũng đến ông.

Lý Sinh dịu dàng nhìn anh, rồi mỉm cười:

-Với bác, thì tôi chả cần hỏi. Tôi biết bác là người đứng đắn, chín chắn, thì thế nào bác cũng vâng lời quan. Mấy lị vừa hôm nọ, tôi nghe bác khuyên, nên vâng lời quan, thì hôm nay, bác phải nghe giả nợ tôi mà vâng lời quan chứ. Ở đây, chỉ có bác Bàng là ngang nhất, tôi muốn biết ý bác Bàng thế nào.

Nói xong, hắn hất hàm để hỏi anh Bàng. Sự thực anh Bàng không là người ngang nhất, mà là người cháu họ xa của hắn, nên hắn chắc anh phải nể lời hắn. Anh Nhã sợ quá, vội vàng bấm anh Bàng một cái. Rồi nhân thể thấy lý Sinh quay ra ngoài chiếu để gạt tàn đóm, anh nhìn cả ba người, cau mặt, lắc đầu, để ra hiệu. Anh đã hiểu lý Sinh khôn ngoan dùng chiến thuật đánh tỉa, và đánh ngay vào cái đồn yếu nhất. Hắn mà thắng anh Bàng, thì thắng dần cả ba người không khó khăn. Anh Bàng lại là người bị bắt trong hồi hội Tương tế giải tán, đã chịu thiệt hại, điều đứng một dạo, nên chắc bây giờ anh không dám bướng bỉnh.

Bấm anh Bàng xong, anh Nhã rất hồi hộp. Anh tròng trọc nhìn anh ta để đợi câu đối đáp xứng đáng là hội viên cũ của Tương tế. Anh Bàng nói:

-Tôi chưa nghĩ nên như thế nào. Ông cho tôi giả lời sau.

Nghe anh Bàng, anh Nhã thấy nhẹ nhõm cả người. Lại nhân được dịp tốt, anh nói:

-Thế thì tôi giả lời trước.

Rồi không đợi lý Sinh ngăn, anh tiếp:

-Chắc ông rõ vì sao chúng tôi cho các cháu đến học bác Na cháu. Không phải vì chúng tôi phục bác ấy là cộng

sản, và muốn cho các cháu đến học làm cộng sản. Cũng không phải chúng tôi với bác Na là anh em gần. Nhưng chính là vì các cháu bé quá, chúng tôi muốn có chỗ cho các cháu học, mà nhà nước lại dì trường làng đi xa. Làng ta mà có trường, thì chúng tôi xin cho các cháu vào học ngay, chẳng cần phiền ai làm gì. Quan huyện và bác chẳng phải bận tâm. Còn như cho con đến học bác Na mà bảo là dính dấp với cộng sản, thì vô cùng.

Anh xích nói thêm:

-Thật đấy. Thì ông lý đây cũng có dính dấp với cộng sản. Bà lý nhà với bác Thụ gái không có họ ngoại với nhau là gì. Mà dễ không phải con cháu xa gần ông Đề à?

Lý Sinh tặc lưỡi:

-Chuyện! Họ là họ về máu mủ chứ họ gì về đầu óc. Các bác muốn cho các cháu học. Nhưng tôi tính học thì làm quái gì. Có người có ta, mà không người thì không ta. Làng ta không có trường, thiếu gì trẻ không có chỗ học, chứ một gì các cháu nhà các bác. Ở nhà quê, học thì làm vương làm tướng gì. Tôi tưởng con cái nhà mình thì dạy sao cho nó biết chăn con trâu, lớn lên, biết cầm cái cày, cái bừa, là hơn cả. Cho học lắm chữ, mà ruộng không biết làm, thì lúc đói, dễ gặm chữ ra mà ăn được à?

Anh Nhã sực nhớ lại câu chuyện người làng kể cho anh nghe về việc Lê Sung đến thăm anh Na, anh bèn dùng ngay việc ấy làm cái mộc để đỡ:

- À! Ông nói quan khuyên chúng tôi đừng cho các cháu đến học bác Na cháu, thế sao tôi nghe nói quan bảo bác cháu là tha hồ dạy học, bốn đứa, chứ bốn mươi đứa cũng không cần phải xin phép. Ngài lại dặn ông đừng làm khó dễ. Thế thì câu chuyện ông nói với chúng tôi vừa nãy

là do ông hay do quan?

Lý Sinh luống cuống, hút thuốc để có thì giờ suy nghĩ, rồi xua tay:

-Ồ, nghe ông quan nói mà tin à?

Anh Lung cười:

-Vậy ông bảo chúng tôi đừng tin quan à?

Lý Sinh bị xoay, càng luống cuống. Nhưng anh Nhã không muốn trêu chọc thêm, anh vẫn dùng những lý lẽ để nói:

-Tôi nghe nói quan huyện với bác Na cháu là bạn thân. Quan mời bác cháu lên huyện chơi luôn, lại nhận là cố vấn chính trị. Quan quý bác cháu, muốn cho bác cháu dạy nhiều học trò. Thế mà tự nhiên, chúng tôi không cho các cháu đến học nữa, thì có là phản đối quan hay không. Chúng tôi là dân, bổn phận là phải kính trọng và tuân lời quan. Và quan nào, chứ quan này, chúng tôi sợ như sợ cọp. Lỡ ra mà bị tiếng là tranh đấu, thì đầu chúng tôi chẳng còn. Quan cấm đón rước, tôi không dám trái ý ngài, nên can ông đừng đón rước. Vì thế, ông đã nói ban nãy, là quan rất bằng lòng. Cho nên, bây giờ thấy quan đối với bác Na như vậy, thì bố bảo, chúng tôi cũng không dám cho các cháu bỏ học.

Lý Sinh lúng túng, lại hút thuốc. Trong khi ấy, anh Nhã vẫn ôn tồn:

-Nhưng tôi nghĩ lại, những lời ông vừa nói là rất phải. Tôi chắc là lấy tình trong họ ngoài làng, ông muốn cho chúng tôi khỏi liên luỵ. Thì gì bằng ông cho chúng tôi mấy chữ, để sau này quan có hỏi tại sao chúng tôi không cho các cháu đến học bác Na cháu, chúng tôi có cớ để nói. Chúng tôi với quan thì xa. Ông với quan thì gần, dễ nói.

Vả lại, có giấy tờ của ông thì chúng tôi mới chuyện trò được với bác Na cháu.

Bị bế tắc, lý Sinh cau mặt, tặc lưỡi, nói giọng cáu bẳn:

-Đấy, tôi nói thế đấy, nghe hay không là tuỳ các bác. Rồi sau này, có xảy ra gì, chớ trách là tôi không bảo trước. Các bác nhớ rằng cả các bác ký vào đơn xin chia lại công điền công thổ đấy nhé. Tôi biết !

***

Cụ Na ngồi một mình ở trong buồng không thắp đèn. Ngoài sân đã tối, nên trong nhà càng tối đen hơn. Cụ hồi hộp, lắng tai nghe từng tiếng động nhỏ. Thỉnh thoảng, cụ thở dài thườn thượt.

Bỗng có tiếng gót chân nhẹ nhàng bước lên hè. Cụ biết là chị Na đã về, nên khấp khởi mừng. Nhưng cụ vẫn hỏi một cách kín đáo:

-Ai đấy?

Chị Na nghẹn ngào đáp:

-Con.

Cụ chờ cho con dâu vào hẳn trong nhà, đóng cửa xong xuôi, mới hỏi nhỏ:

-Vô sự chứ?

Chị Na nói với giọng của con người mất bình tĩnh:

-Chả vô sự mà con lại về ngày.

-Thế họ đâu cả?

-Chúi chết vào đám bạc chứ đâu.

-Gặp anh Hai ở đâu?

-Ở cây gạo sau miếu Thổ Kỳ. Anh ấy gửi lời chào bà. Anh ấy bảo bà đừng buồn. Các anh ấy đi, rồi lại về, như lần trước.

Cụ Na yên lặng, không nói gì. Cụ chỉ thở dài. Người mẹ già này, trong bao nhiêu năm nay, chịu đựng cảnh gia đình tan tác đã quen rồi, nên đành chôn kín nỗi đau thương xuống tận đáy lòng, để sống âm thầm cho được yên lặng. Yên lặng mà nghĩ ngợi một mình. Nói lòng đau thương của mình ra lời, hoặc tuôn mối đau thương của mình ra nước mắt, đều không thể xiết được. Vả lại nỗi đau thương của một người mẹ có con đi tù chính trị không phải là điều nên thổ lộ ra lời hoặc ra nước mắt. Không ai có hoàn cảnh như mình. Và biết bụng người ta thế nào, mà cho người ta biết bụng mình.

Chị Na cũng bắt chước mẹ chồng ở điểm ấy. Sống nghi kỵ, sợ sệt, chị không than thở với người ngoài đã đành, mà với mẹ chồng, chị cũng ít lộ lòng buồn bã, nhớ nhung, mong mỏi. Chị không muốn vì mình mà bà cụ nghĩ ngợi thêm.

Hôm nay anh Na phải trốn đi. Có tin là bọn thống trị vừa mở thêm nhiều trại tập trung để nhốt những người chúng nghi là nguy hiểm, giam giữ không thời hạn. Lại có tin là sở mật thám tỉnh đã làm danh sách những người sẽ phải bắt. Danh sách ấy được tiết lộ để báo cho những chính trị phạm cũ kịp thời mà đối phó.

Vì được biết trước, anh Thịnh đã nhắn anh Na, hẹn ngày giờ và chỗ gặp nhau. Tin tuy kíp, nhưng vì người đưa tin sơ ý, nên anh không thể giấu nỗi gia đình. Anh dặn dò

và an ủi mẹ với vợ. Anh Lê, em anh, đã xui ba Lỳ, khán Tùng rủ bọn lính cơ đánh bạc ngay từ chập tối. Buộc được chân họ, anh Lê trở ngay về Hạ.

Anh Na ra khỏi làng lúc đầu trống hai. Mẹ anh cho vợ anh đi theo một quãng để về nói lại cho cụ yên tâm.

Bây giờ việc đã xong xuôi cả. Thế là từ nay, không biết đến bao giờ, nhà này lại vắng dáng và vắng tiếng đàn ông đứng tuổi.

Cụ Na và chị Na tưởng như không còn gì để nói thêm với nhau. Hai người cùng đi nằm. Mỗi người một tâm sự. Thỉnh thoảng hai người thở dài thật khẽ. Thở dài khẽ không phải để giấu nhau nỗi lòng, nhưng chính là không muốn khuấy cái không khí yên tĩnh, để tâm hồn mình dõi theo con người đương đi ở nẻo xa. Cả hai người cùng muốn ngủ cho quên cái việc đã đành đi. Nhưng ngủ sao được, vẫn cứ nghĩ lan man, vơ vẩn. Chừng nửa giờ sau, sực nhớ ra, cụ Na gọi con dâu:

-Thức hay ngủ đấy?

-Bà bảo gì?

-Này, tao quên đi mất, không sẻ cho bố nó lọ khuất thần.

Chị Na không đáp. Chị tưởng tượng đến chồng đương băng băng trong sương.

Trên không, tiếng vạc kêu rời rạc. Gió hiu hiu, tre cọ vào nhau ken két. Trong nhà, chuột chạy trên xà, rúc chí chí. Muỗi bay vo ve. Bỗng chị Na lẩm bẩm một mình:

-Lần trước Tây nó bắt. Lần này tự mình đi.

Cụ Na vừa ngáp, vừa đáp.

-Phải, hai lần khác nhau chứ. Để Tây bắt thì phải bó

tay. Tự mình đi thì vẫn rộng cẳng.

Một lát, cụ tặc lưỡi:

-Thế là may.

Chị Na lại nằm yên. Thấy con dâu không nói chuyện, cụ Na cũng lặng thinh. Ngoài điếm, mõ canh ba đã bắt đầu điểm những tiếng ròn rã. Giun, dế và côn trùng ban đêm vẫn đùn ra những tiếng đều đều mà không bao giờ được ai để ý. Ở trong nhà, chốc chốc có tiếng ngáp, tiếng nhai trầu. Thỉnh thoảng nan giường cụ Na nằm, lại kêu răng rắc. Cụ mỏi, phải cựa mình luôn luôn. Bỗng cụ lại hỏi:

-Mẹ nó thức hay ngủ?

-Bà bảo gì?

Cụ nói như để tiếp tục câu chuyện trong ý nghĩ của cụ:

-Nhưng mà phải tù, hết hạn thì về. Đằng này, biết bao giờ mới về.

Chị Na thở dài:

-Thôi, ngủ đi, bà ạ. Khuya rồi bà ạ.

Thấy con dâu không đáp, cụ tự đáp:

-Bao giờ thành công thì về.

Sự thực, chị Na tuy giục mẹ ngủ, nhưng chị vẫn trằn trọc. Chị không muốn nói chuyện, nhưng lại nghĩ ngợi về câu của mẹ. Chị nói thêm:

-Thành công thì làm việc đỡ vất vả, không phải lén lút.

-Cho nên tao quý các anh ấy lắm. Chịu khổ sở mà không biết có được hưởng sung sướng hay không.

Thở dài khẽ, chị Na nhắc:

-Thôi, bà ngủ đi. Đừng nói nữa.

Chị lại nghĩ. Rồi quên lời vừa nhắc mẹ, chị lẩm bẩm:

-Lần trước chẳng kịp đôi hồi nửa câu. Lúc quay lại, chỉ thấy mẹ khóc với vợ khóc. Chả biết đêm nay ngủ ở đâu!

Đến lượt cụ Na gạt đi:

-Thôi, ngủ đi!

Hai người lại yên lặng. Có tiếng ngáp. Tưởng chừng như cũng đã thiu thiu. Ánh trăng mới mọc lọt qua khe cửa, vẽ một vệt sáng trên nền đất. Xa xa, một vài tiếng chó sủa từng hồi dài. Một lát nghe tiếng quạt ở nhà ngoài, cụ Na biết là con dâu chưa ngủ. Cụ nói:

-Chả biết có đích xác hay không mà đã đi vội vàng thế!

Chị Na không nói gì, nhưng độ năm phút sau, chị dặn:

-Bà ạ, bà đừng kêu. Nó đánh chết. Để con kêu cho.

Cụ tặc lưỡi:

-Không. Tao già, nó không dám đánh.

Chị hừ khẽ một tiếng:

-Không dám đánh!

Hai người lại không ai nói với ai.

Đã từ lâu, mõ điếm dồn bốn tiếng một. Có lẽ gần sang trống năm rồi. Các xóm, gà đã gáy chuyền nhau. Đêm sâu càng lặng lẽ, thì ở trong nhà này, ruột cụ Na và chị Na càng rối bời bời. Người đi, nhưng hình ảnh, tiếng nói, còn vương vấn trong thương nhớ, lo lắng của những người ở lại.

-Bà thức hay ngủ?

Bỗng tiếng chó cắn rộ và đều đều từ xóm Ngoài, lan vào đến xóm Giữa, làm ngắt câu chuyện rời rạc và nhát gừng. Hai mẹ con cùng lắng tai.

Chị Na thấy rờn rợn, gọi khẽ:

-Bà ơi!

Cụ Na như hiểu ý, trả lời:

-Hử? Tao biết rồi. Tao đương nghe.

-Chẳng biết có phải không nhỉ?

Nói đoạn, chị ngồi phắt dậy, đến đứng ở sau cửa để nhìn ra ngoài. Tiếng chó gần đã sủa inh ỏi. Ở giữa đường cái làng, trong ánh trăng yếu ớt, bật lên những tia sáng điện vụt loè lên, rồi vụt tắt.

-Đúng rồi, bà ạ.

Cụ Na giục:

-Để xem sao. Đi mà nằm.

Chị Na vừa lên giường, thì ngoài sân đã có tiếng chân người rầm rập. Một vệt ánh đèn pin sáng quắc đâm thẳng vào cửa, một tia khác lia đi lia lại khắp sân.

Hai mẹ con im thin thít, trống ngực nổi lên.

-Mở cửa. Na có nhà không?

Chị Na biết rõ ai gọi, nên vờ ú ớ cho tự nhiên:

-Thầy nó ơi! Ai gọi gì kìa.

Ở ngoài, tiếng gọi dồn và tiếng đập mạnh vào cửa. Chị Na vờ gắt với chồng:

-Gớm, ngủ gì mà ngủ say thế! Ai gọi kia kìa.

Rồi chị hỏi to:

-Ai gọi thầy nó đấy?

Tiếng đáp:

-Mở cửa mau! Các quan vào!

Cụ Na làm như sực tỉnh, hỏi giật rộ:

-Ai? Quan nào?

Rồi, căm hờn sinh ra can đảm, cụ nghiến hai hàm răng, đập tay chân xuống giường, tru tréo lên:

-Ối làng nước ôi! Cướp! Cướp! Cướp ở nhà bà Na!

Chó cắn vang lên ồn ồn.

-Cướp! Cướp! Cướp ở nhà bà Na!

Tiếng ở ngoài quát:

-Im mồm! Không phải cướp! Quan Chánh mật thám đây!

Nhưng cụ Na càng thét:

-Ối giời ôi! Cướp! Làng nước ôi!

Mõ điếm báo động. Ở ngoài đường, dân làng đổ ra.

Bỗng cánh cửa bị ẩy bật tung. Hai chiếc đèn pin tia hai luồng sáng rực vào trong nhà, quét lia lịa trong bóng tối.

-Ai ở đâu cứ ở đấy. Chạy thì quan lớn bắn!

Chị Na ngồi nhổm lên từ lâu. Chị đã nhận ra tên Chánh mật thám tỉnh, là người Tây lai, mà chị cũng biết mặt. Song, lần này nhìn nó, tự nhiên chị nhủn cả người.

Thằng Phu-tít đứng sừng sững trước mặt chị, tay cầm khẩu súng lục, chĩa vào mang tai chị. Mặt nó đen. Hai mắt nó trắng dã. Môi nó dày. Má nó cũng dày. Cánh tay và ống chân thiết bì của nó, thò ra ngoài quần áo cụt, xồm xồm những lông. Ban đêm, trông nó càng thô tục, hung ác.

Thuở bé, vào động trong chùa, chị sợ nhất cái cảnh quỷ sứ rút lưỡi, bỏ người vào vạc dầu. Nhưng bây giờ, chị thấy rùng rợn hơn những cảnh ấy. Chị ngồi trên phản mà run lên, như ngồi không vững. Nhìn ngón tay trỏ của nó quặc vào ở cò súng, chị nghĩ ngay đến rằng ngón tay ấy chỉ co lại một tí nữa, là bao nhiêu những người như chồng chị đã toi mạng. Với những hạng uống máu người không biết tanh, thì một phát súng lục có nghĩa lý gì.

Đứng sau thằng Phu-tít, là ba tên mật thám người Việt Nam, mặt mũi không kém vẻ dữ tợn. Tất cả bốn đứa đều nhìn chị bằng những cặp mắt hằn học.

-Thằng Na đâu? Thằng Thịnh đâu?

Chị luống cuống, trỏ sang giường bên kia bàn thờ:

-Nhà tôi ngủ kia. Thịnh là ai, tôi không biết.

Ánh điện lại loè lên khắp nhà để tìm:

-Đâu? Đâu?

Chị Na lại hồn dần. Chị đứng dậy, quay vào chái nhà hỏi:

-Bà ơi, nhà con đâu?

-Nó ngủ ngoài ấy chứ đâu?

Thằng Phu-tít quắc mắt, hỏi:

-Chúng nó trốn rồi, trốn rồi, hả?

Hai ngọn đèn pin sục vào hai chái.

Lúc bấy giờ ngoài sân đã lố nhố những người. Họ vác gậy gộc. Có người thắp đuốc sáng trưng.

Tiếng chó sủa vang inh, phù hoạ với tiếng quát của tên Chánh mật thám.

-Đâu? Đâu?

Nói đoạn, nó lôi cụ Na ở trong chái ra. Thằng Tây lại thấy cụ tay bưng mắt, tay sờ soạng, lê mãi mới được một bước, nó đẩy cụ ngã dúi:

-Mày vừa kêu cướp phải không?

Mắt cặp kèm, cụ không trông rõ mặt nó, nên cụ không mất vía. Cụ vừa đứng dậy, vừa đáp một cách thản nhiên:

-Tại tôi tưởng các quan là cướp.

Thăng Phu-tít tím mặt lại, cười gằn:

-Được, cướp đây. Thằng con mày đâu? Thằng Thịnh đâu?

Cụ trỏ tay:

-Con tôi nó ngủ đằng kia. Còn Thịnh nào, tôi không biết.

-Nhưng bây giờ nó đâu? Khỉ già! Vớ vẩn gì!

Cụ nhìn con dâu, cũng hỏi:

-Nó đâu? Tao vừa nghe tiếng nó ho kia mà?

Tên Chánh mật thám tin rằng hai người còn lẩn quất đâu đây. Nó cho tay sai đi sục sạo.

Bọn này ra hè, bẻ liếp để làm đuốc. Chúng soi trong nhà, rồi soi xung quanh: chuồng gà, chuồng lợn, bể nước, đống rơm, bụi chuối. Bất cứ xó xỉnh nào, chúng cũng dòm. Trong khi ấy thì thằng Phu-tít khám đồ đạc trong nhà. Nó mở tung cả đống chăn màn, hòm quần áo, cũi bát đĩa, gánh hàng tấm. Nó bốc xáo lộn gio và trấu ở bếp. Nó móc vào hốc cột, sờ phía dưới mễ giường và tấm phản. Mồ hôi chảy ròng ròng như tắm, mà không tìm được gì, nó cáu lắm. Nó ra lệnh:

-Thôi, vô ích! Chúng nó trốn thoát rồi. Chúng nó mang cả đi rồi. Gọi lũ lính cơ vào đây!

Năm người lính cơ chạy đến, đứng ở sân. Trông họ, không ai không ngạc nhiên và nhịn cười được. Họ không mặc quần áo lính, mà mặc quần áo nâu. Mặt tên nào cũng vẽ râu như hề. Mỗi tên cầm một cái nón ở tay, cái nón mà họ đã cướp giật được của người ta để lấy làm "kỷ niệm". Tên Chánh mật thám đã bắt họ ăn mặc giả làm thường dân để đến vây xung quanh nhà anh Na.

Giữa lúc này, lý trưởng mới tới. Tay mang đèn, tay cầm tay thước, hắn lập cập bước lên thềm. Biết không phải là cướp, hắn vào trong nhà vái một cái dài:

-Lạy quan lớn, con là lý trưởng đến hầu.

Đương cơn thịnh nộ, thằng Phu-tít mím chặt đôi môi xám xịt, giơ năm ngón tay to bằng quả chuối mắn để đoạ tát:

-Bây giờ mày mới đến? Tiên sư đồ bú cặc! Thằng Thịnh đến họp với thằng Na lúc đêm, mày có biết không? Bây giờ chúng nó đâu?

Chẳng biết trả lời thế nào, lý Sinh quay lại chị Na, hỏi xách mé:

-Chồng mày đâu?

Nhưng hắn bị ngay thằng Phu-tít tát một cái:

-Hỏi cái mả mẹ mày! Mày để các bố mày trốn mất rồi.

Lý Sinh chùi dòng máu chảy ra ở mũi, rồi làm như mình vẫn mẫn cán đây, nói y như thật:

-Quái, lúc trống ba, con rình nhà nó, còn thấy tiếng nó nói chuyện với vợ nó.

Bất đồ thằng Phu-tít lại càng cáu:

-Trống ba à? Trống ba thì nó đi đằng mẹ nó rồi. Chập

tối, thằng Thịnh đã rẽ vào làng này.

Lý Sinh vờ ngơ ngác:

-Quái nhỉ!

-Quái à? Phải còn nhiều thằng nữa, chúng nó đến họp ở nhà này với thằng Thịnh, cũng như lần trước. Mật thám của tao theo dõi thằng Thịnh từng bước. Nó đến đây lúc chập tối. Không ai nói sai.

Rồi nó hầm hầm quay lại chị Na:

-Chúng nó trốn từ bao giờ?

Chị Na thấy thằng Phu-tít nói dựng đứng, biết rằng nó chỉ loè, nên chị nói:

-Chập tối, nhà tôi ngủ ở nhà. Có ai đến đây đâu.

Thằng Tây lại giậm chân xuống đất, lại giơ ngọn súng vào đầu chị:

-Nói cho thực. Không thì tao bắn chết.

Cụ Na xông lại:

-Ối, tôi lạy quan lớn. Chẳng có ai đến nhà này cả. Con tôi còn ngủ ở đây từ chập tối. Bây giờ nó đâu, chúng tôi không biết. Ngoài miếu đã có các thầy quyền, nó đi hẳn các thầy biết.

Thằng Phu-tít toan xông đến cụ, nhưng thấy cụ nhắc đến lính cơ, nên nó trừng trừng nhìn bọn này, rồi hất hàm, hỏi:

-Chúng nó trốn lúc nào? Sao chúng mày không biết?

-Lạy quan lớn, chúng con canh phòng cẩn mật. Chúng nó trốn đường nào, chúng con không rõ.

-Đồ con lợn! Đúng là chúng nó đã đi từ lâu. Chúng bay phải đi tìm. Chúng nó chưa ra thoát khỏi làng này đâu.

Đi mà lùng. Lùng cho kỳ được. Bất cứ nhà nào cũng vào. Tìm cho kỹ. Bắt sống chúng nó cho tao. Nếu chúng nó chạy, tao cho phép bắn què. Không bắt được chúng nó, tao bỏ tù hết!

Năm người lính cơ sợ hãi quá, vội vã lại dỡ nốt cái liếp làm đuốc, rồi cùng bọn mật thám chia đi các xóm. Lý Sinh nhân dịp này, cũng lẩn mất.

Chó lại cắn vang. Người làng đứng xem ở sân, sợ nhà mình bị khám xét, nên tản về hết.

Trời đã bắt đầu rạng đông.

Thằng Phu-tít ở lại một mình trong nhà để chờ tin. Nó mệt, ngồi xuống phản. Một lát, nó ngả mình, ngối đầu trên súng lục, ngáy như sấm.

Nhưng nó ngồi nhổm ngay dậy. Muốn khỏi buồn ngủ, nó phải hoạt động. Nó cau đôi lông mày sâu róm lại để nhìn cụ Na:

-Còn thằng em thằng Na đâu?

-Thưa quan lớn, nó ở dưới trường học.

-Lúc đêm, nó cũng họp ở đây kia mà?

-Thưa quan lớn, tối qua, nó không về. Nhà tôi có người lạ nào đến đâu mà bảo là họp.

Có lẽ thằng Phu-tít ngượng. Nó gật gù, nhìn đồng hồ đeo tay, rồi nhìn cụ Na, chị Na, cười nham hiểm:

-Chúng bay đóng trò. Tao biết. Giờ này mà không tìm thấy nó, thì nó ra khỏi làng này rồi. Nó đi từ chập tối. Thằng Na mà trốn thoát, thì chúng bay đi tù thay.

Cả hai người cùng yên lặng. Nó nhìn chị Na:

-Hôm nọ, thằng Hai đến với chồng mày, phải không?

Chị Na chắp tay, đáp:

-Thưa không có ai tên là Hai cả. Chỉ có anh Thịnh thôi.

Nó gắt:

-Hai với Thịnh cũng là một. Bú dù! Hôm ấy, mấy đứa họp ở nhà mày?

-Thưa không có ai nữa.

-Chúng nó nói với nhau những gì?

-Cũng hỏi thăm nom việc làm ăn thôi.

-Không phải. Những chuyện tổ chức Thanh niên phản đế kia.

-Thưa thế thì tôi không biết.

Nó quắc mắt:

-Mày giấu.

Rồi nghiến răng, lồng lên như con ác thú sổng mồi, nó trỏ vào mặt cụ Na và chị Na:

-Chúng mày không biết, thì rồi chúng mày biết. Chúng mày đóng trò. Chúng mày nhạo tao. Thằng Na trốn thoát. Nhưng tao không thua trận. Chúng mày lên tỉnh!

Nói đoạn, nó móc túi lấy chiếc xích sắt. Nó bắt hai mẹ con giơ cổ tay ra cho nó khoá ríu lại với nhau.

***

Nghe xong lý Sinh trình việc bắt bớ đêm hôm trước ở nhà anh Na, tri huyện Lê Sung bực bội lắm. Mặt hắn đỏ gay. Hắn chật đẳng gáy khăn lên cao một tí cho

khỏi rát đầu, rồi vừa gãi lia lịa chỗ tóc mọc đã hơi dài, vừa hừ hừ trong cổ họng, y như con chó đương gầm gừ.

Lý Sinh biết là quan sắp nổi xung. Hắn sợ xám xanh, đứng khoanh tay, mặt cúi gầm. Lê Sung bĩu môi, nhìn hắn bằng đôi mắt khinh bỉ, rồi hoạnh:

-Vô lý! Quan Chánh không khám thấy gì mà lại bắt mẹ nó với vợ nó đi?

Lý Sinh run lên. Muốn cho cái đít khỏi thành thớt, hắn dùng cái đầu làm chầy. Hắn sụp xuống, lạy tên tri huyện:

-Lạy cụ lớn, lúc ấy con không ở đấy. Con chỉ thấy nói thế mà thôi.

Nhìn người khốn nạn đương thì thụt trước mặt, lại nghe hai tiếng xưng hô mình được nâng tới mức đường quan, Lê Sung dịu ngay mặt. Hắn không hỏi thêm nữa, mà nói như một người nhân từ:

-Tao hay thương người, muốn sinh phúc cho chúng nó, nên đã không bắt chúng nó, chứ không phải tao khờ. Quan Chánh mật thám bắt mẹ nó với vợ nó là đúng. Đứa nào trong nhà ấy cũng đáng bỏ tù, không đứa nào oan. Còn thằng gì em nó, làm hương sư nữa, không lương thiện gì đâu. Muốn đuổi về lúc nào mà không có tang vật làm bằng chứng!

Đoạn hắn đứng dậy, sang buồng ngủ bên cạnh. Hắn mở tủ áo, rút ngăn kéo đựng giày ra. Bỗng hắn hớt hải. Hắn tìm một thứ, nhưng không thấy. Hắn vội vàng hỏi đứa con bé của hắn:

-Phụng ơi! Ba có một ít sách báo để ở đây, có đứa nào lấy không?

Phụng đáp:

-Có, con thấy chị Qui lấy ra xem.

Lê Sung giật nảy mình, rần rộ gọi:

-Con Qui đâu?

Qui nằm trên giường, thấy tiếng cha, hốt hoảng giấu quyển tiểu thuyết đương đọc xuống dưới chiếu, rồi chạy đến. Lê Sung hỏi:

-Những sách báo của ba để trong này, con lấy đọc phải không?

Qui sợ hãi, chối:

-Không ạ.

Lê Sung quắc mắt:

-Sao em Phụng nó nói là con lấy ra xem. Nói cho thật. Có xem không?

Qui run run, khẽ đáp:

-Vâng, thưa ba có. Nhưng chán lắm. Vì con không hiểu.

Lê Sung đập tay xuống giường, quát:

-Ai cho mày đọc?

Qui không đáp. Lê Sung hỏi:

-Mày có biết những sách báo ấy là thế nào không?

Qui cúi mặt:

-Thưa ba có. Là những sách báo cộng sản.

-Sao mày dám đọc?

Qui lại im. Lê Sung cáu quá:

-Thế đâu cả rồi?

-Thưa ba, con đốt đi cả rồi. Những thứ ấy bị cấm, con không dám để trong nhà, sợ trái phép.

Lê Sung phùng má, phù ra một hơi thất vọng, rồi giậm chân xuống đất:

-Mười chín hai mươi tuổi đầu rồi, sao mà ngu lắm thế! Ba là ông quan, chứ là ai, mà sợ trái phép. Mày có biết ba giữ những sách báo ấy để dùng làm gì không?

-Thưa ba, con không biết.

Song, dùng để làm gì. Lê Sung không giảng cho con nghe. Hắn hỏi:

-Có biết những sách báo ấy, ba phải bỏ tiền ra mua không?

-Thưa ba không. Con tưởng ba tịch ký được.

-Thế một mình mày đọc, hay còn đứa nào đọc nữa?

-Thưa ba, các em con, chúng nó cũng đọc. Em Phụng lại mang cả xuống trại cho mượn.

Lê Sung giơ hai cánh tay lên không, rồi nhăn mặt, kêu:

-Giời ơi là giời! Ngu dại ơi là ngu dại! Chúng mày giết tao. Chúng mày muốn tự tử cả rồi!

Hắn hỏi lại lần nữa:

-Có thật là mày đốt hết đi rồi không?

Qui sợ hãi quá, đáp:

-Bẩm thật.

Lê Sung không thể kiên tâm hơn được nữa. Sách báo bị cấm mất hết, nghĩa là tang vật mất hết, thì lấy gì làm bằng chứng để đổ tội cho người ta là cộng sản. Song, không lẽ làm gì các con, hắn thở hồng hộc, đi sang buồng giấy. Ở đây, đã có sẵn cái đầu chịu đựng mắn chửi quen của tên lý trưởng xuẩn ngốc để hắn trút giận dữ lên. Hắn

hầm hầm ngồi xuống ghế:

-Mày làm hại tao! Mày có mắt cũng như mù, có tai như điếc. Bạn bè nó đến bao giờ, đi bao giờ, nói chuyện với nhau những gì, rồi nó trốn đi lúc nào, mày đều không biết. Quan Chánh mật thám đến làng, mày còn ngủ. Thế là thế nào?

Chẳng biết là thế nào cả. Thấy quan ôn tồn đấy mà cáu kỉnh cũng ngay đấy, lý Sinh không biết trả lời con người thất thường này sao cho tránh được mắng chửi. Hắn thở dài:

-Lạy cụ lớn, tội con thật đáng chém đầu, xin cụ lớn trông lại.

Lê Sung gắt:

-Trông lại cái tổ sư mày! Mày làm quan Chánh mật thám khinh lây cả tao. Ngài về hạt này bắt người, mà ngài không bảo cho tao biết, có phải chỉ tại cái mặt mày bì bì những xôi thịt hay không?

Lại một vấn đề khó quá, lý Sinh không sao đáp nổi, cho nên hắn lại đỡ đòn:

-Lạy cụ lớn, chỗ con là tôi con cụ lớn, xin cụ lớn rủ lòng thương.

-Thương cái tổ sư cha mày! Đáng lẽ thằng Na là người huyện này, thì về phần tao được bắt nó. Mà giá mày biết cái đêm thằng Thịnh đến nhà nó, trình tao ngay, có phải tao chộp được cả đôi, lập được công to bao nhiêu. Thành thử mày làm tao xểnh ăn, miếng mồi ngon để quan Chánh mật thám tranh mất.

Nhìn tên lý trưởng ù ì như cục thịt, Lê Sung biết rằng xoay thêm nữa cũng vô ích, nó chỉ mụ người thêm thôi, hắn bèn trỏ cho một lối thoát:

-Vào thời buổi này mà làm việc như mày, thì sớm muộn cũng đến phải cách thôi, con ạ. Tao đã bảo trước để có thân mà liệu. Từ dịch đi, thì công danh được vẹn toàn. Không thì chớ trách là tao ác.

Nghe câu nói bất ngờ như tiếng sét, lý Sinh choáng người:

-Lạy cụ lớn, chỗ thần tử cụ lớn, xin cụ lớn che chở cho.

Lê Sung đay:

-Thần tử! Mày tính xem, từ ngày tao về đây, mày đã dắt cho tao ăn món nào cho ra món? Tất cả lý trưởng trong huyện này mà như mày cả, thì tao gặm xương để làm việc quan à? Huyện này có tiếng là huyện tốt, dân thuần, thế mà tao chưa biết đồng tiền làng mày mặt ngang mũi dọc thế nào. Thế là nghĩa lý gì? Tao làm quan, chứ làm bù nhìn, làm đầy tớ chúng bay phỏng? Tại sao làng khác thì vô số việc, mà làng mày thì cứ như không ấy?

Thấy lý Sinh không đáp, Lê Sung cho tốt hơn hết là phải huấn luyện cho tay sai về chuyên môn. Hắn nói:

-Nếu có phải vì làng mày, những thằng cộng sản nó làm cách nào để thu xếp việc dân với nhau cho quanh năm không ai cần đến cửa quan, thì mày phải liệu. Không thể để cho chúng nó có quyền như thế. Thượng hạ bằng đẳng là không xong. Mày làm lý trưởng mà ngù ngờ, thì chỉ tổ cho chúng nó bóp mũi. Phải vành mắt to ra, phải giỏng tai rộng ra mà nhìn, mà nghe. Làng mày, những hội ái hữu còn cả đấy, chúng nó họp bí mật để bàn chuyện cộng sản đấy. Bắt cho tao một đám, lôi cổ chúng nó lên đây cho tao. Thằng Na trốn mất rồi, thì làm cho gia đình nó lụn bại mới triệt được nọc cộng sản. Những đứa ở nhà nó, giá có phải tù đầy, chết chóc cũng là đáng tội thôi. Cho nên phải

khuấy việc trong làng lên. Phương ngôn có câu nói: Đục nước béo cò. Nước không đục, thì cò làm sao mà béo được. Không được để cho thanh niên trong làng đàn đúm với nhau, bàn tán việc chính trị, đọc báo quá khích. Để chúng nó đàn đúm, thì thể nào những thằng con nhà đủ ăn cũng dễ hư, dễ mắc phải bùa phải bả của cộng sản. Cho nên trị cộng sản nhạy nhất, là làm thế nào cho những nhà có con như vậy, phải trầy trật mới kiếm được bát ăn. Đấy, mày về làng, cứ như thế mà làm cho tao.

Lê Sung giảng lý luận và kinh nghiệm, thấy lý Sinh có vẻ ù cạc như vịt nghe sấm thì thất vọng:

-Ở đâu tao cũng làm cỏ được cộng sản, mà ở làng mày tao không trị nổi chúng nó, là chỉ tại mày ngu như con lợn!

Rồi sực nhớ ra, hắn mở ngăn kéo, lấy ra một lá thư nặc danh:

-À, lại còn việc này nữa. Chúng bay làm thế nào mà chúng nó bỏ giấy tố giác chúng bay hà lạm công điền công thổ. Ông bận, ông chưa xét. Ông mà bới ra, thì chúng bay khối đứa tù mọt gông!

Lý Sinh choáng người, như nhìn thấy tiền của nhà mình lại sắp chảy tuột vào chỗ trống. Hắn gãi tai:

-Lạy cụ lớn, chúng con...

Không muốn rác tai, Lê Sung ngắt lời, đuổi:

-Thôi! Bước! Đừng đứng đây nữa. Bẩn mắt ông!

***

Tiếng trống học vừa đánh dứt hồi, thì Lê Sung, cùng thông sự, cai cơ, và trưởng phố sở tại ra ngoài trường kiểm bị.

Học trò lớp nào đã vào lớp ấy, im phăng phắc, để bắt đầu làm việc. Nhưng thấy có quan đến, họ ngoảnh cả ra ngoài sân để nhìn. Lại thấy lố nhố đông người, họ cho là bất thường, nên thì thào ồn ào lên với nhau.

Cụ hiệu trưởng Quý đã ra đến hè để đón khách.

Vẫn theo thường lệ, quan huyện và cụ giáo bắt tay nhau. Nhưng trái với thường lệ, người bên chính giới lần này lại bắt đầu câu chuyện bằng những lời hỏi thăm gia đình của những người bên giáo giới. Rõ ràng là thái độ nhã nhặn này không ăn khớp với vẻ cứng rắn vì sự có mặt của bọn tuỳ tùng của quan, gồm cả tả hữu văn võ. Thấy cụ Quý niềm nở hỏi thăm lại mình, Lê Sung biết là mánh khoé giáo đầu cần thiết để giao thiệp có thể chấm dứt, hắn bèn vào đề. Hắn đứng dừng lại hiên để nói chuyện.

Lê Sung để tay lên vai cụ giáo, thân mật nói:

-Tôi có việc phiền cụ hơi lâu. Song là việc hệ trọng, chắc cụ không ngại mất thì giờ.

-Vâng, xin quan lớn cứ nói.

-Cụ cho biết trường cụ có đứa học trò nào là con chính trị phạm không?

Cụ Quý thấy câu hỏi bất ngờ, nên mỉm cười, lắc đầu:

-Điều đó thật tôi không để ý. Bởi vì tôi không biết những ai là chính trị phạm.

Tên tri huyện nhìn cụ hiệu trưởng như có ý không tin lời nói ấy là thật. Hắn quay lại thông sự Hảo.

Tên này hiểu ngay quan muốn gì, bèn mở chiếc cặp da, lấy một tờ giấy. Quan cầm lấy, nói:

-Trong huyện có năm tên chính trị phạm rất nguy hiểm: tên Trần Hữu Lâm, tên Nguyễn Văn Na, Lê Tùng Thụ, Vũ Tụng và tên Kim Sơn tức Vũ Văn Lễ.

Cụ Quý gật đầu:

-Chúng tôi ở trong giáo giới, nên không biết tên những người ấy. Muốn xem họ có con học ở đây hay không, phiền quan lớn đợi tôi một lát. Tôi vào tủ lấy sổ cái của nhà trường ra tra.

Quyển sổ đem ra, cụ Quý đưa cho Lê Sung. Tên tri huyện mở từng tờ giấy, lấy ngón tay trỏ vào cột biên tên cha mẹ học sinh, để dò từng người cho khỏi sót. Thông sự lên ngọn mục kính, cũng châu đầu vào. Muốn quan khỏi quên, luôn luôn hắn nhắc: Trần Hữu Lâm, Nguyễn Văn Na, Lê Tùng Thụ, Vũ Tụng, Kim Sơn tức Vũ Văn Lễ. Hoặc: Lâm, Na, Thụ, Tụng, Lễ.

Bỗng tên tri huyện dừng ngón tay, rú lên như người bắt được vàng:

-Đây rồi! Nguyễn Văn Na.

Thông sự Hảo cười một cách hả hê:

-Bẩm đúng. Làng Văn Chương.

Cụ Quý nhìn vào cột tên học trò, đọc:

-Nguyễn Văn Lựu.

Rồi cụ ngẩng lên, nhìn Lê Sung, nói như để khoe:

-Nó ở lớp tôi. Học khá lắm.

Nhưng tên thông sự làm cụt hứng ngay của cụ. Hắn cau mặt nhìn cụ:

-Tên này là chính trị phạm, cụ không viết rõ thế, lại để nghề nghiệp nó là tư thục.

Cụ giáo không chịu được thái độ xấc láo của hạng người quen kiếm ăn bằng nghề xúc xiểm, cụ trừng mắt nhìn hắn:

-Cũng như tôi cho con ông vào học, thì tôi biên nghề nghiệp của ông là thông sự, chứ không viết là chánh cửu phẩm văn giai.

Thấy không khí gay gắt, tên tri huyện nhìn thuộc hạ, tặc lưỡi mấy cái:

-Cái thầy này!

Rồi hắn tiếp tục mở những tờ sau ở trong sổ. Đến trang cuối cùng, không tìm thêm một ai là Trần Hữu Lâm, Lê Tùng Thụ, Vũ Tụng và Vũ Văn Lễ, hắn gấp cuốn sách và nói:

-Thế là trường này có một chính trị phạm có con học.

Hắn hỏi cụ Quý:

-Ở lớp nào, cụ nhỉ?

-Lớp này. Tôi dạy.

-Có lẽ cũng chỉ có một thằng thôi, chứ không hơn.

Nói đoạn, hắn đưa trả cụ hiệu trưởng quyển sổ cái.

Thông sự Hảo muốn khỏi bẽ mặt vì vừa bị quan quở, hắn làm như chưa chịu là chỉ có một người chính trị phạm có con học ở trường kiểm bị này. Để tỏ tinh thần mẫn cán, hắn mượn sổ, mấy cai cơ theo ra góc trường. Hai người mở từng tờ, kiểm soát lại một lần nữa cho khỏi sót.

Trong khi ấy, Lê Sung nói chuyện với cụ Quý:

-Vậy thì trường cụ có một đứa học trò là con chính trị

phạm Nguyễn Văn Na. Cụ nghĩ sao?

Có lẽ cụ Quý không hiểu tên quan cai trị định hỏi thế nào, nên đáp:

-Quan lớn hỏi rõ hơn.

-Tôi muốn hỏi cụ định xử trí với tên học trò này thế nào?

Cụ Quý gật đầu:

- À! Trò Nguyễn Văn Lựu học giỏi, nết ngoan. Nó rất đáng khen.

-Đành vậy. Nhưng bố nó là chính trị phạm, một tên cộng sản lợi hại. Cụ có biết không?

Cụ Quý lắc đầu, thản nhiên đáp:

-Không. Nhà giáo chúng tôi có cái thiếu sót, là chỉ căn cứ vào trình độ học sinh, mà không quan tâm đến công việc của phụ huynh họ.

-Thôi được. Cũng không sao. Nhưng cụ có biết tên Nguyễn Văn Na cùng mẹ với vợ nó mới bị quan Phu-tít bắt lúc gà gáy hôm nay hay không?

Cụ Quý, lại lắc đầu, rồi mỉm cười:

-Không. Mà *Phu* gì quan lớn vừa nói, là ai, tôi cũng không rõ.

Lê Sung vừa ngạc nhiên, vừa bực mình:

-Cụ nhạo đời đấy chứ? Phu-tít là quan Chánh mật thám tỉnh. Thế hồi quá nửa đêm vừa rồi, cụ có thấy tiếng ô tô đi qua phố huyện không? Đấy, ngài về bắt tên Na đấy.

-Thế à? Tôi tiếc rằng giờ ấy tôi đương ngủ say.

Không chịu được vẻ lạnh lùng của người làm nghề giáo dục đối với những nhân vật và sự việc quan trọng của

bên chính trị. Lê Sung tìm cách châm trọc:

-Thảo nào mà quan Phu-tít thường phàn nàn rằng phần lớn các ông giáo kém lễ độ, gặp ngài ở ngoài đường mà không chào.

Cụ Quý bật lên những tiếng cười hà hà:

-Điều ấy rất đúng. Ngay như tôi đây, đến tên ông ta mà còn chẳng biết, huống chi mặt ông ta. Sở dĩ ông ta thấy nhà giáo gặp ông ta ở đường mà không chào, là do ông ta để ý đến nhà giáo nhiều quá, mà nhà giáo thì lại không ai để ý đến ông ta.

Tri huyện Lê Sung biết rằng bốp chát một người không thuộc quyền mình sẽ bị họ trả miếng liền, chứ không nể nang. Vì vậy, hắn lại ôn tồn:

-Vì lẽ tên Nguyễn Văn Na là chính trị phạm cũ, nhà nước khoan hồng tha cho về mà nó không biết hối lỗi, cho nên tôi yêu cầu cụ, đồng thời ra lệnh cho cụ đuổi con nó ra khỏi nhà trường.

Thấy sự lạ, cụ Quý ngước mắt nhìn tên tri huyện và lẩm bẩm:

-Đuổi tên Nguyễn Văn Lựu?

Lê Sung nhấn mạnh:

-Vâng. Tôi yêu cầu cụ, đồng thời ra lệnh cho cụ.

Cụ Quý cau mặt để nghĩ, rồi đáp:

-Quan lớn yêu cầu thì tôi nể, ra lệnh thì tôi tuân. Đó là việc riêng của tôi đối với quan lớn. Nhưng đối với học trò phải đuổi, đối với học trò khác, đối với các bạn đồng sự, đối với cha mẹ học sinh, thì tôi nói ra sao? Có thể lấy lý do là Nguyễn Văn Lựu là con chính trị phạm mà đuổi được không?

Lê Sung vội vàng xua tay:

-Không được. Đó là lý do ngấm ngầm. Còn lý do công khai, thì ví dụ nó dốt, nó lười, nó láo, chẳng hạn.

-Nhưng khốn nỗi Nguyễn Văn Lựu lại học giỏi, chăm chỉ, lễ phép với thầy, tử tế với bạn. Ba năm nay nó học ở trường này, tháng nào cũng được ngồi đầu lớp. Tên của nó không bao giờ vắng trên bảng danh dự. Tóm lại, nó không có lỗi gì.

Lê Sinh cười như để chế nhạo một cách ngây thơ:

-Người nào mà không có lỗi, hở cụ? Chẳng to thì nhỏ chứ?

-Nhưng trẻ con đã làm gì nên lỗi lớn. Nguyễn Văn Lựu có tội gì đến nỗi phải đuổi. Tự nhiên vô cớ, tôi đuổi một người học trò tốt, sao tôi đang tâm?

Lê Sung nhún vai:

-Giáo giới xử sự nhiều bằng tình là không được. Bên cai trị chúng tôi chỉ dùng lý.

-Nhưng quan lớn bảo chúng tôi tìm lý gì để làm việc vô lý này. Trò Lựu sẽ có tương lai. Đuổi nó là phá hoại tương lai của nó.

Nghe hai tiếng *tương lai*, Lê Sung nảy ra được ý kiến có thể thuyết phục được người hay giở nguyên tắc ra làm lý sự. Hắn nói:

-Không phải là phá hoại, mà chính là muốn cứu vớt tương lai của nó, mà ta không nên cho nó học nhiều. Bởi vì tương lai của nó không thể không là hiện tại của bố nó, nếu nó còn được tiếp tục học nhiều để hiểu biết nhiều. Hiện tại của bố nó là một thằng cộng sản. Nếu nó theo gót bố nó, thì đường đi của nó sẽ dẫn nó tới nhà tù.

Cụ Quý lại bật cười, nhưng cố nhã nhặn để đáp:

-Nếu bố nó là cộng sản, thì nó lại không phải là cộng sản. Nếu bảo làm cộng sản là có tội, thì làm gì có luật pháp con phải gánh tội của cha?

Lê Sung trợn mắt:

-Nhưng nhà nước không mở trường để cho con cái bọn phiến loạn được học. Những quân bạc bẽo ấy không đáng được hưởng công ơn gì của chính phủ. Cho nó học lắm thì nó lại càng làm cộng sản chứ gì.

Không chịu đựng nổi những lời chướng tai, cụ Quý cãi:

-Xin quan lớn, cái đó là tuỳ ...

Lê Sung bẻ:

-Cụ muốn đổ cho là nhà nước ức hiếp, tàn ác, cho nên mới có cộng sản phải không?

Cụ Quý ôn tồn:

-Theo nhận xét của tôi, chỉ những người học vừa ở nhà trường mới làm cộng sản, chứ những người học lắm, thì được nhà nước cho quyền cao chức trọng, có ai làm cộng sản đâu. Cho nên đuổi tên Lựu, tôi e nó về nhà, nó được bố nó nhuộm cho óc nó đỏ. Nếu ta cứ cho nó học đến nơi đến chốn, ngày sau nó được nhà nước trọng dụng, biết đâu nó không bắt bỏ tù cả bố nó!

Lê Sung tím mặt, đành cười nhạt. Cụ Quý bồi thêm một truỳ nữa:

-Cứ cho nó học, thì nó biết ơn nước Đại Pháp như chúng ta. Ở Đông Dương này, cho đến bậc đại học, có trường nào dạy làm cộng sản đâu mà ta sợ học lắm.

Tên tri huyện tức lắm. Hắn trố đôi mắt sâu hoắm để

nhìn cụ Quý một cách rất nham hiểm, rồi cười khẩy:

-Biết đâu đấy. Thế cụ không thấy khối giáo học bị bắt về tội có chân trong hội kín đó hay sao?

-Nhưng trong số ấy, không có tên tôi.

-Không có hay chưa có, cái đó, tôi không biết. Còn như cụ nói là cho nó học để nó biết ơn nước Đại Pháp, thì tôi hãy hỏi như cụ đây, trong chương trình giáo khoa, như sử Việt Nam, sử Pháp, luân lý, địa dư, tạp vật học, vân vân, môn học nào đến tháng cuối năm cũng đều có mục dạy về *Công ơn khai hoá của nhà nước Bảo hộ ở Đông Dương*, nhưng mấy chục năm ở trong nghề, có năm nào cụ cho học trò học những bài ấy không?

-Là vì những bài của tháng ba, tháng tư, choán cả sang thì giờ của chương trình tháng năm. Mà tháng sáu thì là mùa thi cử rồi. Rồi đến nghỉ hè.

Lê Sung xua tay, bĩu môi:

-Không đúng. Các ông cố kéo dài, kéo chậm bài học của những tháng trước, để tránh dạy những bài của tháng năm, về *Công ơn của nước Pháp và bổn phận người Việt Nam đối với Chính phủ bảo hộ*. Chính ông giáo Sang là bạn của tôi, nói thật với tôi rằng giảng những bài ấy cho học trò rất ngượng mồm. Như vậy, là tuy nhà trường không dạy, mà cũng như dạy học trò vô ơn nhà nước, tức là làm cộng sản.

Cụ Quý yên lặng không đáp nữa. Cụ khinh khỉnh nói:

-Việc này thuộc phạm vi chuyên môn. Đã có học quan nói chuyện với chúng tôi.

Lê Sung cũng không muốn đi quá xa, nên bắt ngay lời:

-Đúng. Việc tôi muốn nói với cụ hôm nay, chỉ là một việc nhỏ, việc tầm thường, là tôi cần đuổi tên học trò con chính trị phạm.

-Đuổi học trò, đối với nhà trường không phải là việc nhỏ, việc tầm thường. Nó còn là việc trái ngược, vì nhiệm vụ chính của chúng tôi là mở trí khôn cho trẻ, chứ không phải bịt trí khôn của chúng nó lại để chúng nó thành ngu độn. Quan lớn cần đuổi con chính trị phạm, mà bắt tôi phải làm thay, thì tôi xin nói thật là tôi không thể làm thay. Bởi vì không có lý do gì chính đáng để đuổi một người học trò vừa giỏi, vừa chăm, vừa ngoan. Và nếu có một người học trò phạm lỗi nặng, tôi chỉ có quyền đề nghị đuổi để tuỳ học quan quyết định.

Thấy việc rất dễ giải quyết, Lê Sung cười sung sướng:

- Ồ, tưởng là gì! Nếu học quan có quyền đuổi học trò, thì học quan là ai, là quan Huấn, quan Kiểm chứ ai? Để tôi nói riêng với các ngài. Và thẳng tay trị cộng sản, cũng là ý kiến cương quyết của cụ lớn Tuần, và của các quan Bảo hộ.

Cụ Quý thở dài:

-Vâng, tuỳ các quan. Tôi không chịu trách nhiệm. Nhưng cũng phải có lý do, tôi mới đề nghị được. Vậy xin quan lớn cho tôi mấy chữ vào công văn để tôi dùng làm lý do, đính vào đề nghị của tôi gửi lên cấp trên.

Thấy cụ Quý vẫn muốn làm khó dễ. Lê Sung cau mặt:

-Tôi thân sang trường để điều đình với cụ, có hơn là công văn rồi không? Sao cụ phiền phức thế? Thái độ của cụ ngày hôm nay, tôi sẽ trình với cụ Sứ, cụ Tuần, cụ Kiểm. Cụ không nên bênh vực con chính trị phạm. Cụ phải biết những ranh con này mà tập tọng thêm dăm ba chữ vào, thì,

úi chào bóc lột! Úi chào phản động! Úi chào đả đảo! Thằng nào cũng ngông nghênh, khụng khượng. Được, cụ không đuổi nổi nó, thì tôi đuổi nó. Cụ gọi nó ra đây. Tôi bảo nó.

Cụ Quý lặng đi, không nói gì. Lê Sung chưa hết hằn học, nên nói tiếp:

-Còn thằng em thằng Na, còn tông chi họ hàng, bạn bè thằng Na nữa. Nhổ cỏ thì phải cho hết rễ.

Cụ Quý nhìn tên tri huyện một cách khinh bỉ, nói mỉa:

-Nghe như cái án chu di tam tộc thời cổ ấy.

-Đúng. Phải chu di tam tộc cái tư tưởng cộng sản, cái tư tưởng phiến loạn. Nếu cần, thì chu di đến cửu tộc!

Cụ Quý không nói thêm. Cụ lững thững vào lớp, gọi Lựu ra với tên tri huyện. Cụ không ra hiên nữa. Vì cụ không nỡ nhìn một đứa trẻ vô tội bị án chu di.

Cụ đứng trên bục, vẻ mặt ngậm ngùi. Học trò, không hiểu việc gì, cũng đương ngơ ngác nhìn lại cụ.

Lựu vừa ra, thì ba tên thông sự, cai cơ, trưởng phố xộc vào lớp. Chúng đến chỗ Lựu ngồi. Thông sự giật cặp sách của Lựu, lấy ra từng quyển để khám. Cai cơ giữ sách của hai người ngồi cạnh, cũng tỉ mỉ mở từng tờ. Còn trưởng phố, muốn lập công, nó bắt hai em giơ tay lên trời để nó nắn túi, nắn người. Rồi nó lùa bàn tay vào gầm bàn, xem có gì khả nghi hay không.

Cả lớp ngơ ngác nhìn chúng. Tuy ngây thơ, nhưng học sinh cũng hiểu đây không phải là một trò để giải trí.

Trong khi ấy, ở ngoài hiên, nổi lên tiếng hu hu khóc. Lựu quay mặt vào phía lớp, dẫy lên đành đạch:

-Thưa thày, thày xin quan hộ con đi!

Nhưng cụ Quý không nhìn ra, không nhúc nhích. Cụ mím chặt đôi môi. Cả lớp cựa quậy.

Lại những tiếng khóc lóc thảm thiết:

-Con có tội gì mà con phải đuổi! Oan con quá!

Rồi Lựu vừa trở theo bọn quan nha mới ra đến sân, vừa cuống quít gọi thầy để kêu cứu, như người sắp chết đuối còn cố quờ tay vớ cái bọt:

-Thầy ơi! Thầy ơi! Quan còn kia. Thầy chạy ra xin hộ con đi!

***

Lựu lủi thủi ra cổng trường, vừa đi vừa cố nhịn khóc.

Ở trên hiên, ba thầy giáo đứng trông theo. Học trò các lớp cũng trố ra nhìn bằng những con mắt sợ sệt.

Đó là cuộc tiễn đưa một cái sinh mệnh văn hoá bị quật cho chết non.

Ra đến đường cái, Lựu đứng dừng lại. Đi đâu bây giờ? Về nhà trọ hay về Văn Chương? Hay vào huyện van xin quan cho học?

Bỗng một tiếng gọi:

-Lựu đấy à? Lựu ơi!

Lựu không ngờ nghe thấy tiếng mẹ ở đây. Lựu quay lại, lau khô mắt để nhìn cho khỏi lầm. Mẹ Lựu thật. Mẹ Lựu đi xe với bà Lựu. Lựu vừa mừng vừa tủi, lại oà lên khóc.

Cụ Na và chị Na xuống xe. Cố nhiên hai người tưởng Lựu khóc vì đã biết tin nhà. Chị Na nghĩ đến chồng, nhìn thấy con, thì không cầm được nước mắt. Chị ôm lấy Lựu, vừa sụt sịt, vừa dỗ con:

-Đừng khóc nữa, con ạ.

Rồi chị lau nước mắt, an ủi con:

-Bà với u được về rồi kia mà?

Lựu không để ý đến câu nói của mẹ, nức nở báo việc của mình:

-Con phải đuổi rồi. Quan không cho con học nữa.

Cụ Na và chị Na giật này mình, cụ Na hỏi:

-Thế nào?

Lựu nhắc lại:

-Quan huyện vừa vào trường đuổi cháu, không cho cháu học nữa.

Nói rồi lại hu hu khóc.

Cụ Na và chị Na thờ thẫn nhìn nhau. Chị vuốt mái tóc cho con. Cụ nắm lấy tay cháu. Hai người cùng lắc đầu, thở dài. Một lát, cụ nghiến hai hàm răng, nói bằng giọng căm hờn:

-Ghê chưa, hở, mẹ nó?

Chị Na trả tiền xe xong, tặc lưỡi:

-Chả học ở trường thì về nhà học chú Lê, cần gì!

Ba người cùng đi. Cụ Na cởi dây thắt túi vải, lấy chiếc bánh tẻ đưa cho Lựu:

-Này, ăn đi. Bà ở tỉnh về, chả mua được cái gì cho mày.

Lựu cầm tấm bánh, không ăn, ngước mắt lên, hỏi:

-Bà lên tỉnh làm gì? Sao mất bà với mất u trũng thế. Bà với u mệt à?

Chị Na nhìn mẹ, chép miệng, nói nhỏ như phàn nàn:

-Nó chưa biết bà với mẹ nó đi đâu.

Rồi nghẹn ngào mãi, chị mới nói được:

-Lựu ạ, nói tin này cho con nhé. Đêm hôm qua, sở mật thám tỉnh về bắt thày, nhưng thày đã đi thoát từ trước rồi.

Lựu đứng sững lại, trợn tròn đôi mắt nhìn mẹ, rồi run run hỏi:

-Thày đi rồi à?

- Ừ, cho nên không bị bắt.

Lựu nức nở khóc. Cả cụ Na lẫn chị Na cũng sụt sịt. Chị Na lay vai con:

-Lựu. Nghe u nói nốt. Vì không bắt được thày, nên họ bắt bà với u. Nhưng bây giờ bà với u được về. Họ chỉ bảo khai tên tuổi, quê quán, chụp ảnh, đo người, in tay thôi.

Lựu lau nước mắt, hỏi:

-Họ có đánh không?

-Không. Họ chỉ doạ thôi.

-Họ doạ thế nào?

-Họ bảo biết thày đi đâu thì phải khai, không khai thì họ bỏ tù.

Cụ Na cười khinh:

-Ai biết thày mày đi đâu mà khai. Mà giá có biết thì dại gì mà khai!

Lựu nghĩ ngợi một lát, rồi hỏi:

-Thày đi thế nào mà họ không bắt được nhỉ?

Chị Na đáp:

-Chắc là đi đến chỗ kín và xa lắm rồi.

Lựu lại hỏi:

-Bao giờ thày về nhỉ?

Thấy không ai trả lời. Lựu lại hỏi:

-Bao giờ thày về nhỉ?

Chị Na bảo:

-Đừng hỏi nữa, con ạ. Coi như thày đi vắng, như những năm nọ ấy mà. Thế nào rồi thày chẳng lại về.

Lựu không hỏi thêm. Cụ Na nói khẽ:

-Bao giờ thành công thì thày mày về. Đừng nhắc. Thày mày nóng ruột.

Lựu nhìn trước nhìn sau, hỏi:

-Bao giờ thành công, hở bà?

-Nào tao biết được. Thành công thì thày mày về, được ở nhà mãi mãi.

-Phải rồi. Không thành công thì lại bị bắt. Bị bắt, thì hết hạn tù cũng về, nhưng không ở nhà được lâu.

-Ở nhà không yên, rồi cũng bị bắt. Cho nên thà đi để làm việc cho thành công còn hơn. Đấy, bà với u hôm qua bị bắt lên tỉnh đấy, mày hôm nay phải đuổi đấy. Làng ta độ nọ luôn luôn bị khám xét, bắt bớ đấy. Thành công thì làm gì có những nông nỗi ấy?

Chị Na hỏi con:

-Thế thày đi, con có nhớ không?

-Có chứ.

Nói xong, Lựu chớp mắt luôn mấy cái. Chị Na lại hỏi tiếp:

-Nhưng con có muốn cho thày đi không?

-Có chứ. Bà vừa bảo thày không đi rồi cũng bị bắt. Đằng nào cũng không ở nhà. Nhưng đi để thành công thì hơn. Con mà lớn thì con cũng đi.

Cụ Na cười:

-Giỏ nhà ai quai nhà ấy!

Đến ngả ba, chị Na nói với mẹ:

-Hai bà cháu đi chậm thì về Hạ trước. Con tạt vào chỗ cháu trọ, xin bà Cả cho cháu về, rồi lấy quần áo, sách vở cho nó. Con theo sau, thế nào cũng kịp.

Lựu hỏi mẹ:

-Về Hạ làm gì?

-Để chú Lê biết bà với u về, cho chú ấy mừng. Chắc chú ấy nghe tin nhà đêm hôm qua thì chú ấy lo lắm.

Chị Na đi độ dăm bước, bỗng Lựu gọi, đưa tấm bánh tẻ cho mẹ:

-Con gửi cái này cho thằng Nuôi ở nhà chú Sần, bên cạnh nhà bà Cả.

Cụ Na hỏi:

-Sao mày không ăn?

-Cháu không đói. Nó đói.

Cụ Na thấy cháu biết nhường nhịn, thì mắng yêu nó.

-Thằng dở hơi!

Hai bà cháu đi một lát, thì rẽ xuống ruộng, theo

đường tắt về làng Hạ. Lựu nói với bà:

-Họ ác lắm, bà nhỉ.

Cụ thở dài:

-Tao chỉ thương thày mày vất vả mãi, không biết bao giờ mới được hưởng an nhàn, sung sướng.

-Thế thày cháu đi, không dặn lại bà là bao giờ thành công à?

-Không. Chỉ bảo thế nào cũng thành công thôi. Còn bao giờ thành công, thì thày mày giấu. Chả biết bà có sống được đến ngày ấy để nhìn thấy không.

Hai người đi một thôi đường nữa, nhìn thấy cây đa làng Hạ, thì ở phía sau, chị Na đã tiến kịp.

Lên đến đường cái, bỗng chị Na trỏ xuống đất:

-Bà ạ, nhiều vết bánh xe ô tô. Ở vùng này, lại có chuyện đây.

Cụ Na chột dạ, nghĩ đến Lê. Gặp một người đi trở lại, cụ hỏi:

-Làng này có các quan về đấy à?

-Phải, về trường làng Hạ. Hình như các quan khám thày giáo.

Cụ Na sốt ruột, giục con và cháu đi rảo bước.

Trước trường học, có một xe cao su nhà sơn màu cánh gián, và hai xe ô tô. Anh Lê đương đi với một người Pháp, và hai người Việt Nam có đeo thẻ bài ngà, ra chỗ xe đỗ. Thấy vậy, cụ Na yên tâm. Không phải mật thám đến bắt. Nhưng chị Na nhìn thấy nét mặt anh Lê khác thường, thì lo lắng:

-Cũng không phải là việc lành đâu, bà ạ.

Cụ Na gật đầu:

-Tao cũng đoán thế.

Lựu hỏi:

-Tại sao hở u?

-Chờ chú Lê ra thì biết.

Anh Lê thấy mẹ, thấy chị, thấy cháu thì giương to đôi mắt để nhìn. Anh đã lo suốt từ sáng đến giờ. Và trong lúc ruột rối bời bời về cảnh nhà, thì anh bị khám trường. Trong mười lăm phút đồng hồ, lần lượt, viên huấn đạo, rồi viên kiểm học, rồi viên thanh tra Pháp vào lớp. Suốt ba giờ liền, họ soát sổ sách, nghe giảng bài, xem vở học trò, rồi đi sục đằng trước, đằng sau trường. Anh biết ngay lý do vì sao anh bị khám một cách bất thường. Thường thì chỉ một người đến lớp, khám độ một giờ đồng hồ. Lần này, ba người cùng đến để hoạnh họe, bẻ bai, bới bèo ra bọ.

Chờ cho ba xe quay bánh, anh Lê vào trường, xếp sổ sách, đóng các cửa, rồi chạy ra với mẹ.

Bốn người giáp mặt nhau, nói dồn dập và hỏi dồn dập. Anh Lê an ủi Lựu, rồi nói với mẹ:

-Con không ngờ là u với chị được về ngay. Thật là mừng. Nhưng thằng Lựu phải đuổi, thế là học dở dang.

Anh thở dài, nói tiếp:

-Con không chắc được dạy học nữa. Thấy cả ông huấn đạo, ông kiểm học, ông thanh tra Tây về trường một lúc, con biết ngay là họ trù. Vì vậy, con cãi bừa, đếch cần. Muốn đánh bại một anh hương sư quèn mà phải cần đến ba quan lớn, thì chả vinh hiển tí nào.

Lựu cười lớn:

-Muốn đuổi cháu cũng phải có một quan huyện.

Cụ Na quên sầu não, cũng cười:

-Thế còn bà với u mày không có quan chánh mật thám về mời đi à?

Không ai nghĩ đến buồn nữa. Chị Na nói với mẹ:

-Chẳng dạy học thì ở nhà, khối cách sinh sống. Họ muốn nhà ta lụn bại, nhưng lụn bại thế nào được!

Cụ Na chép miệng:

-Họ muốn cả làng, cả nước lụn bại, chứ riêng gì nhà ta. Tao thấy anh mày đi, thương thì có thương, nhớ thì có nhớ, nhưng tao cho là phải.

Lựu hỏi:

-Thế mai chú có đến trường nữa không?

-Có chứ. Chú vẫn cứ đến. Họ hỏi chú có muốn giữ chức hương sư không. Nếu muốn, thì chỉ nên biết việc dạy học, đừng làm việc gì khác. Chú hiểu là đừng làm chính trị. Lão huấn khuyên chú ăn cây nào rào cây ấy. Ý nói là ăn lương của nhà nước, thì phải trung thành với nhà nước. Chú không đáp, chỉ buồn cười. Nhà nước của lão ta có mang tiền từ bên Tây sang để nuôi chú đâu. Chẳng qua lương của lão ta với của chú là tiền thuế của dân mình đóng. Nếu lão ta hiểu như thế, thì phải rào cây Việt Nam mới đúng. Vì chú nghĩ phải rào cây Việt Nam, cho nên mai, chú vẫn đến trường, dạy học cho đến ngày có người thay chú. Nếu chú vì bực mình với họ mà bỏ về ngay, thì học trò chú bơ vơ, phải nghỉ học.

Chị Na gật đầu:

-Nhà ta đương gặp nhiều việc rắc rối. Chắc rằng chưa hết đâu. Cho nên tránh được cái nào hay cái ấy.

Rồi chị kể tỉ mỉ việc xảy ra ở nhà đêm hôm trước.

Anh Lê và Lựu cũng kể tỉ mỉ việc của mình.

Cụ Na chú ý nghe, rất cảm phẫn, thỉnh thoảng thốt lên tiếng chửi.

***

Cũng xẩm tối hôm ấy, anh Nhã ra đường cái nhựa. Đi từ Văn Chương qua Nhạc Lịch, trên quãng đường hơn một cây số này, thỉnh thoảng anh lại quay cổ nhìn về phía sau, xem có ai theo dõi không.

Từ hai hôm nay, anh nóng lòng mong đợi buổi gặp gỡ quan hệ này. Chốc nữa, anh sẽ được giao thiệp với một người gọi là cán bộ. Anh Na đã giới thiệu anh với người ấy và đã dặn anh làm thế nào để hai người nhận ra nhau."Tranh đấu cao hơn", lời anh Na nói, làm anh phấn khởi. Anh đã làm một vài việc ở làng có kết quả, nên được anh Na tin. Anh càng muốn cố gắng. Được gặp người liên lạc với tổ chức, chỉ bảo cho nên làm những việc gì, và bàn cách nên làm thế nào cho tốt, anh thấy vui sướng, nhưng rất lo lắng về trách nhiệm nặng nề. Chỉ từ ngày được giao công tác, anh mới nhận ra là ngoài việc làm để sinh sống hàng ngày, anh còn có một việc làm nữa, không kém hứng thú và cần thiết. Đó là hoạt động chính trị. Hoạt động chính trị để cho đời sống của mình và của mọi người đỡ gặp khó khăn, khổ cực. Và chính là có hoạt động chính trị, anh mới thấy là anh có sống. Bởi vì anh sống có mục đích, có ý nghĩa, anh sống cao hơn, rộng hơn. Vì sống cả cho người khác. Hơn nữa, anh Na không ở gần anh để trao cho anh kinh nghiệm, anh càng thấy là phải có ngay người bẻ lái lành nghề cho con thuyền chèo còn bỡ ngỡ. Lại từ đêm

hôm qua đến bây giờ, hơn mười hai giờ đồng hồ, trong gia đình anh Na, xảy ra những việc khủng bố trả thù, khiến cho trong làng người thì bực tức, người thì hoang mang, anh phải làm thế nào để gây lại tinh thần chung. Vì vậy, anh mong sao cho chóng được gặp người lãnh đạo.

Lên đường cái nhựa, tuy chưa đến chỗ hẹn, nhưng anh đã để ý đến từng người qua lại. Mỗi khi thấy một người đến gần, tự nhiên anh hồi hộp. Anh cố lắng tai nghe xem người ấy có hỏi đúng câu anh được dặn trước không. Thấy họ đi thẳng, anh nhìn theo, lòng tự hỏi đây là người của "chúng ta" hay là của "chúng nó".

Đến chỗ hẹn, muốn khỏi bị để ý, anh đi như người có việc, từ gốc cây nhãn cụt đến hết bờ rào đền Đào, lại trở lại cho đến cây nhãn cụt. Một lát sau, trống ngực anh bỗng nổi mạnh. Một người đội khăn xếp, mặc quần nâu, áo cộc trắng, một bên vai vắt cái áo the thâm, một bên vai khoác cái tay nải, người ấy đi sát đến anh, thì đằng hắng một tiếng, rồi đứng lại, lấy chiếc khăn tay lau mặt, hỏi thăm đường.

Thấy đó là những ám hiệu, anh dừng lại, đến sát để nhìn cho rõ mặt cán bộ.

-Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, từ đây lên ga còn bao xa?

Anh sung sướng đến run lên, đúng là câu hỏi anh biết trước. Anh vội vàng giơ tay lên gãi đầu, rồi trỏ và đáp bằng câu đã học thuộc lòng.

-Độ hơn năm trăm thước.

Nói xong, anh cũng đằng hắng.

Thế là hai người nhận ra nhau. Rồi cũng nhìn trước nhìn sau, thấy không có ai, anh Nhã nói:

-Đằng sau đền Đào khuất, nói chuyện dễ, anh đi theo

tôi.

Anh Nhã đưa anh cán bộ đi, lòng hăm hở. Anh chưa rõ mặt người ấy lắm, nhưng không hiểu sao, anh đã thấy thân mật như với người bạn cũ. Người này, anh còn có thể coi như người thầy. Bất cứ một việc gì, dù là việc gia đình, tâm sự, anh đều có thể hỏi han.

Đến sau một bụi rậm, anh bảo:

-Ta nói chuyện ở đây được. Trong đền, không có ai cả.

Hai người ngồi trên cỏ, cùng nhìn nhau. Anh cán bộ trạc tuổi anh, có đôi mắt to, mặt mũi trắng trẻo, mình mẩy lại bé nhỏ. Anh không tưởng anh này lại là người đi buôn. Nghi là anh ta giả dạng, anh tò mò hỏi bằng giọng thân mật:

-Anh buôn gì? Có đắt hàng không?

Anh cán bộ chỉ cười, không trả lời. Anh Nhã lại hỏi:

-Anh ăn cơm chiều chưa nhỉ? Tối nay anh ngủ đâu?

Anh cán bộ vẫn cười:

-Anh không phải bận tâm. Tôi cần, tôi sẽ bảo.

Bây giờ anh Nhã mới sực nhớ đến hai tiếng bí mật, là không nên thóc mách đến những cái không cần phải biết. Anh hỏi điều thiết thực:

-Tên anh là gì?

-Là Hùng. Còn anh, là Nhã phải không?

-Phải, Nhã.

-Tên anh lót chữ gì?

-Chữ Hữu.

-Vậy từ nay, tôi gọi anh là anh Hữu. Bây giờ chúng ta

bắt đầu nói chuyện với nhau nhé.

Anh Nhã vui sướng. Tưởng chừng như từ giờ phút này trở đi, anh đã đến đầu ngã ba, và đương nhìn thấy con đường anh sắp ngoặt. Anh ngồi nghiêm chỉnh, và lắng tai nghe. Anh Hùng nói:

-Với chúng mình, thì không cần mào đầu rậm lời. Tôi với anh được giới thiệu đến nhau, thì có điều gì cần biết, cứ hỏi nhau, có điều gì khó khăn, cứ bàn bạc cùng nhau. Tôi về vùng này làm việc, tình hình làng Văn Chương, tôi có biết qua loa. Từ trước đến giờ, anh hoạt động những gì, thế nào, tôi hơi rõ. Trong làng, tinh thần dân chúng, tôi biết chung chung, nhưng riêng từng người thế nào, thì chưa thấu. Bây giờ anh cho tôi biết là anh đã tìm được mấy người cùng làm việc với anh.

Anh Nhã đáp:

-Cùng làm việc nghĩa là cùng trong tổ chức để bàn nhau chiến thuật ấy à?

-Phải.

-Thế thì chưa được ai. Tôi mới đương thử hai người.

-Phải. Chưa cần nhiều vội. Làm cẩn thận thì hơn. Nhưng còn lực lượng của mình thì đông chứ?

-Đông. Nhất là thanh niên làng tôi thì hăng lắm.

-Hăng thì tốt. Nhưng cũng nên tuỳ từng người mà cho biết việc. Thế còn phụ nữ?

-Tập hợp phụ nữ khó, vì không có dịp. Thanh niên gặp nhau dễ, vì họ chơi đá bóng. Đá bóng vui, nên thu hút được nhiều người đến xem. Rồi nhân lúc tụ họp, họ nói chuyện với nhau. Tôi định vận động để biến chỗ này thành chỗ đọc báo.

Anh Hùng gật đầu:

-Được. Cứ đưa sách đưa báo ra chỗ ấy. Nhưng điều cần thiết là đừng cho ai biết là sách báo ấy ở đâu ra, người nào đem đến.

-Nhưng sách báo kiếm khó khăn lắm.

-Không ngại. Lần sau, tôi sẽ cho một ít. Nên làm thế nào giữ gìn cẩn thận sách báo để nhiều người được mượn đọc.

-Sách báo hay thì ai cũng muốn giữ gìn.

-Nhưng khốn nỗi nó tung ra, như của vô chủ, thì ai là chủ mà giữ gìn.

-Được. Tôi có cách.

-Nên tiến tới có những buổi đọc sách báo hẳn hoi. Chọn người tốt, nhất là thanh niên, cho họ vào nhóm đọc sách báo để huấn luyện, rồi giao việc cho làm. Có thế mới có dịp thử thách, mà có được thử thách thì tinh thần mới được tôi luyện. Chỉ tiếc là làng nào cũng vậy, tập hợp phụ nữ rất khó, vì ít có dịp. Lực lượng phụ nữ bị bỏ, thì thật phí.

-Bỏ thế nào được. Chẳng có nhiều thì có ít. Anh Na bảo mới đầu, hãy chọn một người thôi.

Anh Hùng gật đầu:

-Giao cho người này điều tra theo dõi người thứ hai để thử thách tinh thần. Nếu là người tốt thì người thứ hai tìm người thứ ba, cứ giắt dây nhau, sẽ đông dần. Phụ nữ dễ nói chuyện với nhau, và tự nhiên hơn. Thanh niên hay phụ nữ thật tốt, thì cho vào tổ chức. Ai còn phải thử thách, hãy cho đứng ngoài.

Anh Nhã đáp:

-Tôi hiểu. Anh Na cũng dặn tôi làm như thế.

Anh Hùng ngớ mặt:

-Anh Na nào?

-Anh Na ở làng tôi. Anh ấy giới thiệu tôi với anh đấy mà!

Anh Hùng vẫn ngạc nhiên:

-Thế à?

Anh Nhã nói rõ thêm:

-Anh Na, chính trị phạm cũ, mới trốn đi hoạt động hôm qua ấy.

Anh Hùng cũng không rõ thêm, đáp:

-Tôi không biết. Thôi được.

Anh Nhã cười:

-Phải, chắc các anh không biết tên thật của nhau, nhưng biết mặt nhau.

Anh Hùng nói:

-Đúng. Điều gì không cần biết thì không nên biết. Có thế mới giữ kín được cho người, cho việc.

Anh Nhã gật gật. Anh Hùng nói:

-Hôm nay, tôi không có thì giờ ngồi lâu với anh. Tôi hẹn anh đến ngày kia, buổi tối, cũng chỗ này. Anh về nghiên cứu kỹ lý lịch từng người mà anh chú ý chọn.

-Lý lịch là thế nào?

-Là con cái nhà ai, bao nhiêu tuổi, gia đình thế nào, từ trước đến giờ làm những việc gì, tinh thần thế nào, mặt nào tốt, mặt nào xấu, có được người làng tin yêu không.

-Được.

-Bây giờ anh cho tôi biết là ít lâu nay, ở Văn Chương có những việc gì quan trọng?

-Nhiều lắm. Trước hết là tri huyện về làng kinh lý. Nhân dân có tranh đấu với lý trưởng, được thắng lợi.

-Tranh đấu thế nào?

-Lão huyện này tự mệnh danh là con Hùm xám, có tiếng là ác, thẳng tay trị cộng sản. Đi kinh lý làng khác, hắn để hương lý bắt dân đón rước long trọng. Nhưng về Văn Chương, hắn gờm, nên giả nhân giả nghĩa sức cho lý trưởng cấm đón rước. Song, lý trưởng sợ, cứ bắt dân đón rước. Vì vậy dân tranh đấu.

Anh Hùng gật đầu:

-Tôi có nghe thấy việc này, chính anh cầm đầu tranh đấu có kết quả.

-Là do tôi được anh Na bảo cách tổ chức người, và bày ra chiến thuật.

-Anh nói thế nào mà lý trưởng phải nghe?

-Tôi dựa vào lời sức của quan, nói rằng không theo ý ông ta, sợ bị ông ta nghi ngờ là đầu óc phản đối, tranh đấu. Bọn tôi đông, hùa vào bênh nhau. Lại được nhiều tộc biểu cũng ngại mất việc, nên không theo lý trưởng với chánh hội.

Anh Hùng cười:

-Được đấy.

-Tri huyện bắt dân ra đình nghe hiểu dụ trị cộng sản và cổ động trồng đay. Hắn đi quanh làng rồi vào thăm nhà anh Na. Hắn nhận anh Na là bạn cũ, bạn thân, mời anh Na lên huyện chơi luôn, và bảo anh là cố vấn chính trị của hắn. Hắn thấy anh Na dạy bốn đứa cháu bé học, thì bảo là

tốt, dạy đến bốn mươi đứa cũng tha hồ, không cần xin phép tắc gì. Nhưng sau, lý trưởng gọi chúng tôi là những người có con nhờ anh Na dạy học, đến nhà hắn. Hắn bảo quan không cấm, nhưng quan khuyên chúng tôi đừng nên cho con đến học người cộng sản. Chúng tôi lại tranh đấu.

-Tranh đấu thế nào?

-Tôi nói rằng chính quan bảo anh Na tha hồ dạy học. Nếu như vậy, mà chúng tôi không cho con đi học nữa, là chúng tôi làm trái ý quan. Chúng tôi không dám thế.

-Lý trưởng bảo sao?

-Chịu chứ bảo sao.

Anh Hùng gật đầu:

-Cũng được. Tranh đấu thì dùng cách nào để thắng lợi cũng tốt. Nhưng tôi thấy rằng hai việc anh vừa kể, sở dĩ có kết quả, là vì anh dựa vào ý giả dối của lão huyện. Thế ngộ lão huyện không giả dối, nó bắt dân đón rước, nó không cho anh Na dạy học, thì anh tranh đấu thế nào? Theo tôi, nói chung, cách tranh đấu tốt nhất là phải dựa vào lý lẽ, vào lực lượng, và vào pháp luật. Như hai việc trên kia, anh đã dựa nhiều vào pháp luật, tức là vào tên quan thi hành pháp luật của đế quốc. Nhưng sở dĩ anh dựa được là vì tên quan giả dối, nó làm trái pháp luật thông thường. Vì thường thì pháp luật của đế quốc đặt ra là để làm hại ta, chứ không làm lợi ta. Vì thế, chúng ta vẫn phải làm trái lại và bị coi là bất hợp pháp. Nhưng bất hợp pháp đối với đế quốc, là hợp pháp đối với ta, vì nó hợp lý, hợp tình Cho nên muốn con đường tranh đấu hợp lý hợp tình của ta có hiệu quả hơn, ta phải dùng lý lẽ cho cứng và lực lượng cho mạnh. Thằng tri huyện này giảo quyệt. Nó làm thân với anh Na, mời anh ấy lên huyện chơi, lại bảo là cố vấn chính trị, là nó định bày mưu mô rất thâm độc. Nó biết thừa là

anh Na không đời nào mắc mưu mua chuộc của nó, nhưng nó cứ bôi nhọ vào thanh danh anh ấy, làm để cho anh ấy bị anh em ngờ.

Anh Nhã sực hiểu:

- À, ra thế! Giá phải người hám danh, hám lợi nhỉ! Làng tôi, có người không nghĩ xa xôi, lại khen lão huyện là tử tế, và chê anh Na trốn đi hoạt động là dại.

-Thế bây giờ anh thử nghĩ xem, lão huyện có thật bụng muốn xử thân với anh Na không?

Anh Nhã vỗ tay vào đùi:

- Ồ! Không khéo thì nó thử bụng anh Na, và đến chơi nhà anh ấy, là nó dò xét nơi ăn, chốn ở cũng nên.

Anh Hùng cười:

-Lại còn không khéo với cũng nên gì nữa! Bọn đế quốc, bọn phong kiến, thằng nào cũng như quân thò lò sáu mặt. Cho nên khi nó ác tợn, ta đề phòng đã đành, nhưng khi nó làm ra dáng nhân đức, ta càng phải đề phòng hơn. Bởi vì chính lúc ấy mới là lúc nó âm mưu một thủ đoạn ghê gớm hơn để hại ngầm ta.

Anh Nhã hiểu:

- Ừ, khiếp nhỉ.

Rồi anh kể tiếp:

-Anh Na trốn đã lâu, đến gà gáy, mật thám tỉnh mới về bắt. Chúng tôi cứ phục các anh sao mà tài biết, và nhanh chân thế. Mật thám sểnh anh Na, thì nó khủng bố để báo thù. Nó bắt bà cụ với chị Na đi. Nhưng nó chỉ lấy căn cước, rồi doạ nạt mấy câu, chứ không có cớ để giam giữ, nên nó cho về ngay. Nhưng hèn mạt thì là bọn quan lại. chiều nay, tri huyện vào trường kiêm bị đuổi thằng Lựu,

con anh Na, đương học ở lớp nhì. Và kiểm học rủ huấn đạo và mời thanh tra Tây về khám trường anh Lê, em ruột anh Na, làm hương sư. Bọn này bới bèo ra bọ, để tư hãi địch anh Lê.

Anh Hùng gật đầu:

-Thì chó săn bao giờ chẳng làm theo ý chủ.

Rồi hỏi:

-Thế tinh thần mọi người trong gia đình anh Na và trong làng Văn Chương thế nào?

-Tôi có đến thăm gia đình anh Na. Bà cụ thì vẫn cứng rắn. Nhưng chị Na và anh Lê thì buồn. Còn thằng Lựu thì chỉ khóc. Trong làng, chỗ nào cũng bàn tán xôn xao. Người thì hoang mang, người thì căm giận. Người thì phấn khởi. Hay nhất là bọn thanh niên. Họ chẳng sợ sệt tí nào. Chiều đến, họ vẫn ra sân đình đá bóng như thường. Việc họ đá bóng ở sân đình này, đã có một lần lý trưởng làm khó dễ. Thấy cuộc đá bóng tụ tập được thanh niên và nhiều người làng, nên hắn sợ. Hắn định tịch thu quả bóng. Nhưng thanh niên bướng, đã làm cho hắn bẽ mặt to. Hôm sau, họ vẫn chơi bóng. Họ còn đương vận động bọn lính cơ đóng ở miếu cho họ ra sân miếu đá, vì lính cơ cũng thích chơi bóng. Chắc thế nào cũng được. Sáng hôm nay, thanh niên vừa làm một cử chỉ khiến bọn hương lý tức nổ ruột. Vì cái liếp và hàng rào nhà anh Na bị bọn mật thám dỡ ra làm đuốc soi tìm anh ấy, trong nhà, đồ đạc bị lục soát, khám xét, vứt lung tung, bừa bãi, mà cụ Na với chị Na bị bắt đi, thành thử không có người thu dọn. Thì ngay sáng hôm sau, thanh niên trong làng huy động nhau đến đan lại liếp, sửa lại hàng rào và xếp lại đồ đạc. Chiều nay, khi họ đương chơi bóng, nghe tin cụ Na, chị Na, anh Lê và thằng Lựu về, họ ùa vào hỏi thăm, và rủ cả người làng xem đá

bóng cùng đến. Lý trưởng ngăn cản thế nào cũng không nổi. Sân nhà cụ Na đông nghịt những người. Lý trưởng lo nhất là thấy họ hỏi thăm cụ Na thì ít, mà hỏi thăm nhau về trồng đay với chia lại công điền công thổ thì nhiều.

Anh Nhã kể lại những việc ấy có vẻ cao hứng lắm. Nghe xong, anh Hùng hỏi:

-Lý trưởng lo dân không trồng đay à?

-Phải, vì trồng đay thiệt lắm. Làng tôi phải trồng mười hai mẫu, ở ruộng công. Ông huyện bắt phải làm đất sẵn, cấm không được trồng thứ khác, phải chờ hạt giống đay phát về.

Anh Hùng nói:

-Tôi nghe phong thanh, hình như trong làng có vài người thích trồng đay, vì thấy nói người Nhật giả giá cao, phải không?

-Phải.

-Nhưng có thật người Nhật giả giá cao không?

-Tôi không biết.

Anh Hùng giảng:

-Tôi cũng không biết. Nhưng chắc chắn là người Nhật không giả giá cao đâu. Phát xít Nhật đi xâm chiếm thuộc địa. Nó là đế quốc. Mà bản chất của đế quốc là bóc lột, là tàn ác. Thế thì nó cướp đay của ta, chứ sao lại mua bằng giá cao? Nhưng khoan hãy nói việc này. Để đến ngày kia, gặp nhau, ta sẽ bàn kỹ. Ban nãy anh nói thanh niên đến dọn dẹp nhà anh Na, và thăm cụ Na. Thế là tự anh em làm, hay có bàn trước với anh?

Anh Nhã đáp, vẻ kiêu hãnh:

-Tự anh em làm, mới đáng khen chứ! Tôi có biết đâu?

Anh Hùng nghiêm nét mặt:

-Kể ra thanh niên như vậy là dũng cảm. Nhưng họ làm mạnh quá.

Anh Nhã nhìn anh Hùng.

-Không nên chọc tức hương lý. Chúng nó mà cấu, tìm cớ hại một vài người mà chúng nó ghét, thì hại chung cho cả phong trào. Thanh niên dũng cảm thì tốt, nhưng quá tả, thì không tốt nữa. Thanh niên vốn hăng hái, nhưng dễ bốc. Nếu họ không được tổ chức để được huấn luyện, hướng dẫn, thì dễ vì hăng hái mà đi chệch đường. Hiện nay, bọn Pháp, bọn Nhật đương lợi dụng tinh thần hăng hái của thanh niên để dụ dỗ họ theo chúng. Những người bồng bột, không suy nghĩ chín chắn, dễ bị danh lợi hão làm mù quáng. Cho nên chúng ta phải giác ngộ họ, để họ đừng theo Pháp, theo Nhật, là bọn đế quốc. Họ phải có ý thức phản đế. Về việc tổ chức, huấn luyện, hướng dẫn cho họ có ý thức phản đế, lần sau, gặp anh, tôi sẽ nói kỹ, và cho anh tài liệu. Tôi ví dụ việc làng anh phải trồng đay. Nếu tưởng lầm người Nhật giả giá cao, hùa nhau vào mà trồng, là sai đã đành, nhưng nếu nhất thiết không ai trồng cả, cũng là sai. Hiện giờ, không mấy làng không phải trồng đay cho Nhật. Thế thì ta chỉ nên nhằm một điểm nào trong việc trồng đay để tranh đấu thôi. Như vậy, mới tránh được khủng bố, tránh được tai hại. Đến tối ngày kia, tôi nói về phản đế, sẽ cho anh biết kinh nghiệm một vài nơi tranh đấu thế nào cho có kết quả. Bây giờ anh kể tiếp đi. Việc chia ruộng công thế nào?

-Làng tôi, hơn hai mươi năm nay, chưa chia lại công điền công thổ. Bởi vì ruộng đất công tốt, đều ở trong tay bọn cường hào nắm hết. Người nghèo không được chia. Tốt lễ với họ, cũng chỉ được phần ruộng xấu. Chúng tôi bắt

họ chia lại cho công bằng, hợp lý.

Anh Hùng gật đầu:

-Thuế là một, công điền là hai, là hai miếng ngon nhất cho bọn hương lý chóng làm giàu. Cho nên ở lắm làng, có những tay sắc sảo chịu bán hết gia tài để tranh ngôi thứ. Chỉ một năm, khoét khéo vào hai khoản ấy, thì hoà vốn ngay. Làng Văn Chương đã trừ được tệ phù thu lạm bổ, nay đòi cho được chia lại công điền công thổ, thế là tốt.

-Chúng tôi làm đơn, lấy chữ ký xong, định nhờ anh Na có dịp lên huyện trình diện hàng tháng, thì đưa thẳng vào quan. Nhưng anh Na chưa kịp lên huyện, đã bỏ nhà đi rồi. Thành thử đơn chưa tới được công môn.

-Đưa đơn thì cần gì phải anh Na. Nhưng thôi, được. Các anh cứ cố đi. Vì việc anh Na thoát ly đi hoạt động, anh bảo người làng bàn tán xôn xao, thì là những gì?

Anh Nhã đáp:

-Có người thấy bà cụ già mà còn bị bắt, thằng bé vô tội mà cũng bị đuổi, thì ái ngại, thương hại. Có người lắc đầu, lè lưỡi, nói bốn người trong gia đình ấy bị như thế, chẳng oan người nào, vì mấy năm trước, nhà này chứa hội kín. Có người phấn khởi nói rằng: Anh Na đi hoạt động, thì chắc là còn cộng sản. Còn cộng sản, thì nhất định ta không khổ lâu.

Anh Hùng vội vàng hỏi:

-Ai? Ai nói câu ấy?

-Một người thanh niên tên là Phùng.

Anh Hùng dặn:

-Anh chú ý người này. Tốt đấy.

Anh Nhã gật đầu:

-Chính anh Phùng đã bảo tôi là từ nay nếu trong làng có tranh đấu, thì anh ta xin một tay.

-Số người nghĩ về Đảng Cộng sản như anh Phùng có nhiều không?

-Nhiều. Trước kia tôi thấy anh Na ở nhà, cũng cứ tưởng Đảng Cộng sản bị Tây triệt tan rồi.

Nói xong, anh Nhã mỉm cười:

-Thật là ngây thơ! Nhưng bây giờ thì anh Phùng với tôi làm cho nhiều người biết là Đảng hãy còn.

Anh Hùng cười. Anh Nhã tiếp:

-Thấy trong nhà cụ Na lúc nào cũng có đông người đến, thì lý trưởng với chánh hội giải tán. Họ quy tội cho anh Na, nói rằng chỉ tại anh ta đi trốn, nên mới để vạ lây cho mẹ, cho vợ, cho em và cho con.

Anh Hùng hừ một tiếng khẽ, rồi hỏi:

-Người làng nghe câu ấy, có tin họ không?

Anh Nhã nghĩ một lát, rồi đáp:

-Cũng có nhiều người tin.

-Thế anh giải thích thế nào?

Anh Nhã cau mặt, rồi lắc đầu:

-Tôi không biết giải thích thế nào cả. Kể ra họ nói cũng có phần đúng.

Anh Hùng cười:

-Đúng à? Thế tôi hỏi anh nhé. Nếu anh Na không đi trốn, thì sẽ xảy ra như thế nào?

-Còn thế nào nữa? Anh ấy sẽ bị bắt.

-Đúng. Anh ấy bị bắt, thì em anh ấy, con anh ấy có

được yên không?

Anh Nhã phì cười, trố mắt nhìn anh Hùng:

- Ừ nhỉ. Thế thì anh Na đi trốn là phải. Lợi được một người đi hoạt động đắc lực.

-Trước kia, ở làng anh, có nhiều người bị bắt bớ, khám xét, đòi hỏi lôi thôi, có phải vì trong những gia đình ấy, có người đi trốn như anh Na không?

Anh Nhã vội vàng đáp:

-Không! Không! Tôi biết là tôi nghĩ sai rồi.

-Thế thì gia đình anh Na bị giả thù, không phải vì anh Na đi trốn như bọn lý trưởng, chánh hội nói. Vậy chúng ta thử xem xét nguyên nhân vì đâu nào?

Anh Nhã nghĩ một lát, rồi lại phì cười:

-Tôi ngu quá nhỉ! Ngay trước mắt mà tôi không trông thấy! Nguyên nhân là tại thằng Tây chứ tại đâu! Mà anh Na sở dĩ long đong, các anh vất vả, chúng tôi khổ sở, cũng do tội thằng Tây tất cả.

Anh Hùng gật đầu:

-Câu nói của lý trưởng, chánh hội là giọng lưỡi của bọn đầy tớ giấu tội cho chủ. Chúng xuyên tạc sự thật, thì ta phải làm rõ sự thật để đả phá cái lối tuyên truyền phản động thâm độc của chúng.

-Phải rồi. Nhân dân hiểu lầm thì có hại cho người yêu nước, hy sinh vì nước.

-Tội thằng Tây rất nhiều. Nhiệm vụ chúng ta là phải đánh đổ đế quốc. Hàng ngũ chúng ta càng đông, sức chúng ta càng mạnh. Chúng ta đánh nhau với chúng nó bằng cách chiếm lòng người. Chúng nó yếu hơn chúng ta, nên mới phải cầu cứu đến khí giới. Nhưng bất cứ một cuộc chiến

tranh nào, kẻ thất bại vẫn chỉ là kẻ chỉ có khí giới mà không có lòng người. Điều này, anh chưa hiểu. Nhưng chúng tôi đọc các sách của các nước làm cách mạng, chúng tôi thấy đó là một kinh nghiệm, một quy luật. Bây giờ anh đã biết rõ nguyên nhân vì đâu gia đình anh Na bị khủng bố. Vậy nhiệm vị của anh là nói cho mọi người cùng hiểu như anh. Anh có làm được không?

Anh Nhã gật đầu:

-Làm được. Mà cần làm chứ!

Nhưng bỗng dưng anh ngừng một lát, rồi tiếp:

-Đến từng người nói chuyện thì phải nhiều thì giờ nhỉ.

-Dù sao cũng phải làm. Có điều là nên làm cho kín đáo, kẻo bị lộ. Anh mà bị lộ là phong trào bị lộ. Cho nên giữ gìn cho anh là giữ gìn cho phong trào.

Nói đoạn, anh Hùng đứng dậy:

-Thôi nhé. Lần này hãy nói ngần ấy chuyện. Ta hẹn nhau tối ngày kia, cũng chỗ này.

Anh Nhã còn muốn ngồi thêm nữa, nhưng không lẽ lưu anh cán bộ được mãi. Anh nhìn anh Hùng, vui vẻ nói:

-Nói chuyện với anh nửa giờ, bằng học một nửa năm!

Hai người cùng cười, bắt tay nhau thật chặt và thật lâu.

***

Anh Nhã đi về, rất phấn khởi. Anh ôn lại những lời anh Hùng vừa nói với anh. Sao mà hay thế. Thật là

những bài học quý báu của bậc thầy giàu kinh nghiệm. Anh đã phục anh Na. Bây giờ anh lại phục anh Hùng. Anh thấy những người cán bộ cộng sản thật là giỏi. Anh phải cố thuộc những điều anh vừa được nghe để nói lại cho anh Phùng biết. Anh còn mong không phải chỉ một mình anh được sáng mắt. Anh định từ nay, mỗi lần nói chuyện với cán bộ, anh nhớ hết để về truyền đạt cho những người có tâm huyết ở trong làng.

Lần này anh được trao nhiệm vụ. Nếu làm trót lọt, tất anh được tranh đấu cao hơn. Anh rất vui sướng. Anh phải minh oan cho người cán bộ cộng sản, dù ốm yếu, vẫn hy sinh vì nhân dân. Phải vạch tội ác của đế quốc và lột mặt nạ bọn đầy tớ của chúng.

Nhưng có thể lợi dụng buổi đá bóng chiều mai để nói cho nhiều người hiểu được không? Anh đắn đo. Đã đành rằng việc này không thể để chậm trễ. Ít người hiểu, là lỗi của anh. Nhiều người hiểu, nhưng hiểu chậm, cũng là lỗi của anh. Song, nói công khai ở sân bóng thì không được. Bọn hương lý biết anh tuyên truyền chống lại chúng, thế nào chúng cũng không để anh yên. Anh nhớ lời anh Hùng vừa nói: "Giữ gìn cho anh, là giữ gìn cho phong trào".

Thật là khó khăn. Nhưng dù khó khăn mấy, anh cũng phải thắng bọn phản động. Để chúng thắng, tức là để cho phong trào thất bại. Phong trào thất bại, thì anh sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nữa về sau này. Bởi vì anh đã tự nhận nhiệm vụ gây phong trào cho làng Văn Chương. Anh phải làm cho có kết quả. Và đó là lẽ sống của anh.

Vậy anh phải tìm cách nào để làm trọn nhiệm vụ mới mẻ này? Làm sao cho vừa nhiều người hiểu tội ác của đế quốc, vừa hiểu ngay, lại vừa kín đáo?

Anh chợt nghĩ đến anh Phùng. Hay là đến bàn bạc với

người thanh niên nhanh nhẹn và nhiều sáng kiến này? Anh lại nghĩ đến anh Lê. Hay là đến hỏi ý kiến em người cán bộ cộng sản, một người trong gia đình bị nạn khủng bố của địch, chắc anh ta có thể giúp cho một vài kinh nghiệm tốt.

Nhưng suy đi, tính lại, anh cho rằng không nên đến nhà anh Phùng và anh Lê. Việc tuyên truyền chống đế quốc, đánh đổ giọng lưỡi nguy hiểm của bọn phản động trong làng, phải làm thật thận trọng.

Bỗng gần đến cầu, anh nghe đằng sau có nhiều tiếng chân huỳnh huỵch bước mạnh trên mặt đất. Quay lại, anh thấy có bốn con ngựa sắp đi đến. Anh đứng né sang bên đường để tránh và nhìn.

Bốn người cưỡi ngựa đều ăn mặc giống nhau, cùng quần áo tây vàng và mũ trắng. Nhưng anh nhận ngay người béo đi thứ ba, là tri huyện Lê Sung. Hắn chỉ khác ba người kia một chút. Vai hắn quàng dây da chéo ở ngực, liền với cái thắt lưng đeo súng lục.

Thấy con hùm xám đi rình mồi, tự nhiên anh Nhã nực cười. Mồi đâu mà rình nữa? Bọn quan lại vẫn hay ăn cơm thừa, húp canh cặn, hít lại bã mía của quan thầy bỏ lại như thế. Gà gáy hôm nay, bọn mật thám đã về đây, sục khắp làng. Bây giờ tri huyện về, để hòng làm gì ai?

Nhưng anh cũng thấy ghê rợn. Anh ghê rợn không phải vì sợ quan cai trị bắt gặp anh ở đây, hỏi vặn anh, rồi biết anh vừa nói chuyện với người cán bộ cộng sản. Anh đương ở làng Nhạc Lịch, ngoài địa hạt của hắn, thì hắn cho anh là người Nhạc Lịch, hắn không có quyền hỏi. Nhưng anh ghê rợn vì anh thấy hắn quỷ quyệt quá. Hắn đi đêm, sợ nguy hiểm đến tính mạng, nên bắt cả ba người ăn mặc như hắn, để hắn trà trộn vào giữa. Có xảy ra gì, thì người đi đầu phải chịu thay cho hắn.

Bốn con ngựa qua cầu thì vào miếu.

Anh Nhã đứng chờ ở bờ sông bên Nhạc Lịch. Anh nghe thấy tiếng Lê Sung quát tháo, mắng lính không canh phòng. Một lát, có sáu người từ trong miếu ra, cùng đi bộ. Anh Nhã không nhận ra ai là quan, ai là lính, ai là tuỳ tùng. Thấy hắn sục trong làng để lùng cộng sản, anh Nhã vội vàng về ngay, để bảo anh Phùng loan báo cho anh em biết mà giữ gìn.

Khi về nhà, qua đình, bỗng anh trông lên trên tường hồi, chỗ mọi khi lý trưởng vẫn dán yết thị. Tự nhiên anh nảy ra ý kiến. Anh mừng rỡ quá. Muốn truyền bá một điều gì, để nhiều người được biết và biết ngay, không cách gì đỡ mất công hơn là viết yết thị. Viết kín đáo và dán kín đáo, thì vẫn giữ được kín đáo.

Anh hăm hở đi. Đến nhà, anh khẽ lách cái liếp cửa để vào. Thấy vợ con đã ngủ yên, anh lẳng lặng đánh diêm, thắp đèn. Anh lấy tờ bìa cuộn thành hình búp măng, úp chụp lên thông phong. Anh cầm đèn vào chái buồng, đóng cửa lại. Buồng vẫn tối. Ánh lửa chỉ chiếu sáng có một khoảng tròn nhỏ, đủ chỗ làm việc. Anh tìm khúc gỗ để ngồi cạnh phản, rồi lấy hút giấy. Anh lắng tai nghe ở ngoài đường xem có tiếng động không. Anh trầm ngâm, khuỷu tay chống trên chiếu, bàn tay ôm trán. Anh nghĩ những câu trong yết thị.

Anh lẩm nhẩm một mình. Chốc chốc lại thở dài. Rồi cầm bút loay hoay viết.

Anh giáp một câu. Nhưng nghĩ thế nào, anh lại xoá đi. Rồi lại viết. Rồi lại xoá. Rồi lại thở dài. Rồi tìm điếu để hút thuốc.

Khó quá! Anh không quen làm việc bằng giấy tờ. Anh

có đủ ý để nói, nhưng không biết đặt sao thành câu cho khỏi lúng túng.

Anh đứng dậy, đi đi lại lại, nhẩm các ý anh định nói. Sao mà nó gọn ghẽ và đầy đủ thế. Thế mà viết ra câu, nó lôi thôi và không trơn tru tí nào.

Sau cùng, anh nghĩ ra. Anh ngồi xuống, cầm bút. Nhẩm lại ý nào định nói, anh ghi luôn ý ấy vào giấp. Khi ghi hết, anh đọc lại, thì anh mừng rỡ quá. Yết thị của anh thế là xong rồi:

Gia đình anh Na bị khủng bố trả thù, không phải vì anh Na đi trốn. Do đâu mà anh Na phải đi trốn, và trốn để làm gì? Anh Na đi trốn vì phải làm cách mạng. Anh Na làm cách mạng vì phải đánh đổ đế quốc Pháp, Nhật tàn ác dã man cho toàn dân ta được tự do, no ấm. Chính đế quốc và bọn chó săn của chúng gây tai nạn cho anh Na, cho gia đình anh Na, cho cả xứ Đông Dương ta.

Anh Nhã đọc đi đọc lại, xem có nên thêm, nên bớt câu nào không. Cuối cùng anh thấy ý đầy đủ và lời trơn tru, anh sung sướng lắm.

Anh lại lắng tai nghe ở ngoài đường rồi lấy tờ giấy rộng, đặt trước mặt. Anh chấm mực. Nhưng anh ngừng tay. Làm thế nào cho không ai nhận ra được chữ của anh? Anh nghĩ ra rồi. Anh viết bằng chữ in. Viết bằng chữ in lại dễ đọc. Muốn dễ đọc hơn, anh phải viết thật to. Anh đắc chí, gật gù một mình.

Anh chép ra ba bản. Bỗng anh sực nhớ một điều. Làm thế nào để người làng chú ý đọc. Yết thị của tri huyện có chữ ký và đóng dấu đỏ lòm. Yết thị này khôngký tên ai, thì nó chỉ như thư nặc danh. Thư nặc danh thì không có giá trị.

Anh suy tính. Hay là ký *Một nhóm người làng Văn Chương*? Cũng được. Song, những ý trong yết thị này có phải do một nhóm người làng Văn Chương nghĩ ra được không? Không. Nhiều người đã tin lời lý trưởng, chánh hội nói là đúng, cho nên mới phải có yết thị này để cải chính. Nhưng ý để cải chính là do anh được anh Hùng hướng dẫn mới nghĩ ra. Anh Hùng, chắc chắn rồi, là Đảng Cộng sản Đông Dương. Có một lần anh được đọc truyền đơn dưới ký tên *Đảng Cộng sản Đông Dương*. Thế thì những lời trong yết thị này là ý kiến của Đảng Cộng sản Đông Dương uốn nắn cho dân làng Văn Chương đừng tin giọng lưỡi của bọn phản động, mà phải nhìn đúng vào sự thật. Vậy có nên ký là *Đảng Cộng sản Đông Dương* hay không?

Anh băn khoăn. Ký là Đảng Cộng sản Đông Dương, có được không? Hay như vậy là phạm lỗi với Đảng? Nhưng không ký là Đảng Cộng sản Đông Dương, thì là không thật thà. Vả lại yết thị không có giá trị, không được chú ý, không được bàn tán nhiều.

Đắn đo một lúc, anh nhất định viết thêm năm chữ *Đảng Cộng sản Đông Dương*.

Lúc ấy đã sang đầu trống tư. Công việc làm xong, anh khoan khoái, nhẹ nhõm. Anh chắc giờ này con hùm xám đã về hang rồi. Anh yên tâm.

Anh ra bếp, mở nồi, lấy một nắm cơm nhỏ. Anh phải đi dán ngay. Đến khuya, chẳng ai gặp anh đâu. Sáng mai, người làng sẽ kéo đông đến đọc, và người nọ truyền người kia, nói lại cho nhau nghe.

Anh đứng trước phản, ngắm nghía ba tờ yết thị đã gần ráo mực. Ba tờ yết thị này được công bố ngay vào đêm mà tên tri huyện đến rình làng. Nghĩ thế, anh hãnh diện như người chiến thắng. Anh định dán ở ba nơi có nhiều người

qua lại, cột đồng trụ trước Văn chỉ, cổng đồng, và tường đình, chỗ vẫn dán những tờ giấy có đóng dấu đỏ. Anh sẽ xé tuột tất cả những tờ sức của quan đi, để cho tờ yết thị của dân được nổi bật.

Chờ cho thật khô mực, anh gấp giấy lại, rồi khẽ lách liếp cửa, hãm hở ra đường.

Anh đã làm được một việc quá sức mình. Anh phấn khởi vô cùng. Anh thấy rằng dù việc khó khăn đến mấy, nhưng nếu có lòng sốt sắng muốn làm, để chịu suy nghĩ, chịu cố gắng, thì thế nào cũng thành. Rồi mai đây, anh chỉ còn việc theo dõi xem kết quả của yết thị, để ngày kia, gặp anh Hùng, anh nói chuyện lại cho anh ấy nghe.

***

Tang tảng sáng hôm sau, Lê Sung về huyện, đem theo hơn một chục chiếc, vừa trống cái, vừa mõ cá. Hắn đã tháo trộm những thứ này ở các điếm làng mà hắn đi kiểm soát qua, thấy tuần không thức để canh, lại ngủ khì.

Hắn tắm rửa xong, không ra buổi hầu sáng, đóng cửa buồng lại, làm một giấc, bù cho cả đêm trắng.

Bọn thuộc hạ lắc đầu lè lưỡi, phục quan mẫn cán về công cuộc tiễu trừ cộng sản và trị an trong hạt. Họ lo cho bọn hương lý đã để tuần giờ trễ nải, sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Trong khi họ đương phục, đương lo, để sợ thầm con hùm xám, thì vào khoảng sắp tan hầu buổi sáng, lý trưởng Văn Chương đến trình ba tờ yết thị của Đảng Cộng sản Đông Dương dán ở làng đêm hôm trước.

Đến buổi hầu chiều, lý Sinh mới được giáp quan. Tên tri huyện cáu quá. Hắn chưa kịp gặp ai để khoe khoang, để đắc chí, thì đã bị cụt hứng. Yết thị dán đúng vào buổi tối hắn đi qua làng Văn Chương. Ai viết? Ai dán? Dán lúc nào? Hắn truy lý Sinh thế. Hắn coi như hắn bị lăng mạ một cách nhục nhã.

Hắn gọi thông Hảo, gọi cai cơ, bắt sửa soạn đồ đạc, đi theo hắn ba ngày. Hắn đi bằng ô tô. Lý Sinh cũng được ngồi ô tô của hắn.

Hắn đến làng Văn Chương lúc bốn giờ chiều. Hắn bắt tất cả làng, từ bảy tuổi trở lên, đến bảy mươi tuổi trở xuống, không kể là ốm đau, đều phải ra đình hết, để nghe hắn tuyên bố lệnh trị cộng sản. Ai trốn mà không đi, người ấy sẽ bị bắt, khép tội như tội làm cộng sản.

Vì vậy, không một ai dám ở nhà. Có người chưa kịp ăn uống gì. Có người bỏ dở nồi cơm đương sôi. Bác Tịnh phải cõng mẹ già đương lên cơn suyễn. Sân đình lố nhố, đông nghịt những người. Người lớn không ai dám nói to. Nhưng trẻ nhỡ gặp nhau, nhảy, cười, đùa, đấm đá nhau, văng tục. Và trẻ con, ẵm ờ trên cánh tay mẹ, đứa khóc sa sả, đứa reo bi bô, đái ỉa vung vãi.

Chừng sẩm tối, khi thấy trình rằng cả làng đã đủ mặt, Lê Sung mới thân hành đi cùng với lý trưởng đến tất cả những nhà bị tình nghi, để khám xét, lục lọi. Vì hắn soát rất kỹ lưỡng, nên mất rất nhiều thì giờ. Đến mười một giờ đêm, khám nhà xong, không thấy gì, hắn mới trở ra đình.

Nhiều người mỏi, ngồi gục mặt, đương thiu thiu, bị tuần quát đánh thức, vội vàng choàng dậy. Trẻ con thét lên những tràng dài. Tuần sợ quá, trợn mắt trợn mũi, doạ nó, doạ cả mẹ nó.

Lê Sung đứng ở trên thềm, nói xuống. Vì tức giận,

nên hắn nói được to, to hơn cả tiếng trẻ khóc. Tuần thấy trẻ vẫn khóc, sợ át mất tiếng quan, thì quát thầm người mẹ, bắt phải dỗ con nín. Đứa nào không nín, tuần vội vàng nhét vạt áo của nó vào mồm. Người mẹ nào thương con tắc thở mà cưỡng lại, thì vừa bị chửi khẽ, vừa bị tát mạnh một cái vào mặt, làm sổ cả khăn.

Những cảnh giữ trật tự dữ dội như vậy, Lê Sung không nhìn rõ. Vì trên đầu hắn, một chiếc đèn quang treo ở mái, rủ xuống gần mặt hắn, và hai bên hai ngọn đuốc lớn, làm bằng nứa đập giập, có giẻ tẩm dầu lạc quấn quanh. Những ánh lửa ấy làm hắn chói mắt.

Trước hết, hắn nói cộng sản làm hại dân hại nước. Theo lời hắn, cộng sản hại dân, vì cộng sản làm cho dân theo, phải ở tù. Cộng sản hại nước, vì đánh nhà nước Đại Pháp là phản thầy, nước An Nam không nhờ nước Đại Pháp khai hoá dạy dỗ thì bao giờ mới mở mày mở mặt được.

Hắn tả một nước cộng sản cho dân nghe. Nước ấy sẽ không có vua quan để cai trị, giặc cướp nổi lên lung tung. Trong xã hội sẽ không còn tôn ti trật tự, ông cũng như thằng, thằng cũng như ông. Không có đình chùa, không có nhà thờ. Trai gái đi đường, bằng lòng nhau thì ngủ ngay với nhau, vợ người nọ nằm với chồng người kia, chồng ba bảy vợ, vợ ba bảy chồng. Đàn bà, đàn ông ghen tuông nhau, bắn nhau, giết nhau chí tử.

Rồi hắn mở quyển sách để là *Mặt nạ cộng sản*, đọc vài trang, dằn từng tiếng, từng câu, và giảng rất kỹ. Thỉnh thoảng, khi nhiệt tình nổi lên đùng đùng, hắn cũng ngẩng lên, nhìn mọi người, nhưng bị ánh lửa ngăn cản, hắn không rõ ở dưới kia, bọn dân đen có thật hiểu thấu không. Hắn vẫn thấy im phăng phắc.

Đuốc cháy hết, thay bằng hai bó mới. Lê Sung nói đến làng Văn Chương phải làm những gì để trừ cộng sản.

-Từ nay, quan - hắn vẫn xưng là quan, khi cần lấy oai - quan cấm dân làng tụ họp nhau trên ba người, kể cả ban ngày lẫn ban đêm. Cấm ngặt! Việc gì đáng làm bốn người, năm người, cũng chỉ được làm ba người thôi. Ban tối, từ tám giờ trở đi, nghĩ là sau khi có tiếng còi tàu hết trên ga, cho đến năm giờ sáng, là giờ giới nghiêm. Ai nấy đều phải ở trong nhà. Cấm ra ngoài đường. Muốn ra ngoài đường, phải có cớ đích đáng. Đi thì tay phải cầm đèn, chân phải lận guốc, nện xuống đất cho thật kêu. Mỗi người phải có một đôi guốc. Tất cả mọi người, lúc nào cũng phải lắng tai, để mắt, dò sang nhà bên cạnh. Hơi thấy có gì khác, thì phải trình ngay. Một gia đình có cộng sản, không những cả gia đình ấy đi tù, mà bốn bên hàng xóm cũng phải đi tù. Nhưng ai tố giác cộng sản thì được trọng thưởng. Tố giác được nhiều, quan sẽ tư xin phẩm hàm. Gia đình nào theo cộng sản, không những người bị tội, mà nhà bị đốt, sản nghiệp bị tịch biên, đến mồ mả tổ tiên, ông cha cũng bị khai quật, lấy đầu lâu đem bêu ở chợ. Cộng sản hay đi luồn từ nhà nọ sang nhà kia để trốn tránh, mà làng này thì rào dậu rất sơ sài, vậy quan ra lệnh là bắt đầu từ sáng mai trở đi, nhà nào nhà nấy phải rào dậu cho thật kín đáo, không được để một lỗ hổng nào vừa cho con chó chui qua. Quan sẽ ở làng đến khi nào các nhà đều rào dậu cẩn thận, quan khám xong, mới về huyện. Ai không rào dậu kỹ, tức là còn muốn cho cộng sản chui trốn, sẽ bị phạt như cộng sản. Từ nay, không ai được đi ra khỏi làng. Muốn đi, phải xin phép chức sự. Có người làng khác vào nhà, dù là ban ngày, cũng phải lập tức đi trình. Hương lý phải đến ngay nhà có khách, nghe họ nói chuyện. Hương lý, tuần phiên có trách nhiệm canh phòng thật nghiêm ngặt. Xảy ra ở

trong làng có truyền đơn, có cáo thị, có cờ búa liềm, thì bị cách suốt lượt. Ai tội to, còn phải đi tù. Và tuỳ theo tù nặng nhẹ, mà gia sản cũng phải tịch biên toàn phần hay một phần. Các điếm phải gác đêm cho tỉnh táo. Quan sẽ luôn luôn đi khám. Điếm nào trễ nải, thì khán thủ và tuần đều phải tù, hương lý cũng phải liên đới chịu trách nhiệm. Lính cơ gác ở miếu, phải mặc binh phục, đeo súng, cắm lưỡi lê, ban ngày cũng như ban đêm, cắt phiên nhau một người gác ở đầu cầu. Tối đến thì bốn người đi rong. Không những đi rong ở một làng này, mà được phép đi rong cả ở những làng bên cạnh. Đầu cầu và các ngả đường sang làng khác, đều phải dựng cổng. Cổng phải có cánh, từ tám rưỡi trở đi, khoá lại. Ai muốn qua, phải gọi.

Hắn kết luận:

-Làng Văn Chương là một làng cộng sản. Vừa đây, làng ấy muốn chia lại công điền. Công điền đã chia từ lâu rồi, tức là đã cộng sản rồi, vậy mà muốn chia lại, tức là muốn cộng sản lại hay sao?

Hắn tự trả lời:

-Vì vậy, đơn xin chia lại công điền, quan không xét. Nếu làng Văn Chương vẫn còn theo cộng sản, thì quan bắt tất cả những người tình nghi đều phải đuổi đến ở riêng một khu, làm ăn, buôn bán với nhau, cấm ra ngoài khu ấy. Nhưng nếu đến khi khu ấy rộng quá nửa làng, thì cả làng sẽ bị triệt hạ, như làng Cổ Am, hơn mười năm về trước. Nghĩa là bao nhiêu cây cao, bao nhiêu bụi tre sẽ bị chặt trụi, để máy bay ở trên cao nhìn xuống cho dễ, ném bom xuống cho khỏi vướng, đốt sạch được cả làng, ai chết mặc ai. Khi ấy, thì quan sẽ về đóng hẳn ở làng, làm cỏ cho kỳ sạch cộng sản mới lại về huyện.

Hắn nhìn đồng hồ. Lúc ấy đã hai giờ sáng. Muốn kết

thúc huổi diễn thuyết cho vui vẻ, hắn vặn máy hát, để nhồi vào sọ mọi người những bài chửi cộng sản, ca tụng nhà nước Bảo hộ.

Trước mặt hắn, ở dưới sân đình, vẫn từ lâu, không có một tiếng động. Bởi vì không một ai không mệt, chẳng muốn nhúc nhích. Người đói, ngồi bó giò, gục mặt vào đầu gối. Nhiều người đã không còn tỉnh táo để thức được.

***

Hôm sau, Lê Sung ở lại làng Văn Chương.

Vì rối việc, và cho là cuộc khám xét tối qua chưa được kỹ lưỡng, nên hắn lại đi từng nhà để lục lọi lại, không những lục lọi một nhà người bị tình nghi, mà lục lọi cả những nhà hàng xóm. Rồi hắn gọi cả từng ấy gia đình bị khám ra đình, để hắn diễn thuyết cho nghe một chập nữa.

Nhân dân thì ngẩn ngơ, thấy vẫn còn cái mặt rỗ đen xì của quan, thì lo rào nhà cho mau chóng. Ai cũng phải bỏ việc đồng áng, chợ búa. Họ vác dao đi chặt rong ở các luỹ tre công. Rồi chặt cả ở những bụi tre tư. Tranh nhau, giữ nhau, chửi nhau, đánh nhau. Kêu khóc như ri. Nhưng mạnh ai nấy chặt. Chặt nhanh thì được nhiều. Trông thấy nhau ở ngoài đường, không ai dám chào hỏi nhau. Lỡ ra bốn người cùng chạm trán nhau một lúc ở một chỗ, thì sợ tội tụ họp, cả bốn người cùng chạy nháo nhào. Chặt hết rong, nhưng rào chưa đủ, họ phá đến tre. Tre công thưa rồi, họ phá tre tư. Lại chửi nhau, lại đánh nhau. Lại kêu khóc như

ri. Ai chậm tay, kiếm rong tre ở làng không đủ, thì nghĩ cách sang làng bên cạnh để chặt trộm. Người thật thà hơn, thì hỏi mua. Tre chặt trộm không phải trả bằng tiền, nhưng tre mua, một ngày lên hai ba giá, cao vòn vọt. Người nào cũng cố rào hàng rào nhà mình cho thật khít. Hàng rào riêng thì rào riêng. Hàng rào chung thì hai nhà rào chung. Nhưng hễ đương rào, mà hai người hai bên sắp đến gần nhau, thì một người phải lảng tránh ra nơi khác.

Ngày hôm sau, vì trong làng còn nhiều nhà chưa rào xong, nên Lê Sung vẫn ở lại. Hắn sang những làng bên cạnh, chắc để hiểu dụ trị cộng sản. Dân Văn Chương vẫn bỏ việc đồng áng, chợ búa. Quan chưa khám rào, thì chưa ai dám đi xa. Để được việc, họ ngả cây to của làng, chia nhau gỗ để đẽo guốc. Vì không có tiền mua đanh và sắm quai cao su, họ phá từng bụi mây để bện làm quai.

Cho đến ngày thứ ba, lý Sinh xem xét hàng rào của nhà rào xong cuối cùng, mới trình quan kiểm soát lại.

Tên tri huyện thân hành đi từng nhà. Hắn lấy tay rung mạnh xem cọc chôn có chắc chắn không. Lại lấy giầy tây đá vào những chỗ mà hắn nghi là chưa kín. Nhiều nhà, hắn bắt rào lại cho thật kỹ lưỡng, hắn mới vừa lòng.

Cuộc khám xét kéo cả ngày hôm ấy. Đến tối, hắn lại triệu tập họp toàn dân ở sân đình. Hắn nhồi nhét lại những lời hắn đã nói đêm hôm trước, chỉ thêm một ý là tất cả mọi người đều phải giữ hàng rào cho chắc chắn, hỏng đâu, chữa ngay đấy. Ai để hàng rào có một chỗ hổng, con chó con chui lọt, cũng bị phạt vì cảnh. Hắn khuyên dân phải cố mà tuân cho đúng lệnh canh giữ và phòng ngừa cộng sản của hắn. Không phải một làng Văn Chương phải thế này, mà dần dần, tất cả các làng khác trong huyện đều phải thi hành lệnh giới nghiêm như làng Văn Chương.

Trong khi dân ồn ào kéo nhau ra về, người có guốc rồi thì đỡ lo ngại, người chưa có gì để đẽo guốc thì nhăn nhó, thì quan về nhà lý Sinh ăn cháo gà. Và trong khi quan đương gặm vội chiếc tỏi nung núc những mỡ, thì anh Lãng ở làng Văn Xá xin vào, kiện người lính tên là Thò-lò-vanh-đít định hiếp dâm vợ anh lúc nửa đêm hôm qua.

Muốn chóng xong để về đến huyện sớm sủa, nghỉ ngơi cho đỡ mệt, quan mắng cả hai người, rồi xử hoà.

***

Tuy làng Văn Chương bị biến thành nhà ngục để giam lỏng nhân dân, và tuy Lê Sung còn ở ngay trong làng, mà đến ngày hẹn với anh Hùng, anh Nhã vẫn đến đền Đào được. Nhưng không phải anh đi một cách tự nhiên như lần trước.

Anh đã đắn đo, tính toán mãi. Trước hết, anh định bẻ gãy một răng của cái bừa của anh để lấy cớ xin đi chữa. Nhưng nghĩ lại, anh không làm. Lần sau, anh có cái gì để phá mà làm cớ? Như vậy, anh bị thiệt hại, tốn kém. Và bọn hương lý có thể sợ quan còn có mặt ở đây, không cho anh ngay tối hôm nay, hoặc có cho đi, thì chờ đến mai, ban ngày ban mặt. Chẳng lẽ anh cứ đi lén. Họ bắt gặp, anh sẽ bị lôi thôi, còn bị ngờ vực, hại cho anh. Mà hại cho anh là hại cho phong trào. Hay anh vờ xin sang Nhạc Lịch, nói rằng kiếm rong, mua tre để mai rào nốt? Bọn hương lý sẽ không có lý do ngăn anh đâu. Nhưng anh nghĩ là không nên cứ mỗi lượt ra khỏi làng, lại đánh trống đánh mõ, lay

ông tôi ở bụi này như thế. Thấy anh đi luôn, và cứ đi vào buổi chiều, bọn người xấc mắc sẽ để ý. Vả lại, lần này còn có lý do làm cho hương lý không dám ngăn cản, nhưng lần sau, thì tìm lý do nào? Còn có thể đi bằng cách khác thì nhất định không nên cho hương lý biết là mình đi. Anh chợt nghĩ đến những làng sinh sống bằng nghề nấu rượu lậu mà vừa có Tây đoan về khám bắt. Ở đấy, muốn làm việc chắc chắn và yên ổn nhất, thì phải làm vào lúc bọn nhà đoan vừa bước chân ra khỏi làng. Vì không bao giờ họ ngờ là có người cả gan dám bắc lò ngay trong lúc làng chưa qua cơn hồi hộp, lo sợ. Làng Văn Chương hiện đương ở trong cơn hồi hộp, lo sợ, từ hương lý đến dân, ai cũng len lét, cố theo đúng những lệnh nghiệt ngã để khỏi bị trừng phạt. Và quan cũng yên trí rằng hắn còn sờ sờ ở đây, trong làng không ai dám ho to, đường làng vắng tanh vắng ngắt, thì thằng nào dám láo với cái kỷ luật vừa được tuyên bố sốt sột

"Nhưng thằng này dám láo".

Anh Nhã nghĩ thế. Anh cũng phải làm cái việc bất ngờ như người nấu rượu bắc lò ngay lúc bọn chức trách vừa ra khỏi làng. Anh đã bị khám nhà hai lần, và nghe diễn thuyết hai lần, ai không tưởng rằng anh không đương hồi hộp, lo sợ?

Chiều sẩm hôm ấy, anh Nhã mang con dao rựa lững thững đi về phía cổng đồng, rồi ra hẳn ngoài rặng luỹ. Anh làm như anh đi chặt rong tre. Anh có chặt, chặt lâu, và đi xa dần. Đến tối mịt, yên trí là không còn mắt nào nhìn thấy anh, anh mới đi đường đồng sang Văn Xá, rồi sang An Vinh. Ở đây, có lối ra đường cái nhựa. Anh quay ngược lại đền Đào.

Anh Hùng đến đền Đào, phải chờ anh Nhã một lát.

Lần này anh Hùng ăn mặc khác lần trước, quần áo nâu, chân không. Anh Nhã kể cho anh Hùng nghe hiện trạng làng anh và anh đến đây, phải công phu như thế nào. Anh Hùng gật đầu, tiếp tục làm những việc mà lần trước đã hẹn với anh. Anh Hùng nói chuyện về vấn đề Thanh niên phản đế, rồi trao cho anh một ít tài liệu, sách báo. Rồi anh cho kinh nghiệm ở một vài nơi, người ta đã làm thế nào để tỏ ý thức chống Nhật trong việc trồng đay cho Nhật. Anh Nhã cho anh Hùng biết lý lịch của anh Phùng, rồi kể tỉ mỉ những lệnh giới nghiêm đương mới thi hành ở làng anh. Anh Hùng lắng nghe, lúc thở dài, lúc nhăn cười bực dọc. Khi anh Nhã kể xong, anh thấy anh Hùng không nói gì. Hai người ngồi lặng đến năm phút. Bỗng anh Hùng lắc đầu, nhìn anh Nhã:

-Nghẹt thở! Người mà bị trói chặt, thì máu đọng lại, phải ốm, phải chết! Muốn sống, phải thở, phải cho máu lưu thông. Phải phá tung dây dợ để mà vận động cho hợp lẽ tự nhiên.

Rồi anh lẩm bẩm:

-Nhưng phá bằng cách nào? Làm hăng thì không được. Chống lại ngay thì càng bị khủng bố. Làm từ từ thì bằng cách nào?

Hai người lại yên lặng. Rồi cùng nhìn nhau như hỏi ý kiến nhau. Anh Hùng nhăn mặt:

-Khó nhỉ!

Rồi độ năm phút sau, anh nói:

-Tôi chưa nghĩ ra ý kiến xác đáng để đối phó với cái kỷ luật giới nghiêm giết người này. Tôi mới thấy rằng dân càng nghẹt thở, càng bị trói chặt, thì càng căm hờn quân cướp nước và lũ bán nước. Không thể chịu chờ chết, họ

phải cựa quậy. Ta mà tìm cách cho họ cựa quậy để sống, thì họ theo ta ngay. Đây là một dịp tốt để ta tuyên truyền dễ dàng cái tư tưởng phản đế quốc Pháp, Nhật.

Anh lại lẩm bẩm:

-Còn như phá cái kỷ luật sắt này thì... Phá hay nới dần?

Rồi anh vừa nghĩ, vừa gật gù, nói:

-Người đầu tiên không chịu được kỷ luật này, dám nới lỏng dây trói ra, không phải là ta, mà chính là bọn kỳ hào thi hành kỷ luật.

Mắt anh sáng ngời, anh nhìn anh Nhã đương ngạc nhiên:

-Bởi vì bọn họ vô kỷ luật nhất, quen tự do lung tung nhất.

Hai người cùng mỉm cười. Anh Hùng tiếp:

-Chúng nó giam chúng ta, định làm cho chúng ta chết vì âu sầu, chết vì đói. Nhưng cách sống của chúng ta giản dị, chúng ta không chết vì âu sầu, mà chúng ta cũng không chết vì đói. Chúng ta có nhiều kinh nghiệm, nhiều sáng kiến để tự cứu cho mình sống. Và sức chúng ta khoẻ, tinh thần chúng ta bền, chúng ta vượt được khổ. Bọn kỳ hào không chết vì đói, nhưng họ không thể chịu được âu sầu đến chết. Cách sống của họ phức tạp quen đi rồi. Nay đánh đùng một cái, họ không được tụ bạ, không được đi tối, không được ra khỏi làng, để chuyện phiếm, để chơi bời, nhất định họ không thể chịu được. Vì họ cậy là người cầm quyền trong làng, mọi ngày làm bậy được, thì lần này nhất định họ lấn kỷ luật. Đàn em không nói đã đành, mà bọn họ với nhau, phải nể nang nhau, tất cũng im. Và lại đứa nào cũng muốn thế, nên càng không muốn nhắc nhở nhau vào

kỷ luật Họ còn muốn người khác lấn trước để mình bắt chước lấn sau, sống cho rộng cẳng, cho tự do. Về phần ta, ta biết cái con đường nó đi như vậy, thì ta nên làm thế nào gây cho bọn họ chóng vô kỷ luật đi, và vô kỷ luật cho thật nhiều. Ta phỉnh phờ, nói tức họ, đánh vào tự ái của họ. Khi họ nới được nút nào, thì ta bước theo, và giữ cho chặt cái nút ấy, không cho nó thắt lại nữa. Bọn kỳ hào không thể nói ta được, vì chính họ sờ lên gáy họ, há miệng thì mắc quai. Ta tiến bước nào, đứng cho vững bước ấy, rồi hãy bước đến bước thứ hai. Như vậy, nếu rồi ra, ta không phá hết được tất cả kỷ luật vô nhân đạo này, thì ít ra, ta cũng nới được đến cái độ làm ta sống bình thường, tự nhiên như trước.

Anh Nhã cười sung sướng:

-Ý kiến của anh hay lắm. Ở làng nào, chứ ở làng tôi thì hàng thịt chó nhà Bưng, bàn đèn nhà trùm Hựu, chỉ chờ lão huyện cút khỏi cầu, là bọn đàn anh lại tới tụ tập ở đấy liền. Hai chỗ ấy là hai nơi hẹn hò quen thuộc của họ. Đố ai cấm nổi họ đừng đến đó. Chắc rằng vài ngày đầu, đối với dân, họ không nghiêm ngặt kém quan đâu. Nhưng vài ngày sau, họ ngứa ngáy mồm miệng, ngứa ngáy chân tay, đến khi hắt hơi dồn mấy chục cái, hoặc tợp vài chén rượu, mặt bừng bừng rồi, thì được đế vào, họ sẽ coi giời bằng vung ngay!

Anh Hùng gật đầu:

-Thôi được. Ta cứ đi từng bước cho chắc chắn.

Rồi anh cho anh Nhã những kinh nghiệm giữ bí mật, bí mật trong sự giao thiệp với anh, với anh em trong làng, bí mật trong việc phổ biến tài liệu và cất giấu tài liệu.

Khi dặn dò hết các công việc, anh Hùng đứng dậy:

-Đáng lẽ ta nên đặt lệ mười hôm, hay nửa tháng gặp nhau một lần, gặp giờ nào, ở đâu, nhưng vì trong lúc làng anh ở vào trường hợp bất thường, thì ta hãy nên cẩn thận, để giữ gìn cho nhau. Tôi chưa thể hạn trước anh là hôm nào sẽ gặp, vì tôi cũng phải đi vắng độ nửa tháng trở ra.

Anh Nhã hỏi:

-Thế làm thế nào để tôi biết ngày anh hẹn gặp?

Anh Hùng cười:

-Được. Có nhiều cách. Anh không lo. Anh với tôi bây giờ như có một sợi dây vô hình nó ràng buộc hai người với nhau. Anh đừng sợ dây liên lạc bị đứt.

-Nhưng ngộ trong những ngày vắng anh, tôi có việc gì cần hỏi ý kiến thì làm thế nào?

-Anh cũng không lo. Anh có biết tôi ở đâu đâu. Mà cũng không có người nào tin cậy, quen cả anh lẫn tôi, để nhờ nhắn được. Nhưng tôi nhắc lại cho anh yên lòng, là giữa anh với tôi, vẫn có sợi dây liên lạc vô hình.

***

Làng Văn Chương quả như người nghẹt thở, thân thể bị trói chặt, nên các mạch máu ngưng đọng.

Bị ảnh hưởng ngay cái kỷ luật giới nghiêm, là phía phụ nữ. Việc đồng ánh của nam giới không ai ngăn cản, nhưng việc buôn bán, đi các chợ ở làng khác, thì chị em bị cấm. Các bà lại nhút nhát, không ai dám xin ra khỏi làng. Vì vậy, sinh sống hàng ngày trước kia đã thiếu thốn, đến

nay, một nửa nguồn sống bị cướp đi, thấy cảnh gia đình quẫn bách nhanh chóng, các bà uất ức quá. Uất ức của người đàn bà, hễ toát ra ngoài, thì thành nước mắt, thành lời nói, nói rất dai, nhiều lời không chọn lọc. Bởi thế, khi thấy tiền hết, gạo hết, không đi vay được, không đi đong được, các bà khóc lóc, kêu ca và chửi bới tục tĩu. Không một gia đình nào không có tiếng khóc, tiếng kêu và tiếng chửi. Tiếng khóc, tiếng kêu, và tiếng chửi là những tiếng tuyên truyền gây căm thù đế quốc cho tất cả các gia đình trong làng.

Thật thế. Ai mà không sốt ruột, ai mà không xót xa, khi thấy trong đôi bồ hàng, bánh khảo đã có mùi chua, miến và mộc nhĩ đã meo xanh, thuốc lá, chè mạn, đã bắt đầu mốc. Không kiếm ra tiền thì không có gì đong gạo. Làng hết gạo, mà không ai được phép đi đong ở làng khác. Gia đình ông Tuy chỉ mỗi ngày một bữa cháo. Ông quyền Lạc nhịn đói hôm qua, hôm nay mới vay được mấy củ khoai lang. Không nhà nào còn giữ được hoà thuận. Vợ chồng cãi nhau, đánh nhau. Cha mắng con. Con cãi cha. Hàng xóm cũng bắt đầu to tiếngvới nhau. "Khóm chuối nhà tao mọc lấn sang nhà mày một tí, sao mày cũng lòng lang dạ thú, đào mất của tao để mà ăn!". Cãi nhau đến đánh nhau, là những đám đi đòi nợ. Ông cha, tổ tiên nằm dưới mồ mả cũng bị dựng dậy, ăn những thứ chẳng ngon.

Bác đám Tửu lo sút vó, vì vài hôm nữa, kỵ cụ quản Dũng, bác không sờ mó ra đâu cái gì để sửa lễ giỗ hậu được. Bác đến lạy van từng cụ để xin miễn đồ lễ. Nhưng các cụ không nghe, còn doạ bắt vạ, trói bác vào cột đình. Ngày sóc đến nơi rồi, cụ từ Hoài không có tiền, mà cũng không dám đi chợ mua thẻ hương, huống chi là phải sắm xôi gà làm lễ. Cụ lo lắm. Cụ ôm cái bụng lép, rên hừ hừ. Anh Ban thấy bố như vậy, anh nghiến hai hàm răng ken

kết, nắm chặt nắm tay lại. Nhưng đáng thương hơn cả là thằng Ếch, con chị cu Tỵ, bị bỏng. Khắp người, da nó phồng lên. Nó đau, rát, quằn quại, kêu khóc, lăn trên giường xuống đất. Người ta mách rằng tìm được vỏ cây sung già, đem đốt ra than, tán nhỏ, rồi rắc vào chỗ bỏng thì khỏi. Nhưng làng không có cây nào già. Bên Nhạc Lịch có một cây to mọc ở bờ ao nhà chùa. Vì không được phép ra khỏi làng, nên không ai dám mạo hiểm qua chỗ lính canh, để sang bên kia sông. Thằng Ếch không có thuốc, thịt thối dần, rồi chết. Con chị Xa cũng chết oan. Nó mới ra đời được ba hôm, thì mẹ nó đói, hết sữa. Nó khóc xa xả. Không còn ai có sữa thừa để xin cho nó bú chực. Hôm mới đẻ, nó mập mạp. Hôm nay nó gày xanh. Rồi thiu dần. Thế là nó cũng tắt thở.

Một nửa làng Văn Chương bị đói. Người vàng bủng, nằm lả ở nhà. Chẳng cấm tụ họp, chẳng cấm đi tối, chẳng cấm ra khỏi làng, nhiều người cũng không còn sức lực để cựa cậy cái chân tay nữa.

Nhưng chẳng chỗ nào không nghe thấy tiếng khóc, tiếng kêu, tiếng chửi. Khóc dai, kêu dai. Chửi cũng dai.

Song, cái đói khổ, túng quẫn, lục đục, không phải chỉ cắm rễ vào trong các gia đình nghèo. Nó không từ gia đình mọi ngày có đủ hát ăn. Nó cũng không nể gì gia đình có nhiều uy thế trong làng, là bọn hương lý, kỳ hào. Đến nhà nào nó cũng chạm trán phải bọn đàn bà, toàn một hạng bất trị có truyền thống. Vợ chánh hội Tuy quen thói bắt nạt chồng. Vợ phó hội Dương hách dịch hơn chồng. Vợ phó lý Kiêu lăng loàn từ thuở bé, v.v.... được chị Na, chị Nhã, chị Phùng đến chơi, nói khích, họ không chịu chồng họ cấm đoán họ đi chợ, cho hàng bị mốc, và cho con cái thiếu ăn. Vả vợ không kiếm được đồng ra đồng vào, thì chồng cũng

bị thiếu thốn, bị ảnh hưởng không nhỏ. Vì vậy, ngay trong gia đình hương lý, kỳ hào, kỷ luật bị phá trước. Người phá kỷ luật là đàn bà già mồm. Người làm ngơ cho kỷ luật bị phá, là người xưa nay đối với dân thì có quyền, nhưng đối với vợ thì bất lực. Thế là kỷ luật bị phá từ trong phá ra. Ở trong gia đình những người được giao nhiệm vụ giữ gìn kỷ luật thì vợ phá chồng trước. Rồi như vết dầu loang, nó lan ra ngoài, đến những gia đình sợ nhất bị khép vào tội bất tuân thượng lệnh.

Cảnh phá kỷ luật diễn ra như sau này:

Hôm nay, vợ chánh hội Tuỵ vừa gánh đôi bồ ra cổng, vừa tròn xoe mắt trỏ vào mặt chồng:

-Bà thách thằng nào con nào giữ nổi bà đấy!

Thì hôm sau, vợ phó lý Kiêu cũng quẩy gánh hàng đi.

Thấy hai bà đi được, hôm sau nữa, chị Tế, bác Nùng xui nhau bắt chước. Chị Tế rình lúc vợ chánh hội qua nhà, chị cũng gánh hàng theo sát ngay ở sau. Bác Nùng chờ vợ phó lý đi chợ, cũng tất tả gọi: "Bà phó ơi, đợi em với!"

Vợ chồng anh Nhã, vợ chồng anh Phùng, chị Na, bà Bí nhân đà này, càng hoạt động mạnh.

Hôm sau nữa, không những chỉ có chị Tế, bác Nùng, mà thêm vài người nữa đi chợ. Thấy không ai làm khó dễ, nên họ không cần bám vào vợ chánh hội, lý trưởng, phó hội, phó lý.

Kinh tế trong gia đình không quẫn bách như trước. Bớt tiếng cãi nhau, chửi nhau. Nhiều nhà đã có tiếng cười, tiếng hát.

Bà cụ Đình ốm. Anh Đình không dám đi mời ông lang. Người em gái anh là chị Gái bù lu bù loa khóc, hỏi anh để mẹ chết oan như con chị cu Tỵ, con chị Xa à? Chị

đến xin lý trưởng cho chị đi mua thuốc, nhưng lý trưởng không cho đi. Tức thì chị nằm ềnh ngay ra sân, rẫy lên đành đạch. Nhưng không cần nằm vạ vô ích, chị cứ liều ra khỏi làng. Chị nói: "Tù thì tù, tôi không sợ. Sao ông cho bà lý nhà ông đi chợ thì được?"

Trong hàng thịt chó nhà bác Bưng, phó Kiêu đến ngồi chén với đúng hai người bạn. Nhưng khoá Hưởng đi qua, thì sà vào. Bàn đèn nhà trùm Hựu cũng vậy, mới đầu cũng đúng lệ, ba người đến thôi. Nhưng dần dần, bốn người, rồi năm người. Không lẽ trùm Hựu đuổi khách. Ít người mang thuốc đến hút, thì kiếm đâu ra xái sầm mà nuốt. Chánh hội Tuy buồn, không thích cứ đánh tài bàn mãi. Hắn gọi thêm hai người nữa cho vừa chân tổ tôm. Mấy anh máu mê cũng theo vào chầu rìa, mách nước. Có lần tất cả đến tám chín người. Chương bạ Chưng làm giỗ bố, sửa hai mâm, mời các bạn đàn anh. Miếng ăn kề tận miệng bỏ thì tiếc. Họ đành tặc lưỡi, cứ đến.

Ai cũng sợ mình là đàn anh mà làm láo trước, rồi đàn em bắt chước, thì khó nói. Họ thấy đàn em khen họ can đảm, chê những người nhút nhát, họ thích lắm. Nhiều lần, nghĩ đến quan, họ muốn tự nhắc nhở mình, và nhắc nhở nhau nên tuân theo lệnh mới. Nhưng rút cục, được đi chè chén, hút xách, được đi chuyện trò, chơi bời, không ai muốn khơi ra kỷ luật để ngăn cản nhau.

Ở sân miếu, lại nổi lên tiếng đá bóng bình bình. Trước hết, anh Trụ đá với anh Nhàn. Rồi lính cơ cũng ra đá ghẹ. Người đến xem, trước còn đứng xa nhau, đứng ba người một tốp. Sau, họ đứng gần nhau dần, và tán tỉnh, cười nói ồn ào.

Về kỷ luật đi đêm thì chính bọn đàn anh phá trước. Họ đi nhiều, nên quai guốc của họ đứt ngay. Nhưng họ

lười, không bện, hoặc không đóng lại quai khác. Thôi, đi đất cho nó mát. Đàn em sợ guốc đứt, nên tối đến, có đi đâu họ xách ở tay để làm phép mà thôi. Đi phải có đèn, họ sợ tốn dầu, nên chỉ cầm đèn không, mà không thắp. Có ai hỏi, họ bảo vừa mới tắt. Nhiều đèn, trong phao, khô không khốc. Nhiều đèn có phao, có cổ hẳn hoi, nhưng không có bấc. Thế mà đi tối, họ cũng phải cầm cái đèn ấy ở tay. Có người chưa bao giờ mang đèn, vì không có đèn. Mấy hôm đầu, họ cầm nén hương thắp cho có tàn đỏ. Nhưng vẫn thấy phí của, vả có trăng sáng, nên họ đi tay không. Cả tuần trăng, không ai đi với đèn, với hương đã đành, sau tuần trăng, cũng không ai nhớ rằng đi tối phải có đèn lửa.

Các cổng, trước hết, có cài then, có khoá cẩn thận. Nhưng bây giờ tuần ngại việc, phải đóng mở luôn luôn, nên chỉ khép hờ. Có cổng mất thìa khoá. Có cổng còn khoá nhưng mất thìa. Chỉ mỗi một cổng ở đầu cầu là còn nguyên cả khoá lẫn thìa. Nhưng một đêm, tên tri huyện đi tuần, đến cổng này, phải gọi mãi, lính mới nghe thấy. Anh lính ngái ngủ, thấy tiếng gọi dồn, thì phát cáu, nén gắt um, nhất định không mở. Đến khi anh ta nghe rõ, biết là quan, mới cuống cuồng, tìm thìa. Và vì không có điếm để thắp, anh ta phải sờ soạng đến mười phút mới thấy. Lê Sung cáu lắm, gắt gỏng ầm ĩ. Tuần các điếm thấy ban đêm có tiếng to, biết là quan, vội vàng loan báo cho nhau. Anh nào anh nấy chạy cho mau ra điếm mình phải gác, khoá tách cổng lại, và điếm mõ. Lê Sung tưởng các điếm canh phòng cẩn mật, thì vừa lòng lắm. Nhưng hắn sợ đến khi trở lại, qua cổng, phải chờ mở khoá, mất thì giờ. Hắn ra lệnh khép cổng, chứ đừng khoá, để chợt hắn về, khỏi phải đứng đợi.

Người như con chim phải tên, sợ cả làn cây cong, là ông Thái, là người sau cùng phạm kỷ luật. Một hôm, người con trai út của trùm Hựu bị sốt, nghi là đậu lào. Cả làng,

chỉ một mình ông Thái biết thứ bệnh này và biết đánh. Trùm Hựu thân đến nhà ông Thái lúc tối để gọi ông. Nhưng ông nhất định không đi. Ông nói:

-Tôi không có đèn, không có guốc.

Trùm Hựu tặc lưỡi:

-Cần đếch gì. Đi với tôi thì sợ ai!

Hôm sau, bà trùm Bí cũng bị lây đậu lào. Buổi tối, ông Thái được tin, vội vàng chạy đến chữa. Thấy bệnh của bà chị nặng, ông còn thân hành đến làng Văn Xá, gọi con gái bà về. Lúc ấy dễ đến mười giờ đêm rồi.

Một buổi tối, ở bên Nhạc Lịch, một nhà gần bờ sông cháy đống rơm. Nghe tiếng kêu, thanh niên Văn Chương chạy ùa sang cứu. Người lính canh thấy đông người qua cổng quá, vội vàng giữ họ lại. Nhưng không được. Rồi đắm đò nhân thể rửa chôn, dập được ngọn lửa xong, người làng Văn Chương rủ nhau ra đường cái nhựa chơi mãi. Rồi lác đác về, đến khuya mới hết.

Dần dần, sự đi lại trở nên bình thường. Người ta tụ họp nhau, đi các chợ, ra khỏi làng ban tối, không gặp khó khăn. Còn thi hành kỷ luật giới nghiêm lâu nhất có chăng là hai người trong bọn lính cơ. Hai người này nhận đi "rỏn" để mò gái một thể.

Thấy cuộc sinh hoạt trở lại như cũ, lý Sinh tặc lưỡi:

-Quan thì xa, bản nha thì gần. Cốt giữ sao cho cái hàng rào được kín đáo để ông ấy trông thấy. Còn những cái khác, ông ấy ở đâu làng này mà biết!

***

Sáng nay, lên công đường làm việc, lão tuần phủ vắt hai tay ra sau, đi dạo thật thong thả, ở ngoài hành lang, qua của các buồng giấy. Lão vừa thinh thích, vừa thèn thẹn. Lão cố nện gót giầy tây xuống nền gạch cho kêu để đánh tiếng, nhưng mắt vẫn trông thẳng, nghiêm nghiêm. Lão không có ý nhìn xem bọn nhà tơ đã đến đủ mặt hay chưa, mà chính là để bọn nhà tơ nhìn cho quen mặt lão. Mặt lão hôm nay có một cái lạ. Lão vừa cạo tuột cả râu lẫn ria. Quanh mồm lão ta, là một sự nhẵn thin thín. Hiện tượng đổi thay này - lão muốn cho mọi người phải chú ý - báo hiệu cho một sự thay đổi lớn lao về chính sách cai trị của lão.

Lão vào ngồi trước bàn giấy, móc túi, lấy ra chiếc gương con tròn, đặt ở phía trước. Lão châm thuốc lá hút, tựa oẻ lưng ghế xuống, duỗi thẳng hai cẳng, rồi ngẩn mặt ra để nghĩ. Chốc chốc, lão liếc nhìn vào gương. Mỗi lần ngắm nghía mặt lão, lão lại lấy đầu ngón tay cái và đầu ngón tay trỏ sờ sờ lên má, lên môi, lên cằm, cọ xuôi, cọ ngược. Không ráp một tí chân râu. Chỗ nào cũng trơn lì.

Bỗng tên lính hầu ở ngoài vào, rón rén đặt trên bàn một mảnh giấy con. Có người xin yết kiến. Lão tuần phủ nhìn giấy, rồi nói:

-Mời quan huyện vào.

Tên lính ra.

Lúc bấy giờ lão tuần phủ mới vội vàng lấy cái tư thế rất cụ lớn để tiếp người thuộc hạ. Lão cất cái gương vào túi, vớ cái lọ cồn chín mươi, mở nút ra, dốc vài giọt vào gan bàn tay, xoa xoa, rồi rón hai ngón, mở bìa tập công văn ra trước mặt. Lão lấy hai cái cặp giấy bằng gỗ - thứ

này rất cần thiết cho lão, vì tính lão rất sạch sẽ - cặp hai mép một tờ giấy viết tay, rồi giơ lên để đọc.

Vừa lúc ấy, thì có tiếng gõ cửa.

-Mời vào!

Tri huyện Lê Sung vái chào vị thượng quan. Lão tuần phủ, mắt đương chăm chắm vào tờ giấy, ngẩng lên nhìn, giơ tay mời ngồi, rồi đọc nốt. Một lát, làm như mệt nhọc vì việc nhiều, lão nhìn tên tri huyện, thở phào một cái:

-Quan huyện lên có việc gì?

-Bẩm có lệnh cụ lớn đòi.

Lão tuần phủ sực nghĩ ra, mỉm cười, gật đầu:

- À phải. Xin lỗi. Tôi nhiều việc quá, không nhớ được xuể. Tôi cũng phải bắt chước quan Chánh, có một cuốn sổ tay để ghi việc mới được. Người ta cứ bảo dinh tuần phủ chỉ là cái hộp thư chuyển công văn cho Toà xuống dưới. Người ta làm như quan An Nam không còn tí quyền hành gì. Thật là những lời nói bậy bạ. Ít lâu nay, tôi nhức óc vì việc. Chẳng có một tí thì giờ để nghỉ ngơi. Bây giờ ta hãy nói chuyện vui cho thư thái một lát, rồi hãy vào công việc. Bởi vì việc quan trọng, phải bàn bạc lâu. Có phải không, quan huyện?

Không để Lê Sung đáp, lão tủm tỉm cười, rồi hất hàm, hỏi:

-Thế nào? Quan huyện trông tôi thế nào?

Vừa nói, lão vừa sờ tay lên má, lên môi, lên cằm.

Có lẽ Lê Sung thấy cái mặt trơ trẽn của lão già nó vừa trâng tráo, vừa ngô ngố, nên đã cố nhịn cười từ lâu. Bây giờ thấy lão cười, thì hắn được dịp may, cho phụt ra được một tiếng hì. Nhưng hắn kìm ngay được. Hắn lễ phép

khen:

-Dạ, bẩm trông cụ lớn trẻ ra nhiều.

Lão tuần phủ đợi một câu trả lời dài, tán tụng việc lão cạo râu kia. Cho nên thấy câu đáp cộc lốc, thì lão không hài lòng:

-Có thế thôi à?

-Dạ.

Lão nhún vai:

- Ồ! Cái đó dĩ nhiên.

Rồi lão bĩu môi, lắc đầu:

-Để râu bận lắm, xấu lắm, bẩn lắm. Các quan Tây bây giờ có ai để râu nữa đâu. Đương để râu xồm mà nhất đán cạo tuột đi, là một việc khó. Cho nên phải có can đảm mà cạo. Mới cạo râu, thì thoạt nhìn, thấy mặt mình hơi là lạ đấy. Nhưng đây mới chính là mặt thật của mình, mọi ngày bị râu ria che lấp mất một nửa. Thì ra mặt mình mà chẳng phải mặt mình. Chắc rằng quan huyện thấy tôi, thì tưởng cái mồm của tôi nó nhỏ lại chứ gì. Không phải đâu. Lúc mới cạo mất râu, tôi cũng tưởng lầm ra như thế. Nhưng suy nghĩ kỹ, thì tôi tìm ra duyên cớ rồi. Phàm chưng râu mọc quanh mồm, thì bao giờ nó cũng bò soạc ra quá mép. Mình soi gương, nhìn râu mình quen đi, thì lại cứ tưởng là mồm mình nó rộng ra tới đó. Nhưng mồm mình bao giờ chẳng là mồm mình. Có phải vì có râu hay không mà nó rộng hẹp khác nhau đâu.

Tên tri huyện chắp hai tay. Hắn không ngờ cụ lớn sức lên để cho hắn nghe chuyện râu. Mặt hắn rỗ, râu không mọc được, nên hắn không có chút kinh nghiệm nào về vấn đề râu, và hắn cũng không cần biết kinh nghiệm. Vì vậy, hắn chỉ ngồi im lặng, làm như chăm chú nghe giảng một

bài học bổ ích, thỉnh thoảng điểm những tiếng dạ, dạ. Trái lại, lão tuần phủ càng nói càng có hứng. Gặp người đầu tiên sau lúc lão mới cạo râu, lão cần nó hết, từ cái lý do tại sao người ta nên cạo râu, cho đến cái lý do tại sao lão cạo râu.

Nguyên là trước khi làm cái việc mà lão gọi là can đảm này, lão đã phải nói dạo từ lâu, cho mọi người khỏi ngạc nhiên. Song, một sự thay đổi cỏn con của quan chủ tỉnh cũng có thể gây nên dư luận ồn ào trong giới cầm quyền, như một thời sự quan trọng. Bởi vậy, người ta đặt ra vô khối giả thuyết quanh cái mồm của cụ lớn.

Giả thuyết thứ nhất, vì lão vẫn khoe là không sợ vợ, nên phải xử tử bộ râu quặp nó tố cáo nhược điểm của lão.

Giả thuyết thứ hai, lão muốn cưới hầu non, nên sợ bộ chổi sể làm rát má hồng.

Giả thuyết thứ ba, lão mới là tuần phủ hạng nhì, mà chỉ còn có chín tháng nữa thì đến tuổi về vườn. Lão cần ở lại thêm sáu tháng nữa. Để kỳ xuân thủ đàm ân này, lão được thăng hạng nhất, khi về hưu, được hàm tổng đốc.

Song, từng ấy giả thuyết đều láo toét. Vì sao lão cạo râu, lão tuyên bố với Lê Sung như sau:

-Sở dĩ tôi cạo râu, là do số tử vi của tôi thế. Trong số nói từ nay đến cuối năm, thế nào tôi cũng có một cái thương gân. Nhưng thầy tướng xem tôi, thì nói rằng sở dĩ tôi bị hạn, là vì bộ râu. Nếu muốn tránh hạn ấy, thì phải cạo tuột nó đi. Biết được cách làm để khỏi thương, thật là may.

Nói đến đây, lão tuần phủ nghiêm nét mặt, như để dùng uy lực của một người trên cấm kẻ dưới không được nghĩ trái ý mình. Rồi lão tiếp:

-Ta có câu "Cái răng cái tóc là góc con người" là không đúng. Phải nói "Cái râu cái tóc là góc con người", bởi vì răng mọc trong mồm, chứ có mọc ở ngoài đâu mà che được một góc mặt. Vả lại râu mới có quan hệ đến tính mệnh con người. Ngày xưa, Tào Tháo bại trận, vì cắt râu đi cho nên trốn thoát. Người Tàu có tục rất hay, là nhà nào tứ đại đồng đường, thì người cụ mới để râu. Cho nên để râu hay cạo râu, ta không nên coi là thường mà không thận trọng. Chính tôi cạo bộ râu của tôi, tôi cũng phải làm rất khoa học. Là tôi xem ngày cẩn thận. Hôm qua, giờ Dậu là giờ hợp với tuổi tôi, tôi làm lễ khấn Thiên Địa, xin âm dương được, rồi mới cạo. Cạo xong bộ râu, tôi thấy nhẹ nhàng, không lo lắng. Đêm qua, tôi ngủ một giấc ngon. Sáng nay dậy, trong người khoẻ khoắn.

Lão tuần phủ cao hứng, giang hai cánh tay, quặc vào, như tập thể dục, rồi cười ha hả. Lê Sung cũng cười theo. Nhưng lão quên mất rằng lão đã cạo râu, lão xoè bàn tay, để vào cằm, toan vuốt. Muốn khỏi ngượng, lão vội vàng hỏi lại câu khi nãy:

-Thế nào? Quan huyện trông tôi thế nào?

Lê Sung chắp tay, tủm tỉm, đáp bằng ý khi nãy, nhưng thêm tiếng cho câu nói dài hơn:

-Bẩm quả là con trông cụ lớn trẻ và khoẻ ra nhiều.

Lão tuần phủ đắc chí, gật gù:

-Trẻ thì trẻ, chứ ai không gọi tôi là cụ lớn. Người ta kính trọng là ở chức tước, chứ đâu ở bộ râu. Các quan phủ huyện còn trẻ, không để râu thế là phải.

Bỗng cánh cửa phía trong mở ra đánh kẹt, làm ngừng câu chuyện. Một cái đầu thò ra, ngó lão tuần phủ, rồi lại thụt vào. Cánh cửa lại khép lại. Lão tuần phủ nhìn thấy tên

bếp của mình, nên không chú ý. Nhưng thế là câu chuyện về râu bị ngắt. Lão nói:

-Thôi, ta sang chuyện khác. Tôi sức quan huyện lên, vì có hai việc, một việc riêng, một việc công. Tôi nói việc riêng trước nhé.

Lê Sung dạ, rồi ngồi nghiêm chỉnh để lắng tai. Lão tuần phủ im một lát. Lão gãi mép, làm như để nghĩ ngợi, rồi ngọt ngào nói:

-Quan huyện mới về làm việc với tôi, hình như chưa biết lệ là phải nộp nguyệt bổng ngay từ đầu tháng nhỉ?

Lê Sung khẽ đáp:

-Dạ,

Lão tuần phủ mỉm cười, nhìn tên thuộc quan bằng cái nhìn thân mật, âu yếm, để làm dịu nội dung cái mệnh lệnh cương quyết:

-Phải nộp ngay từ đầu tháng, quan huyện ạ.

Lê Sung chắp tay:

-Dạ, cụ lớn dạy, từ nay con xin tuân.

Lão tuần phủ gật đầu để tỏ ý vui lòng. Rồi để khoe khoang sự học thức rộng rãi của mình, lão nói:

-Quan huyện là một ông quan đứng đắn. Phương ngôn Tây có câu: Muốn sai khiến, trước hết phải biết nghe lời. Không biết nghe lời người trên, thì kẻ dưới ai nghe lời mình, phải hay không, quan huyện?

Rồi lão giảng:

-Sở dĩ tôi thu nguyệt bổng vào đầu tháng, là vì trước kia có một vài ông xấu, phải đổi vào trong tháng, thế là xéo thẳng, chẳng nói gì đến tiền nong với tôi nữa.

Bỗng cánh cửa phía sau lưng lão lại mở hé, cái đầu khi nãy lại thò ra, rồi lại thụt vào. Cánh cửa lại khẽ đóng như cũ.

Lão tuần phủ yên lặng một lát, rồi lại mỉm cười, vẫn nhìn Lê Sung bằng cái nhìn thân mật và âu yếm:

-Tháng trước, quan huyện nộp tôi thiếu hai chục. Đến đầu tháng sau, thì nộp bù nhé.

Câu nói không có gì là buồn cười, nhưng lão cười khanh khách.

Tự nhiên, cánh cửa phía sau lại khẽ mở, cái đầu khi nãy lại thò ra để nhìn hai người. Lúc đó, có lẽ vì thấy không khí trong phòng vẫn nghiêm trang, chứ không vui vẻ vì có tiếng cười, nên cái đầu lại thụt vào. Lê Sung nói:

-Lạy cụ lớn, con cũng biết thế là đắc tội với cụ lớn. Nhưng quả thật huyện con khó làm ăn lắm. Món nguyệt bổng con nộp cụ lớn, là con xuất tiền nhà ra để bù, chứ nào đã phải là tiền của dân đâu. Nhân tiện con trình cụ lớn từ tháng này trở đi, cụ lớn bớt cho con cái số độ ngũ thập, chứ không thì không thể kiếm đâu ra được.

Lão tuần phủ nghiêm nét mặt, lắc đầu hai ba lượt:

-Không được! Ở phủ huyện nào, có giá của phủ huyện ấy. Hắn là trước khi về làm việc với tôi, quan huyện cũng biết cái lệ mà tôi định cho từng hạt rồi. Quan huyện có tài cai trị, lo gì.lỗ vốn. Làm quan, khéo vụng là ở mình. Vụng sao bằng ông phủ Chính mà tháng nào cũng sòng phẳng, nữa là quan huyện có tiếng là tốt. Tôi tưởng chỉ một việc bới những vụ làm bậy ra, cũng lấy được khối tiền. Ăn của những thằng làm chính trị mới khó, chứ ăn của những thằng không làm chính trị, của những thằng trọc phú bị gán là cộng sản, thì thiếu gì. Tiền của chúng nó chôn dưới

đất, ta phải móc cho ra. Mà như vậy, vừa được lợi, vừa được danh, vì quan trên cho là mẫn cán, chóng cho thăng chức!

Nói đoạn, lão phá lên cười. Cánh cửa phía sau lại khẽ mở. Và cái đầu thò ra để nhìn. Thấy tiếng cười vẫn chưa ngớt, muốn chừng người bếp cho là cụ lớn đương vui, thì vào bẩm việc chắc chắn là không bị quở. Anh ta rón rén tiến đến cạnh ghế của lão, tay giơ cao miếng thịt bò mà anh mới mua về cho lão nhìn.

Lão tuần phủ đương cười dở dang một nhịp, bỗng thấy người bếp đứng sừng sững ở cạnh, thì lão cau mặt nhìn anh ta. Nhưng khi thấy khoảnh mông bò tươi, đỏ hon hỏn, thì lão dịu nét mặt. Lão ngắm nghía miếng thịt đủ bốn phía, rồi gật gật:

-Được, được! Đừng làm chín quá như lần trước mà dai, nghe chưa?

-Dạ.

-Mà cũng đừng cho nhiều đường quá mà lợ, nghe chưa?

-Dạ.

-Thôi, đi vào.

Nói đoạn, lão nhìn Lê Sung rồi trỏ theo người bếp, hỏi ý kiến:

-Miếng phi-lê này ngon đấy chứ, quan huyện nhỉ.

Lê Sung mỉm cười, đáp:

-Dạ.

-Phi hành mỡ cho khéo thì vừa ngon vừa thơm.

Lão lấy thuốc lá mời Lê Sung một điếu, châm hút, rồi nói:

-Ta tiếp tục câu chuyện khi nãy. Tôi nhắc lại để quan huyện nhớ là từ nay nộp đủ số và nộp vào đầu tháng. Tôi phải nói thêm rằng ăn tiền của bọn nhà giàu bị đổ cho là cộng sản, còn được tiếng là nhân đức nữa. Bởi vì mình tha cho chúng nó, không làm tội chúng nó, thì chúng nó biết ơn mình là công minh, là tử tế. Thế thì muốn lấy bao nhiêu tiền, chúng nó chẳng phải đưa. Tôi tưởng cứ ở huyện ấy, khéo bới móc ra, thì chẳng mấy chốc mà có thêm nhà, thêm đồn điền.

Thấy Lê Sung im lặng, lão tuần phủ mỉm cười:

-Kể ra tôi chẳng cần dạy đĩ vén xống, có phải không quan huyện? Các quan tân học còn thạo hơn chúng tôi nhiều. Nhân vui miệng thì tôi nói vui thế thôi. Bây giờ tôi sang việc công.

Lão làm ra vẻ nghĩ ngợi, một tay gãi cằm, một tay mở cặp hồ sơ ở trước mặt, rồi nói một cách chậm rãi:

-Việc công đây là việc trừng trị những thằng làm bậy. Tôi đã đọc kỹ tờ mật bẩm của quan huyện. Những việc như việc người làng Văn Chương tẩy chay quan huyện, không đón rước quan huyện về kinh lý, việc thanh niên tụ bạ ở sân đình đá bóng, lý trưởng ngăn cấm không được, việc thanh niên đến dọn dẹp nhà tên Na sau khi mẹ và vợ tên này bị bắt, nhất là việc trong làng có cáo thị nói xấu nhà nước Bảo hộ ký là Đảng Cộng sản Đông Dương, mà dán ngay trong tối quan huyện đi tuần vào làng ấy, vân vân, thì tôi cũng đồng ý với quan huyện là ở Văn Chương, tuy tên Na trốn đi, nhưng cộng sản vẫn còn, và nó đương đầu độc thanh niên. Tôi tiếc rằng trong tờ bẩm, quan huyện chỉ trình là cần trừng trị, nhưng không nói rõ là trừng trị thế nào, trừng trị đứa nào.

Lê Sung ngồi nghiêm chỉnh lại, chắp tay đáp:

-Bẩm cụ lớn, cụ lớn quở thế rất đúng. Sở dĩ con không trình việc ấy vào trong tờ bẩm, là do con muốn giữ kín. Không giữ kín thì bị tiết lộ ngay.

Lão tuần phủ gật đầu:

-Phải. Quan huyện sợ tiết lộ, chúng nó sẽ đề phòng, phải không? Cho nên cần đề phòng chúng nó là phải.

Lê Sung lắc đầu:

-Không phải đề phòng chúng nó, mà đề phòng bọn khác, nó tranh việc của bên cai trị, tức là bọn học quan. Con thiết tưởng việc tiễu trừ cộng sản là việc của chính giới, thế mà vừa rồi, bọn kiểm học, huấn đạo đã nhanh tay, hớt trước bên ta một việc, là đến khám trường, rồi kiếm cớ tư bãi dịch em tên Na, làm hương sư. Đáng lẽ việc này là việc của con. Nhưng vì họ nhúng tay vào, thành thử con khó làm việc.

Lão tuần phủ nhún vai:

-Ồ, làm quan ai không mong chóng được thăng!

Lê Sung nói giọng hằn học:

-Con cũng biết thế, nhưng không nên xâm phạm vào phạm vi trách nhiệm của người khác. Việc này, con rất hực. Con xin phép cụ lớn cho con gọi họ là đồ ăn cướp!

Lão tuần phủ can:

-Thôi. Chấp họ làm gì. Chẳng qua họ muốn tỏ ra trung thành với nhà nước. Họ lại như con chó đói.

Lê Sung tươi tỉnh:

-Cụ lớn dạy bọn học quan như con chó đói, con rất hả dạ. Con tưởng cụ lớn...

-Không. Không. Có bao giờ tôi bênh họ. Chẳng qua là

họ biết tin tên Na bị bắt, cho nên mới...

Lê Sung nói tranh:

-Mới ăn hớt, ăn cướp mồi của bên cai trị.

Rồi hắn tiếp:

-Nhưng như vậy là họ phá hoẵng.

Lão tuần phủ ngớ mặt:

-Sao quan huyện lại gọi là phá hoẵng?

-Bẩm thật. Cụ lớn đã giao cho con trọng trách trừng trị cộng sản, thì con đã có chương trình làm việc hẳn hoi. Nay họ thọc tay vào, thành thử chương trình của con bị sộc sệch đi.

Lão tuần phủ gật gật:

-Thật à? Thế chương trình của quan huyện thế nào?

-Dạ, con xin trình cụ lớn. Tên Lê, em tên Na, làm hương sư. Tên này không thể nào không nguy hiểm. Anh nó đi trốn, thế nào rồi nó cũng kế chân anh nó cầm đầu phong trào cộng sản ở làng Văn Chương. Chứng cớ rất rõ ràng. Muốn duy trì phong trào thanh niên ở làng nó, chính nó đến xin với lý trưởng đừng ngăn cấm đá bóng. Thanh niên làng nó vì ai mà đến dọn dẹp nhà nó sau khi mẹ và vợ tên Na bị bắt? Đúng là vì tên Lê, là đầu đàn. Cái yết thị nói bậy bạ, ký là Đảng Cộng sản Đông Dương, vì nó là cộng sản chứ gì?

Lão tuần phủ gật gù, rồi lấy thuốc lá hút một mình. Lê Sung tiếp:

-Nhưng tại sao tên Lê dám ra mặt làm càn? Tuy trước kia, anh nó còn ở nhà, thì nó chỉ ngấm ngầm giúp anh nó một tay đắc lực mà thôi, nhưng bây giờ, sở dĩ nó dám hành động mạnh hơn, là do từ ngày bọn học quan đến doạ bãi

chức nó. Nó không được làm việc nhà nước nữa, thì nó cần gì? Cho nên nó liều. Con giun bị xéo, tất phải quằn.

-Thế quan huyện định đối với nó thế nào?

-Ý kiến của con hôm nay mới trình cụ lớn thì muộn rồi. Là xin cụ lớn khiển trách rất nặng bọn học quan, và cố nói với cụ Sứ đừng bãi chức tên Lê. Cứ để cho nó làm hương sư.

Lão tuần phủ ngớ mặt. Lê Sung nói:

-Việc này có hai điều lợi. Một là để bọn học quan bẽ mặt mà chừa, từ nay đừng xen vào công việc của người khác. Hai là cứ để tên Lê làm giáo học, thì buộc được chân nó trong vòng danh lợi. Rồi dần dần, con dụ dỗ nó, doạ dẫm nó, tất thế nào nó cũng giúp được nhiều việc hay.

-Tức là quan huyện định dùng nó làm thủ túc?

-Dạ.

Lão tuần phủ kéo xệch mép để gãi. Hắn nghĩ ngợi một lát, rồi đáp:

-Được, để tôi sang tòa, trình lại cụ Sứ. Nhưng ngộ không phải nó cầm đầu thanh niên mà là đứa khác thì sao?

Lê Sung cương quyết:

-Không thể là đứa khác. Con biết rõ lắm. Nhưng nếu không phải nó mà là đứa khác, thì càng hay. Con sẽ dùng được nó để theo dõi tinh thần làng Văn Chương mà trừng trị.

Lão tuần phủ gật:

-Phải thẳng tay mới được.

Lê Sung cười:

-Trình cụ lớn, đành rằng phải thẳng tay với bọn nó âm

mưu phá rối cuộc trị an, âm mưu lật đổ chính phủ bảo hộ, lật đổ Nam triều, ta phải coi chúng nó là kẻ thù số một thật, nhưng hiện giờ chưa phải mùa.

Lão tuần phủ cau mặt:

-Chưa phải mùa?

-Thưa vâng. Chưa phải mùa. Là vì thế này, cộng sản họ làm việc có mục đích của họ, con trị họ cũng có mục đích của con. Con trị cộng sản vì nó là kẻ thù đã đành, nhưng cũng vì để được thăng thưởng. Cho nên nếu vừa mới được thăng thưởng, hoặc chưa phải kỳ xuân thủ, mà nếu trong hạt có cộng sản, thì con cũng để dành. Trị cộng sản vào những lúc đó, là không đúng mùa. Cho nên con đợi. Y như nuôi con lợn, đợi đến tết, nó béo, hãy mổ thịt, thì ăn mới ngon.

Lão tuần phủ rũ ra cười:

- Quan huyện nghĩ thật sâu xa.

-Dạ. Con thấy trong hàng phủ huyện, có nhiều người bắt cộng sản rất lung tung. Không phải lúc nào cũng bắt. Thật là phí công. Cho nên hiện giờ, con định cứ làm ngơ cho bọn cộng sản làng Văn Chương muốn làm gì thì làm. Đợi tới kỳ xuân thủ sắp tới, nhằm lúc nào trên Tòa Nhì làm sổ thăng thưởng, lúc ấy con trao mẻ cá rõ lớn, làm ầm ĩ cả Bắc kỳ, thì không thể nào trên Thống sứ quên tên con được.

Lão tuần phủ há thật to miệng để tỏ sự ngạc nhiên về cái kinh nghiệm rất mới:

- À! Thế thì khôn lắm! Khôn lắm!

Rồi chợt nhớ ra, hắn thân mật hỏi:

-Nghe nói quan huyện thân với cụ Đờ, cụ Đuy lắm.

Các cụ hay đến chơi đằng nhà ở Hà Nội phải không?

Lê Sung mỉm cười, đáp nửa úp nửa mở:

-Dạ. Cứ đồn thế.

Lão tuần phủ gật gật:

-Có dịp nào tốt thì giới thiệu tôi với nhé. Bây giờ mới thật đúng chính sách Pháp Việt đề huề. Quan trạng Chương với bà đốc Oanh cũng hẹn tôi đến hầu các cụ. Nhưng tôi phân vân. Không biết nên nhờ vị nào cho đỡ tốn kém, và có kết quả hơn. Cả hai vị đều thân với phó Đô đốc và trung tá lắm.

-Cả hai người đều tốt. Quan trạng Chương thì có cả bà trạng lẫn cô con gái chanh cốm là Lệ Xuân, đều được quan Pháp và quan Nhật phục là đẹp. Nhưng bà đốc Oanh thì thân với quan Pác-xy, có thế lực trực tiếp ở Bắc kỳ hơn. Ngày trước, bà đốc được cụ thống sứ Sa-ten cho phép vào phủ bất cứ giờ nào. Trừ là xin tha cho cộng sản, còn việc gì bà nói cũng được. Cho nên con tưởng muốn gây thế lực, thì dù có tốn kém cũng không nên quan tâm. Cũng như chôn của để dành thôi.

Lão tuần phủ gật gù:

-Thời buổi này, muốn giao thiệp rộng mà có vợ con đẹp, thật là một điểm phúc, cứ thăng vòn vọt như diều thôi.

Thấy tài của mình bị phủ nhận, Lê Sung nói:

-Bẩm vợ con chỉ là trợ lực. Tài cai trị của mình là chính. Thời buổi này là thời buổi khó khăn. Bên cạnh quan Pháp, bây giờ có quan Nhật. Hai quan đều cần việc trị an ở Việt Nam. Cho nên, cụ lớn dạy rất chí lý, là quan trường phải tiễu trừ cộng sản.

Được khen, lão tuần phủ phởn phơ:

-Đúng thế.

-Nhưng mỗi người có một cách trị cộng sản riêng. Như con, con luôn luôn thay đổi chiến thuật. Con Hùm xám nằm yên, bẩm cụ lớn, không phải nó ngủ, mà chính là nó lim dim đôi mắt để rình. Nó không vồ mồi ngay, lại còn làm ra vẻ hiền lành, ngọt ngào, là để nó buông lỏng cho mồi tha hồ mà múa may, nhảy cỡn. Như vậy, nó mới nhìn rõ mồi là những gì, ở những đâu, để khi nó vươn tay ra quờ, thì tóm được cả mớ, không sót một mảy may.

Lão tuần phủ lại "à" ngạc nhiên. Rồi yên lặng một lát, lão hỏi:

-Nhưng mồi cộng sản có riêng là độc quyền của quan An Nam mình đâu? Nó còn là của sở mật thám Tây nữa chứ? Mà giữ không khéo, thì bị mất. Vừa rồi, giáo giới họ chả ăn chặn của quan huyện là gì?

Lê Sung tặc lưỡi:

-Trình cụ lớn, làm gì cái vặt ấy.

-Tức là quan huyện định đến mùa thăng thưởng, sẽ trao một mẻ cá lớn?

-Dạ. Hiện nay đương là thời kỳ nuôi cá. Cho nên con mới có ý dùng thằng Lê. Buộc nó ở chức hương sư, rồi lấy danh lợi dử nó làm môn hạ. Con lại định không những mặc kệ cho thanh niên Văn Chương đá bóng, còn bảo lý trưởng làng ấy là quan huyện sẵn lòng khuyến khích chúng nó thành lập hội thể dục. Và đây cũng hợp với chủ trương của chính phủ bảo hộ. Nay mai, quan Đuy-cu-roa mở trường cao đẳng thể dục ở Phan Thiết, đào tạo cấp tốc một số cán bộ cao cấp về thanh niên và thể thao. Như vậy, thanh niên được trọng đãi, mới hướng vào làm cho phong trào ấy rầm rộ. Để thanh niên Văn Chương đừng theo Nhật, đừng theo

cộng sản Việt Minh, mà vào hội thể dục của làng, tức là lùa chúng vào lưới. Lúc ấy, nếu có chân tay đắc lực ở trong hội, thì dò xét được nhân tâm.

-Nhưng ngộ thằng Lê không chịu thần phục, ngộ thanh niên Văn Chương không dám xin lập hội thì sao?

-Thì càng rõ rệt là thằng Lê làm cộng sản. Nó mà làm cộng sản, thì đúng là nó cầm đầu thanh niên, lập Thanh niên phản đế. Thanh niên Văn Chương không xin lập hội, thì càng đúng là chúng nó bị thằng Lê cổ động xui phản đối ý quan. Bẩm cụ lớn, nghi thằng Lê là không sai, trị thằng Lê là không lầm. Cụ lớn cứ cho phép con được toàn quyền hành động. Ở làng Văn Chương, triệt được một gia đình thằng Na, là triệt được hết mầm mống phiến loạn.

Lão tuần phủ gật đầu. Lê Sung tiếp:

-Làm quan như làm thầy thuốc. Muốn trị bệnh, phải tìm gốc bệnh. Gốc cộng sản làng Văn Chương là ở gia đình thằng Na. Thằng Lê ghê gớm đã đành, nhưng mẹ thằng Na, vợ thằng Na, con thằng Na, không phải những đứa hiền lành đâu. Rồi con mẹ nó từ nó, vợ nó bỏ nó, và tống cổ hai đứa về nguyên quán của chúng nó. Nếu cần, thì bắt chước quan toàn quyền Rô-banh, khi ngài làm thống sứ Bắc kỳ những năm 30, 31, là muốn cho chúng nó khánh kiệt, thì rỡ nhà chúng nó ra và đốt đi. Bố thằng Na chết rồi, nhưng dưỡng hất giáo, phụ chi quá, thì quật mả nó lên, đánh cho ba chục roi vào tiểu. Thẳng tay mấy với chúng nó cũng xứng đáng. Mà có thẳng tay như vậy, mới làm gương cho kẻ khác được.

Lão tuần phủ rùng mình, nhăn mặt một cái. Lê Sung nói:

-Bẩm cụ lớn, quân vô đạo, dù bị mẹ từ, vợ ly dị, cũng

không oan chút nào. Hãy hỏi thằng Na là con mẹ nó già, nó không nuôi, vợ nó đương thì sinh nở, nó bỏ đi, thì nó có hiếu nghĩa không?

Lão tuần phủ gật đầu:

-Cộng sản nó lấy hai tiếng yêu nước làm bình phong giấu tội ác. Chúng nó cộng vợ cộng chồng, cộng cha cộng mẹ, chứ hiếu nghĩa gì. Thử hỏi yêu nước thì làm gì nổi người ta? Chúng nó không tấc sắt, mà người ta thì luật pháp trong tay, lại có nhiều binh lính đại bác, tàu bay, ô tô, bình bịch. Thật là châu chấu đá voi!

Bỗng cánh cửa phía sau mở ra. Người bếp khi nãy lại vào. Lão già nhìn anh ta, hất hàm để hỏi. Anh bếp nói:

-Lạy cụ lớn, xin cụ lớn một hào để mua dấm trộn xà lách.

Lão vừa móc túi, vừa cau mặt, cau nhàu:

-Bẩm với cô Ba hãy ứng ra cho tao có được không? Tao bận việc quan, mà chốc chốc lại năm xu, chốc chốc lại một hào!

Rồi móc mãi cái ví to phồng trong cái túi nhỏ chật, lão tặc tặc:

-Con khỉ!

Lão mở ví, rút tập giấy bạc lẫn lộn những tờ một đồng, năm hào hai hào, một hào và năm xu. Muốn tìm được nhanh, lão đưa ngón tay vào lưỡi, thấm nước dãi, để lật từng tờ nát nhầu và cáu những ghét thập phương. Lão lại thấm nước dãi lần nữa, lần nữa, đổi đi đổi lại mãi, mới chọn được hai tờ năm xu rách nhất và bẩn nhất. Lão vừa giao tiền cho anh bếp, vừa nhìn Lê Sung:

-Tiền của quan huyện đấy. Nát quá. Mà nộp tiền lẻ.

Tôi cứ phải mất thì giờ kiểm lại.

Từ nãy, Lê Sung ngồi không, nên buồn, hắn phải giải trí bằng cách ngắm cái cặp giấy gỗ và lọ cồn chín mươi, cùng nhìn đầu ngón tay và cái lưỡi của vị thượng quan có tiếng là sạch sẽ. Bây giờ bị phàn nàn, hắn vẫn ngồi im để nhận lỗi. Thấy cụ lớn làm xong việc, hắn đứng dậy:

-Trình cụ lớn, con xin về.

Lão tuần phủ làm bộ nghĩ ngợi, rồi hỏi:

-Quan huyện về à? Còn việc gì nữa không nhỉ?

Lê Sung sực nhớ ra:

- À, bẩm cụ lớn, huyện con chờ hạt đay, mà đến bây giờ chưa thấy phát về.

Lão tuần phủ giang rộng hai cánh tay, vẻ thất vọng, rồi bĩu môi, nhún vai:

-Làm thế nào được? Tôi cũng chờ.

-Đất làm sẵn, mà cứ để không mãi.

Lão tuần phủ lại nhún vai:

-Ồ. Kệ. Không làm thế, rồi đánh đùng có hạt đay về, thì xoay sở ra sao cho quan Nhật vừa lòng. Việc về trồng đay, quan huyện phải coi chừng. Thế nào cộng sản chúng nó cũng phá. Hạt quan huyện phải bao nhiêu mẫu?

-Bẩm theo lệnh cụ lớn, phải hơn hai trăm mẫu.

Lão tuần phủ mỉm cười:

-Nói riêng với quan huyện nhé. Không nhất thiết cứ phải hơn hai trăm mẫu đâu. Ví dụ làng nào mà tôi bắt mười mẫu, tức là bên toà chỉ bắt có bảy mẫu, mà là vì quan Nhật định phải năm mẫu.

Rồi lão tặc lưỡi:

-Mà năm mẫu, cũng là quá lên, chứ chính ra họ chỉ cần độ ba mẫu. Cho nên ta đừng ép buộc dân mà chúng nó oán. Nghe đâu cụ Sứ không thật bụng giúp quan Nhật việc này đâu. Ta nên theo ý ngài.

Nói đoạn, lão giơ tay bắt tay Lê Sung, và dặn:

-Những việc tư, việc công tôi nói ban nãy, quan huyện nhớ nhé.

***

-Chú nhỉ. Thế là từ mai, chú ở hẳn nhà.

Biết rằng Lựu thương hại mình, anh Lê âu yếm nhìn cháu, mỉm cười, hỏi đùa lại:

-Mày mong thế, để tao ở nhà với mày cho vui phải không?

Nói đến hai tiếng *cho vui*, bỗng anh sa sầm nét mặt:

-Thế là hai chú cháu cùng thất nghiệp. Vui nhỉ!

Lựu gấp cuốn học bạ lại, nói giọng căm tức:

-Họ làm hại nhà ta thì họ vui. Chứ cháu phải đuổi, chú bị bãi chức, hai chú cháu vui thế nào được?

Rồi Lựu cười khỉnh:

-Nhưng nghĩ cho kỹ, họ cũng chẳng vui được. Bởi vì đuổi cháu, phải có ông huyện, bãi chức chú, phải có ba ông quan, cả ta lẫn tây. Như thế, chả đành giá! Mấy lị, chú cháu mình còn cả đây, chứ có mất đi đâu, mà họ vui?

Anh Lê muốn kháy Lựu, hỏi:

-Còn cả đây, thì làm quái gì?

Lựu đáp:

-Có người thì có việc. Chú Nhã chú ấy bảo bây giờ chú ở nhà, thì làm việc làng. Cháu giúp chú.

-Làm việc làng đã có hương lý, chức dịch, chứ đâu đến chú cháu nhà mình?

-Ý chú Nhã nói làm là làm lợi, chứ không làm hại như bọn kỳ mọt kỳ nát đâu.

Anh Lê cười:

-Nhưng lấy gì mà ăn? Lựu còn bé, bà với u nuôi. Chứ chú ngần này tuổi đầu, chẳng lẽ ăn hại bà với u à?

Lựu không đáp được, thì thở dài, lại mở cuốn học bạ ra, rồi nói bằng giọng chế nhạo:

-Thật là buồn cười! Ông ấy không có cớ gì đuổi cháu, phải nói với thày giáo hiên vào đây là cháu xin thôi học!

Cụ Na sực đi đến, nghe câu được câu chăng, cụ hỏi:

-Ông nào?

Lựu đáp:

-Ông huyện.

Cụ tặc lưỡi:

-Gọi bằng lão, chứ lại ông. Lão ta ác thế kia mà?

Nói đoạn cụ ra sân, để mặc hai chú cháu trò chuyện. Anh Lê hỏi:

-Lão ta không muốn cho mày học, phải nói là mình xin thôi, thì mày nghĩ thế nào?

-Như thế chả danh giá chú nhỉ. Tưởng làm ông huyện thì lắm quyền hành, chả hoá ra đến việc đuổi cháu cũng phải nói dối.

Anh Lê bật cười. Lựu tiếp:

-Thế thì chắc rằng muốn bãi chức chú, họ cũng phải nói dối là chú có nhiều lỗi, chú nhỉ?

Anh Lê lại muốn nói tức cháu:

-Mình ở trong tay họ mà lị!

-Nhưng từ nay, hai chú cháu ta ở ngoài tay họ rồi.

-Chưa gọi được là ra ngoài đâu. Như thày mày mới thật là ở ngoài. Tuy khổ vì vật chất, nhưng sướng về tinh thần.

Rồi muốn thử bụng cháu, anh cố lấy giọng nghiêm trang, bảo:

-Mày đã biết nghĩ, thì tao có việc này, tao hỏi mày nhé.

Lựu trố mắt nhìn chú:

-Vâng.

-Hôm nay tao lên huyện. Ông huyện đưa tao nghị định bãi chức. Ông ấy phàn nàn mãi.

-Phàn nàn gì?

-Phàn nàn là mấy ông học quan không tốt. Ông ấy bảo nếu tao muốn dạy học nữa, thì ông ấy lên xin ông Sứ xoá nghị định này đi, thế nào cũng được.

-Ông Sứ đã ký nghị định rồi, lại xoá đi được à?

-Được. Vì ông ấy là ông Sứ. Bổ hay bãi hương sư trong tỉnh là quyền của ông ấy.

-Thế chú nói với ông huyện thế nào?

-Tao chưa nói. Ông ấy bảo nếu được phục chức, thì tao giúp ông ấy một việc. Là mỗi tháng tao lên huyện, lĩnh lương, thì cho ông ấy biết về các ông giáo học, các ông

hương sư trong hạt, ông nào thế nào, ông nào hay chơi với ông nào, ông nào hay làm những việc gì.

-Ông ấy muốn biết thế để làm gì?

-Tao không rõ. Ông ấy lại bảo nếu tao không muốn dạy học, thì làm thư ký riêng cho ông ấy. Thư ký riêng không phải ở sát với ông ấy tại huyện, mà cứ ở nhà. Mỗi tháng chỉ cần gặp ông ấy một lần, cho ông ấy biết những việc xảy ra ở làng ta và những làng xung quanh. Rồi nay mai, nhà nước mở trường cao đẳng thể dục ở Phan Thiết, ông ấy xin cho đi. Học sáu tháng, được bổ ngay, ăn lương mỗi tháng ba mươi nhăm đồng. Tao thấy như vậy là ông ấy tử tế, muốn cho tao khỏi thất nghiệp. Thế thì tao nên xin ông ấy làm hương sư hay làm thư ký riêng để nay mai đi Phan Thiết?

Lựu chưa đáp, thì cụ Na và chị Na đến. Chị Na hỏi:

-Hai chú cháu bàn bạc với nhau cái gì?

Anh Lê nhắc lại cho mẹ và chị những câu mình vừa hỏi cháu. Cụ Na và chị Na biết là chú thử cháu, nên ngồi lại để nghe. Cụ Na nói thêm:

-Chứ mày ở nhà thì ăn hại bà với u mày, mất cả phần của mày. Đi làm thế thì đỡ cho nhà một miệng.

Lựu gãi gáy, cố suy nghĩ, rồi hỏi:

-Cháu nghe chú nói, thì công việc của chú hình như không phải là dạy học hay làm thư ký thì phải?

Anh Lê cười:

-Thì còn là gì?

Lựu nghĩ ra, sửng sốt nói:

-Thôi, đúng rồi. Là mật thám chú ạ.

Cả cụ Na, chị Na lẫn anh Lê cùng cười vang. Chị Na

nói:

-Nhưng mà no, con ạ.

Lựu bĩu môi:

-No nhưng mà... Chả lẽ chú lại làm việc ấy?

Vừa lúc đó, anh Nhã tới. Thấy mọi người đương cười, anh Nhã chào, rồi hỏi:

-Nhà này lúc nào cũng vui. Có chuyện gì thế?

Anh Lê kể lại cho anh Nhã nghe những lời nói của Lựu, khi biết là chú thử thách, thì Lựu sung sướng.

-Chú làm cháu cứ tưởng là thật.

Chị Na bảo con:

-Những câu lão huyện nói với chú là có thật. Nhưng chú từ chối. Thày mày như thế, đời nào chú mày lại thế kia.

Anh Nhã nói:

-Lão ta khéo dử mồi. Giá phải người tham lam, thì mắc đấy.

Anh Lê kể lại cho anh Nhã nghe:

-Thấy tôi không mắc, lão ta mới bắt đầu cáu. Bao nhiêu việc xảy ra ở làng này, đều đổ cho tôi hết. Lão ta hoạnh: Ai xui thanh niên đá bóng? Ai xui thanh niên tụ họp ở miếu để làm hại lính? Ai xui thanh niên từ chối, không lập hội đá bóng. Ý quan muốn lập hội đá bóng, thì không lấp hội, là phản đối quan. Ai viết yết thị dán khắp làng, ký là Đảng Cộng sản Đông Dương?

-Thế anh bảo sao?

-Tôi bảo tôi không biết, vì tôi không hay về làng.

-Tịt chứ?

-Tịt.

-Nhưng mà ghê thật! Lão ta giở mặt như giở bàn tay. Vừa ngọt ngào dỗ dành, nói như xẻ cửa xẻ nhà đấy, thế mà lúc mình từ chối, lão ta nói sẵng, rồi doạ nạt ngay được.

Cụ Na cười khỉnh:

-Chả thế lại làm nổi quan!

Anh Nhã nói:

-Làng mình không lập hội đá bóng, chắc lão ta cáu lắm. Lão ta thì yêu chuộng gì thể dục mà khuyến khích lập hội? Lập hội là để nắm lấy thanh niên, dò la những tay bướng bỉnh. Bởi vì hội trưởng phải là người của lão ta, hoặc rồi bị lão ta phỉnh phờ, mua chuộc. Rồi trong làng, ai nói gì, ai làm gì, đến tai lão ta hết.

Lựu ngẩn ra nghe, hiểu được, nên reo lên:

- À. Thâm nhỉ!

Chị Na đứng dậy:

-Chẳng thâm lại làm được quan!

Nói đoạn, chị đi. Cụ Na thấy không còn chuyện gì mới lạ, cũng đứng dậy.

Anh Nhã hút xong điếu thuốc, trầm lặng một lát, rồi nói với anh Lê:

-Gia đình nhà ta chẳng may bị bọn tiểu nhân báo thù, làng xóm, họ hàng, bà con, ai cũng ái ngại. Họ triệt đường sinh sống, hòng làm hèn hạ con người, để họ sai khiến cho dễ. Như anh vừa nói, lão huyện định dỗ dành anh làm tay sai cho hắn. Thằng Lựu tuy bé, nhưng cũng biết là làm nghề ấy ăn no nhưng không ngon. Anh đã làm cho lão ta vấp phải đá. Cho nên đau, lão ta định xoay anh. Nhưng mà, anh ạ, tinh thần người ta có thể là sắt đá, chứ dạ dày người

ta không là sắt đá. Bây giờ anh không đi dạy học nữa, thì anh ở làng, thêm vây cánh cho anh em. Nghe tin anh bị bãi chức, anh em buồn thì có buồn, tức thì có tức, nhưng coi việc đó là việc đã đành, nên anh em tính ngay đến sinh kế của anh. Ngày anh Na còn ở nhà, anh Na đã giúp chúng tôi cho các cháu có chỗ học. Bây giờ, chúng tôi lại định nhờ anh giúp chúng tôi, như anh Na. Tháng tháng, chúng tôi đỡ anh chút ít. Như vậy, anh vừa ở được nhà, vừa có việc cho vui, vừa không lo về vật chất, vừa cùng anh em tính toán mọi việc chung, mà các cháu thì có chỗ học. Chúng tôi đã bàn định như vậy, nên tôi đến đây, nói chuyện ấy với anh.

Anh Lê cảm động, đáp:

-Tôi biết là làng xóm, họ hàng, bà con thương xót chúng tôi lắm. Anh em có bụng tốt, định xử với tôi như vậy, làm tôi rất khó nghĩ. Tôi không biết nói thế nào để khỏi phụ lòng anh em. Nhưng việc là việc riêng của tôi, cũng dễ giải quyết, nên tôi chưa muốn phiền đến anh em vội. Để tôi nói rõ cho chú nghe. Anh Na đi thoát ly. Bọn chó săn muốn lấy lòng chủ, đuổi thằng Lựu không cho học, bới lông tìm vết, bãi chức tôi. Bây giờ thằng Lựu ở nhà, tôi ở nhà. Anh em thấy gia đình tôi túng quẫn, lo giúp cho sinh kế. Tôi biết là anh em không nỡ để tôi đói, mà chúng ta còn được góp sức lo toan việc chung. Nhưng tôi nghĩ rằng anh Na đi vắng, để thằng Lựu thất học, tôi không yên tâm. Tôi nhận anh em giúp đỡ, thì riêng tôi có việc và đủ ăn. Nhưng thằng Lựu vẫn phải dở dang. Trình độ của tôi không đủ dạy nó học. Nó là đứa học trò thông minh, chăm chỉ và ngoan ngoãn. Lão huyện muốn triệt mầm mống cộng sản, xui cụ giáo Quí là thầy học nó đuổi nó. Nhưng cụ giáo nhất định không nghe. Bất đắc dĩ chính lão huyện phải đuổi nó. Nhưng vì không tìm ra lý do để gạc tên nó ở sổ nhà trường, lão huyện đành nói với cụ giáo

ghi là tự thằng Lựu xin thôi học. Hôm nay lên huyện lấy nghị định bãi chức, tôi đã vào trường lấy luôn cả học bạ cho thằng Lựu. Ấy là muốn trị một thằng bé, mà một quan lớn đã phải tốn rất lắm công phu. Nhưng cụ Quí thương thằng Lựu lắm. Nhiều lần, cụ khuyên tôi cứ gửi nó trọ trên huyện, để ngày ngày nó đến nhà cụ, cụ dạy cho. Trong học bạ của nó chỉ viết là nó xin thôi học, chứ không là phải đuổi, thì nó vẫn đi thi và tiếp tục học được. Nếu nó ở nhà, rồi nó lêu lổng, phí một đời. Thấy cụ Quí quan tâm đến tương lai thằng Lựu, tôi là chú nó, không lẽ lại thờ ơ. Nhất là bây giờ tôi phải có trách nhiệm nuôi và dạy nó. Không may cho tôi, tôi cũng bị họ xoay, và giựt mất miếng ăn. Nhưng mà từ hôm tôi bị khám, biết là sẽ không bền ở làng Hạ nữa, tôi đã bắt đầu lo tính cho tôi sau này. Và công việc mười phần đã xong chín, nên hôm nay, lên huyện nhận nghị định bãi chức, tôi thản nhiên như thường. Thái độ của tôi làm lão huyện như bị chọc vào mắt. Hắn tưởng tôi chết đói đến nơi, phải lạy lục mà hứng lấy cái ơn huệ hắn ban cho. Mới đầu hắn làm bộ thương xót tôi, nói xấu bọn học quan là không tốt. Hắn làm như tốt hơn bọn học quan, khuếch khoác rằng nếu tôi muốn ở lại dạy học, hắn sẽ làm ơn lên xin Sứ xoá nghị định bãi chức cho. Nhưng hắn mặc cả rằng muốn vậy, tôi phải dò xét anh em giáo giới trong huyện cho hắn. Khi tôi tỏ ý là không muốn làm hương sư, hắn mới dỗ dành làm thư ký riêng, nghĩa là về làng, dò xét mọi người, không những người làng ta, mà cả những người làng lân cận. Hắn dử mồi là sẽ xin cho vào trường cao đẳng Thể dục sắp mở ở Phan Thiết, học sáu tháng, ra được lương ba mươi nhăm đồng. Tôi cũng từ chối nốt. Thế là từ lúc ấy, hắn xoay và dậm doạ, như tôi vừa nói ban nãy. Tại sao tôi có thể khinh những mồi ngon của lão huyện dử tôi? Là bởi vì tôi đã lo trước cho thân tôi rồi.

Cũng bởi vì tôi đã lo trước, cho nên hôm nay bị bãi chức, tôi không coi như việc bất thình lình, mà biết là việc đã đành. Tôi cầm nghị định, mặt vẫn thản nhiên. Nghe dụ dỗ, tôi không chuyển lòng. Nguyên là tôi thu xếp công việc như thế này. Vì cụ giáo Quí thật bụng thương thằng Lựu và muốn giúp nó tiếp tục học để đi thi, nên tôi đến phố huyện để ở. Cụ giáo Quí có người em, là ông Phú, mở nhà dệt vải bằng máy. Ông Phú đóng ba cái máy cho người nhà làm. Ông ta thuê một chỗ khá rộng. Vì có quen ông Phú, tôi nói với ông ấy nhường lại cho tôi gian nhà ngoài, làm cửa hàng. Tôi lại nhờ ông ấy thuê đóng một khung cửi, để cùng làm với ông ấy. Máy của tôi đặt vào một nửa gian. Còn một nửa gian nữa, tôi mở hàng bán sách vở giấy bút. Máy dệt, tôi làm. Cửa hàng, thằng Lựu trông nom. Ban ngày bán hàng, ban tối nó đến học cụ giáo. Việc mua sợi, dệt vải, ông Phú nhận giúp tôi buổi đầu. Việc cửa hàng, thì học sinh trường huyện là bạn của thằng Lựu, chắc rằng không sợ không có khách. Vả lại các ông giáo trong huyện quen tôi đều sẵn lòng cổ động cho cửa hàng của thằng Lựu. Như vậy, tôi với thằng Lựu cùng có việc, mà thằng Lựu vẫn được học thêm để đi thi.

Anh Nhã ngồi yên lặng để nghe. Đến đây, anh hỏi:

-Như vậy, mất khá nhiều vốn đấy nhỉ?

-Không mất mấy. Tôi có vài người anh em tốt bụng, muốn giúp tôi, mới góp nhau mỗi người một tí, cho tôi mượn, thành đủ vốn. Tôi sẽ giả dần từng tháng. Công việc đóng máy, mượn tủ, ông Phú đương tiến hành hộ tôi. Vài hôm nữa, tôi có thể bắt đầu. Tôi định ở nhà hôm nay và ngày mai. Sáng ngày kia, tôi với thằng Lựu lên huyện.

Lựu ngẩn người ra nghe, sung sướng quá, nói:

-Thế mà chú không bảo gì cháu!

Anh Lê cười:

-Chú sắp nói, thì chú Nhã đến. Thành thử chú nói chung cả với chú Nhã lẫn mày.

Anh Nhã hỏi:

-Anh nhất định như thế rồi?

-Nhất định rồi. Tôi đã bàn kỹ với u tôi và chị Na từ lâu. Cả nhà đều thoả thuận như thế.

Anh Nhã vui vẻ nói:

-Càng hay. Như vậy, anh em ở nhà yên tâm và mừng cho anh và cho thằng Lựu.

Lựu nhắc chú:

-Cháu muốn bán cả báo nữa, chú ạ.

Anh Nhã cười, trả lời đùa:

-Rồi hãy hay, ông chủ con ạ!

Anh nói với anh Lê:

-Như vậy, anh bận, ít khi về nhà được nhỉ?

Anh Lê ngậm ngùi:

-Chắc thế. Nhưng mà tôi không trốn việc làng đâu. Tôi ở ngay huyện, làng ta có việc gì mà lọt khỏi tai tôi được. Vả lại người làng qua lại luôn, thế nào chẳng nói chuyện. Tôi chỉ có cái thiệt, là không được ở luôn nhà, bàn tính công việc với anh em. Nhưng lại hãnh diện là cả tôi với thằng Lựu đến ngay cạnh ngõ của họ mà đàng hoàng mưu sống.

Anh Nhã đứng dậy:

-Anh còn ở nhà hết ngày mai. Chúng ta còn gặp nhau.

-Nhờ chú nói giúp với anh em, là anh em có lòng tốt đối với tôi, tôi xin để dịp khác.

***

Đã một tháng nay, buổi chiều, ở sân đá bóng, thỉnh thoảng anh Ban còn có mặt, chứ buổi tối, dù có hai bạn rủ đi nghe đọc báo, anh cũng không đi. Anh Phùng nhắc nhở anh nên dự những cuộc họp, vừa vui, vừa có ích. Song, anh không còn ruột gan nghĩ đến cái gì khác nữa.

Anh buồn và bực lắm.

Là vì độ này, cứ đến tối, lo lắng về nỗi túng bấn, anh hay bàn tính với cụ từ về công việc làm ăn. Nhưng hễ động đả động đến chuyện ruộng nương, thì y như hai bố con phản đối nhau.

Vì đất đã làm cẩn thận, mà hạt đay chưa có, anh Ban định liều, bắt chước những người khác cấy ruộng công trên đồng cao. Họ không chờ, cứ trồng màu. Lý trưởng ngăn cản thế nào cũng không được. Nhưng cụ từ Hoài khăng khăng không cho anh Ban làm thế. Cụ mắng anh là tuổi trẻ, hay nóng nảy, nhẹ dạ, cả nghe, không quen kiên tâm. Quan đã hẹn gửi hạt về thì thế nào cũng có. Quan là người lớn, không nói sai bao giờ. Không trồng đay là vi lệnh, theo luân thường, không khác gì đắc tội với phụ mẫu.

Thấy bố quá cổ nhân, anh Ban chỉ còn cách là vò đầu bứt tai để chịu. Gặt hái xong từ tháng chín đến tháng mười, anh đã cày cả mẫu hai ruộng, để cho khô đất. Tháng một, được mấy trận mưa, anh đã bừa kỹ, và làm nhỏ đất,

đánh luống. Công việc xong xuôi, anh nghỉ ngơi để chờ. Nhưng ngày một ngày hai, hạt đay vẫn không có.

Mỗi lần ra đồng, ngắm ruộng người, anh lại nhìn ruộng mình mà xót xa. Tháng một, anh Phùng, đặt dây khoai đầu tiên ở ruộng anh cho người khác theo. Tháng chạp anh Nhã, ông quyền Lạc, bà Cận, và nhiều người khác nữa, gieo bắp. Họ ví tấc đất là tấc vàng, giục anh Ban trồng khoai, trồng bắp. Nhưng sợ bố chửi là không ăn lời, anh không dám nghe họ. Và tháng này, ăn tết xong, ngay những người nhút nhát nhất, như ông thống Thuật, bà tư Xe, ông khoá Bính, bác đám Thơi, đợi mãi không có hạt đay, họ đã rủ nhau trồng đỗ cả. Chỉ còn ruộng nhà anh, và những mảnh của lý trưởng Sinh, phó lý Kiêu, chánh hội Tuy và phó hội Dương ở trên đồng cao là để trơ cho cỏ xanh um.

Bởi vậy, anh Ban rất khổ tâm. Anh không biết người Nhật có bắt trồng đay nữa hay không, mà sao đến bây giờ, gần hết tháng giêng rồi, vẫn không gửi hạt về. Vả lại, đay gieo vào tháng một, chứ gieo vào tháng này, thì có thổi lên, nó cũng không mọc. Anh thờ thẫn cả người. Ra ngoài, anh ngượng, không muốn gặp anh em thanh niên khác. Anh thích thở than với những người cùng tâm sự, như anh Nhàn, anh Trụ. Về nhà, nếu rời tờ báo ra, anh lại ỉ eo bố, trách móc ông cụ quá tin nghe quan để rước cái đói về nhà. Cụ từ im lặng, chỉ thở dài. Và hối hận, cụ nói:

-Nào ở đời có ai học đến chữ ngờ!

Lại từ lúc thấy dưới đồng sâu, lúa mọc tốt, trên đồng cạn, ngay ở ruộng của những người phải trồng đay, khoai đã tròn khúm, bắp đã cao đến gần ba gang, đỗ đã lấm tấm vươn lên, và thỉnh thoảng gặp anh Nhã, anh Phùng giác ngộ quyền lợi, anh Ban càng giận mình ngu dại và oán bọn

quan lại, bọn đế quốc vô nhân đạo, để mặc cái chết cho dân.

Làng sắp vào đám. Trên lưng chừng cây bàng ở góc sân đình, lá cờ đại đỏ loè đã bay phấp phới. Được quan cho phép mở hội chơi xuân, cho đến chín, mười giờ khuya, từ ông già đến trẻ con, ai nấy vui vẻ, ra nơi công cộng, ngồi ở hàng nước, hàng quà mới dựng lên, có thắp đèn sáng linh tinh. Người nào cũng mong được xem tế, ăn cỗ, đánh vật, đánh đu, nghe hát nhà tơ, xem phường chèo. Riêng cụ từ Hoài và anh Ban nằm thầm với nhau ở nhà, buồn rưn rứt.

Bỗng giữa hôm vừa cúng tế linh đình xong, thì một tin bất ngờ làm đến nửa làng phải sửng sốt. Có giấy quan sức thượng khẩn lý trưởng phải thân dẫn những người trồng đay mang tiền đến Trại canh nông tỉnh, lĩnh đay con về.

Anh Ban mừng rỡ. Thế là đất của anh khỏi phải bỏ phí. Nhưng sao đi lĩnh đay còn phải mang tiền? Bao nhiêu? Để làm gì? Lại còn nông nỗi phải góp khoản cơm nước rượu chè cho lý trưởng! Thế mà trong nhà, anh không còn một đồng một chữ.

Vì không vay ai được, sáng hôm sau, anh Ban đành quang thúng đi người không. Cùng lên tỉnh với anh, có anh Nhàn, anh Trụ, vợ phó lý Kiêu, vợ phó hộ Dương, là những người có ruộng chưa trồng gì. Ngoài ra, có bác đám Thơi, bà tư Xe, mỗi người còn vài thước vườn bỏ trống. Những người đã trồng màu rồi, nhất định ở nhà, không chịu lĩnh đay. Họ lấy lý rằng không còn ruộng thừa. Bất đắc dĩ, đất chẳng chịu trời thì trời phải chịu đất, lý Sinh sợ muộn, nên đành dẫn bảy người đi.

Đến Trại canh nông, anh Ban thấy một người viên chức bảo họn anh đợi, nghe hướng dẫn cách trồng đay. Anh chán phè. Anh chỉ mong được lĩnh ngay đay để về,

kẻo tối. Một lát, người viên chức vừa nhìn vào cuốn sách, vừa giảng đại khái:

"Đây là giống cây không ưa nước, cho nên phải mọc trên đất cao. Ở bên Tây, người ta trồng nhiều ở xứ này, xứ nọ"

Nghe tên tiếng Pháp, anh Ban chẳng hiểu là cái ù cạc gì. Anh liếc mắt, tủm tỉm cười với anh Nhàn, anh Trụ.

"Phải gieo hạt đay vào tháng 12 tây, tức là tháng một ta. Rồi cấy trên luống, mỗi gốc cách nhau độ 80 phân. Mỗi sào đánh độ sáu luống, làm đất cho nhỏ, rồi trồng, mau thì 500 cây, thưa thì hơn 400 cây. Cuối tháng 5, đầu tháng 6 ta, đay cao gần 2 thước. Lúc ấy, chặt được, bó từng bó, ngâm xuống ao, rồi lấy chày đập cho róc vỏ, để bỏ lõi, lấy cùi. Mỗi sào tốt thu hoạch đến 50 cân. Phơi được nắng thì đay trắng, rất đẹp, được xếp vào hạng nhất, bán đắt."

Nghe đến điều muốn biết, anh Ban hỏi:

-Bán đắt là bao nhiêu?

Người viên chức lắc đầu:

-Tuỳ thời giá, tôi không biết.

Không học thêm được điều gì mới lạ, anh Ban luôn luôn bấm anh Nhàn và anh Trụ để cười với nhau. Người viên chức nói tiếp:

-Vì đến tháng này mới gieo hạt thì không kịp, nên Trại canh nông phải tìm con đay giúp dân. Dân phải mua. Nhưng Trại rộng cho những người chưa lo kịp tiền được chịu lại, sau này, khấu vào tiền bán đay.

Anh Ban hỏi:

-Trại bán bao nhiêu tiền?

Người viên chức lại lắc đầu:

-Không rõ.

Đoạn người ấy đưa bảy người đến góc vườn đằng trước, chỗ để con đay, xếp thành mười đống, có đề tên mười phủ huyện. Ban nãy, lúc thoạt vào, anh Ban đã trông thấy những đống ấy. Anh không ngờ là đay. Anh tưởng cây định để mục, thí nghiệm làm phân xanh. Đến đống của huyện anh, ngồi xổm xuống để nhìn cho kỹ. Cây nào cũng gày gò, thân mềm oặt, lá héo quắt. Hỏi ra, anh mới biết đay này từ tỉnh khác tải về đã hơn một tuần lễ. Nó là số còn thừa lại của những người gieo quá nhiều mà cấy không hết.

Anh Ban chán nản, nói nhỏ với bà tư Xe.

-Hèn nào! Cây chẳng khẳng khiu, ủ rũ như thằng ốm đói. Còn đâu của tốt đến phần mình!

Vì không lấy không được, anh Ban lẩm nhẩm tính. Thấy giống xấu quá, anh chỉ định lấy ba nghìn cây để cấy sáu sào thôi. Anh chọn những con xếp ở tận dưới cùng, chưa bị phơi nắng. Nhưng người viên chức ngăn lại, bảo phải lấy lần lượt, từ trên xuống dưới, từng mớ bó sẵn trăm một. Anh Ban lắc đầu, thở dài. Không lẽ về không, anh đành nhắm mắt bỏ hai mươi bó vào thúng, để rồi về lựa lại, cấy vào ba sào vậy.

Khi thấy cả ba người lấy xong phần của họ rồi, mà đống đay không vợi, người viên chức biết ngay là vì họ chê đay xấu. Người ấy bảo lý trưởng mở sổ xem từng người phải trồng bao nhiêu và đã lấy bao nhiêu, để ép họ mua thêm. Nhưng lý trưởng thấy chính ngay con trai là anh Nhàn, phản đối đầu tiên, nên nghĩ đến quyền lợi riêng, hắn không bắt buộc ai nữa. Hắn nói:

-Làng tôi còn hơn tám mẫu phải trồng đay, nhưng vì đã trót làm màu rồi, nên người ta không chịu đi.

Tìm ra nguyên nhân vì sao đay bán không chạy, người viên chức nói:

-Cả đống đay này là của dân. Trại chỉ mua giúp dân, chứ không giữ cho dân. Dân không lấy mà để thối, thì tôi mặc kệ, dân phải chịu tiền. Làng nào không trồng đủ, không có đay bán cho Nhật, thì lý trưởng chịu trách nhiệm.

Rồi muốn khỏi ế hàng, người ấy xui:

-Ông lý đi mà trình quan. Chứ chịu để cho dân bướng bỉnh bỏ đay à?

***

Thông sự Hào về làng Văn Chương. Hắn biết là quan đã sai lời với dân, nay thấy lý trưởng trình dân không trồng đay, thì không lẽ im đi, nhưng nói thì khó nói, nên quan đùn cái khó này cho hắn.

Hắn bảo lý Sinh cho gọi những người phải trồng đay đến. Nhưng anh Nhã nói:

-Ai muốn trồng đay thì đến. Tôi không còn đất, tôi không đến.

Ông quyền Lạc không đồng ý:

-Cần gì? Cứ đến, xem ông ta nói ra sao. Lỗi ở quan không đúng hẹn chứ?

Anh Phùng tán thành anh Nhã:

-Đến làm quái gì! Để nghe ông ta hắt trồng đay à! Ta

đã trồng màu rồi, đến thì khó trả lời.

Thế là ông quyền Lạc nghe theo, cũng ở nhà.

Những người khác thấy mấy tay ăn nói không đến, nên cũng không ai đến.

Thông sự chờ mãi không thấy người nào, thì hắn thích. Hắn đỡ phải diễn thuyết bằng những lời suông nhạt mà hắn chắc chẳng ai buồn để vào tai. Nhưng không lẽ về không, hắn đành làm việc điều tra. Hắn ghi tên những người không trồng đay, những người chưa trồng hết đay, cùng số ruộng của họ. Rồi hắn về huyện.

***

Biết rằng công sứ Vát-xi không mặn giúp người Nhật trong việc trồng đay, nên Lê Sung hờ hững. Nhưng khi thấy thông sự không giải quyết được gì, đem khó khăn trả lại hắn, hắn bực lắm. Vì theo nếp nghĩ của những người có quyền đàn áp, quen xoá cái lỗi của người trên để đổ cả tội cho người dưới, cho nên hắn cho việc này, một mặt vì người thuộc hạ của hắn vô quyền, lại bất lực đã đành, nhưng một mặt, thế nào dân làng Văn Chương cũng bị cộng sản xui bẩy. Không có bàn tay của cộng sản nhúng vào, không thể có sự đồng lòng nhau và hành động táo bạo được.

Muốn cho thông sự nhận hắn mọi lỗi, đừng đổ là tại quan hứa phượu, Lê Sung cau mặt, gắt:

-Thầy kém cỏi thế, thì chúng nó ì nổi lần này, đến lần khác, chúng nó quen đi, cũng ì nốt, thì làm thế nào cho

chạy được việc. Sao không lôi cổ chúng nó lên đây cho tôi?

Thông sự sợ bị quan bắt đi lần nữa, hắn đành đứng im, không cãi, Lê Sung lại mắng:

-Thầy đại diện tôi, mà nhu nhược, có khác gì tôi nhu nhược. Không có đủ số đay, thì sau này, tôi nói năng thế nào với người Nhật. Thầy không biết rằng ở nhiều nơi, người Nhật còn bắt nhổ lúa, nhổ màu lên để trồng đay à? Sao thầy không làm thế?

Thông sự gãi tai, đáp:

-Bẩm bắt người hay nhổ lúa, nhổ màu, thì phải quan lớn đem lính về, chứ một mình con, thật con không làm nổi. Vả con không dám tự tiện.

Lê Sung im, rồi hỏi:

-Đứa nào cầm đầu việc không trồng đay, việc không đến nghe thầy hiểu dụ?

Thông Hảo nghĩ một lát, nói:

-Hình như không có đứa nào cả. Con thấy lý trưởng nói là ruộng vẫn chờ để gieo giống. Nhưng vì mãi không có, nên dân cho là quan Nhật không bắt trồng đay nữa.

Lê Sung lắc đầu:

-Không phải. Lý trưởng Văn Chương tai điếc, mắt mù. Nó cũng làm tôi điếc và mù lây. Nhất định không phải vì không có hạt đay.

Con xét hắn nói có lý, vì còn bảy gia đình để đắt đợi, mới đi lĩnh con đay về.

Lê Sung cười:

-Tôi là quan, tôi biết. Thế nào cũng có cộng sản cầm đầu. Vả lại, ở làng khác tôi còn xét kỹ, chứ ở làng Văn

Chương, thì không phải ngờ vực gì. Cộng sản nó lắm mánh khóe, thủ đoạn. Chính vì chúng nó muốn hịt mặt ta, nên mới để lại bảy gia đình. Nhưng bảy gia đình này là những gia đình nào? Thầy điều tra rồi mà không nhận ra à? Có phải bốn gia đình đều là lý phó trưởng, chánh phó hội, mà cộng sản sợ không dám đụng đến hay không? Còn ba gia đình kia; hai đứa đã trồng màu rồi, còn một đứa không lấy đủ số đay phải trồng. Thế đấy. Thầy cãi nữa đi.

Để thông sự nghĩ ngợi, hắn hất hàm, hỏi:

-Thầy đã thấy cộng sản nó làm việc kín đáo, khôn ngoan chưa? Nhưng kín đáo, khôn ngoan mấy mà lọt qua được mắt tôi?

Thông sự tủm tỉm:

-Dạ.

-Hắn bây giờ thầy mới rõ việc này không thuộc về phạm vi kinh tế nữa, nó hoàn toàn là chính trị.

Lê Sung lấy thuốc lá, đánh diêm, hút vài hơi, rồi hỏi:

-Đứa nào thủ xướng việc trồng màu, thầy có hỏi lý trưởng không?

-Bẩm không. Con vẫn cho là không có ai thủ xướng, bởi vì dân chờ không có hạt đay, thì lo đói, nên không lẽ lại bỏ đất không, chúng nó phải trồng thứ ăn được. Vả lại thằng Na cút rồi. Thằng Thụ thằng Tụng làm ăn trên tỉnh, ít về làng. Còn thằng Lê đáng tình nghi nhất hồi này, thì hiện giờ nó ở phố huyện.

-Thằng nào trồng màu đầu tiên thì nó là thủ xướng chứ đứa nào?

Thông sự cười:

-Thế thì con không để ý.

-Mà thầy tưởng bốn thằng không ở làng, thì chúng nó không can dự đến việc này phải không? Chúng nó can dự để cho thầy trông thấy à? Tôi đã bảo ban nãy là thằng lý trưởng Văn Chương vừa mù vừa điếc, cho nên nó cũng làm cho quan mù với điếc. Thầy thử tính xem. Thằng Lê làm máy dệt với mở hàng sách, có đủ cho hai miệng ăn không? Nó phải được cộng sản nuôi trong huyện này.

Thông sự được nghe những điều hay, nên chỉ:

-Dạ.

***

Tối hôm vừa giã đám, hát chèo vừa vãn trò, các hàng quà bánh đương lục tục dọn về, thì Lê Sung đến làng Văn Chương. Theo hắn, có thông sự, cai cơ, và năm lính súng. Hắn lấy bốn người lính ở miếu nữa, rồi vào thẳng nhà lý trưởng. Tin quan với lính đến, mà đi ít người như mọi khi đi tuần, làm cả làng ngơ ngác, hồi hộp. Bỗng độ một giờ sau, ở khắp các ngả đường, tiếng gót chân chạy rầm rập. Dân thấy lính vào nhiều nhà để bắt người, nên sợ quá. Không ai hiểu, mà chính cả những người bị bắt cũng không hiểu vì lý do gì. Bảo rằng đây là cuộc đàn áp những người làm chính trị thì không phải. Vì ngoài anh Nhã, anh Phùng, anh Thung, anh Thế, anh Xích, anh Bằng, anh Lung v.v... là những người bị tình nghi, còn có cả bác đĩ Còm, chị Vít, hiền lành như cục đất, cũng bị bắt. Bảo rằng đây là quan truy nã những người không trồng đay, cũng không đúng. Vì sao cả anh Ban và bà tư Xe cũng bị trói? Vì vậy, sợ mình không thoát, người làng kéo nhau đi trốn. Mẹ bồng con thơ, con dắt bố ốm, người ta xé rặng rào,

chui sang nhà hàng xóm, rồi run như cầy sấy, họ núp giữa bụi chuối, nằm ở dưới rãnh, chui vào lòng cống. Nhưng họ chỉ gây thêm náo động, hoảng hốt, khủng khiếp lẫn cho nhau. Hai mươi ba người đáng bắt đều đã giải cả đến ngồi im lặng trước mặt quan rồi.

Vì tên tri huyện không tuyên bố là những người này có tội gì, nên anh Ban thấy oan và ức nhất. Anh đã kiên gan bỏ đất không để chờ. Hai nghìn con đay mang về, anh cố lựa chọn mãi, bỏ đi mất gần một nửa để trồng lên ba sào. Tuy bị thiệt thòi vì phải vứt đay xấu đi, nhưng anh tự an ủi rằng trồng thưa thì cây dễ lớn. Anh bón mỗi luống một gánh phân bắc. Anh tát nước, làm cỏ cẩn thận. Thấy cây đã hồi, ngọn đã ngỏng lên, anh mừng lắm, mới bắt đầu đi xin dây khoai, và vay giống đỗ, điền vào chín sào còn lại. Anh đương mê say và vội vàng, vì mười phần mới được ba, thì anh bị bắt. Thế là công việc bỏ bễ, đến bao giờ anh mới được về? Anh không biết. Nhưng chắc chắn là bố anh buồn và gia đình anh bị đói.

Ngồi trước mặt quan, ở sân nhà lý trưởng, hai mươi ba người không được hỏi han gì. Đến giữa trống ba, quân đồn với chín người lính, nai nịt gọn gàng, dẫn họ đi như dẫn tù.

Đến huyện, họ vào trại giam.

Lúc này họ mới được dùng đến miệng của họ. Bà tư Xe khóc tỉ tỉ. Anh Ban thỉnh thoảng lại kêu trời. Phải ngồi trong buồng tối, trên đất ẩm, với kiến, với muỗi, ai cũng mệt nhoài. Anh Nhã đoán cuộc bắt bớ này là do việc trồng đay. Muốn giữ vững tinh thần mọi người, anh khuyến khích họ và dặn là đi đến đâu, cũng đổ lỗi cho quan huyện không gửi hạt đay về, cho nên dân không chờ, sợ chết đói.

Nhưng ở huyện, họ cũng không được lấy cung. Hôm sau, thông sự Hào chỉ hỏi họ và tên tuổi, số ruộng của họ

trên đồng cao, họ đã trồng những thứ gì, vào ngày nào, nay còn bao nhiêu đất để trồng đay, có đi lấy đay hay không, nếu có, thì đã lấy bao nhiêu để cấy trên bao nhiêu đất.

Rồi hôm sau nữa, cả hai mươi ba người bị giải tỉnh, dẫn đến sở mật thám một lát, rồi tống sang đề lao.

Nằm trong nhà pha, bà tư Xe vẫn khóc ti tỉ. Anh Ban vẫn thỉnh thoảng lại kêu trời. Ai cũng rã rời.

Qua năm ngày đằng đẵng, họ mới lần lượt được dẫn sang sở mật thám, để khai căn cước. Và cũng chỉ khai căn cước thôi. Rồi lần lượt mỗi người bị quay điện vài vòng cho dẫy nảy lên. Thằng Phu-tít cho là họ vô tội. Nhưng trước khi trả lại tự do cho họ, nó bắt họ nếm cái vị thông thường nhất của đòn mật thám, cho mà sợ, từ nay đừng có ngo ngoe gì.

***

Ô tô của toà sứ tỉnh này, tuy là xe cỡ bốn chỗ ngồi, nhưng từ ngày nó được mua về dùng, hoạ hoằn nó mới phải chở đến ba người. Thường thì chỉ có viên công sứ ngồi ghế sau, và người tài xế ngồi ghế trước. Nhưng sáng hôm nay, nó tải gấp ba ngần ấy.

Ghế đằng trước, từ trái sang phải, trừ người tài xế, có tri huyện Lê Sung, rồi đến thông sự Hảo. Người này bị cái chum đựng mỡ lèn chặt cứng, mất cựa. Ghế đằng sau, ngồi chính giữa, là một người Nhật Bản để ria mép, đeo kính trắng. Hai bên, một bên là một người Việt Nam trẻ, biết cả tiếng Pháp lẫn tiếng Nhật, làm thông ngôn, và một bên là

một người Pháp đã đứng tuổi, nhưng môi và cằm nhẵn thín, là chánh lục lộ ở tỉnh. Tuy hai người da vàng nhỏ bé, ngồi không mất mấy chỗ, nhưng người da trắng, vì khổ quá lớn, nên sợ cọ xát vào con cháu Thiên hoàng, hắn cứ phải chụm khít hai cẳng với nhau, và thu gọn mình cho thật né hẳn sang bên cạnh.

Xe chạy trên đường cái nhựa, đến đầu làng Nhạc Lịch, chỗ ngã ba rẽ vào làng Văn Chương, thì dừng bánh. Vì ô tô rộng ngang, đường này lại gồ ghề, còn nhiều rãnh tát nước chưa lấp, nên năm người xuống đất.

Người Nhật Bản đứng nhìn các làng ở trước mặt, rồi mở cặp, lấy ra tờ địa đồ. Chánh lục lộ, tri huyện, thông sự, đứng lại gần hắn để sẵn sàng có mặt, nếu hắn cần. Nhưng chẳng nói chẳng rằng, một lát, hắn gấp tờ giấy lại, và vẫn lầm lì, hắn đi. Hắn đi trước, bước nhanh thoăn thoắt. Sau hắn, là người thông ngôn. Sau người thông ngôn, là chánh lục lộ. Sau chánh lục lộ, là tri huyện. Sau tri huyện, là thông sự. Năm người đi hàng một, cũng không ai nói với ai. Con đường mòn luỹ tre làng Nhạc Lịch vắng tanh. Trời xanh cao vút. Nắng đầu mùa hè như nhóm lửa. Chỉ nghe thấy nước gót giày nện thình thịch trên nền đất rắn.

Đi chừng hơn năm trăm thước, đến một lối rẽ nhỏ, người Nhật Bản đứng lại. Hắn ngẩn ra nghĩ, rồi theo lối rẽ, vào làng. Bốn người không phải là Nhật Bản thì không hiểu, nhưng không dám hỏi, cứ phải lẽo đẽo đi sau. Người Nhật Bản không lầm đường. Hắn đã thuộc địa đồ. Hắn tiến về phía đình làng Nhạc Lịch. Gần đến nơi, trông thấy đình, hắn không đi nữa, mà cũng không đứng lại. Hắn quay ngay trở ra. Theo lối vừa vào, đến chỗ rẽ, hắn sang làng Văn Chương. Cảnh nông thôn tĩnh mịch, lặng lẽ. Nhưng tiếng thở của hai người ở hàng thứ ba và thứ tư, bây giờ nghe rõ

hơn trước, và được đánh nhịp bằng tiếng gót giầy đi nhanh như chạy.

Qua cầu, năm người vào làng. Vì không có ai đánh mõ báo, nên người lính canh nằm ở trong miếu, không biết để ra hỏi thẻ và khám đồ đạc. Người Nhật Bản như thuộc đường. Trên lối rộng một trượng, có lát gạch phẳng phiu này, hắn vẫn rảo cẳng đi trước. Đến ngả ba đầu tiên, hắn rẽ tay trái. Đến ngả ba thứ hai, hắn rẽ tay phải. Rồi cứ thẳng thế, hết xóm thượng, qua hơn trăm thước trên đồng ruộng, hắn đến xóm Lẻ, thì mái xám đình làng, đồ sộ, đã lộ sau rặng cây xanh. Hắn tiến thẳng đến sân đình, lên năm bậc đá, rồi vào trong.

Từ lúc có tin quan về, dân làng Văn Chương đồn nhau. Thấy có người Nhật Bản, họ sợ hãi. Nhưng khi nhận ra là người này không đi với lính, họ đoán không phải hắn về bắt người, hoặc bắt nhổ màu để trồng đay như họ thường nghe nói. Nhưng người lớn vẫn hồi hộp, đứng sau hàng rào để nhìn ra. Trẻ con, chưa biết lo ngại và sợ sệt, kéo nhau đi theo để xem.

Người Nhật Bản vào đình. Hắn đứng giữa, nhìn trước, nhìn sau, nhìn bên phải, nhìn bên trái. Rồi hắn lên bục. Bốn người cũng lên theo. Hắn đứng yên, ngẫm nghĩa. Rồi hắn lấy gót giầy nện xuống sàn gỗ xem có chắc chắn không. Một lát, người Nhật Bản chẳng nói chẳng rằng, lầm lì xuống bục, xuống thềm, rồi thoăn thoắt đi. Bốn người lại đúng trật tự cũ, rảo bước theo sau. Trông y như họ chơi rồng rắn.

Người Nhật Bản theo lối vào khi nãy để đi ra. Hết xóm Lẻ, qua hơn trăm thước trên đồng ruộng, hắn vào xóm Thượng. Nắng càng dữ dội. Hai người ở hàng thứ ba và thứ tư, không những chạy theo, không những thở, mà luôn

luôn còn phải lau mồ hôi trán.

Đến chỗ ngả ba thứ hai khi nãy, người Nhật Bản không rẽ tay trái để ra về, mà lại rẽ tay phải, lối sang làng Văn Xá. Năm người vẫn cứ hàng một, đi hùng hục. Phía trong hàng rào, nhiều mặt vẫn thập thò nhìn ra. Trẻ con vẫn theo sau mà chẳng hiểu để làm gì. Một vài con vằn, con vện, thấy người lạ, thì cắm cổ chạy về rặng nhà, rồi quay đầu ra, hai chân trước giữ thế thủ cho thật chắc, nó sủa hàng tràng dài.

Lúc ấy, lý trưởng Văn Chương mới hớt hải đến.

Khăn áo chỉnh tề, lý Sinh đứng dẹp sang cạnh đường, lần lượt vái năm vái để chào năm quan. Năm người nhìn thấy hắn vái, nhưng làm như không nhìn thấy. Không đầu người nào nhúc nhích để trả lời. Trừ tri huyện với thông sự, không ai hiết hắn là ai. Là lý trưởng sở tại, hắn không thể không theo hầu các quan. Hắn bèn đóng vai người thứ sáu để nối vào cái đuôi rồng rắn. Người thông sự bấy giờ mới quay lại, tủm tỉm cười với cái người đi hạng bét thay mình. Lý Sinh vốn chậm chạp, cứ phải cúi gầm đầu, vung mạnh tay, soạc cẳng ra để bước. Thật là vất vả.

Một lát, qua một nhà ở cạnh đường, bỗng hắn chạy vội vào. Khi hắn ra, tay hắn cầm cái ô đen bạc màu, vừa chạy, vừa giương. Hắn tiến kịp, rồi vượt lên trước người thông sự. Đi sau quan huyện của hắn, hắn giơ cao ô lên. Nhưng hắn không che cho hắn. Hắn đưa cái ô ra đằng trước để che cho vị phụ mẫu. Ba người mặc âu phục đã có mũ đội đầu. Riêng quan nhà phải nắng. Hắn ái ngại, không đành tâm. Nhưng tự nhiên Lê Sung thấy có bóng râm ở đầu, thì quay lại. Thấy lý trưởng che ô hầu, hắn vội vàng cau mặt, lấy tay hất nghiêng ô ra ngoài. Lý Sinh thấy quan tỏ ý không bằng lòng, thì không hiểu ra sao. Hắn sợ quá,

lại cầm thẳng cái ô cho bóng râm đứng vào đầu quan. Nhưng lần này Lê Sung vừa hất mạnh ô đi, vừa quay lại, tặc tặc lưỡi. Lý Sinh hiểu ý, vội vàng cụp ô lại.

Tất cả những việc xảy ra vừa rồi, những người đi ở hàng trên không trông thấy. Người Nhật Bản vẫn thoăn thoắt đi. Và những người theo sau vẫn chạy, vẫn thở và vẫn luôn luôn lau mồ hôi trán.

Họ qua đường đồng chừng một cây số thì vào làng Văn Xá.

Đường làng này nhỏ bé, ngoằn ngoèo, lắm ngõ ngách. Người Nhật Bản mở địa đồ ra xem, rồi lại xăm xăm đi. Hắn rẽ bên phải, rẽ bên trái, rồi lại rẽ bên trái, bên phải. Hắn tới đình. Nhưng ở đây, cũng như ở Nhạc Lịch, hắn dừng một tí để nhìn đình, rồi mặt vẫn lạnh như tiền, hắn quay trở ra ngay. Những người theo sau, không được nghỉ chân, ai nấy mệt lử.

Nhưng người Nhật Bản vẫn nhanh nhẹn. Hắn lầm lì đi. Gần vào làng Văn Chương, hắn tạt xuống một thửa ruộng đay mọc xờ xạc, nhặt một cục đất, gói giấy cẩn thận, rồi đút vào túi quần. Không còn việc gì ở Văn Chương, hắn đi thẳng sang Nhạc Lịch. Trước cửa miếu, năm người lính cơ mặc binh phục, đứng xếp hàng dọc, bồng súng chào. Bọn chơi rồng rắn nhìn một cách thản nhiên. Họ tiến thẳng ra đường cái nhựa, đến chỗ ô tô đỗ chờ.

Người Nhật Bản nói với người thông ngôn. Người này dịch cho Lê Sung nghe bằng tiếng Pháp:

-Ông ấy bảo đình làng Văn Chương rộng, sẽ chọn làm kho. Năm người lính ban nãy sẽ dọn đến ở đấy để gác kho. Ông đôn đốc ngay việc mở rộng con đường này cho xe cam-nhông vào.

Lê Sung chắp tay vâng dạ. Nhưng hắn có một điều lo ngại mà không dám tỏ thẳng với người Nhật. Hắn phải nói với người Pháp:

-Đường từ đây vào đình Văn Chương thuộc hai làng khác nhau. Chỗ này là địa phận Nhạc Lịch, không thuộc huyện tôi cai trị.

Chánh lục lộ không dám giải quyết thắc mắc của tri huyện. Hắn nhún vai. Nhưng người thông ngôn đã nói ngay cái ý của Lê Sung với chủ. Thì người Nhật Bản đáp:

-Không hề gì. Tôi sẽ bảo ông Sứ cho quyền ông làm cả con đường này. Nếu cần thì ông chánh lục lộ cứ thêm người giúp việc. Tổn hao bao nhiêu tiền, ông tính, rồi khai và lấy ở sở Kho bạc.

Nói đoạn hắn lên xe.

Chờ cho ở hàng ghế sau, ba người ngồi xong xuôi, Lê Sung đóng cửa xe lại, rồi đến hàng ghế trước. Hắn vừa chui đầu vào, thì bất đồ người Nhật Bản hất tay vào mặt hắn một cái khá mạnh. Hắn vội vàng thụt ra ngoài. Thông sự Hảo sợ, lùi nhanh ra xa. Người Nhật Bản long lanh đôi kính nhìn Lê Sung, lầu bầu nói. Người thông ngôn dịch:

-Ông ấy bảo ông ở lại, làm ngay đường cho xong.

Cửa xe đóng ập. Xe chạy. Lê Sung vái theo, rồi đứng lại nhìn. Được nhẹ nhõm, hắn thở đánh phào, trật khăn ra để hứng gió. Hắn nhìn người thuộc hạ, bĩu môi, lắc đầu.

Lý Sinh không hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Bây giờ thấy còn một mình quan ở lại, hắn được tự do giương ô ra để che đầu. Hắn nói:

-Xin rước quan lớn lại gốc đa kia nghỉ cho đỡ mệt.

Lê Sung không đáp, để vậy cho lý trưởng che ô cho

mình, thong thả đến chỗ có bóng râm mát. Bỗng sực nghĩ ra một điều, hắn cau có với thông sự.

- À, lại còn nông nỗi này. Chốc nữa đi về bằng gì đây!

Lý Sinh nhắc:

-Bẩm trên ga sẵn xe ạ.

Lê Sung gật đầu:

-Gọi cho tao xe cao su. Xe sắt đi xóc lắm. Tìm cái nào sành sạch ấy.

Lý Sinh hỏi:

-Bẩm quan lớn về huyện bây giờ?

Lê Sung cau mặt:

-Về trong Văn Chương, chứ về huyện thế nào!

-Dạ. Thưa trưa hôm nay, rước quan lớn xơi cơm ở trong con.

Lê Sung gật:

-Được.

Lý Sinh nhanh nhẩu nói:

-Xin phép quan lớn cho con về trước, bảo người nhà làm cơm.

Lý Sinh đi được dăm bước, bỗng Lê Sung gọi lại:

-Mày hãy đi tìm xe cho tao, bắt nó chờ, chiều tao về huyện.

Hắn nói với thông sự:

-Không thì có khách, nó tếch đi mất. Nghỉ đây một lát, rồi tôi với thày vào trong Nhạc Lịch. Cũng gần. Tôi đi bộ được.

Lý Sinh đi lên ga, nhưng Lê Sung gọi:

-Rồi mày về trước, làm cho tao mấy việc này. Một là kê cho tao danh sách đủ một trăm trai tráng khoẻ mạnh. Hai là khai tên những đứa có nhà, có ruộng ở cạnh đường làng. Chua rõ gia sản của chúng nó. Đứa nào lương thiện thì thôi, đứa nào tình nghi thì gạc chữ thập để đánh dấu. Nghe chưa?

Lý Sinh không hiểu để làm gì, nhưng không dám hỏi:

-Dạ.

Chờ cho người lý trưởng đi xa, Lê Sung mới tỏ lòng hằn học với người Nhật Bản đã làm hắn ngượng mặt. Hắn cười nhạt:

-Người Nhật vẫn có tính bát nháo. Họ chỉ biết được việc cho họ. Bảo tôi làm cả khúc đường bên Nhạc Lịch! Bảo cả lính cơ dọn vào đình để canh kho!

Muốn an ủi quan, thông Hảo nói:

-Bẩm việc làm đường cũng chẳng khó lắm. Đường này vốn đã rộng hai thước. Mở thêm ra một thước nữa, thì ô tô đi vừa. Dân Nhạc Lịch bị lấy vào ruộng, nhưng dân Văn Chương không thiệt hại gì. Đường làng ấy đã rộng rồi.

Lê Sung cười khỉnh:

-Cái thày này tính toán mới lạ chứ! Tức là thày muốn trong Văn Chương, những nhà ở hai bên đường được yên à? Từ ngày tôi về huyện này, tôi đã được trông thấy đồng tiền của làng ấy mặt mũi thế nào?

Rồi nghĩ đến việc sở mật thám tha bổng hai mươi ba người, làm hắn mất thể diện, hắn nói:

-Tôi còn để tội cho làng này thiếu đay đấy.

Thông sự vui sướng vì sắp được dịp nhờ gió bẻ măng:

-Dạ. Bây giờ con mới được lĩnh ý quan lớn. Nhưng con thiết tưởng đường rộng ba thước, xe cũng đủ đi. Có mở thêm nữa, thì đến bốn thước là cùng. Đường làng Văn Chương đã rộng sẵn một trượng, tức là bốn thước tây rồi.

Lê Sung cau mặt, tặc tặc lưỡi:

-Cái thày này mới hủ chứ! Thế tôi là ông quan, tôi không có quyền làm đến năm thước à? Đường cốt mở rộng, là để lấy nhiều ruộng, nhiều nhà. Chúng nó oán thì oán người Nhật. Nhưng nếu chúng nó tốt lễ, thì ba thước thôi. Chúng nó lại ơn mình.

Thông sự đắc chí, gật gật:

-Dạ. Dạ.

Nghĩ một lát, thông Hảo vẫn còn băn khoăn:

-Đất Văn Chương là đất ngỗ nghịch, con sợ bất phu khó đấy.

Lê Sung cười:

-Khó à? Không thể làm cho dễ hay sao? Theo cách của tôi, chúng nó lại không háo hức như mèo thấy mỡ ấy à! Tôi chỉ sợ đuổi đi không hết phu Văn Chương thôi. Rồi thày xem. Nhưng mà nhất định chỉ lấy một trăm. Chẳng lẽ lại không lấy phu Nhạc Lịch.

Nói xong, hắn gật gù tự khen:

-Làm việc gì mà có mưu trí cũng dễ thành.

Thông sự tỏ vẻ thán phục quan thày. Rồi muốn làm ra một người môn hạ mẫn cán, hắn nhắc tên tri huyện:

-Thế nào cộng sản nó cũng quấy rối.

Lê Sung bĩu môi:

-Không sợ. Thằng cộng sản chính thống bước rồi.

Nhưng nếu tôi đã mềm dẻo mà vẫn thấy khác ý, thì phải biết ngay là nọc cộng sản vẫn còn. Lúc ấy, tôi sẽ thẳng tay. Nói vậy, chứ tôi thách cộng sản có giỏi thì phen này làm thế nào cho hai làng khỏi thù oán nhau, đừng đâm chém nhau thành án mạng đấy. Để xem quan thắng hay cộng sản thắng, dân theo quan để có tiền, hay theo cộng sản để ăn nước dãi!

Nói đoạn, hắn cùng thông sự thủng thỉnh vào làng Nhạc Lịch, hỏi thăm đến nhà lý trưởng.

***

Vì không hiểu quan giao cho lý trưởng khai báo để làm gì, cho nên cả làng Văn Chương hoang mang.

Chức dịch trong làng ngồi chờ ở nhà lý Sinh, đợi hắn về để hỏi tin. Nhưng khi thấy hắn thú thực là không biết, mọi người cho là hắn giấu. Thế thì phải là chuyện ghê gớm lắm. Quả nhiên, rồi sau, họ dò ra. Họ thấy chủ nhà để mặc khách ngồi trơ với nhau ở nhà trên, mà lại xuống nhà dưới, gọi con trai đem giấy bút đi theo hắn. Họ lắng tai, thấy Lý Sinh đọc những tên: Thụ, Tụng, Xích, Nhã, Thái, Bàng, Lung, Thung, Quý, Phùng, Bái, Lễ, Ban, vân vân.

Chánh hội lảng vảng đến gần, hỏi:

-Khai làm gì thế, ông lý?

Lý Sinh đáp:

-Ông yên tâm. Không có thằng Trụ nhà ông với thằng

Nhàn nhà tôi đâu. Quan bảo lập danh sách một trăm trai tráng khoẻ mạnh.

Thế là người ta đoán già đoán non. Ai cũng nhận ngay ra một điều, là những tên lý trưởng đọc cho con viết, là toàn những người hoặc có chân trong các hội cũ, hoặc hay đá bóng, hoặc là những người có hiềm riêng với hắn.

Họ thì thào:

-Hay quan định làm cỏ cho sạch những người tình nghi, và những người không trồng đay?

-Hay quan bắt lính cho Nhật?

Nhưng không phải việc bắt bớ như hồi làng vào đám. Vì đến khi lý Sinh kê tên những người có nhà, có ruộng ở cạnh đường cái, chốc chốc hắn lại chạy ra hè, hỏi lên:

-Này, các ông có nhớ ông quyền Lạc gia sản thế nào không nhỉ?

Hoặc:

-Nhà Nùng cấy bao nhiêu nhỉ?

Hoặc nữa:

-Mảnh thổ cư nhà tư Toang đánh giá bao nhiêu thì phải nhỉ?

Nghe những câu ấy, mọi người không hiểu để làm gì, càng đâm ra hoang mang.

Mãi đến lúc Lê Sung ở bên Nhạc Lịch về, chức dịch mới mừng. Nhưng họ thất vọng ngay. Tên tri huyện béo phị mệt nhoài. Hắn chẳng kịp rửa mặt. Hắn trật vội cái khăn, cởi vội cái áo ngoài, vứt bừa bãi trên giường, rồi nằm ềnh, dạng soạc hai cẳng, cho hai người tuần quạt hầu. Áo ngực hắn phanh ra, cái bụng phệnh của hắn phồng lên, xẹp xuống, theo nhịp thở. Một lát, hắn lim dim ngủ.

Thông sự thấy vậy, vẫy chức dịch ra một góc sân:

-Ngài một. Để ngài yên giấc một lát. Chốc nữa ngài còn xơi cơm, rồi nghỉ trưa. Hai giờ, các ông đến, ngài truyền.

Chánh hội nháy mắt, hất hàm, hỏi khẽ:

-Việc cát hay hung, hở cụ?

Thông sự lắc đầu lè lưỡi, thầm thì:

-Quan Nhật lấy đình làng ta làm kho, bắt lính cơ đến đóng ở đấy để canh. Quan ta phải ở lại đốc thúc Văn Chương với Nhạc Lịch mở rộng năm thước đường cho ô tô vào.

-Kho chứa gì hở cụ?

Thông sự không muốn tỏ rằng mình không thông sự Hắn trỏ vào chỗ Lê Sung nằm:

-Tôi không dám nói. Đến chiều, các ông trình quan thì rõ.

Những tin mới mẻ và quan trọng này vừa hé ra, đã bay rất nhanh đi khắp làng. Không ngõ nào, không xó nào, không có tiếng xôn xao. Nhưng không ai chịu nói chuyện lẻ tẻ với nhau ở nhà. Theo thói quen, người ta chạy đến chỗ diễn đàn công cộng của làng - ít lâu nay đã thiên đến sân miếu - để được nói nhiều, nghe rộng.

Ở đây, dân làng tụ tập đông dần: Các cụ, như cụ từ Hoài, cụ đám Thảo, cụ Nghé, v.v... Các người đứng tuổi như các ông Thái, ba Xích, tổng Lực, tuần Lung, nho Tranh, quyền Lạc, v.v.... Các phụ nữ như bác Na, chị cu Đốm, thím Ích, cô Dần, v.v.... Và các thanh niên như Thung, Quí, Phùng, Ban, Phúc, v.v.... Và cả Trụ, con chánh hội.

Anh Nhã không đứng riêng với tốp nào. Anh để tai nghe ngóng khắp. Cụ từ Hoài băn khoăn làng mất đình, không có chỗ cúng tế. Ông quyền Lạc bảo đường rộng đến ba thước cũng đủ cho ô tô vào. Bác Xích và những người bị tình nghi lo lắng hơn, ngờ là quan phao tin làm đường để bắt người đi an trí. Chị Na căm giận, nói rằng không thể để yên cho lý trưởng thù ghét ai thì khai tên người ấy. Buồn thảm hơn hết là những người nghèo ở cạnh đường. Họ khóc lóc, than thở rằng phen này thì hết nhẵn. Thanh niên thấy cha anh, chú bác bị đụng chạm quyền lợi, thì công phẫn nổi lên đùng đùng. Họ hung hăng:

-Phải tranh đấu!

Không những người làng bất bình, mà lính cơ cũng rất bực tức. Đương canh cộng sản mà phải đi coi kho, họ cho như bị giáng chức. Họ cũng ra sân, đứng với mọi người, và phản đối toang toang:

-Không có thời buổi nào lại hỗn độn hơn thời buổi này. Bảo chúng tôi đi coi kho, thì lấy ai ra mà kiểm soát người ra vào làng này? Xảy ra sự gì thì đầu ai thay cho đầu chúng tôi?

Thấy tình hình như vậy, anh Nhã suy nghĩ lung lắm. Rõ ràng không khí chung là đối phó. Nhưng đối phó thế nào? Anh nhớ lại những lời anh Na, anh Hùng khuyên anh, là muốn tranh đấu thắng lợi, thì trước hết phải rõ việc, nghĩa là biết đối phương định làm gì, làm thế nào. Rồi tuỳ từng việc mà đề ra mức tranh đấu, tranh đấu hoàn toàn hay tranh đấu một phần. Và tranh đấu đến chừng độ nào thì thôi, để giữ được thắng lợi? Bây giờ chưa rõ việc này thế nào, thì không thể nói tranh đấu chung chung. Chưa nhận ra đâu là chính, đâu là phụ thì chưa thể đặt được kế hoạch tranh đấu. Nghĩ vậy, với ai, anh cũng nói:

-Chúng ta đừng làm ồn quá. Chúng ta đã biết việc thế nào đâu? Chúng ta chờ đến hai giờ, để nghe ý kiến ông huyện đã. Nếu thật người Nhật muốn lấy đình làm kho, thì ta nên hỏi xem kho ấy chứa gì. Ta sẽ yêu cầu để lại chỗ cho ta tế lễ. Nếu kho chứa vật ô uế, ta sẽ yêu cầu đưa xuống giải vũ. Còn việc mở rộng đường, thì ông quyền Lạc nói đúng, chẳng phải đến năm thước. Đường làng ta rộng bốn thước, ô tô tha hồ qua lại. Nhà không phải dỡ đâu. Còn sang xóm Lẻ, đoạn nào phải đắp thêm mà phạm vào ruộng, thì ta yêu cầu bồi thường. Những người mà ông lý Sinh khai trong danh sách, nếu thật chỉ để làm đường, thì chắc rằng được giả công đủ ăn. Nhưng nếu để làm việc khác, thì rồi hãy hay, ta sẽ liệu. Ta mới nghe ông thông sự nói một câu lơ mơ, chưa rõ thực hư, người nọ đã làm người kia lo sợ. Thế là không nên. Ta hãy đợi ông quan ấy nói rõ, rồi ta đưa ý kiến của ta yêu cầu cho hợp lý.

Anh Ban giậm chân giơ tay:

-Việc này mà mềm thì không được! Ta không phải yêu cầu. Quyền lợi ta bị xâm phạm, thì ta tranh đấu. Tự nhiên vô cớ mất đình, mất ruộng, mất nhà, còn hợp lý cái gì mà ta phải yêu cầu? Tôi còn tức lắm. Trống đay mà cũng phải bắt!

Ông Thái cười, can anh Ban:

-Còn mất những cái to hơn thế nữa, mà chúng ta chưa làm gì được đấy. Bác Nhã nói phải. Mấy lần trước, ta đã nghe bác ấy, thì lần này ta cũng nghe bác ấy. Yêu cầu hay tranh đấu cũng cốt thắng là được.

Những người tán thành ý kiến của anh Nhã thì tản về. Nhưng một số người không nén được lòng thì vẫn ở lại.

Cho đến gần hai giờ, khi có tiếng còi tàu rúc ở ga, gần một trăm người, không ai rủ ai, đều lục tục đến sân nhà lý

trưởng.

Nhưng lúc ấy, Lê Sung vẫn ngáy như sấm, áo bụng phanh ra. Hai bên giường trải chiếu cạp điều, hai người tuần vẫn thẳng cánh, phẩy cho hắn bằng hai chiếc quạt thóc.

Chừng gần ba giờ, những tiếng dân nói ồn ào ở ngoài sân mới đập nổi vào màng tai quan. Hắn cựa. Rồi ngáp. Nước dãi chảy từ mồm xuống, nhè nhẹt cả chiếu. Hắn uể oải giơ tay nhìn đồng hồ. Một lúc sau, hắn mới dậy.

Hắn ngồi thừ độ mười phút cho thực tỉnh táo, mới thò tay vào trong chậu đồng lớn đánh bóng lộn, đựng nước mưa, đặt ở trên bàn. Rửa mặt xong, hắn đội khăn, mặc áo chỉnh tề, rồi gọi thông sự và lý trưởng đến, bảo việc.

Hắn cho chức sự trong làng vào ngồi cả trên phản hai bên. Còn thường dân, hắn không đuổi về, nhưng bắt họ đứng ở xa mái tranh, kẻo trong nhà bị tối. Hai người lính cơ cầm roi đứng trên hè, giữ trật tự.

Lê Sung nhìn mọi người. Hắn đoán trong đám đông ở sân, thế nào cũng có nọc cộng sản đây. Đối phó với bọn này thế nào, hắn đã định bụng rồi. Xem phen này ai thắng ai. Hắn cười cười, nhìn hai phía chức dịch ngồi, rồi nhìn ra sân. Muốn xoa dịu không khí chung, hắn bắt đầu ngay bằng những câu khen:

-Làng này cũng khá sốt sắng với công việc. Nắng thế mà cũng đến đây nhiều nhỉ. Tốt!

Rồi hắn nói:

-Sáng hôm nay, quan Nhật ở Hà Nội, quan Chánh lục lộ ở tỉnh và tôi, đến ba làng Nhạc Lịch, Văn Chương và Văn Xá để chọn một cái đình rộng rãi cho quan Nhật dùng làm kho. Việc này chắc chẳng nói thì ai ai cũng đã biết

Hắn ngừng lại, tủm tỉm thật lâu để mọi người nhìn rõ nét mặt tươi vui của hắn. Hắn làm thế vì hắn sắp báo một tin không tươi vui.

-Nhưng có một điều mọi người chưa biết, là chỉ có làng Văn Chương được cái hân hạnh là có đình vừa ý quan Nhật. Quan Nhật dùng đình làng này làm kho.

Rồi để một số người hiểu biết nào đó đừng nhìn hắn đi theo người Nhật lúc ban sáng mà thấy như đầy tớ đi theo chủ, hắn gật gật:

-Thật là vinh dự! Giúp người Nhật là một vinh dự!

Thấy những con mắt lo âu giương lên chằm chặp nhìn hắn, Lê Sung biết là người ta đương chờ đợi cái tin quan trọng thiết thân hơn. Tức là cái tin mở rộng đường làm cho họ mất nhà, mất ruộng. Cho nên đến cái việc gay go này, hắn phải rào đón cẩn thận. Hắn tươi vui hơn nữa để nói bằng giọng ngọt ngào hơn nữa:

-Quan Nhật muốn gì thì đến quan Pháp cũng phải nghe theo. Huống chi là dân An Nam mình. Cho nên tôi chắc làng này không ai phản đối việc nhường đình cho quan Nhật làm kho. Nhưng sở dĩ tôi gọi chức sự đến, lại cho phép dân dự thính, là do còn nhiều việc nữa phải giải quyết bằng cách dân chủ. Thời buổi bình dân, không dân chủ không làm nổi.

Hắn tủm tỉm nhìn khắp lượt, rồi cố tìm những lời cho thật lọt tai:

-Làng Hạc Lịch và làng Văn Chương còn có thêm cái vinh dự nữa, là được mở rộng đường cho ô tô lớn vào.

Hắn cười khanh khách, như vừa báo một tin vui, giơ ngón tay trỏ để nhấn mạnh:

-Được, được vinh dự đấy nhé!

Rồi hắn giảng:

-Bởi lẽ thứ nhất, làng mà có đường ô tô vào là làng lớn. Lẽ thứ hai, nước Nhật là một nước văn minh ở châu Á, đương chiến tranh. Các cường quốc trên hoàn cầu bây giờ cũng đương chiến tranh. Nước ta bé nhỏ, tuy không được tham gia chiến tranh bằng người, bằng của, thì lấy sức ra giúp chiến tranh. Nước ta trồng đay, trồng cây ép dầu, cho mượn đình làm kho, mở đường rộng để vận tải. Nước ta giúp nước Nhật chiến tranh. Thế là nước ta cũng tham dự chiến tranh. Sau này, khỏi mang tiếng là chỉ biết hưởng thái bình. Như vậy, nước ta cũng sẽ được xếp ngang hàng với các nước lớn. Có phải không?

Thấy những tiếng dạ rất to ở khắp hai bên, Lê Sung yên trí là lối giải thích của hắn bắt đầu có kết quả. Hắn rất cao hứng, tán rộng thêm:

-Nước Nhật là một cường quốc, là bạn thân của nước Pháp Mẫu quốc của ta. Dân ta đem sức giúp nước Nhật, thế là ta cũng là bạn của cường quốc. Sau này, các nước ở Đông Á mở mày mở mặt với năm châu, là do được các nước anh cả như nước Nhật, nước Pháp dìu dắt. Làng Văn Chương trồng đay, có đình được nước Nhật dùng làm kho, lại được đem sức người ra đánh đường cho ô tô ra vào, thì làng Văn Chương góp một công rất to làm cho nước An Nam thành một nước lớn, bạn với cường quốc, rửa mày rửa mặt cho Tổ quốc khỏi mang tiếng với lịch sử. Thật là hân hạnh! Thật là vinh dự!

Cố làm như sung sướng thật về cái hân hạnh và vinh dự, hắn cười ròn tan và tiếp:

-Tôi chắc khi hiểu như vậy, thì không những ai ai cũng lấy làm vui vẻ vì được quan Nhật mượn đình, mà còn hăng hái đòi đắp đường cho rộng để đón ô tô vào. Có phải

không?

Không ai trả lời. Lê Sung phải nhìn vào nơi dễ "dạ" nhất là bọn chức dịch để hỏi lại:

-Có phải không?

Cũng không có tiếng đáp. Hắn đoán rằng những đầu óc dễ bảo này đã có ý khác rồi đây. Muốn cố nậy ra một vài tiếng để cho khỏi bẽ, hắn hỏi lại:

-Có phải không, các thày?

Quả nhiên có vài tiếng đáp khẽ:

-Dạ.

Biết rằng không ai dám ra mặt bướng bỉnh mà phản đối, hắn nhìn ra sân, hỏi khích bằng mẹo:

-Thế còn các người, có ai dại dột mà không bằng lòng không? Nói lên nào?

Thấy không ai nhúc nhích, hắn vội vàng giao hẹn và khen:

-Không ai nói, tức là bằng lòng cả. Là làng văn vật có khác! Thật xứng đáng với tên gọi là Văn Chương. Người giác ngộ nghe lẽ phải thì chóng hiểu. Bây giờ có ai muốn hỏi thêm gì không?

Tuy đắc chí là đã dùng hai tiếng giác ngộ để tâng bốc những người ưa phỉnh của cái làng bất trị này, nhưng Lê Sung không dám nhìn phía trước mặt. Hắn quay sang hai bên là chỗ mà hắn chắc chắn là hắn uy hiếp nổi:

-Có ai muốn hỏi, cứ tự do.

Quả nhiên, chức dịch cúi mặt, không dám trông hắn. Họ sợ quan nhìn thấy, lại hỏi đích danh mình thì khó trả lời.

Nhưng ở sân, tiếng xì xào rất sôi nổi.

Bỗng trên hè, có tiếng nói:

-Trình quan lớn!

Mọi người ngẩng lên. Người nói ấy không phải người làng, mà là người lính cơ:

-Trình quan lớn, chúng con là lính gác ở ngoài miếu, chúng con có được phép hỏi không ạ?

Lê Sung gật đầu, đáp bằng giọng dễ dãi:

- Ừ, thì cứ hỏi cho vui chứ. Chẳng lẽ im lặng cả à?

-Dạ. Trình quan lớn, chúng con nghe nói rồi chúng con phải dọn vào đình để canh kho cho quan Nhật. Việc ấy có hay không ạ?

Lê Sung cười khì khì:

-Việc này hôm nay chưa có. Còn mai kia, có hay không, là tuỳ quan Sứ với quan Giám. Sáng nay, quan Nhật nói thế, nhưng phải chờ lệnh của quan Pháp. Các anh ghen cái vinh dự với làng này à?

Người lính nói:

-Trình quan lớn, chúng con lo lắm. Quan lớn vừa bảo quan Nhật muốn gì, thì quan Pháp cũng nghe theo. Chúng con được phái về đây để canh cộng sản hầu hạ các quan. Chúng con không muốn canh kho, mất danh giá chúng con.

Lê Sung cố ôn tồn để an ủi:

-Được, đó là một ý kiến. Ta sẽ trình quan trên cho các anh vẫn được đóng ở miếu. Còn như sau này thế nào, là tuỳ quan Sứ với quan Giám, nghe chưa?

Người lính hả hê:

-Dạ.

Như được đà, ông quyền Lạc đứng ra giữa sân, thật ngay ngắn, giơ thẳng cánh tay lên trời:

-Bẩm ông lớn.

Lê Sung quay lại hỏi lý trưởng:

-Ai?

Lý trưởng đáp:

-Bẩm tên Lý Văn Lạc, ngày trước đi lính mộ sang Tây.

Ông quyền Lạc thưa:

-Chúng con muốn trình ông lớn cho biết là quan Nhật định dùng đình làng con làm kho để chứa gì. Bởi vì dân chúng con ngu dốt, vẫn còn duy tâm, sợ kho chứa những thứ uế tạp thì Ngài hành.

Thấy ông quyền Lạc hỏi xong câu ấy thì đứng im, Lê Sung hất hàm:

-Còn gì nữa không?

-Bẩm không ạ.

Nghe lời nói mạnh dạn nhưng không phải giọng hướng bỉnh và ý hóc búa, Lê Sung mừng rằng đây không phải ý kiến phản đối của cộng sản, hắn nhìn thông sự như để phân vua, rồi lắc đầu, giang rộng hai cánh tay:

-Quan không rõ quan Nhật chứa gì. Thày thông sự biết đấy. Quan Nhật chưa nói với quan điều ấy. Nhưng chắc chắn không phải những vật ô uế, hẳn là đay, lạc, thầu dầu chi gian thôi.

Ông quyền Lạc nghiêm trang thưa:

-Nhưng nếu là những thứ uế tạp, xin ông lớn nói với

quan Nhật đem chứa ở giải vũ. Vì đình là chỗ thờ tự uy nghiêm.

Lê Sung gật đầu khen:

-Đúng.

Rồi vẫn tươi tỉnh, hắn cố làm ra dễ dãi, hỏi mọi người:

-Ai có ý kiến gì nữa?

Ông quyền Lạc lại nói:

-Bẩm con. Xin ông lớn cho dân biết là quan Nhật dùng cả đình làm kho, hay dùng một phần. Nếu quan Nhật dùng cả đình, xin ông lớn dạy cho dân chúng con rước Ngài đến đâu để tiện việc sóc vọng.

Lê Sung cười vui vẻ, xua tay:

-Đừng ai sợ mất đình. Quan Nhật chỉ tạm mượn trong thời gian chiến sự thôi. Rồi đình vẫn về dân. Đình làng này rộng, chắc quan Nhật chẳng dùng hết. Hàng đâu mà chứa chật được.

Rồi muốn lấy lòng những tay hướng bỉnh mà hắn đoán rằng họ kín đáo nên chưa lên tiếng, hắn dùng những tiếng tiến bộ để tỏ rằng hắn cũng đồng tình với họ:

-Mấy lị, nếu hàng ít mà chiếm cả đình, thì ta tranh đấu. Chính tôi là ông quan, tôi có nghĩa vụ bênh vực dân mà tranh đấu cho dân.

Hắn vênh váo nhìn khắp, rồi gật đầu, nhắc lại:

-Phải tranh đấu! Phải tranh đấu!

Một người thanh niên, nét mặt băn khoăn nói:

-Bẩm quan lớn, con tưởng dù quan Nhật có ít hàng, nhưng chắc thế nào cũng lấy cả đình, rồi đóng cửa, khoá

lại, cấm dân lai vãng đến. Người Nhật vốn đa nghi. Còn muốn cả lính đến coi kho kia mà.

Lê Sung thấy câu hỏi có vẻ hiểu biết và cứng rắn, đoán rằng tay này không phải tay vừa. Tuy vậy, hắn cũng mừng rằng hắn không bị thanh niên, là những người dễ ảnh hưởng cộng sản nhất, họ tẩy chay, bất hợp tác. Hắn hỏi lý trưởng:

-Ai?

-Bẩm tên Nguyễn Ban, con cụ từ giữ miếu.

Lê Sung nghĩ ngay được cách trả lời đánh trống lảng. Hắn đáp thật mau:

-Cứ tranh đấu! Sợ gì? Nào còn ai hỏi nữa không?

Có lẽ chưa được thoả mãn, anh Ban đành hỏi câu khác:

-Bẩm quan lớn, có phải quan Nhật định mở đường rộng năm thước không ạ?

Thấy tiếng xôn xao ở ngoài sân lại nổi lên, Lê Sung biết là không khí sắp gay go. Thế nào những đầu óc nhiễm độc cộng sản cũng nhân đây mà thò bàn tay ra để phá hoại. Cho nên hắn cố nói giọng ôn tồn để xoa dịu cho mũi dùi phản đối đừng chĩa vào hắn:

-Phải, đó là ý muốn của quan Nhật.

Ở ngoài sân, có tiếng to:

-Thế thì mất nhà, mất ruộng!

Hắn không kịp nhìn xem ai nói, và cũng không tiện hỏi lý trưởng. Hắn yên lặng, làm như không nghe thấy. Ông quyền Lạc nói:

-Bẩm ông lớn, đường năm thước thì rộng quá. Bên

Tây hay bên Sài-gòn cũng không thế. Ba thước thì vừa ạ.

Lê Sung vờ nghĩ ngợi, rồi bình tĩnh đáp:

-Phải, quan cũng nghĩ như thế.

Anh Thung hung hăng nói thật to:

-Thế thì dân nhờ quan tranh đấu để cho dân khỏi mất ruộng mất nhà.

Không rõ có phải giọng mỉa mai hay không, Lê Sung vờ như vô tình. Tuy mắt chòng chọc nhìn vào người nói để cố nhớ mặt, nhưng hắn vẫn ôn tồn để dội gáo nước lã vào ngọn lửa sắp bùng:

-Được. Quan hứa. Nhưng có được hay không là tùy quan Nhật.

Có tiếng kêu:

-Mất ruộng, mất nhà!

Thấy đó là lời ông quyền Lạc, Lê Sung vội vàng lắc đầu. Hắn không dùng tiếng quan để tự xưng nữa. Hắn xưng tôi cho bình thường, cho thân mật hơn:

-Tôi nói để các người yên tâm, tôi sẽ vì dân mà tranh đấu để quan Nhật làm đường ba thước. Nhưng nếu tranh đấu thế mà không được, thì tôi tranh đấu cái khác, là bắt bồi thường.

Anh Ban nói:

-Lẽ cố nhiên!

Anh Phùng hỏi:

-Bẩm bồi thường thế nào ạ?

Sau khi hỏi lý trưởng tên người nói, Lê Sung đáp một cách mập mờ:

-Bồi thường theo đúng luật của nhà nước.

Rồi muốn lảng tránh bọn thanh niên có thể làm hắn bực mình, hắn quay nhìn về phía có nhiều phụ nữ:

-Thế nào? Còn phái yếu? Không ai bị đụng chạm đến quyền lợi hay sao mà im tiếng thế?

Hắn không ngờ có ngay một người đứng tuổi ở phía sau, kiễng chân và nghểnh cổ lên, cố nói to:

-Chúng tôi muốn biết về việc bắt phu làm đường ạ.

Lê Sung ghé hỏi lý trưởng:

-Vợ tên Na phải không?

-Dạ.

Hắn nhìn chị Na, bảo:

-Nói đi.

-Chúng tôi nghe nói quan lớn bắt một trăm phu. Làm đường thì cần người khoẻ mạnh. Nhưng lý trưởng chọn toàn những người không có họ hàng thân thích, những người có chân trong các hội cũ, những người ngày thường hay phản đối, không ăn cánh với ông ta. Vì thế trong danh sách đi phu, có cả người già yếu, đàn bà có mang.

Lý Sinh toan đáp thì Lê Sung xua tay bắt im. Hắn ngọt ngào:

-Danh sách ấy còn đợi duyệt mới được công bố. Thế nào cũng có thay đổi nhiều. Làm đường phải là người khoẻ mạnh, chứ không kể là người có đầu óc thế nào. Phụ nữ có sức giúp được nước Nhật chiến tranh, chẳng vinh dự hay sao?

Anh Ban hỏi:

-Bẩm đi phu có được công không ạ?

Lê Sung vờ ngạc nhiên về câu hỏi ấy:

-Sao lại không? Không được công thì đòi cho kỳ được. Phải tranh đấu chứ! Lương tối thiểu của sở Lao công giám đốc Bắc kỳ đặt ra là hai hào rưỡi một ngày kia mà?

Có tiếng ồn ào:

-Hai hào rưỡi thì ăn gì!

Muốn giá tiền công chết đói này bị phản đối kịch liệt, để cái đòn của hắn sắp đánh cộng sản, được nổi bật như một ơn huệ đối với mọi người, hắn nhắc lại, rồi phàn nàn:

-Hai hào rưỡi! Cũng không đủ ăn thật.

Hắn vừa cười vừa nói:

-Nhưng các người không lĩnh hai hào rưỡi đâu. Cứ yên tâm. Về việc bắt phu và phát tiền công, tôi định như thế này. Dù biết là bất công, nhưng tôi cứ theo tiếng gọi của lương tâm. Là đáng lẽ Văn Chương và Nhạc Lịch, mỗi làng phải trăm rưỡi phu, và công mỗi người mỗi ngày là hai hào rưỡi. Nhưng vì Nhạc Lịch không thuộc huyện này, nên tôi phải thú thực một điều, là tôi không có cảm tình với Nhạc Lịch bằng với Văn Chương. Cái này cũng là lẽ tự nhiên thôi. Bởi vì quan thì phải thương dân hạt mình như cha thương con đỏ. Cho nên tôi bắt Nhạc Lịch phải cung cấp hai trăm phu, mà chỉ lấy bên này có một trăm thôi.

Hắn giơ một ngón tay:

-Một trăm thôi.

Rồi hắn tủm tỉm, long lanh đôi mắt nhìn mọi người, xoè bàn tay như để ngăn và giao hẹn:

-Nhưng phải giữ kín. Tôi cấm không ai được nói điều này cho bên Nhạc Lịch ghen tị đấy.

Hắn vẫn cười, rồi tiếp:

-Còn tiền công, đáng lẽ là hai hào rưỡi, nhưng tôi

định chỉ phát cho phu Nhạc Lịch hai hào ba để lấy hai xu ấy phát thêm cho phu Văn Chương. Vị chi phu Văn Chương, mỗi người được hai hào bảy một ngày.

Cho đấy là viên đạn quyết định nó bắn vào đầu cộng sản phá hoại, hắn nhắc lại một cách vui vẻ:

-Hai hào bảy một ngày.

Hắn đắc ý, gật gật đầu, nhìn mọi người.

Quả nhiên, chỗ nào cũng nổi lên bàn tán. Có nơi, có tiếng cười rầm rầm.

Lê Sung yên trí là dù những tay sừng sỏ nhất bây giờ cũng đã phải hàng phục rồi, thì không còn gì đáng hỏi thêm nữa. Muốn chắc chắn điều ấy, hắn hất hàm:

-Còn ai muốn nói gì nữa không?

Ông Thái, vẻ mặt nghiêm chỉnh, nói:

-Quan lớn đã cho phép, thì con xin nói. Quan Nhật bắt dân làm đường, thì dân xin tuân. Còn làng nào đi bao nhiêu phu, được bao nhiêu tiền công một ngày, là tuỳ lượng quan lớn. Con chỉ xin trình quan lớn về việc phát tiền công thôi. Dân nghèo đói, phải bỏ việc nhà đi làm việc quan, thì dân xin quan lớn cứ ngày nào phát tiền cho ngày ấy. Có nó mới làm chạy việc. Và phát thẳng cho phu, chứ đừng qua tay ai.

Tiếng cười rúc rích nổi lên. Trăm mắt nhìn vào lý trưởng. Thấy quan cũng tươi cười, anh Long nói:

-Chúng con được phát đủ lương, không bị ai sà sẻo, thì chúng con vui lòng đi phu ngay.

Lê Sung hỏi tên hai người, rồi gật đầu:

-Được.

Có lẽ không ai cần biết thêm điều gì nữa, cho nên mọi

người yên lặng. Nhưng bây giờ Lê Sung không muốn có sự yên lặng mà hắn hiểu là vô ơn. Hắn muốn dân phải nói lên lòng biết ơn vì họ vừa nhận cái đặc ân hắn ban cho. Hắn nhắc lại:

-Một trăm phu thôi, và những hai hào bảy một ngày nhé.

Rồi quay lại lý trưởng, hắn dặn:

-Nhớ chưa?

Lý Sinh tủm tỉm, gãi tai:

-Dạ.

Hắn hỏi đùa:

-Một trăm người thôi. Cấm lý trưởng lấy hơn đấy nhé!

Vẫn không thấy ai cảm ơn, hắn nói:

-Những điều dân vừa yêu cầu, đều rất hợp lý. Ta hết sức chiều ý dân. Hôm nay, thế là vui vẻ. Quan dân có dân chủ, có tự do, mới làm được chạy việc.

Rồi muốn được nghe những lời nịnh hót cho sướng tai và để những lời ca tụng ấy có sức tuyên truyền cho cộng sản phải phục hắn, hắn nhìn sang hai bên phản:

-Sao từ bấy đến giờ, chưa thấy các thày nói gì thế?

Chức dịch nhìn nhau. Chánh hội Tuy đứng dậy, khoanh tay, đằng hắng hai ba lượt cho trong giọng, rồi kính cẩn nói:

-Lạy quan lớn, chúng con xin thay mặt dân tỏ lòng biết ơn quan lớn. Quan lớn đã nâng cao giá trị của làng Văn Chương, cho làng Văn Chương vinh dự giúp nước Nhật làm chiến tranh. Không những thế, quan lớn còn thương dân, định điều đình với quan Nhật về việc lấy một phần đình để dân được yên tâm có chỗ tế tự. Quan lớn lại

hứa điều đình làm đường thế nào cho dân khỏi mất ruộng, mất nhà. Công đức ấy, dân xin đời đời ghi lòng tạc dạ. Thế mà quan lớn lại thấu tình dân như cha thấu tình con, chỉ bắt làng Văn Chương có một trăm phu, còn phát thêm cho mỗi người mỗi ngày hai xu. Tuy hai xu là nhỏ, nhưng lòng quan lớn là to. Chúng con xin thay mặt dân tạ ơn quan lớn. Quan lớn thật là phúc tinh. Từ xưa đến giờ, chưa có vị phụ mẫu nào nhân từ như quan lớn. Dân chúng con từ nay làm ăn vui vẻ, một ngày một thịnh vượng, ghi công quan lớn đời đời.

Nói đoạn, hắn vái một cái.

Lê Sung nét mặt nở nang, nhìn mọi người như vị ân nhân nhìn kẻ chịu ơn. Rồi y như muốn mưa cho khắp, hắn thân mật dặn dò thêm:

-Sáng mai, tôi sẽ công bố danh sách những người đi phu. Vậy mọi người cứ làm việc nhà như thường, nhưng đừng đi đâu xa, để chợt nghe thấy ba hồi mõ gọi, thì đến ngay đây. Phải mang quang, gánh, sọt, mai, cuốc. Triệu tập xong người, sắp xếp xong hàng ngũ, chia xong địa phận, là bắt tay ngay vào việc được. Những người già cả về, nên khuyến khích con em làm nhiệm vụ công dân. Những người không phải đi phu, nhất là đàn bà, nên cắt nhau ra chỗ phần đường của làng, nấu nước cho phu phen giải khát. Thế là tất cả mọi người, ai cũng không hậm hực vì nỗi không được góp công lênh của mình vào việc làm cho nước An Nam được vinh dự.

Bỗng ở sân có tiếng chị Na:

-Tôi có một điều muốn hỏi.

Nhìn thấy vợ người cộng sản đương ngẩng cổ lên cao, tên tri huyện vội vàng một tay xua xua, một tay xếp giấy má vào cặp. Song, hắn cố ngọt ngào, nói:

-Thôi, ai muốn hỏi gì nữa, thì sáng mai đến đây.

Hắn giục thông sự:

-Nào, ta sang Nhạc Lịch làm việc.

Lê Sung không muốn nghe những câu nói khác có thể tạo cơ hội cho những đầu óc phản đối. Hắn cho là hắn đã thắng cộng sản. Cuộc thắng này đã chấm dứt bằng những lời tâng bốc của chánh hội. Hắn không muốn trùng trình để đối phương gây chiến sang hiệp thứ hai. Vì vậy, trông hắn có vẻ hốt hoảng như một thằng ăn trộm, vừa lấy được của thì mắt trước mắt sau, tẩu thoát cho mau, kẻo lộ mưu gian.

Hắn đứng dậy, thở một hơi mạnh như người mệt nhọc, rồi để khoe khoang thế lực, hắn vờ phàn nàn:

-Quan Nhật lại uỷ cả tôi phụ trách phần đường bên Nhạc Lịch! Được tín nhiệm lắm, nhiều lúc cũng là sự phiền.

Hắn thân mật nhìn hai bên, rồi nhìn ra sân, mỉm cười và gật đầu:

-Thôi, chào nhé.

Hắn xuống sân. Lý Sinh đi theo. Hắn quay lại hỏi:

-Có xe rồi chứ?

-Dạ.

-Có sạch không?

-Bẩm sạch.

***

Ở nhà lý trưởng về, anh Nhã càng suy nghĩ, càng lúng túng. Lê Sung nói thương làng Văn Chương, chỉ bắt có một trăm phu và lại trả thêm cho mỗi người hai xu một ngày. Vậy vấn đề này là thế nào? Người làng có một số khen ngợi hắn là tử tế. Nghe những lời khen ngợi, anh thấy trối tai, trong bụng cứ ấm ức. Nhưng anh không thể tìm ra được lý lẽ gì giải thích cho những người ấy khỏi hiểu lầm về cái tên mặt người dạ thú này.

Anh nhớ lại lời anh Hùng. Quan như quân thò lò sáu mặt. Khi nó ác tợn, phải đề phòng đã đành. Nhưng khi nó làm ra vẻ đạo đức, càng phải đề phòng hơn nữa. Bởi vì chính lúc ấy mới là lúc nó âm mưu một thủ đoạn ghê gớm. Thế thì có thể nào anh Hùng nói sai, nói quá không? Nhạc Lịch phải hai trăm phu, mà Văn Chương chỉ phải một trăm. Nhạc Lịch lĩnh hai hào ba mà Văn Chương những hai hào bảy. Văn Chương chẳng lợi là gì? Sự việc hiển nhiên là thế, làm sao mà cãi nổi là Lê Sung hại dân? Hay là tuỳ từng lúc, tuỳ từng việc, quan cũng có người tử tế?

Nghĩ xuôi, không thể tự giải đáp được, anh phải nghĩ ngược lại. Đối với làng Văn Chương ngày thường Lê Sung có thương không? Sao tự nhiên lần này hắn thương? Hắn thương để làm gì? Anh thử trả lời: Mấy tháng trước, Lê Sung đặt kỷ luật giới nghiên rất nghiệt ngã, làm nhiều người ta thán. Hắn lại cấm dân làm màu, phải để đất không, chờ trồng đay, làm nhiều người thiệt hại. Hắn lại bắt giam hai mươi ba người một cách oan ức, làm cả làng oán hận. Thế thì lần này, thấy việc bắt phu và việc mở rộng đường là gay go cho nên muốn chạy việc, hắn phải ăn ở lại để mua chuộc lòng dân của cái làng xưa nay có tiếng là sừng sỏ. Nhưng như vậy, phu Nhạc Lịch đông gấp đôi

Văn Chương, họ có vừa lòng không? Và nếu thế, công việc có chạy không? Đặt câu hỏi như thế, anh thấy cái lý do "thương" là không đúng. Anh bế tắc. Vậy thì, phải như lời anh Hùng nói, Lê Sung định âm mưu một thủ đoạn gì chăng?

Anh nghe ngóng dư luận. Tuy nhiều người lo mất đình, mất ruộng, mất nhà, tuy nhiều người phàn nàn là tiền công không đủ ăn, và lo không biết có được phát hàng ngày và phát thẳng hay không, nhưng ai nấy đều hy vọng Lê Sung được tín nhiệm, có thế lực, thì thế nào cũng cố "tranh đấu", làm thoả nguyện vọng của dân. Những người nghi ngờ lòng tử tế của Lê Sung, cũng chỉ tìm được lời mỉa mai là "Giời đi vắng", làm nhẹ cái ý ca tụng của mình thôi.

Dư luận cũng lan rộng đến chuyện thời cục. Người ta nói về Nhật Bản mà người ta được nghe. Có người bảo Nhật ác, đánh cả ta lẫn Tây. Nó coi mạng người như mạng ngoé. Có người bảo Nhật chỉ ác với người da trắng, chứ nó yêu người da vàng. Có người phục Nhật mạnh, sẽ thắng trận, sau này giải phóng cho tất cả các nước Đông Á. Có người sợ Nhật cai trị Đông Dương thay người Pháp, thì Đông Dương sẽ khổ như Cao Ly.

Anh Nhã càng rối beng. Không có một lời nào gợi cho anh tìm ra lý lẽ đanh thép là Lê Sung gian ác. Anh tìm anh Phùng. Nhưng đến nhà anh này mấy lần, anh không gặp. Về nhà, anh lại nghe nói anh Phùng cũng đến tìm anh. Anh biết anh Phùng cũng đương khúc mắc như anh. Thành thử hai người như chơi hú tim với nhau.

Cho đến tối, anh Nhã mới gặp anh Phùng ở nhà chị Na. Anh Phùng tỏ nỗi băn khoăn trong đầu óc. Thì ra anh Phùng cũng không kém nghi ngờ tên tri huyện:

-Nhất định ông ta không tốt, nhưng tôi chưa thể tìm ra là ông ta nham hiểm ở chỗ nào. Tôi cứ thấy người làng khen ông ta, mà sốt cả ruột.

Anh Nhã thở dài:

-Chúng ta như một lũ mù, không có gậy để dò đường. Nếu chúng ta bước liều, thì thế nào cũng ngã.

Anh Phùng phàn nàn:

-Giá bác Na còn ở nhà, thì gặp việc này, ta đỡ phải lúng túng.

Anh Nhã gật:

-Để mà đối phó, tránh cho làng những điều không hay.

Rồi anh nghĩ: "Giá mà gặp anh Hùng..."

Bỗng anh Phùng nói:

-Hay là...

Anh Nhã hỏi:

-Gì?

-Hay là tôi lên tỉnh, tìm anh Thụ, anh Tụng?

Thoạt nghe thấy tên hai người chính trị phạm cũ lâu nay không hoạt động gì, anh Nhã cho là hỏi họ chỉ mất công. Nhưng suy nghĩ, anh sực nhớ có lần anh Na cho anh biết là hai anh này chỉ là nản chí chứ không phản bội. Thế thì vắng trăng có sao, hỏi họ không có hại, có khi có lợi. Anh nói với anh Phùng:

-Bao giờ chú đi? Đi bằng gì? Kịp thế nào được?

-Kịp bác ạ. Tôi mượn xe đạp. Đi ngay. Và về ngay.

Thấy người thanh niên sốt sắng, lúc nào cũng sẵn sàng chịu khó nhọc để làm việc công, anh Nhã cảm động.

Anh lắc đầu và thở dài. Anh Phùng tính toán, rồi hớn hở nói:

-Kịp. Nhất định kịp. Thế nào đầu trống năm tôi cũng về đến nhà. Ông huyện mà bò được đến đây để gọi phu, sớm nhất là tám giờ. Mình còn thì giờ.

-Như vậy, chú vất vả lắm nhỉ?

Anh Phùng cười, không đáp. Anh Nhã lại lo ngại:

-Nhưng việc này cần giữ kín đáo, thế mà chú phải mượn xe đạp, thì tôi sợ lộ.

-Không ngại. Tôi nói rằng tôi sang An Vinh thăm bà tôi ốm, sáng mai kịp về có mặt ở nhà đi phu.

Anh Nhã gật đầu:

-Cũng được. Thế thì chú đi. Nhưng ta hãy bàn nhau xem nên nói những gì với các anh ấy.

-Tôi kể tỉ mỉ công việc xảy ra ở làng, quan nói thế nào, dân yêu cầu thế nào, và dư luận trong làng thế nào. Tôi hỏi các anh ấy là đối với làng ta, ông quan xử đặc biệt như vậy, thì là không tốt ở chỗ nào.

Thấy không phải vấn đề quan trọng, cần giữ kín đáo, anh Nhã không ngại, nên đồng ý:

-Được đấy. Chú cố về trước ông huyện, để ta có nhiều thì giờ đối phó.

Nói đến hai tiếng đối phó, anh Nhã thở dài, rồi tiếp:

-Anh Na thường bảo là trong các công việc cần tranh đấu, nếu mình không nắm quyền chủ động, thì mình bị động, phải đối phó khổ. Về việc này, đúng là mình bị động. Chú nên hỏi các anh ấy là những việc mà mình không lường trước được, như việc này, thì mình phải làm thế nào để nắm quyền chủ động.

Nói đoạn, anh Nhã đứng dậy:

-Thôi, chú đi nhé. Ông huyện hẹn là nếu ta có điều gì muốn nói, thì sáng mai cho nói. Vậy ta còn phải nói với ông ấy nhiều.

Anh Nhã không về nhà. Anh đến chơi với ông quyền Lạc, chị Na, anh Ban, anh Thung, anh Xích, ông Thái, vân vân, là những người cứng cỏi, đã mạnh dạn đưa ý kiến của mình cho tên tri huyện biết. Anh khuyến khích họ để họ hăng hái thêm. Thấy họ vui vẻ và rất hãnh diện vì đã nói thay được cho người làng, và hứa rằng nếu cần họ còn nói nữa, tự nhiên anh sực nghĩ đến hai tiếng chủ động. Anh cho là những người này, sở dĩ đã sốt sắng với công việc chung, bởi vì ngày thường anh hay đến nói chuyện để giác ngộ họ, cho nên họ hiểu biết. Thế thì nếu ngày thường mà giác ngộ được bao nhiêu người, thì đến lúc có việc, anh sẵn sàng có từng ấy người đứng về phe với anh. Vậy nắm quyền chủ động là nắm trước được nhân tâm. Lòng người biết đâu là lẽ phải để mà tin yêu, thì lúc xảy ra việc, lẽ tự nhiên vẫn tìm thấy đâu là lẽ phải đáng tin yêu. Tin yêu càng sâu, thì lòng càng sắt đá. Vậy muốn nắm quyền chủ động cho chắc, thì phải giác ngộ nhiều người. Tên tri huyện mọi ngày hung ác, hôm nay dù nó cố làm ra dễ dãi, tử tế, nhưng những người hiểu biết vẫn không tin hắn. Vì hắn không là chủ nhân trong nhân tâm của người ta. Thật thế. Chẳng phải ai xui, ai nhắc, những ông quyền Lạc, anh Ban, vân vân, đến người nhút nhát như ông Thái, tự nhiên ăn nói cũng rất hoạt bát. Bởi vì lòng những người giác ngộ này là của lẽ phải. Thế thì đối với thủ đoạn của tên tri huyện Lê Sung, anh không bị động mà chính là vẫn nắm quyền chủ động.

Nghĩ ra ý ấy, anh vui vẻ và phấn khởi. Anh quyết định

đi gặp nhiều người khác nữa.

Làng Văn Chương tối hôm nay có một quang cảnh của một làng sắp gặp tai nạn. Nhưng trái với lần trước bị tai nạn giới nghiêm mà khắp cả làng nín thở, lần này nhân dân rất ồn ào. Những nhà ở hai bên đường, nhà nào cũng còn đèn lửa. Họ bàn tính, hỏi han nhau sau này ở đâu, cây cối chặt đi, bán thế nào; xác nhà dỡ ra, cái nào nát thì làm củi, cái nào còn tốt thì dùng thế nào. Những nhà có ruộng ở cạnh đường thì than thở rằng trước kia, năm bị lụt, năm bị hạn, nhưng vẫn còn đất làm vốn sống. Bây giờ thì thật là tuyệt vọng, chết đói đến nơi. Những người sắp bị bắt đi phu thì phàn nàn tiền công hạ quá, không sao đủ ăn được. Người nhát thì e ngại rằng mình cùng đứng chung danh sách với người tình nghi. Người tình nghi thì buồn phiền là cứ bị tình nghi mãi, thế ra hiền lành cũng vô ích.

Cái không khí hồi hộp, lo âu, chán nản, oán hận, làm cho dân làng thức khuya hơn mọi tối. Ngoài đường lúc nào cũng có tiếng nói, tiếng chân. Người ta đến thăm nhau, bàn tính hộ nhau, an ủi nhau.

Trước tình cảnh này, anh Nhã càng thấy bối rối. Anh muốn tìm cho mọi người nhìn thấy lối thoát. Nhưng không thể. Rõ ràng chính anh cũng như thuyền thiếu lái. Rõ ràng dân làng anh như đương lạc vào rừng tối, không có ai đưa đường, không có gì soi đường. Anh thấy rằng người làng thì đông, nhưng thiếu một người như anh Na, anh Hùng, anh vẫn như cô độc, lẻ loi. Thế là làm sao? Đúng là làng anh như cái mồi, lúc nào cũng bị bao nhiêu thú dữ rình để ăn thịt. Nó cần người đến cứu. Người đến cứu, tức là Đảng. Không có Đảng, thì gặp lúc bối rối thế này, dân làng không thể tự tìm cách giải quyết được.

Với mọi người, anh đều nói cho họ biết là Lê Sung

làm ra dân chủ, nói tiếng tranh đấu, là giả dối, chứ nó rất ghét dân chủ, và thâm thù tranh đấu. Nó muốn được việc với người Nhật, nên cần lấy lòng dân. Rồi anh kể những chuyện Nhật ác không kém gì Pháp, dân ta một cổ hai tròng. Nay mai Nhật còn bắt ta bán thóc của ta cho quân họ ăn. Ta đã không đủ no, còn phải nuôi thêm quân Nhật, thì thế nào cũng bị đói khổ.

Đến với những người sắp bị bắt đi phu, anh khuyên họ đừng thấy lợi hai xu trước mắt mà hăm hở. Nếu không tránh được, thì đừng làm tận tâm, và nên kéo dài công việc.

Giữa canh ba, anh về nhà, nhưng không ngủ. Anh mong cho hết canh tư, để được nghe anh Phùng nhắc lại bài học mới, quý báu.

Bỗng có tiếng xe đạp lạch xạch ở ngoài ngõ. Anh Nhã ngợ quá, không lẽ giờ này anh Phùng đã về được tới nhà? Có hoạ là bay! Nhưng anh cứ chạy ra sân. Thì lạ quá. Đúng là anh Phùng thật. Anh Nhã vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ.

-Thế nào? Sao chú đi chóng thế?

Anh Phùng dựng xe ở gốc cây, lau mồ hôi trán, đáp:

-Tôi không đến tỉnh.

Anh Nhã sửng sốt:

-Tại làm sao?

Anh Phùng cười:

-Yên trí! Có tất cả câu trả lời đây rồi.

Anh rít một hơi thuốc lào, rồi khoan khoái nói:

-May! Đỡ mất công lên tận tỉnh. Gần đến đầu phố huyện, tôi gặp ngay anh Lê ở chỗ rẽ xuống đường tắt. Giá

tôi không tinh mắt thì không nhận ra anh ấy. Anh ấy đội khăn, mặc áo thâm chùng, như người đi ăn cỗ. Anh ấy cũng định về làng.

Anh Nhã vui sướng:

-Thế à?

-Phải. Nhưng gặp tôi rồi, anh ấy không về nữa. Thì ra nghe tin làng, anh ấy sốt ruột. Nhưng không rõ còn bận gì, mãi đến lúc ấy mới đi được. Tôi cho anh ấy biết tôi định lên tỉnh để làm gì, thì anh ấy bảo tôi đừng đi, vì anh ấy biết rõ công việc rồi. Hai người đứng ngay ở giữa đường để nói chuyện. Tôi nói ra cái điều tôi băn khoăn. Anh ấy bảo chính anh ấy định về để cùng ta giải thích cho làng cái ý nghĩa của âm mưu lão huyện. Ra hắn nham hiểm thật!

Anh Nhã hỏi:

-Anh Lê giải thích thế nào?

-Anh ấy bảo Nhật muốn lấy đình, mình cứ để vậy cho họ lấy. Không sao. Hàng của họ, nhưng kho lại ở trong làng mình, thì cũng như hàng của mình. Cứ đòi họ để chừa chỗ cúng tế. Nhưng nếu họ không nghe, cũng không sao. Ở điểm này, cái tốt là về phía mình, mình không chịu yên, đã đòi, đã tranh đấu. Về phía Nhật với tri huyện, họ thấy mình không ngoan ngoãn như ý họ muốn. Việc mở đường năm thước là lão huyện loè để ăn tiền. Anh ấy dò, biết đích xác là như thế. Nhiều làng đã mở đường cho xe Nhật vào, cũng chỉ rộng đến ba thước thôi. Cho nên dân ta đừng sợ, đừng chạy mà mất công, mất tiền toi. Cứ để tự nhiên, lão ấy cũng không lấy nhà lấy ruộng, mới thấy ngượng, thấy bẽ. Trước kia, Tây bắt đắp đường vào nhiều làng. Nói là để tiện giao thông. Nhưng sự thực là để trị cộng sản. Đường rộng, thì ô tô đến bắt người nhanh. Cho nên bây giờ

Nhật muốn mở rộng đường, Tây rất bằng lòng, vì có đứa khác mang oán thù cho nó. Còn việc bắt phu, ta không nên đi cả một trăm người. Nên cổ động cho một số trốn. Danh sách chưa tuyên bố, thì trốn vẫn được. Những người còn ở lại đắp đường cho Nhật, thì làm uể oải, cốt sao làm rất xấu và kéo dài ngày. Và rồi cứ trốn dần đi. Nhưng không nên trốn tất cả. Thế nào cũng phải còn vài người bắt buộc ở lại. Ở lại, không phải để làm, mà để phá. Vậy thì ai trốn thì trốn, chứ bác, tôi, và những tay khá, nhất định không được vắng mặt. Nên nói rõ cho mọi người hiểu là chúng ta đi làm, không phải vì sợ quan, không phải vì tham tiền, mà chính là để đối phó với những khó khăn xảy ra. Vậy ở lại, là để chịu nguy hiểm thay cho người đi trốn. Yêu sách tri huyện phải giả công hàng ngày và giả thẳng cho phu là đúng. Nhất định bắt phải thi hành như vậy. Lão ấy không nghe hay không làm đúng thì ta có cớ để sinh chuyện. Sinh chuyện, là trốn thêm, là làm uể oải nữa. Dần dần, tìm những cớ khác để đình công hẳn. Không thiếu gì cớ đâu. Lương tối thiểu không phải là hai hào rưỡi, mà là ba hào bảy, phu đàn ông, và ba hào, phu đàn bà. Tri huyện định sà sẻo vào chỗ ấy đấy. Nhưng nếu tri huyện phải giả lương tối thiểu của sở Lao công giám đốc định cho phu đàn ông và phu đàn bà như tôi vừa nói, ta đừng tưởng thế là lão ấy sà sẻo ngay vào chỗ lão ấy làm cho ta khen là tử tế nhất đấy. Điểm này, chốc nữa, tôi sẽ nói rõ cho bác biết.

Anh Phùng ngừng lại. Anh Nhã lắng tai, luôn luôn gật đầu. Hút xong điếu thuốc, anh Phùng tiếp:

-Còn việc tri huyện bắt làng ta có một trăm phu; lại phát cho thêm hai xu, thì âm mưu của lão ấy dễ hiểu quá. Thế mà bác và tôi nghĩ mãi không ra!

Anh Phùng cười một hồi lâu, rồi nói tiếp:

-Thật chúng ta khờ quá! Anh Lê chỉ hỏi tôi có một câu, là tôi giả lời được ngay. Anh ấy hỏi: Làng ta được quan huyện ban thêm cho hai xu, mà mừng bao nhiêu, thì bên Nhạc Lịch mất hai xu, họ nghĩ thế nào về làng ta?

Anh Nhã như người sực tỉnh:

- À! Ừ nhỉ! Thế mới biết lão ấy nham hiểm thật! Bên ta đi phu ít lại được nhiều tiền công hơn, tức là ta cướp sức, cướp tiền của Nhạc Lịch. Thế nào Nhạc Lịch cũng ghét ta. Nhưng chắc Nhạc Lịch không chịu thế. Thế nào họ cũng khiếu nại. Đến lúc phải đi phu và lĩnh công ngang với họ, mà ta cho là bị thiệt, thì ta lại ghét Nhạc Lịch. Thế là đằng nào hai làng cũng ghét nhau.

Anh Phùng gật đầu:

-Đúng. Mà lão huyện phát thêm hai xu cho ta, lão ấy mất gì. Lão ấy có phải bỏ tiền túi ra đâu mà ta khen là tử tế. Và dù lão ấy có bỏ tiền túi ra cho ta, chưa chắc đã là tử tế. Vì tiền ấy có phải là lương tháng của lão ấy, hay lại là những món bóc lột của dân, gọi là bổng lộc? Làng ta với Nhạc Lịch không cùng một huyện, lại cách nhau con sông, cho nên ít giao thiệp với nhau. Vì ít giao thiệp với nhau, nên không hiểu nhau. Vì không hiểu nhau, nên khi có quyền lợi của bên này bị bên kia xâm phạm, thì không tìm nguyên nhân ở đâu, tự nhiên hai làng oán thù nhau, chia rẽ nhau. Bọn cầm quyền cần ta chia rẽ Nhạc Lịch, để không bên nào theo bên nào, và phải nghe lão ấy. Và nếu hai bên không đoàn kết, lục đục với nhau, thì đục nước béo cò. Vậy muốn phá âm mưu chia rẽ này, ta nhất định đoàn kết với Nhạc Lịch. Và như vậy, ta phải tranh đấu. Làng ta phải tự tranh đấu với mình trước, rồi tranh đấu với tri huyện sau. Tranh đấu với mình là bỏ lòng tham hai xu đi. Nói cho mọi người biết là tham hai xu, thì có hại, không đủ ăn

thêm được mấy, mà còn bị Nhạc Lịch ác cảm. Vả cũng không tham được lâu, chỉ một ngày là cùng, thế nào cũng bị Nhạc Lịch đòi lại. Thế thì tham không được, thà rằng đừng tham để khỏi mang tiếng, giữ được hoà hiếu với làng bên cạnh. Phải chĩa mũi dùi ác cảm vào người Nhật, người Pháp và bọn quan lại. Phải đoàn kết với Nhạc Lịch để cùng tranh đấu. Ta bỏ được lòng tham, thì Nhạc Lịch yêu ta, phục ta và nghe ta. Ta sẽ nói rõ âm mưu của tri huyện cho Nhạc Lịch hiểu. Lúc ấy, sức ta mạnh, tranh đấu dễ có kết quả.

Anh Nhã vui sướng. Một vấn đề luẩn quẩn mãi trong đầu óc, nay được giải quyết, anh thấy thanh thoát, thoải mái. Anh nói:

-Thôi, bây giờ chú về mà nghỉ. Để tôi đi làm việc.

Anh Phùng cười.

-Khoan. Chưa hết đâu. Ban nãy tôi nói dù tri huyện khấu tiền của Nhạc Lịch để bù cho ta, cũng không phải như vậy là lão ấy không sà sẻo đâu. Bác đã nghĩ ra chưa?

Anh Nhã yên lặng, rồi lắc đầu:

-Chưa nghĩ ra.

Anh Phùng cười:

-Không hiểu sao anh Lê làm thế nào mà tinh nhanh và có lắm kinh nghiệm thế. Không trách bọn quan lại ghét, không cho dạy học. Nhạc Lịch hai trăm phu. Văn Chương một trăm phu. Thế thì có phải lão huyện khấu của Nhạc Lịch những hai suất bốn xu, mới bù cho Văn Chương một suất hai xu không? Lão ấy không đút túi mỗi ngày hai đồng bạc là gì? Mười hôm, nửa tháng, lão ấy không ăn đến hai ba chục à?

Anh Nhã gật gù:

-Anh Lê ít tuổi nhưng sáng suốt thật! Mình mà cũng được ở cạnh anh Na như anh ấy, thì mình phải rạng ra.

-Không phải thế. Bây giờ anh Na có ở nhà đâu mà dạy cho anh Lê sáng suốt? Tôi nghi anh ta lắm.

-Nghi gì?

-Nghi là có.

-Có gì?

Có chân trong Đảng Cộng sản chứ có gì. Chắc rằng anh ấy đem việc làng ta ra bàn rồi, cho nên mới ăn nói được đâu ra đấy.

-Thế à? Sao chú biết?

-Lúc khác tôi nói rõ. Bây giờ tôi hãy tiếp tục. Dân làng ta tự tranh đấu là không tham hai xu, rồi tranh đấu với tri huyện. Việc này, vì ta phá âm mưu của lão ấy, cho nên cần làm khéo. Ta cứ xin được đi đều phu, ăn đều công với Nhạc Lịch. Đừng nói đến đoàn kết, chia rẽ. Nhất là đừng nhắc lại những tiếng lão ấy dùng để khiêu khích, dò la ta, như những tiếng giác ngộ, tranh đấu. Ta lấy ngay tiếng của lão ấy lừa phỉnh ta để đập lại, là tiếng hân hạnh, vinh dự. Nhưng phải rủ nhau đến đông như buổi vừa rồi. Có thể là lão huyện nghi việc này có người cầm đầu, bắt làm đơn, để xem ai ký ở những dòng đầu, thì đúng là những người ấy thủ xướng. Thì ta không ký theo trật tự trên dưới như lần ký xin chia lại công điền, mà ký vòng tròn. Ta úp cái bát trên giấy, lấy bút chì khoanh miệng bát, rồi ký theo hình tròn ấy.

Anh Nhã lại ngạc nhiên về sự khôn ngoan của anh Lê:

-Tài quá nhỉ!

-Phải ký cho đông. Cả những người không có tên

trong danh sách đi phu cũng ký.

-Được rồi. Ông quyền Lạc đương phấn khởi. Ông ấy nhận là nếu cần nói với quan gì nữa, ông ấy xin nói. Từ tối đến giờ, tôi đã đi gặp gần khắp làng. Tôi đã cổ động cho mọi người sẵn sàng theo ta. Bây giờ tôi phải đi nữa mới được.

Anh Phùng sực nghĩ ra, nói:

- À, lại còn câu bác hỏi làm thế nào để giành quyền chủ động. Thì chính chúng ta vẫn nắm quyền chủ động, chứ không bị động. Bác vừa nói là từ tối đến giờ, bác đi cổ động cho mọi người theo ta, thế là bác đã ráo riết đi củng cố lại quyền chủ động của ta vẫn sẵn có đấy thôi. Anh Lê ví như đánh trận. Có tướng giỏi, nhưng quân phải có tinh thần cao, mới can đảm, hăng hái xông vào nơi nguy hiểm. Muốn quân có tinh thần cao, thì thường ngày, tướng phải luyện tập quân, chứ không thể lúc đáo sự, tướng mới dạy quân tập bắn. Cho nên hàng ngày, việc cổ động, tuyên truyền là cần. Lòng người về ai, thì chủ động về người ấy. Nếu từ trước đến giờ, ta không giác ngộ người làng, thì đánh đùng gặp việc khó khăn như việc này, ta bị động thật đấy.

Anh Nhã hiểu, rất phấn khởi:

-Thế thì chúng ta nhất định thành công.

Anh Phùng gật:

-Anh Lê còn cho tôi biết tình hình thế giới, tình hình trong nước. Nghe anh ấy, tôi sướng quá, y như người mù được sáng mắt, nhìn rõ đường đi, đi tới đâu. Anh ấy khuyên ta nhất định phải làm việc này cho có kết quả. Vì là việc lớn đầu tiên chúng ta đương đầu thẳng với người Nhật, với con hùm xám. Lần chống lệnh giới nghiêm,

chúng ta thắng, nhưng đã phải lợi dụng bọn hương lý. Lần này thì ta làm. Có kết quả, thì ta có nhiều kinh nghiệm để lần sau chống những ức hiếp mới. Không bị ức hiếp, ta mới có thì giờ, tâm trí, lo chuyện làm ăn.

Anh Nhã đứng dậy:

-Tôi cũng thấy sáng mắt, nhẹ nhõm trong người.

Anh Phùng đứng theo:

-Tôi cũng đi. Chúng ta phải chia nhau công việc thì làm mới kịp. Tôi đến cổ động thanh niên. Bác đến cổ động trung niên. Tôi tạt vào nhà bác Na gái, bảo bác ấy đi cổ động phụ nữ. Bác đến ông quyền Lạc, khuyến khích ông ấy mạnh dạn nói với lão huyện.

-Nhưng chú hãy nên nghỉ cho đỡ mệt.

Anh Phùng mỉm cười, lắc đầu:

-Trái lại, tôi thấy phấn chấn, khoẻ ra. Tôi ở nhà cũng không yên lòng được. Thôi, chúng ta cùng đi. Đừng để mất thì giờ. Ta phải giành lấy quyền chủ động.

***

Đúng như lời hẹn - đúng về nguyên tắc chứ không về chi tiết - mười giờ sáng hôm sau, Lê Sung về tới làng Văn Chương. hắn đi bằng ô tô. Theo hắn, chỉ có người thông sự.

Cái kết quả của buổi họp hôm trước làm cho hắn tự hào về sự khôn khéo của hắn. Hắn yên trí đã được lòng dân làng này, nên từ lúc qua cầu, hắn cố lấy nét mặt tươi tỉnh

như một người hiền lành, phúc hậu.

Hắn đến nhà lý trưởng.

Ba hồi mõ điếm nổi lên, dài và giòn tan.

Chức sự lục tục đến chào hắn.

Nhân dân cũng kéo nhau vào, đứng lố nhố ở sân. Có cả người già. Có cả người bế con mọn. Không ai nói chuyện với ai.

Thấy cái không khí trầm lặng, Lê Sung ngờ ngợ. Đáng lẽ những người này đã quen với quan dễ dãi, đã được quan xử vừa lòng, thì phải vui vẻ, ồn ào. Thế mà trái lại. Quả là họ có ý gì khác.

Một lát, họ rủ nhau vào sát thềm nhà. Ông quyền Lạc, ngực đeo hai cái mề đay đã ám khói, mặt đỏ nhừ - ông ta đã tợp một hơi rượu - đứng chính giữa, cứng người, xuôi thẳng hai tay.

Lê Sung đứng trong bậu cửa để nghe.

Ông quyền Lạc nói một lúc lâu, đại ý hỏi những điều nhân dân yêu cầu, có thực hiện không.

Vẫn giọng ngọt ngào, Lê Sung lần lượt trả lời:

-Về việc dùng đình làm kho chứa, lấy cả hay lấy một phần, quan chưa gặp quan Nhật, nên chưa biết rõ. Nhưng nhất định quan phải tranh đấu cho dân.

Hắn lại tủm tỉm, và nhắc:

-Quan tranh đấu, nghe chưa?

Rồi tiếp:

-Về việc mở rộng đường năm thước, cũng vì chưa gặp quan Nhật, nên quan cũng chưa điều đình. Song, chắc rằng việc này hơi khó. Phải tranh đấu mạnh mới thắng lợi.

Hắn lại nhìn mọi người. Nhưng hắn không thấy ai thay đổi nét mặt. Hắn nói nốt:

-Còn việc phát lương hàng ngày và phát thẳng cho phu, thì nhất định thôi.

Hắn gật gật. Vì chắc không ai ước mong gì hơn. Nhưng hắn thấy ai nấy vẫn thản nhiên. Hắn hỏi:

-Thôi chứ? Còn gì hỏi không?

Ông quyền Lạc thưa:

-Bẩm hết câu hỏi. Bây giờ dân xin đưa nguyện vọng. Ông lớn bảo sẽ phát cho phu bằng số tiền công tối thiểu của sở Lao công đặt ra, là hai hào rưỡi một ngày. Nhưng dân thấy là dù lĩnh thêm hai xu, cũng không sao đủ ăn được.

Lê Sung rầu rầu nét mặt:

-Quan cũng biết vậy. Nhưng thế nào gọi là hy sinh? Phàm làm việc vinh dự, thì phải có hy sinh. Làm việc có hy sinh mới được gọi là vinh dự. Ngày trước, thầy hy sinh vì Mẫu quốc, nên mới có vinh dự, được thưởng mề đay, có phải không?

-Dạ. Nhưng nếu hy sinh quá, thì dân không hy sinh lâu được. Ngay như mức lương tối thiểu của sở Lao công đã định, là ba hào bảy phu đàn ông, và ba hào phu đàn bà, cũng không đủ ăn, huống chi là hai hào rưỡi.

Rồi ông quyền Lạc thêm:

-Bẩm hai hào rưỡi là tiền công cũ đấy ạ.

Lê Sung giật mình. Hắn còn ngượng nữa. Môi tím lại, hắn dồn để uy hiếp người nói:

-Ai bảo, ai bảo là ba hào bảy với ba hào?

Ông quyền Lạc thản nhiên, đáp:

-Trình ông lớn, sở Lao công bảo ạ.

Nghe lời đáp có vẻ bướng bỉnh, Lê Sung tức. Mặt hắn đã xám càng thêm xám. Hắn hiểu ngay là những người chất phác hôm qua, mà hôm nay không chất phác nữa, tất nhiên phải có cái gì làm cho họ thay đổi nhanh chóng. Mà nếu không phải là bàn tay của cộng sản, thì là cái gì. Nhưng không thể đáp nổi lời nói đúng pháp luật, hắn hất hàm hỏi để lảng:

-Còn gì nữa?

Ông quyền Lạc nhắc:

-Bẩm thế đúng là ba hào bảy với ba hào, chứ không phải hai hào rưỡi ạ.

Rồi tiếp:

-Hôm qua, ông lớn bảo bắt ở Văn Chương một trăm phu, bắt ở Nhạc Lịch hai trăm phu. Và phát cho phu Văn Chương hai hào bảy một ngày, hai xu khẩu của Nhạc Lịch. Điều này, dân rất cám ơn ông lớn. Ông lớn nói rằng thương dân như con. Thế thì con xin lại cha, là Nhạc Lịch phải bao nhiêu phu, thì Văn Chương cũng đi bấy nhiêu, và cha phát cho Nhạc Lịch bao nhiêu, cũng phát cho Văn Chương bấy nhiêu thôi. Bởi vì Nhạc Lịch hay Văn Chương, cũng là anh em, con của cha, phải chia đều vinh dự cho nhau.

Mọi người yên lặng, hồi hộp. Lê Sung không kém vẻ bất bình, nhưng cố cười nhạt:

-Nghĩa là dân không muốn nhận ơn huệ của quan ban cho?

Ông quyền Lạc đáp:

-Bẩm nhưng Văn Chương được ân huệ này thì Nhạc

Lịch bị thiệt.

Lê Sung cắn môi, rồi gắt:

-Hôm nay, quan nhận thấy các người không được như hôm qua. Các người có thay đổi. Nhưng khốn nỗi, các người lại thay đổi từ khôn ngoan ra dại dột. Người khôn ngoan là người muốn được có nhiều tiền để hưởng sung sướng. Thế mà các người từ chối tiền để hứng lấy túng thiếu, khổ sở. Rõ ràng các người là dại dột. Quan nói thực cho các người biết. Ở đời này, có một hạng người không muốn sung sướng, mà chỉ thích hứng lấy khổ sở. Hạng ấy là đồ dại dột. Các người có biết họ là ai không?

Không ai đáp. Lê Sung nói:

-Là hạng cộng sản, biết chưa?

Hắn nghiến răng, nắm chặt bàn tay và nhắc lại:

-Là cộng sản! Bọn cộng sản ngông cuồng rồ dại, không muốn ở nhà hưởng sung sướng với cha mẹ vợ con, chúng muốn làm giặc để vào tù.

Lê Sung nhấn:

-Để vào tù! Cho nên quan nói thẳng cho dân biết là dân không nên nghe những thằng cộng sản nó xui bậy. Chúng nó dại dột thì chúng nó muốn tù tội. Dân khôn ngoan thì dân phải hưởng lấy sung sướng. Đừng dại dột tin nghe cộng sản, đừng mắc mưu cộng sản, ăn phải bùa phải bả chúng nó mà khổ lây.

Ông quyền Lạc vẫn nghiêm chỉnh, đáp:

-Bẩm dân không có ai là cộng sản. Dân muốn có nhiều tiền để hưởng sung sướng, nên mới trình ông lớn lương tối thiểu không phải là hai hào rưỡi. Thế là dân khôn ngoan chứ không phải dại dột. Vả lại, đối với làng Nhạc

Lịch, dân chỉ muốn công bằng. Nếu quan bảo vì thế mà là cộng sản, thì dân không biết kêu thế nào.

Lê Sung cáu quá, nói dỗi để doạ:

-Dân đã muốn thế, thì quan mặc kệ!

Hắn không hỏi thêm nữa, quay lại, bảo thông Hảo:

-Thày đưa danh sách cho lý trưởng bắt ngay phu. Muộn rồi. Thế nào chiều nay quan Nhật cũng về khám. Thày theo những điều tôi đã dặn, tổ chức thế nào, chia địa phận thế nào, cứ đúng thế mà thi hành.

Nói đoạn, hầm hầm vì bại trận, hắn xếp cặp, đi ra sân. Thông sự lo ngại, hỏi:

-Quan lớn sang Nhạc Lịch?

-Tôi lên tỉnh. Xong bên này, thày sang Nhạc Lịch mà làm việc. Bắt Nhạc Lịch một trăm phu thôi. Bây giờ lấy ở Văn Chương lên trăm rưỡi, thì không kịp. Nhưng đến mai thì cả hai làng đều phải đủ trăm rưỡi.

Lê Sung đi. Thông sự ở lại một mình, vật đầu vật tai. Rồi bắt chước quan phụ mẫu, hắn đùn trách nhiệm cho lý Sinh, lấy cớ là phải sang ngay Nhạc Lịch để gọi phu cho kịp.

Lý Sinh nhăn nhó. Mặt hắn méo như cái bị bẹp.

Dân làng ban nãy đứng ở sân có đến hơn trăm người, bây giờ ai về nhà nấy cả. Lý trưởng lại bắt đánh ba hồi mõ gọi.

Chừng nửa giờ sau, anh Nhã, anh Phùng, và một vài người nữa đủng đỉnh đến. Chỉ anh Nhã có cuốc, và anh Phùng có sọt, còn mấy người kia đi tay không. Thấy vắng quá, lý Sinh phải cho tuần đi gọi từng người. Nhưng tuần chỉ tìm thêm được một người là anh Ban.

Từ hôm được tha về, anh Ban cứ hùng hục ở ngoài đồng. Có anh em giúp sức, đổi công, chín sào của anh đã xanh kín. Nhưng màu trồng chậm thì thu hoạch chậm. Ba hôm nay, bố con anh đã phải bữa cháo, bữa cơm rồi, thì lấy gì mà ăn qua kỳ giáp hạt này. Cho nên anh cố chăm cho đay tốt, mong được xếp hạng nhất.

Thấy đã hơn mười hai giờ rồi, lý Sinh phải triệu tập bừa bãi. Nhưng chỉ được độ hai mươi người. Hắn sợ quá, lại cho đi sục lần nữa, song, không thêm được ai. Nhà nào cũng ắng tinh. Cửa đóng im ỉm.

Hắn cáu lắm, gắt với những người có mặt:

-Sao mà tranh đấu thì nhanh nhẩu thế, đến lúc phải đi phu thì bảo nhau trốn tiệt!

Anh Ban đáp bằng giọng khủng khỉnh:

-Ông hỏi những người đi trốn, chứ hỏi gì chúng tôi. Chúng tôi biết đâu! Cỏ tôi làm chưa xong, thấy mõ gọi, tôi phải đi ngay. Lần này là lần thứ hai, tôi nghe ông. Chẳng biết có phải khổ như lần trồng đay không!

Nhưng một tin ở Nhạc Lịch đưa về làm lý Sinh yên tâm. Ở bên ấy, lý trưởng bắt tuần hết sức tróc nã, mà đến bây giờ cũng mới tìm được hai chục người.

Nghe tin ấy, anh Nhã cũng sửng sốt. Anh không hiểu vì sao, Văn Chương với Nhạc Lịch, không ai bảo ai, mà cùng hành động giống nhau.

Thông Hảo cho gọi lý Sinh dẫn phu sang Nhạc Lịch.

Cả hai làng, số phu chỉ có bốn mươi ba người. Phải loại mất ba người tàng tật. Còn bốn mươi.

Thông sự lo sợ, cự hai người lý trưởng là không hết lòng. Hắn chia phu ra năm tốp, mỗi tốp tám người, phụ

trách mười thước. Khi thấy hầu hết họ đi tay không, thông sự gắt như mắm. Một thanh niên ở Nhạc Lịch thản nhiên đáp:

-Chúng tôi làm gì có tiền mà sắm cuốc với sọt. Mấy lị ông lý có bảo trước dân đâu mà chúng tôi đi mượn.

Anh Nhã chú ý đến người này. Tên anh ta là Ngọc.

Vì chưa có đủ dụng cụ, nên thông sự cắt việc:

-Bây giờ ai ở Nhạc Lịch thì về mượn dao. Để ba tốp ngả tre, một tốp phạ đòn gánh, một tốp chẻ nan đan sọt và làm cọc cắm cừ.

Vì không thấy gọi đích danh, phu Nhạc Lịch không ai nhúc nhích. Họ đùn nhau, mất đến mười lăm phút. Sau lý trưởng phải trỏ từng người, họ mới đi.

Chừng gần một giờ sau, họ mang ra tám con dao. Lý trưởng tìm cái luỹ tre ngay gần đường cái nhựa, bảo họ chặt. Nhưng họ vừa chém được vài nhát, đã phải ngừng tay. Một bà vẻ mặt rất đanh đá, ra tru tréo, nhất định không cho ai phá tre của mình. Thông sự và lý trưởng phải điều đình và mặc cả thành giá, bà ta mới bán.

Trong khi ấy, những người chưa có việc gì làm, thì đi đi lại lại, nói chuyện với nhau. Phu Văn Chương làm quen với phu Nhạc Lịch. Anh Nhã làm quen với anh Ngọc. Nghe anh Ngọc nói, anh Nhã mới rõ vì sao Nhạc Lịch, lại không muốn lĩnh thêm hai xu công khấu của Nhạc Lịch, đã làm cho Nhạc Lịch cảm động, phục Văn Chương là đứng đắn. Vì thế đến khi dò biết thanh niên Văn Chương trốn, thanh niên Nhạc Lịch cũng làm theo.

Bỗng anh Nhã thấy một người thợ cạo ở gốc đa, đương cắt tóc cho một người làng Nhạc Lịch.

Anh ngờ ngợ. Anh đến gần, thì xuýt mừng rú lên. Anh

Hùng! Đích xác là anh Hùng! Anh Hùng đến đây để làm gì?

Chờ anh Hùng làm việc xong, anh Nhã lại gần. Anh mỉm cười, chào, thì anh Hùng nói nhỏ:

-Tôi ở đây vài hôm. Nhưng có gì khó khăn lắm hãy hỏi tôi. Tìm bên Nhạc Lịch xem anh nào là anh Ngọc để có gì thì bảo anh ấy, hai làng cùng làm. Ở đây lắm chó lắm đấy. Nên cẩn thận.

Anh Nhã hiểu tiếng "chó". Chó tức là "chúng nó". Anh lảng xa anh Hùng, nhưng tự thấy nhẹ nhõm, khoẻ khoắn. Anh Hùng đến đây tức là Đảng đến đây. Bao giờ Đảng cũng sẵn sàng cứu dân. Chỗ nào gặp khó khăn, là có bàn tay của Đảng vươn tới giúp đỡ. Anh nhớ lại lần anh Na có khách. Anh tin là Đảng sáng suốt, việc gì ở đâu cũng biết, nên thấy làng Văn Chương muốn phá ý định của tên lý trưởng nịnh quan, bắt dân đón rước tốn kém, thì Đảng cho người ấy đem ý kiến về bảo anh Na. Nhưng hôm ấy, anh đã đoán sai. Anh Na còn ở nhà, thì anh Na là Đảng rồi. Lần này anh Na đi vắng, thì Đảng cử anh Hùng về. Đảng thật như người mẹ, lúc nào cũng thương yêu con.

Rồi anh tự hỏi. Thế thì Đảng ở đâu? Đảng là ai? Sao ở đâu có việc gì, Đảng cũng biết ngay được? Hay là Đảng ở khắp nơi? Khắp nơi, chỗ nào cũng có Đảng? Làm thế nào tìm thấy Đảng, nhìn thấy Đảng? Anh lại tự đáp: phải Đảng bí mật lắm. Bởi vì Đảng hoạt động ở trong lưới nó quây chặt lấy nhân dân. Đảng phải kín đáo xé dần từng mắt lưới cho Đảng cùng nhân dân ra thoát. Anh phấn chấn, thỉnh thoảng đưa mắt ngắm nghía anh Hùng trong vai thợ cạo, thoăn thoắt tay lược, tay kéo, ở gốc cây đa.

Anh lại để ý trong đám phu, cố nhận xem đứa nào là "chó". Có một thằng làm anh rất ngờ. Trông bề ngoài của

nó, anh có thể lầm là người của sở Lục lộ tỉnh phái về. Nhưng khi thấy nó lăng săng chạy chỗ nọ, chỗ kia, luôn miệng chửi bới Tây, Nhật, và dùng toàn những tiếng của Lê Sung hay nói, như *tranh đấu*, như *giác ngộ*, vân vân, anh biết ngay là nó khiêu khích. Anh dặn anh Phùng, anh Ngọc báo cho người hai làng đề phòng, tránh xa nó, đừng bắt chuyện nó.

Bỗng trên đường cái, một xe ôtô đến ngã ba thì đỗ. Xe ấy là loại xe vận tải, sơn màu xanh. Phía sau, đóng như cái hòm lớn, kín mít.

Anh Nhã giật mình, vì đã biết ngay xe ấy là xe của sở mật thám, thứ xe đi bắt người. Anh chú ý nhìn. Thằng Phu-tít với hai người nữa xuống đất, đi thẳng đến phía có đông người. Bỗng trong nháy mắt, phu phen chạy nhốn nháo. Anh biết là có động. Thấy mọi người chạy, anh cũng chạy. Thì thình lình, hai cánh tay anh bị ghì chặt. Một đứa đứng đằng sau anh từ bao giờ, túm giữ anh. Anh mất cựa. Mắt anh hoa lên. Trống ngực anh nổi mạnh. Trong lúc bối rối, anh trông thấy anh Hùng đương vật lộn với một thằng. Ngoài ra, còn ba người nữa cũng bị bắt.

Thằng Phu-tít lại chỗ anh đứng, đưa xích sắt cho tay sai xích tay anh. Những đứa khác dẫn những người bị bắt đến trình nó. Một thằng trỏ vào anh Hùng:

-Chính nó.

Đến lượt anh Nhã và ba người kia, chúng nó vạch tội:

-Những thằng này liên lạc với thằng này.

Nó trỏ anh Hùng.

Anh Nhã nhận thấy trong ba người ấy, hai người là phu Nhạc Lịch, vì không có việc gì làm, đã đến nhờ anh Hùng cắt tóc. Còn một người nữa, anh rất ngạc nhiên, vì

chính nó là cái thằng mà anh ngờ là thám tử khiêu khích.

Thằng thám tử mặt xám ngoẹt, run bần bật, mếu máo kêu:

-Lạy quan lớn, con là người của quan huyện con phái về.

Nhưng thằng Tây lại mặt sắt đen sì không nói gì. Nó xích chặt tay năm người ríu vào với nhau. Nó mở sổ, hỏi tên từng người, rồi quắc mắt nhìn lý Sinh mà nó nhớ mặt là lý trưởng, trỏ vào anh Nhã, hỏi:

-Sao người làng mày, tao chỉ bắt được một thằng này?

Còn những thằng Lạc, Ban, Long, Thung, Phùng, Bàng, Thái, Xích, Lung và Na đâu cả? Chúng nó trốn rồi?

Lý Sinh sợ hãi, đáp:

-Lạy quan lớn, những tên Ban, Thung, Phùng vừa có mặt ở đây. Những tên Lạc, Long, Bàng, Thái, Lung, Xích, không phải đi phu. Chúng nó ở nhà chúng nó. Còn tên Na thì ngày nọ quan lớn đã đến lùng bắt, nhưng nó đã trốn thoát.

Thằng Phu-tít cau mặt gắt:

-Na đàn bà, là vợ thằng Na! Bú dù!

-Dạ, thế thì nó ở nhà nó.

-Mày dẫn tao đi.

Nói đoạn, nó để một tên tay sai ở lại canh năm người, rồi huỳnh huỵch tiến vào làng Văn chương.

Anh Nhã nhìn theo, căm giận tên tri huyện khốn nạn. Để trả thù làng anh, nó xui sở mật thám bắt không những là người đã mạnh dạn đưa ý kiến thẳng thắn với nó, mà còn là những người nó vẫn nghi, và những người có máu mặt.

Một giờ sau, thằng Phu-tít ra. Theo sau nó, anh Nhã thấy lố nhố có nhiều người. Anh hồi hộp. Nhưng khi nó đến gần, anh chỉ thấy có ông quyền Lạc và ông Thái bị xích tay. Anh mừng thầm cho những người đã nhanh chân thoát được tai nạn.

Tên Chánh mật thám dẫn bảy người bị bắt ra ôtô. Nó nhốt họ vào trong hòm, khoá cửa lại, rồi mở máy cho xe chạy.

Chỗ làm việc vắng tanh. Tre, đao, vứt ngổn ngang. Thông sự với hai lý trưởng nhặt nhạnh để xếp gọn vào một đống.

Độ năm phút sau, bỗng lại một chiếc ôtô nữa tới. Xe này đến ngã ba thì đỗ.

Thông sự thấy lại là xe lạ thì rất lo. Quả nhiên, có hai người xuống đất. Nhìn rõ người Nhật Bản và người thông ngôn hôm trước, hắn nổi trống ngực thình thình. Nhưng không lẽ dám chạy trốn, hắn phải đến đón người Nhật.

Người Nhật hỏi:

-Ông huyện đâu? Chưa bắt đầu làm việc à?

Mặt tái như gà cắt tiết, thông sự đáp để đỡ đòn:

-Trình quan lớn, quan huyện con đi tỉnh lúc trưa. Ở đây phu đương làm việc, thì quan Chánh mật thám tỉnh đến bắt. Phu sợ quá, chạy hết. Chúng con không sao gọi lại được.

Người Nhật lầu bầu trong họng một lát, rồi lại hỏi:

-Tại sao Chánh mật thám bắt phu đương làm việc? .

Thông sự ngớ ngẩn đáp:

-Con không biết.

-Bắt lúc nào?

-Bẩm mới đi chưa được mười phút, để bây giờ mới sắp đến bến đò Tịnh Hào.

Người Nhật không hỏi thêm. Hắn quay ra xe. Xe mở máy, rít lên như giận dữ, rồi chạy hết tốc lực về phía tỉnh.

Chừng ngót một giờ sau, xe ấy trở lại, có nhiều người lổm ngổm cả ở trên mui.

Cửa xe mở. Người Nhật Bản và người thông ngôn chui ra. Bảy người lần lượt nhảy từ mui xuống đất, theo người Nhật Bản đến chỗ thông sự đương chạy tới.

Người Nhật nói:

-Những người này tốt. Không có tội gì. Ông phải gọi ngay phu đến làm việc với họ.

Nói xong, hắn lên xe đi. Thằng thám tử của Lê Sung thấy mọi người vui vẻ, thì nó trơ trẽn quá. Nhân lúc không ai để ý, nó lẳng lặng lủi mất.

Anh Nhã kể chuyện lại: Xe của sở mật thám đến bến đò Tịnh Hào, đương chờ phà sang ngang, thì xe của người Nhật Bản tới. Người Nhật Bản hầm hầm mắng thằng Phu-tít là phá công cuộc làm đường của nó. Thằng Phu-tít cãi, liền bị ba cái tát rất đau. Người Nhật Bản bắt nó phải thả tất cả, rồi đe:

-Mày có óc bài Nhật! Liệu hồn! Mày sẽ phải đổi về Hà Nội!

Đoạn người Nhật xua cả bảy người lên ngồi trên mui xe để trở về cho chóng.

Anh Nhã nói rằng sở dĩ anh hiểu thế, vì người thông ngôn xỏ lá, không dịch lời người Nhật ra tiếng Pháp cho thằng Tây lai hiểu riêng, mà để nó nhục nhã, người ấy đã

nói bằng tiếng Việt Nam, và cũng giơ chân giơ tay, lấy giọng gắt gỏng, y như chủ.

***

Thế là chiều hôm ấy, bốn mươi người phu không làm trọn được việc gì. Tre chặt rồi, nằm còng queo bên luỹ. Có cây mới bị đao bập vào vài nhát, mới ngoẹo xuống, chưa lìa hẳn gốc. Dao rựa vô chủ, chẳng ai buồn cất về.

Lê Sung được cấp báo. Hắn biết tình thế rồi rất khó khăn, nên lấy cớ là bận nhiều việc phải ở lại huyện. Hắn đùn hẳn trách nhiệm cho người thông sự, để người này chịu cho hắn cái nhục thua cộng sản. Hắn còn dọa thông sự là nếu không làm nổi, không những bị quan Pháp khiển trách là sơ khoáng chức vụ, mà nguy hiểm hơn, còn bị quan Nhật nghi là bài Nhật nữa.

Thông sự ngấm ngầm thở vắn than dài. Hắn cũng đem những lời Lê Sung dọa nạt hắn để dọa lại lý trưởng Văn Chương và Nhạc Lịch.

Hai người này sợ hãi, cũng lấy ý dọa nạt ấy, cho rao mõ để dọa nạt dân.

Nhưng dân chẳng sợ hãi chút nào. Sáng hôm sau, cả hai lý trưởng bắt mãi mới được hơn hai chục người đi làm. Và vẫn cứ tay không. Khi bị lý trưởng quát gắt, họ mới đủng đỉnh đi mượn sọt, mượn đòn gánh. Rồi khi tập họp lại, cả hai làng, chỉ còn có mặt mười bốn người. Những người kia, lấy cớ đi mượn dụng cụ, đã đi thẳng một mạch sang làng khác, không trở lại nữa.

Lo sợ quá, lý Sinh đành bắt cả con hắn, và nói khó với

chánh hội cho anh Trụ đi làm. Hắn lại bắt luôn cả mấy người hàng xóm, không kể tuổi tác, không kể sức lực. Nhưng cũng chỉ thêm được có năm người nữa thôi.

Mười chín người đến chỗ luỹ tre, Trông lèo tèo qúa. Họ lờ phờ tìm dao, rồi cãi nhau.

Chợt thấy anh Hùng tay xách hòm dao kéo đứng ở gốc đa và hai người bán quà bánh đương đi vơ vẩn ở đó, thông Hảo nghĩ ngay ra cách lấy thêm người, là thuê ba người này. Nhưng hai người hàng quà sợ lại có chuyện bắt bớ lôi thôi như chiều hôm trước, vội vàng chuồn mất. Chỉ còn một mình anh Hùng chịu làm.

Được anh Hùng trà trộn vào với phu phen, anh Nhã mừng lắm. Anh ước ngầm được anh Hùng về ở hẳn Văn Chương trong những ngày này, thì cả làng đều như có cái cột vững chắc để dựa.

Nhân lúc đứng ở chỗ riêng, anh ngỏ ý ấy với anh Hùng. Anh Hùng cười, gật đầu:

-Tôi cũng muốn thế. Cứ làm việc lảng tảng thế này là tốt rồi. Mai đến ít hơn càng tốt hơn.

Bỗng có tiếng ồn ào ở phía đóng cọc cừ. Anh Phùng cãi nhau với anh Ban. Thế là cả mười mấy người ngừng tay chạy đến nghe hai anh phân trần. Anh Phùng nói đường rộng ba thước, cọc của anh đóng, tính từ giữa đường trở ra, là một thước rưỡi. Anh Ban nói đường mở những năm thước, cọc của anh đóng tính từ mép đường bên kia. Thấy hàng cọc cái ra cái vào, không thẳng nhau, người đứng xem không biết ai phải, ai trái. Người bênh anh Ban. Người bênh anh Phùng. Rồi họ cũng cãi nhau loạn xạ. Lý Sinh giải tán mãi không được. Thông sự thạo đời hơn, biết rằng giải tán khó, nhưng nếu đạp tắt được mầm cãi nhau, tức thì mọi người không còn có gì để nói nữa. Hắn đến can

anh Phùng và anh Ban, và khuyên giải hai người. Nhưng cũng vô hiệu nốt.

Chỉ anh Nhã hiểu vì sao hai người bạn của anh cãi nhau. Họ chỉ muốn làm cho ai nấy mất thì giờ, chứ không vì sao cả. Cho nên anh Phùng cố đỏ mặt tía tai, và anh Ban cố làm ra bộ hung hăng. Anh Nhã nhìn thấy những nét mặt diễn kịch thì buồn cười, nhưng không dám cười.

Cuộc lộn xộn này kéo dài được hơn nửa giờ, thì đến lượt anh Hùng kiếm chuyện. Anh nói với thông sự:

-Tôi sợ phép cụ, làm giúp cụ nửa ngày rồi. Bây giờ cụ phát công cho tôi về kẻo nhà tôi ở xa.

Thông sự trợn mắt:

-Anh về đâu? Anh ở lại đây làm cho đến ngày xong việc chứ?

-Tôi làm thì ai thổi cơm cho tôi ăn!

Mọi người xúm đến, xem người thông sự lo mất phu.

Nhưng người lo hơn hết, không phải là thông sự, mà chính là anh Nhã. Anh Nhã không hiểu vì sao anh Hùng muốn ở luôn tại đây, mà lại xin về. Anh Hùng mà vắng mặt, thì thuyền như mất lái.

Cả lý trưởng Văn Chương lẫn Nhạc Lịch đều tìm những lời lẽ rất xuôi tai để dỗ anh Hùng. Anh Nhã cũng muốn nói, nhưng sợ lộ, đành đứng im để nghe.

Anh Hùng nói:

-Tôi ở xa, nếu làm ở đây mà ngày hai buổi cứ phải về nhà thổi cơm, thì không còn thì giờ nữa. Mấy lị tôi làm nghề cắt tóc, được tự do, muốn nghỉ lúc nào thì nghỉ, mà mỗi ngày kiếm được nhiều hơn là đi phu.

Thông sự khuyên:

-Nhưng mà sống hấp hênh. Ở đây, anh không lo không có khách, lại nhàn hạ. Làm việc với đông người thì vui. Còn như anh ngại xa, thì nếu anh muốn ở gần, tôi thu xếp hộ, chẳng lẽ hai làng này không có chỗ chứa nổi một mình anh à?

Anh Hùng vẫn kiếm cớ để từ chối:

-Nhưng tôi là người lạ, ai dám chứa?

Lý trưởng Nhạc Lịch cười:

-Trước lạ sau quen. Trong làng tôi, khối chỗ rộng, anh ạ.

Lý trưởng Văn Chương nói:

-Ông lý Nhạc Lịch nhường cho tôi. Anh vào Văn Chương mà ở. Trong ấy vui đáo để. Ở ngay nhà tôi cũng được. Mặt mũi hiền lành thế kia thì có gì đáng ngại.

Anh Ban nói đùa:

-Anh ấy mà ở nhà ông lý, thì ông lý tha hồ mà cạo mặt.

Tất cả ồ lên cười. Nhưng lý Sinh sợ cá sắp cắn câu mà nhả mồi ra thì tiếc, lại nói:

-Hay là tuỳ anh. Anh muốn ở nhà ai cũng được.

Anh Ban lại pha trò:

-Thế thì ở với tôi. Tôi có em gái đẹp, chưa có chồng.

Lý Sinh lườm anh Ban, rồi cố gây lại không khí nghiêm trang, hắn nói:

-Tôi định xếp chỗ cho anh ở trong tôi. Anh bằng lòng chứ?

Anh Hùng cười:

-Ông cho tôi nghĩ đã.

Lý Sinh tặc lưỡi:

-Có gì mà phải nghĩ? Hay là anh em đây, có ai nhà rộng để anh này đến ở không? Tôi bảo đảm.

Cố nhiên anh Nhã nhận việc ấy. Lý Sinh mừng quá, phỉnh anh Nhã:

-Cũng là hy sinh. Quan đã nói có hy sinh mới có vinh dự.

Anh Ban nói to:

-Chẳng biết vinh dự hay tai vạ. Cho người lạ đến nhà ở, lỡ ra thì khốn.

Thông sự cau mặt:

-Cái nhà anh này! Công việc người ta vừa thu xếp ổn, lại chọc vào để phá.

Rồi hắn nói vưới anh Nhã:

-Anh không sợ. Ông lý đã bảo đảm. Tôi cũng bảo đảm.

Từ lúc đó, anh Nhã và anh Hùng luôn luôn làm việc gần nhau. Rồi anh Phùng, anh Ban, anh Ngọc, và cả anh Nhàn, anh Trụ, cũng đến nghe chuyện anh Hùng.

Tàu hốn giờ về được một lát, anh Hùng rủ cả bọn nghỉ tay sớm để đi lĩnh công.

Việc phát công không được trơn tru. Thông sự nhất định chỉ trả hai hào rưỡi. Nhưng mọi người nhất định đòi ba hào bảy. Thông sự khăng khăng không nghe:

-Quan đã truyền thế, tôi không dám tự tiện tăng tiền. Nếu các người không nghe thì tôi tạm giữ công hôm nay lại, tôi về huyện trình quan, ngài dạy thế nào, rồi hãy hay.

Anh Ngọc hỏi:

-Thế mai không đi làm việc à, hở cụ.

Anh Ban đáp:

-Đúng rồi. Mai nghỉ để tôi ra đồng làm. Tôi còn khối việc. Mấy lị chờ quan dạy thế nào đã chứ.

Anh Phùng hỏi:

-Thế ngộ quan vẫn dạy là hai hào rưỡi thì sao?

Anh Hùng nói:

-Thì thôi, không làm nữa, chứ sao?

Anh Nhã nói:

-Chúng tôi không chờ quan đâu. Hôm qua, chúng tôi đã đi nửa ngày rồi. Đáng lẽ chúng tôi phải lĩnh cả công nửa ngày ấy, nhưng vì chưa làm được gì, nên chúng tôi kể như là không. Thế là chúng tôi biết điều rồi. Còn như quan bảo hai hào rưỡi một ngày, là ngài nhớ sai lương tối thiểu của sở Lao công định. Chính ra là ba hào bảy. Chúng tôi lĩnh ba hào bảy, không đủ ăn đâu. Nhưng chúng tôi cứ hy sinh. Nếu cụ chỉ phát hai hào rưỡi, chúng tôi đói thì làm việc sao được. Nếu đói quá, mà chúng tôi chết, thì còn ai để hy sinh nữa.

Anh Ban tức run lên. Mặt đỏ như gấc, anh giơ tay, gò thật to như để trút hết uất ức:

-Cụ phải biết rằng tôi khổ lắm rồi. Tôi đợi mấy tháng không có đay. Thế là lỗi tại ai, mà đến ngày có đay, tôi lấy về trồng, quan cũng bỏ tù tôi? Tôi để đất không, không làm màu, cho nên bây giờ giáp hạt, tôi không có gì để ăn, bố con tôi phải bữa cơm bữa cháo. Nhưng tôi cũng cứ tuân lệnh trên bỏ việc nhà để đi phu. Thế thì tôi có tội gì mà tôi cũng lại bị bắt? Hôm qua, tôi không được đồng tiền nào, bố tôi ở nhà phải nhịn đói kia kìa.

Anh rơm rớm nước mắt, hung hăng hỏi:

-Cụ không phát công để giết chết chúng tôi, thì cụ bảo?

Thông sự lúng túng, không biết đáp sao được, thì anh Hùng ôn tồn lên tiếng:

-Tôi tính bây giờ cụ cứ phát đủ số ba hào bảy cho anh em. Nếu quan không bằng lòng, thì mai cụ trừ. Và nếu cụ trừ, thì rồi thế nào, chắc cụ biết đấy. Bởi vì chúng tôi đi làm, cốt trông mong ở đồng công để ăn. Không đủ ăn, chúng tôi không làm. Đó là quyền của chúng tôi. Tôi e rằng cụ phát lương ngày đầu mà lôi thôi thế này, thì mai không khéo không còn người đi làm nữa.

Thông sự bị dọa, sợ quá, bất đắc dĩ phải nghe:

-Tôi hãy tạm ứng cho các anh vừa lòng. Không khéo lại phải đền thì chết.

Rồi hắn phàn nàn:

-Lại bảy xu lẻ loi. Làm gì có hào có xu bây giờ đây!

Hắn lấy bút ra, miệng lẩm bẩm, làm tính, rồi nói:

-Thế này thì gọn: Nhạc Lịch chín người, lĩnh ba đồng ba hào ba xu. Văn Chương mười người, thêm anh phó cạo là mười một, lĩnh bốn đồng bảy xu lẻ. Tôi không có hào có xu, thì tôi đưa cho ông lý Nhạc Lịch ba đồng, cho ông lý Văn Chương bốn đồng. Các người về nhà hai ông ấy mà lĩnh.

Phu Nhạc Lịch bị thiệt nhiều, nhao nhao lên phản đối. Anh Nhã nói:

-Quan đã đồng ý là phát thẳng lương cho phu, xin cụ đừng làm trái lệnh quan.

Lý trưởng Nhạc Lịch giảng:

-Tiền lẻ mà cụ thông giữ lại, chẳng qua là phí tổn bút chì, chứ cụ được đồng nào.

Lý trưởng Văn Chương lắc đầu:

-Thôi, tôi chẳng dám dây, lỡ xảy ra gì lại đổ tại tôi. Cụ cứ phát thẳng cho phu.

Anh Phùng nói:

-Không có đủ, chúng tôi không nhận.

Anh Hùng làm như đứng trung lập, xui khéo mọi người:

-Thế này thì mai tôi xin đi cắt tóc thôi.

Thông sự nhăn nhó:

-Nhưng mà làm thế nào được?

Anh Hùng đáp:

-Để tôi giúp cụ. Tôi có mấy xu lẻ đây. Nhạc Lịch được ba đồng ba hào ba, thì cụ đưa cả bốn đồng. Tôi cho Nhạc Lịch vay sáu hào bảy xu giả lại cụ. Văn Chương được bốn đồng bảy xu, thì cụ đưa cả bốn đồng bảy xu. Thế là sòng phẳng.

Rồi anh nói đùa:

-Tôi cũng hy sinh để lấy vinh dự đấy mà.

Thông sự tính toán lại một lần nữa, rồi phát tiền theo lời anh Hùng. Anh Nhã nhận tiền cho Văn Chương. Anh Ngọc nhận tiền cho Nhạc Lịch.

Nhưng Nhạc Lịch không nỡ để anh Hùng hy sinh. Chín người góp nhau hào xu họ có sẵn ở trong túi, được đủ số trả lại anh Hùng.

Mọi việc xong xuôi, ai cũng hể hả.

Nhưng hôm sau, lấy lý do là sợ quan huyện nhất định

chỉ phát công hai hào rưỡi, hoặc sợ thông sự hà lạm, một số người không đi làm. Làng Văn Chương chỉ có mặt năm người, là anh Hùng, anh Nhã, anh Phùng, và hai người nữa, muốn trốn cũng không nổi, là anh Nhàn và anh Trụ.

Làng Nhạc Lịch cũng đi đúng năm người.

Mười người đương làm uể oải, thì người Nhật đi xe ôtô đến. Thấy ít phu quá, hắn cho là tại ảnh hưởng của cuộc bắt bớ hôm trước. Hắn cáu lắm. Cho nên thấy lý Sinh ra chào, hắn giơ thẳng cánh, tát cho hai cái. Lý Sinh ngã dúi.

Nhân được dịp tốt. Anh Hùng nói to:

-Chạy đi, không chết cả bây giờ!

Tức thì mười người chạy tán loạn. Cả lý trưởng Nhạc Lịch, rồi cả thông sự nữa, thấy thế nguy, cũng cắp đít chuồn mất.

Vì vậy, từ hôm sau, không có thế lực nào bắt nổi một người nào đi làm nữa. Lý trưởng gọi tuần. Nhưng tuần cũng đi trốn từ bao giờ.

Dần dần, cọc cắm ở hai bên đường làm cừ bị nhổ từng cái một. Sọt, chơ chồng mỗi nơi một cái, bị trâu bò giẫm bẹp. Đất cuốc dở, tảng nọ nằm cạnh tảng kia, nham nhở ở các ruộng, cỏ đã lấm tấm xanh.

Và rồi không thấy bóng người Nhật Bản lai vãng đến nữa.

Người thông sự sợ bị tiếng là đình công với phu, ở lại chờ hắn một tuần lễ. Nghe ngóng mãi, hắn thấy im ắng, Nhật không về, Tây không đến. Hắn ngờ là các quan bỏ ý định đắp đường này, mới dám về hắn huyện.

Các quan bỏ ý định đắp đường này thật.

Một hôm, có người thấy chiếc xe ôtô của người Nhật Bản quen mặt ấy đi trên đường cái nhựa, nhưng không đỗ ở đầu làng Nhạc Lịch, mà dừng bánh ở trước đền Đào. Dân đoán là quan Nhật định lấy đền này làm kho.

Họ vui vẻ lắm, vì được thoát một tai nạn lớn. Họ không hiểu vì sao hai làng Văn Chương và Nhạc Lịch bị tước mất vinh dự giúp nước bạn làm chiến tranh.

Nhưng anh Nhã hiểu. Anh đã cùng anh Hùng, anh Lê, anh Phùng, anh Ban phân tách việc này. Các anh tìm ra lý do, là con cháu Thiên hoàng đã ngại. Họ ngại là kho đặt ở đình một làng mà nhân dân giác ngộ thì không có lợi. Kinh nghiệm xương máu ở Trung Quốc, trong vùng họ tạm chiếm, đã dạy họ nhiều bài học lớn. Vả đình Văn Chương ở xa đường cái, phải mở rộng lối cho xe đi, cũng phiền. Họ đã trông rõ tinh thần làm việc chung là có tính chất phản đối hẳn hoi. Nhất là đường vào lại phải qua một chiếc cầu gỗ, lúc nào bị cưa ngầm đi cũng không ai biết được. Như vậy thì rất nguy hiểm. Vì những trở ngại ấy, nên họ chán nản, mới chọn địa điểm khác, để ít gặp khó khăn.

Dân làng Văn Chương rất vui sướng. Anh Nhã vui sướng hơn. Anh đã thấy kết quả của cuộc đấu tranh có tổ chức và có kế hoạch. Anh càng phấn khởi hơn nữa, vì được có anh Hùng ở nhà với anh.

***

Người làng Văn Chương thấy có anh thợ cạo đến ở nhờ nhà anh Nhã, thì cho là một sự rất tiện. Họ không phải chờ phiên chợ Nhạc Lịch mới đi cắt tóc, không phải nhẫn

ông phó Sửu tận trên Kẽm, thỉnh thoảng mới ghé qua làng.

Bởi vậy, anh Hùng luôn luôn bận. Khách đến tận nhà anh, nhờ cạo. Khách gọi anh đến nhà để cạo. Có người tự nhiên anh đến nhà, bảo rằng để cạo, nhưng để nói chuyện. Khách của anh, người trả tiền ngay, người chịu tiền. Có những người rất chăm cạo mặt, nhưng không phải trả tiền, như lý trưởng Sinh, phó lý Kiêu, chánh hội Tuy, phó hội Dương và năm người lính cơ. Cho nên các tầng lớp người làng Văn Chương đều muốn anh Hùng ở mãi trong làng. Mà anh Hùng cũng lấy cớ là ở đâu quen đấy, ở lâu thành thân, và lấy cớ là nhiều người còn nợ tiền, nên không thể dứt khỏi làng này để đi chỗ khác được.

Anh Hùng được nhiều người yêu thích. Yêu thích nhất, trước hết phải là những người được cạo không mất tiền. Thanh niên yêu thích anh, vì anh vui tính, đem lắm chuyện các nơi về để nói, chuyện nào cũng có nghĩa lý như một bài học. Trung niên yêu thích anh, vì có vài lần, vài ông, do nhà bấn người, được anh đến giúp đỡ, tận tâm không kém gì máu mủ ruột thịt, thế mà bảo ở lại ăn bữa cơm, thế nào anh cũng không ở. Rồi tiếng lành đồn xa. Các ông già bà cả yêu thích anh, vì anh năng đến thăm hỏi. Các cụ thấy anh hoà nhã, ăn nói tử tế, thỉnh thoảng thân mật khuyên bảo con cháu các cụ những điều hay lẽ phải, thì các cụ rất vừa lòng.

Dần dần, dân làng Văn Chương hiểu vì sao người Nhật bỏ ý định mở rộng đường, và không lấy đình làng làm kho. Nhận rõ đó là do đoàn kết với Nhạc Lịch để tranh đấu, họ phấn khởi lắm. Họ bảo tuy bây giờ nhà nước cấm ngặt đoàn kết, nhưng dân vẫn đoàn kết và đã khôn khéo hơn mấy năm trước.

Họ biết rằng đoàn kết thì có lợi, không đoàn kết thì

chịu thiệt hại. Họ càng thấy đấu tranh là cần để thoát khổ.

Vì vậy, có nhiều buổi chiều, không đợi những tiếng bóng đá bình bình, người làng đã ra sân miếu để gặp nhau. Họ đến đông hơn trước. Họ bắt chước từng người, diễn lại từng cảnh, nhắc lại từng lời, mà họ đã nghe thấy và trông thấy từ hôm người Nhật Bản lầm lì về làng lần đầu tiên, cho đến hôm người ấy ngó nghiêng đứng nhìn qua khe cổng đền Đào. Ngày nào, ngần ấy chuyện cũng được nhắc đi nhắc lại. Nhưng người nói không biết chán, mà người nghe vẫn lấy làm vui. Họ nói, họ nghe, hãnh diện như những người thắng trận kể lại chiến công oanh liệt.

Rồi tin thằng Phu-tít bị đổi, làm họ mất ruột. Nhưng khi nghe nói thằng Chánh mật thám mới, tên là Xi-va-đi, ác không kém thằng Phu-tít, họ cũng biết rằng rồi làng Văn Chương còn bị khủng bố ghê gớm. Một mặt, họ bảo nhau đề phòng, một mặt họ vẫn đùa, vẫn nhạo, đặt tên ngay nó là thằng Xỉ-vả.

Những tin ta đánh du kích, giết Pháp, giết Nhật trên chiến khu Việt Bắc, cũng đến tai họ. Họ thuộc lòng hai tiếng *Việt Minh*, và thầm mong Việt Minh mau kéo đến làng họ.

Người làng Nhạc Lịch, vì yêu và phục người làng Văn Chương, dần dần rủ nhau sang qua cầu, xem đá bóng và góp chuyện. Họ quen nhau, đi lại với nhau ngày một thân.

Ngoài cái lợi của tranh đấu, là phá được việc đắp đường, khỏi thiệt công thiệt của, người làng Văn Chương còn thấy cuộc tranh đấu này đem lại cho họ một sự tiện nho nhỏ nữa. Đó là anh thợ cạo vui tính, hay giúp đỡ và hoà nhã, ở ngay làng họ. Muốn cạo đầu, họ không phải chờ đợi, không phải đi xa. Vì không biết tên anh thợ cạo, chỉ thấy lúc nào anh cũng tươi vui, họ gọi anh là phó Tươi.

Nhưng không phải ngày nào anh phó Tươi cũng ở làng Văn Chương. Lắm hôm, anh xách hòm đi từ sớm đến tối mịt mới về. Có lần anh đi hai ba ngày liền. Anh nói rằng khách làng khác giữ anh ở lại.

Những ngày vắng anh, người làng Văn Chương mong anh. Cho nên, khi thấy anh về, đến buổi tối, người ta rủ nhau đến chơi đông.

Chỉ anh Nhã biết rõ anh Hùng. Anh Hùng đi những đâu, anh Nhã không hiểu, nhưng đi để làm gì, anh đoán ra. Anh Hùng không phải thợ cạo thật. Anh là cán bộ cộng sản, vì phải hoạt động bí mật, nên học nghề cắt tóc, lấy cớ xách cái hòm để công khai đi đó đây, khỏi bị nghi. Được anh Hùng ở chung nhà, anh Nhã rất vui sướng. Không những anh được hiểu biết nhiều, anh còn thấy những người anh Hùng hay đến thăm, như anh Phùng, anh Thung, anh Ban, ông Thái, ông Lạc, bác Xích, bác Na, cũng đều tiến bộ. Anh càng quý, càng phục anh Hùng.

Một tối - lần ấy, anh Hùng đi vắng hai hôm, mới về - khi nhà hết khách, anh Hùng ngồi xích lại gần anh Nhã, hỏi thầm:

-Anh có muốn vào Đảng Cộng sản không?

Nghe câu hỏi đột ngột, anh Nhã sửng sốt. Lưỡi anh líu lại. Anh Hùng hỏi:

-Anh có muốn vào Đảng Cộng sản không?

Anh Nhã nắm chặt lấy tay anh Hùng, run run nói:

-Có, anh ạ. Tôi sướng quá. Làm thế nào để được vào Đảng, hở anh?

Anh Hùng mỉm cười, hỏi:

-Tại sao anh muốn vào Đảng?

Anh Nhã không nghĩ ngợi lâu, vẫn còn run, đáp:

-Để tôi sống, để cho mọi người sống, anh ạ.

Anh Hùng gật đầu:

-Từ ngày tôi đến ở với anh, tôi được nhận xét kỹ anh. Anh là người có tinh thần, xứng đáng được vào Đảng. Nếu anh muốn vào Đảng, tôi sẽ đứng ra giới thiệu và đề nghị kết nạp anh.

Anh Nhã như thấy cha mẹ sống lại, rưng rưng nước mắt, nhìn anh Hùng. Một lát, anh hỏi:

-Được vào Đảng, thì tôi có lên ở Việt Bắc không?

Anh Hùng lắc đầu, trỏ xuống đất:

-Anh ở làng thôi. Chắc anh thích lắm nhỉ?

-Ở đâu mà có anh ở bên cạnh chỉ bảo cho, thì tôi cũng thích.

Anh Hùng cười, nhìn anh Nhã một lát, rồi nói:

-Thế thì việc gì phải vào Đảng? Nếu lúc nào anh cũng cần có người chỉ bảo, thì tức như từ trước đến nay, anh chỉ là cánh tay thôi. Anh có khả năng lãnh đạo. Vào Đảng để trở thành bộ óc, bộ óc chỉ huy, bộ óc lãnh đạo. Đảng là Đảng lãnh đạo cách mạng.

Thấy anh Nhã có vẻ chưa hiểu, anh Hùng hỏi:

-Anh có biết Đảng lập ra để làm gì không?

-Điều này tôi đã nói ban nãy, Đảng lập ra để làm cho mọi người sống.

-Đúng. Muốn mọi người sống, trước hết nước phải được độc lập. Muốn nước độc lập, phải đánh đuổi thực dân Pháp và phát xít Nhật, và triệt bọn vua quan, hương lý, là tay sai của địch.

Sống ở nông thôn từ thuở nhỏ, anh Nhã đã nhìn rõ ai là kẻ thù. Anh lại được anh Na, anh Lê, và gần đây anh Hùng, nhắc lại điều ấy nhiều lần. Anh gật gật nói:

-Phản đế, phản phong.

Anh Hùng tiếp:

-Khi nước đã được độc lập, thì Đảng xây dựng về kinh tế, làm cho nhân dân ấm no. Như vậy, mọi người mới sống được. Nếu cứ như hiện giờ, cả Pháp lẫn Nhật bóc lột ta đến xương đến tuỷ, thì làng ta không những chỉ có một anh Ban, mà có thêm hàng trăm anh Ban. Nếu anh được vào Đảng, thì tốt hơn hết là anh lãnh đạo phong trào ở làng này. Anh có biết tại sao lại tốt không?

Anh Nhã nghĩ trong giây lát, rồi đáp:

-Tại tôi có nhà cửa ruộng nương, quen nếp làm ăn, nên được rảnh tay để tranh đấu cao hơn.

Anh Hùng gật:

-Mới đúng một phần thôi. Cái chính là anh am hiểu địa phương. Người làng ai thế nào, anh biết rõ cả. Anh sẽ tuỳ từng người mà đặt mức tuyên truyền. Nếu hoạt động ở nơi xa lạ, anh phải điều tra nghiên cứu lâu. Và cũng phải dựa vào địa phương mới khỏi lầm.

Anh Nhã hiểu, vui sướng nói:

-Thế thì tôi cứ ở làng là phải.

-Khi anh được kết nạp, thì khác bây giờ, anh là sẽ sinh hoạt với một chi bộ, để lãnh đạo.

-Sinh hoạt với một chi bộ là thế nào?

-Rồi anh đọc điều lệ Đảng, anh sẽ hiểu. Sinh hoạt với một chi bộ là đi họp với những người Đảng viên khác đã tổ chức thành một nhóm, gọi là chi bộ.

-Nhưng tôi non kém, lãnh đạo sao nổi?

-Không lo, chi bộ là gồm nhiều đảng viên. Đảng viên là những người ưu tú nhất, được thử thách nhiều lần trong chiến đấu, cho nên có lắm kinh nghiệm. Đảng viên cũ huấn luyện cho đảng viên mới. Có việc gì, một người nghĩ để làm thì khó. Nếu nghĩ sai, làm không đúng, thì có hại. Nhưng một chi bộ, cả đảng viên cũ lẫn mới, cùng đem hết tâm trí ra để bàn bạc, ý kiến nọ góp với ý kiến kia, thì dễ tìm ra cách giải quyết đúng nhất. Nếu gặp việc khó khăn quá, mà chi bộ lúng túng, thì có cấp trên giúp đỡ. Anh không sợ lãnh đạo không nổi. Bởi vì lãnh đạo có nghĩa là góp ý kiến của mình với chi bộ, rồi chi bộ quyết định một ý kiến lãnh đạo.

Để anh Nhã suy nghĩ một lát, anh Hùng vẻ mặt cương quyết, nói tiếp:

-Chủ nghĩa cộng sản nhằm giải phóng giai cấp cần lao và giải phóng dân tộc phải đương đầu với chủ nghĩa tư bản của bọn đế quốc thực dân cướp nước, bóc lột giai cấp cần lao. Hai chủ nghĩa ấy đương giao tranh quyết liệt. Thế nào cũng phải một còn một mất. Nhiệm vụ của người cộng sản rất nặng nề. Vào Đảng thì phải hy sinh, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, nguy hiểm.

Anh Hùng nhìn anh Nhã theo dõi câu nói, rồi khuyến khích:

-Nhưng người cộng sản không sợ gian khổ, nguy hiểm. Người cộng sản nhìn rõ tương lai. Dù có thất bại, chỉ là tạm thời. Thành công mới là nhất định và vĩnh viễn. Cho nên, khi nhìn rõ tương lai, mỗi người đảng viên chỉ có việc là trung thành với Đảng và cố gắng.

Anh Nhã như được tiếp sinh khí, anh càng thấy mình cần khoẻ khoắn thêm:

-Tôi nhất định phải cố gắng, anh ạ. Nhưng một mình tôi mà lãnh đạo cả làng, sợ không nổi. Làng tôi còn nhiều người tốt. Giá họ cũng được vào Đảng, cùng làm việc với tôi, thì tôi đỡ cô độc, đỡ yếu.

Anh Hùng cười:

-Anh đừng sợ là cô độc, là yếu. Đảng làm việc cùng nhân dân, thì sao gọi là cô độc. Lòng nhân dân về với Đảng, thì sao gọi là yếu. Muốn thực hiện điều gì, ta đều thảo luận để mọi người tìm ra lẽ phải, rồi vui lòng theo ta. Ta thành công vì thế. Chỉ có bọn đế quốc, bọn quan lại, hay ra mệnh lệnh, ép dân không hiểu cũng phải theo. Chúng nó cô độc, yếu, mới thất bại.

Rồi hai cái đầu chụm lại gần nhau, anh Hùng thầm thì:

-Muốn trong làng, ai ai cũng sẵn sàng làm lực lượng cho Đảng, thì phải huấn luyện họ, cho họ vào tổ chức. Bây giờ Đảng chủ trương lập những hội Cứu quốc bí mật, như Thanh niên cứu quốc, Nông dân cứu quốc. Tất cả những hội này tập hợp thành một Mặt trận do Đảng lãnh đạo.

Anh Nhã hỏi:

-Gọi là Mặt trận à?

-Phải, tức là Mặt trận Việt Minh đấy. Rồi chiến khu độc lập sẽ lan rộng từ Việt Bắc ra cả nước.

Anh Nhã hồi hộp:

-Sung sướng quá, anh nhỉ.

Rồi thở dài:

-Mong chiến khu chóng lan về tới làng này.

-Làng nào thành lập được chi bộ Đảng thì làng ấy là chiến khu. Cho nên rồi mỗi làng phải có một chi bộ. Vì

nếu đất đai chưa được giải phóng, nhưng có chi bộ, thì lòng người đã về với Đảng rồi. Mà lòng người đã về với Đảng, thì đất đai cũng chóng được giải phóng thôi. Các hội Cứu quốc là lực lượng của Đảng. Trong làng này, anh Phùng có thể tổ chức Thanh niên cứu quốc không? Ông Thái, ông Lạc, ông nào có thể đứng đầu Nông dân cứu quốc? Chị Na có được tín nhiệm để lập Phụ nữ cứu quốc không? Nhiệm vụ của anh sau này là nắm lấy các hội. Khi được huấn luyện, thử thách, ai thật tốt, sẽ dần dần được kết nạp vào Đảng.

Anh Hùng nhắc lại:

-Đó là nhiệm vụ của anh. Bởi vì sau khi anh được vào Đảng, thì tôi không cần ở đây nữa.

Anh Nhã giương tròn hai mắt:

-Anh đi đâu?

-Tôi đi nơi khác. Đi để tuyên truyền cho Đảng, tìm những người có đủ tư cách được kết nạp.

Nói đoạn, anh Hùng đưa anh Nhã một cuốn sách nhỏ:

-Đây là cuốn Điều lệ Đảng. Anh đọc kỹ. Có chỗ nào không hiểu, anh hỏi tôi.

Anh Nhã mở quyển sách có chữ chép tay, nhỏ lắt tắt. Nhìn thấy dòng đề *Đảng Cộng sản Đông Dương* viết to, bật trên trang giấy, trống ngực anh nổi lên. Anh rộn ràng như hồi còn bé, mỗi khi nhìn thấy bàn tay mẹ giơ ra bế.

***

Sáng hôm mồng một, cụ từ Hoài vào miếu để sửa soạn lễ tuần. Khi quét bàn thờ thì, ối trời ơi, cụ thấy mất cái bát nhang. Cụ rụng rời cả chân tay.

Cụ gọi con trai. Hai cha con tìm quanh quẩn một lượt. Bỗng anh Ban bắt được một vật khả nghi. Một miếng vải cũ, to bằng bàn tay, màu nước dưa, vướng vào đầu dây thép buộc đinh khuy ở cánh cửa. Anh lừng lững bỏ miếng vải vào túi.

Tìm mãi không thấy vật thiêng liêng, cụ từ hoảng sợ. Cụ chạy ra sân, giơ hai cánh tay lên trời, hô hoán thật to. Tiếng kêu già yếu của cụ, tuy mất hơi đi, nhưng cũng báo được cho những nhà lân cận biết là có việc dữ dội.

Chẳng mấy chốc, tiếng đồn bay đi khắp làng. Đàn anh trong dân hấp tấp đến. Thanh niên, phụ nữ, cả nhi đồng nữa, đứng đầy ở sân. Mỗi người một câu. Tất cả đều hướng vào việc nghiên cứu và điều tra thủ phạm vụ trộm quan trọng.

Ông Thái đoán đây là mấy ông chức sự chơi nhau, nên cụ từ Hoài bị vạ lây thôi. Chứ ai thù hằn gì cụ. Cụ từ hiền lành như cục đất, sáu bảy mươi năm nay, đố ai nghe cụ to tiếng với ai, thì cụ còn mua oán chác với ai nữa.

Ông quyền Lạc nói đây là một anh thua bạc nào đó, muốn làm mang tiếng mấy người lính. Nhưng lạy Trời lạy Phật, đổ cho lính lấy bát hương thì thật oan cho họ. Suốt cả đêm hôm qua, bọn người mà nhà nước phái về để canh cộng sản, đã chơi cả ở nhà lý trưởng. Họ ngủ lại đấy, đến tận bây giờ, chưa người nào dẫn xác về, thì họ biết đâu việc ấy?

Nhưng anh Nhã nghĩ khác. Anh cho việc này là một

âm mưu chính trị. Thanh niên làng Văn Chương không nghe quan khuyến khích lập hội đá bóng, lập Thanh niên đoàn, tức là họ không chịu ép mình vào cái khuôn đúc sẵn. Tất họ phải được bàn tay bí mật nào điều khiển. Rõ rệt nhất là vụ chống đi phu làm đường vừa rồi. Thì việc mất trộm này xảy ra ở chỗ thanh niên đá bóng, thì thanh niên sẽ bị ngờ là thủ phạm. Phong trào thể dục không phải phá, tự nó cũng tan rã. Vả lại, độ này, chiều nào người làng Văn Chương với Nhạc Lịch cũng tụ tập ở sân miếu đồng Quá. Ngăn cản thì mang tiếng là phản động. Mà không ngăn cản, thì trách nhiệm ai gánh cho? Họ gieo rắc nhiều tin làm mất uy tín của nhà nước, của quan Pháp, quan Nhật, quan Nam. Họ lại mớm cho nhau những tư tưởng phản đối. Xảy ra vụ trộm này, thì một mất mười ngờ, đố ai còn dám bén mảng đến miếu này nữa.

Không nói mập mờ như anh Nhã, anh Phùng chỉ đích danh hẳn hoi. Anh vạch toạc ra là tri huyện muốn hại anh Lê, nên mới xúi lý trưởng nặn ra cho anh một tội để hắn trị. Những việc tranh đấu ở làng từ ngày anh Na thoát ly, hắn đều nghi cho anh Lê cầm đầu. Anh Lê không chịu nghe hắn dụ dỗ làm tay sai cho hắn. Hắn tức lắm. Thế mà bây giờ anh Lê lại thuê nhà ở với cháu - thằng cháu bị hắn đuổi - ngay phố huyện để mưu sinh. Hắn càng như bị chọc vào mắt. Hắn nghi anh Lê tuy ở xa, nhưng vẫn kín đáo chỉ huy phong trào thanh niên trong làng. Chính anh Lê, cm người cộng sản, mới không khờ khạo mà không lập hội đá bóng, không lập Thanh niên đoàn. Cái bàn tay bí mật điều khiển vụ chống làm đường vừa rồi mà anh Nhã nói, thì chắc Lê Sung phải đoán là của anh Lê. Cho nên, hôm 30, biết đích xác anh Lê về làng, lập tức lý Sinh bày ngay ra vụ trộm ở miếu, để đổ cho anh Lê, vì anh Lê hay bài xích hủ tục.

Anh Phùng tức lắm. Anh chưa biết ai lấy bát hương của làng, nhưng anh có thể làm chứng là anh Lê không thèm làm những việc tẹp nhẹp. Anh quyết tìm cho ra thủ phạm.

Anh Phùng hay anh Nhã, ông Lạc hay ông Thái, ai đoán đúng? Khó lòng mà tin được ai.

Sự việc hiển nhiên là kẻ gian nhân lúc vắng lính cơ, đã lẻn vào tận chốn thiêng liêng mà làm việc táo bạo.

Nhưng sao chỉ mất có bát nhang?

Mỗi tiếng bàn tán xôn xao đến tai cụ từ Hoài, như một lời khép tội phản bội to lớn của cụ, làm cụ tái mặt thêm. Anh Ban đứng cạnh cụ, phải luôn luôn đỡ lấy cụ, chỉ sợ cụ ngã. Nhìn cụ từ hiền lành mà bỗng bị tai bay vạ gió, người ta đã ái ngại, nhưng không mủi lòng bằng thấy anh Ban, mọi khi hay bông đùa, nay đứng bên cạnh bố, nét mặt nhăn nhó. Hẳn là nghe những lời qua tiếng lại, anh ngứa tai lắm. Anh không dám đáp, chỉ mấp máy môi, và nhìn trông trọc người nói.

Phó Kiêu mở đầu bản án:

-Cái bát hương ấy tuy bằng sành, nhưng rất cổ. Bây giờ có đến trăm bạc cũng không mua nổi.

Trùm Hựu chứng thực lời nói của phó lý:

-Đúng rồi. Ngay từ ngày tôi còn để chỏm choè, lần nào tôi đi xem rước, cũng thấy các cụ đặt bát hương ấy trước bài vị Ngài. Ông tôi nói là làng mua từ đời Minh mệnh nguyên niên, đâu ở tận Bát Tràng kia đấy.

Khoá Hưởng muốn khoe học thức của mình:

- Ừ, thế thì đến hàng nghìn năm.

Nhưng ông quyền Lạc ngờ ngợ, cãi lại khoá Hưởng:

-Sao bảo bát hương này mới mua từ ngày xây lại miếu?

Bà Nồng sực nhớ ra:

-Phải rồi. Ngày dọn sang miếu mới, chính ông tôi đánh vỡ cái bát hương cũ, làng chả bắt vạ một cỗ xôi, một con gà và bắt ông tôi đền là gì? Ông tôi phải mua mất hai hào chỉ.

Ông đám Sang nói:

- Ừ, dễ phải đấy. Thế thì mới từ ngày Tây sang, họ định cắm đường qua miếu cũ, chứ đã lấy gì làm lâu.

Khoá Hưởng bấm đốt ngón tay:

-Thế thì cũng sáu bảy trăm năm nay rồi, chả cổ là gì.

Bà Nồng cãi:

-Mô phật! Cái năm ấy tôi đẻ thằng bé đại nhà tôi. Nó còn thì năm nay nó hai mươi mốt chứ mấy!

Khoá Hưởng ngượng, nhưng chữa ngay:

-Thế bà biết bát hương ấy người ta làm từ năm nào không?

Rồi không đợi trả lời, hắn buộc tội để đánh trống lảng:

-Mất bát hương là điều tối gở đấy. Ngài mà hành thì hại cả làng.

Tộc biểu Chưng dẫn một ví dụ:

-Đấy, tôi biết rõ đấy. Hồi năm nào ấy, làng gì đấy, cũng chỉ vì ông từ bất cẩn, để trộm vào miếu lấy bát hương, mà cả làng không chết toang ngoảng về cái bệnh thử khoản ấy à?

Bà Nồng vẫn ấm ức nói với khóa Hưởng, nên nhại:

-Làng gì, hồi năm nào, bệnh thử khoản! Chuyện!

Biết rằng bà này còn oán làng và thương bố, tộc biểu Chưng trợn mắt:

-Thật đấy. Tai hại lắm, bà ạ.

-Thì tôi bảo sao?

Câu chuyện đã bắt đầu nhủng nhẳng, vì nó lan ra đến giới phụ nữ. Thấy nói đến những tiếng bệnh và tiếng chết, bà cụ Đình lo lắng, chép miệng, thở dài:

-Khổ quá! Thằng bố buổi nhà này lại đương sốt.

Rồi cụ nói to:

-Cụ từ có làm thế nào không, kẻo lại như làng gì ấy.

Bọn thanh niên thấy không khí đã bớt nghiêm trọng, họ không chịu bằng quan nữa. Họ xen vào những câu bông quơ để châm chọc bọn đàn anh cho câu chuyện nhủng nhẳng thêm. Anh Thế hỏi to:

-Làng gì, hở ông tộc biểu?

Anh Thung cũng hỏi cụ Đình:

-Thế cháu chỉ có bệnh sốt ruột, liệu có việc gì không nhỉ?

Rồi anh thụi anh Thế:

-Hay chính cậu lấy bát nhang, giấu đâu thì bỏ ra!

Anh Thế cười:

-Tớ lấy, nhưng chính cậu cất, cậu còn hỏi ai!

Thấy tiếng rúc rích đã nổi lên đó đây, khoá Hưởng sợ bọn thanh niên phá quấy, đạp đổ mất miếng ăn sắp kề đến miệng, hắn làm vẻ mặt nghiêm trang, để nắn cho câu chuyện vào đề:

-Muốn khỏi mất thì giờ, chỉ có cách làm thế này là gọn. Ngày xưa, ông cụ nhà hà Nồng đánh vỡ bát hương, bị làng bắt vạ. Thì tôi tưởng cụ Từ nên nghĩ đến làng, cũng sửa mâm xôi, con gà, vào hậu cung mật khẩn Ngài về để Ngài báo mộng xem đứa nào lấy trộm, nó giấu ở đâu. Nếu không tìm thấy, thì mua bát hương khác đền làng. Chứ cụ già cả, làng nể, làng không nỡ bắt vạ.

Anh Phùng cười khì khì, nói to:

-Làng nể cụ, chắc làng không nỡ ăn mâm xôi con gà ấy đâu. Cúng xong thì mang về, Ban ạ.

Muốn tỏ rằng chỗ này không phải chỗ cho bọn hay xem sách báo lăng nhăng đến nói bỡn với nhau, phó Kiêu làm như không thèm chấp anh Phùng, hắn nhìn khoá Hưởng và trả lời:

-Sao lại không bắt vạ? Việc quan anh cứ phép công anh làm. Đây là tội bất kính với Ngài, chứ có phải việc dân với nhau đâu mà nể với nang.

Ông Quyền Lạc từ nãy vẫn không chịu là cái bát hương này cổ như phó Kiêu và khoá Hưởng đã tính toán, nhưng không biết trả lời sao cho bõ tức, cho nên bây giờ ông tóm được dịp để chèn cả hai người:

-Ở làng, trên ra trên, dưới ra dưới. Các ông đừng lộng quyền. Các ông là làng đâu mà các ông được xử. Phải trái thế nào, hãy đợi ông lý đến.

Anh Lễ nói giọng mỉa mai:

-Ông lý đến thì một mâm xôi với một con lợn!

Trùm Hựu trợn mắt:

-Chứ lại không à? Việc tầm thường đấy phỏng? Việc này mà không lên quan, tôi chớ chết.

Chị Na khuyên:

-Thôi, ở trong làng thu xếp với nhau cho ổn thoả thì hơn. Ông quan ông ấy lắm việc, thì giờ đâu mà xử những cái lặt vặt. Tôi tưởng cụ từ nên bỏ ra mấy hào, mua đền bát hương khác là xong.

Khoá Hưởng xua tay:

-Các bà có làm việc làng đâu mà các bà coi giời bằng vung thế. Rồi xảy ra chuyện gì, ai chịu trách nhiệm vào đấy cho.

Bà trùm Bí kháy bà Nồng:

-Thôi, bọn mình lễ không vái, đái không vẩy, biết gì mà cũng bàn việc triều đình!

Khoá Hưởng được thể:

-Mấy lị mua sao được cái bát hương giống thế kia chứ?

Anh Phùng làm bộ đứng đắn, vênh váo nói:

-Đúng rồi. Bởi vì bát hương miếu làng ta sứt những một tai!

Lời chế nhạo lại làm cười ồ ồ. Anh Ban không nhịn được, nói:

-Người ta bán thiếu giống ở ngoài Hà Nội ấy.

Tộc biểu Chưng trừng mắt để trấn áp:

-Nhưng là đồ kim. Đồ thờ tự lâu năm, hoá linh thiêng. Mua sao được cái linh thiêng.

Anh Phùng bẻ:

-Linh thiêng sao lại để mất. Anh Ban ra Hà Nội mà mua một cái để đền làng. Hơi một tí là ngả vạ để đánh chén!

Khoá Hưởng hoạnh:

-Ngả vạ là lệ làng, các anh phá lệ làng à? Các anh văn minh vừa chứ nhé. Anh cậy anh có tiền mua đền, hãy hỏi làng có nhận hay không? Các anh là thứ bậc gì mà dám nói leo?

Anh Lễ bênh bạn:

-Phải thì làm, trái thì cãi.

- À, thanh niên các anh về hùa với nhau phỏng?

Vừa lúc câu chuyện bắt đầu gay go, thì lý Sinh đến. Rồi lục tục, bọn lính cơ về.

Không hiểu vì lẽ gì, hôm nay, người cầm cán cân công lý ở trong làng lại ăn mặc chững chạc lắm. Hắn đội khăn nhiễu tam giang, mặc áo thâm chùng và lận guốc. Y như người sắp đi ăn cỗ. Chẳng rõ hắn có biết việc trọng đại vừa xảy ra ở làng hay không, mà hắn như có vẻ thờ ơ lắm. Hắn đến miếu, trả lời tiếng chào của mọi người, rồi đi tuột vào hậu cung.

Cử chỉ kín đáo của hắn làm mọi người lo ngại cho cụ từ Hoài. Mọi bận, có việc gì hơi khó khăn, là hắn đã cuống queo. Hắn nghe người này nói, cho là phải, lại nghe người khác nói, cũng cho là phải.

Vì làng đương mong đợi hắn đến, cho nên không ai nói nữa. Ai nấy hồi hộp, chờ hắn phân xử. Nhưng giữa lúc yên lặng, bỗng có một tiếng nói to tướng.

-Ông lý đẹp giai quá!

Tất cả thanh niên bưng miệng để cười. Nhưng lý Sinh làm như không nghe thấy. Hắn nghiêm trang hỏi cụ từ Hoài đầu đuôi sự việc. Nghe cụ kể lể dài dòng, thỉnh thoảng hắn gật gật. Cuối cùng, hắn hỏi:

-Cụ có nghi cho ai không?

Cụ từ thở dài, lắc đầu:

-Một mất mười ngờ, tôi dám nghi cho ai?

Khoá Hưởng chưa thấy người có thẩm quyền tỏ lời quyết định, nên sốt ruột, hỏi:

-Thế nào, ông lý? Lên tiếng đi chứ?

Lý Sinh đưa mắt nhìn những người đứng lố nhố trước mặt. Hắn lắc đầu:

-Còn xem đã. Phải lập biên bản, lấy chữ ký của cụ từ và của chứng tá. Việc lôi thôi lắm đấy. Không trình quan không xong.

Cụ từ Hoài vịn vào vai con, thốt lên một tiếng thở dài. Anh Ban đỡ cụ ngồi lên đôi guốc của anh. Cả làng nhìn ông già mặt cắt không được hạt máu, thì ái ngại. Anh Nhã không nhịn được, nói:

-Thủ phạm to lắm! Tìm sao được nó để minh oan cho cụ từ?

Lý trưởng làm ra bộ sáng suốt:

-Sao lại không tìm được? Miếu mất bát nhang, thì trừ bọn ngỗ nghịch, vô đạo, chúng nó báng bổ, muốn bỏ thờ cúng, thì ai còn dám to gan nữa?

Anh Phùng mặt đỏ bừng bừng, vặn:

-Ông nghi cho thanh niên chúng tôi à? Ai? Ông nói rõ ra? Nhưng ông không nói rõ, tôi cũng biết rồi.

Khoá Hưởng thấy không khí gay gắt không lợi gì cho cái dạ dày của hắn, bèn trách:

-Gớm! Anh Phùng! Vừa vừa chứ nhé.

Rồi hắn hỏi lý Sinh:

-Còn đối với cụ từ, thì ông bảo sao?

Lý trưởng chậm rãi nhìn ông già, cố nói giọng ngọt ngào:

-Sau này, người nào phạm lỗi, đã có ông quan ông ấy xử. Còn như việc cụ bất cẩn, thì tôi tưởng ý dân muốn cụ sửa mâm xôi con gà để khấn Ngài, thì cụ nên theo dân. Thế mới đúng là dân chủ.

Anh Ban như cái lò xo bị bật, đứng phắt lên, cãi:

-Thế là ức hiếp, chứ là dân chủ à?

Lý Sinh hất hàm:

-Ai dạy anh thế? Tôi không thèm nói với anh. Mời cả các cụ vào trong này để lập biên bản.

***

Hai hôm sau, anh Lê nhận trát toà án huyện đòi. Anh mỉm cười, nói với Lựu:

-Họ muốn hại chú, nhưng gậy ông lại đập lưng ông thôi. Rồi họ tha hồ mà báo thù nữa.

Đúng hai giờ chiều phải có mặt, anh Lê vào huyện. Đến phòng lục sự đem trát sang trình Lê Sung, thì anh Lê cùng lý Sinh được gọi vào ngay.

Anh Lê cúi đầu chào. Lê Sung không trả lời. Anh biết hắn đối đãi với anh là một kẻ phạm tội, chứ không phải là một thày giáo như trước.

Lý Sinh thuật lại việc mất trộm bát hương. Cuối cùng,

hắn nói đích danh người lấy là anh Lê. Hắn viện lẽ vì sao anh lấy, lấy để làm gì. Anh Lê thấy Lê Sung chốc chốc lại nhìn anh. Nhưng anh cố thản nhiên, không biến sắc, trái lại còn trông lý Sinh, tủm tỉm cười. Thái độ này làm tên tri huyện phật ý. Hắn cau mặt, rồi hất hàm, hỏi lý trưởng:

-Lấy gì làm chứng cớ?

Lý Sinh nói trôi chảy như đọc văn sách:

-Bẩm cụ lớn, làng con có nhiều người trông thấy lúc sẩm tối hôm trước, tên Lê đi lại hai ba lần ở phía tường miếu. Lúc đêm, lính cơ trông thấy chính tên này ôm một vật gì từ trong miếu đi ra.

Đã có đủ lý lẽ đanh thép để buộc tội kẻ gian, tên tri huyện nghiêm nét mặt nhìn anh Lê và nói trống không để mắng:

-Thế nào? Có học thức sao lại cử chỉ hèn mạt thế? Phải bãi chức hương sư là đáng. Còn không đủ tư cách làm người công dân tầm thường nữa. Lấy bát hương để vu oan cho một người già bằng bố, thì lương tâm của người tiến bộ để ở đâu?

Bị nhiếc móc bằng hai tiếng tiến bộ, anh Lê tức lắm. Nhưng không mắc mưu khiêu khích, anh cố giữ bình tĩnh để đáp:

-Quan lớn cho phép tôi nói.

Lê Sung gật đầu.

-Lý trưởng muốn đổ cho tôi lấy bát hương của làng. Ông ta viện lý là tôi hay bài trừ hủ tục, mê tín. Tôi hay bài trừ hủ tục, mê tín thật, nhưng tiếc rằng người hay bài trừ hủ tục, mê tín, lại không phải là người hay ăn cắp. Tôi không lấy bát hương, vì bát hương không hủ, không mê. Tôi bài trừ hủ tục, mê tín, là đi khuyên bảo những người

hủ tục, mê tín, trong làng đừng nên xa phí thì giờ, tiền bạc. Lễ một gốc cây, lên đồng trước mấy cái mũ giấy không làm cho người ta no ấm. Thế thì tôi tưởng người bài trừ hủ tục, mê tín phải là người công dân tốt.

Tên tri huyện cau mày, giơ tay ra ngăn:

-Đây không phải chỗ để diễn thuyết. Chưa biết nhục! Ăn cắp bát hương! Có nhiều người biết! Trả lời đi!

-Lý trưởng bảo tôi lấy bát hương, nói rằng lúc sẩm tối, người làng trông thấy tôi đi lại nhiều lần ở phía tường miếu. Thế thì xin cho biết người làng ấy là những ai? Lại nói rằng lính cơ trông thấy tôi mang vật gì ở trong miếu ra, xin quan lớn hỏi xem là người lính cơ nào, tôi đi lối nào, đi như thế nào, có sao lính thấy có người khả nghi như vậy mà không hỏi để bắt ngay? Lại xin nói rõ là người lính đấy đứng ở đâu mà trông được thấy lúc đêm có người ở trong miếu ra? Vì cả làng tôi trông thấy năm người lính cơ, từ buổi chiều cho đến suốt đêm ấy, họ bỏ miếu, đến chè chén ở nhà lý trưởng, tận sáng hôm nay mới về. Thế thì ai lấy bát hương, chắc lý trưởng không đổ cho tôi nữa.

Vừa nói, anh Lê vừa theo dõi nét mặt của tên tri huyện lẫn lý trưởng. Mặt lý Sinh tái dần. Mặt Lê Sung thâm lại. Có lẽ không biết trút giận dữ lên đầu kẻ đối phương bất trị, hay lên đầu tên tay sai ngu vụng, Lê Sung nói:

-Những lời vừa khai, ta sẽ xét sau. Nhưng chức sự trình là ai lấy, thì cố nhiên quan hãy tin. Song, muốn được thanh minh oan, thì về mà tìm ra thủ phạm.

Thấy Lê Sung đưa đầu lý Sinh vào tròng cho anh giật, anh Lê sướng quá, đáp:

-Thưa chẳng cần về, tôi có thể trình quan lớn ngay kẻ

thủ phạm bây giờ.

Anh nhìn lý Sinh, thấy hắn có vẻ luống cuống. Hắn nói:

-Anh không được hỗn. Quan chưa truyền anh trình ngay.

Nhưng hắn bị quan thầy lườm:

-Yên!

Rồi Lê Sung nhìn anh, giao hẹn:

-Nhưng ta cấm vu oan lung tung mà không có chứng cớ.

-Vâng. Người mà tôi biết là lấy bát hương của làng, không phải là kẻ gian. Hắn chỉ muốn báo thù vặt.

Lê Sung hỏi dồn:

-Ai? Là ai?

Không giáo đầu lôi thôi nữa, anh Lê trỏ vào lý trưởng:

-Thưa là anh lý trưởng Sinh đứng đây.

Nghe câu nói bất thình lình, lý Sinh như muốn ngã. Hắn hốt hoảng, sờ soạng vào tường. Lê Sung cũng như bị tiếng sét, phải vịn hai tay vào ghế. Hắn quắc mắt, hỏi:

-Lấy gì làm chứng cớ? Lại muốn đổ bậy cho chức sự!

Thấy cả thầy trò sắp bại trận mà còn cố bênh nhau, tưởng dồn được anh vào thế bí, anh càng ôn tồn:

-Người làm chứng có nhiều, tức là những người nghe thấy lý trưởng sai tên người nhà là Trọc ra miếu lấy bát hương. Những người ấy không có mặt ở đây, tôi không viện chứng ấy vội. Tên Trọc sợ của thờ tự thiêng, không dám liều, nhưng nó lại sợ đòn, cho nên nó cứ phải đi. Nó không dám đi một mình. Lý trưởng phải dẫn nó. Khi đến

miếu, tên Trọc không thuộc lối vào, nên nó đứng ngoài, để lý trưởng vào một mình. Vì tối quá, trông không rõ, lý trưởng chạm phải cánh cửa, cái áo vướng vào đầu dây thép chằng ở đinh khuy, rách xoạc mất một miếng nhỏ. Lấy được bát hương, lý trưởng bắt Trọc bưng về nhà nó. Nhưng mẹ nó không dám chứa của thờ tự. Hai mẹ con cãi nhau. Sợ lộ, bất đắc dĩ lý trưởng phải đem chôn ở vườn nhà mình. Vì chưa có dịp nào vứt vào đất nhà tôi, nên thấy của thờ tự ở trong nhà, vợ lý trưởng cũng sợ, mới bắt chồng phải đào lên, mang đi chỗ khác. Hiện nay, bát hương ấy giấu ở dưới cống, cạnh văn chỉ.

Lê Sung trừng trừng vào mặt anh Lê:

-Nói như mắt trông thấy! Có chứng cớ không?

-Tôi không trông thấy, nhưng người làng nghe thấy mẹ con tên Trọc cãi nhau, lại nghe thấy vợ lý trưởng mè nheo chồng. Vết hố chôn bát hương trong vườn nhà lý trưởng vẫn còn nguyên chưa lấp. Bát hương nằm dưới cống, hiện giờ vẫn còn đấy. Và đây là mảnh áo rách, trước cửa quan, tôi xin ông lý khớp vào cái áo cộc của ông, nếu vừa vặn, thì ông lấy lại. Tôi không có tính tham.

Vừa nói anh Lê vừa móc túi lấy miếng vải màu cháo lòng, đặt trên bàn tên tri huyện.

Lê Sung mấm môi. Hắn hừ một tiếng. Rồi muốn khỏi ngượng, hắn giả vờ cúi xuống đọc tờ biên bản. Một lát, hắn ngẩng lên nhìn anh Lê, đổi giọng:

-Được. Ta sẽ minh oan cho. Anh vô can. Cho anh về.

Anh Lê chào Lê Sung rồi ra.

Còn một mình lý Sinh ở lại. Lúc này mới là lúc Lê Sung trút giận dữ:

-Mày ngu như con lợn!

Lý Sinh như bị lạc hết hồn vía, lúng búng thưa:

-Lạy cụ lớn, chúng con quả đắc tội với cụ lớn.

Lê Sung đập bàn:

-Lạy van cái mả bố mày! Mày làm tao ngượng với nó. Thật là làm đày tớ thằng khôn hơn làm thày thằng dại.

Lý Sinh vẫn như cầy sấy:

-Lạy cụ lớn, thừa lệnh cụ lớn truyền triệt đường làm ăn của chúng nó...

-Triệt thế à? Mày đã thấy nó quật lại chứ? Nhục! Nhục!

Hắn nhìn lý trưởng một lát, rồi hoạnh:

-Vì sao mày lại lấy bát hương ở miếu?

Lý Sinh không hiểu ý câu hỏi:

-Dạ, thừa lệnh cụ lớn truyền.

Lê Sung gắt:

-Nhưng tao có bảo mày lấy bát hương đâu? Thế thì mày lấy để làm gì?

Vẫn chưa hiểu, lý trưởng lại đáp:

-Lạy cụ lớn, để cụ lớn trị nó.

-Mày ngu như con lợn! Đổ cho thằng cộng sản lấy bát hương ở miếu! Nó lại thèm làm những việc nhỏ nhặt ấy à? Cộng sản nó đánh Pháp, nó đuổi Nhật, nó lật đổ vua quan. Chứ nó không lấy bát hương để đổ cho nó. Có phải vì người làng mày đã dò la hộ nó hay không? Thế thì nó là lý trưởng chứ không phải mày.

-Lạy cụ lớn, nhiều lần cụ lớn quở con là không khuấy ra việc.

-Bây giờ mày khuấy thế à? Mày tưởng nuốt không được cái khung cửi của nó à?

Rồi hắn vặn:

-Thế sao mày không lấy cái gì ở chỗ khác, lại lấy bát hương ở miếu?

Thấy rằng mình đã trả lời câu hỏi này rồi, mà quan còn lục vấn mãi, thì không biết nói thế nào, nên lý Sinh lại:

-Dạ.

Lê Sung giậm chân xuống đất:

-Dạ cái con mẹ mày! Thế thằng từ giữ miếu giàu hay nghèo?

Đã hiểu ý quan, lý Sinh biết là lại phạm thêm một tội nữa, hắn nói như khóc:

-Lạy quan lớn, con không nghĩ ra. Cụ từ làng con nghèo.

Lê Sung giơ hai cánh tay lên trời, giương mắt tròng trọc nhìn tên tay sai ngu độn.

-Đồ mặt mẹt! Thế thì ăn cứt nó à?

Rồi hắn sỉ vả một thôi một hồi cho hả giận:

-Mày làm việc thế thì tự tử đi cho rồi. Tao không trông cậy được mày nữa! Đừng để tao phải bẩm xin cách cổ mày, rồi lại oán tao là ác! Đồ chó! Đồ đểu! Mày làm lý trưởng mà không triệt được cộng sản ở trong làng. Làng mày còn cộng sản là mày phải đi tù thay. Từ nọ đến nay, tao ngơ cho mày bao nhiêu việc rồi! Nhưng lần này thì tao không tha. Để mày làm lý trưởng, chỉ hại cho tao. Mày có biết tao phải ngượng với cụ Tuần với quan chánh Mật thám không? Tao có tiếng là trị cộng sản giỏi, nhưng chỉ vì có

mày mà tao không làm nổi việc gì ở làng mày. Đứa nào cổ động tranh đấu việc làm đường vừa rồi? Thằng Na có lên về xui dân lần nào không? Sao vợ nó còn buôn bán được? Mày không thể bảo dân tẩy chay cho nó ế hàng à? Mày có biết hôm nọ nó chửi mày ngay trước mặt tao đấy không? Nó nhân tình nhân ngãi với thằng thợ cạo, sao mày không xui nó bỏ chồng, lấy ngay thằng thợ cạo, có phải mày trừ cho làng mày được một con mụ tai quái không? Còn con mẹ thằng Na nữa, sao mày không bắt nó từ thằng giặc cộng sản đi? Không biết bảo nó là con bất hiếu, bất trung thì không đáng làm người à? Đấy, tao có hai việc giao cho mày. Một là bắt mẹ từ con. Hai là bắt vợ ly dị chồng. Mày về, không làm nổi, thì chết với ông!

Lý Sinh sụt sịt, thụp xuống đất, lạy hai lạy. Nhưng Lê Sung không mủi lòng:

-Hoặc mày làm được hai việc ấy, hoặc mày phải hết nghiệp, phải tù về tội lấy bát hương của làng. Mày làm phi tiếng con Hùm xám thì mày phải chết!

Rồi hai mắt đỏ ngầu như mắt chó dại, tên tri huyện đứng dậy, lăng khối thịt đồ sộ của hắn, rồ ra chỗ lý Sinh đứng và dồn hắn giật lùi từng bước cho đến tận bậc thềm ở hiên:

-Hay khôn hồn thì về mà làm đơn từ dịch! Bước ngay! Đừng đứng đây, làm ông lộn tiết! Ông lôi cổ xuống trại bây giờ! Đồ mặt mẹt! Đồ xỏ lá!

***

Ruột lý Sinh rối như mớ bòng bong. Hắn vừa tức với anh Lê, vừa xấu hổ với làng, vừa lo quan bỏ tù, cách mất lý trưởng. Hắn đành cắn răng về cho kịp chiều hôm nay, để ngăn ngừa chức sự thôi đi, đừng dở dói bắt vạ cụ từ Hoài nữa mà thêm phiền.

Nhưng muộn rồi.

Lý trưởng vừa đi khỏi làng để lên huyện, thì phó lý Kiêu đã rủ khóa Hưởng đến ngay nhà cụ từ, bắt cụ sửa mâm xôi con gà để lễ tạ.

Nhưng anh Ban không chịu. Cái mảnh vải mà anh bắt được đã giúp anh cùng các bạn khám phá ra mưu mô của kẻ gian rồi. Vì vậy, muốn bọn phó Kiêu và khoá Hưởng phải câm họng, anh nói cho họ biết là anh đã rõ ai lấy bát hương của làng và lấy để làm gì. Anh dẫn họ đến văn chỉ, móc tang vật giấu ở trong cống ra. Thấy bát hương ra ngoài ánh sáng, người làng theo xem, không ai ngạc nhiên, mà còn nhìn bọn kỳ mọt cười ồ lên, cho họ bẽ mặt.

Bị hỏng ăn, họ tức lắm. Nhưng cái trí khôn của phó Kiêu vẫn dùng để làm hại người, đã cho hắn nảy ngay ra được ý kiến. Vin vào cớ anh Ban biết chỗ giấu của bị mất trộm, hắn đổ riệt cho anh lấy. Rồi mặc cho anh và người làng cãi, hắn cùng khoá Hưởng lại đến nhà cụ từ Hoài. Hắn khép tội bố bất cẩn, con gian tham, nhất định phải sửa lễ để tạ. Hắn bắt tuần sãn đuổi con gà nhép luẩn quẩn ăn ở sân, và tự xông vào buồng, vét hơn bơ gạo tẻ, vì không có gạo nếp.

Cụ từ thấy họ những quá, kêu lên:

-Thế là các ông đến ăn cướp của tôi phải không?

Anh Ban không nhịn được, hăng tiết, vớ được cái gậy, định đánh nhau với phó Kiêu. Nhưng anh Phùng can. Con gà được đánh tháo. Bơ gạo được lấy lại.

Phó Kiêu thấy người làng nói nhiều quá, đành phải về. Hắn doạ cụ từ:

-Được rồi. Việc chưa xong đâu. Chờ ông lý về xem quan phân xử ra sao đã.

Và trỏ vào mặt anh Ban:

-Còn anh, anh định hành hung với nhà chức sự thi hành nhiệm vụ, rồi anh biết tay tôi!

Đến tối, lý Sinh tới đầu cầu. Qua miếu, hắn được ngay một người lính cơ kể cho biết câu chuyện xảy ra ở làng lúc buổi sáng. Hắn vội vàng lẳng lặng về tuột nhà.

Nhưng tin lý trưởng về không giấu được ai. Phó Kiêu lập tức đến nhà hắn. Ý phó Kiêu là trút cho lý trưởng cái khó khăn mà hắn gây ra, may người có quyền to nhất làng có thể dựa vào thế quan, cứu vãn được miếng ăn kề sát miệng mà còn bị giựt mất chăng. Nhưng phó lý thấy lý trưởng thờ ơ, lại khuyên can là nên dĩ hoà vi quí, thì tuyệt vọng. Hắn cáu lắm. Hắn vặc nhau với lý Sinh, mắng là đồ hèn.

Việc mất trộm bát hương không phải đến đây là chấm dứt.

Từ mấy hôm nay, cụ từ Hoài lo lắng, mất ăn mất ngủ. Bắp đã đem cầm lấy mười đồng rồi. Khoai cũng bán non lấy mười hai đồng rồi. Bây giờ tiền hết gạo không, lấy gì mà sửa xôi gà để tạ? Cả ngày cụ nằm trên giường, rên rỉ như người ốm. Mắt cụ trũng lại. Má cụ hóp thêm. Thấy bố như vậy, anh Ban càng ra sức tìm thủ phạm vụ trộm. Đến khi anh biết đích xác ai lấy bát hương, lấy để làm gì, và

hiện giấu ở đâu, anh nói cho cụ biết. Nhưng cụ không tin. Anh bảo:

-Tại thầy nằm một chỗ thì thầy lo. Chứ cả làng không ai không rõ việc này đâu.

Họ hàng, hà con đến an ủi cụ:

-Chỉ bọn họ mới tưởng còn giấu kín được mưu gian. Nhưng họ bị lột mặt nạ rồi, thì cụ nên yên tâm.

-Tôi yên tâm thế nào được. Đành rằng việc thật nó là thế, nhưng biết ông quan ông ấy có để cho tôi yên không. Mấy lị tội bất cẩn của tôi là tội to nhất. Mấy chục năm nay, có cụ từ nào sơ suất, làm Ngài giận dữ như lần này đâu.

Nói đoạn, cụ mếu máo khóc.

Sớm hôm nay, nghe tin lý trưởng lên huyện về việc bát hương, cụ như người mất hồn. Cụ bỏ hữa cơm sáng. Khi thấy bọn phó Kiêu đến những nhiễu, cụ càng bực tức. Cụ bỏ nốt hữa cơm chiều. Tin lý Sinh ở huyện về, và thái độ của hắn thế nào, vì không rõ, nên cụ càng bối rối. Tối hôm ấy, cụ bảo anh Ban nấu nước lá thơm, tắm cho cụ. Anh hỏi cụ tắm để làm gì. Cụ đáp là để thân thể sạch sẽ, khấn Ngài, Ngài báo mộng cho. Tắm xong, cụ bảo anh Ban đỡ cụ vào nằm trong chái buồng. Cụ lấy lý do là cho kín gió. Nhưng cụ đã có ý định, mà anh Ban không ngờ. Đến đêm, cụ dùng sức tàn cuối cùng của cụ, buộc được dây lưng lên xà nhà, thò cổ vào tròng lọng, treo người để tự tử.

Anh Ban nằm ở nhà ngoài, thấy có tiếng động khả nghi, thì vội vàng chạy vào. Anh cứu không kịp. Cụ từ đã không thở nữa.

Tin dữ dội bay đi. Hàng xóm chạy sang. Người làng chạy đến. Ai nấy thương hại ông già hiền lành và nguyền

rủa bọn kỳ dịch vô lương tâm.

Anh Nhã, anh Phùng, chị Na cổ động các giới đến giúp anh Ban làm ma cho cụ từ. Anh Ban bán đứt cho chánh hội ba sào bắp, lấy thêm tám đồng nữa, để sắm cỗ ván, và đong gạo, làm cơm cúng.

Nhưng cụ từ không được đưa ra đồng ngay. Thi thể người bức tử phải nằm chờ hai hôm mới có y sĩ ở tỉnh về khám.

Trong khi chờ đợi, anh Ban uất ức, máu sôi lên sùng sục. Mấy hôm nay, một tin mới làm anh chết điếng, nhưng anh giấu bố anh. Ấy là tin người Nhật mua đay, chỉ trả có mười hai đồng bạc một tạ hạng nhất. Nhưng ít khi đay được xếp vào hạng nhất. Dù trắng thế nào, họ cũng tìm ra một vài đốm mốc, dù dài thế nào họ cũng chê là không đủ kích thước, để đánh xuống hạng nhì, trả mỗi tạ 9, 10 đồng. Anh còn nghe nói nhiều người bán đay và hột đay, vì có ít, nên chẳng những chẳng được đồng tiền nào, mà còn mất công gánh, mất cả thúng, cả mẹt đựng hột.

Bắp và khoai của anh đã bán non đi rồi. Anh chỉ còn trông mong sống bằng ba sào đay. Rồi bán xong, anh ngả ruộng cấy ré cũng kịp. Cho nên ròng rã mấy tháng trời, những là cày bừa, tát nước, nhổ cỏ, bón phân, công chăm chút tính ra tiền, ít nhất phải 25 đồng một sào. Ấy là chưa biết Trại canh nông định giá bao nhiêu chỗ con giống. Anh nhất định đay của anh phải được xếp hạng nhất, bán có lãi. Thế mà té ra anh lỗ vốn, lỗ vốn một lúc sáu mươi đồng bạc! Anh muốn gào lên mà kêu trời!

Ruột đã đứt từng khúc, mà bây giờ bố anh lại chết một cách oan ức, làm anh thêm đau đớn. Mỗi lúc nhìn thấy xác bố nằm chờ bên cạnh chiếc quan tài, anh lại như điên như cuồng. Anh biết rằng vì không có và không chịu mất

tiền trình nên công việc bị ngâm lại. Anh luôn mồm chửi bới. Anh chửi Tây, chửi Nhật, chửi tri huyện, chửi lý trưởng, chửi phó lý và bọn kỳ mọt kỳ nát hại làng. Bà con khuyên giải anh, anh càng cáu. Có lần anh trật cái khăn ngang, vứt xuống đất, tìm cái gậy, hung hăng chạy ra ngõ. Nhưng bạn bè lôi giữ lại được.

Đám ma cụ từ Hoài có rất đông người đi đưa. Đi ban ngày và qua cổng đồng. Nhưng việc này không an ủi được anh Ban, trái lại, càng làm anh xúc động. Thấy nhiều người tỏ lòng thương xót bố và yêu mến mình bao nhiêu, anh càng như được gợi mối căm thù bấy nhiêu. Anh chửi, chửi mãi.

Ma chay xong xuôi, tối hôm ấy, không bàn bạc cùng ai, anh Ban mài con dao thật sắc, rồi đi ra đồng. Anh suy nghĩ kỹ. Đến ruộng đay, anh đứng nhìn trừng trừng. Cây nào cũng xanh tốt, cao gần hai thước, đều tăm tắp. Nhưng anh không thương tiếc. Giữ nó làm gì? Anh mắm môi, giơ dao thẳng cánh, phạt lia lịa vào lưng chừng thân cây. Chỉ một loáng, cả ba sào đay bị chém cụt hết, cành lá nằm ngổn ngang trên mặt đất.

Làm việc này xong, anh nhẹ nhõm cả người. Anh đi về. Nhưng không phải để ngủ. Anh vào buồng, vét hết chỗ gạo còn lại, được ngót hao bơ, anh gói vào mảnh vải, rồi lại ra ngõ.

Anh không theo đường chính để tránh gặp người. Anh cũng không qua cầu để tránh gặp lính. Anh rẽ tắt ra bờ sông, đến chỗ khúc nông, anh vén quần đến bẹn, lẳng lặng lội sang.

Bùn lầy làm anh bước chệnh choạng, mấy lần xuýt ngã. Nhưng vừa đến giữa dòng, bỗng anh đứng dừng.

Anh quay lại, dò từng bước, lội lộn về. Anh đến thẳng

nhà anh Nhã.

Anh đứng ngoài liếp cửa, gọi anh Nhã, lúc ấy đương ngủ. Anh ghé miệng nói vào trong:

-Tôi còn nợ bác một bơ gạo, bác hãy cho tôi chịu. Nhưng bao giờ anh phó Tươi về, bác đưa giùm cái này cho anh ấy.

Anh đặt gói gạo ở đầu hè, cắm cổ bước rảo ra sông. Anh không muốn để anh Nhã kịp ra, hỏi han cho lôi thôi.

Đến chỗ khúc sông khi nãy, anh lội sang bờ bên kia. Anh không quay lại nhìn làng. Anh ra thẳng đường cái nhựa.

Anh Ban đi đâu? Đi làm gì? Anh chưa định.

Nhưng tuy hai bàn tay trắng, lòng anh được lâng lâng. Anh đi thoát khỏi làng, thấy như được thoát nạn.

***

Lý Sinh nằm thẳng hai cẳng, vắt tay lên trán, thỉnh thoảng thở dài sườn sượt. Hắn lo. Hắn nghĩ. Làm thế nào được? Không bắt nổi cụ Na từ con, không bắt nổi chị Na bỏ chồng, thì quan bới việc trộm bát hương của làng để bỏ tù, và cách lý trưởng. Bắt sao nổi những người đàn bà lắm lý sự này làm những việc trái với đạo lý? Cụ Na không bao giờ ghét con. Chị Na không bao giờ oán chồng. Trái lại, hai người còn lấy làm hãnh diện có con, có chồng đi làm việc nước. Quan bảo chị Na phải lòng người thợ cạo. Nhưng không đúng. Anh phó Tươi này tử tế, đứng đắn.

Anh ta hay thăm hỏi người làng. Thì anh ta cũng đến nhà cụ Na và nói chuyện với chị Na. Có thế thôi. Chứ nghi chị Na muốn lấy người thợ cạo, là quan đã cả nghe những lời đồn sai. Vả lại bây giờ anh phó Tươi không ở làng Văn Chương nữa. Người làng nhớ anh ta. Hắn cũng tiếc anh ta. Râu ria hắn mọc ra, không ai cạo cung phụng. Bây giờ quan giao việc khó khăn này, hắn làm thế nào được. Sao ông ta lắm quyền thế, không dùng quyền thế mà ép người ta? Hắn chẳng qua chỉ là lý trưởng. Vả lại dù làm chức gì trong làng, thì đối với mọi người, cũng cần giữ tình, giữ nghĩa để sau này còn nhìn thấy nhau mãi mãi. Nhưng không bắt cụ Na từ con, không bắt chị Na bỏ chồng, thì hết nghiệp. Ông quan này ghê gớm lắm. Ông ta đã nói thì làm, chứ không doạ đâu. Bị tù, bị mất lý trưởng thì nhục. Biết thế, trước kia xin từ dịch quách. Nhưng bỗng không mà từ dịch thì tiếc. Làm lý trưởng vừa được danh giá, vừa thỉnh thoảng có đồng ra đồng vào. Rồi yên ắng, trốt lọt, thì ngoảnh đi ngoảnh lại vài năm, gấp đôi niên hạn, là được thưởng hàm cửu phẩm bá hộ. Lúc ấy, tha hồ mà sung sướng.

Nghĩ lan man thế, lý Sinh chán ngán quá. Làm lý trưởng trong cái làng này thật là để gánh tai vạ. Hắn muốn đưa mồi cho quan, đã chẳng được ông ấy bênh cho một câu, còn mắng những là mặt mẹt, là con lợn. Không được lợi lộc gì, hắn còn bị tai tiếng, xấu hổ với làng, còn dám ra ngoài nhìn mặt ai nữa?

Thế mà rấp ngay đến việc cụ từ Hoài tự vẫn. Ai mang cái tội giết người thay cho hắn được? Làng mạc đến giúp đỡ anh Ban và đi đưa đám cụ từ đông bao nhiêu, là người ta chửi vào mặt hắn bấy nhiêu. Rồi lại đến việc anh Ban chặt đay và đi mất. Chắc anh ta oán, có thể rồi báo thù hắn. Tuy hiện giờ, anh Ban không ở làng, hắn được tạm

yên, nhưng lấy đay đâu để có đủ số bán cho quan Nhật? Quan Nhật hung ác, coi mạng người như mạng ngoé. Chính hắn đã được ăn của quan Nhật mấy cái tát vẹo xương hàm. Thì rồi không đủ đay nộp, quan Nhật có để cho tính mạng hắn an toàn mà làm lý trưởng, hầu hạ quan Huyện và các quan Tây không.

Nghĩ đến đây, hắn thở dài, tiếng não nuột như rên.

Anh Nhàn thấy bố lo lắng, thì hiểu cả là bố nghĩ những gì. Anh Nhã, anh Phùng, thường bảo anh nên lựa lúc vui vẻ để nói chuyện, can ngăn bố anh đừng bới móc việc ở làng ra mà bị mang tiếng. Anh cũng là thanh niên. Chỉ vì có bố là cường hào, mà anh bị anh em ngờ vực. Anh không oán bố, nhưng rất lấy điều ấy làm phiền.

Vì vậy, thấy dồn dập xảy ra nhiều việc mà người làng qui oán vào bố, anh đành đánh bạo phải nói:

-Thầy ạ, thế thì thôi quách, làm lý trưởng chỉ gánh lấy khổ, còn bị làng xóm thù ghét.

Lý Sinh cựa mình, không đáp. Anh Nhàn nói thêm:

-Thầy tận tâm, nhưng có ai ơn đâu. Một lần thầy bị lão chánh mật thám Tây tát, một lần thầy bị lão quan Nhật tát. Lần này, thầy bị ông huyện mắng mỏ, doạ cách chức. Thế, thì cả quan Tây, quan Nhật, quan Nam rẻ rúng thầy, có coi thầy ra gì đâu. Hai lần con trông thấy thầy bị tát, con thấy đau như chính con bị tát. Con lịm người đi, chỉ muốn xông vào tát lại họ. Một đằng quan trên khinh, một đằng làng xóm oán, thì rồi thầy ở với ai?

Lý Sinh cau mặt, tặc lưỡi:

-Mày đừng trứng khôn hơn rận. Công việc của tao, mày biết đâu!

-Con không biết. Con cứ nói. Thầy muốn ở với các

quan à? Nhưng thầy ở với các quan, hay ở với người làng suốt đời? Không những thầy ở với người làng suốt đời, mà ông bà, cụ kỵ đã ở làng này suốt đời, u con và con cũng ở làng này suốt đời, sau này, còn cháu chắt ở làng này mãi mãi.

Lý Sinh gắt:

-Tao biết rồi.

Anh Nhàn không yên, vẫn nói:

-Thế mà người làng, thì nào họ gần, họ xa, nào bạn bè thân thuộc với nhà ta, nào bạn bè thân thuộc với họ gần họ xa nhà ta, chẳng mấy ngày không gặp nhau, không nhìn thấy nhau. Con chỉ muốn khi mình với họ trông thấy nhau, hai người nhìn nhau bình thường, không ai gớm mặt ai, rồi chào nhau một tiếng.

Lý Sinh lại tặc lưỡi và cựa mình:

-Thầy không muốn từ dịch. Lại lo ông ấy cách. Thầy thử từ dịch xem ông ấy có dám cho không? Ở làng này, còn ai thiết ra lý trưởng nữa. Vả lại nếu vì tử tế với người làng, mà bị cách, thì người bị mang tiếng là ông quan, chứ không phải người lý trưởng bị cách. Trái lại, người lý trưởng bị cách còn được tiếng khen là khác.

Lý Sinh mỉm cười, nhạo:

-Khen!

-Thật đấy. Ở làng nào con không biết, chứ ở làng ta, thì những người bị quan trên ghét đều được khen. Ai không kính trọng cụ bảng Năng, cụ đề Liễu. Ai không yêu mến anh Na?

Lý Sinh ngóc cổ dậy, bẻ:

-Tao làm lý trưởng, mày bảo tao cũng để quan trên

ghét với bỏ tù à?

-Không phải thế. Con chỉ muốn thầy làm thế nào cho người làng đừng ghét thầy, rồi ghét lây cả u con với chúng con thôi. Chính mấy hôm nay thầy bị nhiều tai tiếng, cho nên thầy lo buồn.

-Tao lo buồn cái gì, mày biết đâu?

-Sao con không biết. Thầy lo buồn vì phải nghĩ làm thế nào ép cụ Na từ con, bác Na bỏ chồng để khỏi phải cách chức chứ gì. Con tưởng ông quan ông ấy bảo, thì mặc ông ấy. Thầy còn ở làng này với cụ Na, bác Na mãi kia mà. Thầy làm nổi, thì ông quan được vui lòng, nhưng thầy bị tiếng là phá hoại gia đình người ta. Mà thầy không làm nổi, thì làng vẫn oán, còn bị ông quan mắng nhiếc nữa. Gì bằng không theo ông ấy để khỏi làm việc ác có hơn không?

Vợ lý Sinh ngồi giần gạo ở đầu hè, nói vào:

-Nó nói phải đấy, thầy ạ. Thầy còn lâu mới rửa được tiếng làm chết cụ từ với làm con cụ ấy bỏ làng. Thế mà chưa chi đã tính việc làm lìa mẹ con vợ chồng người ta. Có còn cho tôi nhìn mặt ai ở làng này nữa không?

Lý Sinh ngồi nhổm dậy, gắt:

-Thế thì mẹ con mày bảo tao làm thế nào?

Anh Nhàn nói:

-Con tính thầy nên như thế này. Một là từ nay, làng có ai làm gì mà ta quen gọi là quốc cấm, là khả nghi, như nấu rượu, như hội họp đọc sách báo chẳng hạn, thì thầy lờ quách đi.

Lý Sinh suy nghĩ một lát, rồi lắc đầu:

-Không được. Chẳng lẽ tao làm lý trưởng mà trong

làng có những kẻ phá rối trị an, tao nhắm mắt lại à?

-Đúng. Thầy nhắm mắt thì vừa có lợi cho làng, vừa có lợi cho thầy. Lợi cho thầy không phải khó nhọc đi trình quan để quan bắt đối phó, mua lấy oán trách.

Lý Sinh thở dài. Anh Nhàn tiếp:

-Hai là nếu tự nhiên ông ấy buộc thầy làm những việc ác, ví dụ bắt cụ Na từ con, bắt bác Na bỏ chồng, thì thầy nói thẳng là người trong làng, phải giữ tình nghĩa với nhau. Thử xem ông ấy có dám về đây làm không nào?

Lý Sinh kể như để trút nỗi khổ tâm:

-Mấy lần tao lên huyện, ông ấy cứ giục. Ông ấy bảo nếu gia đình này không chịu chia lìa, thì ông ấy quyết liệt hơn. Ông ấy sẽ phá nhà Na, rồi đào mả bố hắn lên, đánh vào tiểu ba chục roi. Ông ấy nói rằng có thẳng tay trừng trị thế mới triệt được nọc cộng sản.

Vợ lý Sinh dừng tay, tặc tặc lưỡi, nhìn chồng:

-Gớm! Nghe mà rùng cả mình! Sao mà ác thế. Bố với mẹ, với vợ người ta có tội gì!

Anh Nhàn đứng phắt dậy, nắm chặt bàn tay:

-Cứ để ông ấy về, xem người làng có để yên cho ông ấy làm thế không, hay chỉ bảo là phá rối trị an.

Vợ lý Sinh đáp:

-Phá rối mà dân làng ơn, dân làng được nhờ, thì tôi cũng thích người phá rối. Vừa rồi, không phá rối việc làm đường, có phải cả Nhạc Lịch với ta, cả thầy lẫn dân, cùng phải khổ không?

Lý Sinh cười. Anh Nhàn nói tiếp:

-Ba là, nếu ông ấy cứ dùn cho thầy phải làm những việc khó khăn, thì thầy nên tìm bác Nhã mà hàn.

Lý Sinh lắc đầu:

-Thế là bác ấy làm lý trưởng chứ không phải tao à? Ngộ tao nghe bác ấy xui dại, thì chết tao hay chết bác ấy?

Vợ lý Sinh nhìn chồng, cãi:

-Thầy cứ thử nghe nó xem. Bác Nhã là người đứng đắn. Thầy đã hỏi, chắc bác ấy bàn cho cách vừa có lợi làng, vừa lợi thầy.

Thấy bố không phản đối, anh Nhàn biết là lời nói của mình có công hiệu, anh thêm:

-Hay muốn kín đáo, thì thầy bảo con đến hỏi bác ấy. Như vậy, thầy được nhẹ mình, vì có vô số người giúp. Việc chạy thì thầy được lòng quan.

Vợ lý Sinh ôn tồn, khuyên:

- Ít lâu nay, thầy ăn ở thất nhân tình, biết bao giờ mới gột sạch được tai tiếng. Thầy nghe nó. Thế mà hay đấy.

Để lời mẹ có thêm sức mạnh, anh Nhàn quả quyết:

-Con chắc chỉ làm như thế, thầy mới chuộc ngay được những tiếng không hay.

Lý Sinh yên lặng. Hắn ngồi thừ, có vẻ nghĩ ngợi. Anh Nhàn không nói thêm nữa. Anh biết tính bố anh.

Lý Sinh đến trước bàn, lau bộ ấm chén, uống một mình, dáng điệu ung dung. Anh Nhàn vui sướng. Chỉ khi nào trong lòng sảng khoái, bố anh mới uống chè. Hẳn bây giờ bố anh thanh thoát vì được anh giải quyết hộ cách xử sự. Anh để yên cho bố anh nghiền ngẫm những ý kiến của anh.

***

Ngay đêm hôm ấy, anh Ban đến phố huyện, vào nhà anh Lê. Sau khi kể lể nỗi lòng, anh nói:

-Tôi ức thì tôi bỏ làng. Lúc bước chân ra khỏi làng, tôi chỉ biết là đi cho thoát khổ, chứ chưa định đi đâu. Nhưng bây giờ tôi có ý định rồi. Tôi tìm anh để hỏi anh có biết chỗ bác Na ở đâu, thì bảo tôi, tôi theo bác ấy. Tôi phải báo thù lý trưởng.

Anh Lê vừa cảm động, vừa ái ngại cho bạn:

-Anh Na ở đâu, tôi không biết. Anh bảo phải báo thù lý trưởng, thì anh thử nghĩ kỹ xem, có thật lý trưởng đáng báo thù không?

Anh Ban cau mặt:

-Không phải nó giết thày tôi, thì còn ai?

-Thế lý trưởng bày ra việc miếu mất trộm để làm gì?

-Tôi cũng biết là hắn định đổ cho anh để quan trị anh.

-Thế thì không phải hắn giết ông cụ. Người thù hắn phải là tôi. Nhưng tôi không báo thù. Vì tôi biết hắn không làm việc ấy cho hắn.

Anh Ban suy nghĩ, rồi hỏi:

-Vậy anh bảo là vì ông huyện à?

Anh Lê gật đầu:

-Phải. Vì ông huyện. Nhưng ông huyện cũng chưa phải là kẻ thù chính của chúng ta.

Anh Ban nhìn anh Lê. Anh Lê mỉm cười:

-Ông huyện cũng chỉ là một thứ tay sai thôi. Ông ta muốn trị gia đình tôi là gia đình cách mạng. Thế thì anh

nghĩ xem, ở nước ta, đứa nào cần dẹp cách mạng?

Anh Ban hiểu. Anh ghé vào tai anh Lê, nói khẽ:

-Là thằng Tây.

Anh Lê gật đầu, thầm thì:

-Đúng. Thằng Tây mới là kẻ thù chính của chúng ta. Thằng Tây cướp nước ta. Nó làm cho chúng ta đói rét, ngu độn, yếu hèn. Bây giờ lại thêm thằng Nhật. Vì hai đứa, chúng ta kiệt quệ cả về tinh thần lẫn vật chất. Thế là hiện nay ta có thêm một kẻ thù nữa là thằng Nhật.

Anh Ban ngồi im, trầm ngâm. Anh Lê tiếp:

-Cho nên muốn được thoát khổ, khỏi đói rét, ngu độn, yếu hèn, khỏi kiệt quệ về cả tinh thần lẫn vật chất, chúng ta phải đuổi cả Tây lẫn Nhật về nước chúng nó, để giành lấy độc lập. Anh Na đi để cùng mọi người làm việc ấy.

Anh Ban sung sướng như đương nhìn thấy tương lai tươi sáng:

-Thằng thày mà cút, thì lũ đày tớ cũng cút theo.

-Thế thì lý trưởng không phải là người đáng cho ta báo thù. Anh đã nhận ra điều ấy chưa?

Anh Ban gật đầu:

-Rồi.

Anh Lê cười, vỗ vào vai bạn:

-Anh nên trở về làng. Đừng đi đâu nữa.

Anh Ban ngớ mặt:

-Sao lại trở về. Để lại bị khổ à?

-Để cùng người làng tranh đấu thoát khổ.

Anh Ban vẫn chưa hiểu. Anh Lê giảng:

-Cách mạng thì phải toàn dân cùng làm. Mà dân đông nhất và mạnh nhất là ở nông thôn. Anh Na sợ lộ, không ở làng ta được, thì anh ấy đi làng khác để tuyên truyền cách mạng. Còn anh, anh đương ở làng, đương là sức mạnh, sao lại đi đâu? Có ở làng, quyền lợi bị va chạm, dễ căm thù địch, mới quyết tâm theo cách mạng.

Anh Ban nghe xuôi tai, nhưng vẫn tìm một cớ để bẻ được:

-Thế sao anh không ở làng?

-Nếu tôi không vướng có thằng Lựu phải ở huyện để học cụ giáo Quí, thì tôi cũng ở làng với các anh. Nay mai thằng Lựu thi đỗ, tôi không cần ở đây nữa. Tôi sẽ dọn khung cửi về Văn Chương để làm.

Lúc ấy có tiếng gà gáy. Anh Ban nhìn ra sân. Trời vẫn còn tối. Anh không nói nữa, từ từ ngả lưng xuống phản, nằm nhắm mắt. Anh Lê biết là bạn nghĩ ngợi, chứ không ngủ, nên cũng lẳng lặng nằm bên cạnh và giục:

-Anh ngủ đi. Rồi chốc nữa dậy, ta lại nói chuyện. Tôi chắc là anh chưa tin lời tôi đâu.

Thật thế, anh Ban vẫn ấm ức. Anh dằn đo, không biết nên đi hay nên về. Nhớ lại nét mặt sừng sộ của phó Kiêu chạy vào buồng nhà anh định cướp hơn bơ gạo, rồi nhìn thấy hình ảnh bố anh thất cổ, thi hài nằm chờ khám, anh lại sôi sục căm giận, hăng máu, muốn phá hết như đã phá ba sào đay. Nhưng văng vẳng bên tai, anh nghe tiếng xôn xao của bà con hàng xóm đến làm giúp, và rủ nhau đi đưa đám cho đông, giọng thân ái của anh Nhã, anh Phùng khuyên bảo, giảng giải, làm cho anh hiểu biết, tự nhiên anh lại quyến luyến với tình quê hương, như anh đã quyến luyến với anh phó Tươi, mà gửi lại cho anh ấy nắm gạo cuối cùng của anh.

Thế thì đi phải hay về phải? Anh Lê đã dắt anh ra ánh sáng để nhìn thấy kẻ thù chính của tất cả là bọn cướp nước Pháp Nhật. Anh phải góp cánh tay của anh vào việc đánh đuổi chúng, thì tất cả mới thoát được khổ cực. Anh Lê khuyên anh nên về làng.

Nhưng về làng thì rồi thế nào? Anh sẽ theo ai ở Văn Chương?

Chợt nghĩ ra, anh gọi:

-Anh Lê! Thức hay ngủ?

Anh Lê đáp:

-Thức.

-Tôi hỏi anh điều này, anh nói thực nhé.

Rồi ghé vào tai anh Lê, anh nói thật khẽ:

-Nghe anh em thì thào với nhau là anh có chân trong Đảng phải không?

-Anh hỏi điều ấy để làm gì?

-Để nếu thật, thì tôi nghe lời anh.

Anh Lê cười:

-Anh với tôi, chúng ta cùng có chung một kẻ thù, lại là bạn thân từ thuở để chỏm, chẳng lẽ tôi bảo anh về là xui dại hay sao?

Thấy anh Lê thành thực, nhưng không trả lời điều anh muốn biết, anh Ban không hỏi nữa. Nhưng yên lặng, không phải là anh cho lời khuyên của anh Lê là đúng. Anh chỉ tin nghe người đảng viên Đảng Cộng sản. Cho nên anh càng luẩn quẩn. Anh thở dài. Rồi dậy, hút thuốc. Rồi lại nằm thao thức. Đến lúc nhìn ra sân, thấy phía chân trời đằng đông đã tang tảng, anh ngồi nhổm dậy. Anh lấy vạt áo chùi mắt, rồi khẽ sang phản bên, đánh thức Lựu. Anh bảo

nó mở cửa, và dặn:

-Chốc nữa chú Lê dậy, bảo chú gửi lời chào nhé.

Lựu hỏi:

-Chú đi đâu mà sớm thế?

Anh Ban không trả lời.

Anh bước chân phăm phăm ra ngoài đường.

Nhưng không trở về Văn Chương.

***

Hôm nay anh Lê làm việc uể oải hơn mọi ngày. Tin anh Ban bị mật thám tỉnh bắt trong cái đêm ở góc phố có truyền đơn, làm anh rất buồn, vì thương bạn gặp dồn dập những tai nạn. Anh Ban rải truyền đơn, hay đương đêm, vì anh đi lang thang ở phố có truyền đơn mà bị bắt? Không rõ anh Ban oan hay không, anh Lê chỉ biết rằng anh Ban đã chống cự bọn chó săn mãi mới chịu sa vào tay chúng. Anh tiếc người có tinh thần như vậy, mà chưa hoạt động được bao lâu.

Chú cháu đương lúi húi nối hết sợi này đến sợi khác luôn luôn bị đứt, bỗng có một người ghếch xe đạp trước hè nhà anh. Anh hơi bực dọc. Không biết người này đến làm gì, nhưng vào lúc óc bận rộn mà tay phải tỉ mỉ, thì dù là bán giấy bút, anh cũng không muốn mất thì giờ. Anh cứ cặm cụi. Thì người lạ vào trong, đến trước mặt anh, hỏi:

-Tôi hỏi thăm anh, có phải anh là anh Lê không?

Anh Lê ngừng tay, ngẩng lên gật đầu đáp:

-Phải, tôi là Lê. Anh hỏi gì?

Người ấy trật mũ trắng để trên phản, bỏ kính đen đeo ở mắt vào túi, rồi một tay vén vạt sau áo the thâm cho gọn để ngồi xổm bên cạnh anh Lê, một tay vỗ vào vai anh, miệng nhoẻn cười bằng cả hàm răng vổ, thân mật nói:

-Đồng chí!

Anh Lê ngạc nhiên, hơi cau mặt. Người lạ vẫn cười:

-Đồng chí chưa biết tôi là ai. Cũng khí đột ngột thật. Nhưng mà...

Người ấy chưa nói tiếp vội, kéo anh Lê đứng dậy, ra chỗ góc nhà cho xa Lựu, rồi lấm láo trông trước trông sau, rỉ tai hỏi:

-Ở đây nói chuyện có tiện không? Hay phải kiếm một chỗ khác?

Anh Lê thấy người ấy có vẻ trâng tráo, thì bán tín bán nghi, vả sợ mất việc, nên gật đầu:

-Tiện. Anh cứ nói.

Hai người ngồi trên phản. Người khách xích lại gần anh Lê, trỏ vào ngực mình:

-Tôi tên là Lâm. Đáng lẽ tôi cùng đi với đồng chí Ban đến đây. Nhưng không may là tôi vừa tới tỉnh, thì đồng chí Ban bị chúng nó bắt rồi. Vì thế tôi phải đi một mình đến với đồng chí.

Thấy người tự giới thiệu là Lâm nhắc đến anh Ban, anh Lê biết đấy là một việc quan trọng. Nhưng nhìn dáng điệu, cử chỉ của người ấy, anh đã khó chịu. Lại nghe gọi anh và anh Ban bằng hai tiếng đồng chí, anh càng khó chịu hơn. Lâm tiếng to tiếng nhỏ:

-Việc hơi dài.

Anh Lê lắng tai.

-Đồng chí Ban bị bắt trong trường hợp nào, đồng chí đã biết. Thật xứng đáng là một đảng viên cộng sản. Cho nên đồng chí Na cử tôi về đây liên lạc với đồng chí để giải quyết vài việc.

Nghe nói đến tên người anh ruột bỏ nhà đi làm chính trị, anh Lê không khỏi không mừng rỡ, nhưng anh cũng không khỏi không lấy làm ngợ vì sao anh Na, anh Ban và anh lại liên quan đến nhau. Song, vì ba người không phải xa lạ nhau, chắc phải có gì, nên người này mới đến đây. Thế thì phải là việc bí mật. Đương lúc cần giữ gìn kín đáo, bỗng anh Lê trông thấy ở lỗ thủng của bức vách trước mặt có một con mắt nhìn vào. Anh giật nẩy mình, vội vàng giơ tay ngăn Lâm:

-Khoan anh hãy nói.

Tự nhiên lỗ thủng ấy lại hở như cũ. Anh Lê đứng phắt dậy, đi nhanh ra sân để bắt chợt kẻ gian tò mò, mà anh chắc phải là một thằng mật thám theo dõi Lâm và nghe trộm hai người nói chuyện.

Thì lạ quá. Người đứng sau vách không phải là ai, mà lại là anh Nhã. Anh Nhã mặt hớt hải, vẫy vẫy tay để gọi. Anh Lê đến gần. Anh Nhã trợn mắt, trỏ vào trong nhà:

-Thằng chó đấy. Tôi trông thấy nó giải anh Ban từ đề lao sang Sở mật thám.

Anh Lê tái mặt:

-Thế à? Thảo nào.

-Nó vỗ răng, nên dễ nhận mặt.

Thằng Lâm vì ngồi quay lưng ra vách, nên không hiểu

anh Lê đi đâu. Đến khi anh vào, nó hỏi:

-Gì thế?

Anh Lê thản nhiên đáp:

-Tưởng con mèo hàng xóm sang ăn vụng, hoá ra không phải.

Thằng Lâm nhắc lại lời nó nói khi nãy:

-Đồng chí Na cử tôi về đây liên lạc với đồng chí để giải quyết vài việc.

Anh Lê yên lặng. Nó tiếp:

-Bây giờ cách mạng cần nhiều người, mà chỗ nào cũng thiếu. Đồng chí mình thì bị bắt bớ lung tung. Cho nên Đảng ta chủ trương là phải tìm cách cho những đồng chí tốt vượt ngục. Đồng chí Na thấy đồng chí Ban là một đảng viên rất anh dũng, nên muốn giúp đồng chí Ban trốn ngay. Ở Sở mật thám và đề lao, chúng ta đều có tay trong, muốn đánh tháo cho các đồng chí lúc nào cũng được. Nhưng đồng chí Na phải điều tra kỹ về đồng chí Ban xem có xứng đáng được vượt ngục không. Vì vậy đồng chi Na cử tôi về hỏi đồng chí. Đồng chí cho biết đồng chí Ban vào Đảng từ bao giờ, sinh hoạt ở chi bộ nào, hoạt động thế nào. Theo ý đồng chí, có nên để đồng chí Ban vượt ngục không.

Nghe luận điệu của thằng mật thám muốn moi tài liệu, anh Lê chưa đáp, thì nó nói:

-Đồng chí nên suy nghĩ cho kỹ. Đồng chí Na hoàn toàn tín nhiệm ở đồng chí. Đồng chí Ban ở tù hay ra khỏi lưới của địch là do ý kiến của đồng chí. Cho nên lời đồng chí rất quan trọng, nó quyết định về sinh mệnh của đồng chí Ban.

Muốn biết con chó săn còn định đem thêm cho chủ những gì, anh Lê mỉm cười, hỏi:

-Anh Na còn hỏi việc gì nữa?

-Đồng chí Na hỏi thăm gia đình và tình hình hoạt động của đồng chí. Về gia đình, thì bà cụ có khoẻ mạnh không, chị ấy làm ăn có khá không, thằng cháu học hành có tiến không. Đồng chí Na nhắn đồng chí nên giao công tác phụ nữ cho chị Na, để chị ấy xứng đáng là vợ một người đảng viên. Còn thằng cháu, thì đồng chí nên huấn luyện nó ngay từ giờ. Nó bé thì cho việc bé, ví dụ làm giao thông liên lạc, để nó quen với công tác cách mạng.

Nói xong, thằng Lâm hỏi:

-Về đồng chí Ban và vợ con đồng chí Na, đồng chí trả lời thế nào?

Anh Lê vẫn chưa đáp:

-Còn gì nữa?

-Về tình hình hoạt động của đồng chí, thì đồng chí Na muốn biết bây giờ đồng chí sinh hoạt ở chi bộ nào. Tại sao Huyện uỷ không lãnh đạo chung toàn huyện mà chỉ thấy làng Văn Chương có nhiều thành tích. Đồng chí Na nhắn khuyên tất cả các đồng chí là thấy đồng chí Ban bị bắt thì đừng nao núng. Nhất định đồng chí Ban không khai ai đâu. Cho nên định hoạt động những gì, đồng chí Na bảo đồng chí nên thảo luận với tôi trước, để ta tìm kế hoạch tiếp tục. Còn về đồng chí, thì đồng chí Na đã suy nghĩ kỹ càng. Đồng chí bị lộ rồi, bọn chó săn để ý đến đồng chí quá lắm đấy, khó lòng mà yên được. Để tránh khỏi sa vào lưới của quân thù, đồng chí Na cho tôi về đón đồng chí lên ngay khu đồng chí Na phụ trách để làm việc. Đồng chí là một đảng viên đắc lực, nếu bị bắt thì là một thiệt thòi lớn cho

Đảng. Vậy đồng chí nên thu xếp công việc, đi ngay đêm nay.

Thấy thằng Lâm không nói nữa, anh Lê hỏi:

-Còn gì nữa không?

Nó đáp:

-Hết. Đồng chí có nhớ từng điểm mà đồng chí Na hỏi hay không? Đồng chí trả lời đi.

Rồi nó cười:

-Cũng khó nhớ, vì nhiều. Nhưng đồng chí cứ nói dần, quên đâu, tôi nhắc đấy.

Anh Lê cố làm ra thản nhiên, đáp:

-Nhiều câu hỏi thật. Nhưng tôi chỉ trả lời tóm tắt bằng hai tiếng là đủ. Là hai tiếng: Không biết!

Thằng Lâm trố mắt, có vẻ thất vọng:

-Sao lại không biết? Người đảng viên không thể không biết những điều ấy.

Anh Lê gật đầu:

-Phải rồi. Bởi vì tôi không phải là đảng viên. Tôi nghe anh dùng những tiếng đồng chí để gọi tôi và gọi anh Ban, tôi thấy rất lạ tai.

Thằng Lâm cũng cười:

-Đồng chí nói câu ấy, tôi càng rõ đồng chí là đồng chí của tôi. Ưu điểm của đồng chí là kín đáo. Người đảng viên phải kín đáo là rất đúng. Nhưng kín đáo với địch mới tốt, nếu kín đáo với Đảng thì là bịt mắt, bịt tai Đảng, là bẻ què chân tay Đảng. Tôi đã nói là tôi đến đây, vì không có đồng chí Ban giới thiệu, nên đồng chí thấy đột ngột, không tin tôi. Vậy đồng chí suy nghĩ kỹ về nhiệm vụ của đồng chí

đối với Đảng. Tôi được đồng chí Na cử về liên lạc với đồng chí, vậy đồng chí có đang tâm để tôi báo cáo lại với Đảng là đồng chí giấu Đảng hay không? Đảng nghĩ đến đồng chí, khuyên đồng chí thoát ly để tránh bị bắt, sao đồng chí không nghĩ đến Đảng?

Anh Lê hỏi:

-Nếu anh Na bảo tôi đến với anh ấy, thì gặp tôi, anh ấy sẽ tha hồ hỏi, việc gì phải nhắn với nhe cho thêm phiền?

Thằng Lâm mừng rỡ:

-Vậy đồng chí định đến với đồng chí Na chứ? Đồng chí nên thu xếp ngay để đi với tôi.

Anh Lê cười nhạt:

-Tôi chỉ sợ chẳng đến được chỗ anh Na, lại lạc vào một chỗ không muốn đến. Mà tôi không hiểu anh Na bảo tôi đi để làm gì. Tôi xin nói một lần nữa, tôi không phải là đảng viên cộng sản. Chắc anh Na đi vắng lâu, nên tưởng tôi hoạt động chính trị và vào Đảng. Sự thực, bây giờ tôi dệt vải. Tôi không biết chính trị, vả cũng sợ chính trị lắm. Anh Na là cái gương tầy liếp cho tôi soi. Anh ấy đã ở tù, bây giờ lại trốn đi để chịu khổ. Hiện nay anh ấy trút gánh nặng gia đình lên hai vai tôi. Tôi mà hoạt động chính trị, rồi bị bắt, thì ai nuôi mẹ, nuôi chị, nuôi cháu cho tôi?

Thằng Lâm cố nói giọng thân mật:

-Đồng chí vẫn chưa thành thực với tôi. Đồng chí thế nào, giấu nổi Sở mật thám, chứ giấu sao nổi Đảng. Tôi đến đây, không phải vì không biết là đồng chí không làm chính trị. Đồng chí Na hỏi nhiều điều, không phải là không biết đồng chí không hiểu tình hình. Tôi đến đây, được ít thì giờ, và ngồi lâu thì ngại bọn chó săn để mắt đến, thế mà

đồng chí không cho tôi biết một điều nào, tôi cho là đồng chí quá hữu.

Nó để cho anh Lê tự ái vì không hữu khuynh, rồi tiếp:

-Nếu vì phải mất thì giờ với đồng chí mà lỡ tôi bị bắt, hãy hỏi đồng chí có đang tâm không?

Thấy thằng mật thám nhiều mánh khoé đỗ đành, khiêu khích, để bắt anh cung khai, anh Lê sực nghĩ ngay ra là phải quật lại cho nó một vố xứng đáng. Anh làm ra vẻ hối hận, rỉ tai hỏi:

-Có thật anh là người của anh Na không?

Thằng Lâm vui sướng, vội vàng đáp:

-Đồng chí còn ngờ à? Chỉ vì tôi chủ quan, yên trí là gặp đồng chí Ban đưa đến với đồng chí, nên tôi không xin đồng chí Na mấy chữ vào mảnh giấy để đồng chí tin. Và cũng không ám hiệu để đồng chí nhận ra tôi.

Anh Lê giả vờ sai Lựu đi mua thuốc lá. Còn anh với nó, anh xích lại gần nó, rồi nghiêm trang, nói:

-Việc thoát ly gia đình là việc lớn, tôi cần phải suy nghĩ kỹ lưỡng. Tôi sẽ trả lời anh sau.

Thằng Lâm hỏi dồn:

-Vậy đồng chí quyết định đi hay không?

-Chưa quyết định. Tôi sẽ trả lời sau.

Nó tấn công anh:

-Sau là bao giờ? Là đảng viên phải hy sinh vì Đảng. Đồng chí nên biết tôi bí mật về đây, nên không thể ở lâu được. Đồng chí nên trả lời ngay.

Anh Lê cười:

-Ở nhà này, tôi còn có cái khung cửi, cái cửa hàng. Ở

Văn Chương, tôi còn mẹ, còn chị. Tôi phải thu xếp cho xong, mới yên tâm mà đi được chứ?

-Thế thì đồng chí cẩn thận quá. Trước kia, đồng chí Na thoát ly, có cần nhiều thời giờ như đồng chí đâu. Tôi chỉ sợ đồng chí chậm trễ, thì bị bắt trước khi lên đường thôi. Tôi đề nghị đồng chí nghĩ đến tính mệnh của đồng chí, tính mệnh của tôi mà đừng trù trừ.

-Tôi hiểu. Nhưng chóng nhất là ba hôm nữa tôi mới có thể quyết định được.

Biết rằng không nên nài ép, thằng Lâm gật đầu:

-Được. Tôi xin đúng hẹn. Ba hôm nữa, tôi lại đến đây.

Anh Lê nói:

- Tôi có một điều cần đề nghị với anh. Là tôi muốn có một ít sách báo bí mật, để nếu tôi không đi, thì tôi đọc, nếu tôi đi, thì tôi để lại cho anh em đọc.

-Được, tôi sẽ mang đến cho đồng chí.

Nó yên lặng một lát, rồi nói:

-Bây giờ ta thu xếp công việc cho nhau như thế này. Tôi không thể ở đây chờ đồng chí trả lời được. Vậy đồng chí cứ cho tôi biết ngay bây giờ những điều đồng chí Na hỏi, để tôi về báo cáo trước. Và đồng chí tìm ngay cách liên lạc với đồng chí Ban, cho đồng chí ấy biết tin là sẽ được tổ chức vượt ngục.

Anh Lê đáp:

-Những việc này, để ba hôm nữa hãy hay.

Thấy Lựu đem thuốc lá về, và biết rằng lừa bịp hơn nữa cũng vô ích, thằng Lâm đứng dậy, bắt tay anh Lê thật chặt, và ghé vào tai, dặn:

-Ngày kia, tôi sẽ đến vào buổi tối. Độ quá nửa đêm thì chúng ta đi.

***

Lê Sung nghe người lính lệ báo là có anh Lê xin vào, hắn không nói gì, yên lặng một lát, rồi xếp tất cả giấy tờ trên bàn, gấp trong bìa. Hắn đứng dậy, quay về phía tường, mở cái tủ đứng bằng gỗ tạp, tìm ở ngăn trên cùng, rút ra một tập hồ sơ về làng Văn Chương. Hắn mở qua từng tờ một, rồi bảo người lính:

-Cho nó vào.

Anh Lê chào. Lê Sung không gật đầu, hỏi:

-Có việc gì?

Thấy Lê Sung vẫn khinh khỉnh như lần trước, hỏi trống không, giọng sẵng, anh Lê càng muốn làm cho hắn khinh khỉnh hơn nữa, để khi phải thay đổi thái độ, hắn tự lấy làm xấu hổ. Anh nói:

-Chúng tôi đến trình quan lớn một việc, nhờ quan lớn xét, chúng tôi được đội ơn.

Lê Sung hỏi:

-Xin thêm sợi để bán chợ đen, hả?

-Bẩm không... .

-Hay muốn xin phục chức? Không được đâu!

-Bẩm không ạ. Chúng tôi trình quan lớn một việc quan trọng.

Lê Sung mỉa mai:

-Quan trọng?

-Dạ. Sáng hôm nay, có một người đến nhà chúng tôi, tự xưng là đảng viên cộng sản.

Lê Sung cau mặt, hơi nghiêng cái đầu để chú ý nghe. Anh Lê tiếp:

-Nó nói là anh Na tôi phái về, bảo tôi bỏ nhà đi hoạt động với anh ấy. Tôi trình quan lớn để bố trí bắt nó.

Như con chó đói được miếng xương, Lê Sung vội vàng vồ ngay lấy. Hắn vui vẻ, giơ tay vào chiếc ghế mây đặt trước bàn giấy:

-Thầy ngồi chơi.

Hắn cầm bút và lắng tai nghe. Anh Lê cười thầm, ngồi xuống ghế, nói:

-Xin phép quan lớn.

Lê Sung hỏi, giọng dịu dàng:

-Nó đến nhà thầy lúc nào, nó nói những chuyện gì. Thầy có biết tên nó không?

-Nó đến lúc mười giờ sáng, nói chuyện chừng nửa giờ. Nó tưởng tôi cũng là đảng viên cộng sản như nó, nó hỏi tình hình làng tôi, hỏi tôi hoạt động thế nào. Nó xưng tên là Lâm.

Tên tri huyện đứng dậy, mở tủ, lấy một tập hồ sơ nữa. Hắn mở từng tờ. Bỗng hắn trừng mắt:

-Tên nó là gì?

-Thưa là Lâm ạ.

-Trần Hữu Lâm phải không?

-Thưa nó chỉ nói tên là Lâm thôi.

Lê Sung gật gật:

-Lâm! Đúng là Trần Hữu Lâm. Đúng là anh thầy sai nó về gặp thầy.

Nói xong, hắn chăm chú nhìn vào tờ giấy. Anh Lê biết là hắn đọc lý lịch của anh Trần Hữu Lâm, người chính trị phạm cũ ở làng Thuỵ Phương, đã trốn đi hoạt động ngót một năm nay. Anh mặc kệ cho hắn lầm, tưởng thằng mật thám là người cộng sản, để hắn tin anh.

Quả nhiên Lê Sung ngớ mặt một lúc để nghĩ, rồi hỏi:

-Thế thầy không là đảng viên cộng sản thật chứ?

Anh Lê cười:

-Nếu tôi là đảng viên cộng sản, thì tôi không đến đây báo quan lớn bắt đảng viên cộng sản.

Lê Sung gật:

-Nó hỏi tình hình làng thầy và sự hoạt động của thầy, thầy trả lời nó thế nào?

-Cố nhiên tôi không biết gì để trả lời. Nhưng nó không tin. Nó bảo bao nhiêu những việc trong làng tôi, như gây lại phong trào thể dục thể thao, không lập hội đá bóng, không lập Thanh niên đoàn, chống trồng đay, chống làm đường cho Nhật, đều do tôi cầm đầu.

Lê Sung cố rặn ra để cười cho to:

-Ngu ơi là ngu! Nghi cho thầy những việc ấy, thật là ngu.

Anh Lê nghe tên tri huyện tự chửi hắn, thì mát ruột lắm. Anh tiếp:

-Vì thế, hắn rủ tôi đi theo hắn để tránh phải bắt.

Lê Sung lại phá lên cười:

-Bắt thầy thì làm gì thầy! Ai lại bắt người lương thiện

bao giờ!

-Vâng, tôi vẫn bị nhà nước nghi là cộng sản. Nhưng trong thâm tâm, tôi xin thú thật với quan lớn là tôi không ghét gì bằng ghét cộng sản. Vì nhà tôi, có anh tôi cuồng dại, nên bao nhiêu khó khăn, phải nuôi mẹ, nuôi chị, nuôi cháu, một mình tôi phải cáng đáng. Thành thử, số tôi không phải khổ, mà chỉ vì cộng sản, tôi phải khổ oan.

Lê Sung lắc đầu:

-Có ai nghi cho thầy là cộng sản đâu. Chẳng qua chỉ có mấy ông học quan cận thị thôi chứ. Còn như tôi, nếu tôi cũng nghi thầy, thì dễ thường tôi phải nghi tất cả huyện này! Tôi nghi thầy mà tôi lại định dùng thầy làm thư ký riêng!

Hắn cười như cười một câu rất có duyên, rồi gấp tập hồ sơ lại:

-Nó có bảo bao giờ nó lại đến thầy không?

-Có. Ba hôm nữa.

-Ba hôm nữa?

-Vâng. Vì tôi hẹn là ba hôm nữa mới trả lời được là có đi theo nó đến chỗ anh Na tôi hay không. Sở dĩ tôi hẹn như vậy, là để có thì giờ vào trình quan lớn bố trí bắt nó. Nếu tôi trả lời ngay nó là tôi không đi, thì nó không trở lại nữa.

-Tốt. Nó có nói đến vào giờ nào không?

-Vào chập tối, để đêm đi cho kín đáo.

-Được rồi. Thằng này không trốn đâu thoát. Chiều ngày kìa, tôi sẽ cho rình nó. Nhưng nếu nó đến sớm hơn, và lại đi ngay, thì bất cứ lúc nào, thầy cũng phải lập tức báo cho tôi. Thầy viết mấy chữ như hỏi vay tiền một người

bạn, rồi bảo thằng cháu thầy đem thư vào đây cho tôi.

Anh Lê đứng dậy, Lê Sung mở hộp thuốc lá, đưa anh một điếu, rồi đánh diêm châm cho anh hút. Hắn hỏi:

-Việc này, thầy có định trình quan Chánh mật thám không?

-Không ạ. Tôi trình quan lớn là đủ.

-Phải. Tôi cũng khuyên là đừng. Vì việc trong huyện này là của tôi. Tôi cảm ơn thầy nhé. Rồi sau này, có gì nữa, thầy cứ vào báo ngay. Và thầy cần gì để sinh nhai, tôi sẵn sàng giúp đỡ.

Hắn bắt tay anh Lê, và khen:

-Tốt lắm!

***

Lê Sung và bọn tay sai ập vào nhà anh Lê. Hai thằng ôm ghì lấy thằng Lâm, một thằng nhét chiếc khăn vào miệng cho nó không kêu được. Nhưng thằng Lâm cũng không dám kêu, vì nó thấy Lê Sung giơ súng lục vào mặt nó, và doạ:

-Kêu thì tao bắn chết.

Thằng Lâm không có thì giờ chống cự. Nó phải trói giật cánh khuỷu. Anh Lê vui sướng quá. Anh trao cho tên tri huyện những sách báo mà thằng mật thám mới đem đến, để làm chứng cớ cho hắn tin nó là cộng sản. Rồi muốn được hả lòng căm thù con chó săn, anh nắm chặt bàn tay, tống hai quả thật mạnh vào mặt nó. Lựu cũng giơ thẳng cánh, tát vào má nó đôm đốp.

Việc bắt thằng Lâm làm nhanh như điện và êm như ru. Hàng phố không ai biết gì hết. Thằng đày tớ của thằng Xỉ-vả bị thằng đày tớ của thằng Vát-xi dòng vào huyện, giam trong trại. Mồm nó bị đóng hàm thiếc để khỏi cắn lưỡi tự tử. Mình nó bị nằm sấp xuống đất, hai chân đút vào hai lỗ cùm lim để khỏi trốn. Và sáng hôm sau, nó bị hỏi cung.

Thấy nó không khai tên là Lâm và không khai quê quán là làng Thuỵ Phương, Lê Sung đoán biết rằng người cộng sản này đã trốn đi trước ngày hắn đổi về đây, thì yên trí là hắn không biết mặt, nên mới dám giấu giếm căn cước. Hắn định sức gọi lý trưởng Thuỵ Phương lên nhận diện cho nó lòi cái mặt gian ngoan ra. Hắn hỏi nó về tung tích anh Na. Thằng Lâm nói là không biết. Nó còn kêu rằng bị bắt oan, là người của sở mật thám ở tỉnh về dò xét anh Lê. Nhưng truy đến giấy tờ chứng thực, thì nó không có. Đúng là nó loè bịp! Mặt con hùm xám nóng bừng bừng: Một trận đòn gọi là đòn điểm tâm.

Thằng Lâm từ trước đến giờ chỉ được đánh người, chưa bị người đánh bao giờ, nên nó không chịu được đau, kêu la rầm rĩ. Lê Sung cho là nó bướng:

-Mà bảo mày dò thằng Lê, thì mày định dò nó những gì?

Nó đáp:

-Bẩm quan lớn, chính tên Lê có Đảng. Nó biết con là người của sở mật thám, nên nó lừa quan lớn bắt con.

Lê Sung suy nghĩ, cho là có thể thằng Lâm nói có lý. Nếu nó biết rõ về anh Lê, thì nó oan thật. Hắn hỏi thử:

-Thế thì thằng Lê ở chi bộ nào, hoạt động những gì, với ai?

Thằng Lâm không đáp được, Lê Sung không nghi ngờ gì. Hắn khẳng định là chính thằng Lâm mới nói láo, mới lừa hắn. Hắn không cần gọi lý trưởng Thuỵ Phương lên huyện cho thêm phiền. Hắn nhất định bắt thằng Lâm phải khai những người cùng hoạt động với nó, và tung tích anh Na. Thấy không truy được gì, mà thằng Lâm chỉ kêu oan, hắn càng cho nó là đứa gan cóc tía và nguy hiểm. Hắn phải tra tấn thẳng cánh.

Từ sáng đến trưa, hắn bó giò thằng Lâm. Hắn bắt lấy dây chão quấn và thít chặt quanh hai cánh tay và hai đùi nó, rồi giội nước lã cho dây chão co lại. Thịt thằng Lâm tím bầm. Nó gan lì, đã không xưng là đảng viên cộng sản, còn một mực kêu oan, vẫn nhận là đầy tớ thằng Xỉ-vả. Nhưng vì Lê Sung có đủ chứng cớ về nó, nên một mặt, hắn lên tỉnh, xin phép tên công sứ gia cho hắn giữ tên nguy hiểm này một hạn hai mươi bốn giờ nữa, để hắn cố làm cách bắt nó cũng khai đúng. Được thằng Vát-xi đồng ý, Lê Sung thay đổi lối hình phạt. Hắn bắt thằng Lâm ăn cơm thật mặn, nhưng không cho uống nước. Muốn trong cơ thể thằng Lâm không còn tí nước nào, cứ cách một giờ, hắn lại bắt nó cắm cổ chạy thật mau độ hai mươi phút, cho ra mồ hôi. Trong thời giờ nghỉ chạy, nó phải nằm bên cạnh một đống lửa cháy thật to, và đắp lên mình mười cái chăn chiên mượn của mười người lính cơ. Quả nhiên chạy độ bốn lượt như vậy, mặt thằng Lâm tái nhợt, chân tay đã sưng vù vì bị bó giò, bây giờ run lẩy bẩy. Nhiều lúc khát nước quá, nó nhăn nhó, nghiến răng lại, lấy tay cào xé da thịt như điên. Không ai đánh đập nó, nhưng thân thể nó sắt lại một thứ máu xám đặc xịt. Vậy mà thằng Lâm không cung khai thêm một lời nào. Cáu tiết quá, lúc sắp hết hạn giam nó ở huyện, Lê Sung trút lần cuối cùng nỗi căm hờn cộng sản của hắn vào thằng bướng bỉnh, gan góc. Hắn không hỏi

nữa. Hắn bắt tất cả lính tráng trong trại cơ lệ, phải lần lượt mỗi người trong mười lăm phút, đánh phạm nhân bằng bất cứ cái gì. Để làm mẫu, hắn dùng roi gân bò, quật thằng Lâm vào mặt, vào đầu, vào ngực, vào bụng, vào lưng, vào tay, vào chân, túi bụi. Nó rống lên như bò. Nhưng hắn không ngừng tay. Rồi lúc mỏi, hắn mới đứng chứng kiến những trận đòn của lính. Ai tỏ ý thương hại nạn nhân mà chùn tay, không tàn nhẫn như ý muốn của hắn, thì lập tức hắn quất ngay roi gân bò vào mặt người ấy. Suốt ba giờ đồng hồ liền, tự tay hắn thảo tờ trình bằng lời lẽ đanh thép, buộc thằng Lâm cho chặt vào tội đã là cộng sản còn dám mạo nhận là người của sở mật thám, hòng đánh tháo. Hắn phái ba người lính cơ giải thằng Lâm lên tỉnh cho thằng Xi-vả đánh đòn thù.

Nhưng đòn thù của Lê Sung đã quá đủ cho thằng Lâm rồi. Nó quị liệt, không đi được. Rồi lê được ba cây số, nó phải cố bò. Rồi cố bò cũng không nổi. Nó không tới được dinh quan thầy để nó minh oan cho lòng trung thành với Chính phủ bảo hộ. Thằng đày tớ của thằng Xi-vả tắt thở giữa đường, vì bị thằng đày tớ của thằng Vát-xi đánh dập lá lách.

***

Vụ chó giết chó làm anh Lê rất hả lòng. Nhưng thằng Xi-vả rất căm bực. Nó ngờ Lê Sung ăn miếng trả miếng, báo thù việc sở mật thám đã tha bổng hai mươi ba người bị bắt về tội không trồng đủ đay ngày nọ. Nó xin bác sĩ khám thương tích trong mình thằng Lâm để kiện Lê Sung.

Công sứ Vát-xi xét về tên tri huyện được tiếng là trị cộng sản này. Nó thấy trái ngược hẳn. Lấy những lý do là từ ngày đổi về, Lê Sung chưa trị vụ cộng sản nào; lần trước, muốn che giấu mặt nạ, hắn đổ cho dân lương thiện làm đường là phiến loạn, để thằng Phu-tít bị người Nhật Bản làm nhục ngay trước mắt nhiều phu An Nam; lần này, hắn cả gan công nhiên đánh chết một nhân viên mẫn cán của sở mật thám đi dò cộng sản, tên quan cai trị đầu tỉnh khẳng định Lê Sung là thân cộng. Lão tuần phủ lại được thông sự Hảo mới lên hót là lần Lê Sung đi kinh lý về Văn Chương, hắn đã liên lạc với tên cộng sản lợi hại là Na, tỏ ý kính phục Na, dùng Na làm cố vấn chính trị, và thiết tha muốn vào Đảng Cộng sản. Về việc chống làm đường ngày nọ, chính hắn đã tuyên bố với dân Văn Chương là hắn tham gia tranh đấu. Để đáng kiếp cái thằng cha hay cậy thế Hà Nội, tháng nào cũng nộp nguyệt bổng chậm và thiếu, lại toàn bằng giấy lẻ và rách, lão mách những tội trên kia của Lê Sung với công sứ Vát-xi. Vì vậy, con hùm xám bị huyền chức, đợi ngày ra Hội đồng kỷ luật và rất có thể còn ra toà án.

Lê Sung thấy mình bị ức, muốn nhẹ tội, hắn cùng người vợ lẽ đem đầu đến lạy van hai vị chủ tỉnh công bình và minh mẫn. Người vợ non trẻ của hắn lại cùng bà trạng Chương và bà đốc Oanh chạy long tóc gáy đến cởi mở, nhờ công sứ Pác-xi biện hộ. Cô Lệ Xuân nũng nịu với Đuy-cu-roa, năm ấy đã thăng chức đại tá, đòi trả nợ lòng, xin cho được yết kiến riêng. Thượng sứ toàn quyền Đờ-cu, ngày ấy goá vợ, rất bận rộn việc ngoại giao. Trong đơn khiếu oan, Lê Sung thú thật với quan thầy là vì quá trung thành với hai Chính phủ, hắn đã mù quáng, nên bị một tên cộng sản là Lê lừa hắn. Lúc này thì hắn tỏ ra không ngu mà chửi những kẻ ngờ cho anh Lê là cộng sản nữa. Hắn đổ diệt cho

anh là cầm đầu những vụ tranh đấu ở làng Văn Chương. Hắn khép anh Lê vào hạng nguy hiểm, có lắm thủ đoạn. Anh Lê đã thay người anh ruột, hiện đang lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn huyện. Muốn được tin là thông minh và mẫn cán, hắn kê theo tờ trình cả một danh sách dài dằng dặc tên những người hắn nghi ở làng Văn Chương.

Thằng Xi-vả là một thằng Tây lai rất phục Nhật. Vì lý do ấy, tuy nó mới chừng hai mươi nhăm tuổi, đương làm chức phụ mật thám ở phòng kinh tế tại sở mật thám Hà Nội, nó được thay thằng Phu-tít, đứng đầu một tỉnh, dò xét thái độ chính trị của ngót một triệu dân. Vì vậy, óc nó bị méo mó về nghề nghiệp. Nó chỉ đứng trên quan điểm kinh tế để nhìn việc chính trị. Bất cứ vụ bắt bớ về chính trị nào, nó cũng có mục đích biến thành những vụ kinh doanh về kinh tế.

Thằng Xi-vả khai thác thây thằng đầy tớ bị đánh chết tươi. Dựa vào báo cáo của Lê Sung, lại nghiên cứu thêm trong sổ tay riêng của nó, nó làm một cuộc càn quét lớn ở làng Văn Chương và ở những làng lân cận.

Trong vòng một tuần lễ, hai trăm người bị nếm đòn của nó. Để lao chặt ních những dân mới, và ồn lên những tiếng rên khóc. Người nào mặt mày cũng thâm tím. Có người sưng vù cả mình mẩy. Nhưng đến người cộng sản lợi hại nhất, là anh Lê, thì nó không dùng nhục hình. Nó thường chê nhục hình là dã man, là vô nhân đạo, là trò trẻ con. Nó có cách văn minh hơn, đứng đắn hơn, lý thú hơn, mầu nhiệm hơn, không cần đụng chạm đến da thịt phạm nhân, mà phạm nhân cứ phải phun phè phè tất cả. Nó đã học được kinh nghiệm tra tấn này của bọn phát xít Đức Nhật, khi chúng cần tìm cộng sản ở những nơi mà chúng

tạm chiếm.

Nó gọi anh Lê vào buồng kín, bắt ngồi xổm bên cạnh nó:

-Mày là đảng viên cộng sản phải không?

Anh Lê lắc đầu:

-Không phải.

-Thằng Ban đã nhận hết rồi. Tao chỉ hỏi lại mày vài câu chính để khớp với lời khai của nó xem có đúng nhau hay không thôi. Chi bộ mày có mấy đứa, đứa nào là bí thư, đứa nào là chi uỷ viên.

Nó giơ ba ngón tay:

-Ba câu thôi. Khai xong thì mày được tha về.

Anh Lê lại lắc đầu:

-Tôi không là cộng sản, nên không biết gì mà khai. Nếu tôi là cộng sản, tôi đã không đi trình bắt tên Lâm.

Nó đưa một tờ giấy cho anh, trỏ vào một đoạn:

-Tao không dễ bị lừa như những thằng quan An Nam của mày đâu. Đây, mày đọc xem thằng Ban nói về vai trò của mày thế nào.

Anh Lê đọc, rồi nói:

-Không đúng.

Thằng Xì-vả nhoẻn một nụ cười nham hiểm:

-Không đúng vì còn thiếu phải không?

-Tôi nói là không đúng. Tôi xin quan lớn cho tôi gặp tên Ban để vạch cho nó thấy lời khai của nó có những chỗ trái ngược nhau.

Thằng Xì-vả gật đầu:

-Sẵn sàng. Nó chờ mày ở buồng cạnh.

Nó bấm chuông gọi. Anh Ban được dẫn sang. Anh Lê thấy bạn, không giữ được bình tĩnh. Lời anh Ban sẽ là căn cứ cho thằng Chánh mật thám trị anh. Anh hồi hộp, hơi nổi trống ngực. Thằng Xỉ-vả trỏ vào anh, hỏi anh Ban:

-Ban! Đứa nào đây?

-Thưa tên Lê.

-Nó là đảng viên cộng sản?

-Thưa tôi không biết.

Lòng anh Lê nhẹ nhõm. Nhưng thằng Xỉ-vả mặt tái lại, nghiến răng, trỏ vào tờ giấy ở trên bàn:

-Mày đã khai, mày đã ký nhận. Bây giờ mày phản cung phải không?

-Thưa không phải tôi phản cung. Quan lớn khai hộ tôi, rồi đánh tôi đau, nên tôi phải ký, chứ tôi có nhận bao giờ đâu?

Thằng Xỉ-vả cười:

- À, mày bướng!

Nó bấm chuông. Người mật thám Việt Nam sang. Nó không nói một lời. Nó chỉ nhìn anh Ban, và khoằm hai ngón tay. Tên tay sai hiểu, đưa anh Ban ra. Cửa vừa đóng, anh Lê đã nghe thấy tiếng bạn rú lên thất thanh. Anh tưởng như tim bị bóp nhoi nhói. Thằng Xỉ-vả nói:

-Mày đừng mừng vội. Không phải một mình thằng Ban khai cho mày. An Nam có câu "Chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết", con ạ.

Nó hằn học nhìn anh Lê, rồi nói:

-Tao chỉ hỏi mày có ba câu. Khai xong, tao tha cho

về. Tao cho mày năm phút để suy nghĩ xem nên nói thật hay nên nói dối.

Anh Lê lễ phép, đáp:

-Theo đúng sự thực, nếu tôi nói tôi không là đảng viên, tức là tôi nói thật. Nhưng nếu tôi nói tôi là đảng viên, thì lại là tôi nói dối. Xin quan lớn cho biết là quan lớn muốn nghe tôi nói thật theo ý quan lớn, hay theo ý tôi.

Thằng Xỉ-vả gật gật:

- À, mày làm văn chương! Hay lắm! Mày tưởng tao đánh mày, cho nên mày liều, mới ăn nói xỏ lá. Thế thì tao không hỏi mày nữa. Tao cho mày ngồi nghỉ ở một chỗ tĩnh mà làm thơ. Chừng nào mày lạy tao xin khai, tao sẽ cho mày ra chỗ khác.

Nó dẫn anh Lê đến đầu nhà. Ở đấy có cái ang đựng nước, cao đến ngực. Nó bảo anh trèo vào trong ang, và ngồi xuống. Nó vặn hé vòi cho nước chảy từ từ vào. Nó bắt anh không được cựa mạnh để khỏi có sóng. Mức nước dâng lên dần, đến bụng, đến ngực, đến cổ, đến mồm, rồi đến mũi. Muốn khỏi ngạt, anh quì cho cao lên. Nước vẫn chảy, đến cổ, đến mồm, đến mũi. Anh thẳng lưng, ngửa mặt để tránh. Nhưng nước vẫn chảy đến mũi, làm anh sặc. Anh xin phép nó cho đứng dậy. Nó gật đầu, nhưng đậy ngang miệng ang bằng miếng mặt kính. Thành thử đầu anh không thò được ra ngoài. Đỉnh đầu anh sát vào mặt kính. Anh phải co cẳng lại và khom lưng xuống. Thằng Xỉ-vả hãm bớt vòi nước cho chảy ri rỉ. Bây giờ thì không ai bắt, nhưng Lê cũng không dám cựa mạnh. Anh sợ nước vào mũi. Mặt nước phẳng dâng cao, tí một, tí một, hơi có chút sóng động. Đến lúc mức nước vừa ngang khít đến lỗ mũi anh Lê, thằng Xỉ-vả mới khoá hẳn vòi lại. Nó bỏ miếng kính, thay bằng cái nắp sắt. Không hiểu nó còn lèn thêm gì

lên trên nữa, mà nặng quá, anh Lê thử cố sức lấy đầu khẽ đội nắp lên, nhưng không nổi. Anh không dám húc mạnh, sợ sóng làm anh sặc. Thế là anh đứng, nhưng cẳng không thẳng, lưng không thẳng, đỉnh đầu chấm nắp ang, mặt nước sát đúng hai lỗ mũi. Động anh cựa mạnh, thì nước sóng sánh lấp mũi. Động anh hít mạnh, thì nước theo không khí làm anh sặc. Anh đành đứng yên với cái tư thế co cẳng và khom lưng trong cái ang tối như mực. Độ năm phút sau, cả cái khối nặng của thân anh đè lên hai cẳng, làm anh thấy cẳng mỏi. Rồi độ năm phút nữa, lưng mỏi. Liều mà ngồi xuống, thì đầu ngập. Vả lại, lúc nhô lên, sóng nước làm anh ngạt thở. Thành thử anh Lê như bị trói chặt mình mẩy chân tay. Anh không mất cựa, nhưng không dám cựa.

Chừng hai mươi phút, anh mỏi quá. Anh muốn lấy đầu gối, lấy khuỷu tay phá thành ang cho vỡ ra. Nhưng ang bằng đất sét nung rắn. Nó không biết đau như da thịt anh. Rời rã cả người, anh liền nhịn thở, ngồi một tí, rồi lại ngoi lên. Nhưng đến khi mình mẩy chân tay như tê liệt, không thể khom mãi, thì tự nhiên mãi đến lúc hít nước vào mũi, uống phải một ngụm, anh mới biết là anh đương ngồi. Nhưng anh không thể không ngồi. Anh ngồi xuống, nhô lên, trước còn thưa, sau mau dần. Rồi bị sặc nhiều quá, anh không dám ngồi xuống, nhô lên quá mau. Song, vì không thể chống nổi mỏi mệt, anh không thể làm cái cử động ấy thưa được. Anh bực dọc như muốn phát điên. Nhiều lúc, anh muốn kêu thật to, khóc thật to, hoặc cười thật to. Anh biết rằng nếu lạy van thằng Xì-vả để xin khai, thì anh được ra ngay khỏi ang nước này. Nhưng như vậy thì hèn quá. Anh nghĩ đến anh Ban, anh Na, và các bạn trong đề lao, các bạn ở làng, các bạn ở phố huyện. Anh tự động viên bằng lời nói mà anh Ban đã chửi thẳng vào mặt

thằng Chánh mật thám. Anh lại tự gây tinh thần bằng cách ôn lại những điều hiểu biết để tin tưởng ở tương lai. Nhưng cũng chỉ được chốc lát. Cái thế đứng bất thường và cái động tác thể thao bắt buộc không cho anh quên hiện tại. Anh nhô lên, thụt xuống liền liền. Anh uống phải nước ằng ặc. Rồi không đủ sức khom lưng, anh mặc kệ cho anh ngồi. Nhưng ngạt hơi, sặc nước, anh mê lên, rồi hung hăng, anh giẫy giụa, anh vùng vẫy, thúc mạnh khuỷu tay vào thành ang, và húc mạnh đầu vào nắp ang. Anh không biết đau. Anh phải phấn đấu với cái chết ngay trước mắt. Thì lúc ấy, bỗng trên đầu anh loè sáng. Nắp ang mở. Luồng không khí trong mát ùa vào. Anh đứng thẳng phắt ngay dậy. Nhưng hai cẳng vẫn còn run, anh ngã khuỵu xuống, cắm vập vào thành ang.

Thằng Xỉ-vả nhìn anh lao đao như say rượu, thì cười sằng sặc. Nó hất hàm:

-Thế nào? Đồng chí làm được mấy bài thơ rồi?

Thấy anh Lê lẩy bẩy ra ngoài đất, nó đứng yên lặng để ngắm, rồi khen:

- À, đồng chí còn khoẻ khoắn lắm nhỉ! Óc còn minh mẫn chứ?

Anh Lê không đáp. Nó nghiêm nét mặt lại, nói:

-Tao cho mày nghỉ một giờ. Một giờ thôi. Cho lại sức. Rồi nếu mày muốn, thì lại vào trong ang này. Thế nào? Mày có muốn không? Trả lời?

-Tôi không muốn. Nhưng tôi không biết gì để khai cả. Còn như tôi có vào ang nữa hay không, là tuỳ quan lớn.

Nó lắc đầu:

-Tuỳ mày chứ không phải tuỳ tao. Ba câu, chứ không hơn, không kém.

Anh Lê nói:

-Vâng thế thì tôi xin...

Thằng Xi-vả mừng rỡ:

-Xin khai phải không?

Anh Lê lắc đầu:

-Không phải, tôi xin vào ang.

Nó gằn lên để cười:

- À, giỏi! Xứng đáng là một đảng viên gan góc!

Rồi nó trừng trừng nhìn anh như muốn nuốt sống. Một lát, nó nói:

-Nhưng mà thôi. Tao không bắt mày vào ang nữa. Mày là thằng bại trận, mà chưa chịu giơ tay hàng, thì tao phải cho mày sống cái lối sống của những thằng cộng sản. Mày đã làm cho sở tao mất một người, thì ngược lại, tao làm cho gia đình mày có thêm một người.

***

Anh Lê không hiểu nó định làm gì, nhưng đoán là nó sẽ hại anh bằng một âm mưu thâm độc ghê gớm hơn.

Nó không giam anh ở đề lao. Nó đưa anh vào một buồng ngay trong sở của nó. Trong buồng ấy, có đủ bàn ghế, giường, tủ. Nó nói:

-Đồ đạc trong này tạm thời là của mày. Mày cứ tự nhiên như ở nhà mày.

Đến chiều, anh rất ngạc nhiên về bữa ăn của anh. Không phải cơm pha vôi và rau muống già chấm muối. Mà là cơm tám thơm phưng phức, và đĩa trứng rán, đĩa thịt bò xào, bát canh rau cải đầu mùa.

Thằng tay sai bưng mâm vào, hỏi anh:

-Ông ấy bảo anh có muốn uống rượu để tôi lấy.

Anh Lê lắc đầu. Anh không rõ nó định mua chuộc anh, định làm cho người làng nghi anh để ly gián, hay định dử anh bằng bữa cơm ngon để đánh thuốc độc. Dù gì thì cũng nhất định là nó hại anh. Vậy anh cần đối phó lại. Để đối phó, anh không ăn.

Thằng Xỉ-vả thấy anh Lê tuyệt thực để phản đối, nó mặc kệ. Đến tối, nó bắt anh cởi hết quần áo, và nói:

-Cho mày được tự do mà!

Nó đem quần áo của anh ra ngoài. Một lát sau, nó vào, tay lôi sệch sệch một người đàn bà thân thể loã lồ. Anh Lê nhìn rõ, giật nẩy mình. Người đàn bà này là chị Na. Vụt hiểu ý định của thằng khốn kiếp, anh Lê vội vàng chạy đến ngồi xổm ở góc tường, quay lưng ra. Thằng Xỉ-vả giao hẹn.

-Hai đứa ở đây với nhau. Tao cho phép tất cả. Bao giờ tao hỏi chúng mày đã ngủ với nhau chưa, nếu nói rằng rồi. thì tao cho về. Nếu chúng mày lại muốn ở với nhau nữa, cho đến ngày đẻ con, tao cũng bằng lòng. Nếu chúng mày nói rằng chưa, để xin khai, thì tao tha ngay. Nhưng nếu còn trọng luân lý, còn trọng tình máu mủ ruột thịt, thì tao còn bắt ở đây, cho đến ngày chúng mày không cưỡng nổi nhục dục, tao mới không giữ nữa.

Nói đoạn, nó vặn tắt đèn, rồi ra, khoá trái cửa lại. Nhưng buồng không tối hẳn. Ngọn đèn ở góc nhà rọi vào

sáng lờ mờ.

Chị Na và anh Lê thu hình, mỗi người ngồi quay mặt vào một góc tường. Chốc chốc có tiếng thở dài và tiếng chửi lầm bầm. Luôn luôn, anh Lê phải cố gợi vào óc mình hình ảnh của mẹ và của anh ruột.

Anh không ngờ trong loài người, có những hạng phạm đến cái tội ác là bắt người khác trèo lên đạo lý của loài người. Đế quốc thực dân là súc vật, nên chúng cũng bắt người khác là súc vật. Bỗng anh thấy tiếng chị Na thút thít khóc. Anh nói:

-Chị ạ, chỉ có cách tuyệt thực mới bắt được nó thả ta thôi.

Chị Na đáp:

-Chỉ có cách cắn lưỡi tự tử mới thoát được nanh vuốt của chúng nó.

Anh Lê khuyên:

-Không. Nhất định phải sống để trả thù. Đảng Cộng sản dạy rằng dù gặp trường hợp nào cũng không nên nao núng, phải giữ vững tinh thần.

Rồi anh nhắc:

-Luôn luôn nghĩ đến tội ác của chúng nó, và không lúc nào quên mẹ, quên anh, quên cháu, chị ạ.

-Vâng, tôi cũng vẫn làm thế.

Hai chị em không nói với nhau nữa.

Sáng hôm sau, thằng Xỉ-vả mở cửa, dòm vào mặt chị Na, rồi dòm vào mặt anh Lê, tủm tỉm, hất hàm:

-Thế nào? Rồi hay chưa?

Anh Lê quay lại đáp trống không:

-Không bao giờ!

Sáng hôm sau nữa, thằng Xỉ-vả lại vào. Nó lại làm những bộ điệu láu cá như hôm trước và hỏi:

-Thế nào? Rồi hay chưa?

Anh Lê đáp sẵng:

-Không đời nào!

Nó hỏi:

-Hay là khai nhé?

Anh lại đáp trống không:

-Không biết! Không khai!

Nó nhạo:

-Không khai nên không dám ăn mà?

Anh Lê im. Nó hỏi chị Na:

-Con mẹ kia, có khai không?

-Không khai. Không thèm ăn chứ không phải không dám ăn.

-Không thèm ăn là thèm cỗ quan tài phải không? Chúng mày đã khoẻ muốn nhịn đói, thì tao không cho ăn nữa, chứ không đợi phải tuyệt thực. Chúng mày chết thì chôn. Tao không sợ.

Nói đoạn, nó đóng cửa đánh thình.

Sáng hôm thứ ba, hai chị em vì nhịn đói nên mệt. Vẫn nằm mỗi người quay mặt vào một góc tường. Bỗng có tiếng thìa khoá vặn ở cửa, nhưng hai người không nhúc nhích. Thằng Xỉ-vả hỏi:

-Rồi hay chưa?

Không ai đáp.

Nó lại hỏi:

-Rồi hay chưa?

Vẫn yên lặng, không ai trả lời.

Nó nói:

-Được rồi. Để xem gan chúng mày to bằng ngần nào.

Nhưng chỉ gan thằng Xỉ-vả là bé. Nó doạ già thế thôi. Việc chị Na và anh Lê phản đối điều tra vô nhân đạo của thằng Chánh mật thám bằng cách tuyệt thực, được anh Nhã, anh Phùng cổ động tất cả chính trị phạm trong đề lao cũng nhịn ăn để ủng hộ. Thằng Xỉ-vả ra lệnh cho xếp nhất, xếp nhì canh ngục vào đánh họ để bắt ăn. Nhưng họ kêu la rầm rĩ. Chúng hoảng, phải bỏ chạy.

Muốn chấm dứt cuộc biểu tình, thằng Tây lai nghĩ rằng phải dập tắt ngay cái ngòi. Tức là phải làm thế nào cho chị Na và anh Lê ăn cơm trước. Nó về làng Văn Chương, bắt nốt cụ Na. Nó dỗ dành cụ khuyên dâu và con khai những lời nó hỏi. Nhưng cụ đáp bằng giọng gọi là quê mùa, thô lỗ cũng được, mà gọi là bướng bỉnh cũng được:

-Việc đâu của tôi mà tôi khuyên?

Rồi cụ nhất định đòi về:

-Tôi có tội gì mà các ông giữ tôi ở đây?

Thấy cụ ngang ngạnh, thằng Xỉ-vả biết rằng ngọt ngào không ăn thua, nó phải tàn nhẫn. Nó cho lấy một bát cơm và một bát cứt, để trước mặt cụ. Nó hỏi:

-Mày muốn ăn cơm hay ăn cứt?

Cụ không sờn lòng. Cụ nhìn nó và lũ đầu trâu mặt ngựa đứng trước mặt, rồi đáp:

-Có muốn làm chó mới thích ăn cứt, chứ người thì ai dại gì mà ăn cứt!

Thằng Xỉ-vả làm như không hiểu ý xa xôi trong lời nói của cụ, nó gật đầu:

-Thế thì mày phải bảo chúng nó khai. Chúng nó khai thì tao tha cho cả ba mẹ con về ngay mà ăn cơm.

Cụ lại nhủng nhẳng:

-Các ông bảo còn chẳng nổi, nữa là tôi.

Thằng Tây lai tức điên ruột. Muốn giáng cho cụ một truỳ thật mạnh vào tinh thần để cụ phải chết điếng, nó vừa cười, vừa nói:

-Này, thôi đừng bênh chúng nó nữa. Tao bảo cho mà biết. Thằng Lê với con vợ thằng Na lấy nhau làm vợ chồng rồi.

Thấy cụ im lặng, nó tiếp:

-Đi theo tao. Tao cho xem.

Nó dẫn cụ vào buồng giam các con cụ. Nó gọi:

-Lê! Na! Chúng bay trông xem ai đây!

Mới đầu, cụ Na nhìn trong buồng, không thấy có người. Cụ đương ngơ ngác, thì thằng Chánh mật thám trỏ cho cụ thấy hai người trần truồng nằm co quắp ở mặt sàn. Cụ cố giương to mắt để nhìn cho rõ. Bỗng cụ rú lên một tiếng, rồi tay rời chiếc gậy, cụ ngã khuỵu xuống. Cả ba mẹ con cùng khóc, não nuột như nhà có đám ma.

Nhưng thằng Xỉ-vả không mủi lòng. Nó bảo cụ Na:

-Bảo hai đứa khai đi thì được tha về ngay.

Cụ na giẫy lên đành đạch. Tay cụ với lấy cái gậy. Bất đồ, cụ ngồi nhổm dậy, ném thẳng trúng vào mặt thằng Tây lai:

-Cha con đẻ ra mẹ quân gian ác!

Rồi lập tức cụ đập đầu xuống sàn đánh bốp, nằm xóng xoài. Tiếng động như nhát búa giáng vào tim, chị Na và anh Lê thốt lên tiếng kêu, cùng ngóc dậy để nhìn. Thằng Xỉ-vả sợ quá, vội vàng gọi người khênh cụ Na ra ngoài. Hai chị em trông theo. Ruột đau như thắt.

Việc cụ Na tự ải tuy không được đăng báo công khai, nhưng được tường thuật trong truyền đơn rải khắp các phố ở thị xã và ở các thị trấn. Vì cụ già, yếu, lại xúc động đột ngột, và bị thương quá nặng, nên bệnh một ngày một tăng. Nghe tin cụ không thể sống được, anh Thụ lẻn vào bệnh viện để thăm, và hỏi cụ có muốn dặn dò gì không. Cụ lắc đầu:

-Tôi không còn gì phải ân hận. Tôi đã đâm được vào mặt nó, tôi chết cũng hả. Tôi có lọ khuất thần và lọ thuốc đau mắt để dưới gối. Ngày nọ, lúc thằng bố Lựu đi, tôi quên, không đưa nó mang theo. Bây giờ tôi giao lại anh. Hễ anh gặp anh cộng sản nào nhức đầu, xổ mũi, thì anh cho. Còn lọ thuốc đau mắt, thì tôi muốn chôn nó theo tôi. Của anh Hai làm quà, nên tôi mang đi. Rồi sau này, khi nào thành công, anh bảo chúng nó thắp nén hương, khấn cho tôi biết, để tôi mừng.

Nửa đêm hôm ấy, cụ Na qua đời.

Do những cuộc đấu tranh của chính trị phạm, vài hôm sau; thằng Xỉ-vả phải thả những người bị bắt vô tang.

***

Huyện uỷ nhận định về vụ khủng bố ở làng Văn Chương, xét thấy anh Lê là một đảng viên trung kiên, nên

khen thưởng anh. Và vì thời kỳ dự bị của anh Lê đã đủ, anh được công nhận lên chính thức.

Ban Huyện lại thấy rằng sau vụ khủng bố, tinh thần nhân dân làng Văn Chương có sút nhiều, cần gây ngay lại. Muốn vậy, phải cấp tốc lập một chi bộ Đảng, vì làng này có thể có đủ số đảng viên để thành một chi bộ riêng.

Anh Nhã đã được kết nạp, nhưng sinh hoạt ở một chi bộ gồm các đảng viên ở nhiều xã khác nhau. Anh Phùng, sau một thời gian thử thách, tỏ ra là một thanh niên sốt sắng, hết lòng, nhanh nhẹn và kín đáo, trong những ngày bị bắt, đương đầu với địch, anh đã rất gan dạ. Anh Phùng muốn vào Đảng, nên xứng đáng được kết nạp. Anh Lê, tuy là người làng Văn Chương, nhưng vì được chi bộ giáo viên huyện tổ chức, nên vẫn làm việc với chi bộ ấy. Nay Huyện uỷ xét về anh Lê, thấy rằng Lựu đã thi đỗ và đã đi học tại Hà Nội, việc anh ở phố huyện là không cần thiết. Anh có thể dọn khung cửi về làng. Nếu anh Lê về Văn Chương và anh Phùng được kết nạp, thì, với anh Nhã, ba người đủ thành lập một chi bộ. Chi bộ ở ngay làng thì làm việc làng mới có kết quả.

Anh Lê rất đồng ý với Huyện. Anh thấy thêm rằng chi bộ Đảng ở Văn Chương sở dĩ phải thành lập cấp tốc, vì đương gặp cơ hội thuận tiện. Tên tri huyện Lê Sung bị huyền chức. Ai về thay, chưa có tin. Nhưng kinh nghiệm cho biết rằng dù ai đi chăng nữa, thì tai mắt của cơ quan ở làng vẫn là bọn lý dịch. Lê Sung có tiếng là thẳng tay với cộng sản, nhưng từ ngày nó về huyện này, đối với làng Văn Chương, nó trải qua hết thất bại này đến thất bại khác. Là do tinh thần đấu tranh của nhân dân cao đã đành, nhưng mặt khác, cũng do lý trưởng bất lực. Lý Sinh lại được con trai, là anh Nhàn, luôn luôn vạch cho hắn thấy cái hại nếu

chống lại nhân dân, và được anh Nhã bày cho hắn cách cư xử khôn khéo được cả lòng trên lẫn dưới. Và thực tế, hắn đã thấy công việc chạy, nên dần dần đã trung lập hoá.

Anh Lê báo tin vui cho anh Nhã và anh Phùng biết. Hai người rất mừng. Ba anh em ôm chặt lấy nhau. Rồi anh Phùng hớn hở trỏ tay vào anh Lê, nói với anh Nhã:

-Đấy, tôi đoán có sai đâu. Ngày ấy, tôi đã bảo bác là anh Lê có mà.

Anh Lê nói:

-Hôm anh Ban bỏ làng ra đi, anh ấy cũng hỏi tôi có chân trong Đảng không. Nhưng ai dám nói thật! Vì vậy anh ấy không nghe tôi, nên không trở về.

Anh Phùng gật đầu, nhìn anh Nhã:

-Anh ấy vẫn nói là chỉ tin nghe đảng viên thôi, bác nhỉ.

Anh Nhã cười:

-Nay mai, khi họp chi bộ, chúng ta gọi nhau là đồng chí, chứ không chú chú, bác bác nữa.

Cả ba người lại ôm nhau. Anh Nhã nói:

-Tôi hả nhất là chi bộ ta sẽ lãnh đạo chính quyền của địch.

Rồi họ lại bàn nhau cách tuyên truyền cho Đảng, tuyên truyền cho Việt Minh, cách gây lại tinh thần nhân dân để chống chính sách mỗi ngày một hà khắc của Pháp Nhật. Họ phân công nhau. Anh Phùng nhận tổ chức các hội Cứu quốc. Anh Lê phụ trách việc huấn luyện các hội viên. Anh Nhã định biến đội đá bóng ra đội tự vệ để chuẩn bị thành lập đội quân du kích.

Họ nói đến việc lớn trước mắt mà chi bộ phải làm cho

kỳ được để cứu dân nghèo, là việc chia lại công điền, công thổ. Họ cho là nếu hai người đầu sỏ trong làng, là lý trưởng và chánh hội không phản đối thì bọn kỳ mọt khác có ngang ngạnh mấy, cũng không chống lại được ý muốn của dân. Họ định giáo dục cho anh Nhàn, anh Trụ ít lâu nay có tiến bộ nhiều, về gia đình mà thuyết cha mẹ. Thuyết bằng lý và bằng tình. Bằng lý, là chiếm công điền lâu và nhiều, thì không hợp lý, trái với lệ làng. Bằng tình, là người đứng đầu trong làng làm bậy, thì treo gương xấu cho nhiều người khác bắt chước. Người nghèo không được phần ruộng, sẽ oán trách. Vả lại thời buổi này, không ai chịu cho những sự vô lý, bất công nó đè nén mãi. Làm láo thì bị kiện. Làm ác thì thất đức.

Nhưng không phải chỉ có trong đánh ra, mà cả ngoài đánh vào nữa. Mọi người đều thấy bổn phận của mình là phải tuyên truyền cho việc chia lại ruộng, tuyên truyền cho những người thừa ruộng nên trả lại làng, tuyên truyền cho những người chưa có ruộng phải hăng hái đấu tranh.

Cả ba người đều phấn khởi, hăm hở với nhiệm vụ tương lai của mình. Họ sốt ruột, mong cho chóng đến rằm tháng Tám, là ngày ban Huyện uỷ phái đại biểu về kết nạp anh Phùng và công nhận chi bộ Văn Chương.

***

Ngày Trung thu đã đến. Buổi tối, anh Lê, anh Nhã, anh Phùng thay quần áo lành lặn, rủ nhau xuống Cầu gạch ở giữa cánh đồng làng, ngồi ở bãi cỏ để đợi thượng

cấp. Họ sung sướng quá, đến nỗi không ai nói với ai. Trăng tròn và vàng như chiếc mâm thau, nhô cao dần, như tăng thêm ánh tỏ để họ nhìn cho rõ nết mặt hớn hở của nhau. Gió may heo heo lướt trên lá lúa phơi phới, làm lòng họ cũng phơi phới như lá lúa bay. Ở giữa khoảng trời cao, đồng rộng, trăng sáng, họ có cảm giác được sống trong lồng lộng, mênh mông và vắng vặc, là lòng của Đảng.

Bỗng từ phía trong làng ra, có hai bóng đen đi tới. Ba anh em đứng nấp vào sau tường, thò cổ để nhìn. Trống ngực họ đánh mạnh. Khi hai cái bóng đến gần, anh Lê nhận ra đại biểu của Huyện, anh bảo anh Nhã, anh Phùng, thì cả ba người chạy ra đón.

Nhưng người ngạc nhiên nhất là anh Phùng. Trong hai thượng cấp, anh đã trông rõ một người, là anh phó Tươi. Anh ôm chầm lấy người mà anh vẫn tưởng là anh thợ cắt tóc. Còn một người nữa, đầu đã hoa râm, thì anh Lê giới thiệu:

-Đồng chí Quý.

Bây giờ đến lượt anh Nhã ngơ ngác. Anh hỏi:

-Tức là cụ giáo Quý dạy thằng Lựu ấy à?

Cụ Quý mỉm cười, gật đầu, rồi hỏi tên và bắt tay hai người bạn mới.

Cả năm người ngồi phệt xuống cỏ. Họ nghiêm trang như trước mặt họ có cái gì thiêng liêng.

Anh Hùng tự giới thiệu mình và giới thiệu cụ Quý là đại biểu của Huyện uỷ về kết nạp anh Phùng làm đảng viên dự bị, và tổ chức chi bộ Văn Chương. Anh kể lý lịch sơ lược và tinh thần đấu tranh của anh Phùng. Anh Lê, anh Nhã bổ sung, nêu ưu điểm và khuyết điểm của bạn. Đoạn anh Hùng tuyên bố:

-Tôi thay mặt Huyện uỷ công nhận đồng chí Phùng là đảng viên dự bị của Đảng kể từ hôm nay.

Rồi anh nhắc cho anh Phùng biết về quyền lợi, nhiệm vụ của người đảng viên, về thời gian dự bị, và khuyên anh làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho.

Từ nãy, anh Phùng rất hồi hộp. Bây giờ anh phát biểu ý kiến. Anh run lên, mãi mới nói được một câu ngắn:

-Tôi chả biết nói thế nào cả. Tôi chỉ biết làm. Bây giờ tôi là con của Đảng. Tôi vâng lời Đảng như con vâng lời cha.

Cụ Quý mỉm cười, vỗ vai anh:

-Hay lắm! Hay lắm!

Anh Phùng sung sướng, trống ngực lại rộn lên. Anh thấy như trăng cũng cười với anh, lá lúa cũng vẫy anh, và gió se se ve vuốt khắp người anh.

Sau nghi lễ kết nạp, năm người chuyện trò thân mật. Anh Phùng kể cuộc đấu tranh trong đề lao ủng hộ chị Na và anh Lê. Anh Nhã nhắc lại cái chết anh dũng của cụ Na. Anh Lê không thể quên anh Ban, anh ca tụng người bạn can trường chỉ biết tin có Đảng. Anh Hùng nói:

-Trước hay sau, thế nào anh ấy cũng được vào Đảng.

Cụ Quý hỏi thăm anh Lê về tin tức học hành của Lựu. Nghe xong anh Phùng lễ phép chắp tay:

-Cháu vẫn được nghe tiếng cụ, bây giờ mới được biết mặt. Cháu sung sướng quá.

Cụ Quý nắm lấy tay anh:

-Chúng ta là đồng chí với nhau, đừng gọi thế.

Cả năm cái miệng nở ra, cười như hoa.

Nhân lúc rỗi, anh Hùng kể chuyện phong trào Việt Minh ở khắp nơi, du kích cướp súng giặc giết giặc. Cụ Quý khuyên anh em nên đề phòng nạn đói cho dân làng, vì Pháp Nhật không những thu thóc mỗi vụ một nhiều hơn, chúng còn cho đi mua vơ vét gạo để tích trữ. Theo ý cụ, nông dân phải coi tấc đất như tấc vàng, nên trồng những thứ cây ăn được để thay gạo.

Bây giờ sang đến việc dựng chi bộ. Cụ Quý nói:

-Nhân danh là cán bộ phụ trách của Huyện uỷ, tôi đề nghị các đồng chí làm việc.

Cụ yên lặng để chờ trật tự, rồi tiếp:

-Huyện uỷ ra nghị quyết cho đồng chí Lê và đồng chí Nhã từ nay không sinh hoạt ở chi bộ cũ nữa. Vì ở làng Văn Chương, có đồng chí thứ ba, là đồng chí Phùng, mới được kết nạp hôm nay. Vậy đồng chí Lê và đồng chí Nhã sinh hoạt với đồng chí Phùng ở ngay làng. Ba đồng chí họp thành một chi bộ, lấy bí danh là chi bộ Văn. Tôi thay mặt Huyện uỷ, tuyên bố chị bộ Văn thành lập.

Cả năm người vỗ tay khẽ để chào mừng chi bộ mới. Cụ Quý lại trịnh trọng:

-Từ mấy năm nay, chính phủ thực dân ở Đông Dương phát xít hoá. Chúng đàn áp cách mạng mỗi ngày một dữ dội, hòng tiêu diệt Đảng ta, tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân ta. Nhưng chúng đã lầm. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt, một còn một mất giữa những người giải phóng dân tộc với bọn thực dân và tay sai của chúng; giữa sức mạnh của tư tưởng hợp lòng người và tiến bộ của chủ nghĩa cộng sản, với sự hung hãng của súng đạn và bộ máy đàn áp của chủ nghĩa tư bản đế quốc, thì kết quả là con người của chủ nghĩa yêu nước, của chủ nghĩa nhân đạo có thể mất đi, nhưng tư tưởng yêu nước, tư tưởng nhân đạo thì

còn vĩnh viễn. Tư tưởng ấy sống khoẻ khoắn, ăn rộng và sâu dần dần vào lòng người, để đưa cả con người lẫn tư tưởng của chủ nghĩa tư bản đế quốc thù địch chống đến ngày cáo chung. Để chứng thực lời tôi vừa nói, chúng ta dẫn ngay một việc trước mắt. Là dù trong bao nhiêu năm, nhân dân làng Văn Chương bị bắt bớ, tù đày, dù thực dân có phái con hùm xám về hòng ăn thịt cộng sản, nhưng rút cục, tinh thần nhân dân Văn Chương không nao núng trước nanh vuốt của quân thù, trái lại, thằng Phu-tít bị gọi về Hà Nội, con hùm xám phải về hang, thằng Xi-va-đi chịu bó tay, thực dân không dập tắt nổi ngọn lửa cách mạng được nhen nhóm từ lâu, mà chính thời kỳ này là thời kỳ giặc khủng bố ác liệt nhất, thì một chi bộ gồm ba đồng chí người làng Văn Chương được thành lập ngay ở làng Văn Chương. Như vậy là Đảng ta thắng, và thắng oanh liệt. Địch bại một cách nhục nhã. Chi bộ Văn Chương là chi bộ đầu tiên của Đảng ở làng anh dũng này.

Lại tiếng vỗ tay khẽ. Cụ Quý tiếp:

-Chi bộ Văn gồm một đồng chí chính thức, và hai đồng chí dự bị. Huyện uỷ xét rằng ở Văn Chương có lắm việc khó khăn, nhân dân phải luôn luôn đương đầu với sự khủng bố dã man của địch. Rồi đây, tình thế mỗi ngày một gay go hơn. Ba đồng chí mới là lãnh đạo thì yếu, cho nên chi bộ cần bí thư cứng rắn, có lắm kinh nghiệm tranh đấu, mới đáp ứng được yêu cầu của phong trào. Vì vậy Huyện uỷ quyết định đồng chí Hùng làm bí thư chi bộ Văn. Đồng chí Hùng là cán bộ phụ trách vùng này đã lâu, lại một thời gian ở ngay làng Văn Chương, cho nên am hiểu tình hình, am hiểu tư tưởng của nhân dân. Các đồng chí có đồng ý không?

Anh Nhã quên cả nghiêm chỉnh, vỗ vai anh Hùng,

ngửa mặt lên, cười ha hả:

-Thế thì sướng quá!

Rồi anh ôm ghì lấy anh Hùng như muốn bế bổng lên.

Không khí tự nhiên trở nên đỡ trang trọng. Năm người thảo luận với nhau như nói chuyện thường về nhiệm vụ trước mắt của chi bộ. Tóm lại, anh Hùng đồng ý như anh Lê, anh Nhã và anh Phùng đã bàn nhau, là tuyên truyền cho Đảng, cho Mặt trận, gây lại tinh thần nhân dân để chống chính sách mỗi ngày một hà khắc của Pháp, Nhật. Anh Hùng cũng như ba người đã phân công, thoả thuận để anh Phùng tổ chức các hội Cứu quốc, anh Lê phụ trách việc huấn luyện các hội viên, và anh Nhã lập đội tự vệ để chuẩn bị thành đội quân du kích.

Đến việc đòi chia lại công điền, anh Hùng thêm ý kiến:

-Chi bộ chỉ nên lãnh đạo quần chúng đấu tranh, chứ hất cứ việc to việc nhỏ, việc gì cũng phải nhúng tay vào, thì làm sao xuể. Tuyên truyền chia lại ruộng công cần rất nhiều người. Ta tìm những người tốt, nhất là thanh niên, giao việc cho họ để thử thách họ. Đảng ta thành lập ở trong lòng địch, thì còn gặp nhiều gian nan. Nhưng tuy Đảng chưa giải phóng cho nhân dân về vật chất, thì ít nhất cũng giải phóng cho nhân dân về tinh thần. Phải làm cho nhân dân phấn khởi vì thấy có Đảng ở bên cạnh. Cho nên nhân việc chia lại ruộng đất, ta dạy cho mọi người tự tin ở sức đấu tranh của mình và tin ở sự lãnh đạo của Đảng. Có hai niềm tin mấu chốt này thì rồi có tất cả.

Rồi lấy cương vị là bí thư, anh định ngày và địa điểm cho chi bộ sinh hoạt thường kỳ.

Trăng đã lên cao. Cỏ đẫm sương đã ướt. Công việc đã

xong, anh Hùng tuyên bố bế mạc buổi họp. Nhưng anh Nhã vội vàng giơ tay như ngăn:

-Các đồng chí khoan hãy giải tán. Cho phép tôi nói một vài cảm tưởng.

Bốn người yên lặng, cùng chú ý.

-Lần trước, lúc nghe đồng chí Hùng tuyên bố kết nạp tôi vào Đảng, tôi sướng đến nỗi suýt khóc. Ngày hôm ấy, tôi coi là một ngày vẻ vang nhất trong đời tôi. Nó là ngày lịch sử của đời tôi. Lần này, hai đồng chí đại diện Huyện uỷ về thành lập chi bộ làng tôi. Ban nãy, nghe đồng chí Quý nói, tôi cũng rạo rực cả lòng. Ngày hôm nay là một ngày vẻ vang nhất của làng tôi. Nó là ngày lịch sử của làng tôi. Làng Văn Chương từ ngày có Đảng, thì làng Văn Chương nhất định không khổ, không chịu khổ. Con chưa tìm thấy Mẹ, thì con sống bơ vơ như đứa trẻ mồ côi. Nhưng Mẹ đã về ở với con, thì Mẹ nuôi nấng dạy dỗ, đứa trẻ sẽ lớn khôn và khoẻ mạnh. Ngay từ sáng hôm nay, là hôm các đồng chí Huyện uỷ hẹn về thành lập chi bộ, tôi đã thấy như làng tôi đổi khác, cảnh đẹp hơn, người vui hơn. Và chính cả tôi nữa, hình như có cái gì đó làm cho tôi đổi khác trong lòng. Tôi thấy như lớn lên, mạnh lên, hăng lên, Đảng tiếp máu cho tôi, hà sinh khí cho tôi. Việc thành lập chi bộ là việc bí mật, chỉ có ba chúng tôi biết, mà sao hình như tôi trông thấy người làng tôi, ai cũng hớn hở, tươi tỉnh, mừng rỡ hơn ngày hôm qua, tưởng chừng như họ biết là từ nay, họ có Đảng đến cứu họ. Có lẽ tôi suy bụng ta ra bụng người. Vì tôi khổ qúa, nên ngày trước, tôi mong ngày mong đêm cho làng có Đảng. Nhưng tôi suy cũng đúng thôi. Làng tôi khổ quá, ai không mong Đảng? Từ mấy chục năm nay, địch với Đảng giao tranh ở làng này. Có trận Đảng thắng. Nhưng có trận địch thắng. Kinh nghiệm cho

thấy là thời gian nào vắng Đảng thì y như là địch hoành hành, làm cho nhân dân cực nhục. Nhưng bây giờ Đảng thắng vĩnh viễn ở Văn Chương rồi. Chi bộ ở Văn Chương thành lập rồi...

Nói đến đây, anh Nhã nghẹn ngào, ngừng lại, rồi khóc nức nở. Anh giang rộng hai cánh tay, quờ ôm lấy bốn người, rồi ghì thật chặt.

Rồi như thẹn thò, anh vừa lau nước mắt vừa cười:

-Thôi, tôi không nói nữa. Vui quá hoá khóc!

Cụ Quý nói:

-Thấy Đảng thành lập ở làng, đồng chí Nhã lạc quan. Nhưng không nên quá chủ quan mà tin rằng có Đảng thì có tất cả. Đúng như lời đồng chí Hùng vừa nói, Đảng còn gặp nhiều khó khăn. Là đảng viên, chúng ta phải cố gắng nhiều để khỏi phụ lòng quần chúng mong có Đảng. Tôi muốn các đồng chí suy nghĩ về lời của đồng chí Hùng. Là ta phải gây cho nhân dân niềm tự tin ở sức đấu tranh của mình và niềm tin ở sự lãnh đạo của Đảng. Có phấn khởi thì tinh thần mới được giải phóng. Mà khi tinh thần được giải phóng, thì tất vật chất được giải phóng. Có làm như vậy, đồng chí mới có thể lạc quan hơn nữa được.

***

Hôm nay cũng là một ngày bình thường, Đờ-cu sắp tiếp một người khách vẫn thường đến, nhưng lần này, hắn ăn mặc khác thường. Hắn đeo ở ngực áo một hàng cuống bội tinh.

Việc đó không phải là ngẫu nhiên.

Bởi vì đối với người mấy năm nay vẫn dùng võ lực để ăn hiếp hắn, thì ngày nay hắn cần uy hiếp lại tinh thần người ấy bằng cách cho người ấy nhìn thấy võ công của hắn không phải không nhiều và không oanh liệt. Người vẫn ăn hiếp hắn là bọn Nhật Bản cậy khoẻ và kiêu căng. Và người mà hắn luôn luôn phải ăn miếng trả miếng bằng từng cử chỉ nhỏ, bằng từng lời nói nhỏ, là đại sứ Mát-sư-mô-tô. Còn độ mười phút nữa, đúng bốn giờ, tên mặt sát đến tận xương này sẽ tới đây, thương lượng với hắn về việc cung cấp gạo cho quân đội Nhật.

Từ mấy năm nay, bọn Nhật trịnh thượng đã bắt chính quyền Đông Pháp cắn chặt răng chịu đựng hết nhục nhã nọ đến nhục nhã kia, đổi vai trò của hắn là chủ sang vai trò đày tớ. Nhưng bây giờ cục diện chiến tranh thay đổi rồi. Toàn quyền Đông Pháp có thể cứng rắn được rồi. Hôm nay, hắn phải tỏ thái độ ấy trước những yêu sách mới của bọn lùn. Hắn đoán Mát đến đây, không phải chỉ để ký hiệp ước về lương thực mà thôi. Chắc còn phải có việc gì quan trọng lắm nữa kia. Hai hôm trước, sở mật thám Bắc kỳ đã dò được tin đích xác là thế nào quân Nhật cũng nổ súng vào khoảng cuối thượng tuần tháng ba, hôm nay, hay là ngày mai, mồng mười. Việc chúng tuyên bố ở đài phát thanh Ăng-ca-ra (Thổ Nhĩ Kỳ) từ hơn sáu tháng về trước, công khai đòi chiếm Đông Dương, đã chứng minh cái âm mưu của chủ nghĩa Đại Đông Á của chúng tất phải thực hiện. Hắn phải cương quyết giữ vững miếng mồi ngon ở bờ Thái-bình-dương cho mẫu quốc của hắn.

Bây giờ cục diện chiến tranh thay đổi. Hắn phải cứng rắn.

Thật thế. Trên hầu khắp các mặt trận, ở châu Âu, Đức,

Ý thua nặng. Ở châu Á, Nhật đại bại ở bắc Miến Điện và trung Thái-bình-dương. Từ tháng bảy năm ngoái, ở bên Pháp, chính phủ Pê-tanh đổ. Tên thống chế Pháp gian già đã trốn sang Đức. Lên cầm quyền chính quốc bây giờ là tướng Đờ-gôn. Thế thì Đông Pháp phải ngóc dậy. Đờ-cu đã để cho tướng Ai-mê làm tổng chỉ huy quân đội Đông Pháp thay cho Moóc-đăng vẫn liên lạc bằng vô tuyến điện với đại diện của Đờ-gôn ở Trùng Khánh (Trung Quốc), đã nhận nhiều lần, người, võ khí, quân trang, quân dụng, thả dù xuống khắp các căn cứ kháng Nhật.

Song, vì chưa đủ lực lượng quật ngã đối phương còn mạnh, nên tháng chín năm ngoái, cái lần Nhật bắt tuyên chiến với Đồng minh, phải nhường cho chúng nhiều đồn trại quan trọng và quyền chỉ huy trực tiếp quân đội Pháp ở thuộc địa này, hắn thề rằng đây là lần nhượng bộ cuối cùng. Thấy âm mưu đảo chính của Nhật mỗi ngày một lộ ra rõ rệt, hắn biết hai bên không thể nói chuyện với nhau bằng miệng người nữa, mà phải bằng miệng súng.

Từ cuối tháng hai, nhất là mấy hôm nay, không ngày nào hắn không nhận được những tin của các sở mật thám và của các thủ hiến các xứ. Sống hay mái, là ở trong ngày hôm nay hay ngày mai thôi. Hồi 11 giờ trưa, ở Bắc kỳ, thống sứ Sô-vê đã hội đàm với Moóc-đăng đã đánh hai lần điện cho các bộ chỉ huy quân đội Pháp ở khắp nơi phải sẵn sàng đối phó.

Vì những sự kiện to lớn dồn dập đến, cho nên phủ toàn quyền làm việc không kể gì giờ giấc. Đờ-cu lo lắng cũng có, buồn bã cũng có. Đêm qua, hắn ngồi ở bàn giấy đến 2 giờ sáng. Uống cà-fê nhiều quá, hắn thấy trong mình háo và mệt. Trưa nay, hắn chỉ nghỉ có mười lăm phút. Nằm ở giường, mà điếu thuốc lá này vừa hết, hắn lại châm nối

điếu khác liền. Không lúc nào óc hắn không làm việc. Luôn luôn, hắn khừ khừ một mình trong cuống họng. Rồi lại uống cà-fê, lại hút thuốc lá, và ra ngồi ở bàn giấy cho đến bây giờ.

Bỗng tên quan hầu vào báo:

-Thưa đô đốc, 4 giờ kém 5.

Đờ-cu ngước mắt lên, hỏi:

-Các ông ấy đến đủ cả rồi chứ?

-Vâng. Thiếu tá hải quân Rô-banh đến cuối cùng, cách đây hai phút.

Hắn nhăn mặt, nói hơi gắt.

-Ông ấy là tổng uỷ viên liên lạc Pháp Nhật mà chậm chạp thế!

Rồi hắn nhìn chiếc đồng hồ đeo tay. Hắn theo dõi cái kim chỉ giây chạy đủ hai vòng nữa bằng những bước kêu tích tắc, rồi mới đứng dậy. Hắn sang buồng họp, mỉm cười, giơ tay làm hiệu chào mọi người. Khi qua mặt tên tổng giám đốc chính trị Đờ Boa-xăng-giê, hắn dặn:

-Năm 1944, công quỹ Đông Dương đã phải bỏ ra 363 triệu để nuôi quân chúng nó, tức là gấp mười lăm lần năm đầu tiên. Năm nay, ta nhất định chỉ cho 30 triệu một tháng.

Rồi hắn ra thẳng hiên.

Hắn tính sát sạt là giờ này, ôtô của đại sứ Nhật phải đã vào đến sân, và đỗ trước thềm rồi. Thế thì Mát-sư-mô-tô phải đứng chờ hắn xuống để đưa lên nhà, chứ không phải hắn chực sẵn ở sân để đón. Như vậy, hắn giữ được tư thế người chủ. Nếu Mát vì vô ý, hoặc vì không theo thủ tục lễ nghi, mà cứ lên hiên, thì từ trên cao, hắn đi xuống, hắn

sẽ giơ tay bắt Mát đương bước đến bậc dưới. Như vậy, hắn tỏ ra là người trên.

Nhưng ra đến hiên, Đờ-cu bỗng đứng sững lại. Hắn đã tính sai. Lúc ấy, 4 giờ 1 phút rồi, đoàn ô tô Nhật mới lần lượt vào cổng. Hắn sực đoán ra. Có thể là một thủ đoạn của Mát định chơi nhau với hắn, bắt hắn chờ đón đây.

Đờ-cu đi thật thong thả xuống thềm. Bỗng hắn lại sửng sốt lần nữa. Hai tiếng khừ khừ ở cổ họng phát ra khe khẽ. Hắn lại tính sai lần nữa. Đúng hắn bị xỏ lá thật. Ở trong các xe, bước ra ngoài đất, không phải đại sứ mặt sát đến xương. Đứng trên cao, hắn thấy những người Nhật khác. Họ đã lùn, lại càng thấp bé, lách chách. Họ ăn mặc rúm ró. Không thể trốn đâu, hắn đành phải đón bọn khách mà đáng lẽ hắn không phải đón.

Hắn bắt tay một cách lỏng lẻo, rồi hỏi:

-Đại sứ không đến?

-Thưa thượng sứ, đến 6 giờ, sau khi chúng tôi cùng ngài thoả thuận các điều khoản, thì đại sứ chúng tôi sẽ đến để ký vào hiệp ước.

Đờ-cu nhún vai, khừ khừ hai tiếng, rồi nói:

- À, tôi tưởng đại sứ sẹ mình!

Nói xong được câu chửi để hả dạ, hắn đưa bọn khách vào phòng họp. Hắn không dự. Hắn uỷ quyền đại diện cho Đờ Boa-Xăng-giê.

Cho đến đúng 6 giờ, khi được tin Mát-sư-mô-tô đến, Đờ-cu mới xuống thềm đón.

Ký xong vào bản hiệp ước, Đờ-cu dùng giọng nửa nạc nửa mỡ, nói với Mát:

-Tôi tưởng từ nay những hàng buôn của nhật không

nên mua thêm nhiều lương thực nữa. Chính phủ Đông Pháp cung cấp thế này là quá đủ rồi. Vả lại các hãng ấy không có sẵn tiền để mua, phải vay Đông Dương ngân hàng, thành thử ngân hàng phải in thêm nhiều giấy bạc quá. Từ năm 1941 đến nay, việc lạm phát 300 triệu làm cho giá sinh hoạt lên cao vòn vọt.

Mát vẫn lạnh lùng, khẽ đáp:

-Chúng tôi vay thì sau chiến tranh, chúng tôi sẽ thanh toán. Chịu ảnh hưởng về đất đỏ, chịu nạn chết đói, là người bản xứ, chứ đâu phải là người Nhật và người Pháp?

Đờ-cu không nói thêm. Hắn mời đại sứ Nhật sang buồng khách. Mát gật đầu:

-Hôm nay, tôi còn nhiều việc quan trọng cần thảo luận với đô đốc.

Đờ-cu cũng gật đầu. Hắn cố cười gượng để giấu nỗi lo âu, rồi nhìn Đơ Boa-xăng-giê. Hắn nói với Mát:

-Vâng. Xin sẵn sàng thảo luận.

Ở buồng khách, người da trắng và da vàng ngồi xen kẽ nhau cho ra vẻ thân thiện. Họ nâng cốc để chúc sức khoẻ của nhau. Sau khi Rô-banh mời khách hút thuốc lá, Đờ-cu nói:

-Xin đại sứ vào vấn đề.

Mát cười, cái cười cố gắng của người ít cười:

-Ta hãy nên nói chuyện giải trí một lát. Trời Sài-gòn mấy hôm nay đẹp quá. Chỉ tiếc vì công việc bận rộn, tôi không có lúc nào rỗi để đi chơi đó đây, hô hấp cái không khí ấm áp của mùa xuân.

Đờ-cu tìm được câu bốp chát, nên vờ mỉm cười:

-Tôi cũng như ngài, mấy tháng nay bận quá. Chúng ta

làm bận lẫn nhau.

Có lẽ Mát hiểu ý tứ, hắn gật đầu, châm chọc lại:

-Đúng. Chúng ta làm bận lẫn nhau. Nhưng cũng vì chúng ta cố làm cho nhau thêm bận.

Rồi hắn nhìn vào hàng cuống bội tinh trên ngực áo Đờ-cu, muốn cũng để khoe thành tích, hắn nói:

-Những người có công lớn với Tổ quốc như ngài, như tôi, bao giờ cũng được giao những nhiệm vụ nặng nề. Vì Tổ quốc, chúng ta quên mình làm việc.

-Vâng. Vì vậy, ta nên quý thì giờ cho nhau. Ngài bảo ngài có việc quan trọng cần thảo luận với tôi?

Mát duỗi cánh tay trái, liếc mắt nhìn đồng hồ:

-Vâng. Nhưng không nên vội vàng. Việc có quan trọng, song, giải quyết khó hay dễ là do ở ngài.

Bị ăn một miếng, Đờ-cu trả một miếng:

-Và cũng do ở ngài đặt vấn đề.

Mát không đáp, đánh trống lảng:

-Nào, chúng ta chúc sức khoẻ nhau lần nữa. Và chúc tình thân thiện Nhật Pháp vạn tuế.

Chủ khách lại nâng cốc. Mát gật gù:

-Rượu Pháp ngon hơn rượu Nhật nhiều. Bao giờ hoà bình, hai nước chúng ta ký hiệp định thương mại, thế nào tôi cũng đề nghị với chính phủ tôi mua rượu của Pháp.

Nói xong, hắn liếc vào đồng hồ. Đờ-cu cũng nhìn đồng hồ. Sáu giờ ba mươi nhăm phút. Hắn nói:

-Và tôi, tôi thích hoa anh đào của Nhật, chỉ tiếc rằng hoa ấy đẹp, nhưng mang được sang đến quê hương tôi thì nó héo mất rồi.

Mát cười khẩy:

-Thế thì nước Pháp nên cử người sang nước tôi ngắm hoa anh đào, rồi về mở xưởng làm hoa giả. Nước Pháp có tiếng là làm những của giả giống như của thật.

Đờ-cu tím mặt. Hắn giả vờ châm thuốc lá để khỏi phải bốp chát lại địch thủ không phải tay vừa. Trong khi ấy Mát lại kín đáo liếc nhìn đồng hồ. Hình như hắn chờ một cái gì. Thật đáng ngạc nhiên. Con người của một dân tộc ít nói phiếm, mà lần này lại nói phiếm vào lúc không nên nói phiếm với một người không muốn nghe nói phiếm. Đờ-cu tỏ vẻ sốt ruột:

-Xin đại sứ đặt vấn đề thảo luận.

Mát không nói. Hắn gõ mấy đầu ngón tay xuống tay ghế, rồi nhìn ra ngoài. Đôi mắt kính long lanh trước ánh điện làm tăng vẻ nghiêm nghị của hắn. Thế mà hắn lại cười:

-Chuối Bắc kỳ ngon lắm. Người Nhật chúng tôi rất thích thứ chuối tiêu của Việt Nam. Nước tôi không trồng được thứ chuối ấy.

Đờ-cu mời Mát thuốc lá. Mát đánh diêm châm mời Đờ-cu hút trước, rồi hắn lại nhìn đồng hồ. Đờ-cu cũng xem giờ. Sáu giờ bốn nhăm. Rồi năm mươi. Không lẽ không bắt lời, Đờ-cu nói:

-Nhưng nước chúng ta có nhiều thứ quả mà Đông Pháp không có.

Mát như có ý nghĩ ngợi điều gì, đáp một cách nhạt nhẽo:

-Vâng.

Rồi hai người im. Cả phòng lặng như tờ. Tổng uỷ viên

liên lạc Rô-hanh không thì thào với tổng lãnh sự Nhật Cô-nô nữa. Tổng giám đốc Đờ Boa-xăng-giê với trung uý Đe-guy-lông không nghe ghẹ chuyện nữa. Tất cả hồi hộp để đợi một việc nghiêm trọng.

Đến đúng 7 giờ, đại sứ Nhật Mát-sư-mo-tô, xoa hai bàn tay vào với nhau, cố nhăn má ra cho rõ nụ cười gượng, rồi rút ở trong túi một tờ giấy đánh máy:

-Nào! Xin đô đốc với tôi vào vấn đề.

Đờ-cu muốn làm ra vẻ thản nhiên. Hắn tựa lưng vào ghế, vắt chân chữ ngũ, vẫn hút thuốc lá và nhìn lên trần nhà. Mát đọc bằng tiếng Nhật. Người phiên dịch đọc ra tiếng Pháp. Đại ý vấn đề như sau:

Chiểu theo sự phát triển mới của tình hình chung và chiểu theo tình hình ở Đông Dương, quân Mỹ khiêu chiến liên tiếp và rất có thể đổ bộ lên Đông Dương, chính phủ Nhật, theo đúng tinh thần hiệp ước cộng đồng phòng thủ, đã quyết định làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Đông Dương, đồng thời yêu cầu toàn quyền Đông Dương phải tỏ rõ ngay ý chí bảo vệ Đông Dương đến cùng, hợp tác chặt chẽ với Nhật, để cùng chống quân Anh, Mỹ sắp đánh vào Đông Dương, và, như thế, toàn quyền Đông Dương phải đồng ý mấy việc dưới đây:

Người phiên dịch ngừng lại, Đờ-cu ngồi thẳng người, dập điếu thuốc lá đương hút dở, rồi rút bút giấy ra trước mặt. Hắn thở dài một tiếng thật khẽ, chăm chắm nhìn Mát. Đờ Boa-xăng-giê cũng sẵn sàng bút giấy để ghi. Mát đọc tiếp bằng tiếng Nhật và được phiên dịch ra tiếng Pháp:

a) Trong hoàn cảnh hiện tại, thuỷ lục không quân và các đội cảnh sát võ trang của Pháp ở Đông Dương phải đặt dưới quyền chỉ huy duy nhất của quân đội Nhật; quân đội Pháp phải hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh của quân

đội Nhật về mọi mặt: tổ chức, sử dụng, chuyển vận quân đội, quân trang, quân dụng; các đường sắt, đường chuyên chở trên sông, ngoài biển, đường giao thông trong nước, ngoài nước và tất cả mọi phương tiện khác cần thiết cho chiến tranh, đều phải đặt thuộc quyền quản trị trực tiếp của quân đội Nhật.

Trên trán Đờ-cu dần dần có lấm tấm mồ hôi. Hắn hơi lắc đầu, để tỏ ý phản ứng. Mát nói:

-Còn vài dòng nữa, tôi xin đọc nốt.

b) Tất cả các chức vụ Pháp cầm quyền cai trị ở Đông Dương đều phải lập tức phục tùng và triệt để tuân hành những mệnh lệnh trên của chính phủ Nhật Bản.

Đờ-cu không giấu giếm thái độ nữa. Hắn thở dài mạnh và lấy mù soa lau trán. Người hắn bàng hoàng như lúc hắn say rượu, như lần hắn say thuốc phiện, như ngày trước, hắn say sóng. Hắn tựa hai khuỷu tay vào hai đầu gối:

-Tôi đã nghe xong. Tôi xin ngỏ ý kiến.

Nhưng Mát ngắt lời:

-Xin đô đốc nghe nốt mấy câu ở bản phụ này.

Mát đọc. Người phiên dịch nói:

-Bản phụ nói đại ý là đô đốc phải trả lời ngay, trước 21 giờ tối hôm nay.

Đờ-cu choáng váng hơn, hỏi lại:

-Trước 21 giờ? Tức là hai giờ đồng hồ nữa?

Mát gật:

-Phải, nếu từ bây giờ đến giờ hẹn, về phía các ngài có tỏ một thái độ, một hành động nào có ý chuẩn bị đối phó với chúng tôi, thì lập tức chúng tôi tấn công.

Đờ-cu run lên, nắm bẹp tờ giấy trong bàn tay, nhìn thẳng vào Mát, hỏi:

-Đây là tối hậu thư?

-Tuỳ ngài muốn gọi là gì thì gọi. Chúng tôi đã quyết định là ngài phải trả lời trước 21 giờ.

-Tôi không thể trả lời ngay, dù tôi là Thượng sứ Thái-bình-dương, toàn quyền xứ Đông Pháp. Bởi vì bộ tổng chỉ huy quân đội xứ này đóng ở Hà Nội, tôi cần có thì giờ hỏi ý kiến tướng Ai-mê.

-Thế thì ngài chưa phải là toàn quyền. Xin nhắc lại: Tôi cần ngài trả lời ngay. Ngài muốn trì hoãn. Không thể được. Ít lâu nay, ngài mưu đánh úp chúng tôi. Ngài không thể giấu nổi người Nhật việc ấy. Nhưng tôi không giấu ngài điều này, là hiện bây giờ, quân đội chúng tôi đã bao vây quanh phủ của ngài. Chỉ còn chờ ngài tỏ thái độ.

Đờ-cu như nghe tiếng sét đánh. Trong phòng im phăng phắc. Bỗng Đờ Boa-xăng-giè đương loay hoay viết, thì sệt giày đứng dậy. Hắn đi kiễng chân, mở cửa buồng khách, rồi hướng sang buồng vệ sinh.

Đờ-cu khừ khừ ngẩm hai tiếng. Mặt hắn đỏ bừng, hắn quắc mắt:

-Thế nghĩa là ngài bắt buộc tôi phải tuân lệnh ngài? Như vậy, ngài khinh chúng tôi quá. Ngài làm nhục nước Pháp. Nước Pháp không chịu nhục. Nước Pháp đã được giải phóng, xin ngài nhớ cho điều ấy. Ngài doạ rằng ngài sẽ tấn công chúng tôi. Vậy ngài có biết rằng chúng tôi có tất cả hơn 11 vạn quân không?

Mát gật đầu, lạnh lùng đáp:

-Biết. Tôi biết thêm tất cả là trong số 11 vạn quân của ngài, chỉ có 1 vạn 8 là không phải người Đông Dương. Còn

toàn là người Đông Dương không có cảm tình với người da trắng.

Đờ-cu trấn tĩnh để lấy giọng ôn tồn:

-Thế thì chúng ta đều biết rõ lực lượng của nhau rồi. Nhưng chúng ta chưa biết rồi đây bên nào tấn công bên nào trước, và càng chưa rõ bên nào sẽ được, bên nào sẽ thua. Theo tôi nghĩ, thì ở xứ này, ngoài chúng ta hay đối phó với nhau ra, còn có nhân dân Đông Dương là người, như ngài nói, không có cảm tình với người da trắng. Nhưng tôi cũng muốn nói thêm rằng họ cũng không có cảm tình cả với người da vàng nào muốn thống trị họ. Đành rằng chúng tôi không mong đợi ở lòng trung thành của người bản xứ, vì chúng tôi phải chịu cái hậu quả của toàn bộ chính sách thuộc địa của chúng tôi ở xứ này trong hơn tám mươi năm nay, nhưng về phần ngài, ngài cũng đừng tưởng rằng ngài có thể đem màu da của dân tộc Nhật Bản mà lấy nổi cảm tình đối với dân tộc Đông Dương. Ngài lại cũng đừng tưởng rằng mấy năm nay, ngài đùn chúng tôi ra làm lá mộc che cho ngài, mà người xứ này không hiểu ngài đâu. Phải, người Đông Dương không yêu gì chúng tôi thật, nhưng họ cũng không yêu gì các ngài đâu. Họ yêu cộng sản, thưa ngài. Vì họ muốn được giải phóng. Mặt trận Việt Minh mà họ thành lập từ năm 1941 đã có căn cứ địa ở sáu bảy tỉnh ngoài Bắc kỳ, đã đánh du kích lan ra khắp nước, làm chết nhiều lính của tôi cũng như của ngài. Họ cướp đồn, tước võ khí của chúng ta. Khẩu hiệu của họ, chắc ngài không lạ gì, là đánh Pháp, đuổi Nhật.

Đờ-cu nhấn thêm:

-Đuổi Nhật, thưa đại sứ!

Hắn tiếp:

giờ hàn bạc với viên chức cao cấp ở quanh tôi tại Sài-gòn này. Muốn vậy, tôi yêu cầu ngài hai điều. Một là ngài cứ về dinh, chờ thư trả lời của tôi sẽ tới tay ngài trước 21 giờ. Hai là ngài hạ lệnh giải vây dinh tôi, vì tôi cần triệu tập ngay một cuộc họp với người của tôi.

Mát nói tiếng Nhật với Cô-nô, rồi gật đầu:

-Đồng ý với ngài hai điều ấy. Bây giờ là 7 giờ 3 khắc. Còn một giờ mười lăm phút nữa. Xin ngài đúng hẹn, trả lời cho dứt khoát. Tôi để một võ quan của tôi ở lại đây. Hắn sẽ dẫn người của ngài đem thư trả lời tôi, qua bộ tư lệnh Nhật.

Sau khi Mát-sư-mô-tô ra Đờ-cu triệu tập ngay được cuộc hội nghị. Ban nãy, Đờ Boa-xăng-giê đã viết được mấy chữ vào mảnh giấy báo tin dữ đội. Hắn giả vờ đi tiểu, gửi lọt được mảnh giấy ra ngoài. Cho nên tất cả tướng tá, nhân viên cao cấp tức tốc đến cả phủ toàn quyền. Họ bàn bạc một lúc. Ai nấy đều nhất trí là phải lấy cớ là bộ tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương đóng tại Hà Nội chưa kịp trao đổi ý kiến với tướng Ai-mê, nên toàn quyền Đông Dương chưa thể trả lời dứt khoát về điểm quân sự được. Đờ-cu hơi vui vui, nói:

-Đối với quân lùn hay lật lọng, ta cứ nên trả lời mập mờ như vậy để làm kế hoãn binh. Tôi tin rằng nếu chúng nó tấn công, là chúng nó tự chôn sống.

Đờ-cu tự tay thảo bức thư. Viết đến câu nào, hắn đọc to để mọi người cân nhắc từng chữ. Và muốn khỏi mất thì giờ, hắn cho đánh máy luôn câu ấy. Bức thư viết xong, hắn đọc lại:

1. Toàn quyền Đông Dương thừa nhận rằng trong trường hợp quân Mỹ xâm nhập Đông Dương, bọ tư lệnh quân đội Nhật có trách nhiệm hoàn toàn về việc điều

khiến chiến đấu.

2.Nhưng toàn quyền Đông Dương chỉ có thể trả lời về các khoản a và b khi nào gặp bộ tổng tư lệnh quân đội Pháp.

3.Toàn quyền Đông Dương tiếp tục cuộc thảo luận với đại sứ Nhật và bộ tư lệnh Pháp cũng sẵn sàng tiếp xúc với bộ tư lệnh Nhật về những vấn đề này.

4.Toàn quyền Đông Dương chịu hoàn toàn trách nhiệm mà cam đoan rằng quân đội Pháp không có một hành động đối địch nào với quân đội Nhật, nếu như quân đội Nhật không khiêu khích trước.

Ký tên xong, Đờ-cu thở phào một cái, rồi chửi:

-Đồ khốn nạn!

Rồi hắn đưa bức thư cho Rô-banh:

-Còn mười lăm phút nữa. Ông đi ngay cho kịp.

Nhưng tên quan hầu báo một tin ác liệt:

-Thưa đô đốc, người võ quan Nhật không chờ chúng ta. Nó đã về, không biết từ lúc nào.

Đờ-cu đập tay xuống bàn:

-À! Họ quyết tấn công chúng ta. Vậy cả ông Rô-banh và ông Đe-guy-lông cùng đến bộ tư lệnh Nhật, nhân tiện mách tội người võ quan vô kỷ luật này.

Rô-banh ngơ ngác, hỏi:

-Có ai biết bộ tư lệnh Nhật đóng ở đâu không?

Cả phòng yên lặng. Ai nấy nhìn nhau, lo lắng.

Đờ-cu nói:

-À, phải. Họ giữ bí mật địa điểm. Nhưng không hề gì. Ông Rô-banh đến bộ tham mưu liên lạc Nhật. Ông biết địa

chỉ chứ?

-Biết.

-Thế thì ông đi mau lên. Đến đấy, ông gọi thẳng dây nói đến sứ quán Nhật, xin gặp Mát-sư-mô-tô.

-Vâng. Xin đô đốc yên tâm.

Rô-banh cùng De-guy-lông nhanh nhẹn ra đi.

Đờ-cu cùng mọi người hồi hộp, nhìn theo. Chiếc ô-tô ra cổng, rồi chạy như bay.

Rô-banh đến bộ tham mưu liên lạc Nhật, gọi điện thoại cho đại sứ quán Nhật xin gặp Mát-sư-mô-tô. Hắn được trả lời là cứ chờ ở đó, sẽ có người đến đưa đi. Lúc ấy đã 9 giờ 5 phút. Hắn nổi rộn trống ngực, đi bách bộ dồn dập ở ngoài hiên.

Vài phút sau, một chiếc ô-tô trên cắm cờ mặt trời rất to đến đón. Xe của Rô-banh theo xe ấy đến địa điểm Mát định tiếp. Nhưng lúc giáp mặt Mát, đưa được bức thư, thì vừa đúng 9 giờ 20 phút.

Mát đọc thư xong, giương đôi mắt nhìn Rô-banh:

-Ông về nói với đô đốc rằng trong hai người, đô đốc với tôi, phải có một người giữ lời hứa. Đô đốc đã không giữ lời hứa, là không trả lời đúng hẹn, thì tôi phải đúng hẹn, thì tôi phải giữ lời hứa, là tấn công. Nhưng sở dĩ tôi chưa tấn công ngay lúc 9 giờ, vì tôi còn muốn biết thái độ cuối cùng của đô đốc. Những lời đô đốc nói với tôi lúc chập tối về tương lai của chúng tôi ở Đông Dương đối với cộng sản, không phải không làm tôi suy nghĩ. Từ nay, người Nhật chúng tôi phải một mình đương đầu với một kẻ thù có tổ chức, có kỷ luật, có kinh nghiệm đấu tranh, có tinh thần hy sinh anh dũng hơn cả người Pháp ở Đông Dương. Tức là cộng sản. Chúng tôi biết là chúng tôi làm

một sự nguy hiểm, nhưng vì đô đốc sai hẹn, nên chúng tôi...

Rô-banh lễ phép ngắt lời Mát:

-Thưa đại sứ, việc chậm trễ không do chúng tôi, mà chính là do người võ quan của đại sứ không đợi chúng tôi. Chúng tôi không biết địa chỉ bộ tư lệnh Nhật.

Mát lắc đầu, lạnh lùng nói:

-Cái đó không hề gì. Nhưng nội dung bức thư của đô đốc là bác bỏ lời đề nghị của tôi. Thế thì tôi phải cương quyết hạ lệnh tấn công. Tôi gửi lời cảm ơn đô đốc đã đỡ cho tôi cái công phải khó khăn về bắt bớ. Những người chúng tôi cần bắt bớ đã được đô đốc tập trung cả vào dinh phủ toàn quyền. Muốn đền cái ơn khá lớn này, tôi nhờ ông báo cho đô đốc một tin mới mà chắc đô đốc chưa nhận được, là hiện giờ này, khắp các nơi ở Đông Dương, quân Nhật đã nổ súng và quân Pháp nhiều nơi đã không dám chống cự. Hà Nội đã về tay chúng tôi hơn một giờ đồng hồ rồi. Các ông Moóc-đăng, Ai-mê, vân vân đã bị chúng tôi giam giữ. Tôi mong đô đốc và tất cả quan chức Pháp cứ ở yên trong phủ toàn quyền. Đầu hàng thì thoát chết. Tôi sẽ coi như tù binh cao cấp. Sau này, dù chúng tôi có thua cộng sản, thì chúng tôi cũng lấy làm vinh dự hơn là thắng các ông trong đêm nay! Thôi, ông về đi. Tôi cho xe dẫn ông để tránh bị đạn lạc.

Rô-banh tái mặt dần, chào Mát rồi lui ra.

Lúc ấy, ở ngoài đường, bộ binh, kỵ binh, xe tăng, thiết giáp, ô-tô, mô-tô của Nhật chạy rầm rập. Qua nhiều dinh thự, Rô-banh đã thấy trên nóc, có cắm cờ mặt trời, và ở ngoài cổng, có lính Nhật gác, cầm ngang khẩu súng máy.

Đến phủ toàn quyền, hắn giật nảy mình. Xung quanh cái lâu đài đồ sộ này, liên thanh đã đặt san sát, khẩu nào cũng lủng lẳng một tràng đạn. Buồng khách đã biến thành buồng giam. Tất cả tướng tá, nhân viên cao cấp còn nguyên cả ở đó. Họ cởi quần áo ngoài ra, chỉ mặc có may ô quần đùi. Ai nấy mặt mũi phờ phạc. Họ đương nhồm nhoàm nhai tí đồ ăn mà tên Đô đốc Thượng sứ Thái-bình-dương, Toàn quyền thủ hiến Đông Pháp vừa lục vét được ở trong bếp của hắn. Họ được chia ăn, thay cho bữa cơm tối nay đương chờ họ ở nhà...

***

Cũng tối hôm ấy, chừng từ khoảng tám giờ trở đi, anh Nhã nghe thấy rất nhiều tiếng súng đại bác theo làn gió đông bắc vẳng đến làng Văn Chương. Anh sửng sốt, chạy ra sân, lắng tai và nhìn lên không. Trên trời, phía Hà Nội, mọi tối, ánh điện hất lên làm cho mây lờ mờ hồng. Nhưng bây giờ, chỗ nào cũng đen kịt như mực. Chốc chốc lại loè lên một quầng lửa đỏ, theo sau là một tiếng nổ, rồi những tiếng tạch tạch liền nhau của đạn liên thanh. Anh nghĩ ra ngay. Việc Đảng tiên đoán "hai con chó tranh nhau một miếng mồi ngon" rất là đúng. Hẳn là giờ này, Hà Nội tắt điện, hai con chó đói Pháp và Nhật đương cắn nhau sứt đầu xẻ tai, để một con phải vào nồi với giềng mẻ.

Làm ngay nhiệm vụ bí thư chi bộ, anh triệu tập các đồng chí họp. Anh đem các báo cáo *Cờ giải phóng* và *Cứu quốc* đọc lại các đoạn nói về tình hình mâu thuẫn sâu sắc giữa hai đế quốc phát xít, kẻ thù của dân tộc. Khi cả chi bộ

nhận định như anh, là Pháp Nhật đương giết nhau, anh đề ra công tác trước mắt. Phải tuyên truyền cho quần chúng không sợ Nhật, vững lòng tin tưởng ở Đảng. Bởi vì chiếm được lòng người thì có sức mạnh vô địch, mà chỉ Đảng Cộng sản Đông Dương mới có sức mạnh vô địch ấy. Cho nên Đảng sẽ đánh tan cả Pháp lẫn Nhật. Lại phải nhân tình thế đương đổi thay mà gây ảnh hưởng cho Đảng. Muốn quần chúng thấy rõ Đảng rất thù địch với đế quốc bóc lột, nhưng rất nhân từ với nhân dân lao khổ, nên Đảng dùng sức mạnh vô địch phá kho thóc của Nhật ở đình chia cho dân đói.

Chi bộ phấn khởi, vạch kế hoạch thực hiện nghị quyết, và phân công nhau.

Lúc bấy giờ, bọn lính cơ còn ở chơi nhà chánh hội. Một mặt chị Na đến xui anh Trụ tìm cách giữ họ. Một mặt, anh Lê về ngay vườn nhà, đào một cái hố thật to, để anh Phùng, anh Ban sửa soạn quang gánh, vào miếu, khuân năm khẩu súng và hòm đạn của họ, tạm chôn giấu vào hố. Trong khi ấy anh Nhã lấy kìm tháo đinh ở các ván cầu. Rồi cả chi bộ xúm lại, rút ván, thả xuống sông cho trôi đi. Tất cả những việc ấy, họ làm nhanh chóng, nhẹ nhàng và gọn gàng. Khi cầu chỉ còn trơ khấc ba tấm xà dọc hẹp khổ, mỗi cái cách nhau đến một thước, chị Na rất lạc quan. Chị nói:

-Thế này thì đồng chí Ban không cần canh ở đây bằng súng. Đồng chí hăng máu mà bắn thì phí đạn. Để tôi. Không cần súng. Tôi chỉ mang một bị gio là đủ. Thằng lùn nào bén mảng đến giữa cầu, tôi ném vào mắt là luống cuống, ngã xuống sông ngay.

Làm xong mọi việc, anh em ôn lại cách xử dụng khí giới. Hồi anh Hùng còn ở làng, mỗi khi vào miếu cạo cho

lính, anh lại rủ thêm một vài anh em đi theo. Anh tán với họ cho xem súng, và hỏi họ cách lắp đạn và cách bắn. Lần nào anh em cũng được thực tập.

Rồi anh Lê và anh Ban huy động hội viên các hội cứu quốc đi khắp làng và các làng lân cận báo tin mừng, là mờ sáng hôm sau, Việt Minh phá kho thóc ở Văn Chương. Phải nói rõ là kho Văn Chương, kẻo quần chúng lầm với kho khác. Vì mới năm hôm nay, bọn người của liên đoàn thóc gạo Bắc kỳ thấy đình cao ráo, rộng rãi, làng lại ở cạnh sông, tiện bến, và sẵn lính gác, mới đem thóc các nơi đến tập trung ở đấy, đợi nay mai có thuyền thì tải đi. Thóc mà tải đi, nó vào bụng quân thù thì mất. Chi bộ vẫn định phá ngay kho thóc này, nhưng vướng vì còn ba người lính cơ chưa giác ngộ hẳn, cho phá kho thóc là ăn cướp. Họ có thể chống cự lại dân. Chi bộ định tuyên truyền thêm cho họ hiểu. Nhưng nay thời cơ đã đến, không nên trì hoãn, kho thóc phải phá ngay. Lính mất súng, sẽ chịu bó tay. Anh Nhã về viết hai bản truyền đơn. Một bản kêu gọi nhân dân vững lòng tin Đảng, ủng hộ Việt Minh giải phóng đất nước. Một bản giải thích rằng thóc của ta, bị giặc cướp mất, thì ta lấy lại. Chị Na in truyền đơn. Còn anh Phùng đứng ở miếu chờ bọn lính, để thuyết cho họ thấy rõ nhiệm vụ, phải nhường súng đạn cho du kích bảo vệ xóm làng. Chi bộ thấy rằng họ cũng bị áp bức, bóc lột, không ưa gì Pháp Nhật, thì nên dùng lời lẽ ngọt ngào nói cho họ hiểu. Trừ phi tên nào có ý phản hội, định lẻn đi báo, mới phải trừng trị.

Anh Phùng đứng một mình, ôn lại những ý kiến định nói với lính. Anh sẽ cho họ biết là Nhật Pháp đương bắn nhau, thế nào Pháp cũng bại, và họ sẽ bơ vơ. Anh vạch cho họ thấy là họ cũng bị khổ, gia đình họ cũng bị khổ, thì họ phải ủng hộ cách mạng, làm cho nước nhà độc lập, họ sẽ

thoát cái kiếp làm bia đỡ đạn cho giặc. Họ phải nhường khí giới cho Việt Minh, ai nấy về quê hương mà cày cấy làm ăn. Theo địch làm việc ác, thì phải đền tội.

Nhưng anh chờ mãi đến quá nửa đêm, chẳng thấy bóng một người nào. Anh ngờ là họ ngủ lại ở nhà chánh hội. Sợ mất thì giờ chờ đợi vô ích, mà các đồng chí thì bù đầu về công việc, không đang tâm đứng yên, anh mới đi tắt đường đến hỏi dò anh Trụ.

Thì cũng ngay lúc này, bọn lính đã về miếu. Vì được mời ăn, họ nốc rượu thả cửa, say bí tỉ. Họ nằm lăn trên giường, không sao lê đi được. Cho đến quá nửa đêm, một người nôn thốc nôn tháo ra đất, họ mới gọi nhau dậy. Lúc ấy, họ mới nghe thấy tiếng súng. Họ cuống cuồng, rủ nhau về. Họ vẫn còn lao đao, phải vịn vào nhau để đi mới khỏi ngã. Giữa lúc họ đến miếu, thì anh Phùng cũng vừa ở miếu lại nhà chánh hội. Vì vậy, hai bên nhật đường, không gặp nhau.

Anh Phùng vội vã trở lại miếu. Thì lạ quá, anh không thấy một ai. Trên mặt phản, từng đống quần áo ka ki, nón, giày, xà cạp, thắt lưng, bao đạn, vứt ngổn ngang. Lại có cả mười hai cái nón phụ nữ mà trong mấy năm, họ đã giữ của mười hai cô làm "kỷ niệm".

Anh Phùng đoán là họ mất khí giới, lại nghe thấy tiếng súng, nên sợ. Họ phải giục nhau chuồn ngay. Nhưng muốn không ai nhận ra họ, họ quẳng tất cả quân trang lại.

Không được hùng biện, anh Phùng vừa cười thầm, vừa vui sướng. Anh thu hết đồ đạc, ôm một ôm lớn, về báo cáo với anh Nhã.

***

Mờ sáng hôm sau, dân các xã được loan báo, đến ngồi chật ở sân đình làng Văn Chương. Họ đã quen với việc Việt Minh phá kho thóc và việc lấy kho thóc, cho nên tự họ giữ lấy trật tự. Họ nhường người già, người yếu và người có con mọn ngồi lên những hàng đầu.

Khí thế của họ, nói chung, là cái khí thế của người đi đánh kẻ thù lấy lại thóc bị cướp, chứ không phải dáng điệu gian giảo của những người đi ăn cướp thóc.

Ở vùng này, mà rõ rệt nhất, là ở làng Văn Chương - có lẽ ở hầu khắp các nơi khác cũng vậy - mấy năm nay có nhiều sự thay đổi khác trước. Không phải là cái nhà cao rộng hơn, cái sân phẳng phiu hơn. Nhưng đây là những sự đổi thay ở bề trong. Người làng Văn Chương bây giờ không có vẻ đăm chiêu, dáng đi, cách nói không e dè, sợ sệt như trước. Bây giờ người ta mạnh dạn, vui vẻ, hai mắt lúc nào cũng nhìn lên.

Thật vậy, mấy năm nay, dù giấu giếm, bưng bít hết sức, mà những chuyện làm tiêu uy thế của bọn thực dân thống trị vẫn cứ lọt được qua luỹ tre dày để vào làng. Hàng ngày, người ta kể cho nhau nghe những việc Nhật lấn Tây. Mất họ lại trông thấy dần dần tên tri huyện không hách dịch như ngày hắn mới đổi về. Nhiều việc hắn làm như tắc trách, có ý miễn cưỡng. Ở trong làng, bọn đàn anh, chẳng hạn, phó lý Kiêu, vẫn đi lại với phó hội Dương, họ vẫn quây quanh bàn đèn nhà trùm Hựu, nhưng họ không bới móc, quét nhà ra rác để đè nén, bắt nạt đàn em. Họ chỉ nhắc lại những việc cũ, nhớ tiếc thời đã qua. Khoá Hưởng lại hay đem chuyện Kiều ra kể cho vợ con nghe, rồi khen là hay.

Những tin Việt Minh đánh du kích ở Việt Bắc, giết Tây, giết Nhật, tiễu trừ Việt gian, tuy một đôi khi thêm thắt đến mức như những thần thoại, đều làm ai nấy rất vui sướng. Ngày nào người ta cũng ra hồi đình xem có cáo thị, truyền đơn mới của Việt Minh hay không.

Nhưng tinh thần người làng Văn Chương được cổ võ mạnh nhất, phải kể từ ngày chia xong được công điền công thổ. Việc này không phải dễ dàng, làm được nhanh chóng. Bọn cường hào ra công phá. Nhưng anh em nông dân ra sức đấu tranh. Cuộc đọ sức hết hiệp này đến hiệp khác, kéo dài hơn một năm, lũ mọt dân mới chịu bó tay, nhả mồi. Dân làng đoán hẳn là cộng sản xui dân làm việc ấy. Không phải Đảng này, thì không ai thương dân nghèo, và không ai kiên tâm làm cho đến được như thế. Không có Đảng thì không biết đến bao nhiêu năm nữa, dận nghèo vẫn không có ruộng, phải lĩnh canh, nộp hết thóc, suốt đời đổ mồ hôi, sôi nước mắt mà chỉ ăn rơm. Nhưng tin là có Đảng ở ngay cạnh, mà người ta có rõ Đảng hình thù ra thế nào đâu. Người ta đoán già đoán non ai là đảng viên. Thấy những người ngày thường đứng đắn, tử tế, hoặc bướng bỉnh, nói điều gì cũng phải, lại hay giúp đỡ người khác, thì người ta thì thào là anh nọ "có", anh kia "có". Có, tức là có chân trong Đảng. Người ta yêu quý anh Nhã, anh Phùng. Có việc to nhỏ nào khó giải quyết, người ta đến hỏi ý kiến, như đã hỏi ý kiến anh Na hồi trước. Người ta lại bảo vệ những người mà người ta ngờ là đảng viên. Kho đay của Nhật ở đền Đào bị cháy. Cả vùng bảo là Việt Minh đốt. Nhưng người làng Văn Chương thì bảo chính là anh Ban đốt. Song, không ai tiết lộ điều bí mật ấy. Sở mật thám Tây ở tỉnh về điều tra xem kho đay cháy vì đâu. Nếu bị đốt, thì phải tìm ra thủ phạm. Nhưng sở mật thám làm việc lờ phờ - vì là việc thiệt hại cho Nhật, nên Tây thờ ơ - nhưng dù

cuộc điều tra có hết sức cẩn thận, thì cậy răng, người ta cũng không nói ai đốt. Không rõ rồi sở mật thám kết luận về vụ này thế nào.

Từ ngày có ruộng cày, ai nấy được hả hê, có khí thế của người tự chủ trong đời sống của mình.

Những tin thắng lợi của Việt Minh ở khắp nơi làm người ta tự hào và tin tưởng ở sức của mình. Những thái độ của Tây hèn, quan lại hèn, giúp cho người ta mạnh dạn. Bác Bưng bây giờ bỏ hẳn nghề mổ thịt chó, chuyên làm việc lò rèn. Bác đập chan chát suốt ngày để đánh dao, đánh mã tấu. Người khuyên nổi bác dám làm những khí giới quốc cấm cho du kích, là ông Thái, người đã có dạo len lét như chuột ngày.

Nhưng dân làng Văn Chương mỗi ngày một bị cơ cực hơn trước. Trước kia, họ cấy rẽ, phải nộp thóc cho chủ ruộng. Nhiều vụ, tính cả nợ mới lẫn nợ cũ, thì trả vừa hết thóc. Không trả đủ thóc thì chịu lại đến vụ sau được. Bây giờ, tuy có bao nhiêu thóc là của mình bấy nhiêu, nhưng lại không được ăn, mà phải bán cho lính Nhật ăn. Một tạ thóc, phí tổn mất 80 đồng, chỉ bán được 25 đồng. Không đủ thóc bán, thì không xin chịu được, không vay ai được. Mấy năm nay, thấy thóc một ngày một khan, gạo một ngày một hiếm, ai cũng căm thù Pháp Nhật tàn ác, nhưng ai cũng đều lo đến vụ giáp hạt này, không khéo thì kiệt sức, chết đói hết mất. Dù dân làng nghe lời anh Nhã, anh Lê, anh Phùng, vân vân, quý tấc đất như tấc vàng, không để hở ruộng - dù là một ngày - mà trồng những thứ cây ăn thay lúa, thế mà nhiều gia đình đã phải ăn cháo, ăn cám. Có người đã phải nhịn đói, thân thể rúm ró, gầy đét.

Thỉnh thoảng, ra đường cái nhựa, họ nhìn thấy cảnh đói mà lo cho tương lai. Đứng ở ngã ba làng Nhạc Lịch,

không phải chờ lâu, chốc chốc, họ có thể thấy một toán dam bảy người, thân thể dẹt dét như con mắm, quần áo tả tơi như tổ địa, con dắt cha, mẹ bồng con, thất thểu, đi không vững. Họ không đi ăn xin. Hỏi thì họ bảo quê ở Thái Bình, Nam Định, vì đói quá, phải liều đi, may đến chỗ có gạo để kiếm việc. Lại có tin lác đác, trên đường cái, chỗ nọ có người chết đói, chỗ kia có người chết đói. Cho nên cái lần đầu tiên mà Việt Minh phá kho thóc ở Xủi, gọi họ, là họ đi ngay. Được thóc để mang về, họ mới thấy rõ là không sợ Pháp Nhật mới sống được. Đến cái lần phá kho thóc ở Giốc gạch, họ càng tin là Việt Minh nhất định cứu họ khỏi chết. Vì vậy, từ hôm thấy thóc của Nhật kìn kìn tải đến đình làng Văn Chương, có lính súng gác, người làng như được khơi lửa giận, nhưng cũng khấp khởi mừng thầm.

Tin phá kho thóc Văn Chương đồn ra, ai nấy phấn khởi. Họ hăm hở đi. Ngoài thứ để đựng thóc, lần này người làng Văn Chương mang theo cả dao, gậy, cán cuốc, cán thuổng, bất cứ thứ gì có thể dùng làm khí giới được. Từ hai ngả đường họ sôi nổi về phía đình, hăng hái như tiến quân.

Vì bọn lính cơ đã cút, nên chi bộ làm chủ năm khẩu súng. Anh Lê đào lên, lấy ba khẩu, chia cho ba đồng chí dùng.

Anh Ban gác ở cầu. Anh Phùng canh ở cổng đồng. Anh Lê đứng ở lối sang Văn Xá. Các nơi kém xung yếu khác, thanh niên nam nữ tự nguyện đem mã tấu đến. Riêng anh Nhân, vốn chạy nhanh, xung phong xin ra tận đường cái nhựa, canh với anh Ngọc, để nếu thấy gì khả nghi, thì phóng về báo động ngay. Anh em trẻ vui lòng lấy thóc sau cùng.

Anh Nhã đi đi lại lại quanh sân đình để nghe ngóng

dư luận. Nhân dân thấy tự nhiên thanh niên tước được khí giới và quân phục một cách êm ả, mà người nhà nước phải trốn mất, thì rất phục và rất yên tâm. Bọn lý dịch thì sợ hãi, không dám thò mặt ra ngoài đường.

Rải truyền đơn xong, chị Na treo lá cờ đỏ sao vàng, rủ từ mái đình xuống. Thấy lá cờ từ từ mở rộng và phần phật bay, gần một nghìn miệng reo ầm lên, làm dậy trời. Bác khán Hộ, không nén nổi mừng rỡ, đứng dậy, quay cuồng, hoa chân múa tay, đánh trống mồm, thổi kèn mồm, phệnh phạo mấy câu tuồng, mãi mới nhớ đến trật tự.

Chờ mọi người yên lặng, chị Na đứng trên thềm nói xuống. Chị nhắc đại ý như trong hai bản truyền đơn, rồi kết luận:

-Việc chúng ta đến đây sáng hôm nay, chứng tỏ một lần nữa rằng mỗi ngày chúng ta càng vững tin hơn ở sức đấu tranh của ta, và ở sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ có con đường theo Đảng, là con đường sống. Ai đi ngược lại, tức là tự tử.

Ông Thái hồi hộp quá, tự động tiếp lời chị Na:

-Ta không sợ cả Pháp lẫn Nhật, thì bây giờ chỉ còn một mình thằng Nhật, ta càng không sợ. Thằng Pháp cai trị ta lâu. Nó thông thạo. Thằng Nhật mới đến, nó bỡ ngỡ. Nó lại bận chiến tranh, và đang thua đau. Ta phá kho thóc của nó, là tỏ cho nó biết rằng con cháu cụ bảng Năng, ông đề Liễu, vì mạnh hơn nó, lại có Việt Minh rồi, nhất định không chịu để nó làm xác xơ như thằng Pháp.

Thế là ồn lên những tiếng hô:

-Đả đảo giặc PhápNhật!

-Ủng hộ Việt Minh!

-Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!

-Việt Nam độc lập muôn năm!

Cửa đình mở rộng. Mười người một, hăm hở chạy ùa vào, giằng cho mau sự sống. Nhìn thấy thóc vàng óng, người già như trẻ lại, người yếu như khoẻ ra. Có người thèm hơi thóc, bốc ngay một nắm, bỏ vào mồm, nhá ngấu nghiến. Họ xúc vào thúng, vào bồ, vào đấy, vào bì, vào nồi, vào bị, vào chậu thau, vào bất cứ một thứ gì tạm đựng được nhiều nhất. Được cái để ăn, người nào cũng nói lên ít ra là một câu:

-Thế này thì thoát chết đói!

-Việt Minh cứu cả nhà tôi!

Bác Xích gái tay vồ lấy thóc, miệng chửi:

-Cha bố mày định đi với giặc à? Bà phải giữ mày lại!

Họ khệ nệ đội lên đầu, vác trên vai, cõng sau lưng, bưng trước bụng, hoặc cắp dưới nách. Người lấy xong hớn hở nhìn người chưa lấy. Người ngồi đợi, tươi cười, chờ đến lượt mình. Họ vào, họ ra, kìn kìn, tấp nập..

Ở Văn Chương, chỉ có mỗi một người không có tí hy vọng gì sống được đến vụ chiêm, là ông quyền Lạc. Đã mấy chục năm nay, ông chỉ có một thân một mình, không vợ, không con. Nhà bán rồi. Đất bán rồi. Cây cối, đồ đạc bán hết rồi. Cám, củ chuối, cua, ốc, châu chấu, cào cào, ông đã ăn qua. Chân tay ông khẳng khiu như ống sậy. Da ông đã xám như màu chì. Ông chỉ chờ chết. Và không biết chết lúc nào, nên lúc nào, trên ngực áo ông, cái áo dệt bằng sợi đay thô nhuộm thâm, đã bợt nhiều mảng lớn, ông cũng đeo sẵn hai chiếc mề-đay. Ông tin rằng có vật linh thiêng trấn trừ ma quái, ông đi đường về châu tổ được yên. Bà con không ai còn cách gì để cứu nổi ông. Họ đành

khoanh tay. Mấy lần phá kho thóc ở Xủi, ở Giốc gạch, bà con rủ mãi ông mới đi. Ông hay khí khái vặt, nên còn ân hận là không thuỷ chung với cái chính phủ đã ban mề-đay cho ông. Thấy ông yếu, lấy được ít quá, những người lấy được nhiều, mỗi người nhường lại cho ông một tí. Vì vậy, ông chưa chết.

Hôm nay lại nghe tin phá ngay kho ở làng, ông vui mừng quá. Không khí khái nữa, ông cố chống gậy để đi. Đến sân đình, ông được xếp lên hàng đầu. Ông để ý nhìn xem ai là Việt Minh. Nhưng ông không thấy ai là lạ mặt. Cũng như mọi người, ông tròng trọc nhìn anh Lê, anh Nhã, chị Na. Ông nghĩ những người này là "có".

Khi ông xúc xong thóc, chị Na dắt ông lần từng bậc xuống thềm. Nhưng ông không về ngay nhà. Ông tần ngần đứng lại, quay vào phía đình. Ông run rẩy đặt thóc xuống đất. Nét mặt thật nghiêm trang, ông ngay người, nhìn thẳng lên lá cờ đương phơi phới. Bỗng mắt ông rần rụa những nước, ông rựt phứt hai cái mề-đay, quẳng toạch xuống đất. Rồi lại nghiêm trang, ông chắp hai tay, mắt lim dim, miệng suýt soạt như khấn, ông kính cẩn vái lá cờ hai vái.

Ông quyền Lạc vẫn nghe nói đến Đảng, đến Việt Minh, nhưng chưa biết Đảng, biết Việt Minh mặt mũi ra sao. Ông chỉ thấy ở đâu có phá kho thóc, chia cho dân, là ở đấy có lá cờ đỏ sao vàng rực trên nền đỏ thắm. Lần nào lá cờ phá độ cũng phần phật như mừng, vui, vẫy, chào. Ông đoán cờ hiện ra chỗ nào, tất là Đảng ở chỗ ấy. Đảng về chỗ

nào thì chỗ ấy no. Ông tôn kính lá cờ cứu sống ông, cải tử hoàn sinh cho những người kiệt quệ như ông.

Đảng về. Ông tin lá cờ theo Đảng là *Cờ giải phóng Cứu quốc*.

Viết xong ngày 2 tháng 5 - 1960

CÁI THỦ LỢN

I

Ký Liễu chồng những bát không lên đĩa hết đồ ăn cho gọn mâm, rồi giơ tay đỡ lấy chậu nước. Anh người nhà vừa bưng mâm phỏi phản, Liễu cầm chiếc quạt, phảy chiếu cho cơm và xương rơi xuống đất, rồi ông đặt thau vào giữa, vén tay áo lên mời:

-Nào rước các cụ.

Tức thì năm khách ăn, cùng một lượt, chấm đầu ngón tay cái và tay trỏ vào nước đựng trong chậu thau đồng bé và nông như chiếc đĩa tây, để cọ vào nhau và quệt lên hai mép nhờn bóng.

Họ rửa xong, người rút vuông vải mầu nước dưa giắt ở thắt lưng, người kéo thứ khăn dự khuyết là vạt áo để chùi mồm. Người không có gì lau, thì dùng luật khoa học, bắt tạo hoá phải hầu. Nghĩa là sức nóng của trời dần dần hút hết nước đi. Công việc ấy làm cũng chóng.

Rồi đồ tráng miệng dọn ra. Ngoài xôi chè, bánh sôi sê, mảnh cộng, quanh thành mâm, ở năm chỗ lại có cả năm cái hến đựng một thứ nước quánh đen đen. Ấy là thuốc phiện. Theo lệ làng Từ Lâm bữa cỗ nhà sang trọng, nếu không có "thử khoản" dọn kèm với đồ nước, thì người ta kêu được là không lịch sự. Khách ăn, ai là dân

làng bẹp thì mang về dùng, ai không nghiện hoặc vì tình thân, chủ nhân đã nhấm nháy làm hiệu mời ở lại, thì bán rẻ cho người nào có tiền trả ngay để thêm vào góp tổ tôm.

Suốt từ sáng đến giờ, cũng như cả ngày hôm qua, ánh nắng chói lọi như ném lửa xuống đất. Chẳng có tí mây mỏng để cản sức nóng. Chẳng có tí gió thoảng để thay đổi không khí. Sân gạch bỏng như nung, hắt hơi oi bức vào trong nhà có ba mặt tường chắn như cái hầm. Người ta rã tay ra vì quạt.

Ấy thế mà đã ba hôm nay, hết bọn này đến bọn khác, khách khứa kéo nhau đến đây ăn cỗ đông rầm rập. Bữa nào cũng mười lăm mâm đầy ăm ắp những thịt trắng nhóng nhánh, rồi từng ấy mâm lại sạch như chùi. Rượu thi nhau cạn veo từng vò, nhuộm cho khách những bộ mặt đỏ bầm như quả bồ quân, hoặc xám xịt như gà cắt tiết.

Bữa này là bữa cuối cùng, nên các cụ được thư thả, không phải vội vàng đứng dậy để nhường chỗ cho bọn khác mới đến.

Thủ quỹ Quang, vừa say lại vừa no phưỡn bụng, chống hai tay lại đằng sau, thở phì một hơi nồng, rồi nói tiếp câu chuyện còn bỏ dở:

-Không hiểu rồi ra ông Tây ông ấy làm thế nào, chứ cứ thế này mãi thì tôi đoán thuốc ty còn mỗi ngày một cao. Rồi ra anh em mình mất cả thứ đi mây về gió.

Cụ xã Mạn, vẻ mặt rất bằng lòng, ngồi phản bên kia, nghểnh cổ lên đáp sang:

-Nhưng có thì ông Tiếu lo nhất, chứ anh em mình không bẹp tai, ta cứ bình chân như vại.

Tiếng cười vui vẻ nổi lên ở đó đây. Tiếu dúng đầu tăm đương xỉa vào chén nước, gẩy tạch tạch để rửa, đáp:

-Tha hồ nói, tôi chả động lòng. Rồi nhà các cụ có chén, mời chúng tôi đến, để từ được món thuốc phiện đấy phỏng!

Đoạn ông nháy mắt và mọi người cười rầm.

Lý Trung, ngồi bên cửa buồng, vén chiếc câu đối làm màn, ghé miệng vào trong, nói to:

-Kìa, thưa cụ, các ông ấy đang nhắc gì cụ đấy ạ.

Có tiếng bà đáp ra:

-Vâng, để tôi sai nó đi mượn bàn đèn.

Tiếng cười lại rầm rộ nổi lên như muốn làm vỡ đố nhà.

Trung vuốt hai chòm râu nhọn hoắt, vênh váo nói:

-Đấy, không có tôi, có đời nào anh em ta được phiện ở đây.

Sính, một ông già cỏm rỏm, ghé mồm vào góc tường vừa oẹ khan, vừa giục:

-Có lập tĩnh mau không chứ đằng này say lắm rồi.

Trung lại nói to, cố ý để pha trò và cầu lợi:

-Thưa cụ, có nghe thấy gì nữa không à?

Người ta lại cười nôn, và vì cười ông già Sính, lần này không thể giữ vững được những thứ chứa ở trong dạ dày nữa. Ông nôn ra được và muốn tỏ mình rất có ý, ông tuôn cả những thứ bát nháo ấy xuống gầm, chỗ góc tường. Con chó mực từ nãy thất nghiệp, tưởng được món bở, ngoe nguẩy đuôi, chạy vội đến nơi. Nhưng vì không kham được của quý nồng hơi men ấy, nó ngửi đi ngửi lại đống bã cơm, rồi thất vọng lại lừ lừ ra nằm ghếch mõm lên chân ở chỗ cũ.

Trung thấy trong nhà không có tiếng đáp câu của mình, muốn khỏi bẽ, ông trừng mắt nhìn ông già, cự:

-Thế kia thì ông xấu chơi lắm!

Sính một lử, không nói gì, lấy tay áo lau mồm, rồi xin hớp nước xúc miệng.

Nhưng phó hội Bút can ngay:

-Thôi, ông Lý, đừng làm thế, mất cả vui.

Từ lúc bắt đầu bữa cỗ đến giờ, tiếng cười không mấy lúc ngớt. Như vậy đố ai dám bảo không phải nhà không có việc mừng. Nhưng sự thực xa thế quá.

Vì nhà chật, ít chỗ ngồi, nên ở hai gian bên, kê mỗi gian hai phản liền nhau, và giáp mái tranh ngoài sân, có dựng một cái rạp che lợp cót, để thêm chỗ ăn và rộng chỗ tế.

Gian giữa, trên bàn thờ che màn mỏng, lúc thường vẫn lấp lánh hai ngọn đèn vặn nhỏ. Hương vồng đưa lên một sợi khói xanh, dưới thẳng, trên rung toả ra, rồi tan đi. Trên ỷ sơn son, bày tấm truyền thần một người đàn ông râu tóc bạc phơ, ngồi ghế bành, cạnh bàn, đặt chiếc đồng hồ trầm cầm và chai sượu bia chưa mở nút.

Trước bàn thờ sơ sài ấy, và sau hương án, kê sát bực cửa, có đỉnh đồng, độc bình, giá gương và hai cây nến gỗ, thì là một chỗ rộng. Chỗ ấy, chiếc quan tài mộc, phất giấy hồng điều, nằm trên hai tấm mễ thấp.

Vậy đó là nhà có đám ma.

Chứ sao?

Ông tú Lịch làng Từ Lâm tạ thế từ sáng mồng tám. Bởi ông là nhà khoa mục, nên dù nghèo, bà tú phải cố lo việc ma chay ông cho trọng thể. Chẳng ngại tốn, bà tậu

bò, mua lợn, để làm cỗ mời hàng huyện, mời hàng tổng, mời làng, mời xóm, mời giáp, mời văn thân, mời quan viên, mời họ hàng, mời học trò và mời bạn bè thân thích. Có người rất sung sướng được đi ăn đến bốn lượt.

Sáng mai mới đưa ông Tú ra đồng. Vì vậy, bữa cỗ này, bà Tú mời riêng những người thân. Cho nên người ta nhận thấy đại khái lý Trung, phó hội Bút, thủ quỹ Quang, là người làm việc làng, xã Mạn, đám Hỷ là người trong họ; thư ký Liễu, khoá Tích là học trò; quản xã Tú là hàng xóm năng sang giúp việc. Và ông già Sính, người vẫn khen thơ ông Tú là vô địch trong buổi nho tàn.

Từ năm làng Từ Lâm cải lương đến nay, chức chánh hương hội làng vẫn nhường ông Tú, là tiên chỉ. Ngoài ông ra, không ai làm được. Chức quý giá và công việc nặng nề này, trừ tay khoa mục danh vọng, thì khi có việc, đố ai bao nổi con em. Dân Từ Lâm tuy hiền lành, nhưng lý sự đáo để.

Lúc bấy giờ bóng râm đã ra đến tường hoa. Ánh nắng dần dịu. Hơi men ủ trong dạ dày cần bốc ra cho người ta bớt lảo đảo. Cho nên, trong khi hai chiếc bàn đèn đã bầy ở hai gian nhà, mọi người tươi tỉnh, bắt đầu chuyện như khướu.

Xã Mạn chép miệng, nói to, cốt cho cả trong buồng cũng nghe rõ:

-Ông Tú nhà tôi -vì ông xã là trưởng họ -mất đi, chúng tôi thiệt đơn thiệt kép. Tôi nghĩ mà thương mà nhớ ông ấy quá.

Phó hội Bút cũng làm ra vẻ buồn rầu:

-Còn cụ thì quan trên còn trọng dụng làng này, cụ mất đi, không biết làng này còn nát đến đâu.

Nói đoạn, ông cho là câu xói móc thâm trầm, nhìn Liễu là bạn thân. Ông thư ký mỉm cười, liếc lý Trung để tỏ ý khiêu khích. Ông này hiểu ý, cau mặt, đáp:

-Chà, giời sinh voi sinh cỏ, đời cua cua máy, đời cáy cáy đào. Cụ Tú mất đi, kể làng ta thua thiệt thật, nhưng chả có người này đã có người khác, chứ làng người ta thì làm sao.

Mạn hơi cáu, trừng mắt toan bẻ, song, Tiếu nói một câu cốt pha trò để xí xoá chuyện xích mích:

-Thật đấy, ông lý có công rất to, là cổ động được bàn đèn. Thế nào tôi cũng bầu ông làm tiên chỉ thay cụ Tú. Để sau này ông có chết, ông dặn bà ấy cho tôi hút nhiều.

Hai tiếng tiên chỉ đến vừa đúng lúc. Từ nãy người ta muốn nói tới, nhưng chưa ai khơi ra. Bởi vậy, không ai nghĩ đến tính cách khôi hài của câu nói nữa.

Vốn trong làng, đã dăm năm nay, có hai phe kình địch nhau. Phe lý trưởng, tức là Trung, và phe chánh hội, tức là ông tú Lịch, mà bây giờ ký Liễu làm đại biểu.

Liễu ghét cay ghét đắng Trung, nhất là từ hôm thầy học tạ thế. Bởi vì ngày nào cũng vậy, rất nhiều người nói đến tai Liễu là Trung khoe chắc mẩm phen này được ăn tiên chỉ thay ông Tú, lấy lẽ bây giờ chức lý trưởng nhất làng.

Cho nên, bắt ngay lấy câu của Tiếu, Trung đắc chí, cười hà hà, nói bằng giọng trêu ghẹo:

-Được rồi, ông cứ bầu tôi, rồi tha hồ ông hút.

Liễu bĩu môi, quay mặt đi. Sính nhân muốn lấy lòng Trung để ông này quên chuyện bắt bẻ mình nôn ban nãy, bèn tiếp:

-Tôi cũng bầu cho ông Lý. Làng ta tiếng vậy còn ai tranh được nổi ông.

Mạn và Bút nhìn Liễu. Hỷ cau mặt:

-Ông tú tôi mới nằm xuống, chúng ta chưa nên nói chuyện ấy vội, có phải không, ông ký?

Nhưng Liễu không đáp. Mặt tím bầm,.ông cúi gầm xuống.

Bút đáp để bênh bạn:

-Phải, tôi tưởng giá ông Ký phen này ra chánh hội, thì ông được ăn cả tiên chỉ nữa, bởi vì ông có chân nhị trường.

Liễu ngẩng mặt, cười chua chát. Ai cũng đoán ông sẽ nói một câu châm biếm hết sức cay độc. Thì quả nhiên:

-Thưa các cụ, làng ta đương có một vị khoa mục hay chữ làm tiên chỉ. Nay vị khoa mục tạ thế, thì làng nên chọn người xứng đáng, chứ tôi đốt nát, ra để nghe chửi à?

Trung như bị mũi tên độc bắn trúng tim, ông hỏ dọc tẩu, ngồi nhổm dậy, vùng vằng nói:

-Tôi thách ai tranh tiên chỉ nổi với tôi phen này đấy.

Liễu tái mét mặt, run bắn lên. Thốt nhiên, ông ra cạnh phản khoả hai chân xuống đất tìm giầy, rồi chạy đến gian giữa. Mọi người kinh ngạc, nhìn theo. Liễu đứng trước quan tài ông Tú, nhăn nhó, hưng miệng, gò lưng lắc đầu và rặn những tiếng khóc rung cả hai vai:

-Ô hô! Ô hô! Ô hô! Thầy sống khôn chết thiêng, thầy phù hộ cho làng ta. Thầy biết đâu giờ có những hạng văn dốt, vũ dát nó định kế chân thầy, thầy ơi!

Dứt lời, Liễu lấy cổ tay áo quẹt đôi mắt để tỏ rằng nếu mắt không có nước là vì ông đã chùi khô. Ông xuýt xoa, cung kính, chắp hai tay, lạy trước quan tài hai lạy.

II

Hai mặt ấy, mấy năm nay vẫn kình địch nhau.

Cái cớ kình địch, theo lời Trịnh Văn Liễu, thư ký ban hương hội làng Từ Lâm, là thuộc về lịch sử. Bởi vì Nguyễn Bá Trung họ Nguyễn, mà ông họ Trịnh, Liễu vẫn nhận mình là con cháu nhà chúa. Bị loạn lạc, ông cha ông mới đến làng Từ Lâm. Cho nên ông nhất định nhận họ Nguyễn là thù.

Liễu là tay giàu có trong làng. Ông tự hào rằng chúa Trịnh Kiểm là bậc công thần nước Việt Nam, đã phò Lê, diệt Mạc, nên con cháu đời đời được hưởng phúc trời, không ai đến nỗi nghèo ngặt khổ sở. Ông kể ra những ông quan to, những nhà giầu lớn có họ Trịnh ở khắp nước Nam, và nói vanh vách chi này là trưởng, chi này là thứ.

Thôi, sự khoe khoang về giòng giống ấy có ích gì cho độc giả. Ta hãy mặc Liễu với tổ tiên họ hàng ông ở đó. Ta chỉ nên biết về Liễu mà thôi. Liễu có chân nhị trường. Cái đó độc giả đã nghe Bút nói và chắc còn nhớ. Liễu chỉ được thi có hai khoa. Khoa thứ nhất, nói rằng để đi cho biết cửa trường, thì ông vào được kỳ đệ nhị. Khoa thứ hai chẳng may ông bay ngay vào kỳ đệ nhất. Ông bảo vì bị sốt rét. Nhưng cái đó không quan hệ cho danh giá ông. Người ta vẫn gọi ông là nhì, nhì Liễu. Rồi nhà nước

bỏ chữ nho. Ông bất mãn. Ông phàn nàn mãi rằng mộ cụ thân sinh đắc địa thì còn thi cử, ông tuy chẳng đỗ cử nhân cũng được cái tú tài như thầy. Thế là không được làm học trò, ông xoay ra làm thầy vậy, thầy thuốc và thầy đồ, để mặc ruộng nương cho vợ cấy hái.

Song, ba mươi mẫu của ông mới là kế sinh nhai chính. Có nó, ông mới chỗm chệ làm thầy được. Thật vậy, ông làm thuốc có ai dám đón đâu, mà gõ đầu mươi đứa trẻ trong làng, ông đủ ăn sao được. Ông ở trong khu vực ruộng bốn sào, gồm ba nếp nhà gạch, một thửa vườn trồng cau và cam. Ông thường ngồi nhà giữa, trước có sân lát gạch bát to. Một phần tư sân là giàn, cạnh mỗi cột bày một chậu cây kẻ trên chồng gạch. Người ta thấy những cây lan lá biếc, cây quế hoa thắm, và cây trà cành mập mạp. Giữa giàn hoa là cái bể con, đầy nước, nổi lên như một hòn non bộ, bày đủ các điển tích, nào ngư tiều canh độc, nào Tô Vũ mục dương, nào Tô Đông Pha du Xích Bích. Trong làn nước xanh, lơ lửng dăm con cá vàng, đuôi xoè, uốn mình mềm mại.

Năm nay, Liễu ngót bốn mươi, da trắng trẻo và nhẵn thín. Quả ông là con nhà nho, trông thật phong nhã. Ông làm thư ký vì thầy học ép mãi. Thỉnh thoảng, ông cũng nhận cành cau, bao chè, thôi thì cũng như người ta trả công cho ông. Ông là tay giúp việc rất đắc lực của ông Tú. Ông Tú làm chánh hội, vì túng, thỉnh thoảng phải xơi bẩn nên cần phải có Liễu. Bởi vì, nếu có gì lôi thôi đến tai quan, chính Liễu lên tận huyện nói hộ. Vì quan nào thấy Liễu giàu có, mà chẳng để cho đi lại ra vào.

Song cũng bởi làm việc làng, nên Liễu mới thấy lắm cái bực mình và vì bênh thầy, nên sự kình với Trung càng ngày càng rõ rệt.

Trung giàu hơn Liễu. Về tiền bạc, ông nhất làng Từ Lâm. Ông năm nay ngót năm mươi. Ông để tóc dài, nhưng cạo ở giữa đỉnh đầu, nên có cái búi tóc to vừa bằng ngón tay cái. Mặt ông bì bì, lắm thịt, nên thoạt trông người ta khó lòng bảo được là thông minh. Đôi mắt ông không mấy khi trông thẳng ra ánh sáng. Lúc nào cũng che bằng cặp kính đen. Vì nếu sáng quá, ông trông không rõ. Nó thuộc về thứ mắt bẩy lẻ. Ông có bộ ria rất xứng với môi về bề dày. Bộ ria ấy đen, rậm, cứng, cong và nhọn, như hệt hai dấu ngã chầu nhau.

Thuở bé ông có đi học mà cũng học ông tú Lịch. Nhưng cắp sách được có ba tháng tròn, thì ông trốn, trốn biệt cho đến tận lần này ông mới trở lại nhà thầy học. Đến khi ra làm lý trưởng, ông mới hối hận, và cuống cuồng học viết có mỗi một chữ ký và bảo con dạy cho chữ cái quốc ngữ. Khi sát hạch trên tỉnh, may cụ Thương tá lại ngơ đi cho, chỉ khuyên ông nên thuộc mặt chữ hơn và tập thêm đánh vần nữa. Song từ đó, ông bận quá, chưa có lúc nào sờ đến quyển sách, mà xét ra cũng không cần. Bằng lý trưởng ông đã lĩnh về rồi, học làm gì cho thêm nhọc xác. Công việc về chữ nghĩa, ông đã có nho bên huyện làm hộ. Vậy mà chả vấp váp tí nào. Việc làng, ông cứ hứa bừa. Cốt tốt với quan là ông chẳng cần ai. Mấy lần bị dân kiện, song, ông thu xếp chỗ quan nha xong ngay. Cho nên làm việc làng, ông chỉ bới móc. Mà ông bới móc thực tài. Bất cứ việc gì, từ vợ chồng người ta đánh nhau trong nhà cho đến ai vãng tục, vãng rác mà ông nghe tiếng, ông đều ăn uống được cả. Ông bảo trong thời kỳ làm việc, ông phải làm tiền cho ba việc: Một là thu lại cái vốn đã bỏ ra và tiền thù phụng quan, hai là kiếm chút phẩm hàm và ăn khao, ba là kéo lại một tí lãi.

Ở trong nhà, ông thường ngồi buồng khách, tức là cái chái hướng tây nam. Trước kia, phía ấy là tường. Nhưng từ ngày làm lý trưởng, ông phá ra làm cửa, và xây bực lên xuống. Trong buồng, ông kê tủ chè, sập, bàn. (cái này để hứng bụi hơn là để viết) và vài chiếc ghế đẩu đặt sát tường. Trên tường, phía cao nhất, ông treo ảnh vua. Sau bàn giấy có tranh hổ Hoàn Kiếm vẽ sơn, mua của hàng bán rong, và hai bên, hai cái tay thước mộc.

Ông đã quá niên hạn để từ dịch, nhưng còn làm nữa để mong có chút phẩm hàm. Vả lại, làm việc mà quan nể, dân kiền, ông vẫn tự hào rằng từ xưa đến nay làng Từ Lâm mới có mỗi mình ông. Cho nên tội gì bỗng dưng nhường quyền hành cho người khác.

Làng Từ Lâm là một làng có độ năm trăm đinh, chỉ sống về cày cấy. Hồi chữ nho còn thịnh, dăm ba mươi năm lại có người tên chiếu bản vàng. Cho nên dân rất trọng vọng. Bởi thế ông tú Lịch phải ra chánh hội từ ngày làng bắt đầu cải lương. Hiện nay nho học chỉ còn có mỗi mình ông thư ký có chân nhị trường.

Dân Từ Lâm ít đi ra ngoài. Người ta đổ vì hướng đình nên làng không có đất xuất ngoại. Ngày xưa một vài người thử đi buôn bán ở phố huyện, nhưng người thì chết, người thì lụn bại. Các cụ nói rằng đình làng xưa kia quay mặt ra sông, nhưng một ông phù thuỷ Tầu sai quân môi khênh có một đêm, xoay trái hẳn lại. Bởi vì, nếu cứ để nguyên đình hướng trước, thì sau cũng có người sang làm vua bên Tầu.

Dân không được học Pháp-Việt, vì không có trường, có lẽ họ thấy sự học không cần lắm. Phải, ruộng tốt, mưa hoà gió thuận, làng xóm được bình yên có do dân biết chữ đâu. Bởi thế làng Từ Lâm là cái đảo nổi trên biển

ruộng hoa lý, thì dân cũng như sống trong một thế giới riêng, không quan tâm gì đến việc xảy ra hàng ngày của các làng bên cạnh, làng ở xa đường cái chánh xứ độ ba cây số, có lối nhỏ đi vào ruộng vừa hai bánh xe tay. Nhưng xe tay không thể vào đến tận làng, vì quãng ấy, nhiều chỗ sụt hẳn bằng mặt bờ ruộng. Hễ mùa mưa đến thì địa ở bên đường nọ có thể sang tán chuyện với bạn ở bên đường kia. Gián hoặc cũng có chỗ cao ráo phẳng phiu, nhưng lại bị người tát nước xẻ ra và cứ để mặc kệ như thế.

Đường trong làng thì quanh co và hẹp, gồ lên thụt xuống như mặt sóng, đó là vết trâu đi. Cành cây hai bên mọc chìa cả ra giữa, ít lúc đường được khô hẳn. Nhất là những nơi người ta buộc trâu, thì muỗi bay tung hoành, và cả một khu đất nhuộm màu đen, xông lên một hơi nồng nặc.

Dân Từ Lâm ăn nước ở ao chùa. Vì vậy răng họ không phải nhuộm công phu, tự nó cũng đã như cải mả. Đứa trẻ nào cũng giống đứa trẻ nào ở chỗ da đen, mắt toét, bụng ỏng và đít vòn. Người lớn cũng giống nhau ở đôi con mắt, người thì có con ngươi trắng bệch, người thì động ra gió là phải rụi lông mi, người thì mắt thâm quầng, lúc nào cũng có rỉ. Hình thức đã giống nhau thì tinh thần cũng tương tự. Bởi thế phần đông họ có sự hiểu biết kém sự hiểu biết của ông lý làng họ. Mà sự hiểu biết của ông này lại chưa to bằng cái búi tóc của ông ta.

Quanh năm, người ta chỉ nghĩ ăn, ăn của nhà, ăn của làng. Bởi thế, tục hương ẩm rất nặng. Có đám xá thì đứa bé lên tám cũng mượn áo khăn áo ra lễ đình để ngồi xếp hàng bằng tròn ở hành lang, nhai trầu bỏm bẻm, chờ đủ bốn người một cỗ để uống rượu. Chúng cũng nốc khoẻ

ngang với người lớn và không nói với nhau câu nào, cắm cổ ăn mau để được nhiều. Ăn xong chúng đem gói phần về chia cho cả nhà. Chúng chỉ có một điều ước muốn là mau cho chóng lớn để được ngồi hẳn trên đình, cỗ sang hơn, lại có người hầu hạ.

Bởi thế, quan nào về trọng nhậm huyện ấy cũng khen dân làng Từ Lâm thuần và khuyên làng khác nên theo, theo gương tốt của làng ấy.

III

Sáng hôm sau, mặt trời đỏ như miếng sắt nung, lại tung ra những tia lửa chói lọi. Đám ma ông Tú cử hành ngay từ sáu giờ để tránh nắng.

Bọn con cháu người khuất, vì phải phục dịch vần vật mấy hôm đằng đẵng, hoặc làm cỗ, hoặc làm lễ hay tiếp khách, nên đều mệt nhoài. Họ theo sau cữu một cách uể oải. Chỉ họn đàn bà là phải cố khóc lóc to tiếng cho làng nước khỏi bàn tán. Người đi đưa ông Tú cũng khá đông, ai nấy nóng bức khó chịu. Họ theo sau đám ma, nhưng nghĩ rất ít đến người chết. Nhân dịp gặp họ, họ nói đủ các thứ chuyện về chính trị, xã hội, kinh tế và văn chương. Và tất cả giá trị độ xu rưỡi.

Được một lát các diễn giả quay hẳn về một vấn đề. Tư Bỉnh hỏi thầm phó hội Bút:

-Thế nào, chiều hôm qua ông cũng ở trong cụ Tú đấy chứ? Tôi nghe nói ông ký Liễu vờ vật mình vật mẩy khóc kháy ông lý Trung thế nào kia mà?

Bút nhổ cốt trầu, gật đầu:

-Ông ta khóc thật tâm chứ, chứ bỗng không ai khóc được.

Sính cãi:

-Thế lại không là khóc kháy, khóc sỏ. Các ông phải biết, cụ Tú mất đi, ông ký Liễu như người mất đầu. Còn cụ, ông ta còn kiếm ăn được, chứ từ nay ai chc chở cho ông ta.

Tiếu vốn công bằng nói:

-Cụ bảo thế không đúng... Ông ký Liễu có phải như người khác ra làm việc làng để kiếm ăn đâu. Làng này trừ ông lý ra, còn ai giàu được bằng ông Liễu. Chính cụ Tú thường vẫn hay vay mượn bà ký. Tôi cho là ông ta sợ ông lý lên ăn tiên chỉ thì không xứng đáng, nên mới thốt ra tiếng khóc ấy.

Thủ Quang lắc đầu:

-Không đúng. Đã làm việc làng, ai không ăn uống chẳng nhiều thì ít. Có phải vì túng mới ăn đâu. Ăn cho khỏi mang tiếng là ngù ngờ, ăn để được lòng người cộng sự.

Cả Thiêm lắc đầu, trỏ tay về mé Liễu:

-Tôi thì tôi không tin như thế. Các ông xem ở vùng này, cụ Tú có đến mấy trăm học trò, mà hôm nay chỉ duy có ông Liễu là khăn trắng, áo trắng, thì đủ hiểu ông ta đối với cụ thân mật nhường nào. Cho nên thấy chức tiên chỉ quyết về tay ông lý, ông ta thương nhớ cụ Tú, nghĩa là thương làng có một ông tiên chỉ dốt nát.

Ba Xích đáp:

-Phải, ông nói chí phải. Tôi cũng không bằng lòng cho ông lý ăn tiên chỉ. Tiên chỉ phải là bậc có danh vọng, nếu không có bậc danh vọng thà làng không có tiên chỉ còn hơn.

-Và cái thủ lợn làng biếu, quí giá lắm chứ! Ông có thể bỏ tiền ra mua mười cái cho cả nhà ông ăn một lúc,

mặc ông; nhưng nếu ông không có danh vọng, thì không khi nào ông được chức tiên chỉ để hòng lấy thủ lợn biếu của làng.

Bút gật đầu, cho là có lý:

-Mấy lại như thế nhục làng lắm. Ông thử nghĩ mà xem, mọi năm vào đám, còn ông Tú thì làng còn trông thấy ông tiên chỉ đội mũ, mặc áo cân đai bối tử đường bệ biết bao nhiêu. Nay nếu làng có một ông tiên chỉ to lớn cục súc, đứng mệnh bái thì trông nó gớm lắm.

-Ấy thế mà tên lại đứng đầu văn tế, phỏng còn giời đất nào!

Xích biểu đồng tình:

-Khoa mục làng ta đến cụ Tú là hết, mà học mới chẳng có ai, thì tôi tưởng chức tiên chỉ làng, nên lấy xuống đến chân nhất nhị trường mới phải.

Bút sung sướng cười ha hả, vỗ vai Xích, khen:

-Trí kỷ lắm. Ông nói chí phải. Ông ký Liễu tiên chỉ mới xứng đáng.

Thủ Quang cau mặt cãi:

-Không được, các ông thiên lắm, hãy hỏi một người làm lý trưởng, một người làm thư ký, ai hơn ai?

Thiêm hùng hổ hỏi lại:

-Nhưng có một người có chân nhị trường, một người chưa thuộc quốc ngữ, còn chữ ta đặc cán tấu, thì ai hơn ai?

Bút chêm vào:

-Dễ ông thủ quỹ không nghĩ đến rằng người thư ký ấy chẳng có thể ra làm chánh hội hẳn. Chánh hội kém gì

lý trưởng.

Sính vuốt râu bạc, tức:

-Chánh hội gì hạng nhãi ranh ấy.

Xích trừng mắt:

-Ông nói thế cũng thiên.

Bỗng tiếng trống cái đổ hồi, làm tắt câu chuyện đương nồng nàn. Mọi người nhìn ra, phu đòn đã đang hạ từ từ cữu xuống mặt ruộng, để bắt tay vào khiêng quan tài chuyển vào huyệt.

Tiếng kèn rền rĩ, đưa theo gió một giọng não nùng. Con cháu và họ hàng người khuất cảm động nỗi sắp vĩnh quyết, đều gào khóc, hoặc sụt sịt lau đôi mắt đỏ hoe. Ông già Sính như còn hậm hực câu nói của Xích, nên yên một lát, bỗng lại nói:

-Tôi không thiên, tôi chỉ theo lý.

Thế là câu chuyện lại được nói tiếp. Chẳng ai để ý đến hạ huyệt. Bút đáp:

-Hãy hỏi, nếu lần này ông Liễu làm được chánh hội, thì ai đáng ăn tiên chỉ hơn.

-Nhưng ông Trung làm lý trưởng đã lâu năm.

Cụ Bính giảng:

-Cụ phải biết, chức chánh hội to lắm. Có làng, ông tổng đốc về hưu trí còn ra làm chánh hội, quan phụ mẫu sợ xanh mắt.

Bút tiếp:

-Chứ ông tổng đốc hưu trí quyết không đời nào lại làm lý trưởng.

Xích cười nhạo:

-Để chịu cái vạ đầu chầy đít thớt.

Tiếng khóc ran dậy lên ở góc cánh đồng. Người ta thấy Liễu đứng dạng hai chân bên thành huyệt, rồi cúi xuống, đặt chiếc địa bàn vào giữa quan tài. Một lát, mai đất thứ nhất bắt đầu ném xuống.

Mặt trời đã cao. Ánh nắng làm đẫm các lưng áo. Không có một tí gió, dù ở giữa cánh đồng không thoáng.

Thấy Liễu đã xong việc ở mộ, Bút vẫy lại, rồi nói với Bính:

-Đấy, ông nhìn, trông dáng đi bệ vệ có kém gì khoa mục.

-Mấy vị tiên chỉ dòng dõi anh hàng bánh đúc thì làng ai nghe. Đằng này ít ra cũng là con ông Khoá.

Quang bênh Trung:

-Con nhà bán bánh đúc, nhưng cũng làm lý trưởng, giàu ba bốn mươi mẫu ruộng.

-Ông Liễu kém quái gì. Bây giờ ông ta còn làm thư ký, thì chức tiên chỉ chỉ còn có người bảo vào tay người nọ, người kia, chứ đến ngày ông ấy ra làm chánh hội, thì chẳng phải bàn tán nữa.

Sính hất hàm:

-Ai bầu cho ông ấy làm chánh hội mới được chứ?

Ba bốn người nhâu nhâu:

-Tôi bầu, tôi bầu.

Xã Tuý từ nãy chỉ đứng nghe, bấy giờ mới bĩu môi:

-Các ông bầu, ông Liễu đã chắc chưa? Các ông tưởng cứ có tiền thì có phiếu hẳn. Có tiền lạy người ta, chắc người ta bầu cho à.

-Đấy, rồi các ông xem.

-Ông Liễu có làm chánh hội cũng không ăn nổi tiên chỉ làng này. Là tôi phá. Không có, thì lên đến quan, chứ chúng tôi không chịu.

-Các ông lên quan, dễ đằng này lép.

Cuộc cãi vã bắt đầu kịch liệt, thì bỗng hồi kèn rên rỉ nổi lên, linh xa đã đặt lên vai người khênh.

Lý Trung về từ bao giờ. Ký Liễu cũng vừa vái trước mộ xong, ông giương ô, đứng ở gò cao, trông cho đám rước được nghiêm chỉnh. Người đưa đám, mỗi người về một đường.

IV

Thằng Mới quăng mõ và dùi xuống giường, lẩm bẩm một mình:

-Mẹ kiếp, nay họp, mai họp, chỉ khổ ông về hầu hạ.

Nói đoạn, nó ra vườn hái nắm lá chè tươi cho vào ấm, đổ nước, rồi đặt lên bếp, dóm lửa.

Vợ nó đã mang chổi ra đình quét sàn, song sợ việc làm không chu đáo, nên nó giao cho thằng cu lớn coi bếp, vác đôi chiếu, cái đèn và cái điếu đi.

Một lát, gian đình bên phải đã thành một chỗ sạch sẽ tinh tươm. Thằng Mới vào gần hậu cung, mở hòm nhỏ, lấy bốn chiếc chén trắng và cái đĩa tây cáu vàng, nó lau tất cả bằng vạt áo nó, nó bày cạnh đèn điếu ở giữa chiếu.

Trung lững thững bước lên thềm đá, dõng dạc hỏi to:

-Có đứa nào đấy không, mày ơi?

Cả hai vợ chồng thằng Mới cùng đồng thanh thưa:

-Dạ.

Ông Lý mắng:

-Mày để sân đình bẩn lắm.

-Bẩm, con vừa đi giao mõ về.

Trung cau mặt:

-Động nói là cãi! Thế đã có ai đến chưa?

-Bẩm chưa ạ.

-Gớm, khệnh khạng quá. Giá có ọc một con lợn thì đuổi chả hết người!

Ông toan nói nốt bằng câu tệ hại hơn, nhưng thấy Bút sắp đến nơi, nên ông phải im. Trung nhoẻn miệng cười:

-Đấy, ông xem, bao giờ cũng chỉ có ông đến trước tiên, còn các ông ấy đố có đến đúng giờ bao giờ. Thế nào, ông ký Liễu có ra không?

Bút chẳng giấu mình về phe Liễu, gật đầu đáp:

-Việc này quan trọng, sao ông ta chẳng ra.

Muốn mua chuộc Bút, Trung chán nản nói:

-Tôi thì tôi thiết gì những cái này. Đấy, có ông biết đấy, ra làm việc làng nào, chứ làng này, chỉ tổ nghe chửi. Mà thực ra, chúng mình có sơ múi gì. Làm việc mửa mật, mỗi lần có giấy quan đòi, thì biện thêm tiền nhà đi. Thỉnh thoảng có chỗ họ cho bao chè, cành cau, hỏi thấm vào đâu với cái tết mình phải mang lên huyện. Bởi vì chúng mình không ác tâm được.

Vào địa vị người khác mà làm lý trưởng ngần ấy năm, dễ hoà vốn rồi.

Bút không muốn công kích, gật đầu:

-Phải.

Nhưng Trung cho là Bút biểu đồng tình, thì ngạc nhiên, nên sung sướng tiếp:

-Thế mà các ông ấy lại ép tôi ra tiên chỉ. Tôi cũng cố từ chối thôi. Một làng không thể không có người đứng

đầu, nhưng, giá có ai có thế lực thay cụ Tú thì tốt quá.

Thấy Trung có ý vơ vào, Bút mỉa:

-Ông nghĩ chí phải, hơi đâu cứ đeo thêm vạ vào mình mãi. Mà giá ông có thông chữ nho, chữ quốc ngữ, mới xứng đáng.

Trung bị một quả truỳ nhẹ, yên lặng không nói nữa. Hai người vào tới chiếu, mời nhau ngồi. Thằng Mới rót nước xong, Bút bàn:

-Hay ta bảo khán thủ đi mời các ông ấy, chứ đợi đến bao giờ.

Không thể đổ tức giận về câu nói của Bút ban nãy vào đầu ai cho bõ hờn, Trung đáp:

-Gớm làm như tiên sư người ta không bằng, việc là việc công cả, chứ việc riêng đếch gì ai mà phải mời năm lần bảy lượt.

Nói đoạn, ông đặt thuốc vào điếu và châm đóm kéo một hơi dài. Ông uống hớp nước nóng rồi vờ say để được ngồi yên. Ông đã hiểu ý Bút rồi.

Nhưng bỗng Bút nói:

-Kể ra thì bây giờ, ông nhất làng này đấy nhỉ.

Trên mặt Trung nở ra một nụ cười, và ông tươi tỉnh đáp:

-Không dám.

Rồi thấy có cơ hội để dò ý bên địch, ông tiếp:

-Nhưng giá bây giờ ông ký Liễu ra làm chánh hội, thì quyết tôi nhường tiên chỉ cho ông ấy ngay.

-Ông nghĩ chí phải, vì ông ấy có chân nhị ttrường.

Bị một trùy nữa, Trung lại căm. Nhưng muốn bắt

chấp cả cái dốt nát của mình, ông đáp cho bõ tức:

-Nghĩa là tôi nhường vì tôi không muốn làm, chứ một người chánh hội mới ra, giá trị sao bằng người lý trưởng đã quá niên hạn.

Bút cười:

-Nói thế, chứ ông ký Liễu không ra chánh hội đâu mà.

Trung như lượm được một tin mừng, hỏi dồn:

-Thật à? Sao bảo ông ấy ra?

Bút lắc đầu:

-Không.

Trung muốn dò Bút:

-Hay là ông ra vậy. Phi ông hay ông Liễu, còn ai xứng dáng hơn.

Được phỉnh Bút sung sướng, bèn thật thà đáp:

-Đành vậy, nhưng tôi làm gì có tiền.

Thấy không cần biết hơn nữa, Trung nói:

-Ồ, ta chuyện mãi, quên ngay đi mất. Mới! Gọi Khán thủ mày, bảo tuần đi mời từng ông một nhé, còn mày phải ở luôn đây hầu vặt.

Thằng Mới đi, Trung hớn hở, đứng ra bao lơn hứng gió. Một lát ông nói:

-À, ông phó hội ạ, cái bọn thợ sơn làm đồ thờ nhà tôi khéo lắm. Tôi muốn bàn với các ông, nhân tiện mặc cả sơn cửa võng đình, kẻo để mộc thế này, khó coi lắm.

Bút gật:

-Ông nói phải lắm, nhưng có sơn thì sang tháng hãy

hay, chứ vài hôm nữa, đám xá đến nơi, sơn sao cho kịp.

Có tiếng xôn xao ở góc đình. Trung nhìn thấy Quang, Tiếu, Tuý, Hách, những người về phe mình, thì sung sướng. Hình như ông không cô độc nữa.

-Gớm, mau lên các bố, có phiện đây.

Bốn tiếng cười nổi lên để đáp lại sự thông thảo của Trung.

Tiếu nhoẻn môi thâm sì, đùa:

-Thế thì ai xứng đáng ăn tiên chỉ hơn ông.

Trung vội vàng nháy mắt, liếc vào chỗ Bút, ra hiệu cho các bạn. Quang kiễng chân, ngó vào trong:

-Có cóc khô bàn đèn đâu, ông Tiếu được cái mừng hụt!

Các huynh thứ trong làng lục tục ra dần, tất cả đến mười lăm vị. Song chưa ai bắt đầu bàn việc, vì còn đợi một người quan trọng. Người ấy tức là ký Liễu.

Trung đi ngang dọc, rồi gọi:

-Mới! Mày mời ông thư ký một tin nữa đi, nói rằng các cụ đã đông đủ cả. Ông ấy bận gì cũng bỏ đấy ra cho xong nhé.

Thằng Mới vừa bước xuống khỏi bậc đá, thì Liễu tất tả đến. Ông nghển cổ qua hàng lan can, rồi nói vào:

-Chào các cụ, xin lỗi các cụ nhé, con mẹ khán Tếch cứ cài nhài xin giấy khai sinh cho con nó mãi. Không biết ông ký Dưỡng trước kia làm ăn ra sao, mà sổ sách biên lung tung, khó tra quá.

Mọi người xen nhau, ngồi yên lặng thành vòng tròn trên hai chiếc chiếu. Ai cũng muốn nói ngay đến việc,

nhưng không ai chịu khơi mào. Bởi vậy họ uống nước, hút thuốc và rung đùi.

Một lát, Liễn tuy biết tỏng việc bầu tiên chỉ, nhưng vờ ngạc nhiên hỏi:

-Thế nào, các ông bàn việc gì thế, xong rồi à?

Trung đằng hắng, hơi run run:

-Kìa cụ nhất Tời, xin cụ nói đi.

Thấy Trung gạt trách nhiệm cho mình, ông già ngồi quay phắt vào phía trong đáp:

-Thôi, ông nói đi, tuổi với tác thì làm đếch gì.

-Ồ, kính lão đắc thọ, cụ nói làng nể, chứ tôi nói thì ai nghe.

-Ông là ông lý thay quan làm việc làng, thì ông nói đi.

Phó Lan pha trò:

-Hay là tôi nói.

Rồi ông cười một mình bằng hai hàm răng nhuôm nhuôm.

Không thấy người cười theo, Lan chữa thẹn:

-Đùa đấy chứ, cụ Tời nói đi thì phải hơn.

Tời quay lại nhìn khắp mọi người, rồi cau có:

-Ừ thì nói!

Cụ thong thả, đặt thuốc vào điếu và châm đóm. Muốn chừng Trung nóng ruột, hèn đưa cái xe và rót sẵn chén nước.

Hút xong, Tời nghiêm trang vuốt chòm râu bạc, gõ xe vào bát điếu và lên giọng. Mọi người im phăng phắc.

-Nghĩa là tôi chỉ quen nói cộc lốc. Các ông biết đấy, cụ Tú mất đi. Ta nên bầu một ngôi tiên chỉ cho khỏi sái làng.

Mọi người nhìn cả về Trung. Ông này luống cuống một cách sung sướng, Tời tiếp:

-Vậy ta nên chọn người.

Quang đỡ lời:

-Phải, kẻo nay mai đám xá đến nơi, phải có người đứng mệnh bái chứ.

Tời tiếp:

-Mấy lại làng không thể không có tiên chỉ. Vậy ý các cụ thế nào, xin cho biết.

Trung đằng hắng:

-Trình các cụ, cụ Nhất nói chí phải. Vậy xin làng chọn lấy một người, trước nữa thay mặt dân tế thần nay mai, sau nữa, có việc gì thì...

Không biết nói tiếng gì cho phải, ông ừ ừ rồi chịu cho câu văn què.

Tời nhìn Trung bẽn lẽn, nhoẻn miệng cười, thật thà giục:

-Thì nhận đi cho xong! Nghĩa là thế. Vờ vịt bàn lắm rồi sau cũng lại đến thế.

Trung cười hể hả. Nhưng Bút chặn họng:

-Tôi xin thay lời ông lý để nhắc lại ý ông vừa nói chuyện với tôi ban nãy. Ông lý tôi vì việc quan đã nhiều, nên không muốn nhận chức tiên chỉ.

Ai nấy ngớ ra, Trung cau mặt cãi:

-Thì ông để mặc tôi nói, ai mượn ông?

Bút cười đắc thắng:

-Tôi thấy ông không nói, sợ ông lại bị ép nài, nên phải giúp ông. Ông chả vừa bảo tôi ban nãy thế là gì?

Trung đập ống thuốc xuống chiếu:

-Ban nãy là ban nãy, bây giờ là bây giờ, chứ lộn ẩu thế nào được.

Bút cáu:

-Đấy thì ông nói đi. Tôi không bầu cho ông là một.

Trung hăng tiết:

-Tôi không cần ông. Ông không bầu đã có khối người.

-À, ra ông khinh làng thực.

Mặt đỏ gay, Trung đứng phắt dậy. Quang nắm áo co lại:

-Thôi, ông phó hội ông ấy say ấy mà.

Bút trừng mắt:

-Tôi không say, ông cứ chửi bố đứa nào bảo tôi say?

Trung trỏ vào mặt Bút:

-A, anh phó hội, ở giữa đình, anh dám ăn nói thế à?

Bút nắm sẵn cái bát điếu hất hàm hỏi:

-Anh gọi ai là anh?

-Tao bảo mày đấy.

Hai người xông vào nhau. Nhưng cuộc loạn đả không thành, vì người ta vội vã giữ dịt lấy cả đôi bên, và cố khuyên giải bằng những câu pha trò nhạt hoét.

Liễu lúc bấy giờ mới lên giọng:

-Thôi, tôi xin nói một điều này, có phải thì các cụ nghe, không phải thì các cụ bỏ đi. Làng ta cải lương đã lâu. Làm việc dân đã có ban hương hội, giao thiệp với quan trên đã có chức lý trưởng. Vậy tội tình gì có thêm ông tiên chỉ nữa làm gì?

Tuý, Sính nhâu nhâu cãi:

-Không nghe được, không có tiên chỉ thì sái làng đi.

Liễu vẫn ôn tồn:

-Xin các ông cho tôi nói nốt. Vả thời buổi văn minh, ta nên để sự nghĩ ngợi việc bầu tiên chỉ để nghĩ ngợi sự làm ích cho làng chả hơn ư. Ấy là vừa mới chớm việc bầu tiên chỉ, đã có chuyện lôi thôi, nữa là khi có tiên chỉ rồi.

Trung vẫn còn giận lắm, chêm vào:

-Ông ký nói có lẽ phải, mà cũng có lẽ không phải. Xưa nay phép vua thua lệ làng. Từ ngày có làng Từ Lâm đến giờ, chưa bao giờ không có tiên chỉ. Nay ông dám đổi cả lệ làng đi hay sao. Ông là ông gì mà hách thế.

Liễu tái mặt:

-Không phải thế, ông lý ạ. Làng Từ Lâm là một làng văn vật, đã là làng văn vật, phải có ông tiên chỉ khoa mục hay ít ra cũng là bậc văn nhân, biết chữ. Nay làng hết khoa mục, không lẽ bất cứ ai cũng bầu làm tiên chỉ, để hàng huyện cười cho thối óc à!

Quang tranh lời để cãi:

-Này ông ký, ông tiên chỉ là nhất làng, nếu làng còn khoa mục thì nhường cho khoa mục là phải. Nhưng nay không còn khoa mục thì ai nhất làng người ấy ăn tiên chỉ.

Hỷ lè nhè:

-Nhất làng ở cái tư cách, ở cái con giòng cháu giống,

chứ không nhất làng ở cái chức vị mà thằng khốn kiếp nào có tiền cũng có thể mua được.

Thấy câu châm chọc thâm độc quá, Tiếu vốn công bằng, song cũng tức, bèn đứng dậy:

-Thôi, tôi nhất định bầu cho ông lý.

Phe lý trưởng hưởng ứng:

-Phải, ta cứ lập biên bản, rồi đệ trình quan. Mặc kệ.

Man hạch:

-Mặc kệ là thế nào?

Bút nói to để át mọi người:

-Ông ký Liễu có thể ra làm chánh hội phen này, mà đối với chức lý trưởng, thì chánh hội to hơn nhiều, thế thì ông Liễu mới đáng ăn tiên chỉ. Lắm làng lý trưởng chỉ làm đầy tớ cho chánh hội.

Trung lại toan xông vào. Nhưng Mạn đã giữ ghì cả hai tay. Tuý nói:

-Tôi nói câu này, như đi guốc vào óc ông ký Liễu. Sở dĩ ông ký phá việc bầu tiên chỉ hôm nay, là vì ông không muốn để ông lý được. Ông lý rất xứng đáng. Kể ra ông Liễu ra chánh hội, thì ông ấy cũng có lý được ăn tiên chỉ, nhưng ông ấy sợ trượt chánh hội, thì thà không được ăn ông ấy đạp đổ trước.

Thấy câu nói đúng tâm lý, ông Liễu yên lặng một lát, mới bẽn lẽn đáp:

-Ông nói không phải, từ nãy ông có nghe thấy tôi có một nhời nào lôi thôi không? Tôi chỉ bảo làng ta cải lương, và thời buổi văn minh thì bỏ cái tiên chỉ đi là chính đáng.

Rồi đứng dậy, ông hỏi:

-Ông nào đồng ý với tôi, xin đứng dậy về cả. Mặc ai bầu ai làm tiên chỉ, ta không biết.

Hỷ ghé tai Liễu, lo lắng hỏi:

-Thế ngộ người ta cứ bầu thì sao?

-Bầu sao được, đã có quan xử chứ. Mà hận sau, có mõ rao họp bầu tiên chỉ, ta không ra đình nữa.

Rồi ông nói to:

-Nào, ai theo tôi thì đi về.

Dứt lời tiếng guốc lê lộp cộp trên sàn gỗ, bảy người kéo nhau xuống sân, mặc cho bọn lý trưởng nhìn theo, căm hờn.

V

Trước đình, lưng chừng cây đa, phấp phới lá cờ đại từ ngoài đường cái chánh sứ nhìn vào, người ta cũng biết làng Từ Lâm sắp có đám.

Quả vậy, mấy hôm nay, chỗ nào cũng tấp nập. Từ miếu về đình, đường đi mới rẫy cỏ đất san phẳng phiu. Lá cây mọc hai bên bờ rào chìa ra đường phải phát cụt, cho lối đi thêm rộng rãi. Quanh sân đình, dưới gốc bàng, mới dựng lên vài quán nước chè tươi. Nó là bốn cái gậy, chôn chặt xuống đất, đỡ tấm mái liếp đặt chênh chếch. Bác phó cạo đã tìm cái danh đóng lần trước ở thân cây đa, để treo gương. Vài hôm nữa, bác làm ngay ở đấy, vừa được đắt hàng, vừa được xem rước, xem tế, vừa được mách nước cờ. Trên cái bàn sơn xanh, cao đến ngực, đằng trước, bày ghế dài gỗ tạp, có úp nhiều cốc, rượu bia, nước chanh đứng thành hàng, cạnh tủ kính con, trong xấp thuốc lá giấy xanh, giấy tím và bánh khách vàng.

Cờ cắm ở sân đình lúc nào cũng hớn hở. Buổi chiều ăn cơm xong, trẻ con rủ nhau ra nô đùa, làm huyên náo. Người lớn cũng vậy, họ cởi trần, phe phẩy chiếc quạt nan, ngồi chéo khoeo ở bục đá hai bên giải vũ, để chuyện trò về đám xá.

Hình như cả làng sắm sửa chờ ngày vui, được ăn cỗ.

Mồng tám là ngày mở hội.

Ngay từ sớm, những hồi trống cái đã đi đôi với tiếng bi li ở trước cửa miếu. Một cuộc rước linh đình đang sửa soạn. Hàng chục lá cờ dựng ngả vào các thân cây. Chiếc kiệu bát cống lở sơn, đặt chính giữa cửa, ngang bậc thềm lên xuống.

Ánh nắng đã gay gắt. Tiếng trống càng làm thêm nóng ruột. Gốc nhãn, dưới bóng lá dày, phường trống con thỉnh thoảng tập lại cho đều. Trong miếu, những áo thụng lam bạc màu đi lại tấp nập.

-Vào trình cụ lý xin rước ngài về dinh, kẻo trưa rồi.

Ấy là lời Khán thủ. Hôm nay trông bác lạ hẳn đi. Bác đội khăn lượt, mặc áo the, thắt lưng đỏ ra ngoài, và đi guốc. Trung ra hiên, đưa đôi mắt trịnh trọng nhìn ra xa để ngóng đợi, rồi đáp:

-Chốc nữa, chưa đến giờ.

Giờ đây không phải giờ của đồng hồ. Nó có ý nghĩa khác.

Muốn hiểu nghĩa ấy ta hãy ngắm qua ông một chút.

Trước hết ta phải khen cái cằm của ông quá nhẵn thín. Ngay từ sớm ông đã gọi phó Bưởi đến xử tử hộ bộ râu mọi ngày mọc bừa bãi cả trên má, xuống cổ. Cái cằm ấy bây giờ nó trắng hơn cả chỗ khác trên mặt. Còn bộ ria, nó vẫn là hai dấu ngã đối rất chọi trên môi. Ông đội mũ vuông bằng giấy, phất một lượt màu huyên, có đoi giải dài thõng sau lưng, mặc áo thụng lam mới, và đi hia mới. Bộ áo mũ này nó mỉa mai bộ áo công của làng một cách cay độc, vừa cũ, vừa bạc màu. Nhất là cái áo thụng sắm đã lâu ngày, nên nó chảy dài xuống gần đến gót. Của ông lý là những của vừa mới sắm. Ông hỏ tiền túi ra mua tận

trên Hà Nội. Vì năm nay dù chưa chính thức ăn tiên chỉ, ông cũng được cắt ra thay cụ Tú đứng mệnh bái về dịp tế thần.

Bởi vậy, ông bảo chưa đến giờ. Vì ở sân miếu vẫn còn ít người xem quá. Như vậy nó tủi công sắm sửa của ông đi. Nhất là ông cần chờ Liễu, để có dịp trêu tức nhau chơi. Ông ôn tồn nói:

-Anh nào về nhà anh ký Liễu hộ tôi. Giục ông ấy ra ngay, nói rằng ông chủ tế mời nhé. Gớm, việc tế tự mà không siêng năng tí nào, phải tội chết!

Nói đoạn, ông đi loăng quăng ở hiên, yên trí rằng từng ánh mắt phải nhìn theo mà tấm tắc, ông xuống thềm, ngó vào trong kiệu, đặt lại đôi đèn nến cho ngay ngắn. Rồi ông vui vẻ hỏi han phường bát âm, bắt họ đi thử một vài điệu.

Một lát thấy bóng Liễu đến, tay mang áo thụng, ông chạy tận ra cột đồng trụ, niềm nở đón và tươi tỉnh mời:

-Mời ông vào rước.

Ông cho là những dáng điệu, những lời nói của ông càng ngọt ngào, dịu dàng bao nhiêu, tất Liễu càng bực tức bấy nhiêu. Bởi vì chốc nữa, ông đứng chủ tế, Liễu sẽ như bị kim chọc vào mắt. Bọn họ sẽ căm hờn khạc ra máu được. Nhưng căm hờn thì làm gì. Nghĩ vậy, ông mát gan, mát ruột.

Liễu vào trong miếu, mặc áo thụng xong, thì làng bắt đầu rước. Trống cái và bi li điểm ba hồi chín tiếng. Đinh tráng áo nẹp viền đỏ trắng chạy lại cầm lấy cờ và xếp hàng đôi rước kiệu. Phường trống con và hát ả đào nối nhau lên tiếng.

Bỗng hai cánh cửa mở toang ra, Sính áo thụng đi giật

lùi, giơ cao cái kiểng điểm từng tiếng một đều khan.

Liễu khuỳnh hai tay ngang mặt, nâng bát hương sứ, khói nghi ngút.

Sau ông này, Trung rước hòm sắc, cũng khuỳnh tay ngang mặt. Cái khăn lụa màu hoa đào mọi khi phủ hòm sắc, thì ông trân trọng phủ lên đầu ông. Nó bay phấp phới. Trong bộ mặt và dáng đi cố làm cho ngay ngắn của ông, người ta thấy ông hãnh diện lạ thường. Theo sau ông, các cụ thứ chắp tay nghiêm chỉnh đi chen nhau.

Bát hương và hòm sắc xuống một bậc, thì hai chiếc lọng giương sẵn đã ngả ra đón. Liễu theo kiểng đặt bát hương vào giữa kiệu. Rồi kiệu khênh cao đầu, để lên vai mọi người và bắt đầu từ từ theo chiêng trống mà tiến. Trung nâng cao hòm sắc, đội lên đầu, hai tay giang ra để giữ. Ông có nét mặt oai vệ. Đầu ông đội cả phẩm tước Ngài của vua ban kia mà. Ông đi từng bước, thong thả, mắt liếc bên nọ, bên kia. Rồi đám rước ra đến đường, ông vẫn đội hòm sắc, lên ngồi trên xe cao su. Người phu xe, ông bắt đội khăn, mặc áo thâm dài, buộc thắt lưng đỏ và quấn xà cạp đỏ.

Từ miếu về đình, đám rước đi mất hai mươi phút. Dưới ánh nắng chói lọi của mặt trời, trên trán mọi người đã rỏ từng giọt mồ hôi.

Lúc bấy giờ, Trung chỉ nghĩ đến sự nghi vệ của cờ, kiệu, trống chiêng. Thấy hai bên đường, người ta đứng rạp để nhìn và chắp tay suýt soạt vái hòm sắc, ông sung sướng vô hạn.

Nhưng Liễu thì hết sức khó chịu. Ông rất cáu tiết về tính khệnh khạng của thằng cha. Mọi năm ông Tú rước sắc thì đâu có nhố nhăng như thế này. Ông Tú đi bộ chứ

có đi xe đâu, mà chẳng bao giờ ông đội cả hòm sắc lẫn khăn đỏ lên đầu. Thật là tiểu nhân đắc chí.

Liễu chỉ mong bánh xe sì bơm cho bên địch phải một phen bẽ mặt.

Nhưng cuộc rước được bình yên. Trống cái và trống con đổ hồi. Tràng pháo nổ lẹt đẹt. Kiệu bát cống đặt giữa sân đình, cạnh thềm đá, Liễu lại vào việc.

Phường bát âm đi bài lưu thuỷ, Liễu nâng bát hương, tiến bước trên bậc thềm. Biết rằng Trung đi theo mình, nên ông tiến rất nhanh chóng. Hình như ông muốn rút ngay cái gai trước mắt đi vậy.

Đặt bát hương và hòm sắc lên bàn thờ, Trung và Liễu cùng ra, rồi cùng đứng ngang nhau, trên chiếc chiếu trắng, lạy tạ bốn lạy, rồi sang bực bên cạnh, ngồi nghỉ một lát để chờ tế.

VI

Tiếng xướng "khởi trình cổ" ề a, tiếng chiêng và bát âm nổi dậy.

Trung đứng chắp tay cạnh chiếu thứ nhất, nét mặt nghiêm chỉnh.

Tựu...vị...ị!

Theo tiếng xướng, mọi người thong thả, thứ bậc đứng và chiếu.

Đàn bà, trẻ con vây xung quanh để xem. Họ chú ý quá, đến nỗi các điệu bộ chân tay đều theo nhịp bát âm cả.

Người ta thì thào:

-Ông mệnh bái mọi năm lễ chiếu hoa. Ông mệnh bái năm nay lễ chiếu trắng. Người nữa nói:

-Trông ông ấy mũ áo, chẳng biết Người có buồn cười không, chứ tớ thì cứ phải cắn môi lại.

Lại người nữa nói:

-Ông ấy đường bệ chả kém gì cụ Tú mọi năm.

Họ còn bình phẩm từng nhân vật một, nhưng đại khái ai cũng chỉ trỏ ông chủ tế nhiều nhất. Vì mới năm nay, Trung đứng mệnh bái là lần đầu.

Để tai nghe những lời phê bình, nhất là Trung và Liễu. Bị chế nhạo, Trung như thấy bị chất lên đầu một gánh nặng. Ông bẽ bàng xấu hổ. Nhưng bỗng câu khen đến tai ông, ông lại như cởi tấm lòng, nhẹ bỗng. Liễu thì trái lại. Cho nên cả hai người, không ai được yên tâm chút nào.

Liễu vào chân đọc chúc. Ông đứng chờ cạnh đăng bày rượu tiến tước. Ông ngắm ông chủ tế bằng cả đôi mắt hằn học và cả một tấm lòng đố kỵ.

Thấy Trung vô ý đứng không được vào giữa chiếu, ông chẹc miệng ghé gần ông tây xướng:

-Thật là anh mán.

Rồi khi thấy Trung lễ dậy giẫm lên vạt áo thụng vướng xuýt ngã, Liễu bèn hai mắt long lên, tưởng chủ tế ngã, thì quyết ngả vạ.

Trông bộ mặt đáng ghét đắc chí của Trung, Liễu bỗng nẩy ra một ý nghĩ. Không thể để mãi sự nhố nhăng, lố bịch, có cái địa vị chướng mắt được. Ông phải bài trừ. Ông phải nhận trách nhiệm bài trừ. Ông phải ra tay bài trừ. Và trong giây phút, cả chương trình hành động vụt nẩy ra trong óc.

Bỗng ông nhăn nhó, cố gò lưng xuống để đứng khom khom. Rồi hai tay ông ôm bụng, xoa rối rít. Trương Đài đứng cạnh, hỏi:

-Làm sao thế, ông ký?

Liễu cắn răng, mãi mới đáp được:

-Tôi đau bụng quá. Ông hỏi ai có dầu cho tôi xin.

Rồi gượng một lát, ông lạng lạng, một tay ôm chặt lấy chân án thư, một tay vớ lấy vai Đài, nhưng yếu sức,

ông ngã nhè nhẹ xuống sân gạch.

Mọi người sợ hãi, xúm lại. Chủ tế, bồi tế, đông xướng, tây xướng, tuy không dám rời chỗ đứng. Nhưng ai cũng quên phút thành kính mà quay lại nhìn bệnh nhân.

-Tôi đau quá, giời ơi!

Rồi Liễu rên rỉ. Người ta vực ông dậy, nhưng ông oằn oài, chân tay rung nẩy lên.

-Các ông cho tôi nằm, kẻo đau lắm chết mất.

Tiếng xì xào mọi nơi:

-Hẳn là ông ký không thành kính, đến chậm trễ nên Ngài hành tội.

-Hay là Ngài không bằng lòng ông lý đứng mệnh bái.

Mặc những lời bàn tán, Liễu cứ kêu đau, vì ông có mục đích khác, ông nằn nì:

-Các ông cho vực tôi về nhà, không tôi chết mất, rồi tôi lễ tạ sau cũng được.

Thấy người đau đớn kịch liệt, ai cũng thương hại, nên phải theo lời yêu cầu. Song Quang ngăn:

-Không thể được. Trong khi tế, ông ký hãy phải ở đây.

Liễu thở phì phò, như bất tỉnh, và quằn quại. Sau hết, người ta phải khênh ông vào giải vũ, đặt ông ngồi tựa vào tường và cắt khán Thủ trông nom.

Từ lúc Liễu bắt đầu nổi bệnh đến bây giờ, sự tế lễ vẫn không ngừng.

Tiến tước xong tuần rượu sau, ông đông xướng khuỳnh tay, hô:

-Đọc chúc...ư!

Bỗng ai nấy sực nhớ ra. Người ta ngơ ngác nhìn nhau, rồi quay cả lại giải vũ: Việc đọc văn là việc ông thư ký.

Nhưng Liễu vẫn đang đau, có phần kịch liệt hơn ban nãy. Ông lăn lộn trên bục gạch, mê man nằm cả ra ngoài chiếu.

Thế thì làm thế nào? Ông thư ký thông thạo chữ nho, lại có giọng tốt, bao nhiêu năm nay vẫn giữ việc đọc chúc. Bây giờ bỗng ông phải nằm một xó. Nguy đấy. Ông mệnh bái nhìn ông thủ quỹ, rồi che tay lên miệng:

-Ông phủng chúc hộ.

Quang ngần ngừ, nhưng không thể từ chối việc không có gì là nặng nhọc. Quang sắp lại tay áo thụng, và kính cẩn lên mấy bậc thềm. Đến tiền án, ông giơ tay cho áo tụt xuống khỏi vướng, đoạn lùa qua cây đèn nến và giá gương để nắm lấy bản chúc. Nhưng vì không quen việc, nên ông lúng túng. Ông không biết đưa cái giá lềnh kềnh ấy ra đằng nào cho lọt. Mọi bận ông không để ý đến công việc này mà Liễu làm rất thành thạo. Bao nhiêu mắt trố lên nhìn để chờ, thì may quá, Tuý đã nhanh trí, đi rảo đến cạnh, nhấc cây nến ra để lấy chỗ cho ông nâng bản chúc.

Quang đỏ mặt, tiến tước xuống thềm, đến chiếu chủ tế, ông đứng cạnh Trung và đưa.

Song, công việc ông chưa hết. Ông mệnh bái nói khẽ:

-Ông đọc chúc hộ.

Quang chối:

-Tôi đọc thế nào được.

Và ông đông xướng xướng luôn:

-Quỵ...i!

Chủ tế không đáp, thong thả quỳ xuống chiếu.

-Giai quỵ...i!

Thấy mọi người quỳ, bất đắc dĩ Quang cũng phải theo. Ông đưa ông mệnh bái bản chúc và toan đứng dậy.

Biết Quang định chuồn, Trung vừa vái vừa nói nhỏ:

-Ông ở đây.

Rồi vội vàng ông đưa trả Quang. Thế là Trung buộc chết Quang vào một công việc nguy hiểm.

Nhưng bất đồ Quang không cầm:

-Ông đọc, tôi giọng xấu lại không đủ chữ.

-Tôi đứng mệnh bái, không đọc được.

Tất cả các chấp sự đều nghe rõ và hiểu cả sự lúng túng này. Ông đông xướng nhìn quanh để tìm một người, rồi gọi:

-Ông phó Thiếp vào văn đi vậy.

Thiếp xua tay, lè lưỡi, lắc đầu và tìm hướng lánh mặt.

Đám Nhã nhắc ông đông xướng:

-Hay ông vào.

-Tôi vào thế nào được.

Sự yên lặng trở nên nghiêm trọng. Chùng chình một lát, ông mệnh bái nói:

-Thử xem ông ký Liễu thế nào, nếu ông ấy đã đỡ thì mời ông ấy vào việc vậy.

Thế là không ai sai, nhưng Quang được dịp nghe lời ngay. Ông đặt chúc xuống chiếu, đứng dậy liền như người thoát nạn. Ông chạy sang giải vũ và khi thấy Liễu còn đau xoắn xuýt, ông chỉ đứng đấy để đưa tin lên:

-Ông ấy không thể ngồi dậy được.

Sự bối rối trở về với Trung. Không thể đùn cho ai được, ông phải nâng lấy giá chúc. Và cố nhiên ông đành liều. Ông nhìn tờ giấy chữ nho từ đầu đến cuối, rồi gật đầu gọi ông đồng xướng. Ông hỏi những chữ khó và nhẩm cho thuộc lòng. Muốn cẩn thận hơn ông ôn lại một lượt nữa.

Đoạn, khi yên trí rằng ông chủ tế đã đủ sức để đọc văn, ông đồng xướng xướng "đọc chúc". Trung đằng hắng mấy tiếng, giơ bản gỗ sơn son lên ngang mặt. Cả tay lẫn giọng ông run như cầy sấy.

Cạnh đó, Liễu đã khoẻ mạnh như thường, đứng lắng tai nghe từ bao giờ.

Kết cục, Trung làm cho làng không thể tha thứ mà không bắt vạ được. Một là những chữ ông thuộc, thì lại là "tác" đánh ra "tộ", hoặc là chữ dưới đọc lên chữ trên. Hai là đến duệ hiệu của Ngài, ông dám đọc to tướng và không vái. Trung cố cãi, nhất định cãi, lấy lý rằng không phải việc ông, nhưng ai nghe. Liễu trợn mắt khép án hùng hồn nhất:

-Đứng mệnh bái, ông phải biết chữ mới được chứ. Thế ngộ người đọc văn cũng vô học như ông, họ đọc bừa bừa đi, thì có chết không. Mà Ngài đã hành tội thì hành tội cả làng, cả làng sẽ bị khổ sở, chứ riêng gì ông. Tôi xin các cụ phải thẳng tay mới được.

Trung căm tức, nhưng không cãi nổi, vì cả làng về một bè. Cả làng về một bè, vì cả làng sẽ được chén. Ông lại xấu hổ nữa, vì bị ngả vạ vì tội dốt, dù cái dốt ấy chẳng ai lạ gì. Song, lần này nó thành tích và gây lên dư luận. Ông chết điếng.

Nhưng thực sự, mấy con lợn béo sẽ chết thay cho ông, vì ông phải mổ nó để tạ thần và tạ làng. Liễu đắc chí, nói chọc:

-Chỉ những loài vô học như loài lợn là thiệt thân mà thôi, vì chúng nó phải thế mạng cho chủ.

Rồi một lát, ông thêm:

-Loài vô học nọ chết thay cho loài vô học kia cũng thế.

Nói được câu sâu sắc, ông hả dạ cười khanh khách. Và trong khi đánh chén ở đình, ông dở đùa dở thật bảo Trung:

-Thế mà bố còn định ăn tiên chỉ để bố giết hại cả làng nữa kia!

VII

Thằng Mới đặt thủ lợn vào mâm đồng đậy lồng hàn. Nó đội lên đầu vừa đi được mấy bước, đã bị Liễu gọi giật lại:

-Mới!

-Dạ.

-Mày mang cái gì đi đâu đấy?

-Bẩm ông con mang thủ lợn đến đằng ông lý.

-Để làm gì?

-Bẩm biếu ạ.

Liễu khuỳnh hai tay cạnh sườn trợn mắt, hỏi:

-Ai bảo mày biếu ông lý?

-Bẩm ông thủ quỹ ạ.

Liễu hầm hầm quay lại, hỏi Quang:

-Ông thủ quỹ. Ông sai thằng Mới đem thủ lợn đến biếu ông lý phải không?

Trung đứng dậy mặt đỏ gay, sừng sộ trả lời thay hạn:

-Phải, lệ làng phải đấy.

Liễu quắc mắt:

-Lệ làng nào chứ lệ làng này không có cái lệ nhục nhã ấy.

Trung tiến mấy bước, hỏi:

-Ông bảo thế nào là nhục nhã. Lệ làng thế đấy. Ông là gì mà ông dám phá lệ làng!

-Lệ làng nào có cái lệ biếu lý trưởng thủ lợn.

-Tôi hỏi thế mọi năm lợn cúng thần rồi có biếu cụ Tú cái thủ hay không?

-Có, bởi vì cụ Tú là tiên chỉ, chứ ông là thứ bậc gì?

-Thế thì ông lầm to. Con lợn tế xong, dân làng chia nhau ăn uống, còn cái thủ thì kính ông mệnh bái. Năm nay tôi mệnh bái, tôi có quyền bắt làng phải biếu thủ lợn.

Mọi người nhao nhao, Tời cự:

-Làng thảo thì làng biếu, chứ ông bắt thế nào được.

Trung biết mình hớ, cuống quít, chối:

-Nào ai nói bắt.

Liễu trỏ tay:

-Thì ông vừa mới nói.

-Các ông nghe sai. Tôi chỉ nói, ai mệnh bái thì làng biếu cái thủ lợn. Giá ông đứng mệnh bái thì làng biếu ông ngay.

Liễu cãi:

-Không phải thế. Làng biếu ông mệnh bái mọi năm, vì ông mệnh bái là tiên chỉ. Vậy đó là làng biếu ông tiên chỉ chứ không phải biếu ông mệnh hái. Chính lệ làng như thế, chả tin ông giở khoán ra mà xem.

Trung tức quá:

-Ai chả biết ông lắm chữ, hơi tí thì giở khoán ra loè.

-Vậy thì các cụ đặt khoán làm gì?

Trung không cãi nữa, cáu tiết giục thằng Mới:

-Mới, mày cứ đi cho tao.

Liễu quát:

-Mới, mày đi thì mày chết với tao.

Hai người bắt đầu hăng, tiếng bàn tán xôn xao khắp các chiếu, Quang hỏi:

-Vậy ra trong mấy hôm làng tế này, làng vẫn phải biếu cụ Tú?

Liễu gật:

-Phải, cụ Tú mới mất, làng còn phải biếu cho đủ ba năm.

Tiếu ôn tồn giảng giải:

-Thế thì khí quá. Tôi tưởng thủ lợn hôm nay kính ông mệnh bái cũng được, còn thủ lợn ngày mai, hãy biếu cụ Tú. Giá ông đứng mệnh bái, tất ông được biếu, chứ sao.

Liễu lắc đầu:

-Tôi nhất định không nghe. Phải biếu cụ Tú cả.

Trung hùng hổ giơ nắm tay:

-Ông không nghe mặc ông. Thằng Mới cứ đi cho tao.

Liễu chật ngay chiếc khăn xếp ra, vứt bẹp rúm ró xuống sân đình:

-Tôi cứ không nghe. Ông làm gì tôi tốt.

Trung lại quát:

-Mới, mày cứ đi, tội vạ đâu tao chịu.

Thằng Mới không biết nghe ai. Nó vội vã đi. Biết thế nào cũng sinh to chuyện. Trung tiến ngay lại chỗ Liễu để thị uy. Nhưng Bút vội vàng ôm lấy Trung và thấy họ bênh nhau ra mặt, Quang cũng lại ôm lấy Liễu. Nhưng ông này nhanh chân, chạy bổ đến thằng Mới, giơ chân đạp nó một cái. Tức thì mâm rơi kêu loảng xoảng và thủ lợn bắn xuống thềm, rồi rơi từng bậc xuống sân, nằm chổng kềnh.

Trung thấy như chính mình bị đạp, xổ sang bên địch. Nhưng người ta đã nhanh tay, giữ ghì lại. Liễu kêu ầm ĩ:

-Giời ơi! Nó phá làng! Lý trưởng nó phá làng! Làng nước ơi!

Trung cố giằng ra, vùng vằng:

-Các ông cứ mặc tôi, lên quan phen này thì lên. Tôi đành mất lý trưởng với nó phen này.

Mọi người can:

-Thôi ông, ông nóng quá.

Liễu cầm chiếc guốc, trợn mắt trỏ mặt Trung:

-Mày lại đây.

Và vừa định xông lại, ông cũng bị người ta giữ.

-Thôi, tôi xin ông. Giữa chỗ thờ tự, phải tội chết.

-Các ông cứ mặc tôi. Đành tôi sống mái với nó phen này. Tôi không chịu. Chẳng có thì lên đến quan chứ.

Liễu kèn cựa, nhưng không được. Bỗng thấy cái cột đình ở cạnh, ông vật đầu đánh bốp vào, và ngã gục xuống, kêu:

-Ông liều với mày đây.

Mọi người sợ hãi, chạy lại. Trung vội vàng phân bua:

-Cả làng làm chứng cho tôi nhé. Nó phá lệ làng rồi

lại đập đầu ăn vạ đấy nhé.

Tư Bính tức:

-Nhưng tại làm sao, tại ai mới được chứ?

Người ta hết sức can:

-Thôi, ông Tư! Làng đang vào đám vui vẻ, để rồi ta thu xếp với nhau sau. Vả chỗ người lớn cả. Làm thế con em nó cười.

Trung quả quyết:

-Tôi không sợ ai cười. Rồi nó lên quan với tôi. Làng có Trung thì đừng có Liễu, mà có Liễu thì đừng có Trung. Nhất là việc này đến thượng thẩm, chứ tôi không chịu thiệt cái thủ lợn.

Tời muốn thu xếp cho yên, bèn len lén chạy ra máy thằng Mới:

-Mày cứ đội thủ lợn đi, nghĩa là cho ông lý trông thấy, nhưng mày giấu ở hậu cung ấy cho tao.

Rồi cụ đến Trung trỏ cho ông ta trông thấy. Cụ lại sán ngay cạnh Liễu, ghé vào tai:

-Nó cất vào hậu cung, chứ không đem biếu đâu, chả tin chốc nữa ông vào mà xem.

Mưu ấy quả có hiệu lực. Trung và Liễu nguôi giận tức thì. Hai người cùng tưởng thắng trận và cùng nhìn bên địch bằng vẻ mặt đầy kiêu ngạo.

VIII

-Đi kiện, thầy không nên cậy có lý. Phải, lý thì làm gì, một ông quan xử kiện mà phải tựa vào luật, là một ông quan kém.

Liễu gãi tai thở dài, đáp:

-Lạy quan lớn, như thế là anh lý chúng con xử ức chúng con quá. Mà cũng là cậy thế, khinh miệt cả làng.

Ông huyện cười, gật đầu, xua tay:

-Khoan, thầy vừa nói đến tiếng cậy thế, đúng lắm. Đó là thầy lịch duyệt rồi. Phải, lý trưởng có thể khinh miệt cả làng được, vì hắn cậy thế. Vậy sao cả làng thầy không cậy cái thế lực nào để khinh miệt lại hắn có được không. Nghề đời là vậy, người ta có chỗ bấu víu, mới dám làm bừa. Cho nên từ nãy đến giờ tôi vẫn khuyên thầy thôi, đừng kiện nữa, dĩ hoà vi quý. Mà cái vết thương thầy nại ra, chứ sao nó thế kia được.

Liễu ngây người, gãi tai:

-Lạy quan lớn, anh lý chúng con là tôi con quan lớn, chúng con cũng là tôi con quan lớn.

Quan lại gật đầu, ngọt ngào hơn nữa, dỗ dành:

-Hiểu rồi, nghĩa là thầy tưởng tôi không bênh thầy chứ gì. Nhưng mà, này thôi, cứ về đi, rồi tôi kiếm việc

khác làm ơn cho thầy. Không đâu mà thiệt.

Dứt lời, quan phụ mẫu lấy gói thuốc lá tím, giá mua là năm xu, rút ra một điếu, dập một đầu xuống hàn, ngậm lên miệng, rồi giơ cả gói mời Liễu. Liễu cảm động, khúm núm, chạy vội đến gần, đưa hai tay ra đỡ, nhưng không dám lấy, lại đặt trả xuống bàn. Quan hất hàm:

-Lấy một điếu mà hút.

Rồi ông đánh diêm châm cho ông, đoạn đưa quc còn đỏ cho Liễu. Liễu nâng diêm, dào dạt như muốn khóc.

Chưa bao giờ ông thấy quan tử tế như lần này.

Cuộn khói lên trắng toả trần nhà, đượm gian buồng một vị thơm tho thân mật.

Ông huyện đập nhón tay trỏ cho điếu thuốc lá rơi tàn, rồi nói:

-Tính thầy thẳng, nên thấy những cái gai mắt thì hay tức. Ấy, ngày trước tôi cũng thế. Nhưng đến bây giờ, tôi bị lăn lộn nhiều ở đời, thì những tính nghĩa hiệp ấy mất cả. Mà cũng vô lý lắm kia. Những việc không dính dáng gì đến mình, mình cũng bất bình, lăn lưng vào mà can thiệp, can thiệp một cách hăng hái.

Thấy Liễu hai mắt nhìn lừ đừ xuống đất, như một người đầy tin tưởng, quan tặc lưỡi, nói tiếp:

-Mà việc thầy định làm hôm nay cũng vậy, chứ khác gì. Lý trưởng tranh phần biếu, có thiệt quái gì thầy.

-Lạy quan lớn, nhưng mà...

-Không, tôi nói thiệt, là thiệt riêng của thầy kia! Lợn là lợn của làng mổ. Ăn thì thầy cũng đã ăn rồi. Mà miếng thủ có ngon hơn gì miếng khác. Ấy thế mà cũng sinh sự đánh nhau để đi kiện. Tôi chỉ muốn các thầy vui vẻ làm

việc với nhau để giúp tôi, đừng bới móc nhau ra, rồi con em nó cười. Vả lại, thầy cũng như thầy lý, tôi biết coi ai hơn ai, xử cho ai được, ai thua. Cho nên tôi can thầy, thầy nên nghe tôi là phải.

-Lạy quan lớn thương chúng con, xin quan lớn cứ công minh mà xử. Dù ai được, ai thua, con chắc chúng con cũng không chịu ở toà sơ cấp này. Chúng con theo nhau đến toà án tỉnh, đến toà thượng thẩm.

Quan cười, gật đầu:

-Được rồi, tôi hiểu. Các thầy đều giàu, cho nên nhất định không nhìn nhau. Việc ấy là việc riêng mà cũng là quyền của các thầy, cái đó đáng nhẽ tôi không nên khuyên can thì phải. Nhưng tôi hãy hỏi, khi việc lên đến tỉnh, các thầy có dám vào thẳng cụ chánh án mà khấn hay không. Liệu cụ có tin các thầy mà nhận lời hay không. Cụ rất đa nghi. Nên hễ ai vào mà không có người thân tín đưa, cụ ngờ ngay là mật thám. Chính cụ thường nói bất cứ giờ nào, sở mật thám cũng có thể bắt quả tang tất cả quan trường nước Nam này về tội hối lộ. Như thế tất thầy phải cậy đến tôi đưa vào hầu cụ. Nhỡ ngộ thầy lý cũng cậy tôi, thì tôi biết nhận ai, từ chối ai, thầy phải tránh cho tôi sự khó nghĩ ấy mới được.

-Bẩm nếu như thế cụ chánh án cứ công minh, rồi chúng con lên thượng thẩm.

-Ôi! Lúc ấy thì tiền húc nhau với tiền, chứ đừng nói gì đến pháp luật nữa. Thầy phải hiểu rằng pháp luật có chân, nó biết đi, chứ nó không đứng yên đâu. Từ nãy, thầy vẫn tin pháp luật quá. Nhưng pháp luật có đến hàng vạn điều, điều này dựa vào điều nọ, nên một ông quan toà muốn gỡ tội cho ai, có khó gì. Rồi kết cục, tiền mất mà việc không được, thầy mới hối là đã dại, không nghe tôi.

Liễu trầm ngâm, thở dài. Quan tiếp:

-Cho nên thà thu xếp yên ấm ngay từ lúc đầu cho đỡ bị mang tiếng còn hơn.

Liễu ngẫm nghĩ một lát, rồi nói:

-Lạy quan lớn, quan lớn thương chúng con, dạy thế, chúng con xin vâng lời.

Quan cười, gật gù, đắc chí nói:

-Phải, như thế là thầy biết điều lắm. Tôi tin rằng thế nào thầy cũng nghe ra. Người nóng nẩy đến đâu cũng có lúc hiểu lẽ phải. Thầy thì tốt bụng, làm việc này, chẳng qua như rửa mặt hộ làng. Coi việc làng như việc riêng của mình nên nhất quyết thầy bỏ tiền ra để theo kiện. Ôi còn việc này nữa...

Vừa nói, ông vừa cầm tập giấy bạc để trên bàn:

-Thầy định khấn tôi bao nhiêu đây?

Rồi đếm bằng mắt, ông tiếp:

-Năm chục, thôi được, tuy việc không phải dùng đến tiền, nhưng tôi hãy cứ nhận, cũng như tôi tạm vay thầy, để việc sau.

Rồi bỏ ngoén tiền vào túi và như muốn xí xoá, ông hớn hở cười:

-Tháng này tôi cũng túng.

Liễu gãi tai:

-Dạ.

-Vả lại những lời tôi khuyên can, cũng đáng mấy ngần này. Nếu không nghe tôi thì việc dây dưa ra. Mỗi thầy lại mất không hàng nghìn à.

Liễu tiếc tiền nói:

-Dạ, chúng con tôi con quan lớn thì mấy chúng con cũng không oán thán, nhưng việc này con phải, anh lý con trái, mà anh lý con không tốn kém gì.

Ông huyện cười:

-Ồ, thầy đừng hậm hực nữa. Rồi tôi bắt lý trưởng phải lễ tôi đúng một trăm, kém không được.

Liễu tươi tỉnh, như được kiện, sung sướng đáp:

-Dạ, không có thì, bẩm quan lớn tha tội cho con, con tức lắm.

-Phải, lúc nào tôi chả công bình, bao giờ tôi coi lý trưởng hơn thầy được.

Không còn việc gì nữa, ký Liễu hể hả vái chào quan rồi lùi ra.

IX

Trung mấy hôm nay không ra khỏi ngõ. Ông phải luôn có mặt ở nhà để tiếp các người đến hỏi han công việc. Ông đắc chí, vì đang trả thù ký Liễu một vố đau.

Nguyên từ hôm ông huyện bắt phải mang nộp đủ trăm bạc, để đền công ông đã dỗ dành Liễu thôi không kiện nữa, thì Trung lại được quan bảo cho biết rằng Liễu đã xin ra chánh hội và đã được nhận lời.

Nhưng Trung không thể chịu đựng được điều uất ức ấy.

Liễu làm nổi chánh hội, tất thế nào chức tiên chỉ rồi ra cũng phải tranh nhau. Vậy ông nên dập ngay đi từ đầu, nghĩa là phá. Cho nên ông xui xã Tuý ra tranh. Được thì càng hay chẳng được thì ông cũng sung sướng vì đã làm cho Liễu lệch nghiệp. Mà khi có ít tiền, người ta không dám mạnh bạo nữa.

Nghĩa là người ta phải tự nhụt đi.

Trung quả quyết bảo với Tuý:

-Ông cứ ra, tốn kém bao nhiêu, tôi xin chịu. Ở trong làng, lý trưởng, chánh hội có ăn cánh với nhau, làm việc mới mong có lợi cho cả đôi bên. Chứ để ký Liễu lên chánh hội, chỉ giữ miếng nhau, còn thú nỗi gì.

Thế là ông đưa trăm bạc cho bạn, bắt ông này giao thiệp thết đãi những tộc biểu khác để lấy vây cánh. Còn ông, ông đứng làm quân sư. Cho nên, cần lắm ông mới lên huyện để vấn kế cụ Thừa Sinh, còn hàng ngày ông phải ở nhà, vì vụt một cái, Tuý lại cho người đến hỏi ý kiến.

Lúc ấy, chừng vào một giờ chiều, Trung đang lim dim nằm ngửa, vén đùi cạnh bàn đèn vắt tay lên trán. Rồi lơ mơ, ông nói:

-Nếu thế thì tôi phải xin quan mời cụ Sứ về chứng kiến một cuộc bầu cử mới được.

Rồi mở choàng mắt ra, ông ngơ ngác:

-Ừ, đâu rồi?

Đoạn ngồi nhổm dậy, ông gọi:

-Cúc ơi!

-Dạ.

Một đứa ở gái lên, đứng ở bậu cửa, ông hỏi:

-Cụ Nhất đâu?

-Thưa cháu thấy cụ ấy ra cổng từ nãy.

Ông cuống quýt hỏi:

-Cụ ấy ra cổng làm gì, thế cụ ấy có bảo gì mày không?

-Cháu không biết, lúc ấy cháu ở dưới bếp.

Trung nhăn nhó:

-Mày thử hỏi bà lý xem nào. Để sổng cụ này thì rầy rà to. Tao đã nói gần rồi.

Bà lý ở hè nhà trên đáp:

-Cụ ấy bảo về một tý rồi đến ngay mà.

Trung cau có:

-Khỉ quá, cụ ấy lại đến nhà ký Liễu mất rồi.

Rồi ông lẩm bẩm:

-Hay là ký Liễu cho ông cụ đến đây thám chăng.

Nghĩ ngợi một lúc, ông bảo Cúc:

-Mày đến ngay nhà cụ Nhất nhé, mời cụ đến chơi ngay, cứ bảo tao nói có việc gì cần ấy.

Trung mở chụp đèn, lấy kéo rút bấc đèn lên, rồi tháo tẩu ra, lấy móc nạo quèn quẹt.

Bà lý muốn chừng nghe tiếng nạo, phàn nàn:

-Chả biết hơi đâu mà thế! Phần được người ta nắm chắc trong tay, thành ra ở giữa vừa mất tiền, vừa không khéo lại đèo thêm cái nghiện.

Trung vênh váo cãi:

-Nghiện được cũng còn khó. Nếu nghiện thì lớp chữa đình tôi đã nghiện rồi. Người ta ăn chơi ăn bời để tiếp khách mà cũng kêu ra kêu vào.

-Chứ lại chả kêu, ai đời lại vận của nhà đi cho người khác làm chánh hội bao giờ.

-Chà, đàn bà biết gì?

Độ nửa giờ sau, cụ Tời đến. Trung mừng rỡ nói:

-Cụ đi đâu thế, tôi cho nó mời đấy mà.

Tời ngồi vớ cái gối, nằm ngả xuống, đáp:

-À, tôi có về nhà đâu.

Nghi ngờ, Trung bắt nọn.

-Cụ lại đến đằng ông ký chứ gì, tôi đã xin cụ rồi cơ mà.

Thản nhiên, Tời cười:

-Thì cũng phải đảo qua loa lại đằng ấy một tý, nghĩa là cũng như tôi hay chạy lại đằng ông xã Tuý, hay lại đây ấy mà!

Rồi gãi bụng, Tời nhăn nhó:

-Đến khổ, tôi cũng duyên nợ gì với các ông hay sao, ông nào cũng giữ, mất cả tự do.

-Thế là người ta quý cụ, chứ như người khác thì người ta giữ làm gì.

Trung tiêm xong, đưa xe lại đằng Tời:

-Điếu này vừa vặn, cụ xơi đi.

Tời gạt ra, nói:

-Thôi, mời ông, tôi say quá rồi, đâm ngứa ngáy cả người.

Trung trách:

-Cụ lại hút ở đằng ký Liễu.

-Thì chả nhẽ người ta chèo kéo, ông tính sao. Tôi năng đi lại với ông mười phần, tôi cũng phải vờ đảo qua đằng ấy năm phần, nghĩa là cho người ta khỏi nghi ngờ chứ.

Trung hỏi dò:

-Đằng ấy có những ai?

-Tôi có nhìn đâu. Tôi thấy đông nghìn nghịt. Đang sắp chén thì tôi về.

-Hình như con sen, con đào hát ở đấy phải không?

-Phải.

Trung bĩu môi:

-Những con ấy thì hát thế nào được. Đấy, hôm qua, chúng nó hát nhà ông Tuý, nhưng tôi phải đi, bảo ông ấy đón bọn ở Ngã Tư Sở, nhân một việc cô đầu, cụ thử ngẫm mà xem, có phải ông Liễu khó chơi hay không. Ông ấy ra chánh hội, cần phải thết bạn bè ăn uống, hát xướng, thế mà hát thì gọi cô đầu tồi ở nhà quê, ăn uống thì nghe đâu hôm qua mổ lợn lại không có tiết canh.

-Tôi cũng thấy người ta nói thế.

Trung trợn mắt:

-Mổ lợn toi cho người ta ăn, có ngày thì oan gia đấy, cụ ạ. Ông ấy có tiền mà kiệt lạ. Cụ xem, lắm chữ, lắm nghĩa làm gì. Người ta cốt nhất sự ăn ở. Ông ấy ăn ở như thế, rồi mà làm chánh hội, thì tha hồ nát làng. Tôi sở dĩ giục ông Tuý ra phen này, cũng là muốn tránh cho làng một cái vạ. Tôi thì dốt nát thật. Ông Tuý thì ít chữ nghĩa thật, nhưng không bao giờ dám mổ lợn toi để thết khách.

Tời nghênh cái hến cho Trung hiểu ý. Vừa hết sức nói xấu bên địch, chẳng lẽ Trung làm lơ, nên phải gọi:

-Cúc!

Trung sai nó đi mua thêm thuốc, và nạo lần sái sản đi.

Một lát, Tời vớ cái điếu, thông bã, rồi rặt thuốc. Nhưng không lấy đóm để châm lửa ở đèn, cụ móc túi, lấy bao diêm, cố ý ấn mạnh lòng, để lòi tờ giấy năm đồng. Nhưng khi giấy bạc bật ra ngoài, cụ vờ vội vàng giấu đi. Trung thoáng trông thấy, bèn khen:

-Chà, cụ giầu nhỉ.

-Ồ, tôi vay đằng kia ấy mà.

Trung hiểu ngay, hỏi:

-Chỗ bà con, xin cụ đừng giấu. Có phải tiền này cụ lấy của ông Liễu không?

Tời cười, chối:

-Không.

-Thế cụ vay ở đâu.

-Ở đằng kia.

Trung không chịu được lối úp mở, nói:

-Thế cụ thề đi nào.

Tời lại cười:

-Tôi không thề.

-Thôi thế là đích rồi. Cụ tiêu tiền ông Liễu. Như thế tôi giận đấy, cụ ạ.

Tời thấy đã đến lúc nên nói thực, bèn thú:

-Nghĩa là, chẳng giấu gì ông, ông ấy cứ ấn vào tay, chả lẽ làm thế nào. Mà lần này là lần thứ ba. Vị chi ông ấy đưa tôi mười lăm đồng.

Trung cau mặt:

-Cụ nhận làm gì?

Tời tặc lưỡi:

-Túng thì làm liều. Tôi chót cầm lần đầu để trang trải nợ nhà khán Uy.

-Thế ông Tuý chưa nói gì với cụ về việc này à?

Tời ngơ ngác:

-Chuyện gì?

-Chết thật, chậm chạp thế đấy. Tôi đã bảo ông ấy rằng nếu đã xoay ra mua phiếu, thì bên kia bao nhiêu thì mình cũng bấy nhiêu cơ mà.

-Thế thì tôi không thấy ông Tuý nói gì cả. Hay là ông Tuý chưa biết chăng. Vì ông Liễu dặn mọi người giấu hộ.

Trung nhỏm người dậy, sung sướng, dặn:

-Thế à? Vậy cụ đừng để ông ấy biết rằng tôi cũng rõ nhé.

Tời xua tay:

-Ờ, đời nào. Nghĩa là tôi chứ ai đâu mà ông phải bảo.

-Việc bầu này có lẽ quan phải về chứng kiến, cụ ạ.

Nói đoạn, Trung xỏ chân vào guốc, lên nhà trên. Tời biết ý, nhìn theo, tủm tỉm cười.

Qủa nhiên, khi xuống nhà khách, Trung cầm bốn tờ giấy năm đồng và nằn nì:

-Cụ lấy làm gì cái tiền bẩn thỉu ấy. Đem lại quẳng vào mặt hắn ấy, cụ muốn tiêu thì đây, lấy ở tôi có hơn không?

Tời vờ từ chối:

-Thôi, nghĩa là chỗ anh em, ông đừng làm thế. Nghĩa là mặt mũi nào tôi nhận bầu cho ông Tuý lại lấy tiền của ông.

-Không, cụ cứ cầm đi cho tôi yên lòng. Ông Tuý chậm chạp, nên đã sơ ý chỗ này, vậy cụ đừng nên trách ông ấy. Cụ cứ ở tôi.

Tời càng vờ từ chối:

-Không mà. Thế ông coi tôi là gì?

-Cụ không cầm thì tôi không nghe đâu.

Nói đoạn Trung lại gần, cố ấn giấy bạc vào túi Tời. Tời làm như muốn chạy, nhưng nhất định lúng túng ở đôi

guốc. Xong việc hối lộ, Trung hể hả nói:

-Chiều nay, thế nào cụ cũng lại ông Tuý xơi rượu, nghe hát nhé. Tôi chắc cụ được vừa lòng bằng mấy đằng ông Liễu.

Tời thân mật, đáp:

-Tôi thì nể ông quá, mà cầm tiền của ông, cứ ngường ngượng là. Mà không cầm thì sợ ông không bằng lòng, lại nghi tôi về hè ông Liễu. Anh em mình có bao giờ bỏ nhau!

Trung gật đầu:

-Ấy thật đấy. Cụ có cầm cho như thế, tôi mới yên tâm. Chứ trước kia, chẳng giấu gì, quả anh em cũng nghi nhau thật.

Tời cười:

-Được lòng đằng nọ thì mất lòng đằng kia. Ngày ông ra lý trưởng cũng vậy, nghĩa là tôi cứ phải bầu cho phó Uy, mà tôi có lấy của hắn đồng nào, tôi cứ chết tiệt.

-Tôi biết cụ hay cả nể. Bởi sợ hắn hơi có họ ngoại với cụ, nên độ ấy tôi không có ý giữ. Song, bây giờ, cụ đứng trung lập. Ai chiêu đãi tử tế, thì cụ bầu cho người ấy. Vả cụ tính, ở đời, mình có quyền đi bầu, tội gì không hưởng. Thằng nào đi bầu mà không biết nhân cơ hội để rượu chè phiện phò, gái đĩ tiền nong, là thằng ấy dại. Chọn người đủ tư cách để làm gì, để nhịn đói à? Đan cứ việc bầu chánh hội làng ta thì rõ. Cụ có công tâm, thấy ký Liễu với xã Tuý tranh nhau, cụ chọn người, rồi bầu cho ký Liễu. Nếu cụ chân chính thì mất công đi bỏ phiếu. Nếu cụ được hắn mời, thì phải ăn thịt lợn toi, nghe cô đầu tối, uống rượu pha nước. Chi bằng cụ bầu phăng cho xã Tuý.

-Ấy, tôi vẫn định thế. Mà ông nên biết bụng cho tôi, là nhiều lần tôi còn khuyên ông thư ký nên nhường cho ông xã, để đến khoá sau hẵng ra, và nếu nhất định ông ta cứ ra, thì nên đến nói với ông Tuý một tiếng và chồng đền vài trăm phí tổn, cho đỡ tốn kém khoản khác, chỉ béo ông quan.

Trung lắc đầu:

-Nói phải có ai nghe! Kể ra đằng này cũng chưa tốn đến vài trăm. Nhưng nếu phải mua phiếu, thì mấy tôi cũng cho ông Tuý theo.

-Tôi nghe quan bệnh ông Liễu hơn.

-Bệnh thì làm gì! Việc bầu chánh hội nào có phải như việc bầu lý trưởng mà bảo ông quan có quyền. Và ông ấy bệnh gì ai. Ai nhiều tiền là mua được lòng ông ấy. Rồi cụ xem, quan bệnh ai.

Bỗng có tiếng chuông kêu ở cây cau, mấy con chó sủa vang. Thằng Mới vừa khua roi vừa tiến vào. Nó ghếch chân lên bậu cửa, nói:

-Bẩm hai cụ, ông xã cho mời hai cụ lại chơi.

Trung hỏi:

-Đằng ấy đông chưa? Có những ai?

-Bẩm, thiếu ông quản Như.

Tời trách:

-Tôi vừa thấy ông quản ở đằng ông ký Liễu.

Trung vật mình, vật đầu, vật tai:

-Thôi chết rồi, thế là lại mất một người. Làm ăn bậy quá!

Rồi vội vàng ông vớ khăn áo, rủ Tời cùng đi.

X

Buộc ngựa ở cây găng, Trung bấm đèn pin rẽ về phía trại lệ. Ông có thể vào tuột nhà tư để hầu quan như mọi bận, khi có việc cần và kín. Nhưng lần này, ông cần hỏi dò đội lệ, xem ý quan về việc chánh hội làng ông ra làm sao. Bởi vì cứ những tin ông lượm được, thì quan ưng cho ký Liễu.

Nhưng chẳng may đội lệ đi vắng. Trung vòng sân nhà tư, xuống bếp để nhờ người lính nhà chè vào bẩm cho. Ông phải giữ gìn thế, vì ông biết quan phụ mẫu nghiện hút và muốn giấu rất kín.

Trung chờ độ mươi phút, thì được vào buồng trong.

Ông ngửi thấy mùi khói thuốc phiện vẫn còn thơm lừng, và trông thấy đầu ngón tay cái và ngón tay trỏ của quan đen thủi.

Sau khi mở đầu bằng những câu tha thiết để gợi tình cảm quan phụ mẫu, Trung mới vào đến việc chính. Rồi khi thấy quan cứ lẳng lặng nghe ông mới dám thưa:

-Bẩm lạy quan lớn, cho nên con phải dàn xếp để tên Tuý ra, vì tên Liễu, tiếng rằng có chữ nghĩa thực nhưng lạy quan lớn...

Trung im lặng để nghĩ tội Liễu, xong vì trí khôn

không nhanh nhẹn, nên bất đắc dĩ phải nói:

-Nhưng bẩm sao bằng được tên Tuý.

Quan cau mặt:

-Sao lại không bằng? Đây tôi nói thực, nghĩa là làng thấy bầu ai thì bầu. Bầu được người giỏi thì hay cho làng, bầu phải người dở thì làng phải chịu. Chứ hay dở, tôi đây mặc kệ. Nhưng thầy phải biết rằng người nào đến nhờ tôi, ắt rằng tôi bênh.

Trung gãi tai:

-Lạy quan lớn, quan lớn là cha mẹ cả dân. Đã muốn ra làm việc, ai khỏi được tay quan lớn tác thành. Nhưng phải cái tên Tuý chậm chạp rút rát quá, con giục mấy lần đem đầu vào kêu quan lớn rồi hãy đầu đơn, thế mà nó cứ sợ không dám vào.

Quan bĩu môi:

-Mạnh vì gạo, bạo vì tiền. Cả nước An Nam này còn ai lạ gì đứa nào có tiền, vào cửa quan lúc nào không lọt. Nhưng tôi bảo cho thầy biết, thầy đừng giấu tôi nữa. Thầy làm thầy cho tên Tuý. Thầy lo trên tỉnh, thầy muốn vượt cả tôi. Để tôi cho thầy hiểu đâu là mạnh.

Trung tái mặt:

-Lạy quan lớn, đó là quan lớn nghe người ta kêu man. Chắc là tên Liễu thù tên Tuý, nên mới đặt điều ra thế, chứ xưa nay, con là thần tử quan lớn, lẽ nào con dám thế.

Quan gắt:

-Thầy đừng chối. Và giờ cả cái hồn thầy. Rồi xong việc bầu chánh hội, thầy sẽ biết tay tôi. Tôi bảo trước cho mà liệu.

Trung run lên:

-Lạy quan lớn xét tình cho chúng con oan. Nếu con có bụng nào, con xin quan lớn cứ chém cổ con đi.

Quan cười khỉnh. Trung tiếp:

-Bẩm ngày đầu năm việc hàng huyện hỗn với quan lớn, chúng con có dám ký vào đơn đâu.

Tức khắc quan dịu ngay nét mặt. Ông nhớ ngay cái việc ghê gớm mà chánh, phó tổng lý trưởng trong hạt kiện ông. Ông ôn tồn, nói:

-Tôi cũng biết bụng thầy, nhưng tôi đã hứa với thằng Liễu rồi.

Trung bần thần, cúi mặt xuống, rồi sẽ gần lại bàn nói nhỏ. Mỗi khi Trung dứt câu, quan lại gật một cái rồi sau hết, ngài tươi tỉnh đáp:

-Ừ, thầy phải biết rằng tôi đã bênh ai, quyết nhiên người ấy phải được. Nếu không tôi làm quan làm gì. Giáp hoặc có người tôi bênh mà hỏng, thì hãy hỏi cái thằng nó không lo cậy tôi có chắc được yên với tôi không. Ngày tôi tri huyện Yên Mỹ cũng thế, có việc tranh nhau lý trưởng. Thằng Tô cậy thế cụ Tuần, khấu đầu năm trăm. Tôi bảo nó chỉ khấu tôi ba trăm tôi sẽ xin cho thôi bổ, và cấm không cho ai tranh nữa. Nhưng nó đâu có họ hàng xa gần gì với Nghị Lại nên bị thằng Nghị xui dại, nhất định cứ lo trên tỉnh. Tôi biết vậy, xui người ra tranh, ra tranh cho thằng Tô tốn kém mà thôi, chứ tôi chắc rằng thằng Nghị không dám để thằng Tô thua vì sợ mất tiếng. Rồi hai bên tranh nhau kịch liệt quá, đến nỗi cụ Tuần phải viết riêng cho tôi cái giấy, nhờ tôi thu xếp cho yên chuyện để thằng Tô ra. Tôi biết thằng này đã nát ruột lắm, và hình như nó có lễ thêm cụ Tuần hai trăm nữa thì

phải. Vì có chữ cụ Tuần nên tôi phải tuân. Rồi thằng Tô được làm lý trưởng, nó tạ tôi hai chục. Thầy bảo tôi lấy cái hai chục ấy làm thèm vào à? Tôi để cho thằng Tô làm vừa nửa tháng mới xoay cho một vố. Tôi trị cho trong một tháng, hết việc nọ đến việc kia, cụ Tuần cũng chẳng bênh nổi. Nó phải nhờ người nói mãi và tướn bạc đến van lạy xin tôi lấy. Thôi, lúc ấy tôi tha hồ. Tôi móc cho đủ bảy trăm, ngang với số nó lo cụ Tuần. Đấy, chả tin, bây giờ thầy về Hưng Yên hỏi xem, việc ấy hiện nay người ta vẫn còn nói cả, mà ai cũng phải phục tôi là cứng.

Trung chắp tay đáp:

-Dạ.

Ông huyện sung sướng, nói thêm:

-Mà làm quan không cứng, có phải người dưới nó nhờn không?

Trung gãi tai:

-Lạy quan lớn, còn như tên Tuý là nó hiền lành rút rát quá, chứ không phải dám hỗn xấc.

Quan gật đầu:

-Tôi hiểu.

Rồi ngài thân mật hỏi:

-Thế ngài mang lên bao nhiêu đấy?

-Bẩm cũng như tên Liễu đã khấn quan lớn.

-Ba trăm à?

Trung giật mình, không biết mình đã dò sai tin, hay quan lớn nói hớn lên một trăm:

-Bẩm quan lớn, con nghe nói tên Liễu khấn quan lớn hai trăm.

Quan cười, lắc đầu:

-Không, ba chứ sao lại hai. Chức chánh hội chứ cái gì mà rẻ được.

-Lạy quan lớn, thế đây con mới mang có hai, vì con tưởng chỉ có thế.

Quan giơ tay ra, nói:

-Được, hãy cứ đưa đây, cũng như thầy nhờ tôi giữ hộ. Rồi thầy đem nốt lên sau. Hai bên tôi cũng nể cả. Rồi hai người cùng làm được chánh hội.

Trung ngớ mặt, không hiểu, nhưng cũng phải đưa cái phong bì dày cho quan. Thấy lời hứa mập mờ, ông biết ngay là việc hỏng, và món tiền hai trăm không khéo thì mất tăm. Vốn ông rõ ông huyện lắm. Bất cứ tiền nào ngài cũng cầm. Được việc cho người ta thì ngài ăn, mà hỏng việc thì ngài bảo là giữ hộ để trừ vào việc sau. Ai không đòi thì mất, mà đòi lắm, ngài chơi cho một việc rồi hẹn gỡ cho. Thế là xí xoá món tiền. Xưa nay ai không lạ gì lối lừa dối ấy và Trung cũng hiểu rằng thò tiền cho ngài trông thấy tất ngài cầm. Mà ngài cầm, là mất. Trung đã thuộc cái đòn ấy, và đã hết sức giữ miếng. Nhưng không hiểu sao, ông còn mắc mưu mà phun rằng mình có hai trăm trong lưng.

Sau khi được vài câu hứa không lấy gì làm chắc chắn, Trung vái chào quan lui ra.

Ông căm hờn, lấy ngựa phi về.

Ông dằn đo, đành bỏ thêm trăm nữa để được việc, còn hơn mất toi món tiền.

Song, nếu có phải Liễu mới mất cho quan có hai trăm thực, thì là một điều may cho Trung. Ngài sẽ ngả về người có số ba trăm, và hai trăm của Liễu sẽ bị biệt tích.

Với một trăm bạc nữa, Trung có thể vừa được việc, vừa cho Liễu một vố cay, thì tội gì không làm.

XI

Tin Trung lên huyện và khấn ba trăm không giấu được Liễu quá sáu tiếng đồng hồ.

Khi có người báo đến tai Liễu, Liễu hoảng hồn nhờ Bút chạy vọt ra huyện và đưa vào túi quan thêm hai trăm nữa là bốn. Vì trước kia ông mới khấn có hai trăm.

Ấy thế mà ông Liễu vẫn lo ngay ngáy.

Ở trong làng, ông đã mua chuộc được lòng anh em rồi. Với số hai mươi nhăm đồng một phiếu mà ông cho rằng đối phương không thể theo, ông không được an tâm nữa. Ông lo cho quan. Quan này thế nào, đố ai dò được bụng. Ông ấy tử tế, hẹn hò chắc chắn với bên này, nhưng ông ấy cũng tử tế hẹn hò chắc chắn với cả bên kia. Với những người ấy, lời hẹn hò không thành chắc chắn nữa. Cho nên dù thắng phiếu mười mươi, Liễu chưa dám quả quyết chức chánh hội về nổi tay mình. Ông huyện có thể nêu bên kia khấn nhiều hơn, dùng một tờ giấy, một câu bẩm bí, bảo ông là một tay ghê gớm để xí xoá cuộc bầu cử, hoặc bác chức chánh hội tình nghi đi.

Liễu ngơm ngớp sợ mất tiền toi. Ông luôn luôn cho người về phe Tuý để thám, và cắt người ngày đêm ở trên huyện, để thấy có gì khác là phải báo ngay.

Lối vận động ấy rất có ích. Vì nó đem lại cho Liễu sự đắc thắng.

Liễu được làm chánh hội, gần khắp mặt tộc bỏ phiếu cho. Có quan huyện về chứng kiến và ký tên vào biên bản.

Thế là tiếng pháo bắt đầu nổ. Lợn, bò chết. Và việc khao linh đình, cả làng được mời.

Nhưng Trung không thể chịu nổi sự nhục nhã.

Hút xong điếu sái bao, ông nằm ngửa, vắt chân chữ ngũ, lim dim mắt, cánh tay để lên trán.

Ông tiếc món tiền hơn bốn trăm, bỗng không bỏ ra cho Tuý, một người quá bất lực. Ông thở dài và càu nhàu một mình. Ông tự tìm nguyên nhân sự thất bại, và kết luận phàm công việc gì cũng không nên cho đàn bà dây vào. Chính vợ ông đã mè nheo ông nhiều quá, từ khi bà biết ông định bỏ tiền ra đưa Tuý ra tranh chánh hội. Thành thử muốn tránh ỉ eo, ông không dám bạo tay. Nếu không có sự cản trở của người đàn bà lắm điều, ông quyết vung tiền nữa ra để khấn quan, để mua phiếu và để thết đãi các bạn. Thì sao Tuý đến nỗi thua!

Bây giờ, thấy tiền mất việc hỏng, vợ ông càng dày vò. Mà ông biết nói thế nào được. Ông bị đau đớn và xấu hổ, hai hôm nay không dám ra ngoài đường. Lắm lúc ông muốn đến chỗ bà con thân mật để than thở cho đỡ uất ức trong bụng, và tránh mặt vợ con. Nhưng khốn lắm, ông lại sợ làng nước chê cười. Cho nên, muốn giải buồn, ông đành dùng điếu thuốc sái, vì như ông quả quyết, nếu nghiện thì đã nghiện ngay ngày làng chữa đình rồi.

Bực cho Trung hơn nữa, là tiếng pháo nhà Liễu cứ vang khắp làng. Nó cứ đập vào màng tai, ông không

muốn nghe cũng không thể được. Mà nhất là sáng nay khi đương ngủ say để quên việc đời, ông bị con đánh thức. Nó đưa khẩu trầu, nói rằng của Liễu khao chánh hội, mời ông trưa mai đến ăn cỗ.

Ăn cỗ. Lúc ấy ông mới rõ "miếng thực là miếng nhục" Ông có thể đến chè chén phiện phò ở bất cứ nhà nào họ mời ông. Nhưng đám này thì các vàng ông cũng không thèm để chân tới. Đến để nghe người ta khấy, để trông thấy kẻ kia lên mặt, thì đến làm gì.

Bỗng Trung bừng mắt dậy, và quả quyết vùng một cái, ông nằm nghiêng, vớ lấy cái tiêm.

Ông chọc điếu sái, đúng vào hến và hơ lên đèn. Điếu thuốc sùi sùi nở to, phì những tia khói thơm tho, Trung giương to đôi mắt để nhìn, rồi vui vẻ, quên hặt hết mọi sự.

Hút xong điếu thuốc, Trung nhỏm dậy, rút ấm nước chè hạt trong giỏ mây nóng hôi hổi, mút một hớp nhỏ, thở phì chỗ khói không nuốt hết, rồi vén đùi để gãi sồn sột.

Bỗng ông lẩm bẩm:

-Mẹ kiếp, được!

Rồi gọi:

-U nó có dưới nhà không?

Bà lý lững thững lên, ngồi ghé vào ghế ngựa, hỏi:

-Thầy nó bảo gì?

Trung ngồi dậy nói:

-Phải thế mới được, u nó ạ.

Người đàn bà ngơ ngác, hỏi học:

-Cái gì mà được với chẳng không!

Trung cười:

-Ôn tồn mà nghe, tôi bảo, u nó ạ, những ai còn nợ u nó nhỉ?

Bà lý cau mặt:

-Nợ thì làm gì, dễ thường thấy nó đi lấy về để tiêu chắc. Ông chánh hội trước nợ tôi hơn bốn trăm, có đòi thì đòi món ấy trước.

Trung cau có:

-Thôi, đừng nói lôi thôi nữa, tôi muốn bàn với u nó việc này.

-Bây giờ thấy nó mới bàn, sao trước chả thấy nói bàn.

-Không, tôi bàn là bàn việc thằng kia ăn khao ấy mà.

-Thì được làm chánh hội, người ta khao, việc gì đến mình.

Trung thấy vợ cứ đay nghiến hoài bèn ôn tồn:

-U nó bỏ cái giọng ấy đi. Việc gì vợ chồng có bàn bạc với nhau cũng có hơn.

-Thôi đừng tán.

Trung cười:

-Nó khao thì cứ khao, giá nó đừng mời mình, mình lại đỡ tức.

Bà lý gắt:

-Không mời mà được. Hèn ra cũng là lý trưởng đương thứ. Không thì đem tuần vào vây nhà bảo là tụ họp làm cộng sản chứ tha à?

Trung biểu đồng tình:

-U nó nói rất phải, nhưng thử nghĩ xem tôi có nên đi không?

-Mời thì đi, đi ăn cỗ chứ đi đâu mà phải đắn đo.

Trung mỉm cười:

-Như vậy rất đúng rồi. Song tôi nghĩ khác. Họ mời mà ta không thèm ăn, mới tỏ rằng ta hơn họ. Vả lại đến ăn như thế tức lắm.

-Tức là tại ai?

Trung nói xí xoá:

-Tại ai thì việc xong rồi, không nhắc lại nữa. Tôi muốn u nó giúp tôi việc này. U nó có biết bên ấy họ mổ hai bò bốn lợn để khao làng không.

-Sao?

-Mình nên nhân dịp này, giả thù ngay cho nó biết tay.

-Không đến thì thôi, chứ thù hằn gì?

Trung xếp chân bằng tròn, cười vui vẻ:

-Thế này nhé, mình làm cho họ ế cỗ. Nghĩa là mình bảo nhau đừng ai đi ăn.

-Bảo được người ta. Miếng ăn có phải chuyện đùa mà ngăn được.

-Sao không được. Làng này, nói cho đúng sự thực, có hai phe, phe nhà mình với phe nhà Liễu.

Bà lý buồn rầu:

-Phe nhà mình mạnh hay yếu, nó rõ rệt ra đấy rồi.

-U nó nói đấy là những người đi bầu, nhưng tôi muốn kể những người có nợ. Làng này gần một nửa là nợ nhà Liễu, quá một nửa nợ nhà ta. Vậy bây giờ u nó đến từng

nhà, bảo họ nếu đừng đi ăn cỗ, thì ta cho chịu lại một năm. Ai đi phải trả nợ ngay tức thì, ta không cho chịu nữa.

Bà lý ngẫm nghĩ, bỗng tươi tỉnh:

-Phải, thì ít ra quá nửa lợn bò bên kia phải vứt đi. Và rồi ta lấy việc ấy làm chứng cớ cho cái kiện sau này, để tỏ cho quan trên biết rằng nó làm chánh hội là vì tiền, chứ dân có ưng thuận đâu. U nó giúp tôi nhé.

-Tôi chỉ sợ không ai nghe. Người ta được mời, bỗng mình tước của người ta bữa ăn đi, như vậy phải tội chết. Đừng có là quan bắt.

-Không, u nó cứ đi. Quan hay tiền cũng mạnh ngang nhau. Mà tiền có khi mạnh hơn quan. Làm quan không có đồng tiền, sao được những nơi tốt. Và quan định làm thế này, nhưng tiền định thế khác, quan phải nghe ngay. Cho nên việc này, quan bảo chưa chắc họ đã nghe bằng mình bảo, vì họ sợ mình đòi tiền.

Bà lý cười:

-Được, để tôi đi.

-Mà việc gấp lắm, chỉ trong nội ngày hôm nay, u nó nên bảo cho khắp. Cứ doạ diết rằng nếu họ khôngnghe mình, mình kiện lấy ruộng. Bò lợn rồi ế thiu, ế chảy, mất ruột quá.

Bà lý đắc chí, đứng dậy;

-Nào thì đi!

Bà giắt lại vành khăn, lấy miếng trầu bỏ mồm rồi tất tả ra cửa.

XII

Trong làng Từ Lâm, không chỗ nào không bàn tán đến câu chuyện chôn thịt ôi. Người ta ăn đấy mà cũng cười ngay đấy. Người ta bảo ông chánh hội bị ông lý trưởng cho một miếng cay, và quyết phải chờ một dịp để trả thù lại, không kém phần sâu sắc.

Kệ các ông ấy học hặc với nhau, chúng ta ở giữa được hưởng lợi cần gì.

Thế là người ta tướn đến nhà Liễu, xui ông kiện lý trưởng về tội ăn của nhà cu San ba hào.

Người tướn đến nhà Trung xui ông lên trình quan việc chánh hội giết thêm bò không xin phép. Đó là những tội mới sốt sột. Còn bao nhiêu tội cũ kỹ, từ năm nào năm nào, người ta cũng bới móc ra để xúc xiểm cho ông nọ ghét thêm ông kia. Bà Liễu ngồi nhà nào cũng đem chuyện bà Trung ra kể. Bà Trung ngồi nhà nào cũng đem chuyện bà Liễu ra nói. Người nghe chẳng muốn mất lòng ai nên làm như mình về hùa, có mặt người nọ dèm pha người kia có mặt bên kia chì bửu người nọ.

Liễu đã có một chương trình phải tiến hành. Kiện lý trưởng, tất một ngày kia ông sẽ làm và đứng đầu đơn. Nhưng mới ra chánh hội, ông cần hãy gây vây cánh để

lấy thế lực. Nên ông hãy tạm tha cho con người bậy bạ ấy. Nếu Trung không chừa thói lèm bèm, ông sẽ rình một tội to, rồi mới quật. Mà ông tin rằng, khi đã bị quật, Trung phải mất lý trưởng. Cũng như Trung tai hại về việc xui người ra tranh chánh hội với ông. Ông cho là Trung đương mất giá trị, thì nhân tiện ông phải gây thế lực. Khi ông đã đủ thế lực thì một Trung chứ mười Trung ông cũng không cần. Việc làng này sẽ không lọt nổi ra ngoài tay ông.

Bởi thế, Liễu càng phải đi lại với quan cho ra tư cách một vị chánh hội. Nghĩa là khi làm thư ký ông đi lại năm, thì bây giờ ông đi lại mười, mười lăm, ông tết nhất hậu hỹ hơn và cần bới tội con em có máu mặt để dắt mối lên cho quan. Như vậy tất quan quý ông hơn lý trưởng. Mà khi được lòng quan, ông sẽ kể xấu Trung cho Trung bị ghét. Đối với trong làng, những ông hay nói ngổ, bắng nhắng, ông chiêu đãi, thả tiền cho vay thêm. Ông xui họ giả nợ Trung để tăng số người chịu ơn mình.

Ba tháng đầu, bọn đàn anh trong làng, thấy ông không lèm bèm như ông Tú, chỉ ăn những việc đáng ăn, và ăn nhân, ăn nghĩa, chứ không ăn bẩn, ăn thỉu như lý trưởng, thì cũng bằng lòng.

Một hôm, có người tây đoan về khám thuốc phiện lậu, và lại khám ngay nhà Trung, và đâu có tát Trung hai cái đau. Liễu sung sướng lắm.

Ông làm như chính mắt đã nom thấy việc lý trưởng bị nhục, nên ngồi đâu cũng kể rành mạch bằng lối văn tả chân để rêu rao, và ông cho là một dịp rất tốt để tiến hành khoản cuối cùng trong chương trình làm tiên chỉ để được biếu cả phần thủ lợn.

Liễu mời Bút đến, bàn:

-Nó bêu rếu làng như thế, mà giá tôi không được chánh hội, ắt cái thủ lợn biếu về tay nó rồi.

Bút thở dài, lắc đầu:

-Thì biết làm thế nào?

-Tôi tưởng bây giờ ta nên định địa vị cho người nào là nhất làng. Quan trên cứ tưởng lý trưởng thay mặt dân, thì là người đứng đầu làng, nhưng sự thực nào có phải thế. Hắn đứng đầu sao được ông, được tôi, có phải không?

-Phải, tôi tức lắm.

-Trước kia, khi hắn họp bầu tiên chỉ, tôi chót nghĩ lầm, là thời buổi văn minh, nên bỏ chức ấy đi. Sự thực ngày ấy, nếu tôi không cố phá, hắn đã được tiên chỉ và bây giờ chúng ta thấy ông tiên chỉ làng Từ Lâm chúng ta bị Tây nó cho hai cái tát.

Bút gật gù:

-Tôi hiểu ý ông lắm! Ngày ấy chẳng qua ông phá, nhưng chẳng phải phá chức tiên chỉ, mà phá người ra làm tiên chỉ.

Liễu nắm lấy tay bạn cười ha hả:

-Thế thì tri kỷ lắm. Vậy bây giờ ông nghĩ thế nào?

-Ta lại bầu tiên chỉ, khó gì.

-Nhưng tôi nói ra không tiện.

Bút trỏ vào ngực:

-Để tôi nói, cần gì.

Liễu lại nắm tay bạn, hồi hộp:

-Thật nhé.

-Thật, chứ tôi cần gì. Hễ nó dòm, tôi bảo thẳng ngay

vào mặt nó rằng ngày trước, nhiều người phá -chứ tôi không nói ông -là muốn không có kẻ không xứng đáng đứng đầu dân, chứ chức tiên chỉ bao giờ làng cũng phải có.

-Phải, thế thì tốt lắm. Ông ở đây xơi rượu với tôi nhé.

Dứt lời, không chờ cho bạn nhận. Liễu sai người nhà mổ gà mua rượu ngon để làm cơm, rồi ông tiếp:

-Chứ tôi nói ra không tiện, ông ạ.

-Sợ nó rõ rệt quá, rõ rệt là ông muốn vơ vào cho ông. Ông ra làm chánh hội, cũng có ý để ra tiên chỉ cho dễ, tôi hiểu lắm.

Liễu trợn mắt:

-Thế à? Ông cũng biết à?

-Sao lại không. Cánh mình với nhau, hở ra một tí thì phải hiểu chứ.

Liễu cảm động:

-Chả nói giấu gì ông, tôi mất tiền phen này, cũng là vì làng. Làng có tiên chỉ xứng đáng, ắt là làng có giá trị.

-Ồ, chúng tôi rõ cả, chứ làm chánh hội thì lợi lộc gì. Chúng tôi vẫn phục ông chỗ ấy.

Liễu càng cảm động:

-Một nước phải có vua, một tỉnh, một huyện phải có quan, thì một làng phải có tiên chỉ. Đến như nước Tây bỏ vua, người ta lập tức phải đặt ngay đến bốn ông giám quốc với một ông đốc tờ mới cai trị nổi nước Nam mình đấy chứ.

-Phải, ông giám quốc sao to được bằng ông vua, cho nên nếu Tây chỉ có một ông giám quốc, sao vua mình

nghe.

Thấy câu chuyện lạc ra ngoài thế giới. Liễu vội kéo lại đầu đề:

-Thế bao giờ ông đem việc tiên chỉ ra họp?

-Bao giờ không được. Mai, ngày kia, họp lúc nào xong ngay bấy giờ.

-Nhưng tôi tưởng ta nên nói trước với từng người, để hôm ra đình ta sẵn có vây cánh. Vì ngộ có ông nào phản đối chăng.

Bút gật:

-Có lẽ thế.

-Thế tôi nhờ ông việc ấy nhé.

-Ồ, ông chả bảo, việc đáng làm tôi cũng làm.

-Tôi sợ bên kia viện lời tôi độ nọ mà phá chăng. Hay hôm họp, tôi lánh mặt.

-Tuỳ ông, lánh mặt cũng hay, nhưng có mặt chả hại gì. Tôi đứng lên hỏi, các ông khác hưởng ứng. Bất quá phản đối, chỉ có một lý Trung thôi chứ gì.

Bút lắc đầu:

-Chức tiên chỉ là do tục lệ trong làng đặt ra, chứ quan không có phép bắt dân. Chắc quan chả sức.

Liễu ghé tai bạn, thầm thì:

-Quan nào chứ quan này, tôi bảo gì không được, miễn là tiền cho nhiều. Muốn tránh sức bằng giấy, ông ấy có thể về làng bảo dân bằng lời nói.

Bút khuyên:

-Nhưng cùng lắm hãy nhờ đến quan, chứ tôi tin ở cái

tài sắp xếp việc của tôi lắm. Mà ông phải biết, ông có khao tiên chỉ, không ai cổ động tẩy chay nổi đâu. Vì đã có tôi.

Liễu sung sướng sai người mua thuốc phiện, mượn bàn đèn để đốt vài điếu hút chơi vui.

XIII

Việc vận động tiên chỉ không thành. Mà đau đớn cho Liễu hơn nữa, là Trung được quan phụ mẫu làm ơn cho một việc tầy đình, có lẽ vì ngài nghĩ đến món tiền ba trăm, nên xui Trung xin phẩm hàm. Vì Trung làm lý trưởng được sáu năm, lại được tư tốt, vả còn vận động thêm hai năm nữa, nên được hàm cửu phẩm bá hộ.

Sở dĩ Trung cố lấy cái phẩm hàm, là do ông muốn đánh quỵ hẳn Liễu. Liễu vẫn khoẻ hơn Trung, vin lẽ mình làm chánh hội, lại có chân nhị trường. Thì bây giờ Trung làm lý trưởng lại được thưởng cửu phẩm bá hộ. Chứ lép! Trung lại tiếc trước kia chót phá không cho Liễu ra tiên chỉ. Giá cứ để như vậy, hẳn bây giờ Liễu chưa được hưởng lợi lộc gì đã phải nhường cho người có chức sắc.

Cố nhiên, làng Từ Lâm sẽ thấy một cuộc ăn khao lớn.

Bà bá mấy hôm nay, về tận Hà Nội để sắm các thứ đồ nấu. Bà thuê hai người nấu bếp cao lâu khách. Bà mượn mâm, nồi, bát đĩa thực nhiều. Bà nhờ người đi mặc cả bò lợn.

Trong nhà Trung, kẻ ra người vào tấp nập. Tuần phiên bỏ việc canh phòng để đến làm giúp. Một tốp chẻ lạt, chặt rong, rào lại những chỗ dậu hở, để ngăn kẻ gian

đỡ nhân nhà ổ ạt, tải chuyển vật lấy cắp ra ngoài. Một tốp vác tre ngâm, đưa đục để làm rạp lớn lợp lá. Ngoài ngõ, khán thủ đứng đôn đốc người làm cái cổng kết lá dừa, cái lá nhãn, hoa đơn và hoa dâm bụt đỏ ối.

Trung mua rất nhiều rượu và thuốc phiện. Ông sai gọi cô đầu tỉnh về, vì ông mời cả quan nha.

Ông định khao cả thảy năm hôm.

Hôm đầu là tiệc thết quan tri, quan trợ, các ông giáo, các ông thừa, ông lục, ông ký rượu, vài ông buôn to ở huyện, các ông chánh phó đội lệ, ông quản đồn.

Hôm thứ nhì, ông mời các chánh phó tổng trong huyện và các vị huynh thứ hàng tổng.

Hôm thứ ba ông thết làng.

Hôm thứ tư ông khao họ.

Hôm thứ năm, ông ăn riêng với những người thân.

Như vậy, ông cố ý để cho nhiều người nhận được đến ba bốn khẩu trầu mời đi ăn cả ba bốn bữa.

Hôm mồng năm là ngày tốt, bá Trung lên huyện lĩnh sắc về.

Một cuộc rước linh đình. Đi đầu mười lá cờ, rồi đến trống cái. Phường bát âm nổi lên những đoạn trong bài Lưu thuỷ mà họ thuộc lõm bõm. Chiếc hàn độc có lọng che, bốn người khênh, đi thong thả, rước bộ ngũ sự đồng, khói trầm nghi ngút. Bọn tuần, áo nỉ đỏ, cầm tay thước, và thổi ốc. Khán thủ mặc áo the chùng, quấn thắt lưng đỏ, đi giật lùi điểm từng tiếng trống khẩu. Thế là đến long đình trong đặt hai cây nến, lư trầm và hòm sắc. Chiếc long đình cao lênh khênh, có đôi tàn vàng đi kèm.

Bá Trung khăn mới, quần áo mới, giầy mới, bít tất

mới, áo thụng lam mới, đầu mới cạo, râu mới sửa, ngồi chắp tay nghiêm chỉnh trên chiếc xe cao su, mà phu xe cũng mặc áo the chúng. Theo sau, phó hội Quang, xã Tuý,.v.v. mặc áo thụng của làng, chắp tay đi lộn xộn. Cuối cùng là bọn người tò mò đi xem.

Đám rước tiến rất chậm chạp. Mãi tận quá trưa mới về tới nhà. Một tràng pháo dài bắt đầu nổ. Quang phụng sắc ra giữa sân, bày trên chiếc bàn đã kê sẵn quay về phía nam. Ông Bá mới lạy tạ hòm sắc năm lạy. Tiếng pháo lại nổ. Trung đứng chắp tay cạnh lư trầm khói lên nghi ngút, đưa mắt nhìn quanh.

Ông hãnh diện quá, chỉ thấy lố nhố, chứ không nhận rõ những ai.

Một lát lâu, khi hết tuần hương, ông rước hòm sắc để trên bàn thờ giữa nhà, mà ông bắt người giữ hương nến đủ trong năm hôm, thì một công việc quan trọng không kém đã đợi ông rồi. Ông phải ra đình tạ thần.

Con lợn luộc và mâm xôi vuông đã bày trên hai chiếc bàn độc, tám người khênh lên vai. Hai chiếc lọng xanh giương xoè ra, tiếng kiểng điểm đều đều. Trung vẫn áo thụng, từng bước một, đi theo lễ vật.

Trong đình, ông từ đã đèn hương sẵn sàng. Ông bá dâng đồ lễ, sai đổi chiếc chiếu trắng lấy chiếc chiếu hoa cạp đỏ mới sắm, rồi cung kính từ từ lễ bốn lễ.

Kính thần xong, ông cứ để nguyên áo thụng cứ thế đi đường về nhà. Ông cần hỏi han xem công việc xếp đặt đã đâu vào đấy chưa. Ông mệt lắm. Xong nào được nghỉ. Ông còn phải bận. Bận năm hôm liền. Bận không có lúc nào được thở. Bận như người.

Bây giờ ông phải đi đón quan. Bà bá thấy ông rối rít,

khuyên ông điểm tâm bằng nắm xôi, nhưng ông gắt mù.

Tuy vậy bà chỉ cười và phàn nàn:

-Thấy nó chờ quan về mới ăn thì đói chết.

Rồi bà tươi tỉnh ngay, và nói:

-Mấy lại một đời mới có một lần, được bận. Chán người mong hận như thầy nó không được.

Bà tủm tỉm cười, nghĩ đến chánh hội Liễu. Hẳn ông này đứt từng khúc ruột. Nhất là tiệc khao này, lại to gấp hai tiệc khao chánh hội ngày trước. Nào, thử xem ai đối với làng hậu hỹ hơn.

Liễu quả đứt từng khúc ruột. Hôm mới nghe tin Trung được phẩm hàm, ông tưởng nằm mơ. Rồi khi biết là chuyện thật, ông lại mong nó chỉ là chuyện mộng, nhưng tới khi kẻ thù ông rục rịch khao vọng, ông mới đau đớn làm sao. Một đêm vì bực mình, ông đã gây gây rét. Nhưng may quá, ông khỏi ngay, và từ đó, ông gắt gỏng luôn mồm.

Khi nằm bẹp trong buồng, ông thường rên bằng những tiếng kinh rợn, và lẩm bẩm:

-Ông lý bá! Cụ lý bá! Tôi chết mất!

Rồi vùng dậy, ông ngồi bó giò, ho sù sụ. Ông đã nghĩ ra cách trả thù. Kẻ kia cổ động tẩy chay bữa tiệc khao của ông, bây giờ ông cũng tẩy chay trả.

Ông bèn cho mời Bút lại nói hằn giọng run rẩy:

-Bác có giúp tôi, không tôi chết mất.

Bút thương hại đáp:

-Xin bác cứ bảo, chỗ anh em thân, tôi quản ngại gì đâu.

-Bên lý Trung mời làng, nhưng mà, bác ạ, danh giá gì cái cửu phẩm bá hộ chứ!

-Phải, chữ nghĩa đâu mà được văn giai.

-Cho nên tôi quyết không thèm đi và muốn rỉ cánh ta cùng mặc kệ nó.

-Nghĩa là bác tẩy chay lại nó chứ gì.

-Phải, chính vậy, không tẩy chay nổi lại, tôi uất lên mà chết mất.

Phó hội thở dài, lắc đầu:

-Khó lắm, xưa kia, lý Trung bảo được làng là do nhiều người nợ hắn. Còn như bác, chẳng qua chỉ được lòng người vì cảm tình chứ làm gì có thế lực như hắn. Miếng ăn là miếng trọng, tôi sợ họ chả nghe.

Liễu nằm lả xuống, rên hừ hừ:

-Thế thì nhục tôi quá! Nhưng bác ạ, làng nợ tôi, bây giờ cũng nhiều rồi.

Bút ái ngại, im lặng. Một lát Liễu vùng dậy quả quyết nói:

-Mất bao nhiêu tôi cũng không ngại. Đành rằng tôi đi ăn mày phen này, chứ tôi không chịu. Bác giúp tôi một tay.

-Giúp thế nào bây giờ?

-Nhờ bác báo với cánh ta đi khắp làng nói hộ rằng hễ ai không đi ăn cỗ nhà lý Trung, đến kỳ thuế này, tôi biếu không suất sưu.

Bút trố mắt nhìn:

-Thật à?

-Sao lại không thật, đành tôi mất mấy trăm đồng bạc

mà trả được thù. Ngày hôm ấy, ai ở nhà, tôi xin chiếu sổ thuế, biếu tiền ngay vào lúc chập tối.

-Sợ họ không tin chúng tôi.

-Để tôi cho nhà tôi đi với các bác. Gớm mới được cái cứu phẩm bá hộ thôi mà ăn khao to như người ta đi tri huyện. Không sợ làng nước chửi cho. Bác nên biết là cánh ta cũng nên nói cho nhiều người biết rằng cái cứu phẩm bá hộ là Nhà nước chỉ để cho những hạng dốt nát. Rồi để hôm hắn mời tôi lần nữa tôi sẽ viết giấy kiếu, và viết toàn bằng chữ nho.

Bút cười rũ rượi:

-Thế là bác chửi chữ hắn và chửi cả cái bá hộ của hắn.

Cuộc cổ động, hay nói cho đúng, cuộc thuê tiền tẩy chay, có kết quả mĩ mãn.

Hôm Trung mời làng, thì mổ một bò và hai lợn. Mỗi mâm có kèm năm hến thuốc phiện. Nhưng chỉ đất có năm mâm. Trung cuống queo, thúc người đi mời, nhưng ai cũng từ chối, người bảo đi vắng, người thác đau bụng. Những người thân với Liễu thì phản đối ra mặt, họ nhắn:

-Nếu ông bá hộ đọc hiểu thư ông chánh hội thì chúng tôi xin đến ăn ngay!

XIV

Một buổi sáng, Minh, người đầy tớ Liễu mở dõi chuồng trâu định cho trâu ra đồng thì thình lình anh thấy người thắt cổ lủng lẳng trên cây khế cạnh hàng rào. Anh rú lên một tiếng suýt ngã ngửa. Anh nhắm mắt, hai tay ôm lấy đầu chạy một mạch về đến giữa sân vừa thở vừa kêu ầm ĩ:

-Ông chánh ơi! Có người thắt cổ.

Người nhà đổ cả ra sân, Liễu mắt nhắm mắt mở ở trong buồng cuống quýt chạy ra, chân không kịp xỏ vào guốc.

-Đâu, đâu?

Minh trỏ mé cây khế:

-Đấy!

Liễu tái mét, run như cầy sấy, lò dò đi sau bọn người nhà. Đến gần chuồng trâu, ông đứng dừng lại. Ông đã trông thấy cái nợ ấy bu lu ở góc vườn, thẳng ườn như cây gỗ, thân thể xám ngoét.

Liễu cố giữ can đảm, miệng lẩm bẩm khấn vong linh người chết, tiến đến gần, rồi cau mặt, nói:

-Quái, ai chứ không phải người làng.

Ông sai người trèo lên cây xoan để nhìn cho rõ mặt. Minh bàn nên chặt dây ngay, may cứu được một mạng nhưng ai nấy sợ hãi. Bống Minh nói;

-Thằng Cáy đấy mà!

Thằng Cáy vốn là đứa ăn xin, mọi khi vẫn ngủ nhờ ở cầu chợ làng. Thấy nó mang tai vạ đến mình, Liễu nghiến răng:

-Quái, thằng lạ thật.

Rồi một mặt, ông cho đi trình quan, một mặt ông cho mời lý trưởng đến lập biên bản. Sự báo lý trưởng là một việc bất đắc dĩ, song không thể đừng được.

Tin dữ dội chẳng bao lâu đồn lan đi khắp làng. Người ta rủ nhau đi xem. Người quen, vào hẳn nhà Liễu. Người không quen, đứng cạnh hàng rào dâm bụt bên láng giếng, hoặc nghểnh cổ ở đường dòm vào. Họ bàn tán, mỗi người một câu, khiến Liễu ruột rối như mớ bòng bong.

-Quái, nó vào lối nào nhỉ?

-Sao đũng quần nó bê bết thế kia.

Bống có tin lý trưởng lên huyện từ sớm. Liễu đâm nghi liền. Ông đứng lặng nhìn thây thằng Cáy và lắng tai lượm những lời xôn xao của mọi người:

-Lúc đêm, tôi thấy nó nằm gục ở cổng đồng kia mà.

-Người chết về thắt cổ thì hai bàn chân buông thõng xuôi, chứ sao lại ngang thế kia nhỉ?

Lập tức, Liễu gọi Minh, rỉ tai dặn:

-Mày ra cổng đồng, tìm kỹ xem còn bị gậy của thằng Cáy ở đấy không nhé.

Bống có tiếng còi ô tô inh ỏi ở phía đầu làng. Người

ta biết ngay là xe quan. Mọi người chạy ồ ạt, hoặc kiếm một chỗ kín để nhìn. Liễu vội vã về rửa mặt mũi, lấy khăn áo.

Độ năm phút thì quan đến, theo sau là lục sự và người lính cơ. Trông thấy Liễu, ngài không vui vẻ như mọi bận. Ngài hỏi ngay:

-Có đứa thắt cổ ở nhà thầy, tử thi còn đó, hay thầy đem chôn rồi? Đó là một việc bức tử.

Liễu run sợ:

-Lạy quan lớn, nó là đứa ăn mày, xưa nay vẫn quanh quất vùng này. Chắc nó bị bệnh chứ không phải bức tử.

Quan nghiêm mặt:

-Thầy đừng giấu tôi. Tôi biết cả.

-Bẩm quan lớn thương cho. Tên này là ăn mày, vậy với con, có điều gì.

Quan cười:

-Biết đâu, thầy không đánh đập nó.

Quan sai người tuần tên là La trèo lên cây, cởi dây, rồi đặt thẳng Cáy nằm thẳng cẳng dưới đất. Còn ngài tránh ra tận đằng xa, châm thuốc lá hút và nhổ phì phì. La cởi quần áo người chết để lục sự khám và biên.

Lúc ấy, Minh kéo áo Liễu, nói nhỏ:

-Ở đấy, còn cái bị, cái gậy và cái nón.

Liễu gật đầu, mừng rỡ, trình với ông huyện:

-Bẩm việc này con nghi có kẻ thù hằn định gieo tai vạ cho con.

Quan cau mặt để nghe Liễu tiếp:

-Bẩm, nguyên nhà con, hàng rào thì kín, chó thì nhiều, tên Cáy không thể dễ dàng lọt vào được. Và xưa nay những người chết vì thắt cổ, thì hai chân phải thõng xuống, chứ không ngang thế này. Vậy tất có người buộc người chết sẵn lên cây để báo thù con.

Lục sự bẩm:

-Mà cổ không có vết máu đọng ở chỗ thừng thắt.

Quan cau mặt:

-Thầy biết đâu!

Liễu lại thưa:

-Ban nãy, con thấy có người nói đêm qua thằng này gục ở cổng đồng làng, con nghi là nó chết ở đấy. Con vừa cho người đến đó, thì quả còn thấy nón và bị gậy của nó.

-Thế ngộ chính thầy vừa cho người vứt những thứ ấy ra đấy thì sao?

Liễu luống cuống đáp:

-Bẩm, con xin gọi người vừa gặp nó đêm qua ra đây làm chứng.

-Ừ, gọi ra đây.

Liễu nhìn xung quanh, nhưng quên không biết ai nói ban nãy, bèn gọi to:

-Ai gặp thằng Cáy đêm qua, ra trình quan hộ tôi.

Mọi người nhìn nhau, lùi dần, có tiếng nói:

-Có ai gặp đâu.

Quan cười, nhìn Liễu, gật đầu ba bốn cái, Liễu xám mặt, ấp úng thưa:

-Bẩm, thằng này chẳng qua chết về bệnh, quần nó là

một chứng cớ. Xin rước quan lớn lại gần mà coi.

Đàn nhặng xanh bay vo ve, chờn vờn cái xác chết. Quan thấy tởm, không lại.

Độ nửa giờ, lục sự khám biên xong. Liễu mời quan nha vào trong nhà cho mát để làm việc.

Quan ngồi sập giữa, lục sự loay hoay viết ở bàn bên. Thấy Liễu đứng nhìn cạnh, ông này tiện bút viết lên giấy thấm chữ "ngũ bách" rồi bấm Liễu một cái.

Liễu tái người, không nói gì, bỗng quan nói:

-Thầy lục chỉ nên ghi những cái khám thấy ra giấy, còn việc mai táng còn để chờ quan đốc tờ, nghe chưa?

Liễu nằn nì:

-Lạy quan lớn, thương chúng con, không có vết thương nào thì xin quan lớn cho mai táng, chứ nay là thứ bẩy, mai quan đốc tờ nghỉ, thì mãi đến ngày kia, ngài mới làm việc.

-Ồ, thì phải đợi chứ sao.

Liễu thở dài, gãi tai, đến gần:

-Lạy quan lớn, quan thương cho, chúng con xin hậu tạ.

Quan xua tay:

-Ồ, thôi, việc gì chứ việc này thì bố tôi cũng không dám cho chôn. Biết đâu nó không bị đá dập lá lách, đứt mạch máu.

-Lạy quan lớn, chúng con xưa nay vẫn là thần tử quan lớn.

-Đành rằng vậy, nhưng thầy làm bậy thì tôi biết gỡ thế nào.

Lục sự đang viết, vội kéo vạt áo Liễu, lại viết lên giấy thấm chữ "ngũ bách" lần nữa. Liễu thở dài không đáp, và khi thấy lục sự liếc mắt nhìn mình, Liễu khẽ hất hàm thì trên tờ giấy thấm lại hiện lên hai chữ "Bá Trung". Thế là Liễu hiểu hết cả.

Tự nhiên môi ông tái nhợt, ông run bắn người lên, đến nỗi khi xong biên bản, ông cứ ký bừa chứ không đọc gì cả.

XV

Ô tô ông huyện vừa ra khỏi đầu làng, thì Liễu cũng đi liền. Ông phải cố khẩn quan cho phép mai táng tử thi để khỏi chờ đợi, nhân tiện xem ý ngài ra sao. Để một người lạ chết trong nhà, là một việc chẳng hay, và rồi nó trương, nó thối ra nữa chứ.

Đi đường Liễu nghĩ đến cách trả thù cay độc của Trung mà căm hờn. Đích là kẻ kia mang xác thằng ăn mày chết đường, treo vào cây khế, rồi vu vạ. Ông nghiến răng, nắm tay, nguyền rủa thằng vô học nó chực trả thù mình tai hại.

Đến huyện, Liễu chờ tan hầu rồi mới vào quan. Ông lục sự đã nói rõ đầu đuôi câu chuyện cho ông biết. Thì ông đoán chẳng sai chút nào: Chính tên Trung lên báo quan từ sáu giờ sáng.

Quan phụ mẫu thấy Liễu vào thì mỉm cười. Đó là một điều Liễu chẳng ngờ. Ông cứ tưởng quan sẽ nổi giận lôi đình, đập bàn rầm rầm. Vậy chắc ngài đã biết Liễu vô tội thực.

Liễu cố lấy nét mặt đau thương, khoanh tay bẩm:

-Lạy quan lớn, con sợ phép quan lớn, nên đem đầu đến kêu quan lớn. Quả là anh lý chúng con thù con.

Quan gật đầu:

-Tôi hiểu hết. Thầy mắc tiếng oan. Nhưng sao thầy lại ký vào biên bản.

Liễu rủn người, kêu:

-Bẩm con sợ phép quan lớn, thì con ký, vì con chắc quan lớn cứu con ngay.

-Phải, ban nãy tôi phải ra dáng công bình để thẳng tay với thầy, vì trước mặt người nọ người kia. Chả lẽ tôi làm thế nào.

-Bẩm thật tên Cáy là một đứa ăn mày, nó đã chết ở đâu đấy, rồi anh lý chúng con khênh treo vào nhà con.

-Tôi thấy cổ nó không có vết máu đọng, với bàn chân nó cứng ngay tôi cũng không tin. Từng ấy chứng cớ đủ minh oan cho thầy rồi. Nhưng thầy có nghe rõ đấy, những điều quan hệ ấy, thầy lục sự lại không chữa vào biên bản, chỉ nói là cái chết khả nghi, nên xin quan đốc tờ tỉnh về khám nghiệm mới cho mai táng.

Liễu nhăn nhó:

-Bẩm quan lớn, cái chết ấy thường hay bất thường quan lớn đã minh xét, vậy xin quan lớn cứ cho phép chúng con được chôn, con xin hậu tạ quan lớn.

Quan cười:

-Xưa nay thầy đi lại với tôi như thế nào, tôi đã biết. Tôi cũng nể thầy lắm. Nhưng thầy chót ký vào biên bản rồi mà.

-Lạy quan lớn thương cho, quan lớn làm biên bản khác.

-Ồ, bút sa gà chết. Ai bảo thầy dại lại ký vào. Việc này còn lôi thôi to, rồi mất đến bạc nghìn còn chưa chắc

đã tránh được tù tội.

Liễu sợ hãi nằn nì:

-Lạy quan lớn cứu con, con không bao giờ dám quên ơn quan lớn.

Quan gãi cằm, ra ý nghĩ ngợi, rồi nói một mình:

-Mà cố nhiên lại mất cả chánh hội nữa.

Nghĩ đến chức tiên chỉ, Liễu xanh mắt lại, gãi tai:

-Bẩm con đem đầu đến kêu quan lớn, xin quan lớn cứu cho.

Quan lắc đầu chán nản:

-Khó lắm!

-Quan lớn cứu con, rồi quan lớn dạy thế nào con xin tuân lệnh.

Quan thở dài nhìn Liễu bằng đôi mắt hiền hậu:

-Tôi muốn làm ơn cho thầy lắm, nhưng tôi sợ cho tôi kia.

-Bẩm quan lớn thay biên bản đi là xong.

-Đành vậy, nhưng còn thầy lục.

-Bẩm thầy lục cũng là tôi con quan lớn, quan lớn bảo gì chả được, vả lại thầy lục với con cũng là chỗ đi lại chơi bời. Bẩm quan lớn, cải tử hoàn sinh cho con, con xin hậu tạ.

Quan đăm đăm nhìn Liễu, hỏi:

-Thầy định tạ tôi bao nhiêu? Có được một nghìn không?

-Lạy quan lớn, con xin như cái số thầy lục bảo con ban sáng.

-Năm trăm ấy à?

-Dạ.

-Ồ, năm trăm thì rẻ quá. Phải, tôi có dặn thầy lục bảo thầy có năm trăm thì tôi gỡ tội cho. Nhưng đó là tôi chưa biết việc này nó quan trọng dường này. Bây giờ tình thế xoay khác, đây, tôi nói cho thầy nghe nhé. Rồi tất thầy phải ra toà, mà ra toà, thì thế nào thầy cũng bị. Chạy chọt giỏi lắm, ít ra là ba tháng tù. Bởi vì quan toà nào gỡ được tội giết người. Mà đã tù thì suốt đời không làm được việc gì với dân với làng nữa. Cho nên thầy định khấn tôi năm trăm thế nào được, bởi vì nếu cứ để mặc kệ thầy, ít ra thầy cũng phải mất hàng nghìn.

Rồi thấy lời doạ dẫm có công hiệu, ông huyện lại nói:

-An Nam mình vẫn có thói thế, lúc mới sổ mũi nhức đầu thì không chịu chữa chạy ngay, cứ để đến lúc phát bệnh nặng ra mới nháo nhào lên về thuốc thì lại tai hại bằng bốn.

Liễu nghĩ ngợi một lát, hỏi:

-Lạy quan lớn, nhưng rồi quan đốc tờ khám cũng rõ tử thi chết vì cách gì.

Quan cười:

-Đợi đến thứ hai thì nó rữa mẹ nó đi rồi, cái chân long ra, da dẻ xám đen lại, chứ còn rõ rệt như hôm nay đấy hẳn. Và lại thầy tưởng để người chết trong nhà là một việc hay hay sao.

Liễu lại nhăn nhó:

-Lạy quan lớn thương cho, từ đầu năm đến giờ, con phải tiêu nhiều khoản tốn quá.

Ông huyện cười khẩy:

-Thầy tiêu tốn là tốn cho thầy, chứ tôi được nhiều dếch gì. Bất quá thầy cho tôi mấy trăm, cũng là công tôi tác thành cho thầy.

Liễu lim dim, chắc để suy xét, đoạn nói:

-Bẩm cái số ngũ bách mà thầy lục bảo con, con cũng không có sẵn, rồi con phải bán ruộng đi mới đủ số. Nếu con khai man cửa quan lớn, xin giời chu đất diệt con.

Quan mỉm cười:

-Thầy nói thế, tôi cũng thương hại, vậy tôi rút xuống cho thầy tám trăm.

-Lạy quan lớn thương cho.

Quan đổi ra giọng sẵng:

-Không thì thôi, thì tù. Người ta thương lại không biết điều.

Liễu sợ hãi, yên lặng một lát, rồi thưa:

-Lạy quan lớn, con xin khẩn quan lớn thêm một bách nữa.

Quan gắt:

-Không thì thôi, cút.

Liễu không biết nói thế nào được, thở dài, rồi một lát, bỗng vái một cái, và chán nản nói:

-Quan lớn không thương, con biết kêu thế nào.

Quan phụ mẫu thấy sự mặc cả gắng quá, không thể đòi hơn được, bèn dịu lời:

-Này, thế thầy không thể lo thêm được à?

-Lạy quan lớn thế là quá sức con rồi, nếu quan lớn

không thương con thì con đành.

Quan cau mặt:

-Thôi được, ở đấy.

Thực là một cuộc mua bán ráo riết. Câu nói ấy nhắc ta nhớ đến một anh phu xe gọi khách, khi đã hết sức cò kè bớt một thêm hai.

Việc gỡ tội rất dung dị. Quan gọi lục sự bảo làm biên bản khác để Liễu ký nhận, rồi nói với Liễu:

-Cũng may là lý trưởng nó chưa áp triện vào biên bản cũ. Nhớ công thầy lục nhé. Thế bây giờ thầy có thể mai táng tử thi được rồi.

Liễu vui sướng, nảy ra một nụ cười:

-Dạ.

Rồi tươi tỉnh Liễu chào quan đi về. Song quan nhìn Liễu, có ý thương hại, hỏi:

-À, thầy chánh hội. Thế thầy chịu cho lý trưởng nó vu oan à?

-Lạy quan lớn, trăm sự nhờ quan lớn, quan lớn dạy sao, con xin tuân.

Quan trợn mắt:

-Kiện nó sặc gạch ra! Cho nó mất lý trưởng chứ. Để nó cứ bới việc vu tội cho kẻ lương thiện hay sao?

-Dạ.

-Nó trình là có đứa bị bức tử ở nhà thầy, thầy không kiện về tội vu khống được à? Cho nó chừa thói ấy đi chứ. Cứ để vậy, ngộ nay mai nó bỏ giấy cho thầy làm cộng sản, thầy cũng chịu à?

-Lạy quan lớn, công việc thế nào, xin quan lớn chỉ

bảo cho.

Quan gật đầu:

-Được, hãy cứ chôn cất thằng ăn xin đi cho xong, mai lên đây tôi bảo.

XVI

Trung hết sức ngạc nhiên và bực mình vì La đến nhà ông, trợn mắt trợn mũi, mách:

-Ông chánh hội đã được phép mai táng thằng Cáy.

Song Trung cũng lấy làm mát ruột rồi. Việc tuy không có kết quả như ý muốn, nghĩa là kẻ thù không bị tù tội nhưng chắc đã phải lạy lục mất khá của. Ông gật gù, nói một mình:

-Thử xem thằng bá hộ đốt nát có làm nổi mày thất điên bát đảo không nào.

Nhưng ba hôm sau, một người lính huyện về nhà Trung, bảo quan nhất phải lên huyện ngay có việc.

Trung hút vội vàng vài điếu thuốc phiện mà ông nói với vợ rằng cho thêm sức khoẻ rồi thắng ngựa đi.

Ông vui vẻ lắm, nên khi tới huyện, ông buộc ngựa ở gốc cây, rồi vào tuột công đường.

Bất đồ ông bị mắng một trận kịch liệt:

-Ra thầy nói dối tôi. Thầy vu oan giá hoạ cho chánh hội, đến nỗi suýt tôi làm tội một người ngay. Đây, chánh hội kiện thầy đây, tôi biết bênh thầy thế nào được. Thật làm đầy tớ thằng khôn còn hơn làm thầy thằng dại.

Trung khoanh tay, run như cầy sấy, ấp úng nói:

-Lạy quan lớn...

-Nếu tôi để yên cho thầy cái tính này, rồi mai thầy xoay cả tôi.

Trung thụp xuống đất lạy hai lạy, và nhăn nhó như mếu:

-Lạy quan lớn, chúng con nào dám nghĩ thế.

-Đây, chánh hội kiện thầy vu khống cho hắn, lại kể bao nhiêu tội tham tang của thầy có chứng cớ hẳn hoi.

-Bẩm quan lớn thương cho, trước khi làm con cũng có trình với quan lớn, sự thực là thế.

-Biết rồi, nhưng nay nó kiện, thầy bảo tôi gỡ cho thầy thế nào.

Rồi quan nhăn mặt, gãi tai:

-Việc khó khăn quá.

-Lạy quan lớn, quan lớn bảo chánh hội rút đơn ra.

-Nhưng mắc cái tôi đã chót chấp đơn và nhận lời xét. Và lại hôm ấy có cả quan phán tỉnh. Thành thử không tài nào tôi dìm đi được. Cho nên tôi biết thiên vị về ai. Thôi được, tôi tự lên toà án tỉnh. Mặc các quan trên ấy với hai thầy.

Lý trưởng sợ hãi, chưa kịp đáp, thì ông huyện lại doạ:

-Thế mà quan trọng đấy. Tôi rất lo cho cái lý trương của thầy. Một người có án, dù án treo, cũng không được làm việc gì nữa. Mà mất lý trưởng thì bị tiêu thu cả hàng sắc.

Trung như nhìn thấy cái thủ lợn làng biếu nó chạy tọt

vào nhà Liễu. Ông thở dài. Vốn chậm trí khôn, ông lại lo lắng quá sinh ra quẫn, nên không biết nói đến nơi ý mình cho quan nghe. Bởi vậy quan phải hỏi thẳng:

-Giả sử việc này chỉ có tôi với chánh hội biết thì thôi, tôi cũng thu xếp cho yên. Song chẳng may cho thầy có quan phán tỉnh cũng biết, nên khó. Nếu ý thầy muốn dàn xếp cho bên nguyên rút đơn ra, thầy nên chịu khó kiếm cân chè về nói với thầy chánh hội một tiếng.

Sự giận làm tím ngay mặt Trung lại. Song, trước mặt người trên, ông phải nén lòng:

-Lạy quan lớn thương thì con được nhờ, chứ con không chịu nói như thế.

Quan khích thêm:

-Kể cũng tức thật đấy. Vậy để tôi bảo chánh hội cho.

Lý trưởng mỉm cười hớn hở đáp:

-Dạ.

-Phải, chịu đến nước phải nói lại thì tức thật. Kể thầy với chánh hội thì thầy hơn nhiều. Nhưng mà...

Quan thở dài, nghĩ ngợi, rồi tiếp:

-Nhưng đối với quan phán, thầy phải xử thế nào cho tử tế mới được. Chính tôi vào địa vị thầy, thà mất cho người ta ăn hàng chục, hàng trăm, còn hơn là mất một xu để hạ mình xin chánh hội, như thế ức lắm và nhục lắm.

-Dạ.

-Mà sự thực, tôi có ưa gì chánh hội đâu.

-Dạ, con biết là quan lớn thương con nhiều lắm, xin quan lớn nói với quan phán cho con.

-Nhưng còn sự chè lá quan phán, thầy phải nghĩ cho

chu đáo nhé.

-Dạ.

-Nghĩa là tôi thương thầy tử tế, thực thà thì tôi đi nói hộ, song thầy phải biện đúng một trăm. Quan phán với tôi là chỗ người lớn, nói với nhau hàng chục không tiện.

Lý trưởng khoanh tay, trầm ngâm rồi đắn đo mãi mới dám nói:

-Lạy quan lớn, một trăm thì nhiều quá.

Quan trợn mắt:

-Một trăm mà là nhiều. Thầy thử nghĩ xem, bỏ ra một trăm để công danh được nguyên vẹn, để tránh tù tội, thì có đắt không. Nếu thầy tiếc một trăm thì việc ra đến toà, muốn được trắng án, lại không phải mất đến bạc nghìn ấy à?

Trung suy nghĩ, rồi nói:

-Lạy quan lớn, thế thì trăm sự, con xin quan lớn thương cho. Thế nào con cũng xin có đủ.

-Phải, mà đấy là phần quan phán, còn tôi nữa, đừng vô ơn nhé.

Trung sợ hãi, tủm tỉm:

-Lạy quan lớn, con đâu dám thế.

Hôm sau, ông huyện gọi chánh hội lên ôn tồn bảo:

-Tôi đã nghĩ kỹ, việc thầy kiện lý trưởng là rất nên, song tôi xét, lý trưởng thì giầu, hắn tất không chịu thua. Rồi hai bên theo nhau, chẳng qua đục nước chỉ béo mấy anh thầy kiện. Cho nên tôi tính thầy nên rút đơn ra.

-Bẩm con rút đơn ra, rồi hắn tưởng con lép vế.

Quan xua tay:

-Không, để tôi bảo hắn là tôi can thầy, và bắt hắn không được bới móc nhau như thế nữa. Và thầy nên biết rằng lý trưởng ăn bẩn và làm bậy, thì thầy cũng chẳng trong sạch lắm đâu. Chính lý trưởng cũng lăm le kiện thầy mấy khoản, nhưng tôi dẹp yên rồi. Bọn mình ra làm việc quan, ai không đục khoét. Không đục khoét lấy gì bù lại món tiền mình bỏ ra chạy chọt. Cho nên tôi đi làm quan, chúa ghét những thằng kiện chức dịch tham tang. Có khác gì nó chửi thẳng vào mặt mình không? Và các thầy tham tang, bất quá dăm ba hào, hoạ hoằn mới đến đồng bạc. Vậy thầy nên nghe tôi.

-Lạy quan lớn, quan lớn cứ để mặc con sống mái với anh lý con phen này.

-Tôi nói thực, sở dĩ tôi bảo thầy rút đơn ra là tôi vì thầy hơn vì lý trưởng. Chứ tôi cũng ghét hắn lắm. Nhưng tôi thấy hắn rục rịch kiện lại thầy. Hôm nọ thầy phải bán ruộng mới lo đủ năm trăm. Vậy tôi hỏi, giá hai người kiện nhau, thì thầy lấy gì lo kiện. Thầy túng nên tôi thương, khuyên lời hơn lẽ thiệt, thầy nên nghe.

-Dạ, lạy quan lớn truyền, con sợ lệnh quan lớn lắm. Nhưng nếu có phải theo kiện, con đành theo đến cùng.

Quan nhăn mặt, xua tay, rồi đứng dậy vỗ vai Liễu và ngọt ngào nói giọng nằn nì:

-Thôi, quan xin. Rồi lỡ ra thầy có thua kiện thì chính tôi cũng bị mang tiếng là cầm đầu cho thầy không nổi. Cho nên, con ạ, con nên nghe thầy, thầy xin.

Liễu cảm động, xuýt rớt nước mắt. Thấy vậy, quan tươi tỉnh mở cặp giấy ra, lấy lá đơn cầm hai góc rồi vừa cười vừa nói:

-Thầy xé nhé.

Vừa dứt, hai tay ngài doãng ra, tờ giấy kêu soạt tách làm hai mảnh.

XVII

Té ra thằng Cáy chết về bệnh dịch tả?

Ngay sáng hôm sau, La, người tuần phải phục dịch việc khám xét, bị một cơn đau bụng đi tả đến năm sáu bận, rồi chết.

Nhưng chưa ai ngờ là La bị lây. Người ta bảo là thằng ăn xin thiêng, đã vật chết La, vì La dám cười, khi thấy nó loã lồ.

Rồi hôm sau nữa, hai người hàng xóm La cũng đau bụng, đi tả và qua đời một cách rất nhanh chóng. Nhưng người ta vẫn tìm cớ thiêng liêng khác để lấy lý cho cái chết. Chứ không rõ ràng chính phủ diêm vương cần tăng binh bị để giữ nền hoà bình. Đến mãi tận hôm thứ năm, thấy nhiều người cùng chết về một bệnh, người ta mới hơi nghi, và trình lý trưởng. Song Trung đang có việc lôi thôi trên huyện, cần thu xếp với quan, nên chưa dám trình báo, sợ ngài gắt. Và mới có năm đứa cùng đinh thiệt mạng, cần gì.

Đến tận hôm thứ mười, chính con gái Trung bị lây, ông mới sợ cho người nhà. Ông vội vàng lên huyện trình quan, xin nhà thương phái người về tiêm.

Về phần Trung, ông được dịp hút thuốc phiện khoẻ

đẫy. Ông bảo để được ba cái lợi. Một là ông khuây khoả nỗi thương con. Hai là người hút thuốc phiện lúc nào bụng cũng nóng, không sợ trúng tà. Ba là trong khi ngồi vén đùi nghiền sái, ông có thể nghiền ngẫm đến cách xoay làng.

Ông cho người gọi vợ La đến và doạ:

-Chồng mày chết về bệnh thiên thời, mà mày chôn giấu không trình, bây giờ để đi hoạ cho cả làng. Thế nào tao cũng không để cho về đâu.

Người đàn bà rưng rưng nước mắt, lấy dải khăn ngang chùi, rồi đáp:

-Thưa cụ Bá, cụ Bá thương cho, nhà con chết, chẳng qua về số, chứ con có biết là bệnh gì mà trình.

-Tao không lý sự với mày, rồi mày lên mà lý sự với quan.

Nghe nói đến tiếng quan, chị La run sợ, vì chị cũng đã một đôi phen hiểu thế nào là ông quan rồi. Chị nói:

-Thôi thì, trăm sự con nhờ cụ bá cả, cụ bá thương phận nào con nhờ phận nấy, chứ bản tâm con có muốn làm hại làng đâu. Mà cũng chỉ tại quan sai nên nhà con mới lây thằng Cáy.

Trung vội gạt:

-Thế bao nhiêu người đứng gần đó, có ai việc gì đâu. Chẳng qua chồng mày toét mồm ra cười nên nó mới vật chết, đến nỗi cả con tao cũng chịu vạ lây.

La thật thà đáp:

-Cụ Bá thay mặt quan cai trị ở làng, thì con sợ phép cụ Bá lắm. Nhưng con xin cắn rơm cắn cỏ lạy cụ Bá đừng trình quan, con còn phải nuôi hai tấm con thơ.

Trung lắc đầu:

-"Việc quan anh cứ phép công anh làm", tao không biết.

-Thôi, giời sinh ra thế, cụ Bá ngơ đi, thế nào con cũng xin biện chè lá tử tế.

Nói đoạn chị cởi dải yếm, đếm sáu mươi chinh Khải Định để trên án thư nói:

-Đây, cũng là giời sinh ra thế, đây là tiền mấy buổi con làm ở nhà ông phó Bút mới lĩnh về đây, con biếu cụ Bá.

Rồi chép miệng, chị nhìn đống tiền, lắc đầu:

-Thế là mấy buổi công không, không biết mai lấy gì đong gạo cho cháu đây.

Trung vớ lấy cọc tiền, đếm từng chinh, rồi nói:

-Đổi cho tao đồng này, chinh Gia Long tiêu thế nào được.

Rồi ông tiếp:

-Tao cũng thương mày là chỗ đầy tớ cả. Nhưng mai và ngày kia mày phải làm cho tao, vì việc này không đúng đồng bạc, tao không nghe.

Người đàn bà ngu ngốc chùi rử mắt, đáp:

-Thôi, cụ Bá ạ, cụ Bá để cho con đi làm lấy tiền nuôi cháu.

-Không được.

La thở dài đặt hai cánh tay lên đùi, rún đứng dậy rồi vén cái vải che mắt lên để nhìn lối ra, rồi than:

-Khổ quá, mai phải làm cho cụ Bá thì con chết đói.

Việc này chẳng bao lâu đến tai Liễu. Ông ta tức lắm,

gọi vợ La đến hỏi:

-Ông lý lấy của mày bao nhiêu?

-Thưa cụ chánh hội, cháu biếu cụ Bá cháu ba hào, cụ ấy bắt cháu làm thêm hai buổi công không, vì cụ ấy bảo thế tức là đồng bạc.

Liễu cáu:

-Thế còn tao, mày không biết là ai nữa?

La cười:

-Các cụ làm việc làng, cụ nào mà cháu chả sợ.

-Thế sao mày chỉ chè lá cụ Bá nhà mày, còn tao thì mày lờ đi?

-Nào cháu dám thế, nhưng cháu làm gì có tiền?

-Mày tưởng một mình cụ Bá nhà mày che chở cho mày nổi hẳn. Làng cũng còn người nọ người kia chứ. Thế mày coi tao không bằng lý trưởng à?

-Cháu cắn cỏ lạy cụ chánh hội, nào cháu dám nghĩ thế.

Liễu hằn học nói:

-Mày phải biết rằng giá mày không có gì cho cụ Bá nhà mày thì thôi, chỗ chúng bay như đầy tớ, tao không nói làm gì. Đằng này mày chỉ biết cụ Bá nhà mày, thì ông đây không tha. Ra mày coi người chánh hội không có tí giá trị gì thật.

La cau có:

-Các cụ làm việc làng cứ ganh nhau như thế thì chỉ chết chúng cháu.

-Mặc kệ.

-Thành ra cháu mất tiền những hai lần kia à.

-Mặc kệ, khôn hồn thì chè lá lý trưởng bao nhiêu, mày cũng phải biện cho tao bấy nhiêu.

La khóc mếu:

-Khổ quá, có mỗi một chồng thì chồng lại chết, để tai để vạ cho người ta thế này. Thôi, cụ chánh hội hãy cho thư thư ít bữa, cháu kiếm đủ gạo cho các cháu, rồi cháu làm trừ dần. Chứ bây giờ bắt ngay cháu có đồng bạc, thì cháu kiếm đâu ra được.

Cuộc ganh nhau giá trị ấy rồi thành lệ. Té ra ở giữa, thằng dân đen phải một cổ hai tròng lớn, và còn biết bao tròng nhỏ nữa. Chè lá ông này mà lờ ông kia, thì ông kia hành. Đút tiền ông kia mà không cho ông này thì ông này doạ.

Bởi vì các ông ấy cho thế là mình thua kém bên địch. Mà những việc đục khoét không phải thỉnh thoảng mới có. Trong nhà hơi xảy ra việc gì ư? Một lát sau lý trưởng đã lò dò đi với khán thủ đến. Có người mất gà chửi bới ầm ĩ ư? Tức thì chánh hội đã cho gọi mấy tên cùng đinh đến nhà và muốn tránh tội, thì phải lòi tiền ra.

Họ ăn từ một hào trở đi, nhưng cũng có việc họ móc nối hàng chục. Họ thi nhau hà hiếp con em. Bất cứ ai, hễ có máu mặt và lép vế, là họ kiếm chuyện. Ấy thế mà cả Trung lẫn Liễu, không ngày nào là không dèm pha lẫn nhau. Bên nọ dìm bên kia là Bá hộ đốt nát. Bên kia nói bên nọ là chánh hội tiền: Họ rình nhau từng miếng một, để một ngày kia lại mang nhau đến cửa công, để cùng bị quan phụ mẫu làm thịt.

XVIII

Hôm ấy là ngày thi sơ học yếu lược ở trường huyện. Mới từ sáu giờ sáng, các sĩ tử tí nhau, từ lên chín trở lên, đã bị nhốt vào các lớp cho đến gần mười hai giờ trưa.

Sáu mươi cái cũi, sáu mươi cái lưng đẫm mồ hôi, hoà thêm vào khí trời oi bức cho trong buồng chật hẹp thêm nồng nặc. Các trò ngồi chen chúc nhau, không cựa được và thực nghiêm, ai cũng khoanh tay lại, có vẻ chờ đợi. Họ đợi đầu bài xem họ có bị thất học ngay từ thời kỳ nứt mắt trong đời học sinh hay không.

Trong bọn sĩ tử ngồi ở hành lang bên trái trước đình, đeo cái mỹ hiệu là buồng thứ năm, để chịu cả ánh nắng gay gắt của mặt trời buổi sáng, có nhô lên một cái đầu có búi tóc và có râu ria hẳn hoi. Đó là một thí sinh già, đã đến năm mươi tuổi, có thể là ông nội của trò ngồi bên. Thí sinh già gài gọng kính vào mang tai, rút cái hút cắm ở khăn, run rẩy chấm mực, xoc ngòi vào cổ lọ.

Hai giám khảo, mặc quần áo tây, đầu chải bóng mượt đi đi, lại lại, len lỏi vào các hàng ghế, cúi lưng xuống nhìn từng tờ giấy thi và nhắc:

-Kìa quên số hiệu, để vào.

Bỗng thí sinh già đứng dậy, nói to:

-Bẩm thưa quan, quan làm ơn để cho con.

Cả lớp ồ lên cười. Giám khảo nhếch mép, hỏi:

-Tôi vừa giảng, cụ quên rồi à?

Thí sinh cười, gãi tai:

-Bẩm quan nói nhanh quá, con nghe không kịp.

Giám khảo đến gần, trỏ vào từng chỗ trong tờ giấy hỏi:

-Tên là gì?

Thí sinh nhanh nhảu đáp:

-Bẩm là lý Trung.

-Họ Lý à?

-Bẩm không, họ Nguyễn, nhưng làm lý trưởng.

Lại một hồi cười ồ:

-Thế thì Nguyễn Trung chứ? Có chữ đệm không?

-Bẩm có, chữ Bá.

Giám khảo giơ hai tay lên trời, há mồm thất vọng:

-Thế thì viết Nguyễn Bá Trung vào, cụ phải viết lấy, đi thi lại không viết nổi quốc ngữ à?

Thí sinh cười ngây ngô, tặc lưỡi nói:

-Bẩm quan, chả thầy giáo huyện cứ bảo con đi thi để lấy bằng, rồi xin cái bá hộ sang văn giai cho dễ mà.

Lại một trận cười làm mất thì giờ. Trẻ con nhô cả lên nhìn.

Thí sinh lấy mực, gãi ngòi vào khăn, rồi đặt bút lên trên giấy. Nhưng một cục mực theo ngòi bút chảy xuống.

Thí sinh xuýt xoa, lấy vạt áo toan chùi, thì giám khảo gắt:

-Có giấy thấm không?

-À quên, bẩm có.

Rồi rất tự nhiên, Trung nói rất to như ở nhà:

-Tôi, à quên, con có viết cái này bao giờ đâu. Ngày trước ra làm lý trưởng, thì được quan trên không bắt sát hạch kỹ.

-Thôi, để mau lên, hết giờ rồi.

Trung loay hoay đầu ngòi bút, run rẩy đặt xuống gần mặt giấy. Nhưng sự làm cố sức bao giờ cũng làm cho mệt, bởi vậy, mồ hôi mắt làm mờ kính, cho nên vì nhìn không rõ, chưa đặt sát ngòi vào mặt giấy, Trung đã viết. Thấy chữ lờ mờ, giám khảo cau mặt:

-Ấn ngòi bút xuống.

Thấy trẻ con trổ cả lại xem để cười, hai giám khảo vội vàng vỗ tay, xuýt và đuổi về chỗ.

Cũng may có Trung nên cả lớp được một trò giải trí. Các thí sinh quên lo.

Bỗng có một giám khảo khác ở hiên, ngó cổ vào buồng, gọi hai giám khảo trong lớp ra, trỏ vào Trung và thì thầm. Rồi cả ba người cùng cười, gật gật. Một lát, ba người cùng đến chỗ Trung. Trung thấy tối, cau mặt toan gắt. Nhưng vừa ngẩng đầu lên, đã vội vàng đứng dậy, chắp tay chào và gãi tai, nhếch mép cười. Bởi vì Trung đã gặp người quen. Người quen ấy là ông thư ký dinh Kiểm học.

Trung nói với ông thư ký:

-Bẩm quan, nhờ quan nói hộ với hai quan cho.

Ông thư ký nháy mắt, rồi ra. Trung ngồi xuống ì ạch để nốt ba chữ tên, sau khi dập xoá đến ba lượt. Thật là một công phu vĩ đại.

Các giám khảo phải kiên nhẫn chỉ bảo, Trung mới viết xong, chỗ khoảng trên tờ giấy thi. Rồi thở dài sung sướng, ông ngồi ngắm tứ phía.

Bỗng một giám khảo ghé tai Trung hỏi khẽ:

-Khấn ông ấy bao nhiêu?

Trung đáp thầm:

-Bẩm ngũ thập.

Hai giám khảo nhìn nhau:

-Thế mà nó chỉ cho mình ăn "đít". Chốc ta phải móc cho mỗi đứa thêm "đít" nữa mà chén mới được.

Các bài thi lần lượt ra, ám tả, luận, tính đố và câu hỏi, mỗi bài chỉ trong hốn mươi nhăm phút. Bởi phải bận về Trung, nên cả hai giám khảo đều không coi học trò. Một giám khảo đứng cạnh cửa lớp, để đằng hắng khi có người trên qua, còn một giám khảo thì lấy tờ giấy làm bài nháp.

Nhưng chả bài nào Trung chép được kịp. Ông đánh vần được chữ ở bản nháp cũng đã là một công trình lớn lao rồi. Mà việc viết ra giấy, mới lại là sự gắng sức phi thường nữa. Bởi vậy, bài nào ông cũng bỏ dở nửa dưới. Song, được cái đoạn nào đã viết vào giấy, nếu không sai vần, thì thật hoàn toàn.

Gặp hai đầu bài tính vừa dài vừa khó, các thí sinh phải chép hơn mười phút mới xong, thì Trung được giám khảo xui bỏ đầu bài, để thì giờ mà viết lời giải. Bởi vậy Trung chép kịp một cái tính rưỡi, trong khi cả lớp ngồi

cắn bút nghĩ không ra.

Khi hết giờ làm câu hỏi, Trung thở mạnh một cái, và sờ khăn áo, thì ra nó ướt đẫm những mồ hôi. Vì không thi bài chữ Tây nên Trung được quan trường cho ra về. Trung bỏ khăn ra, vuốt tóc, lấy giấy thấm để quạt một lát, rồi đứng dậy, hỏi:

-Bẩm các quan, liệu bài vở con thế nào ạ?

Một ông gật đầu:

-Được, chốc về nhà trọ tôi bảo nhé.

-Dạ, trăm sự nhờ các quan cả, con đã nhờ quan giáo phán nói hộ. Nếu con không được cải sang văn giai, thì ở làng nhiều cái tức lắm.

-Được rồi, thôi, cụ đi về.

Trung gài lại khuy áo, chụp lại khăn, rồi lách ghế đi ra.

Bỗng thí sinh bên cạnh gọi to:

-Này cụ, quên bút mực giấy à?

Trung quay lại, nhếch mép, gật gật đầu đáp:

-Thôi, tôi đãi cậu đấy.

Trung lại được tiễn bằng trận cười.

XIX

Trung đỗ sơ học yếu lược. Liễu căm hờn, vì từ nay không còn lấy gì để dèm pha kẻ thù. Cho nên ông chỉ còn vớt vát được một câu nói cho bõ tức:

-Đỗ mà chưa có bằng thì cũng như chưa đỗ.

Trung không dám khao, dù người làng muốn có dịp được ăn, giục ông làm cỗ mời dân. Chẳng phải ông sợ tốn kém, nhưng vì muốn tránh sự dị nghị về việc thi đỗ.

Trung không quên nghĩ dịp để giương danh.

Ngày ấy, nhờ công hiệu của thuốc tiêm, thần dịch tả đã thôi tàn hại làng Từ Lâm, Trung bèn bàn mời huynh thứ ra đình họp, để nghị mở một lộ tạ thần, vì thấy có ăn, nên mọi người hiểu đồng tình ngay.

Song, cũng vì việc ấy, mà đến hôm chính lễ phe Trung và phe Liễu suýt đánh nhau thành án mạng.

Ngày hôm ấy, cũng như ngày làng có đám, ở sân đình, những ngọn cờ đã cắm thành hai hàng, để bay phất phới trước gió. Dưới bóng hàng, hàng nước đã bày thuốc lá, nước chanh, bánh khách và bánh khảo; ở gốc cây, anh thợ cạo đã treo gương vào đanh, để ngồi trên mặt hòm chờ khách. Gia đình anh sắm, không biết ai báo tin đã rải chiếu ở bóng giải vũ, và đã kéo nổi đến hai chục người

quây quanh để nghe. Ngoài sân đình, trẻ con chơi đùa hàng tốp một, để chửi nhau và nói tục. Người làng, cả đàn bà lẫn con gái đều nghỉ việc, để đứng lẻ tẻ từ miếu đến đình, chờ đám rước đi qua.

Ở miếu, đồ hành -ngoi đã xếp xong đâu đấy. Các phần việc đã tề tựu đủ cả. Họ ngồi trên bục xây có rải chiếu đã nhai hết cả bã trầu. Đám Dỹ nóng ruột, nháy phường trống thỉnh thoảng lại nổi lên những hồi thúc giục, rồi hỏi:

-Chả biết đã cãi nhau xong cho chưa?

Quả vậy, trên chiếc chiếu ở phía trong, Liễu và Trung còn đang giở lý sự để tranh nhau ngôi thứ. Cả hai cùng lùng thùng trong chiếc áo thụng lam nhưng cùng đỏ mặt, trợn mắt, và làm những điệu bộ rất hùng hổn. Trung nói:

-Ông cãi sao thì cãi, tôi là chức sắc, thì nhất định tôi được rước hòm sắc.

Liễu cãi:

-Tôi không nghe, tôi không chức sắc, nhưng tôi có chân nhị trường, ông chẳng qua chỉ là bá hộ, thì rước sao được sắc Ngài có chữ vua ban.

-Nhưng tôi đã đỗ sơ học yếu lược rồi, tôi được cải sang văn giai.

-Ông đỗ hay ông không, làng này chưa ai biết, ông đã có bằng chưa?

-Thôi thế này là ổn cả: Ta để sắc với bát nhang lên kiệu, rước về đình, còn hai ông thì đi ngang nhau ở phía sau, cho chúng tôi theo.

Mọi người ồn ào tỏ ý bằng lòng. Bất đắc dĩ, Trung và Liễu cùng sợ thua, nên phải theo.

Tời vào bàn thờ ôm bát hương, khuỳnh hai tay ngang mặt để tiến tước. Ngay lúc ấy, cả Trung cùng Liễu đều nhanh chân đi vào, để tranh nhau được rước hòm sắc ra sân. Nhưng rủi thay, hai người cùng nhanh nhẩu, nên cùng giơ hai cánh tay ra một lúc. Cho nên không ai được độc quyền chút hân hạnh, mà kết cục, mỗi người khênh một đầu hòm sắc, đi ngang nhau, rồi cùng đặt vào kiệu.

Chiêng trống bắt đầu lại nổi, và bát âm đi bài lưu thuỷ. Tời tay cầm trống khẩu, mắt nhìn bọn người khênh long đình đã đứng bíu tay đầu đòn rồi giơ trống lên, điểm ba hồi chín tiếng.

Theo tiếng trống dóng một, long đình nâng lên cao, và đòn rồng đặt lên vai mọi người.

Mấy lá cờ đầu đã phấp phới tiến đi, thì hai chiếc tàn vàng đã ấp vào hai bên long đình nhích lên từng bước. Trung và Liễu trịnh trọng khuỳnh hai tay, thong thả đi theo. Bỗng đánh phạch một cái, mọi người quay lại, thì ra anh trương tuần Giai đang ì ạch giương xoè chiếc lọng xanh. Rồi giương xong, anh chạy theo đám rước, che cho Trung.

Ấy thế là việc lôi thôi lại bắt đầu.

Liễu giận nổ ruột chạy lên trước kiệu, giật trống khẩu, đánh đổ hồi, rồi trỏ vào mặt Giai, dõng dạc hỏi:

-Giai, ai cho phép mày đi che lọng?

-Bẩm cụ, cụ Bá bảo con từ hôm qua.

-Mày có thừa thì giờ thì về giặt tã cho con mày, có hơn không?

Trung đỏ ngầu hai mắt, sừng sộ:

-À, ông nói thế phỏng?

Liễu không đáp, sấn sổ đến Giai, cướp lấy lọng, vứt còng queo bên cạnh lối đi, và hỏi Trung:

-Ông là gì mà dám đi lọng.

Trung nhẩy chồm vào Liễu:

-À, anh lột lọng chức sắc.

Đám rước đang nghiêm chỉnh, bỗng lộn xộn. Ai nấy bỏ cả đồ đạc để quây lại xem, và trong nháy mắt, người làng các ngả đã đổ đến, đứng vòng trong vòng ngoài.

-À, thằng lý Trung, mày đánh tao!

Liễu giơ tay sờ lên mũi, rồi lăn vào bên địch, xé áo soàn soạt.

-Mày lột lọng chức sắc. Đồ khi quân!

Hai người ôm vật nhau. Bút sấn vào đánh hội. Quang cũng lăn vào, đấm thụi bừa bừa. Tiếng kêu dậy lên. Tù và rúc như có động. Tời thét:

-Kìa, các ông, có vào can đi không, để họ đánh nhau chết à?

Khán thủ, trương tuần hết sức xông vào đám đánh nhau để lôi ra từng người.

Trung bới lại tóc, hầm hầm trỏ mặt Liễu:

-Rồi tao kiện chứ tao không chịu.

Liễu trợn mắt:

-Mày cứ kiện, nhất là tao hết nghiệp, chứ mày là ông gì mà dám lộng quyền.

Trung trừng mắt, trỏ vào ngực:

-Tao là ông cửu, tao có cửu phẩm của triều đình.

Liễu hách dịch, trỏ tay quát:

-Cửu à, chúng bay trói nó lại giải vào đình cho ông.

Ai nấy ngơ ngác nhìn nhau xem Liễu sai ai. Nhưng không ai trói ai cả. Trung cáu tiết, lại dằng người giữ ra để xông đến. Song, người ta can mãi, kết cục, Trung và Liễu cùng bỏ về. Cả hai áo thụng cùng rách tả ra từng mảnh.

XX

Đám rước đến đình, bát hương và hòm sắc đặt lên bàn thờ đã lâu rồi mà các cụ lúng túng mãi không tế. Vì cụ Tời không dám vào mệnh bái.

Nhưng thật may, cuộc bàn cãi chưa xong, thì Liễu đã tất tả ra đến đình, tay khoác chiếc áo thụng khác, hỏi:

-Chưa tế đấy chứ?

-Chưa, cụ vào mệnh bái đi, dân chờ.

Vừa dứt lời, Trung cũng đã vội vã tới nơi, và mặc sẵn áo tế từ bao giờ. Mọi người chắc lại xảy ra cuộc xô xát nữa. Nhưng không, Trung và Liễu đều tưởng bên địch không ra đình nữa, thì nhân dịp, lẻn đi một mình, để đứng mệnh bái. Nhưng bất đồ anh hùng tương ngộ, thì hai người cùng đứng mệnh bái vào một chiếu ngang nhau.

Người làng trố cả lên nhìn Trung và Liễu xem có lộ vẻ ganh tị gì nhau không. Nhưng cũng không. Cả hai ông chủ tế cùng kính cẩn, như đã không xảy ra việc gì cả.

Cuộc tế được vô sự từ đầu đến cuối, là do không có văn để đọc. Như thế, tránh được cái khó viết tên hai ông chủ tế, ai trên ai dưới. Cho nên đến khi xướng "đọc chúc" thì cụ nhất vào hậu cung, thỉnh ba tiếng chuông mà thôi.

Chính cụ cũng không biết khấn chữ.

Có người bi quan, thở dài phàn nàn:

-Muốn ngài chứng dám mà không mời, lại thỉnh chuông như thế, có khác gì đánh mõ gọi tuần hay không.

Lễ xong, chờ hết hương, các cụ ngồi ở chiếu rải trên sân đình. Cố nhiên Liễu và Trung ngồi chung một chiếu để ăn chung một cỗ. Song, không ai nói với ai một tiếng. Cả hai người, mặt cùng hầm hầm, cùng nghĩ đến một việc nữa sắp xảy ra lôi thôi to, nếu làng không thu xếp ổn thoả.

Đó là cái thủ lợn biếu tiên chỉ. Thủ lợn ấy lần trước, bà tú không nhận, bảo rằng để kính dân.

Bọn tuần biết chỗ khó khăn này, nên không dám hạ con lợn tế thần.

Mà cả Trung lẫn Liễu thỉnh thoảng lại đưa mắt đến chỗ ấy

Bữa rượu không ồ ạt như mọi bận. Chẳng ai thiết nói chuyện, mà có nói, cũng chỉ nói khẽ. Hình như người ta cố yên lặng để nghe ngóng không khí vẫn còn u ám, mà mấy chén rượu tức là sức nóng của ngọn lửa châm vào ngòi chiến tranh.

Bỗng khán thủ lên sàn, đứng gần chiếu trên, gãi tai nói:

-Bẩm xin hạ lễ.

Tời thật thà đáp:

-Cứ hạ đi, sao còn phải hỏi. Các cụ uống rượu gần xong, không khéo chia phần không kịp đấy.

Khán thủ ấp úng thưa:

-Bẩm, còn cái thủ lợn.

Cụ nhất không đáp, lờ đi như không nghe rõ. Và mọi người đều nhìn cả lên chiếu trên. Trung hất hàm, làm như không cần nói:

-Tuỳ anh đấy, thế nào là phải thì làm.

Khán thủ nhếch mép cười, đáp:

-Bẩm trên các cụ, dưới các ông, bảo cháu thế nào, cháu xin vâng theo, chứ tuỳ cháu thế nào được.

Liễu cứ vờ như không để ý đến.

Chẳng một ai dám lên tiếng. Thì Trung lại hỏi:

-Kìa các cụ nghĩ sao cho phải thì bảo đi.

Nhưng vẫn không ai đáp. Trung lại giục:

-Kìa cụ nhất, cụ nghĩ thế nào?

Cụ nhất hớp rượu, khà một tiếng:

-Ồ, lão giả an chi. Tuỳ các cụ đấy.

Cụ nào cũng làm như không nghe tiếng. Khán thủ lại hỏi:

-Các cụ bảo cháu thế nào, không có muộn. Cụ Phó hội?

Bút cười, và được dịp để nói khấy:

-Cụ phó hội à? Cụ ấy dốt nát, biết gì, anh hỏi cụ Bá ấy, cụ ấy mới thi đỗ Sơ học yếu lược ấy mà.

Đám Soang lau mép, nghiêm chỉnh nói:

-Trình các cụ, mấy lần dân họp để bầu tiên chỉ mà không xong, thì đáng lẽ thủ lợn phải biếu ông nào nhất làng.

Cụ Nhất xua tay, vội vàng trách:

-Rõ ông mới khéo, việc gì kéo tôi vào đấy.

Soang chữa:

-Là cháu nói ông nào to nhất làng kia đấy. Nhưng nay, ông lý và ông chánh không ai chịu ai, nghĩa là hiện nay không có ai hơn ai kém.

Trung cau mặt, vênh váo nói một mình:

-Sao không có ai hơn, ai kém.

Soang tiếp:

-Thì tôi tưởng bây giờ cái thủ lợn hãy nên bổ đôi, để kính mỗi ông một nửa là công bình.

Mọi người như nhẹ nhõm, vì được nghe câu nói rất xác đáng. Những tiếng "phải" nối đuôi nhau từ chiếu nọ đến chiếu kia. Liễu và Trung hình như lấy làm hả, không ai nói lại một câu gì.

Soang cười hà hà bảo khán thủ:

-Đấy, các cụ đã bằng lòng, anh cứ thế mà làm.

XXI

Ngày hôm sau, Trung bảo vợ bán thóc và đòi nợ. Liễu cũng dạm bán thêm năm mẫu ruộng.

Làm tiền xong, Trung phát đơn kiện Liễu về tội "lột lọng chức sắc".

Ông huyện, vẫn khéo léo như thường, ăn tiền cả hai bên rồi xử hoà. Nhưng Trung nhất định không chịu, chống án lên toà đệ nhị cấp. Trung vì làm việc đã lâu, nên một đôi khi có được ra vào cửa quan chánh án. Nhưng Liễu cũng không kém thần thế, ông nhờ quan huyện đưa vào quan dự thẩm.

Muốn chuộc danh giá với làng, cả hai người tiêu hết bay số tiền có sẵn, rồi Liễu lại phải bán thêm ruộng và Trung cũng phải cầm cái vườn, cái ao.

Hai người đều chắc như cua gạch, và mỗi khi ở tỉnh về làng, cùng khoe khoang sự thân mật với quan thầy.

Trung khoa chân múa tay:

-Phen này không những nó mất chánh hội, mà còn phải tù nữa. Vì tiếng rằng cụ Dự bênh nó, nhưng cụ chánh án đã ra lệnh cho cụ Dự rồi.

Liễu ngồi đâu cũng bô bô:

-Cụ Dự tử tế lắm, cụ dễ hơn quan ta, đã cho tôi về nhà ăn cơm. Cụ hứa cho phép tôi vào hầu cụ lúc nào cũng được. Cụ dạy rằng việc kiện nhau quan trọng ở lúc lấy cung, cho nên dù cụ chánh án muốn bênh bên kia thế nào cũng không đủ chứng cớ mà làm án nổi. Cụ bảo hễ việc này đăng đường xong, thì tôi lại kiện lại thằng Trung về tội lộng quyền. Thế nào cụ cũng giúp. Không những nó phải cách, mà còn bị tước phẩm hàm vị thứ nữa.

Nhưng kết quả việc kiện nhau không được như ý cả bên nguyên lẫn bên bị. Không ai phải tội lột lọng chức sắc và cũng không ai phải tội lộng quyền. Cả hai người đều phải phạt ba đồng bạc vi cảnh vì tội đánh nhau.

Trung tức lắm, cho rằng quan chánh án lừa mình. Liều bực mình thấy quan dự thẩm hứa hão. Cho nên cả hai người cùng chống án lên toà thượng thẩm, mà cùng nhờ trạng sư có tiếng bào chữa hộ mình.

Lại một phen tiêu tiền xứng đáng.

Vợ Liều thở dài:

-Khổ quá, cứ nay dăm mẫu, mai dăm mẫu, thì hết nghiệp lúc nào không biết dấy.

Vợ Trung giày vò chồng:

-Kiện cáo làm gì để phải bán ruộng bán nương đi như thế này.

Song, đã đâm lao phải theo lao. Trung đưa thầy kiện xem bằng cửu phẩm, và dẫn những tay làm chứng đắc lực lên Hà Nội. Ông phải tận tâm cung đốn người phe mình, và giao hẹn:

-Tôi được phen này, thì sống chết cũng khao làng một bữa.

Liễu chẳng kém tin trạng sư của mình và vui vẻ dặn vợ:

-Hễ khi nào toà xử, mà thấy tôi về, đốt pháo ngay từ đầu làng, thì ở nhà cũng reo lên nhé.

Song, tuy bận việc ở Hà Nội, mà Trung và Liễu cũng không hiếng nhác việc khoét dân. Hai người cùng bới bèo ra bọ để kiếm ăn, và ganh nhau ăn, bởi vì nếu không được cùng ăn đều nhau, ức là sợ mình kém giá trị. Mà người nào cũng có một đội do thám để rình nhau, xem nếu bên kia ăn bậy mà mình không được xơ múi, thì bỏ giấy. Nhưng cũng may, không có giấy má nào bỏ lên quan, vì hai người cùng ăn bậy bạ ngang nhau.

Rút cục, chỉ con em là khổ. Mà nghề thế, đột từ nóc đột xuống. Trong làng lý trưởng, chánh hội đã là hạng mọt già, thì cả phó ký lẫn ban hương hội, cho chí khán thủ, trương tuần, đều hùa nhau làm hại làng. Người dưới làm liều đã được người trên vừa che chở. Người trên vừa làm liều đã được người trên nữa bênh vực, một loạt đều ăn tàn phá hại, đểu giả ngang nhau.

Nhưng tiền mà Liễu và Trung đục khoét quanh làng hàng năm, hù sao được số bạc tốn kém về vụ kiện cáo.

Rồi ngày đăng đường đến, Trung và Liễu dắt chứng lên Hà Nội hầu toà. Cả hai vẻ mặt cùng lo lắng, cùng chăm chắm nhìn thầy cãi của mình, đầy vẻ tin cậy.

Sau khi toà hỏi căn cước đôi bên và một vài câu như thường lệ, thì các chứng cớ lên vành móng ngựa để trả lời. Rồi đến tài hùng biện của trạng sư.

Trong khi các thầy cãi đập bàn, đập ghế bào chữa cho khách hàng của mình, thì cả mọi người hồi hộp. Nhưng ông phán thông ngôn che tay lên miệng để giấu kín cái

ngáp. Quan chánh án lấy đầu ngòi bút vặn lại cái đinh ốc trên núm bàn thấm. Ông bồi thẩm nhìn ông lục sự rồi cười.

Thấy cãi ngồi xuống đã lâu, quan chánh toà mới đứng dậy vào phòng luận tội. Rồi một lát các ngài ra.

Cả từng ấy quả tim như đập mạnh. Dứt lời quan chánh án, ông thông ngôn dịch ra tiếng An Nam:

-Toà tha cho cả hai bên, về mà làm ăn, không được kiện cáo nhau lôi thôi.

Thế là toà xử hoà. Cả hai bên đều được miễn phạt bạc ở toà án tỉnh.

Liễu thấy được kiện, sung sướng vái dài các quan.

Trung thấy khỏi oan, tấm tắc khen mãi trạng sư của mình là giỏi.

XXII

Sau việc kiện nhau, Liễu và Trung như cũng bi mệt nhoài. Thật là những người đã chạy quá sức. Thỉnh thoảng nghĩ đến món tiền to lớn tự nhiên đội nón ra đi. Trung lại tiếc và bực mình, lẩm bẩm:

-Rõ vô ích quá, vô cớ mình làm giầu cho kẻ khác.

Rồi ông đâm ra lẩn thẩn một dạo và nhất định mặc cho vợ con mè nheo, ông vác tĩnh về nhà, "trô" công nhiên mỗi ngày một đồng bạc. Ông bảo để giải buồn, chứ cứ ngồi hối hận mà tiếc tiền, thì buồn đến phát ốm mất.

Liễu cũng nhụt cả nhuệ khí, song còn được an ủi là đã không thua kiện. Tuy vậy, ông muốn từ nay sống hoà bình, bởi vì nghĩ đến ruộng nương bán chác, cái óc chiến tranh của ông làm ông e sợ chốn công môn. Bởi vậy cả hai người kiềng nhau, và do thế dân làng đỡ bị những nhiễu.

Nhưng được tròn sáu tháng, thì bỗng ông chánh tổng già tạ thế. Các huynh thứ trong làng thấy lâu nay Liễu và Trung không mời đến chơi, hoặc rượu chè, hoặc hút sách, để nói xấu nhau, thì tưởng như buồn bã. Nên họ mừng thầm sắp có dịp được no say, được trông thấy có anh khuynh gia bại sản. Hai người vốn chỉ hầm hè nhau vì vị

thứ, tất không khỏi tranh nhau kịch liệt chức chánh tổng phen này.

Quang đến dò ý Trung thì Trung lắc đầu:

-Chịu!

Rồi nghĩ một lát, ông nói:

-Nhưng nếu bên kia ra, thì bắt buộc tôi phải tranh.

Liễu cũng hết sức nghe ngóng và cũng như Trung, ông chỉ hứa với Bút:

-Xem đã.

Nhưng hàng tổng ai để cho hai người kình địch này được nghỉ yên để họ trở nên vô ích. Mà quan phụ mẫu cũng nghĩ ngay đến hai con bò vàng. Ngài bảo Liễu:

-Thầy cứ ra, sợ gì.

Quang vội đến báo với Trung:

-Chánh Liễu đã vọt lên huyện và quan đã hứa tác thành cho hắn rồi đấy.

Thế là đồng thời, hai lá đơn tình nguyện ra ứng cử chánh tổng đã bay đến huyện đường, và hàng tổng đã khấp khởi mừng thầm, đắn đo xem bên nào mặn mà hơn thì bỏ phiếu.

Cuộc cổ động dần dần hăng hái. Trước hết, cử tri chỉ được bữa chén, bữa hút, thì ra ý lửng lơ. Rồi quen nếp cũ, lá phiếu có giá trị bằng tiền bạc. Nhưng vì sự tranh nhau hăng hái, nên giá phiếu mỗi ngày tăng hai lần, mỗi lần hơn nhau hai đồng bạc. Đến khi lá phiếu cuối cùng phải mua đến năm chục thì thôi, bởi vì, không một người có chân đi bầu nào mà chả bị mua chuộc. Song hai bên bằng phiếu nhau. Chưa có thể có sự thắng bại. Bởi vậy, một hôm, bên Trung suýt bị cướp mất một người. Cho nên, cả

đôi bên đều đề phòng bằng cách giữ rịt cử tri trong nhà mình, bắt đầy tớ ngày đêm canh thật cẩn mật. Cử tri bị nhốt, nhiều người phản bội, muốn đánh tháo ra để bán phiếu cho bên địch, lấy giá tiền gấp bội. Nhưng không thể. Hồ có ai vờ vịt ra vườn phóng uế, để dò lối đánh tháo, thì đã thấy thập thò gần đấy, một gia đinh cầm sẵn gậy gộc. Chẳng phải gia đinh ấy dám phang vào đầu cử tri khi thấy ông này chuồn, nhưng để đánh nhau với đầy tớ đối phương, nếu xảy ra việc cướp người.

Rượu chè. Bài bạc. Phiện phò. Hát xướng.

Về bên Liễu, Bút tận lực nhất. Lúc nào Bút cũng mệt phờ người. Bởi vì Liễu hứa giúp Bút lên chánh hội, khi mình được làm chánh tổng.

Ngày bầu cử đã tới. Bên nào cũng đúng hai mươi hai người. Liễu buồn rầu, họp bạn bè lại để bàn việc. Nhưng không ai có ý kiến hay mưu mô gì để lấy thêm người. Ấy thế mà một việc xảy ra, làm Liễu lo mất mật: Cụ nhất Tời không biết vì mấy hôm liền ăn những thức khó tiêu hay sao, mà từ tối, cụ đâm đau bụng, thượng thổ hạ tả, vật giường trên xuống giường dưới và kêu rầm rĩ:

-Tôi chết mất.

Sáng hôm sau, cử tri đã phải tề tựu ở huyện trước tám giờ. Vậy thế nào Tời cũng phải khỏi để đi bỏ phiếu. Thấy nhân tiện có ô tô thuê sẵn để đưa cử tri đi, nên lúc mười giờ đêm, Liễu bảo tài xế đánh xe ra tỉnh mời đốc tờ, mất bao nhiêu tiền cũng không ngại.

Bác sĩ đem thuốc cấp cứu về, Liễu lo lắng hỏi:

-Thưa quan liệu có thể nguy đến tính mệnh ngay không ạ?

Bác sĩ xem người ốm lắc đầu:

-Không hề gì.

Liễu nằn nì:

-Bẩm đây không phải là người nhà cụ này, xin quan làm ơn cứ nói thực, không e ngại gì cả. Nếu có phải cụ ấy mắc bệnh thời khí mà không thể còn lâu, xin quan cho cụ ấy một phát tiêm cầm lại, để cụ ấy sống nốt sáng mai mà đi bỏ phiếu.

Bác sĩ cười:

-Không hề gì. Cần cho ông cụ uống thuốc và nghỉ yên.

-Nhưng con thấy nhiều lúc cụ ấy nằm im lịm, con sợ quá.

Bác sĩ tiêm một phát, tức thì bệnh nhân khỏi hết đau.

Tời uống thuốc , rồi nằm thiu thiu ngủ.

Được một lát. Liễu đã đánh thức Tời dậy, bảo sắm sửa khăn áo mà đi. Tời nhăn nhó, lạy van, nhưng không được.

Bất đắc dĩ, Tời phải để cho đồng tiền nó làm tội. Nhưng lúc ấy thuốc tiêm đã nhạt, nên Tời lại thấy rơm rớm đau. Cụ ôm bụng nằm xuống phản. Liễu nghi ngờ, hỏi:

-Hay cụ định phản cháu, thì cụ lấy bao nhiêu nữa, cháu cũng xin vâng.

Tời rống lên như con cọp, cụ co rúm chân tay và cố ọe, nhưng không nôn được. Ai mó vào cụ, cụ càng thấy đau, đau như đứt gan đứt ruột.

Nhưng biết làm thế nào. Giờ này Tời đã bán cho Liễu, thì nhất định cụ phải đi. Chuyến xe trước chở một tốp đi rồi. Chuyến này đến lượt cụ.

Mặc cụ van lậy xin đừng ai mó tay vào, mặc cụ kêu trời đất, người ta cũng cứ cõng đặt Tời vào võng, cáng lên ô tô với mười người nữa.

Trong xe chật chội, Tời không được nằm, nên thấy đau dội. Cụ lăn lộn cả lên người ngồi cạnh. Xe đi xóc, càng làm Tời đau đớn bội phần. Cụ kêu cha kêu mẹ, lạy Liễu xin trả lại tiền để được tha cho về, nhưng nào ai nghe.

Tới huyện người ta cõng Tời xuống võng, và khênh cụ vào.

Phe Liễu được đội lệ tiếp ở trại lệ. Phe Trung được quản đồn đón vào trại cơ. Cuộc tranh người đến giờ chót càng nghiêm ngặt, Liễu và Trung, mang đi rất nhiều tiền để định khi bắt cóc được một cử tri nào thì cấp tốc nhét bạc vào tay mà kéo về phe mình.

Nhưng vô hiệu. Cuộc phòng thủ dù không phải có chiến hào tối tân, song, không bên nào bén mảng được vào trận tuyến địch.

Trung thấy nói Tời đau bụng thập tử nhất sinh thì mừng thầm. Hắn cụ không đi được thì Liễu phải kém phiếu. Nhưng khi thấy tiếng Tời kêu ồn bên trại lệ, ông lại lo lắng như trước, ông khấn ngầm cho cụ về với tổ tiên trước giờ hầu.

XXIII

Hai bên ngang phiếu nhau. Phải bầu lại. Tời bị xe cáng dằn vặt, nên được chết trước định mệnh.

Đó là một mối lo cho Liễu, mà là một tin mừng cho Trung.

Vì vậy, cuộc giam cử tri lại càng nghiêm ngặt. Chỉ vợ con họ có thể đến thăm được mà thôi. Dù cha mẹ ốm nặng. Họ cũng không được về. Mà có vạn bất đắc dĩ phải về thì một người trong hộ tham mưu phải cùng bốn gia đình thân tín vác dáo mác đi hộ vệ. Bởi vì, ngoài hàng rào nhà người ứng cử, sự trung thành của cử tri không có đảm bảo nữa. Nhất là Liễu, bây giờ đến trăm bạc một phiếu, cũng không dám tiếc.

Liễu lo lắm. Sự thua chắc rõ mười mươi. Mà không sao cướp được của bên kia một người.

Gia dĩ ngày bầu đã đến gần.

Ông mời Bút vào buồng để bàn việc:

-Thế nào, bác có giúp tôi kế gì không? Còn có hai hôm nữa thôi. Không được phen này thì mất toi ngót hai nghìn đồng bạc.

Bút gật:

-Phải, đến hai nghìn. Hơn nửa tháng nay, hôm nào cũng cỗ bàn, hát xướng, phiện phò. Lại tiền đút lót các cửa. Hay bác chạy lên quan chăng.

Liễu lắc đầu:

-Không tin quan được, ông ấy xử nước đôi, tôi biết, vì Trung nó khấn ông ấy ngần ấy. Đút tiền để ông ấy khỏi làm khó dễ về sau, chứ việc mình, mình phải lo, ông ấy giúp gì được.

Rồi nghĩ ngợi một lát, Liễu hỏi:

-Bên kia có ai hay nhị tâm không? Bác nghĩ hộ.

Bút cười:

-Tất cả! Chẳng ai nhất tâm đâu! Cả người bên mình cũng vậy. Chỉ làm được cách gì đem được tiền ấn vào tay họ, là họ về bên mình ngay. Nhưng mắc cái nó canh ngặt quá, không tài nào cho người lọt vào được.

Liễu gật, quả quyết nói:

-Được, tôi có cách.

Bút mừng rỡ, hỏi:

-Cách gì?

-Ai sợ vợ nhất bọn, trong phe Trung?

Bút rũ lên cười:

-Tôi hiểu rồi. Ông đám Bái, bác ạ. Kế ấy diệu đấy.

Thế là Liễu dùng ngay hà đám Bái làm gián điệp cho mình.

Hành trình cuộc thu xếp ấy không dễ dàng đâu. Nó phải đi như thế này:

Đêm hôm ấy, nhà Bái bị một bọn cướp bôi mặt nhọ vác khí giới vào. Làng độ này có canh phòng gì đâu. Bao

nhiêu tuần phải chia nhau phục dịch cả hai nhà có việc. Vì bọn cướp đến bất thình lình nên bà đám không kịp kêu. Chúng nhét giẻ vào mồm bà, giơ dao trước ngực và doạ:

-Hễ kêu các quan đâm chết!

Chúng trói đầy tớ mỗi người một cột.

Bà Bái mê mẩn, mềm nhũn như cái xác vừa chết, nói không ra hơi:

-Lạy các quan, các quan lấy gì thì lấy, các quan tha chết cho con.

Quân gian lần chìa khoá, lục lọi các hòm, tủ. Nhưng bỗng thình lình! Có tiếng đạp cổng.

Bọn cướp luống cuống chực tẩu thoát, nhưng sáu, bảy người ở ngoài đã vào.

Hai bên đánh nhau túi bụi. Bà Bái, trong cơn mê hoảng, chỉ nhận được mặt mỗi một người can đảm cứu mình: người đó là ông chánh hội Liễu.

Mười phút sau, bọn gian phi chạy thoát, Liễu cởi trói cho bà Bái và người nhà.

Khổ chủ thở hổn hển, rồi ngồi thụp xuống đất, lạy ông chánh hội hai lạy, Liễu vờ hỏi:

-Ông Bái đâu?

Bà Bái thở dài gạt nước mắt đáp:

-Khổ quá, thưa ông, đến mười hôm nay trong ông Bá giữ rịt có cho về đến nhà đến cửa đâu.

Liễu cau mặt, dậm chân:

-Chết thật!

Bà Bái xúc động nghiến răng gọi đầy tớ:

-Mày có đến đằng ông lý gọi ông Đám về không? Nó cướp hết của, nó giết hết người rồi đây này!

Liễu can:

-Bà đừng nóng nảy quá. Người ta chả cho ông ấy đi đâu. Đến cụ Tời chết, mà ông xã Tế là cháu gọi bằng bác ruột cũng chả được về đưa nữa là.

Bà Đám thở dài:

-Phúc cho nhà tôi quá, may ông đến cứu chứ không còn gì là của, là người.

Rồi bà têm trầu mời Liễu, Liễu nói:

-Tôi tiếng bận thì bận, nhưng không bao giờ chểnh mảng việc làng, dẫu canh phòng có phải công việc tôi đâu. Chính từ trưa hôm nay, tôi đã nghe hết bọn cướp này định vào đây. Nhưng tôi không tài nào giáp được ông ấy mà mách cả.

Bà Bái nói:

-Giã ơn ông.

Liễu tiếp:

-Cho nên tôi phải rình để cứu bà.

-Phúc đức quá! Tôi biết lấy gì để đền ơn ông bây giờ.

Liễu yên lặng, bà Bái than thở:

-Thế mà, khổ quá, nhà tôi lại đi bầu cho ông Bá Trung!

Liễu cười. Lúc ấy người đi gọi ông Bái đã về, nói:

-Thưa, cụ bá không cho tôi giáp ông Bái.

Bà Bái nhảy lên chồm chồm:

-Lấy lẽ gì, sao mày cứ không sấn vào có được không?

-Nhưng cụ Bá bảo ông Bái nhức đầu phải nằm nghỉ.

-Lại chết với mấy con nhà trò, chứ ốm đau gì.

Liễu khích:

-Để ốm thật đấy chứ, bà tính ngày nào cũng rượu, đêm nào cũng thức, rồi phiện, rồi gái, làm gì mà không ốm. Chính tôi đây cũng có được khoẻ đâu.

Bà Bái càng nóng ruột toan nói, nhưng Liễu hỏi tranh:

-Thế ở đây có cướp vào, trong ông Bá có biết gì không?

-Bẩm không.

Liễu lắc đầu, bà Bái nóng nảy hơn, nói:

-Đấy ông xem. Thế thì quá quắt lắm. Tôi đã bảo nhà tôi ở nhà, thì không nghe. Ông ạ, hôm nọ thằng bé ngã từ trên hè xuống sân suýt chết đấy. Khổ quá, ai lại bỏ nhà bỏ cửa từ hôm ấy không đảo qua về bao giờ.

Liễu can:

-Bà đừng trách ông ấy, người ta ai chẳng tham tiền.

Bà Bái cáu:

-Tiền! Tiền! Ông bảo được bao nhiêu. Được mấy chục đồng bạc, có đem về cho tôi một xu, tôi cứ chết. Mà tôi cũng dơ mặt chẳng thèm hỏi. Lại chết về gái thôi.

-Mà không khéo thì mắc nghiện chứ lành à.

Bà Bái tức:

-Mai tôi đến bắt nhà tôi về, không thì tôi làm cho tan hoang, chứ không để yên thế được.

Liễu lắc đầu:

-Không nên, bà nên giữ giá trị cho ông ấy. Rồi không khéo người ta lại bảo tôi xui bà. Vả bên ông lý đang hơn tôi một người, đời nào ông ấy để cho bà lôi ông Bái về.

-Ông cứ mặc tôi, tôi bắt nhà tôi về, về để lễ sống ông hai lễ.

Liễu xua tay:

-Ấy chết bà chớ! Tôi không dám. Tôi tưởng bà bắt ông ấy về bỏ phiếu cho tôi, tôi đã mừng.

Nói đoạn, Liễu cười hà hà như cười một câu nói đùa không đâu, rồi tiếp:

-Ấy hai bên, phen này chỉ hơn kém nhau có mỗi một phiếu. Về phần tôi nắm chắc cái thua, mà tôi thua thì tai hại chẳng kém gì mất cướp.

Bà Đám cảm động, thở dài:

-Ông biết như mất cướp, mà ông còn cứu cho gia tài người mất cướp. Thế mà người mất cướp lại vác mặt đi bầu cho người ra tranh với ông, thật là bạc quá.

Liễu nói tức:

-Nhưng ông ấy đương mê man, hiểu sao được lẽ phải như bà.

-Sao lại không hiểu, không hiểu, không yên được với tôi.

Liễu thở dài:

-Thế thì tôi đa tạ bà. Nhưng nếu bà bắt ông ấy về, và lại để ông ấy sang ăn uống bên nhà tôi, thì quyết bà mang thù mang oán, mà rồi ông lý trưởng bị thiếu phiếu, tất nghĩ mưu mẹo cướp người, có khi đến thành án mạng. Chi bằng bà cứ để vậy ông Đám ở bên ấy cho ông lý yên

lòng. Rồi đến khi bỏ phiếu, ông Đám có yêu tôi thì viết tên tôi. Thế là êm thấm.

Thấy bà Bái nghĩ ngợi, Liễu tiếp:

-Còn tôi, tôi xin cam đoan giữ gìn nhà cửa hộ bà cho đến hôm bỏ phiếu xong.

Bà Bái đăm đăm đôi mắt, rồi đáp:

-Vâng, ông bảo thế nào tôi cũng xin nghe.

Liễu mừng rỡ:

-Xin bà giữ kín, đừng lộ cho ai biết, và bà nói cho khéo để ông ấy nghe theo.

-Ông đừng ngại. Tôi bắt nhà tôi làm gì không được.

Liễu móc túi, lấy chiếc phong bì dày, đưa bà Đám:

-Nhờ bà đưa cái này cho ông ấy hộ tôi.

Bà Đám mở ra thấy rặt giấy bạc:

-Ồ, ông lại cho nhà tôi tiền nữa ư? Tôi không cầm đâu.

-Không, mạnh về gạo, bạo về tiền. Hễ ông ấy thấy cái này, thì giá không muốn nghe bà cũng phải nghe. Tôi tốn kém kỳ này mấy nghìn, cho nên vài chục này có là bao. Bà không cầm, tôi cũng đến tiêu phí đi mất.

Bà Bái vốn tham lam, nói mấy câu lấy lệ, rồi nhận phong bì.

Liễu sung sướng:

-Thế bà tất lực hộ cho nhé. Từ nay đến hôm đầu phiếu, tôi không lại đây nữa đâu, sợ lộ. Nhưng ngộ ông ấy không nghe thì bà cho tôi biết ngay nhé.

-Ồ, ông tính người hay chó mà bảo không nghe.

Liễu cảm ơn bà Đám, đứng dậy ra về trong người nhẹ nhõm.

XXIV

Trung ngã ngửa người.

Là vì sự phản bội, đến phút cuối cùng, ông mới biết.

Mấy hôm trước ngày bầu lại, lúc nào ông cũng hớn hở. Ông hết sức dèm pha Liễu, đổ tội cho Liễu đã làm cụ Tời chết, và cho là trời giành cho ông chức chánh tổng phen này.

Hôm công cử, thấy Liễu thuê hai ô tô, ông thuê những ba, để ra dáng ta nhiều cử tri hơn và để cử tri được ngồi rộng rãi. Ông bảo thầm đầy tớ gởi sẵn trong nhà ông ký rượu phố huyện cái tráp sơn đen, cái điếu ống, và mang theo vào công đường chiếc áo thụng lam gói trong nhật trình. Để đến khi tuyên bố kết quả, ông có sẵn áo, mặc vào lạy tạ các quan. Ông lại dặn chúng cẩn thận rằng hễ thấy ông ta đến cổng huyện là không cần hỏi gì cả, cứ đốt ngay một bánh pháo dài. Ông tưởng tượng đến sự mỉa mai của tiếng pháo ấy, nó phải xé ruột xé gan anh chàng Liễu ra, chứ chẳng chơi.

Nào ngờ bánh pháo ấy nó làm chính tâm can Trung tan tác. Khi nghe tiếng nổ, ông chạy vội, hò đầy tớ dập pháo đi. Nhưng ngòi thuốc cứ lèm nhèm cháy, không thể dập được.

Nhất là thấy phe Liễu reo hò ầm ĩ. Trung căm tức. Ông đứng lại, trừng đôi mắt, chửi rầm rĩ. Một cuộc đánh nhau to suýt thành. Hai bên đều tớ, không biết mang phòng khí giới đi tự bao giờ, đã đứng ra hai bên. Nhưng may, lính huyện ra đàn áp ngay.

Trung càng tức, nhìn theo phe Liễu hớn hở đi giữa bọn gia đinh vác gậy gộc xung quanh. Rồi không biết đổ uất ức lên đầu ai, ông đâm lại, vặc cử tri của ông. Ông chửi tuốt cả, đã phản bội, đã lừa, đã ăn của ông lại làm hại ông. Rồi cho bõ hờn, ông còn cho các tài xế đánh xe trả hiệu trên tỉnh, kệ các cụ lốc nhốc đi bộ về!

Đến nhà, Trung nằm vật xuống giường, lên cơn sốt kịch liệt. Miệng lúc nào cũng nhem nhém chửi Liễu và thằng nào phản mình.

Trung nhịn cơm hai hôm và ốm mất nửa tháng. Khi nghe tin Liễu sắp ăn khao, ông đe:

-Thằng nào đến ăn ông đánh què.

Nhưng ông không đánh què ai cả. Ông phải dùng kế cũ của Liễu, nghĩa là hối lộ cho mỗi người một suất sưu, để đừng ai đến ăn.

Song, Liễu không chịu. Ông phải làm cho Trung biết rằng hắn không làm gì nổi ông. Nên Trung đã định cho người ta suất sưu, thì Liễu hứa ai đến ăn, không những ông biếu suất sưu, mà còn tiền thêm đồng bạc nữa.

Bên nào tử tế là người ta hùa theo bên ấy. Cho nên tiệc khao chánh tổng vẫn sầm uất tấp nập như thường. Vả lại, muốn đề phòng sự chẳng hay xảy ra trong mấy ngày nhà có việc, Liễu xin với quan cho hai tên lính súng về canh làng. Kỳ thực là để canh cho ông. Ông lại khôn ngoan. Ngày đầu ông rước quan huyện với ông Thừa.

Ngày thứ hai, ông đón quan trợ với ông Lục. Ngày thứ ba, ông mời cụ phủ hưu trí và quan Nghị Đức. Nghĩa là trong từng ấy hôm, hôm nào trong nhà cũng có kèm một vị quan, để lấy thân thế đe doạ bên địch. Hễ ai dở dói điều gì. Những bậc tai mắt này sẽ làm chứng.

Bởi vậy hôm nào tiệc khao, cũng linh đình vui vẻ.

Từ ngày Liễu làm chánh tổng, ông lại sinh hoạt bằng cách chánh tổng. Chỗ ngồi chơi bây giờ quét vôi và kẻ hoa. Phía trong kê chiếc tủ chè, ngoài là hai tấm ghế gụ. Trong tủ ông bầy những thứ quý giá nhất, như chồng bát kiểu, nậm rượu sứ, lọ hoa giấy.v.v...

Những thứ ấy, chỉ tết ông mới trang hoàng nhà, thì bây giờ ông chưng cả ra cho có vẻ sang trọng. Trên tường ông treo san sát những câu đối đỏ mới của khách đưa mừng.

Ông cũng mới sắm cả tráp, và tập hút thuốc lào để dùng điếu ống. Ông mua cả nón lông đen thắt quai lụa bạch. Và con ngựa hồng thỉnh thoảng có việc đi đâu, ông đội nón lông cưỡi ngựa hồng, đi trên đường cỏ xanh, theo sau một thằng nhỏ cắp tráp, xách điếu, thì ai cũng phải khen là phong nhã.

Lúc nào ông cũng vui vẻ. Nhất là nghĩ đến nỗi từ nay về sau. Ông hơn hẳn Trung, không còn ai có thể cãi được. Ông gọi Trung là thầy lý, để tỏ ra mình là người trên. Không cần ai bầu làm tiên chỉ. Nay không những ông nhất làng, mà nhất cả tổng nữa. Thấy nhạc ngựa ông, các bà đi chợ chẳng đứng rén sang bên đường ngả nón chào ông là cụ là gì.

Nhưng Trung vẫn không chịu, thường nói:

-Quyền hành đếch gì cái chức chánh tổng. Giỏi thì ra

làm quan có được không. Vả lại, một người lý trưởng với một người chánh tổng, thì lý trưởng to hơn nhiều chứ. Lý trưởng đối với làng mới có quyền hành, chứ chánh tổng chẳng qua chỉ là cái hư vị.

XXV

Ngày làng vào đám năm sau, chánh tổng Liễu vênh vang áo mũ, một mình ở chiếu cạp hoa trên cùng, đứng chủ tế.

Ông lại thâm độc, cắt Trung vào bồi tế, đứng tận chiếu sau, cái chiếu trắng không cạp, ngang hàng với Bút, mới được làm chánh hội. Việc thần thánh, không lẽ Trung chối từ, sợ phải tội, nên ông chỉ có mặt ở đình lúc tế mà thôi. Chính tay Liễu viết văn, đứng tên một mình, và dạy người học cho thông để vào đọc chúc.

Ông nở nang mặt mày, khi nghe ề à những tiếng:

-Mệnh bái, nhâm tý khoa nhị trường, lĩnh tam giang tổng chánh tổng, Trịnh Văn Liễu...

Ông hể hả, cung kính giơ tay vái một cái.

Trung cho thế là một sự nhục cho mình. Vả lại không chịu dưới quyền Liễu, ông mới nghĩ ra là nên thôi lý trưởng. Phải, làm một anh nhà giầu, dân bất phiền, quan bất nhiễu, tự do hơn nhiều, mà cũng danh giá hơn nhiều chứ.

Bởi thế, ông vận động để được từ dịch. Ông Huyện thấy Trung xin ra ngoài tròng thì cũng tiếc, cố dỗ dành con bò vàng ở lại nhưng không được. Bất đắc dĩ ông phải

nhận tiền cho Trung từ.

Được thôi việc, Trung vênh vang nói:

-Bây giờ tôi chẳng sợ thằng nào, tôi có thể ngồi ngang với quan được rồi. Mặc cho đứa nào cứ phải gãi đầu gãi tai, bẩm bẩm báo báo. Việc làm cụ nhất chết, thế nào tôi cũng kiện.

Nhưng Liễu bỏ ngoài tai những câu của kẻ khỏi vòng cong đuôi. Ông cho là từ nay đến mãi mãi Trung không thể tranh được với ông cái thủ lợn. Ông thoả chí bình sinh.

Song bà Liễu đã trông rõ cái nguy cơ lớn nó thập thò ở cổng. Thóc lúa tiền bạc ruộng nương nó về tay người khác bao nhiêu, sự túng thiếu, vất vả khốn đốn về nhà bấy nhiêu. Đến nỗi năm nay không đủ vốn cấy có hơn mười mẫu, bà phải cho làm rẽ.

Bà thường khuyên chồng:

-Thôi nhé, mãn nguyện rồi, đừng chạy chọt công danh thêm nữa, mà rồi hết nghiệp đấy.

Ông chánh tổng cười, gõ tay vào tráp đáp:

-Kể ra tiền ai chẳng quý, nhưng nghĩ nó làm cho người ta thêm danh giá, thì cũng chẳng nên tiếc làm gì.

Rồi ông tiếp:

-Vật nhau kẻo nào nó thua kẻo ấy, từ nay dử kẻo nó cũng chẳng dám đọ sức với mình. Và bước công danh cũng chỉ đến chánh tổng là tột bực.

Nhưng Liễu không được yên tâm lâu. Bước thang công danh còn nhiều bực nữa, và còn tiền, có khi nào Trung chịu nhục lâu.

Năm sau, khoá nghị viện hết, cuộc tổng tuyển cử sẽ

vào tháng bảy tây. Trung rục rịch ra làm dân biểu.

Liễu như bị tiếng sét. Nhưng biết làm thế nào. Tiền ông chẳng còn. Chẳng lẽ còn mươi mẫu ruộng ông bán nốt đi để ra tranh. Nhiều lúc cáu tiết, ông đã tính liều bước nữa. Làm ông Nghị, được người ta gọi là quan, danh giá bao nhiêu, song vợ ông cứ gàn. Bà lấy lý rằng vừa ra chánh tổng, tốn kém quá, nên để vài năm, nhờ trời làm ăn hồi đã, chứ mỗi năm một việc lo chạy, thì chưa biết chừng đói rách lúc nào.

Ông hơi chịu, nhưng vẫn hậm hực:

-Ra nghị viện, tôi có hai mục đích, một là giữ lấy thủ lợn cho mình, hai là để quật thằng Trung. Bà nó thử nghĩ xem, một ngày kia nó được làm nghị viện cả mấy hạt gọi nó là quan, và cũng được ngồi ngang với quan nữa. Chịu sao nổi cái tức ấy.

Nhưng một hôm, Liễu quyết thôi hẳn việc dự định, vì ông rất mừng rỡ, thấy đã có hai người nữa ra tranh với Trung rồi. Mà hai tay, theo ý Liễu, đều là những hạng ghê gớm cả. Một người là con cụ cả tuần Nguyễn xưa kia là tuần phủ tỉnh nhà, ông này tuy chẳng làm gì, nhưng có đồn điền ở Vĩnh Yên, một hôm ông ta đã đến chơi Liễu để nhờ cổ động hộ. Ông ta trẻ, đẹp chơi rất sang, đi chiếc ô tô mới tinh tươm.

Một người, tuy không phải con cháu quan nào, nhưng lại làm báo. Liễu cũng đã được tiếp, và ông ta đến nhờ Liễu giúp sức. Tay này ăn nói ghê gớm lắm, nhưng muốn chừng ít tiền.

Muốn đánh đổ Trung cố nhiên Liễu phải về phe với đối phương. Nhưng nên bênh ông làm báo hăng hái, nói nhiều điều có lý, hứa nhiều việc có ích, hay nên giúp con

cụ tuần để sau này lấy thế thần? Liễu phân vân.

Đắn đo mãi, nhất là chưa thấy bên nào đả động đến số tiền bỏ ra mua phiếu, Liễu mới nghĩ tốt hơn hết là lên huyện hỏi ý kiến quan phụ mẫu. Thì cũng may, quan phụ mẫu nhắn ông lên để dặn dò việc bầu.

Sau khi biết ý kiến Liễu, ngài dạy:

-Khó gì mà thầy chưa quyết định; thầy làm chánh tổng, dưới quyền ông quan, thì đi bỏ phiếu cho ông nghị viện cũng là một chức quan, lý tất nhiên là thầy nên bầu cho con ông quan. Còn như tên làm báo kia tôi cấm chỉ không ai được giúp hắn.

Trong nửa tháng trời, một hôm Liễu nhận được một tờ giấy in, và vài ngày lại phải tiếp một người khách lạ. Ông như cô con gái đến thì, tường đông phấp phới những ong bướm. Song, vì sợ quan, ông khó chịu nhất là phải nói chuyện với cổ động viên của "tên" làm báo.

Phải, người này không những chẳng đả động gì đến tiền nong, mà còn chửi bới mãi hạng mua danh bằng tiền và hạng cử tri tham lợi. Hình như họ chẳng coi ông quan ra gì, nên nói những tiếng rất dữ dội, khiến Liễu nghe mà cứ giật mình thon thót. Cho nên đối với bọn hướng bỉnh, phản đối này, Liễu chỉ ừ hữ. Rồi sau họ đến, ông trốn xuống nhà dưới, nói dối là đi vắng.

Còn con cụ Tuần thì Liễu nhất định bầu cho rồi, nên Liễu đáp:

-Quan tôi đã bắt bỏ phiếu cho ngài đời nào chúng tôi dám trái ý. Vả lại, cụ lớn cũng là phụ mẫu chúng tôi.

Khách nói:

-Vâng, các ngài là hạng tai mắt trong hạt, hẳn các ngài chọn người phải sành. Chắc chả bao giờ các ngài bầu

cho một người lạ, hoặc cho anh lý dốt nát.

-Cái đó đã hẳn. Tôi làm chánh tổng, sao tôi lại để cho người lý trưởng thay mặt được.

-Nhưng còn anh làm báo nói bẻm kia?

-Ồ, ai muốn ngồi tù thì bầu cho hắn. Quan tôi bảo thế.

-Ngài thật thức thời. Tôi mong ngài làm ơn cổ động dùm cho tôi.

-Quan tôi đã bảo, ngài cứ yên tâm. Nhà làm báo kia, tôi không dám dây đến đã đành, còn lý Trung, chữ nhất bẻ đôi không biết, lại là thù địch với tôi, sao tôi bầu cho hắn được.

Song, tuy Trung không biết chữ nhất bẻ đôi, nhưng ông biết phận. Ông không cậy thần thế ông cha, nhờ các quan địa phương hèn vực mà mua rẻ lá phiếu. Ông không cậy có tài, có học, có nhiệt huyết, đi thuyết miệng để mong đánh thức sự công tâm của dân quê mà không chịu mất tiền. Đánh vào chỗ yếu của cử tri, ông mở tung túi bạc. Ông phải thắng, thắng để được ngang với thầy Liễu, cướp lấy cái thủ lợn.

Cố nhiên, ông bán ruộng, và mỗi lần năm mẫu một. Chỉ mấy hôm, mấy trăm bạc đem về hết thun thút. Ông thấy lo nghị viện, không thấy bận bịu như lo chánh tổng. Chỗ nào có người quen, ông khoán cho người ấy cả sự mua phiếu lẫn tiếp khách. Còn ông, ông thuê riêng một chiếc ô tô, nay ở hạt này, mai ở hạt khác. Đến huyện bên cạnh, ông gãi tai nói với cử tri:

-Các cụ thương mà bầu cho cháu, còn hơn để người ở đâu ấy làm nghị viện.

Về huyện nhà, ông cũng lễ phép thưa:

-Khoá trước huyện ta đã được, khoá này lại nhờ các cụ cho cháu ra, để lấy danh giá cho hạt nhà.

Ngày đầu phiếu sắp đến, Trung càng bận rộn. Bởi vì tiền nhà đã cạn, nên ông phải bán thêm ba mẫu ruộng mầu để ngày công cử thuê nhiều ô tô. Chẳng bữa nào ông được hút thoả, vì ông có được thanh thản nằm ở đâu lâu đâu. Những điếu thuốc phiện mà chỗ nọ mời, chỗ kia mời, ông thấy nó nhạt phèo. Ông cố mong cho qua ngày, để được nghỉ ngơi hút lại bữa cho thoả thuê.

Ngày đầu phiếu đến nơi, Trung thấp thỏm, mà Liễu cũng lo lắng. Trung ngồi ô tô chạy đi khắp nơi bỏ phiếu để xem xét tình hình. Liễu cũng sai người đi nghe ngóng. Trung sung sướng, mong chóng đến chiều để được thấy mình thắng phiếu, một bước lên quan. Liễu buồn rầu nghĩ đến nỗi căm hờn, khi nghĩ đến bên địch vênh vang về làng đốt pháo.

Nhưng thật là đen cho Trung. Trung lại trượt! Chỉ có trăm rưỡi phiếu bầu cho Trung, tuy hơn con cụ Tuần sáu mươi lá, nhưng kém "tên" làm báo khố dây những bốn trăm.

Trung rụng rời, rú lên một tiếng, lại bắt đầu sốt. Và ông rên lên ầm ầm, khi nghĩ đến trong làng có một người đang nhảy múa, cười hà hà.

XXVI

Thua keo này, bày keo khác, đó là sự làm việc của người kiên nhẫn.

Trung kể là kiên nhẫn vào bực nhất. Ông phải cố hết sức để thắng nổi Liễu mới nghe.

Cho nên sau một tháng tẩm bổ, ông khoẻ mạnh như thường, thì một dịp tốt đưa đến, ông không bỏ lỡ, đó là việc ông chạy Hàn lâm.

Không biết ông phải tốn kém mất bao nhiêu, mà dân làng phải rất đỗi ngạc nhiên, là thấy bao nhiêu văn tự ruộng, ông cầm ráo cả. Về việc này, quan huyện phải thức suốt một đêm mới nghĩ ra công của Trung, để chữa vào lý lịch. Bởi vì ngài nói:

-Thầy phải làm một việc gì công ích cho dân, hoặc xây đường mở chợ, lập trường cho làng, hoặc bỏ tiền ra phát chẩn cho dân bị lũ lụt thì tôi xin mới dễ.

Nhưng Trung gãi tai, thật thà đáp:

-Lạy quan lớn, chúng con không dám kêu man cửa quan lớn, mấy năm nay, con chót tranh nhau vị thứ với thầy chánh tổng, nên kiệt sức lắm rồi. Giờ con chỉ đủ để đến kêu cửa quan lớn và các nơi mà thôi. Việc này dù tốn kém bao nhiêu mà được việc, con cũng xin cố.

Bởi vậy quan huyện ghi cho Trung là đã có công lớn về việc cứu tế xã hội. Ngài khai chính Trung giúp các quan về việc hộ đê năm ngoái và hết lòng với cuộc trị an.

Nhưng lời khai cứ là lời khai, mà cái kết quả của sự đắc thắng, phải là tiền. Quan huyện đưa Trung vào lạy lục cụ Tuần, rồi bởi có hai ngài mạnh thế, và độ ấy xin phẩm hàm không khó khăn lắm, nên Trung được thưởng hàm Đãi -chiếu.

Liễu như chết điếng. Ông không chịu cho một thằng dốt nát hưởng hàn lâm, để rồi nó được ăn tiên chỉ. Ông nói:

-Tôi tố cáo đến kỳ cùng. Nó chỉ làm hại làng chứ đã làm cho làng được cái gì?

Song, nghĩ đến kiện cáo, ông lại giật mình. Ông bèn tìm đến cách trả thù không tốn tiền, là viết những bức thư dài, tố cáo tội trạng của Trung, để gởi ngầm lên quan trên. Ông yên trí rằng rồi Trung sẽ bị thu lại bằng sắc. Nhưng đến nửa tháng, công việc của ông chẳng có kết quả gì.

Ông thở dài. Mà ức nhất là bị Trung gọi lại bằng thầy. Thấy người làng gọi Trung là quan hàn Trung, có kẻ trịnh trọng gọi Trung là quan hàn Nguyễn, Liễu bầm gan tím ruột. Thật là không còn trời đất nào nữa. Lại ít lâu nay, sao lắm người đến chơi nhà Trung thế. Hình như họ nghĩ đến tiệc khao sẽ tới mà phải gây cảm tình sẵn với người cho ăn. Không thể như thế được. Liễu bèn xin từ chánh tổng, để Trung mất gọi mình xách mé, rồi xui người làng làm đơn kiện Trung, xin nhà nước tiêu thu bằng sắc của người có tội. Ông đành bỏ tiền ra vậy.

Ông sửa một bữa rượu, mời dân làng đến chén, rồi

đứng dậy nói:

-Thưa các cụ, việc ông lý Bá làng ta được thưởng hàn lâm, chắc các cụ đã biết. Cái đó, âu cũng là một sự danh giá cho làng. Nhưng tôi thiển nghĩ, hàm hàn lâm chỉ dành cho những người văn hay chữ tốt hoặc người đã có nhiều công trạng. Tôi xét ông lý Trung không đáng được nhà nước thưởng về một lẽ gì cả. Cho nên anh em ta nên ký chung vào một đơn, để tố cáo ông ta. Xin nhà nước xoá cái hàm ấy đi. Bởi vì, nếu bất cứ ai có tiền cũng được phẩm hàm, thì rồi ai thiết làm việc gì công ích nữa.

Các cụ ngồi nghiêm chỉnh, nhìn nhau để xem ý nhau.

Bút khen:

-Cụ chánh nói phải lắm.

Liễu tiếp:

-Đây tôi đã thảo một lá đơn, giá một mình tôi ký rồi đệ lên quan trên cũng được, nhưng tôi muốn xin cả chữ các cụ cho lời nói thêm sức mạnh.

Soang nói:

-Cụ kể tội lý Bá những gì?

-Vâng, tôi nói sơ lược cho các cụ nghe, rồi chốc nữa xin cùng bàn để viết đơn. Năm Tý, lý Trung hà lạm tiền thuế, sự đó dân đã kêu đến tai quan trên. Năm Sửu, Trung đánh dân, bắt dân đi đê mà chẩm món tiền Nhà nước trả lại. Sự này khi cụ Tú còn làm chánh hội, có phát đơn kiện. Năm Mão, Trung ăn tiền của thân nhân người mắc bệnh thời khí để giấu quan trên, đến nỗi làng bị tai hại. Năm Thìn, Trung bỏ việc tuần phòng, có cướp vào mà không biết, sau quan trên hỏi, lại trình là có trộm. Lại năm Thìn, Trung đã lộng quyền, bắt đám người che lọng khi rước sắc thần từ miếu về đình, tại năm Thìn nữa, khi

tranh cử nghị viện, Trung dám cắm đằng mũi ô tô chiếc cờ vàng, lá cờ của vua.

Ba Xích ngắt lời:

-Ấy, hình như đấy là xe có bảo hiểm nên có cờ ấy đấy chứ.

Liễu cau mặt:

-Thì vàng hẳn hoi, mắt ông trông thấy mà lị.

Bút nói:

-Những việc về năm Thìn, ông xếp đặt cho có thứ tự trước sau.

-Vâng, lại năm nay, Trung nói dối Nhà nước để xin tư phẩm hàm. Đấy, tôi chỉ đơn cử những việc lớn.

Mọi người bàn đi tán lại, rồi Liễu loay hoay viết đơn. Nhưng khi ngẩng lên, ông chỉ thấy còn có bảy người nằm quanh bàn đèn. Còn những mặt đỏ khác, cái nhăn nhó kêu đau bụng phải vội về, cái hốt hoảng đi, nói rằng con ốm nặng; cái vờ vĩnh nói bận chút việc chốc nữa lại đến; cái sợ sệt, thú rằng không muốn lôi thôi.

Liễu tức lắm, đành lấy bảy chữ ký, hợp với mình là tám. Rồi ông nói:

-Tám chúng ta không bất lý trung phải thất điên bát đảo à?

Liễu thắng ngựa lên huyện.

Từ lúc ấy, tiếng xì xào trong làng trở nên ồn ào dần. Chỗ này người ta đoán Trung bị tước Hàn lâm; chỗ kia người ta chắc rồi quan huyện đến phải triệt.

Nhưng sự thực, Trung đã vọt lên huyện trước Liễu để nói lót. Nên khi Liễu đến công đường, quan cầm lấy đơn,

mỉm cười vỗ vai, mời Liễu ngồi và ôn tồn nói:

-Thầy khí chậm quá. Tôi tiếc không làm được thầy vừa lòng. Vả lại nếu thầy bảo Nhà nước lầm, thì Nhà nước là ai? Nhà nước là tôi, là cụ Tuần, là cụ Chánh sứ, là cụ Thống sứ chứ ai? Vậy thầy thử nghĩ xem, thầy đương là dân, vậy có nên tố giác sự lầm lẫn của quan trên hay không. Bởi vì đây không phải là thầy kiện Hàn Trung mà chính là thầy kiện các quan kia đấy.

Liễu gãi tai không đáp thế nào được nữa. Ông huyện lại nói:

-Nghĩa là công việc đồng lần, rồi vài tháng nữa triều đình có án điểm, ai muốn tự xin hàn lâm, tôi lại xin cho.

Câu nói làm Liễu nghĩ ngợi:

-"Hay mình cũng xin".

Ý mới ấy luẩn quẩn trong óc Liễu. Ông huyện cười, nói sát sạt:

-Được hàm lâm bao giờ chả hơn. Làm gì cũng không được danh giá bằng quan hàn.

Liễu ngần ngơ hỏi:

-Lạy quan lớn, một làng hai hàn lâm có được không ạ.

Quan cười:

-Một trăm, một nghìn hàn lâm cũng được, chỉ sợ không có người đủ tiền lo mà thôi.

XXVII

Liễu về làng, ai hỏi kết quả việc kiện Trung thế nào, ông cũng không nói, mà ông còn muốn gạt đi là khác.

Người ta không hiểu sao. Cả Trung nữa. Nên Trung càng lo cho rằng dễ thường Liễu bí mật, và ông huyện lại lừa mình, chấp đơn của Liễu hay sao.

Vì vậy Trung lại kiếm cái quà lên hầu quan phụ mẫu để hỏi ý.

Nhưng sự thực, công việc làm của Liễu rất dễ hiểu. Sau một cuộc dỗ dành vợ rất kỹ lưỡng. Liễu quyết cũng xin hàn lâm, để khỏi kém Trung.

Ruộng ông không còn mấy để bán, thì ông đem văn tự nhà đi cầm rồi hỏi dấm nhiều món ở những người quen thân. Ông lại khuyên người làng nên kính trọng quan trên, và bảo quan trên là những vị thần linh, hành vi không bao giờ lầm lẫn. Lầm lẫn, có chăng hạng chỉ ngồi xó bếp nói chuyện triều đình.

Bởi vì trong cuộc vận động phẩm hàm của Liễu, Liễu được quan phụ mẫu ghi vào lý lịch những công trạng mà ông chẳng làm bao giờ. Năm Sửu, chính Liễu đã phát chẩn cho dân bị lụt trong làng hai tấn gạo, song vì không

muốn lấy tiếng, nên không trình quan trên, và mới đây, Liễu làm chánh hội và chánh tổng, một mặt hết sức khai hoá cho làng, một mặt giúp sự trị an trong làng.

Liễu được quan phụ mẫu đưa vào nhiều nơi quyền thế. Song, vợ ông cho thế là chưa đủ. Bà còn hối lộ cả thần thánh trong các đền, các phủ có tiếng là thiêng.

Muốn yên thân lúc này, Liễu đinh hẳn sự trục trặc với Trung.

Việc Trung mở tiệc khao linh đình mà làng đoán sao cũng lợi suất sưu thuế tẩy chay, thì là việc hão. Tuy Liễu không đến, nhưng không xui ai điều gì. Trung đề phòng trong mấy ngày có việc, thành ra hoàn toàn vô ích.

Chỉ có hai điều Liễu hết sức lo lắng và quyết thế nào cũng ngăn trở thì lại chưa xảy ra. Việc họp dân để bầu tiên chỉ và việc tế thần bất thường. Nếu có việc thứ hai này, ông phải đau đớn nhìn cái thủ lợn về tay bên địch.

Vợ ông, mỗi khi nghĩ đến gia tài hết mau chóng quá, thì lại thở dài phàn nàn:

-Được làng biếu thì danh giá thực, song, nghĩ đến cửa nhà sa sút mà đau lòng. Biết bao giờ mới gây dựng được cơ nghiệp như cũ.

Một hôm, quan phụ mẫu đưa Liễu xem tờ báo đăng đúng tên ông được thưởng hàn lâm.

Ông như trúng số độc đắc, suýt ngất đi về mừng. Ông quên cả lễ phép, rú lên một tiếng ngay trước mặt người trên, rồi cười như điên dại.

Hầu chuyện quan một lát, ông nóng lòng nóng ruột. Ông muốn mau mau về ngay làng, đem tờ báo ấy cho cả dân được xem.

Rồi ông phi ngựa về. Ngay tối hôm ấy, ông mời hết người nọ đến người kia lại chơi để khoe tin mừng. Trong lúc sung sướng, ông thốt ra những lời thật hể hả:

Thế mới biết Nhà nước công bình, chả lẽ quan hàn Nguyễn được mà tôi không được.

Ông gọi Trung thế để làm gương cho làng gọi mình là quan hàn Trịnh.

Bấy giờ bạn hữu mới hiểu việc ông thôi kiện kẻ thù. Thì ra tức là ông xui họ rồi đừng kiện ông nữa.

Song, Trung chẳng để Liễu yên. Thế là lại sểnh cái thủ lợn. Cho nên, Trung hội họp các đàn anh trong làng, mời chén, mời phiện rồi lấy chữ ký vào đơn tố giác Liễu. Ông tìm hết tội Liễu từ ngày ra làm chánh hội. Đơn ấy dài đến ba trang, từ tội to là giết chết thằng Cáy, đến tội nhỏ là ăn hai hào bạc của con mẹ bắt cua.

Nhưng có điều lạ, là lá đơn ấy không đệ tới huyện. Mà có lẽ nó không bao giờ tới bàn giấy quan nữa. Chẳng phải Trung đã được quan phụ mẫu cho một bài học hoà bình. Nhưng ông cần chờ dịp. Hiện nay ông không sẵn tiền. Kiện nhau mà không đút lót cửa công thì chỉ phí toi tờ giấy.

Nhưng dịp ấy chắc không bao giờ đến được. Ruộng vườn ông chẳng đã hết sạch rồi còn gì. Cho nên ông đành hậm hực, gác câu chuyện tình địch lại một xó.

Về phần Liễu thì cũng rứa, bây giờ Liễu lại mắc nợ. Ông cố xoay món tiền để khao hàn lâm cho linh đình. Nhưng không sao được. Ông chỉ có được trăm bạc để sửa lễ đình, và mời quan dân ăn phiện phiến mà thôi. Khổ cho ông nữa, là ông phải bỏ ngoài tai những chuyện người ta nói về Trung. Nhưng không bao giờ ông dám nghĩ đến sự kiện cáo.

XXVIII

Đến bây giờ, bảy năm qua, làng Từ Lâm vẫn chưa phân ngôi tiên chỉ.

Hàng năm, muốn tránh sự xích mích về vị thứ của đôi bên kình địch đã trở nên quan, thì khi vào đám, dân phải có đủ lọng che cho hai ông hàn mũ áo đi ngang nhau, sau long đình rước sắc. Hai ông cùng vào mệnh bái, cùng lễ chiếu cạp hoa, và khi xướng "đọc chúc", ông từ phải vào tận hậu cung thỉnh chuông ba tiếng.

Tế xong, làng biếu mỗi ông một nửa thủ lợn.

Nhìn thấy thủ lợn bổ đôi, cả Trung lẫn Liễu cùng hậm hực, xong đều phải chịu nhận.

Mấy năm lụt lội, hai ông càng quẫn bách, và do thế, chịu hoà nhau.

Song, tiếng rằng hoà nhau, mà bằng mặt chẳng bằng lòng. Một đôi khi, làng có việc họp, hai ông cũng có nói chuyện; gọi nhau là quan đấy, nhưng nét mặt gượng gạo, hình như cũng dè dặt từng lời.

Cái thủ lợn chưa về hẳn ai, Liễu và Trung cùng chửa nhịn nhau, song, hãy hết sức tránh những việc tốn kém, mà chỉ gâng nhau về những cái không phải dùng đến tiền.

Thấy đầu Trung lốm đốm hoa râm, từ nay Liễu để ria

mép. Khi bộ ria ấy đủ dài để trông rõ, Trung vội vàng cho mọc nốt râu cằm để có vẻ già hơn. Mà rồi Liễu cũng bắt chước thế, chứ không lép.

Nhưng dù không có cuộc thi để râu như vậy, thì hai ông cũng chẳng còn son trẻ gì. Mấy năm nay, Liễu không trắng đẹp, và mắt Trung không dễ chịu như trước nữa. Sự buồn rầu và lo nghĩ đã đào những nét nhăn nheo trên má và trên trán cả hai người cho mặt thêm vẻ đau đớn. Thực là những mặt chiến sĩ tha thiết tranh đấu để thờ một chủ nghĩa, chủ nghĩa xôi thịt, đã từng xông xáo trong bao lớp phong ba.

Hai ông như đôi ngựa, sau khi gắng sức để đoạt giải, thì bây giờ hãy nghỉ, tạm nằm một xó để thở. Để hầm hè nhau. Để nói xấu nhau, và để chờ.

Bởi vì, một ngày kia, biết đâu, trời thương cho được mùa luôn vài vụ, hai ông sẽ cùng làm ăn khá giả.

Đấy, khi mỗi người trong tay đã có một vài nghìn thì quyết sự kình địch lại phải thức dậy và hoạt động. Làng Từ Lâm ngày ấy, sẽ lại được trông thấy những việc kiện cáo lung tung, những cuộc luồn lọt ngấm ngầm hoặc để tước hàm nhau, hoặc được thăng hàm lẫm cung phụng.

Chứ hiện bây giờ, cái thủ lợn luộc tế thần vẫn híp mắt, soạc mồm ra cười, có vẻ chờ đợi...

1939

nữa.

Thuyết là tên nhà tôi. Ông Bá chỉ được mình nhà tôi là trai. Vì thầy tôi là bạn học với ông Bá, sau lại làm Đô lại tỉnh Hải Dương, nên hai ông thân nhau, mới gả tôi cho nhà tôi.

Thầy tôi chỉ thích có rể là học trò, con nhà thanh bạch.

Nhà tôi hơn tôi ba tuổi, còn đương đi học. Ở làng cũng có ông khoá ngồi bảo đến mười lăm đứa trẻ, nhưng ông Bá không cho con đi học gần, sợ con một, ở gần cha mẹ, được nuông chiều quá sinh hư, nên gửi sang ông đồ làng Vàng, ở luôn nhà thầy, tháng tháng cho người gánh gạo đến.

Mãi hôm cưới, tôi mới thoáng biết mặt nhà tôi. Ngày dạm và ngày hỏi, tôi trốn trong buồng, đóng chặt cửa lại. Mà giá hôm cưới, nhà tôi đi đường không luôn luôn mặc áo thụng lam, có lẽ tôi không phân biệt được là chú rể.

Vợ chồng tôi thẹn nhau mất đến sáu tháng. Cứ để nguyên, dễ đến hàng năm hai người mới dám quen nhau. Tại một hôm nhà tôi đang ở bên Vàng, bỗng tôi thấy tự nhiên về, lại đến nhà vào đúng lúc mọi người vừa ra đồng. Vì vắng vẻ tôi mới dám hỏi. Và khi ấy cô tôi đến chơi, bắt gặp ngay lúc tôi đương cười với nhà tôi. Cô tôi reo lên, nói:

-À, ông bắt được rồi, thẹn nhau mãi đi!

Cô tôi khoe rầm lên là vợ chồng tôi bạo lắm. Thế là từ đó tôi hết ngượng nghịu.

Nguyên sau ngày cưới, nhà tôi định không đi học nữa, bị thầy tôi mắng cho một trận nên thân. Thầy tôi bảo:

Mày đã có vợ, không cố học, để vợ nó cười cho.

Nhưng đẻ tôi bệnh, bảo:

-Nhà con một, lấy vợ sớm cho nó cốt có cháu để bế, thế mà cưới chưa được bao ngày, thấy nó đã đuổi đi quầy quầy.

Nhưng thầy tôi cương quyết không nghe. Trước kia nhà tôi một năm chỉ được phép về có những ngày Tết, và hai kỳ giỗ ông nội bà nội. Nay vì đã có vợ, nên được về thêm hai lần nữa là ngày giỗ ông bà ngoại.

Song, lần này, vì là ngày dựng, Tết chẳng phải, giỗ cũng không, nên thầy tôi cau mặt, mắng:

-Tao cho mày đi học, là muốn cho mày khá, nếu mày lười biếng sau chỉ khổ thân. Nhà đã chả có gì, tiền bạc ruộng nương chẳng bằng ai, thì mày phải kiếm đăm ba chữ, đỗ đạt được là nhất, nếu không, cũng ngồi bảo học hoặc cắt được chén thuốc rồi làm tổng lý như tao để người ta đỡ bắt nạt.

Nhưng nhà tôi khóc, nằng nặc không nghe, thầy tôi hỏi thế nào cũng không nói cớ tại sao muốn bỏ học.

Đến lúc đẻ tôi dỗ dành, nhà tôi mới phụng phịu:

-Tại các anh ấy cứ chế là có vợ.

Song, đó chỉ là một lối nói đổ lỗi cho cha mẹ để nhà tôi che đậy tội mình. Thực ra, câu nhà tôi nói với tôi mới là cớ chính.

-Gớm, người ta nhớ nhớ là, chẳng thiết học hành gì cả.

Tôi thở dài khuyên nhủ:

-Anh nên chăm chỉ, để ngày sau đỗ đạt, làm quan vợ con được nhờ. Nếu anh cứ ở nhà, thì tôi buồn lắm.

Nhà tôi không đáp. Tôi nói:

-Rồi thầy đánh cho nữa đấy.

Nhà tôi lắc đầu:

-Không cần, tôi đã có vợ, thầy cho là lớn, không đánh đâu. Vả để bênh chứ!

- Lớn thì thầy bảo nên nghe mới phải.

Nhà tôi cười:

- Nghe thầy để phải buồn khổ ấy à?

- Bao nhiêu người lấy vợ sớm, chả vẫn đi học là gì.

- Kệ người ta. Chả lẽ cả nước này, ai cũng phải làm quan cả ư? Nhà ta còn mươi mẫu ruộng, chả cần làm gì cũng đủ ăn chán.

Thấy lời tôi không công hiệu, tôi thút thít khóc.

Nhà tôi bỏ học thực. Thầy tôi vớt cái roi, định cho một trận, nhưng để tôi giấu biệt đi và xin hộ con. Sau hết, thầy để tôi đều mắng tôi là có chồng không biết khuyên, ngày sau có khổ thì mặc kệ.

Cái cớ thực của nhà tôi bỏ học, mãi một tháng sau thầy tôi mới biết, khi sang chơi ông đồ Vàng lấy quần áo cho nhà tôi về.

Thì ra sau ngày cưới, nhà tôi càng lười hơn trước. Và lại hư nữa. Nhà tôi sinh sự cãi nhau với tất cả các bạn. Rồi sau hết, dám cãi nhau cả với bà Đồ. Nhà tôi chỉ cốt ông Đồ không chứa nữa, nhắn thầy tôi sang mà đưa về. Song, ông Đồ vốn nể thầy tôi, chỉ đánh mắng nhà tôi qua loa, chứ không đuổi. Thấy làm bao nhiêu cách không công hiệu, nhà tôi mới xin ông Đồ về, nói dối rằng để tôi yếu, nhắn sang xin phép.

Qua năm tôi mười bảy, tôi lại bắt đầu đi chợ, bán hàng xén. Nghề này là nghề của u tôi bên nhà. Ngày chưa

muốn lấy tiếng, nên không trình quan trên, và mới đây, Liễu làm chánh hội và chánh tổng, một mặt hết sức khai hoá cho làng, một mặt giúp sự trị an trong làng.

Liễu được quan phụ mẫu đưa vào nhiều nơi quyền thế. Song, vợ ông cho thế là chưa đủ. Bà còn hối lộ cả thần thánh trong các đền, các phủ có tiếng là thiêng.

Muốn yên thân lúc này, Liễu đình hẳn sự trục trặc với Trung.

Việc Trung mở tiệc khao linh đình mà làng đoán sao cũng lợi suất sưu thuế tẩy chay, thì là việc hão. Tuy Liễu không đến, nhưng không xui ai điều gì. Trung đề phòng trong mấy ngày có việc, thành ra hoàn toàn vô ích.

Chỉ có hai điều Liễu hết sức lo lắng và quyết thế nào cũng ngăn trở thì lại chưa xảy ra. Việc họp dân để bầu tiên chỉ và việc tế thần bất thường. Nếu có việc thứ hai này, ông phải đau đớn nhìn cái thủ lợn về tay bên địch.

Vợ ông, mỗi khi nghĩ đến gia tài hết mau chóng quá, thì lại thở dài phàn nàn:

-Được làng biếu thì danh giá thực, song, nghĩ đến cửa nhà sa sút mà đau lòng. Biết bao giờ mới gây dựng được cơ nghiệp như cũ.

Một hôm, quan phụ mẫu đưa Liễu xem tờ báo đăng đúng tên ông được thưởng hàn lâm.

Ông như trúng số độc đắc, suýt ngất đi về mừng. Ông quên cả lễ phép, rú lên một tiếng ngay trước mặt người trên, rồi cười như điên dại.

Hầu chuyện quan một lát, ông nóng lòng nóng ruột. Ông muốn mau mau về ngay làng, đem tờ báo ấy cho cả dân được xem.

Rồi ông phi ngựa về. Ngay tối hôm ấy, ông mời hết người nọ đến người kia lại chơi để khoe tin mừng. Trong lúc sung sướng, ông thốt ra những lời thật hể hả:

-Thế mới biết Nhà nước công bình, chả lẽ quan hàn Nguyễn được mà tôi không được.

Ông gọi Trung thế để làm gương cho làng gọi mình là quan hàn Trịnh.

Bấy giờ bạn hữu mới hiểu việc ông thôi kiện kẻ thù. Thì ra tức là ông xui họ rồi đừng kiện ông nữa.

Song, Trung chẳng để Liễu yên. Thế là lại sểnh cái thủ lợn. Cho nên, Trung hội họp các đàn anh trong làng, mời chén, mời phiện rồi lấy chữ ký vào đơn tố giác Liễu. Ông tìm hết tội Liễu từ ngày ra làm chánh hội. Đơn ấy dài đến ba trang, từ tội to là giết chết thằng Cáy, đến tội nhỏ là ăn hai hào bạc của con mẹ bắt cua.

Nhưng có điều lạ, là lá đơn ấy không đệ tới huyện. Mà có lẽ nó không bao giờ tới bàn giấy quan nữa. Chẳng phải Trung đã được quan phụ mẫu cho một bài học hoà bình. Nhưng ông cần chờ dịp. Hiện nay ông không sẵn tiền. Kiện nhau mà không đút lót cửa công thì chỉ phí toi tờ giấy.

Nhưng dịp ấy chắc không bao giờ đến được. Ruộng vườn ông chẳng đã hết sạch rồi còn gì. Cho nên ông đành hậm hực, gác câu chuyện tình địch lại một xó.

Về phần Liễu thì cũng rứa, bây giờ Liễu lại mắc nợ. Ông cố xoay món tiền để khao hàn lâm cho linh đình. Nhưng không sao được. Ông chỉ cố được trăm bạc để sửa lễ đình, và mời quan dân ăn phiện phiến mà thôi. Khổ cho ông nữa, là ông phải bỏ ngoài tai những chuyện người ta nói về Trung. Nhưng không bao giờ ông dám nghĩ đến sự kiện cáo.

XXVIII

Đến bây giờ, bảy năm qua, làng Từ Lâm vẫn chưa phân ngôi tiên chỉ.

Hàng năm, muốn tránh sự xích mích về vị thứ của đôi bên kình địch đã trở nên quan, thì khi vào đám, dân phải có đủ lọng che cho hai ông hàn mũ áo đi ngang nhau, sau long đình rước sắc. Hai ông cùng vào mệnh bái, cùng lễ chiếu cạp hoa, và khi xướng "đọc chúc", ông từ phải vào tận hậu cung thỉnh chuông ba tiếng.

Tế xong, làng biếu mỗi ông một nửa thủ lợn.

Nhìn thấy thủ lợn bổ đôi, cả Trung lẫn Liễu cùng hậm hực, xong đều phải chịu nhận.

Mấy năm lụt lội, hai ông càng quẫn bách, và do thế, chịu hoà nhau.

Song, tiếng rằng hoà nhau, mà bằng mặt chẳng bằng lòng. Một đôi khi, làng có việc họp, hai ông cũng có nói chuyện; gọi nhau là quan đấy, nhưng nét mặt gượng gạo, hình như cũng đè dặt từng lời.

Cái thủ lợn chưa về hẳn ai, Liễu và Trung cùng chửa nhịn nhau, song, hãy hết sức tránh những việc tốn kém, mà chỉ găng nhau về những cái không phải dùng đến tiền.

Thấy đầu Trung lốm đốm hoa râm, từ nay Liễu để ria

mép. Khi bộ ria ấy đủ dài để trông rõ, Trung vội vàng cho mọc nốt râu cằm để có vẻ già hơn. Mà rồi Liễu cũng bắt chước thế, chứ không lép.

Nhưng dù không có cuộc thi để râu như vậy, thì hai ông cũng chẳng còn son trẻ gì. Mấy năm nay, Liễu không trắng đẹp, và mất Trung không dễ chịu như trước nữa. Sự buồn rầu và lo nghĩ đã đào những nét nhăn nheo trên má và trên trán cả hai người cho mặt thêm vẻ đau đớn. Thực là những mặt chiến sĩ tha thiết tranh đấu để thờ một chủ nghĩa, chủ nghĩa xôi thịt, đã từng xông xáo trong bao lớp phong ba.

Hai ông như đôi ngựa, sau khi gắng sức để đoạt giải, thì bây giờ hãy nghỉ, tạm nằm một xó để thở. Để hầm hè nhau. Để nói xấu nhau, và để chờ.

Bởi vì, một ngày kia, biết đâu, trời thương cho được mùa luôn vài vụ, hai ông sẽ cùng làm ăn khá giả.

Đấy, khi mỗi người trong tay đã có một vài nghìn thì quyết sự kình địch lại phải thức dậy và hoạt động. Làng Từ Lâm ngày ấy, sẽ lại được trông thấy những việc kiện cáo lung tung, những cuộc luồn lọt ngấm ngầm hoặc để tước hàm nhau, hoặc được thăng hàn lâm cung phụng.

Chứ hiện bây giờ, cái thủ lợn luộc tế thần vẫn híp mắt, soạc mồm ra cười, có vẻ chờ đợi...

1939

NỢ NẦN

Tôi cần kể ngay cái lần tôi được nghỉ Tết về quê, đương thơ thẩn chơi một mình ở sân, bỗng nghe bên kia bờ dậu có tiếng nói - một thứ tiếng dịu dàng - của bà Thuyết. Tôi ngớ mặt, nhìn mẹ tôi. Thật là một tin mừng không ngờ. Tôi vội vàng hỏi:

-Cô Thuyết mới về đấy hở để?

Tôi gọi bà Thuyết bằng cô vì quen mồm. Thực ra với bà, tôi không có họ. Bà trạc tuổi mẹ tôi. Bà thân với mẹ tôi lắm. Bà là bạn mẹ tôi từ khi hai người còn để trái đào. Rồi lớn lên, mẹ tôi lấy chồng người làng, bà Thuyết lấy chồng thiên hạ: về làng Rừng vùng tỉnh Đông.

Nghe tôi hỏi, mẹ tôi mải nhặt thóc lẫn trong mẻ gạo đương sàng trên tay, chỉ gật đầu ừ một tiếng rất khẽ.

Tôi mừng quýnh. Như có một sức gì thúc giục, tôi đứng phắt dậy, chạy đến phía bờ giậu. Tôi muốn ngay lập tức trông thấy nét mặt thân yêu của bà Thuyết. Bà ít khi về, mà bà về, không đúng dịp tôi nghỉ lễ, nên đã lâu lắm tôi chưa gặp. Tôi nhớ mong bà như nhớ mong một người ruột thịt. Tuy thực ra, với bà, tôi không có họ, nhưng tình thân ái có kể chi đến người họ hay người dưng. Tôi rẽ lá, kiễng chân nhìn sang, chợt trông thấy bà Thuyết ở trong bếp ra sân. Tự nhiên tôi không thể nào giữ gan được sự yên lặng bình tĩnh. Tôi phải gọi:

-Cô ơi!

Bà Thuyết quay lại, mỉm cười, vì bà đã nhận ra tiếng tôi, tuy chưa biết tôi gọi ở đâu.

Về phần tôi vừa thấy mặt bà, tôi không thể mừng thêm một giây đồng hồ. Lòng tôi bồng thao thức.

-Cháu được nghỉ Tết rồi à?

-Vâng, cháu về tàu sáng.

-Chốc sang cô ăn cam nhé. Nhiều quả chín lắm.

Nói đoạn, bà Thuyết vào trong nhà.

Tôi thở dài. Vì tôi thấy bà Thuyết gầy đi. Trước bà đẫy hơn mẹ tôi kia. Mà bà mặc áo màu chàm, trông mới tiều tuỵ chứ. Xưa kia, áo bà, dù là vải nâu, có bao giờ bạc màu và vá nhiều thế này. Dù bà mới có đại tang thực nhưng chắc bà cũng đã làm sao đây. Tôi nghĩ thế, không phải không có căn cứ. Đã có lần tôi thấy bà Thuyết nói một chuyện gì với mẹ tôi lại sụt sịt khóc. Mẹ tôi thì rầu rầu nét mặt.

Không thể giữ kín nỗi lòng, tôi lại gần mẹ tôi, ngồi ở trước nia gạo, hỏi:

-Để ạ, cô Thuyết về từ hôm nào thế?

-Từ tháng mười.

Tôi càng ngạc nhiên. Mọi bận bà Thuyết chỉ về khi có kỵ lạp, và ở lại dăm ba hôm là cùng.

-Thế bao giờ cô ấy về bên ấy ăn Tết?

-Năm nay cô ấy ăn Tết ở nhà.

Tôi reo lên một tiếng "a". Mẹ tôi nhìn tôi một cái, rồi thở dài cúi xuống nhặt thóc. Tôi reo vì được bà Thuyết ăn Tết ở nhà. Mẹ tôi nhìn vì đó không phải là một tin mừng.

Sau này tôi mới hiểu nghĩa cái nhìn ấy. Chứ ngay lúc ấy, tôi nhớ đâu rằng trừ phi có việc gì xảy ra bất thường, một người đàn bà không ở lâu và ăn Tết nhà cha mẹ đẻ bao giờ.

-Đẻ, ra giêng, hôm nào cô Thuyết sang bên kia?

-Cô ấy chưa định.

-Lạy trời, đến ngoài mồng mười hãy hay.

-Để làm gì?

-Để trong mười hôm ở nhà, ngày nào con cũng vào vườn cô ấy trẩy cam.

Mẹ tôi mỉm cười.

Xong mẻ gạo, mẹ tôi đi chợ, dặn tôi coi nhà.

Thành ra tôi như bị buộc cẳng, không thể sang nhà bà Thuyết được. Thỉnh thoảng tôi thấy tiếng bà xua gà. Có thế thôi. Tôi buồn quá.

Bỗng bà Thuyết gọi tôi ở mé hàng rào, đưa tôi quả cam, và hỏi:

-Đẻ cháu đâu?

-Đẻ cháu đi chợ.

-Cháu được nghỉ mấy hôm?

-Từ hôm nay đến hết mồng tám. Cô còn ở lâu nhà chứ?

-Còn.

-Cháu thấy đẻ cháu nói cô ăn Tết ở nhà, cháu thích quá. Cô không cho Mùi sang à?

-Có, nhưng em nó chạy đâu ấy.

Tôi nhảy lên và reo:

-Thế thì Tết năm nay vui quá!

Bà thuyết mỉm cười, hỏi:

-Để đi bán gạo, hay mua gì?

-Vâng, bán gạo.

-Thế thì lâu mới về nhỉ. Cô cũng phải ra chợ một tí.

Nói đoạn, bà vào nhà. Tôi lại vơ vẩn ở sân.

Tôi cầm quả cam chợt nhớ đến sự săn sóc yêu thương của bà Thuyết đối với tôi.

Mẹ tôi kể lại rằng ngày lên hai, tôi bị một hồi chốc lở rất kinh tởm. Trừ mẹ tôi, không ai dám mó đến mình tôi. Mà trừ mẹ tôi, tôi cũng không cho ai mó đến mình tôi. Tôi khóc để phản đối, nếu có bàn tay nào chực đụng vào những nốt đau. Cả ngày tôi ngả đầu vào vai mẹ tôi. Chỉ mẹ tôi tắm cho tôi là tôi khóc ít.

Ấy thế mà "cô Thuyết" bế nổi tôi đấy.

May làm sao, độ ấy, mấy hôm bà Thuyết ở bên Rừng về nhà, lại nhằm đúng mấy hôm mẹ tôi bị cảm. Không có thì không biết ai bế tôi, cho tôi bú và tắm giặt cho tôi. Bà Thuyết đã chẳng quản bẩn thỉu, bà cho con bà sang nhà tôi cả ngày để trông nom săn sóc cho tôi.

Bây giờ thỉnh thoảng kể lại chuyện ấy, bà Thuyết còn chế tôi là con nhái bén bị lột da. Bà bảo cả người tôi chỉ trừ hai con mắt là không loét mủ, đến người bế không biết lựa tay chỗ nào cho khỏi đụng chỗ đau.

Mẹ tôi vẫn khen là đối với tôi bà Thuyết thật đã chịu khó.

Độ nửa giờ sau, mẹ tôi, bà Thuyết và dì tôi ở chợ về. Bà Thuyết vừa trông thấy tôi đã nói:

-Hơn một năm nay, có mới lại trông thấy cháu. Ồ, ra đã cao thế này rồi cơ đấy.

Dì tôi cho quà. Mẹ tôi khuân chõng ra sân mời khách ngồi, và sai tôi lấy ô đồng trầu không lọ cau và bình vôi.

Bà Thuyết bảo tôi ngồi cạnh rồi bắt chấy cho tôi. Thấy được âu yếm, tôi sung sướng quá gục đầu vào gối bà. Bà khẽ hỏi:

-Sao cô bảo sang nhà có ăn cam, cháu không sang?

Tôi chưa kịp đáp, thì bà chép miệng:

-Hay là khinh cô nghèo.

Tiếng nghèo làm tôi cảm động vô hạn. Bà Thuyết không nghèo. Riêng bà có gánh hàng xén rất đầy đủ, không kể cha mẹ đẻ và cha mẹ chồng đều có ruộng nương. Vậy sao bây giờ bà nhận bà nghèo. Quái, bà Thuyết nghèo! Ai làm cho bà nghèo? Tôi ngẩng lên, cười:

-Cô mà nghèo!

-Thật đấy, chiều hôm nay cô không có gì ăn. Ban nãy cô ra chợ định vay để đấu gạo, để không cho vay còn mắng cô nữa.

Tôi thở dài. Suýt khóc. Tôi ngạc nhiên sao mẹ tôi nỡ xử với bà Thuyết một cách quá đáng thế.

Tôi thương hại bà quá. Tôi nghĩ vẩn nghĩ vơ.

Một lúc sau, chờ cho ai nấy đương vui chuyện tôi lừng lững vào trong buồng. Tôi khẽ mở nắp thạp gạo. Tôi vốc bốn vốc gạo, túm vào vạt con áo kép. Tôi xoa mặt gạo cho thật đều, đậy nắp, rồi ngồi chờ ở bực cửa. Tôi chờ dịp dúi gạo cho bà Thuyết. Nhưng bực quá, bà cứ nghe chuyện, lúc nghe mẹ tôi, lúc nghe dì tôi một cách chăm chú. Đến mãi khi bà và dì tôi đứng dậy về, tôi mới chạy đến sát vào bà.

Thoạt tiên, tôi bấm bà và đưa túm vạt áo. Nhưng lạ

quá. Tôi thấy bà đỡ lấy nắn bằng hai đầu ngón tay rồi ngơ ngác hỏi:

-Gì thế cháu?

-Của cô đấy.

Bà mở vạt áo ra cúi nhìn, bỗng phá lên cười. Tôi hết sức bối rối. Bà nói to:

-Trời ạ, cháu đáo để quá, cháu lấy gạo của đẻ cho cô thật đấy à?

Rồi bà nói với mẹ tôi:

-Chả ban nãy tôi bảo nó là không có gì ăn, vay bác gạo, không những bác không cho mà còn mắng nữa, nên nó thương tôi đấy!

Cả ba cùng nhìn tôi mà cười, làm cho tôi không biết nên vui sướng về biết thương người, hay nên xấu hổ về ăn cắp, hay nên bẽn lẽn vì phải lừa.

Bà Thuyết ôm lấy tôi xoa đầu tôi, ngậm ngùi, nói:

-Cô thì nghèo thật, nhưng chưa đến nỗi. Cháu cứ cố học, ngày sau làm quan, lúc ấy, thỉnh thoảng cô hãy đến nhờ.

Đó là một mẩu chuyện, tuy không ăn nhập với cuốn tiểu thuyết này, song, tôi viết lên đầu sách, vì tôi muốn trân trọng kỷ niệm chút tình tôi đối với người đàn bà đau khổ ấy.

Dưới đây, tôi nhường lời cho bà, và, nếu thỉnh thoảng tôi có thuật lại bằng những câu chải chuốt, thì lỗi đó, là ở tôi.

Chồng

Năm tôi mười bốn tuổi, thầy đẻ tôi cho tôi ra ở riêng. Tôi làm dâu họ Hà, ở làng Rừng, thuộc tỉnh Hải Dương.

Từ bên quê tôi, tức là làng Phượng Vĩ, đến Rừng, đường đi thật là nhiêu khê.

Ngày cưới tôi, họ nhà trai phải sang ngủ ở nhà gái đêm hôm trước. Sáng tinh sương hôm sau quan viên hai họ dậy ăn cỗ để khởi hành. Đám cưới đi tắt cánh đồng Phượng ước năm cây số mới ra đến đường cái, chỗ hàng Cây Đề. Mười lăm cái xe sắt đã đón sẵn. Đó là tất cả xe ở vùng ấy. Đoàn xe ì ạch đi bước một. Xe thì hai người, xe thì ba người, chừng đến hai giờ chiều, tới ngã tư Ngô Tùng. Đến đây, đám cưới chia làm hai bọn. Bọn đàn ông khoẻ mạnh thì đi bộ, theo lối tắt nhỏ. Bọn ông già bà cả và cô dâu thì xuống thuyền. Thuyền chở quanh co theo dòng lạch, chừng năm giờ chiều đến bến Đoan. Từ Đoan về Rừng còn chừng hai cây số nữa. Cô dâu còn phải đi thong thả lấy dáng, nên tới nhà trai vừa tối mịt, nghĩa là đến sau bọn đi bộ hai giờ đồng hồ.

Không hiểu trời xe duyên thế nào mà tôi lấy chồng xa thế được. Các ông bác, bà cô tôi đi đưa dâu, đều lắc đầu lè lưỡi:

-Không ngờ mất vừa đúng một ngày! Thôi, dử thính cũng cạch, chả dám sang chơi nhà chị Thuyết lần thứ hai

nữa.

Thuyết là tên nhà tôi. Ông Bá chỉ được mình nhà tôi là trai. Vì thấy tôi là bạn học với ông Bá, sau lại làm Đô lại tỉnh Hải Dương, nên hai ông thân nhau, mới gả tôi cho nhà tôi.

Thấy tôi chỉ thích có rể là học trò, con nhà thanh bạch.

Nhà tôi hơn tôi ba tuổi, còn đương đi học. Ở làng cũng có ông khoá ngồi bảo đến mười lăm đứa trẻ, nhưng ông Bá không cho con đi học gần, sợ con một, ở gần cha mẹ, được nuông chiều quá sinh hư, nên gửi sang ông đồ làng Vàng, ở luôn nhà thầy, tháng tháng cho người gánh gạo đến.

Mãi hôm cưới, tôi mới thoáng biết mặt nhà tôi. Ngày dạm và ngày hỏi, tôi trốn trong buồng, đóng chặt cửa lại. Mà giá hôm cưới, nhà tôi đi đường không luôn luôn mặc áo thụng lam, có lẽ tôi không phân biệt được là chú rể.

Vợ chồng tôi thẹn nhau mất đến sáu tháng. Cứ để nguyên, dễ đến hàng năm hai người mới dám quen nhau. Tại một hôm nhà tôi đang ở bên Vàng, bỗng tôi thấy tự nhiên về, lại đến nhà vào đúng lúc mọi người vừa ra đồng. Vì vắng vẻ tôi mới dám hỏi. Và khi ấy cô tôi đến chơi, bắt gặp ngay lúc tôi đương cười với nhà tôi. Cô tôi reo lên, nói:

-À, ông bắt được rồi, thẹn nhau mãi đi!

Cô tôi khoe rầm lên là vợ chồng tôi bạo lắm. Thế là từ đó tôi hết ngượng nghịu.

Nguyên sau ngày cưới, nhà tôi định không đi học nữa, bị thầy tôi mắng cho một trận nên thân. Thầy tôi bảo:

-Mày đã có vợ, không cố học, để vợ nó cười cho.

Nhưng để tôi bênh, bảo:

-Nhà con một, lấy vợ sớm cho nó cốt có cháu để bế, thế mà cưới chưa được bao ngày, thấy nó đã đuổi đi quẩy quầy.

Nhưng thầy tôi cương quyết không nghe. Trước kia nhà tôi một năm chỉ được phép về có những ngày Tết, và hai kỳ giỗ ông nội bà nội. Nay vì đã có vợ, nên được về thêm hai lần nữa là ngày giỗ ông bà ngoại.

Song, lần này, vì là ngày dưng, Tết chẳng phải, giỗ cũng không, nên thầy tôi cau mặt, mắng:

-Tao cho mày đi học, là muốn cho mày khá, nếu mày lười biếng sau chỉ khổ thân. Nhà đã chả có gì, tiền bạc ruộng nương chẳng bằng ai, thì mày phải kiếm dăm ba chữ, đỗ đạt được là nhất, nếu không, cũng ngồi bảo học hoặc cắt được chén thuốc rồi làm tổng lý như tao để người ta đỡ bắt nạt.

Nhưng nhà tôi khóc, nằng nặc không nghe, thầy tôi hỏi thế nào cũng không nói cớ tại sao muốn bỏ học.

Đến lúc để tôi dỗ dành, nhà tôi mới phụng phịu:

-Tại các anh ấy cứ chế là có vợ.

Song, đó chỉ là một lối nói đổ lỗi cho cha mẹ để nhà tôi che đậy tội mình. Thực ra, câu nhà tôi nói với tôi mới là cớ chính.

-Gớm, người ta nhớ nhớ là, chẳng thiết học hành gì cả.

Tôi thở dài khuyên nhủ:

-Anh nên chăm chỉ, để ngày sau đỗ đạt, làm quan vợ con được nhờ. Nếu anh cứ ở nhà, thì tôi buồn lắm.

Nhà tôi không đáp. Tôi nói:

-Rồi thầy đánh cho nữa đấy.

Nhà tôi lắc đầu:

-Không cần, tôi đã có vợ, thầy cho là lớn, không đánh đâu. Vả đẻ bênh chứ!

- Lớn thì thầy bảo nên nghe mới phải.

Nhà tôi cười:

- Nghe thầy để phải buồn khổ ấy à?

- Bao nhiêu người lấy vợ sớm, chả vẫn đi học là gì.

- Kệ người ta. Chả lẽ cả nước này, ai cũng phải làm quan cả ư? Nhà ta còn mươi mẫu ruộng, chả cần làm gì cũng đủ ăn chán.

Thấy lời tôi không công hiệu, tôi thút thít khóc.

Nhà tôi bỏ học thực. Thầy tôi vót cái roi, định cho một trận, nhưng để tôi giấu biệt đi và xin hộ con. Sau hết, thầy đẻ tôi đều mắng tôi là có chồng không biết khuyên, ngày sau có khổ thì mặc kệ.

Cái cớ thực của nhà tôi bỏ học, mãi một tháng sau thầy tôi mới biết, khi sang chơi ông đồ Vàng lấy quần áo cho nhà tôi về.

Thì ra sau ngày cưới, nhà tôi càng lười hơn trước. Và lại hư nữa. Nhà tôi sinh sự cãi nhau với tất cả các bạn. Rồi sau hết, dám cãi nhau cả với bà Đồ. Nhà tôi chỉ cốt ông Đồ không chứa nữa, nhắn thầy tôi sang mà đưa về. Song, ông Đồ vốn nể thầy tôi, chỉ đánh mắng nhà tôi qua loa, chứ không đuổi. Thấy làm bao nhiêu cách không công hiệu, nhà tôi mới xin ông Đồ về, nói dối rằng đẻ tôi yếu, nhắn sang xin phép.

Qua năm tôi mười bảy, tôi lại bắt đầu đi chợ, bán hàng xén. Nghề này là nghề của u tôi bên nhà. Ngày chưa

ở riêng, tôi vẫn theo u tôi đi các chợ, và đã có một gánh hàng con con, vốn liếng độ mười đồng bạc. Tôi về bên này, u tôi lấy lại gánh hàng, cho tôi hai chục, bảo để đặt lãi hoặc đong bán. Nhưng từ ngày ấy đến nay, tôi chưa làm ăn gì, vẫn gửi đẻ tôi số tiền ấy.

Nay vì công việc đồng áng tôi không biết, thường bị đẻ tôi mắng mỏ luôn, thỉnh thoảng nhiếc móc tôi thậm tệ, nên tôi muốn để đẻ tôi biết tôi không phải đồ ăn hại. Vả lại nhà tôi thôi học, cả ngày, hết nằm lại ngồi, tôi những ra trông thấy chồng, vào trông thấy chồng mà sốt ruột. Mà quanh năm, chẳng làm gì, nên tôi buồn, mới ngỏ ý muốn buôn với thầy đẻ tôi.

Thầy tôi bảo:

- Được, tuỳ chị tao không cấm.

Đẻ tôi bán thóc, trả tôi món tiền trước lại cho thêm tôi ba chục nữa. Vì vậy, tôi đã có gánh hàng coi được, và tôi đi các chợ Đống, chợ Tuần, chợ Phương Lan.

Năm mười tám, tôi có mang, sinh con trai. Thầy đẻ tôi vui mừng lắm, mổ lợn ăn khao. Nhưng được ba tháng, tôi bỏ cháu.

Năm mười chín, tôi lại đẻ đốt nữa, cũng con trai. Lần này được có ba hôm.

Thầy đẻ tôi buồn và giận lắm, lấy chàm đổ vào mặt thằng bé đánh dấu, cho nó khỏi lộn về. Nhất là đẻ tôi, thỉnh thoảng lại đay nghiến tôi, bảo tôi ăn ở thất đức thế nào, nên không con nào nó chịu ở.

Tôi khổ tâm quá, chỉ dám khóc thầm. Mà ra đường, trông thấy người ta có con có cái lại xấu hổ. Nhà tôi chẳng biết thương tôi, lại còn rầy rượt và dọa:

- Nếu số hữu sinh vô dưỡng thế, thì tôi phải lấy vợ lẽ.

Đẻ tôi không cho tôi đi chợ nữa, đổ tại nhọc mệt. Thầy tôi mời thầy cúng, lập bàn thờ bắt tà.

Năm sau, tôi lại có mang, cả nhà bắt tôi phải giữ gìn cẩn thận. Đến lúc nghe tin tôi xổ, mà lại con trai, thầy tôi nghiến răng:

- Vô phúc quá! Lại những đốt trước nó lại lộn về rồi!

Nhà tôi mặt đỏ ngầu, phăm phăm cầm con dao phay đập vào thành giường, toan chém chết thằng bé.

Đẻ tôi bốc đũa để lấy giờ, nói rằng cũng sạch.

Thầy tôi đến nhờ ông khoá bấm số tử vi cho cháu. Lúc về, thầy tôi có vẻ yên tâm, thì thào với nhà tôi:

-Số nó tốt ngang với số ông Lê Lợi.

Rồi đẻ tôi bắt cả nhà gọi cháu là cái đĩ, xâu lỗ tai cho cháu, và thân hành đi xin cái áo vạt thc của cụ Nhất để may cho cháu cái quần thâm. Tôi xin đặt tên cho cháu, thầy tôi gạt đi.

-Không cần tên với tuổi vội, nhờ trời nó lớn, lúc nào đặt tên cũng được.

Nhưng ba tháng sau, thằng bé lên cơn sài rồi nó đi.

Tôi lại bị đay nghiến, bị rầy rựt và lần này, không phải tôi bị dọa nữa. Đẻ tôi bảo giữa mặt tôi:

-Thế nào nó cũng phải lấy vợ lẽ.

Tôi vừa buồn vừa lo, thôi thì làm đủ cấp. Tôi đi kêu hết các đền các phủ thiêng có tiếng. Tôi đội bát nhang ở đền Mẫu và đi cầu tự ở chùa Hương. Thầy tôi xem bói, thấy bảo động mộ ông tam đại, phải cất ngay đi, không từ giờ đến cuối năm còn có cái tang nữa.

Song tháng tám năm ấy, nhà tôi vẫn lấy vợ lẽ, một người ở làng dưới, hai mươi lăm tuổi, goá chồng, và đã

sinh hạ ba lượt đều nuôi được.

Đẻ tôi hể hả lắm:

-Nhà hiếm, phải kén người mắn thế mới phải.

Thấy đẻ tôi bắt tôi phải gọi người vợ lẽ bằng dì, xưng là chị, cấm không được ghen tuông, làm ầm cửa ầm nhà. Những nghe ý tứ câu nói, tôi không thể nào cầm được nước mắt.

-Nghĩa là số chị phải thế, nhà ai con đặc chả mong được cháu đàn. Thế mà chị sinh đến ba lượt không nuôi được, thì tất chồng phải lấy vợ lẽ, chị nên chịu, chị đừng oán thán ai. Nhà này từ nay có điều tiếng gì, là chỉ tại chị không khéo ăn khéo ở.

Vốn con nhà làm đồng áng, nên dì Hai hợp với đẻ tôi quá. Có công việc gì, chỉ hai người bàn bạc với nhau. Thấy đẻ tôi chiều hắn quá. Hắn hơi nhức đầu xổ mũi, cũng chạy cuống lên tìm thầy thuốc hỏi. Thôi thì quý hoá hết sức, thấy đẻ tôi chả nói nặng hắn câu nào.

Nhà tôi lại ăn ở rất thiên. Cái gì cũng bênh vợ lẽ, xoi bói vợ cả.

Bị hất hủi, tôi khổ tâm lắm, song biết than thở với ai?

Đối với dì Hai, tôi ăn ở hết sức ra người kẻ cả. Tôi dung thứ các lỗi nhỏ nhặt. Có điều gì hắn không phải lắm, tôi mới ôn tồn khuyên bảo để bận sau mà tránh.

Trước mặt bố mẹ chồng và chồng, tôi vẫn che đậy cho hắn và khen hắn là ngoan ngoãn.

Vậy mà hắn xúc xiểm nhà tôi. Và một đôi khi hắn ghen cả với tôi.

Giá tôi không phải là người tốt nhịn, có lẽ nhiều phen đánh nhau to rồi.

Người làng thường mách tôi là hắn kể xấu tôi luôn. Có bà bảo:

-Chả phải tay tôi, tôi thì làm cho tan hoang. Mà bác trai, chả biết ăn phải bùa phải bả nó thế nào lại tin yêu nó thế!

Có bà xui:

-Cứ đánh tan xác nó ra sợ gì. Mình là vợ cái con cột kia mà, người ta bỏ làm sao được. Cứ nhịn thế, không trách tưởng hay, nó lên câu mãi.

Có bà cau mặt trách:

-Gớm, tôi nghe mà tức tức là, bác chả làm ra ngô ra khoai thì người ta cười cho là dần, nó làm gì cũng phải chịu.

Sự thực, tôi muốn gia đình êm ấm. Có êm ấm mới thịnh vượng. Vả vợ cả vợ lẽ có chuyện với nhau, chỉ khổ người chồng. Tôi thương nhà tôi, tôi muốn tránh cho nhà tôi khỏi khổ. Tôi chịu được khổ, nên dù có trút khổ sang nhà tôi, tôi chả đỡ được khổ nào, lại còn làm thêm một người khổ.

Tôi lại được đi chợ, cả nhà không ai giữ, vì không trông mong gì tôi nuôi được con nữa.

Tôi âm thầm đau đớn, sống như một người thừa.

*

Nhưng cuối năm sau, tôi lại sinh con trai.

Cả nhà chán nản không ai thèm hỏi han săn sóc đến thằng bé.

Thầy tôi lắc đầu, thở dài:

-Tao tưởng thành tâm lễ bái đến thế là yên, ai ngờ giống ma quái nó lại lòn về.

Nhà tôi không thèm bước chân vào buồng, đứng bên kia vách, giao hẹn:

-Lần này mà chết, ông quyết lấy dao vằm mặt ra mới đem chôn.

Đẻ tôi khóc, bỏ nhà đi đến ba hôm. Tuy vậy, bà cũng đến đền Mẫu xin quẻ và xem số.

Nhưng mừng rỡ nhất là dì Hai. Hắn hỏi thăm bà đỡ:

-Nó có giống thằng bé trước không, bà?

Bà đỡ gật, nó hớn hở:

-Thôi, ngữ ấy bền ra được sáu tháng. Người như thế, có bao giờ để mà nuôi được.

Một hôm, tôi bảo nhà tôi:

-Thầy nó đặt tên cho con đi.

Nhà tôi cau mặt:

-Tên với tuổi gì, sắm cho nó cái hòm, kẻo lúc nó giở chứng lại không kịp.

Đẻ tôi gắt:

-Tao đặt tên cho nó là thằng Mù, vì cả ngày nó nhắm nghiền hai mắt như xẩm.

Thấy mẹ chồng đặt cái tên chế giễu, dì Hai đắc chí, cố ý cho là thật, cứ gọi tên thằng bé là Mù.

Nghe chướng tai, có một lần tôi dặn:

-Dì gọi cháu là Mùi, đừng gọi cháu là Mù mà tủi cháu, tủi tôi.

Hắn không đáp, vùng vằng ra ngoài:

-Đẻ gọi nó là Mù, thì tôi cũng gọi, chứ Mùi gì, biết là mùi thơm hay mùi thối.

Trong lúc máu nóng, tôi chịu nhịn, chỉ ôm con, thở dài.

Thằng Mùi hay ăn chóng lớn, bốn tháng biết lẫy, hơn tám tháng biết bò, rồi đầy tuổi tôi, biết chững.

Vậy mà thầy đẻ tôi và nhà tôi chưa tin nó. Thầy tôi gọi nó là "của nợ", không mấy khi nhìn mặt nó. Nhà tôi chưa bế nó lần nào. Chỉ thỉnh thoảng đẻ tôi đùa với nó, nhưng không bao giờ gọi nó là cháu và xưng là bà.

Dì Hai hậm hực vì mãi không có mang.

Hắn hay giày vò nhà tôi lắm. Một hôm hắn cố ý nói to cho tôi nghe thấy:

-Anh không thực bụng yêu thương tôi, nên tôi chẳng đẻ đái gì. Chị cả chị ấy trẻ hơn tôi, đẹp hơn tôi, lại là con nhà gia giáo, nên bây giờ thấy thằng Mù lớn, anh ghẻ lạnh tôi. Tôi chỉ mong nó sống mãi để anh thương chị ấy mãi.

Lộn tiết, tôi mời thầy đẻ tôi lại, nhắc câu nói để phân vua, rồi hỏi:

-Này, dì Hai, có mặt ông bà và thầy nó đây, từ ngày dì về nhà này, tôi không hề xúc xiểm một câu nào về dì? Thế mà dì mong cho con tôi chết, dì tệ lắm!

Hắn sừng sộ:

-Cứ thế đấy!

Đẻ tôi quát:

-Cái Cả, im mồm đi!

-Bà đừng bênh dì ấy, bà thử nghĩ xem ai phải ai trái. Con đẻ ra thằng Mùi, nó là cháu ông cháu bà, thế mà dì ấy ăn nói càn như vậy.

Thầy tôi cau mặt:

-Thôi, cả hai đứa không được nói gì nữa.

Hắn đáp:

-Tức thì nói chơi đấy.

Nhà tôi kéo tay hắn ra ngoài cửa, hắn hất một cái, rồi xông vào tôi:

-Mày muốn giết bà thì mày cứ giết đi xem nào.

Tôi không thể nhịn, cũng xông vào. Thầy tôi vật đầu vật tai, gọi:

-Thuyết, mày có can hai đứa đi không?

Đẻ tôi đay:

-Thôi, tôi lạy cả hai bà, làng nước người ta chửi vào mặt bây giờ.

Nhưng chúng tôi đã đánh nhau rồi. Tôi ôm ghì được hắn. Hắn dằn cánh tay và lôi tóc tôi. Tôi xé áo hắn, và dằn đầu hắn xuống. Hắn chửi tôi. Tôi giơ tay vả đánh bốp vào miệng.

Nhà tôi ôm lấy tôi. Đẻ tôi giằng hắn ra, và kêu rầm làng nước.

Song, chúng tôi không bớt hung hăng. Tôi vật được hắn xuống. Hắn xé quần áo tôi soàn soạt.

Mãi đến khi đông người vào can, chúng tôi mới buông nhau ra. Nhưng hắn già mồm, cứ réo tên tôi lên mà chửi.

-Ghê gớm, sao mà lăng loàn thế.

Bà phó Tịnh trách hắn thế, hắn tru tréo lên:

-Không phải lăng loàn, đây không thèm lăng loàn với cái mặt ấy, đây chỉ đánh một trận cho biết tay thôi.

Nhiều người can ngăn lắm, hắn mới chịu im. Rồi hắn giả cách ốm, để làm nũng. Hắn nằm rên vừa mười hôm.

Tôi nghĩ lại, lại hối. Thành thử thầy đẻ tôi rẻ rúng tôi hơn nữa. Và tôi với hắn, tuy hai người giận nhau, không ai nói với ai một lời, nhưng thỉnh thoảng hắn thấy tôi bế con, lại vùng vằng, đá thúng đụng nia, nói cạnh nói khoé. Tôi giả ngây giả dại, mặc kệ.

Từ hôm trong gia đình xảy ra chuyện ấy, bữa nào đầy tớ cũng thổi ba nồi cơm riêng: muốn tỏ ý không thiên vị ai, thầy đẻ tôi ăn riêng một mâm; hắn riêng một mâm với nhà tôi.

Nhà tôi bị hắn ton hót, nên ghét tôi lắm, nhiều lúc bỗng không mắng gắt tôi, chuyện bé xé ra to. Có lần nhà tôi đánh tôi, chỉ vì tôi để thằng Mùi khóc, làm hắn mất giấc ngủ.

Nhưng tôi cứ chịu nhịn hết.

Tôi lấy con làm vui, lấy buôn bán làm khuây khoả.

Thầy tôi về năm trước, đẻ tôi về năm sau.

Muốn trong nhà có sự đầm ấm, tôi làm lành với dì

Hai trước. Mấy vợ chồng con cái lại ăn chung một nồi.

Tôi ái ngại cho hắn lắm, vì ở cữ hai lần đều không nuôi được, lần trước con gái, lần sau con trai.

Nhưng hắn không hiểu bụng tốt của tôi. Hắn vẫn hằn học, và tuy bằng mặt mà chẳng bằng lòng.

Hắn ghét nhất thằng Mùi. Nó hơi lầm lỗi một tí, là hắn mách nhà tôi và xui đánh nó. Hắn bảo:

-Nếu không, chị ấy chiều nó, rồi thế nào ngày sau nó cũng hư.

Tôi rõ bụng thâm độc của hắn lắm. Bao giờ hắn cũng muốn trêu cho tôi tức. Nhưng càng thấy tôi như không, hắn càng căm. Vì vậy lúc nào hắn cũng hậm hực.

Người cư xử như thế, không bao giờ được vui.

Đã một lần, tôi nhủ hắn:

-Bây giờ trong nhà này, nhất thì thầy nó, nhì đến tôi, ba đến dì. Ta nên thực bụng cùng nhau, đừng nên ăn ở để người ngoài cười.

Hắn đáp:

-Nếu em có điều gì không nên không phải, chị cứ bảo thực.

-Không, là nói chuyện thế; tôi không muốn cho chị em phải giữ kẽ nhau, rồi những việc nhỏ nhặt, cũng để bụng. Ở với nhau như thế, mất cả vui đi.

Song, bề ngoài nói thế, mà bề trong, hắn vẫn tai quái, xoi bói tôi từng tí để kể với nhà tôi.

Cái gì hắn cũng làm trái tôi.

Mua mớ rau, con cá chẳng hạn, tôi khen rẻ, thì hắn chê đắt; mà tôi chê đắt, thì hắn khen rẻ. Việc to cũng thế.

Sắp đến ngày giỗ, tôi ngỏ ý nên làm thế này, nhưng hắn bàn nên làm thế khác. Rút cục, nhà tôi lại nghe hắn, vì hắn ăn nói rất khôn ngoan. Nếu lỡ ra, theo hắn có việc hỏng, thì hắn đổ tại cớ nọ, cớ kia.

Tai hại nhất là thấy tôi can ngăn nhà tôi đừng đàn đúm với mấy người bạn nghiện và cờ bạc, hắn càng xui nhà tôi chơi bời. Hắn viện lý:

-Hút thuốc phiện, nay một điếu, mai một điếu, thì nghiện thế nào được.

Hoặc:

-Làm người đàn ông, cũng nên có bạn, biết chơi bời để giao thiệp với người nọ người kia.

Vì vậy nhà tôi bằng lòng hắn lắm, thường khen:

-Dì Hai nó biết điều hơn u thằng Mùi.

Cho nên nhà tôi đam mê, không ai can nổi, và vẫn lấy vợ bé về bè. Ông bà tôi mất đi, nhà tôi là chủ, nên không nể, không sợ ai hết.

Thấy một độ nhà tôi thua bạc nhiều quá, tôi hết lời can ngăn, thì nhà tôi tức, vùng vằng:

-Tao thua, tao ngửa tay xin mày chưa?

Tôi càng ôn tồn:

-Nhưng rồi thấy nó đâm nợ, hoặc cầm bán đi hết.

Nhà tôi bĩu môi:

-Đời nào, đây khôn chán!

Nhưng chẳng bao lâu, năm sào ruộng về tay bà phó Tròn thật. Nhà tôi nói dối bán đi để tậu vườn, nhưng dù có tậu vườn, cũng thừa ngót một trăm bạc. Vậy món tiền này chui vào lỗ nào.

Thấy cảnh đổi bại trước mắt, tôi khóc, van nhà tôi đừng chơi bời, không những nhà tôi không nghe, còn oán tôi và phàn nàn với người ngoài:

-Ruộng của ông bà tôi để lại, tôi có quyền bán, chứ tôi phải tiêu vào vốn liếng nó đồng nào mà nó nói nổi.

Tôi chán ngán, bảo dì Hai hợp sức khuyên nhà tôi, nhưng hắn vẫn cứ ừ hữ.

Sau, có một việc làm tôi rõ tâm địa gian ác của hắn.

Buổi chiều hôm ấy, đi chợ về, tôi thấy váng vất, không muốn ăn cơm.

Hắn vào buồng thăm tôi, sờ trán tôi rồi chép miệng, than thở:

-Khổ, chợ với búa. Đầu nóng đáo để đây mà. Tôi nấu cháo cho chị ăn, rồi trùm chăn kín cho ra mồ hôi nhé.

Thấy hắn tử tế, tôi vui vẻ; tuy không đói, nhưng chiều ý:

-Vâng, nể dì, tôi cố ăn cho dì bằng lòng, chứ bụng tôi đầy lắm.

Hắn dỗ thằng Mùi:

-Mùi ra nhà ngoài mà chơi, để u nằm nghỉ, chốc nữa dì cho ăn cháo.

Tôi mỉm cười:

-Dì bảo, Mùi nghe dì, chóng ngoan.

Đầu trống hai, hắn vào buồng tôi, tay cầm đèn hoa kỳ, tay bưng khay, trên đặt hai bát cháo khói ngùn ngụt, một bát lớn, một bát bé.

Hắn hỏi:

-Chị thức hay ngủ?

Tôi ngồi nhổm dậy:

-Đã xong cháo rồi à? Chóng nhỉ.

Và tuy không rõ, tôi cũng khen:

-Sánh đấy, trông ngon quá. Dì xơi với tôi một bát.

Hắn lắc đầu:

-Tôi vô phép, hãy còn no. Chị xơi bát to này, bát bé cho thằng Mùi.

Rồi hắn gọi:

-Mùi ơi!

Thằng Mùi đã ngủ ở nhà ngoài. Hắn nói:

-Để tôi gọi nó dậy.

Tôi sợ phiền hắn, vội vàng đáp:

-Thôi, nó ngủ đừng đánh thức nó nữa.

Nhưng hắn không nghe:

-Đã hẹn nó, nên cho nó ăn, kẻo tội nghiệp.

Thấy hắn săn sóc, tôi mừng thầm. Trong khi hắn ra nhà ngoài gọi thằng Mùi, tôi ghé nhìn hai bát cháo xem có thực ngon không. Tự nhiên tôi thấy ở bát cháo nhỏ, xông lên một mùi hăng hăng. Tôi hơi ngợ, cố ngửi xem là mùi gì, rồi giơ gần đèn để soi, thấy trên mặt nước loang loáng như mỡ. Tôi nghi, cố nhìn kỹ, thấy cháo hơi đen. Tôi giật mình, nghĩ ngay đến sự chẳng lành sẽ xảy ra cho thằng Mùi, nếu nó ăn phải.

Tôi run lên, gọi nhà tôi thất thanh.

Lúc ấy hắn biết mưu cơ bại lộ, vội vàng chạy vào, mặt hầm hầm, hất cả hai bát cháo xuống đất, và sinh sự:

-Tôi hầu chị, tôi hầu con chị, là vì tôi tử tế với chị,

chứ mặt chị sai nổi tôi phải không. Chị không thèm ăn, thì tôi đổ cho chó.

Tôi đáp:

-Tôi cảm ơn dì lắm, nhưng tại tôi thấy cháo hơi đen đen và có vẩn sao lên, nên tôi gọi thầy nó vào xem, chứ có hề gì.

-Thế là chị nghi tôi, tôi làm gì mà chị nghi tôi.

-Dì nóng nẩy quá, tôi có nói gì đâu mà dì bảo tôi nghi.

Vừa dứt lời, tôi thấy mặt hắn xám xanh, vì hắn đã trông thấy con Vện liếm hết sạch chỗ cháo đổ dưới đất.

Hắn tru tréo lên:

-Chị tai ngược lắm chị định đổ tội gì cho tôi.

Tôi lắc đầu:

-Tôi mệt lắm, thôi dì nên chín bỏ làm mười. Thầy nó bảo dì Hai hộ tôi.

Nhà tôi vì ngái ngủ, muốn cho xong chuyện, lôi hắn ra ngoài:

-Thôi, tôi xin.

Hắn lăn lộn trên phản, nói tôi không còn thiếu một câu gì. Rồi hắn bảo nhà tôi:

-Tôi ăn ở đầy đặn, nhưng người ta không ăn ở đầy đặn lại, thì tôi ở đây làm gì. Người ta nghi tôi cho con người ta ăn thuốc độc à? Thế thì chắc người ta định cho tôi ăn thuốc độc, nên mới suy bụng ta ra bụng người như thế chứ?

Tôi kệ hắn nói. Rồi mai, con chó nó thế nào, sẽ rõ bụng hắn hoi của hắn.

Hắn khóc với chồng tôi:

-Thế này tôi không ở được đây lâu đâu. Rồi thế nào người ta cũng báo thù tôi.

Nhà tôi gắt:

-Việc gì mà báo thù?

-Đấy, rồi mà xem. Tôi khổ vì nỗi không con không cái. Người ta có con trai, người ta lại là cả, nên người ta dễ khinh tôi.

Rồi hắn khóc ông bà tôi, hắn thắp hương lễ ở bàn thờ, và sắm sửa thúng mủng đồ đạc:

-Tôi ở đây cũng khổ một đời, thà có đường có nẻo thì bước ngay từ giờ, hoá lại rảnh.

Nhà tôi can mãi không được. Hắn bảo:

-Có người ấy thì đừng có tôi, mà có tôi thì đừng có người ấy. Anh lấy tôi, vì tưởng người ấy không có con. Nay người ấy đã có con, anh cho tôi về nhà tôi.

Nói đoạn, hắn vùng vằng ra cửa. Nhà tôi giữ lại thế nào cũng không nổi.

Bực mình, nhà tôi vào giường tôi lôi tôi dậy, cà khịa với tôi, đổ tội cho tôi, rồi đánh tôi một trận.

Tôi bầm gan tím ruột, thổn thức khóc. Nhà tôi nằm ngoài nhà chửi tôi nhàm nhảm.

Ngay canh ba đêm ấy, tôi nghe thấy con chó rít lên, rồi hằng hặc ho. Tôi trở dậy, cầm đèn soi, thì ra nó muốn nôn không được. Tôi gọi nhà tôi dậy cho nhà tôi xem; rồi run cầm cập trỏ tay:

-Thì chả thuốc độc là gì. Thằng Mùi ăn có chết oan không.

Nhà tôi kinh hãi, xích con Vện lại. Đến đầu canh tư, nó rống lên một hồi rồi lăn đùng ra.

Hú vía! Thằng Mùi thoát chết. Đã ghê chưa? Ra hắn tàn ác đến nỗi lập tâm giết thằng bé!

Tôi bảo người nhà tôi gọi lân bang sang để lấy chứng cớ, kêu quan làm tội hắn.

Từ đó đến sáng, tôi không dám ngủ nữa. Tôi giật mình thon thót. Tôi bàn với nhà tôi việc đi kiện. Nhà tôi thở dài, ứa nước mắt ra.

Tôi biết nhà tôi thương hắn lắm. Tôi nói:

-Phải cho nó ngồi tù mới đáng tội ác của nó. Rồi nó còn phản tôi, phản con tôi.

Nhà tôi buồn rầu, đáp:

-Nó đi rồi, có đâu đây nữa, mà phản với ghế!

-Đấy nhé, thấy nó xem, thế mà nó còn nỏ mồm. Thấy nó tin nó vừa vừa chứ, kẻo có ngày tai vạ về nó. Tôi biết nó còn thù tôi. Không khéo nó thuê người giết tôi.

Hôm sau, nhà tôi can tôi, nhất định không cho tôi đem nó lên quan.

Bất đắc dĩ tôi phải nghe, và muốn cho mẹ con sống yên ổn, tôi phải giữ mình. Tránh voi tôi không sợ xấu mặt.

Tôi với thằng Mùi về lánh ở Phượng Vĩ. Nhà tôi chắc là giận tôi, không sang đưa ma mẹ vợ.

Nhưng đến tháng hai năm sau, giỗ ông nội cháu bên Rừng, tôi cũng cứ về như thường.

Chồng giận thì vợ làm lành, tôi nghĩ vậy.

Nhưng nào tôi có được vào đến trong nhà. Thấy nó thấy tôi, phăm phăm cầm gậy đuổi mẹ con tôi đi, quát:

-Bước ngay, ông không cần đồ bạc bẽo!

Tôi sợ hãi, trống ngực thình thình. Thằng Mùi khóc lên. Trong khi ấy, thoáng tôi trông thấy con giết người ở dưới bếp.

Tôi hiểu ý. Nhà tôi đã gọi hắn về, và do thế, không muốn cho tôi giáp mặt hắn, sợ xảy ra việc lôi thôi.

Nhà tôi chửi tôi tàn nhẫn, rồi mở đẫy, vứt cả đồ lễ tôi mua xuống cống:

-Ông không nhận mày làm người nhà này nữa. Bước về Phượng kia. Muốn bỏ ông, ông bỏ cho mà xem. Mẹ con mày còn đứng đấy, ông đánh sặc tiết!

Tôi khóc lóc, van lạy, cứ lăn xả vào. Nhà tôi đu một cái, tôi ngã lăn xuống rãnh, rồi đóng ập cổng gài then.

Tôi ngồi dậy, đẩy cửa, nằn nì:

-Nào tôi có tội lỗi gì, thầy nó nỡ tệ thế này.

Ở trong, nhà tôi nói ra:

-Mày lắm tội lắm, nghĩ ra thì biết.

-Tôi có biết gì đâu.

-Mày định vu oan cho nó. Mày tai ác lắm. Con bất nhân kia ạ. Suýt nữa nó vào tù, thì mày muốn cho nhà tao bại hoại đến mấy đời. Mày định giết hai mạng!

Tôi không hiểu nhà tôi muốn nói gì. Hẳn con kia đã phân trần khéo đến nỗi nhà tôi lại tin nó. Lạ thật, chính mắt trông thấy con chó trúng độc chết, thế mà bây giờ nhà tôi còn bênh nó để đuổi tôi!

Tôi xin:

-Thầy nó mở cửa cho tôi được vào lễ ông, rồi muốn đuổi tôi đi đâu, tôi đi ngay.

Nhưng không có tiếng đáp.

Bác nhiêu Hiền đứng đó từ lâu, rõ câu chuyện, nhìn tôi, lắc đầu:

-Thôi, bác ngồi chờ đó vô ích. Bác Hai đã có mang, bác ấy cần gì đến bác.

Rồi bác nhiêu kể:

-Bác về bên Phượng độ nửa tháng, thì bác ấy gọi bác Hai về. Mà bác ạ, không khéo thì hết. Ruộng bán nhiều lắm rồi. Cả hai người cùng cờ bạc, nên núi của cũng chẳng còn.

Tôi giật mình:

-Thế à!

Rồi rưng rức lên khóc:

-Bác có kế gì cho tôi vào nhà được không?

Bác nhiêu lắc đầu:

-Vào thì vào được, nhưng tôi chỉ sợ bác ốm đòn. Bác nên về Phượng cứ yên tâm mà làm ăn. Lúc nào thong thả sang chơi, tôi khuyên bảo bác ấy cho.

-Vâng, nhờ bác can ngăn thế nào, chứ nhà tôi tin con kia, rồi có ngày sạch sành sanh mất.

-Tôi đã nói nhiều lần lắm rồi, bác ấy giận cả tôi, nhưng giận tôi thì làm gì! Này, giá không có nhiều người nói, dễ thường nghiện rồi đấy.

Tôi thở dài, buồn phiền đem con về Phượng.

*

Hai năm sau, một hôm vào tháng sáu. Ở chợ về, tôi thấy thằng Mùi đứng đón từ đầu ngõ, vui vẻ mách:

-Thầy, u ạ.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

-Thầy gì?

-Thầy nhà ta ấy mà, thầy đã sang.

Nghe tiếng tôi, nhà tôi chạy ra cửa, và vồn vã hỏi thăm tôi buôn bán thế nào.

Tôi lấy làm lạ, không biết vì sao bây giờ đối với tôi nhà tôi lại khác hẳn như thế. Thấy chồng làm lành, tôi vụt quên cả chuyện cũ, tươi cười như thường.

Cơm xong, tôi bảo nhà tôi đến chơi các chỗ họ hàng, kẻo nhiều người lâu không gặp, vẫn hỏi thăm luôn.

Đêm hôm ấy, nhà tôi đánh thức tôi dậy, nói thực rằng cần tiền ra thuế.

Tôi đưa ngay một chục bạc, đưa một cách vui vẻ, chứ

không hỏi han lôi thôi xem tiền bạc thóc lúa ở nhà đâu. Bởi vì nhà tôi đã cất công sang đây, nào đường đi có gần gụi, để xin tôi, chắc là một việc bất đắc dĩ. Đằng nào tôi cũng phải đưa, không có thì đi vay, cho nên thà rằng vui vẻ còn hơn bắt nhà tôi tủi thân vì đồng tiền.

Nhưng nhà tôi cũng thú thực với tôi hết các tội lỗi về chơi bời, nói rằng chỉ còn ngót mẫu ruộng! Tôi không ngờ hết chóng đến thế, nhà tôi rơm rớm nước mắt, hối hận vì đã cả nghe vợ lẽ và ăn ở tệ bạc với tôi. Nhà tôi thác rằng sở dĩ ngày nọ đuổi tôi đi là do lúc ấy đang say rượu, vừa chửi vợ lẽ một trận, nên chẳng may tôi bị lây.

Tôi đành tin là thực. Tôi hỏi thăm dì Hai ở cữ bao giờ, nhà tôi buồn rầu, lắc đầu:

-Có mang thấng đếch nào mà ở cữ. Trước kia nó nói dối là to bụng, tôi cả tin. Nhưng để đái gì hạng bạc ác bất nhân ấy. Bây giờ tôi ghét như chó, muốn tống cổ nó đi.

Tôi lại đành tin là thực, cũng khuyên nhà tôi đừng làm thế mà mang tiếng. Rồi nhà tôi bảo:

-Thấy tôi sang đây, nó cũng nằng nặc đòi sang. Sau tôi gắt lên nó mới chịu ở lại. Nó biết hối lắm rồi, nên định sang lễ sống u nó hai lễ. Tôi bảo: Mày mà sang Phượng, u thằng Mùi nó cấm cửa và chửi cho ủng mồ.

Tôi cười:

-Thế thì khá đấy, nhưng ai đánh kẻ chạy lại bao giờ!

Hôm sau, nhà tôi về, tôi đưa thêm năm đồng nữa:

-Tôi cho dì Hai, để dì ấy nuôi con lợn con gà làm vốn.

Tôi và thằng Mùi tiễn nhà tôi ra tận đầu làng. Nhà tôi bịn rịn mãi mới đi dứt.

*

Tháng bảy, nhà tôi lại sang Phượng.

Lại chờ đến khuya, nhà tôi mới nói chuyện nhà cửa, phục tôi những là ăn ở khéo, biết chiều chồng, biết đứng đắn với vợ lẽ. Rồi kết cục, nhà tôi hỏi:

-U nó có tiền cho tôi mươi đồng?

Thấy tôi nín lặng, nhà tôi nói:

-Nếu không có, tôi đến phải bán hết ruộng đi mất.

Tôi đáp:

-Tôi buôn bán, lời lãi ít, có tiền đâu mà thầy nó lấy luôn thế.

Nhà tôi dỗ:

-Thì đằng nào u nó chả phải nuôi tôi.

-Đành vậy, nhưng mỗi tháng hết từng ấy tiền à? Lần trước đã mười lăm đồng.

-Đã cho con Hai năm đồng, còn tôi ăn đường và ra thuế hết cả.

Tôi trợn mắt:

-Hết cả?

Nhà tôi bĩu môi, nhại:

-Hết cả! Lại không bằng hai từng ấy cũng vừa ấy à?

Tôi cau mặt:

-Thầy nó chỉ chết về cờ bạc. Tôi đã bảo chừa đi kia mà. Tôi tưởng cứ như lời tháng trước thầy nó nói với tôi thì ra vẻ hối hận lắm, tưởng không đời nào bước chân vào đám bạc.

Nhà tôi im. Tôi thở dài:

-Tôi khổ vì thầy nó.

Đoán rằng tôi không đưa tiền. Nhà tôi vùng vằng:

-Thua thì phải gỡ, ai chả mong được, biết đâu lại thua vào.

Tôi khóc. Nhà tôi cau mặt, níu chặt cánh tay tôi mà lay:

-Thế u nó có tiền cho tôi hay không, cứ bảo thực.

-Tôi không có.

Tức thì nhà tôi nổi nóng, chửi ngay tôi, chửi khẽ, vì sợ người nọ người kia biết. Rồi nhà tôi đập tay xuống phản:

-Ông cũng khổ vì mày, ông cũng biết làm thân đàn ông nhờ vợ là nhục. Ông không cần, ông về, ông bán quách nhà đi.

Tôi lau mắt:

-Thôi, tôi xin thầy nó, của ông bà để lại, thầy nó chỉ còn giữ được có thế, nếu thầy nó bán nốt, người ta cười cho thối óc.

-Đứa nào cười hở mười cái răng, đây túng thì đây bán. Đây bán rồi đây đi xiêu.

Bất đắc dĩ, tôi phải đưa nhà tôi bảy đồng. Chỉ thu xếp được có ngần ấy, tôi đưa cả. Tức thì nhà tôi vui vẻ ngay. Tôi bàn:

-Hay thầy nó sang bên này với tôi. Có một mình tôi ở nhà ngang, cậu mợ Cả đi vắng suốt ngày, nhiều lúc thấy vắng vẻ quá!

Nhà tôi lắc đầu:

-Ở dăm ba hôm thì được, chứ ở luôn coi sao tiện. Vả

lại còn con Hai nữa.

-Sang cả đây. Tôi kiếm việc cho mà làm. Tôi giúp vốn đi chợ. Thấy nó làm cái vườn cái dược, rồi cấy rẽ ruộng của cậu mợ Cả.

Nghĩ một lát, nhà tôi đáp:

-Nhưng ở bên này buồn lắm.

-Ở đâu quen đấy, rồi quen đi chứ. Họ hàng bên này đông, ở quây quần quanh đây, lúc nào rỗi thấy nó chạy đi chạy lại các nhà chơi cho vui.

Song, nhà tôi khăng khăng từ chối:

-Không, có nhà có cửa, có quê có hương, tôi ở đây sợ người ta nói.

Thế cũng phải. Sở dĩ tôi muốn nhà tôi ở bên này, là để xa lánh các bạn hữu tai hại, tập làm ăn chăm chỉ, và để tôi ngăn cản khỏi chơi bời. Có một điều tôi rất lấy làm lạ, là lần trước cũng như lần này, nhà tôi không hề bảo tôi về Rừng buôn bán. Hẳn ý không cho hai vợ ở chung với nhau mà nhà tôi không muốn rời vợ lẽ. Vợ cả đi xa, để mình được ở tự do với vợ lẽ, đàn ông nào không ước mong thế.

*

Đến tháng chín, nhà tôi lại sang, nói rằng lần này định ở hẳn Phượng với tôi.

Tôi đoán đó là sự vạn bất đắc dĩ, hẳn nhà tôi đã điêu đứng thế nào đây.

Quả nhiên, ngót mẫu ruộng và sào vườn ở sau nhà đã vào tay người khác rồi.

Tuy tôi ngao ngán, nhưng cũng mừng, vì từ nay, hẳn

nhà tôi xa lánh được chỗ chơi dại.

Nửa tháng đầu, nhà tôi đi chơi chỗ họ hàng, rồi một hôm, sau vụ gặt, nhà tôi bảo tôi:

-Tôi chả làm gì thì buồn, nên muốn nói với cậu Cả để tôi mấy sào ruộng gần trồng khoai tây.

Tôi bằng lòng ngay, bèn thuê người làm đất. Và đến khi ruộng thành luống, nhà tôi nói:

-U nó đưa tôi mấy đồng mua khoai giống.

Tôi cởi túi, lấy ra hai tờ giấy bạc, dặn:

-Ở làng trên, nhà ông phó Ý có khoai tốt lắm. Thấy nó hãy mua ngần ấy, rồi có muốn làm nữa sẽ lấy thêm.

Sáng hôm sau, tôi đi chợ, rất vui vẻ, nhà tôi lên Sủng mua khoai.

Độ đến trưa, bỗng tôi thấy thằng Mùi đi qua, ngơ ngác nhìn để tìm. Tôi chột dạ, gọi:

-Mùi!

Thằng bé quay lại mừng rỡ:

-U!

Tôi ôm lấy nó. Nó thấp, lại đội nón đàn bà, trông như cái nấm, đến buồn cười. Tôi hỏi:

-Mùi đi đâu?

-Mợ Cả bảo u có tiền, cho mợ giật ba đồng.

Tôi cau mặt:

-Gớm, mợ mày to gan thật, dám sai mày ra chợ một mình, ai đưa mày đi mà mày biết lối?

-Con đi một mình, mợ dặn đường.

-Thế mà không lạc cũng phúc thực.

-Mày cứ về, chiều tao đưa mợ cũng được.

-Mợ bảo u đưa ngay, mợ cần.

-Nhưng không biết mày mang về có được không đây, hay kẻ cắp nó giật mất.

Nó giơ thắt lưng ra:

-Mợ dặn u buộc vào đây, con nắm vào trong tay, không mất được.

Tôi mở dây lưng thằng Mùi, gói tiền vào, thắt nút lại, rồi cho vào trong quần thằng bé. Tôi đưa nó ra khỏi chợ, trỏ đường. Nó gật:

-Con nhớ rồi.

Nhưng mà tai ác quá, chẳng phải mợ cả mợ lẽ nào giật tiền của tôi, chính là thầy thằng Mùi nói dối và sai nó đi như thế. Mà sao nhà tôi liều, dám bắt thằng bé đi xa, đến một nơi nó chưa biết bao giờ. May tôi trông thấy, không thì nó lạc. Và cũng hú vía làm sao, không có đứa nó dỗ đi.

Tôi về đến nhà, thằng Mùi thích chí, cười để chế nhạo:

-U phải lừa rồi, ban nãy thầy bảo con đi lấy tiền, nói dối vay cho mợ Cả đấy chứ.

Tôi gắt nó rầm rĩ, đánh nó một trận. Nó khóc, nó van:

-Lạy u, vì thầy bảo nếu lấy không được, thầy đánh chết.

Tôi thương hại thằng bé bao nhiêu, lại giận nhà tôi bấy nhiêu.

Đến tối nhà tôi về; khoai cũng chẳng có, mà tiền cũng hết. Tôi hỏi, nhà tôi nhăn răng ra cười.

Tôi nghiến răng, tế cho một trận. Thế là nhà tôi giận, vớ ô, vớ áo, bỏ đi.

Cậu Cả nó sợ nhà tôi trách, sang tận Rừng tìm để mời về. Song không gặp.

Được mười hôm, nhà tôi lại trở về Phượng. Vừa bước chân vào nhà đã càu nhàu:

-Biết thế, hôm nọ được hai chục thì cứ ở nhà hoá khôn. Chỉ tại u nó làm tôi bực mình, nên mới lại đi như thế.

Rồi tiếc của, nhà tôi gắt tôi, gắt thằng Mùi, chán thì nằm thẳng cẳng trên giường, vắt tay lên trán, thở dài như người sắp chết. Rồi không hiểu đã thao thức bao nhiêu lâu, nhà tôi ngủ luôn một giấc vừa một ngày một đêm.

Thế là câu chuyện làm khoai xếp xó. Tôi không tin nhà tôi về tiền nong nữa.

Tán tỉnh không ăn thua, nhà tôi xoay tiền tôi bằng cách khác.

Hơn một tháng trời, ngày nào tôi cũng thấy nhà tôi đi chơi. Mà không hiểu tiền ở đâu ra. Thỉnh thoảng nhà tôi ngủ, xu hào trong túi áo rơi vung vãi cả ra chiếu. Tôi chắc tiền trước còn thừa, nhà tôi giấu tôi. Tôi nhặt, giấu biệt đi, nhưng khi thức dậy, nhà tôi nhớ đúng không thiếu một đồng, đòi cho kỳ hết.

Thì vỡ chuyện ra, nhà tôi đã đi vay cào vay cấu vung vít lên, chỗ năm ba hào, chỗ một hai đồng. Mà hỏi, nhà tôi cũng bảo mượn cho tôi, lấy tiền buôn thêm.

Tôi tức quá, đập phá cả ấm chén. Tôi dọa:

-Mặc kệ, ai vay thì người ấy trả.

Nhà tôi hừ một tiếng, đáp:

-Vay cho ai thì người ấy trả. Người ta cứ đứa có tóc, chứ ai cứ thằng đầu trọc.

Tôi tru lên:

-Khổ thân tôi, tai hại thế đấy!

-Ai bảo không dặn trước, để người ta cứ tin tôi!

-Bây giờ người ta tin vạn!

-Bây giờ tôi chả thèm vay nữa!

Quả nhiên nhà tôi chẳng thèm vay thực. Nhà tôi lấy tiền của tôi bằng cách khác, mới hơn. Là lừa khi tôi ngủ say, nhà tôi lần túi tiền của tôi cất ở đầu giường. Trước hết, tôi còn nghi dầy tớ. Rồi mất đến lần thứ hai, tôi đoán chắc chỉ có nhà tôi.

Nhà tôi vùng vằng, trợn mắt mắng:

-Đừng láo, ông thèm ăn cắp à? Ông kiết thật, nhưng ông không đến nỗi chó má thế.

Rồi giơ tay tát tôi.

Tôi biết lỗi, van xin mãi nhà tôi mới nguôi giận.

Nhưng lần thứ ba, tôi bắt được quả tang cái tay đang móc xuống dưới chiếu. Tôi nắm lấy, kêu:

-Trộm! Trộm!

Nhà tôi bịt ngay miệng tôi lại, vội vàng nói thầm:

-Im! Tôi đây mà.

Thế là nhà tôi nín thin thít, nghe tôi đay nghiến, chỉ thở dài. Tôi bảo:

-Thôi, còn lời lãi nào vào cái bát cái đĩa cho kịp. Thế này thì tôi buôn bán làm gì, kiếm không đủ phá!

Nhà tôi dỗ:

-Thôi, đừng làm rầm lên, rồi cậu mợ Cả nghe tiếng, xấu chàng hổ ai.

Tôi khóc lóc:

-Tôi đến phải đi chỗ nào thì đi thôi. Tôi còn có đồng ra đồng vào, thấy nó còn hư, bất nhược tôi thu xếp hàng họ lại.

Nhà tôi lạy van tôi.

Nhưng chứng nào vẫn tật ấy. Thấy tôi giấu tiền kỹ quá, nhà tôi bèn lấy nồi, mâm đi cầm.

Đến khi trong nhà không còn cái gì đáng giá để đem đi làm tiền được, nhà tôi bắt đầu ăn cắp hàng của tôi.

Cũng như lần trước, nhà tôi đổ cho tôi mất ở ngoài chợ. Nhưng đến lần bắt được quả tang hai cỗ tổ tôm còn nguyên giấy gói thu trong áo, tôi giận quá, không cần giữ sĩ diện, tôi làm rầm lên.

Nhà tôi xấu hổ, đánh tôi một trận để đỡ tức, mặc dầu tôi có mang sắp đến ngày ở cữ.

Từ hôm ấy, tôi phải đem gánh hàng lên buồng cậu mợ nó.

Thấy hết cách làm tiền, nhà tôi nằm khàn một dạo, và cứ sồn sồn đòi về Rừng.

Thấy tôi can ngăn, nhà tôi càng đòi:

-Ở đây mà không có tiền tiêu, thà về ở với vợ bé cũng thế.

Tôi mặc kệ, nhất định không đưa cho một xu.

Nhà tôi càng đòi về. Sau hết, bực mình, tôi đáp:

-Tuỳ thấy nó, tôi chả giữ nổi thì thôi.

Từ đó nhà tôi không đòi đi đâu nữa.

Rồi cùng kế, nhà tôi xoay đến họ hàng.

Trước hết, nhà tôi lấy chiếc độc bình thờ trên cậu Cả. Được cậu mợ nó tốt bụng, không kêu ca, lẳng lặng đi chuộc về.

Rồi đến nhà chú tư Toàn là em rể, mất cái ô mới.

Rồi đến nhà bác Cán, mất cái áo the.

Rồi nhà tôi động đến chơi nhà ai, người ta mất trước mắt sau, canh như canh trộm.

Sau hết, nhà thím Bút mất cái đồng hồ quả lắc. Thím ấy tai ngược, đến tận cổng réo, dọa không trả, sẽ chửi rong làng.

Nhà tôi sợ tôi biết, chạy ra van lạy đền.

Nhưng thím ta không để yên, vào kể chuyện cho tôi nghe.

Tôi mới ngã ngửa. Thì ra chồng tôi vẫn dùng những kế rất đê nhục để kiếm tiền.

Tôi đứt từng khúc ruột. Tôi đêm ngày khóc lóc, không dám vác mặt ra đến chợ nữa. Không thể chịu được nhục nhã, tôi thu hàng lại, trở về Rừng với thằng Mùi.

Mặc kệ nhà tôi muốn đi đâu thì đi.

Về đến quê chồng, thấy nhà xiêu vách nát mà tôi chán cảnh.

Tôi thuê người rào lại giậu, chữa chạy cửa nhà, rồi lại tính công cuộc làm ăn.

Nghề của tôi là nghề bán hàng xén, nên tôi không thể rời được đôi bồ. Cho nên nghỉ ngơi vài hôm, tôi bắt đầu đi chợ.

Vợ lẽ nhà tôi đã về ở nhà hắn từ năm nhà tôi sang Phượng. Tôi định đến chơi, nhưng hỏi thăm, thấy nó hư lắm. Nó nhân tình nhân ngãi với bất cứ người nào có dăm ba hào, và hiện có mang không nhớ rằng với ai.

Năm hôm sau, nhà tôi cũng về Rừng.

Lần này thì tiều tuỵ quá. Chỉ còn cái quần cháo lòng, và không biết cái áo cánh nâu mượn của ai, mà vừa rách vừa ngắn cũn cỡn. Không hiểu giầy, ô, áo the, khăn lượt, cùng quần áo thay đổi, nhà tôi đã đem đi xó nào rồi.

Trông thấy chồng, tôi đau lòng quá.

Việc đầu tiên của nhà tôi làm, là xà xuống thăm vợ lẽ. Nhưng chừng thấy nó có mang, nên chán rồi, về cứ nằm thở dài một mình.

Việc thứ hai là nã tiền của tôi. Tôi không đưa thì dỗ khéo. Dỗ khéo không được thì chửi, và đánh.

Việc thứ ba là đến chơi các bạn cũ để gạ gẫm. Nhưng

không ai mắc, nên về lại đánh vợ chửi vợ.

Thì ra thân tôi là thân tội. Tôi sống để chịu khổ, chịu nhục. Tôi sống để khi người ta không lấy được tiền thì đào bới xới trộn ông bà ông vải tôi lên.

Thà tôi chết, chết để được sung sướng.

Tôi vẫn nghe nói nhân ngôn là vị thuốc độc mạnh, bèn mua về. Nhưng đến khi sắp uống, tôi nhác trông thấy thằng Mùi đang thui thủi đánh khăng một mình ở sân. Tôi chạnh thương nó, bỗng nước mắt ràn rụa. Tôi hất chén thuốc độc đi, gọi nó vào, ôm lấy nó:

-Mùi ơi, tao còn khổ là vì còn có mày.

Thằng bé không hiểu, ngây nhìn tôi, và dòm dòm cái chén còn tý cặn. Nó hỏi:

-U làm gì thế?

Tôi lau mặt:

-Không, u thương con đấy mà.

Chiều hôm ấy, không biết nhà tôi đi uống rượu ở đâu về. Mặt đỏ gay, nhà tôi hầm hầm chạy xuống bếp, xỉa xói tôi mà chửi.

Hẳn nhà tôi uất ức vì mấy lần nã tiền không được, nên nhân lúc say rượu hăng máu, mới báo thù.

Nhà tôi giở lý sự rất ngộ nghĩnh để nhiếc móc:

-Mày đừng hợm, mày tưởng mày làm giàu cho nhà này phải không? Mày phải biết cưới mày, bố mẹ tao tốn kém tiền trăm bạc chục. Rồi từ ngày có mày, nhà này hoá xúi quẩy, bao nhiêu ruộng nương phải cầm bán đi hết. Người ta nuôi con chó, con mèo, có khi phát tài về chó mèo, chứ lấy người để nhà lụn bại à?

Tôi chẳng nói chẳng rằng, hơi đâu cãi lại người mất

trí. Thà nhịn cho êm cửa êm nhà, lỡ nói câu nào nhà tôi tức, lại thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, chỉ thiệt thân. Tôi đã nếm đòn nhiều lắm rồi, nên rất sợ. Vả nhịn chồng, có xấu hổ gì. Người ta giận dữ, nếu để mãi trong lòng thì còn hậm hực. Được nói ra, thì hả, lại khoan khoái ngay. Cho nên tôi mặc nhà tôi, nói cho sướng miệng. Sao chả có lúc mệt.

Song, ngờ đâu, ý nhà tôi định thế khác. Nhà tôi muốn gây sự đánh tôi, nên chỉ mong tôi cãi. Thấy tôi không cãi, nhà tôi càng tức già:

-Tao nói mày không bắt lời, thói phép nhà ai thế?

Rồi xông ngay vào túm tóc tôi, giật tôi ngã sấp mặt xuống đất, và cứ mạng mỡ đạp mãi.

Tôi đau, nhưng nhất định không kêu. Tôi sợ hàng xóm đổ sang can, rồi tai tiếng rầm làng. Bởi thế, nhà tôi càng đánh, đánh nhiều đến nỗi tôi đau quá, lúc muốn kêu cũng không ra tiếng được. Thấy tôi như sắp tắt thở, nhà tôi mới ngừng tay.

Tôi nằm dưới đất, tưởng giá cứ thế mà được chết, thì sung sướng biết bao.

Nhưng nào có chết được. Không biết được bao lâu, tự nhiên tôi thấy văng vẳng bên tai có tiếng nhoe nhoe trẻ khóc. Mà tôi chỉ nghe thấy có tiếng ấy. Tôi bàng hoàng ngồi nhổm dậy. Thì ra trời đã tối. Thằng Mùi con khóc. Tôi mới sinh nó ngót một tháng. Khốn nạn, nó đói, không biết nó đòi bú từ bao giờ. Tôi cố đứng dậy, lên nhà bế con. Được bú thằng bé hầm hập miệng vào vú, mút chùn chụt. Thương hại nó quá.

Tôi sực nhớ đến thằng Mùi. Không biết nó đâu, và có đói không, sao không thấy nó chơi quanh đây. Tôi gọi:

-Mùi ơi!

Không có tiếng trả lời. Tôi lo quá. Tôi đặt em nó đang bú dở xuống giường, ra nhà ngoài tìm. Hay nó đói quá nằm lả ra đâu ngủ rồi. Ban chiều, tôi ở chợ về, có mua được tấm chả rất ngon lành, định để vợ chồng con cái cùng ăn. Ngờ đâu, lúc đang thổi cơm thì xảy ra chuyện. Thành cơm thổi bỏ dở. Thôi được, tôi nhịn đói đã đành, chứ thằng Mùi đã làm gì nên tội mà cũng phải chịu khổ với mẹ.

Thằng Mùi-con bú giở miệng, bị rứt vú ra, khóc thất thanh. Kệ nó, tôi đánh diêm châm đèn soi, nhưng không thấy con đâu. Mà nhà tôi lúc ấy đã lẩn đi đằng nào rồi.

Tôi chột dạ, tìm gánh hàng, thì mẹ ơi, một chục bánh xà phòng và một hòm lơ đã biến mất.

Còn ai khổ hơn tôi nữa không. Tôi choáng cả người, vừa giận chồng, vừa lo không biết con đâu.

Trời thực độc địa! Làm sao có người ham sống thì bỗng lăn đùng ra chết, mà có người muốn chết như tôi, lại cứ phải sống mãi, hở trời!

Thôi, con đói mặc con, tôi lên giường nằm định cắn lưỡi tự tử. Kệ cho bố con nó nuôi nhau. Nhưng nghe tiếng thằng bé khóc xa xả, tôi lại không cầm lòng đậu. Trời có cho tôi đi đâu. Số tôi phải sống, tôi đành chịu khổ vậy. Tôi ngồi dậy, bế thằng Mùi-con, ru nó ngủ.

May quá, vừa lúc đó, bóng thằng Mùi thấp thoáng ở ngoài bực cửa.

Tôi đỡ lo, hỏi:

-Mùi đấy à?

-Vâng.

-Có đói không?

-Không, con ăn cơm rồi.

-Ăn ở đâu?

-Bên bác nhiêu Hiền.

Tôi vẫy nó:

-Mùi vào đây u bảo.

Thằng Mùi trèo qua bực cửa, ngoan ngoãn đứng cạnh tôi. Tôi sờ bụng nó. Nó nắm lấy tay em nó, âu yếm hít một cái.

Trông thấy chúng nó, tôi bỗng quên hết mọi sự. Tôi ôm thằng Mùi vào lòng, hỏi:

-Mùi có yêu em bé không?

-Có.

-Mùi có yêu thầy không?

-Có.

-Mùi yêu thầy hơn hay yêu u hơn?

-Yêu bằng nhau.

Tôi mỉm cười, thở dài. Nó nhìn tôi, rồi trỏ vào trán tôi, cười khanh khách:

-U bôi hề đấy à? Than dính vào mặt u nhiều quá.

Tôi sờ lên trán thấy đau đau. Tôi lấy gương ra soi, thì ra trên mặt tôi, có ba bốn vết tím bầm. Thằng Mùi vẫn thích chí:

-U rửa mặt, không có người ta cười cho đấy.

Tôi lắc đầu:

-U không rửa, rửa không sạch.

Thằng bé kiễng chân lên, ghé mắt vào tận nơi. Tuy

ánh đèn hoa kỳ không sáng lắm, nhưng nó cũng nom rõ:

-Sao mặt u sưng lên thế?

Tôi nắm tay nó:

-Thầy vừa đánh u đấy.

Thằng Mùi im lặng, nhìn tôi chòng chọc. Hai mắt ngây thơ của nó làm tôi dào dạt cả lòng. Tôi khóc. Nó cũng khóc.

Giữa lúc ấy, có tiếng xôn xao ngoài cổng và nhà tôi nói vào.

Tôi dơ không buồn nhìn ra.

Nhà tôi gọi một cách hách dịch:

-Mùi, bảo u mày đưa mấy hào đây, tao mua thuốc, không có lại khổ bây giờ.

Thằng Mùi ghé vào tai tôi, nói thầm:

-Thầy có khách, thầy mang bàn đèn về, u ạ.

Tôi giận đầy hơi, trở dậy, lật hòn gạch, lấy cuộn giấy ba chục bạc giắt kỹ trong thắt lưng, rồi nói to:

-Tiền đâu mà có.

-Không có thì có đường có nẻo thì bước, bước! Đây ông không chứa.

Lấy nê có người nọ người kia, hễ nhà tôi hành hung với tôi, tất họ phải can, tôi cãi:

-Bước thì bước, càng đỡ khổ. Nhưng tôi không ăn tàn phá hại, không có phép đuổi tôi bước.

Bất đồ nhà tôi hung hăng, sấn vào tôi:

-Hễ không có tiền cho ông, ông đuổi bước cả ba mẹ con thật đấy.

Tôi vội bế thằng Mùi-con đứng dậy, chạy. Nhà tôi đuổi theo. Tôi ra sân. Thằng Mùi vừa khóc vừa van lạy thầy nó. Nhà tôi đuổi. Tôi ra cổng. Thằng Mùi cũng theo. Khi ba mẹ con đến ngoài đường, nhà tôi đứng ở trong trỏ vào mặt tôi, nói:

-Có đường có nẻo thì bước, ông cấm cửa.

Đoạn đóng ập cổng lại.

Trong lúc bực chí, tôi quay gót, tay bồng, tay dắt, cứ thế ra đi.

Tôi đi đâu?

Nào tôi đã định?

Tôi cứ biết chân bước đến đâu thì đi đến đấy.

Thoạt tiên, tôi tính vào nhà ông Phó Lược ngủ nhờ. Song, sợ ông bà ấy hỏi han, phải nói chuyện thêm phiền, tôi lại thôi.

Tôi đi thẳng đến đầu làng lúc nào không biết.

-Mùi có mỏi chân không?

-Còn lâu.

-Tối thế này con có sợ không?

-Sợ gì đã có u mà.

Thế là tôi lại đi.

Trời tối đen như mực. Chỉ hơi rõ vệt lối đi trắng. Đom đóm lập loè bay. Tôi không biết định đi đâu, và đến bao giờ. Tôi quên cả sợ. Gió hây hẩy làm tôi nhẹ nhõm. Tôi ước mong giá đời cứ được như thế này, có lẽ sung sướng lắm.

Bỗng thằng Mùi, vấp một cái, suýt ngã.

Tôi dừng lại, giắt chặt món tiền, rồi cởi áo ra lấy vạt

cả buộc cái địu để đèo thằng Mùi:

-U bế một tí cho đỡ mỏi.

-Không, con đi, thích cơ.

Được một lát, có hai cái bóng người đen đen cầm gậy tiến lại trước mặt tôi. Chắc là hai người đàn ông lực lưỡng. Tôi sợ rụng rời. Hai người nhìn tận mặt tôi, rồi một người hỏi:

-Mợ Thuyết đấy à?

Nhận ra anh Tín tuần làng, tôi mới yên tâm:

-Phải, hai anh đi rong đấy à?

-Đêm hôm, mợ đi đâu thế?

Tôi bối rối không đáp. Anh Tín cười:

-Chừng cậu ấy cho một trận, mợ giận thân chứ gì!

-Anh đừng nói với nhà tôi là gặp tôi nhé.

-Nhưng mợ đi đâu mới được chứ?

-Tôi đi đâu thì cũng mai mới về. Đường sá độ này có yên không anh?

-Làm gì mà chả yên.

-Vậy chào hai anh nhé.

Hai người tuần về phía làng họ vừa đi vừa nói chuyện tôi. Tôi tò mò đứng nghe, rồi thở dài. Tôi nhìn bốn bên trời tối tăm mù mịt. Tôi đâm sợ. Trở về chăng? Không khi nào tôi chịu nhục ngay thế được. Bất nhược cứ nhắm mắt đưa chân, rồi nó muốn ra sao thì ra. Tôi kể chuyện Tấm Cám cho thằng Mùi nghe để nó quên mệt. Thấy thằng bé bị tôi lừa dối, tôi thương hại quá.

Một lát, tôi đến đường xe lửa. Tôi đứng dừng lại, đắn đo xem nên đi về phía Hà Nội hay về phía tỉnh? Tỉnh hay

Hà Nội cũng thế thôi, tôi không có người quen. Âu là tôi cứ theo đường sắt, đến ga nào sẽ có nhà trọ ở ga ấy.

Bỗng một cơn giông ở đâu kéo đến. Chớp loè loang loáng. Trời đã đen lại càng đen. Gió thổi bạt cả hơi. Tôi run lên. Rành hai đứa con phải chết về cảm mất. Tôi không biết ở đâu có chỗ trú mà tìm vào. Giá đi một mình, tôi đã cắm cổ chạy, song, khốn nỗi còn thằng Mùi.

Gió đã bắt đầu đổi ra lạnh. Tôi biết mưa sắp tới. Tôi ứa nước mắt, bế thằng Mùi để đi nhanh. Nhưng được một lát, thì chân tay mỏi rời. Thằng bé sợ chớp xanh lè, nép chặt vào vai tôi. Vài hạt mưa to đã rơi lộp độp xuống rồi mưa rào rào thì may làm sao tôi vừa tới một cái điếm gạch.

Mẹ con trú chân ở đó. Tôi cho thằng Mùi-con bú, và trải cái áo xuống đất cho thằng Mùi nằm. Nhưng nào có được nằm yên. Mưa như trút nước. Trong điếm bị dột tứ tung. Ngồi chỗ nào cũng không tránh khỏi ướt. Mãi sau, nhờ ánh sáng chớp loè, tôi mới thấy một góc đất khô, để mẹ con được yên. Thằng Mùi vừa nằm đã ngủ. Tôi ngồi tựa lưng vào tường, bóp chân bóp tay.

Mưa vẫn cứ rào rào. Mà nước mắt tôi ràn rụa. Tôi tưởng nước mắt của tôi còn nhiều hơn nước mưa của trời.

Độ nửa giờ, bỗng một cái gì lù lù đen tiến đến trước điếm. Trống ngực tôi thình thình. Tôi nhịn thở. Chớp loáng, tôi hoàn hồn, vì nom rõ đó là một cái xe.

Người phu xe mở áo tơi cho người trong chạy ra. Tôi nép vào tường, không dám cựa. Nhận dáng điệu người đàn ông trong chỗ tối tăm, tôi càng không lên tiếng. Tôi đoán người đó là người lương thiện, song không biết ai bắt mà đi trong lúc mưa gió này?

Hai người nói chuyện cùng nhau:

-Liệu có lỡ tàu không?

-May thì không lỡ, mọi khi sang canh hai lâu mới nghe thấy tiếng còi.

Rồi người ngồi xe phàn nàn:

-Giá nghe ông ấy, sáng mai mình hãy đi cho đỡ vất vả thì không.

-Vâng, thưa cụ sáng mai bây giờ đã có một chuyến.

-Nhưng mà ở lâu thì nóng ruột, tưởng đi đêm cho mát mẻ, chứ ai ngờ.

Tôi đoán chắc hẳn người khách phải già.

Tự nhiên một tiếng sét, làm tôi giật nẩy mình. Thằng Mùi đang ngủ say, khóc thét lên, tôi vội đè chặt lấy ngực nó.

-Có người, mày ạ.

-Vâng, mọi khi vẫn có mẹ con đứa ăn xin ngủ ở đây.

Người đi xe quay lại phía tôi. Rồi nhân cái chớp loè, hẳn đã trông rõ quần áo tôi, biết không phải đứa ăn xin, mới hỏi:

-Ai đó?

Tôi khẽ đáp:

-Tôi.

-Đi đâu mà đêm hôm mẹ con ngồi đây?

Tôi sợ hãi đáp:

-Thưa cụ, mẹ con cháu ra ga ạ.

Tôi nói liều vậy cho đỡ lúng túng. Thì người ấy bảo người phu xe:

-À, đi bộ người ta còn trú ở đây kia mà.

-Vâng, thưa cụ, cháu đã trình cụ là cứ vào đây nghỉ một tí, thế nào cũng kịp tàu.

-Mẹ con nhà chị về đâu?

Đến câu này, thật tôi không biết đáp thế nào. Tôi có nhớ giờ tàu về đâu đâu, song tôi cũng trả lời cho xuôi:

-Cháu lên vài ga trên ạ.

-À, thế cũng đi chuyến với tôi.

Trời ngớt mưa.

Người phu xe nói:

-Mời cụ đi thì vừa.

Người khách lên xe. Anh xe gài áo tơi, nhấc càng, rồi nói:

-Nào nhà chị kia có lên ga, thì cùng đứng dậy một thể, kẻo đàn bà đêm hôm đi thế nào được một mình.

Tôi từ chối:

-Còn hai thằng bé con ngủ, đánh thức thế nào được đây!

Người ngồi xe ái ngại:

-Rõ khổ. Hay là cho hai đứa lên cả đây, tôi giữ hộ cho.

-Đa tạ cụ, cháu chả dám phiền cụ.

Người phu xe mắng:

-Dở hơi vừa chứ, cụ thương cho phép thế, chả có mẹ con ngủ đêm giữa đồng này à!

Tôi sực nhớ ra. Hay là theo ông cụ lên ga vậy. Chẳng đi tầu thì ngủ trọ ở đó ai cấm, vả lỡ người phu xe biết tôi ở

đây, rồi trở lại làm càn thì khốn.

Ông cụ giục lần nữa, tôi mới bế anh em thằng Mùi đưa ông cụ, rồi chạy theo xe.

Sức tôi yếu, chạy không quen, nên được một quãng thì mệt lử. Song tôi không dám đi chậm. Tôi sợ nếu đến ga muộn giờ tàu, ông cụ sẽ để hai con tôi ở đâu. Mà nếu ông cụ vì lúng túng có hai đứa, phải chịu lỡ tàu để giao trả tôi, thì tôi làm phiền ông.

Tôi đành ôm chặt bụng, nhăn mặt lại mà chạy.

Chẳng mấy chốc, tôi đã đến hàng rào găng, và mấy ngọn đèn đo đỏ, các hàng nước đã hiện ra trước mặt. Sắp đến nơi rồi.

Tôi cố một mạch nữa thôi.

Xe đỗ ở thềm nhà ga. Tôi không phải chạy nữa. Song vừa đứng lại, tôi hoa cả mắt, chồn cả cẳng, tối tăm cả mặt mũi. Suýt tôi ngã. Tôi thở hổn hển và ho sù sụ. Ông cụ trao lại hai cháu và quay vào trong ga. Nhân ánh đèn buồng bán vé chiếu ra, tôi nhận thấy người ấy chưa già. Gọi là cụ khí quá. Mặt mũi ông ta ra dáng người tử tế. Trả tiền xe xong ông cũng nhìn tôi. Tôi vờ cúi mặt cho thằng Mùi-con bú. Nhưng thằng bé khóc ngặt nghẹo. Tôi day mãi vú, nhưng chỉ ra được tí sữa.

Ông ta hỏi:

-Nhà chị đi tàu đến nơi rồi về đâu?

-Thưa cháu ở ngay phố ga.

Thằng bé khóc xa xả, tôi dỗ mãi không nín. Thằng Mùi cũng khóc. Ông cụ - tôi gọi quen miệng - nhanh nhẩu, mở va-ly lấy chiếc bánh đưa cho nó.

Thấy sự tử tế của ông cụ, tôi cảm động hết sức. Tôi tạ

ơn, và nghĩ đến nỗi chồng, tôi ứa nước mắt. Bất đồ ông ta trông thấy hỏi:

-Quái, nhà chị có điều gì uất ức trong bụng hẳn?

Tôi không cầm lòng đậu, nức lên khóc to.

Ông ta hỏi vặn:

-Nhà chị ở đâu?

-Thưa, cháu ở Rừng.

-Chồng làm gì? Con cái nhà ai?

-Thưa, nhà cháu chả làm gì. Cháu là con dâu ông Bá Phiên.

Bỗng ông có ý ngợ:

-Con dâu ông Bá Phiên ở Rừng, quái, thế thì quê chị ở Phượng Vĩ à?

-Bẩm phải.

-Tôi hỏi khí không phải, có phải chị là con cụ Đô hay không?

-Vâng.

Ông cụ ra dáng mừng rỡ:

-Trời ơi! May làm sao!

Tôi nửa mừng nửa lo. Tôi gặp người quen hay người đi lừa? Ông cụ tiếp:

-Thế thì bà con cả đây. Ngày xưa ông nhạc tôi với cụ Đô nhà cùng làm việc ở Hải Dương. Chết chửa tôi xin lỗi bà, bà cũng đừng gọi tôi là cụ nữa.

Tôi sượng sùng hỏi:

-Thưa cụ bảo cụ nhạc nhà với thầy tôi làm việc ở đâu ạ?

-Ở dinh cụ Thượng Đông. Ông nhạc tôi là ông Bát Hướng đấy mà. Tôi là cả Sinh đây.

Ông Bát Hướng, tôi nhớ ra rồi. Đã có lần ông về nhà tôi chơi. Song bà Bát và tôi không quen nhau, vì cả ông Bát lẫn thầy tôi, khi còn sinh thời, làm việc ở tỉnh nào, không đem theo vợ con bao giờ.

-Thưa thế bà đi đâu? Hẳn bà có điều gì buồn bực?

Tự nhiên không biết có cái gì xui tôi, tôi nói thực cả chuyện gia đình cho ông cả Sinh nghe. Ông ngậm ngùi, hỏi:

-Thế là bà giận ông ấy, bà định đi, nhưng chưa biết đi đâu.

Tôi cười:

-Vâng.

-Thế thì chỗ bà con, tôi xin cứ thực thà thưa, mời bà về trong tôi, rồi sáng mai, tôi cho người đưa bà về Phượng Vĩ. Vợ chồng nhà nào chẳng có lúc giận nhau. Và nóng, thì bây giờ bà xử thế, nhưng khi nguôi giận bà hồi tâm ngay.

Tôi chưa đáp, thì trong buồng bán vé, người ký ga đã dập máy thình thình để gọi khách. Ông cả Sinh nhanh nhẩu lấy hai cái vé.

Thế là tự nhiên tôi theo ông cả Sinh.

*

Thật là ngượng hết sức. Ngờ đâu ông cả Sinh goá vợ. Ông ở với mẹ già, và đứa con gái lên ba, tên là Điệp.

Ông đưa tôi đến chào bà cụ. Tôi thẹn thùng quá. Người nhà ông cứ nhìn tôi chòng chọc ra ý nghi ngờ. Họ

không hiểu vì sao tôi đến đây.

Ông Cả nói rõ gia cảnh tôi với mẹ, và bà cụ hỏi thăm tử tế và phàn nàn cho tôi. Song, tôi không thể nào yên tâm. Tự nhiên, đương đêm mình còn trẻ trung, theo một người đàn ông goá vợ về nhà. Rồi sáng mai, người làng biết, họ sẽ đồn đại ra sao. Lỡ tiếng tăm đến làng tôi, thật là hổ thẹn. Tôi rửa sao được vết xấu bỏ chồng đi theo trai.

Đêm hôm ấy, tôi nằm với bà cụ. Hai con mệt, ngủ im thin thít.

Nhưng tôi có chợp mắt đâu. Nghĩ đến chồng lúc nào, tôi nghẹn ngào lúc ấy! Lại còn tôi, bước chân vào nhà này, thật tôi quá liều. Thỉnh thoảng, tôi lại rên lên.

Bà cụ nghe tiếng, lại cựa, lấy lời lẽ phải chăng khuyên giải tôi.

Thành thử bà cụ cũng mất ngủ:

-Thế bà định đi như thế này thì bao giờ về?

-Thưa cụ, con chẳng định bao giờ về cả. Dù con phải ăn mày để nuôi các cháu, con cũng bằng lòng. Vì nếu con ở nhà, rồi đến cũng không còn gì ăn, lại nỗi nay phải chửi mai phải đánh nữa.

-Ra bà quyết bỏ ông ấy à?

-Bỏ thì con chả bỏ, nhưng không thể ở được nhà.

Sáng hôm sau, khi đánh thức thằng Mùi dậy, tôi thấy đầu nó hơi nóng. Tôi cho thằng Mùi-con bú, thì sữa không ra được giọt nào. Tôi lo quá. Có lẽ vì nông nỗi hôm qua, tôi bị hết sữa.

Đợi lúc cơm chín, tôi nhai một nắm mớm cho thằng bé. Sữa tôi không có, nó phải ăn cơm cho quen.

Xong bữa, tôi xin phép bà cụ và ông cả Sinh để đi.

Nhưng vì thấy thằng Mùi có dáng mệt lắm, bà cụ và ông Cả cố tình lưu tôi lại, nói rằng trẻ nóng, chớ nên bắt nó xông pha.

Giá biết đường lối tôi liều trốn đi ngay cho đỡ sốt ruột. Khốn nỗi hôm qua đến đây lúc đêm tối, tôi không nhận được đâu vào đâu, cả đến tên làng này là gì tôi cũng chưa rõ.

Bất đắc dĩ, tôi phải ở lại. Tôi rang cám đánh cảm cho thằng Mùi. May quá, đến chiều nó đỡ. Nhưng còn nỗi em nó khóc ra rả cả ngày vì đói. Nó nhịn hẳn sữa chưa được. Mà nó ăn cơm chưa chịu. Bà cụ bảo gọi bác Tụng đến cho nó bú chực. Tôi có ngờ đâu nông nỗi xảy ra thế này.

Hôm sau, bà cụ và ông cả Sinh lại lưu tôi. Song tôi bồn chồn cả dạ. Tôi chỉ muốn đi, để xem đời mình còn xoay ra đến thế nào. Tôi nằng nặc không ở. Bà cụ mới lập kế, bế biệt thằng Mùi-con đến nhà bác Tụng và cấm người nhà không được dẫn tôi đi tìm.

Tôi khóc lóc, lạy van bà cụ. Thật tôi chưa thấy ai kiên gan như bà cụ với ông cả Sinh. Mặc tôi làm gì thì làm, hai mẹ con chỉ cười, hình như lưu tôi được, thì lấy làm sung sướng. Mà tôi ở ngày nào hết phiền cái nọ, lại nhiễu cái kia, hết khóc, lại thở dài, chứ có làm cho ai ích lợi vẻ gì.

Đến sau, không còn cớ gì giữ nổi tôi, bà cụ phải nói:

-Thằng Mùi với con Điệp đang vui vẻ thân thiết, thì bà hãy nán lại cho chúng nó chơi với nhau hôm nữa. Mai tôi không dám giữ bà. Về nhà, bà không về, đi đâu, bà chửa định, thì bà nóng ruột nỗi gì?

Nhưng hôm sau, bà cụ lại kiếm một cớ khác:

-Mai nhà tôi có giỗ ông cụ đẻ ra tôi, mời bà hãy ở lại đến ngày kia.

Thằng Mùi-con còm lắm. Nó không hợp sữa, hay nó đói. Nghe nó khóc, tôi đứt cả ruột.

Nhưng biết làm thế nào?

Sau hôm giỗ tôi mới biết cớ tại sao bà cụ cứ lần khân lưu tôi.

Thì ra ông cả Sinh muốn hỏi tôi làm kế. Bà cụ ngỏ thực với tôi như thế.

Cố nhiên tôi từ chối.

Bà cụ dỗ dành mãi, nhưng tôi không nghe. Thấy hai người trong bụng buồn thiu buồn thiu, mà ngoài mặt vẫn phải vui gượng cho tôi bằng lòng, tôi ái ngại quá.

Giá tôi như người ta chỉ hời hợt lỗ miệng thì tôi cứ hứa khéo, rồi sau từ chối cũng xong. Song tôi không nỡ, để người ta mong mỏi ở mình, rồi bắt người ta buồn, thì người ta đau đớn biết là ngần nào. Mình lại mang tiếng lừa lọc. Tôi đã đau đớn về chồng, nên tôi không muốn ai đau đớn về tôi.

Đêm hôm ấy, nằm với bà cụ mà tôi lo lắm. Tôi sực nhớ đến chuyện một người con gái đến chơi nhà bạn đã có chồng. Hai vợ chồng nhà này hiếm hoi, muốn hỏi người con gái làm lẽ mà không được. Họ bèn lập tâm đánh lừa. Một tối đôi bạn gái ngủ với nhau một giường, rồi đến khuya, khi người bạn ngủ say, người vợ mới trở dậy nhường chồng vào chỗ mình để nằm với bạn.

Tôi lo, nên vẫn giữ mình, động cựa là choàng mắt dậy để nhìn. Song, tôi nghi oan. Đêm ấy, tôi được vô sự.

Sáng hôm sau, tôi xin đi. Nhưng bà cụ và ông Cả vẫn lưu lại, hẳn để tỏ rằng tuy tôi từ chối mà người ta vẫn tử tế. Vì vậy, tôi cũng ở lại, để tỏ rằng tôi không giận dỗi gì.

Ba hôm nữa, tôi đi hẳn.

Lúc từ biệt, cả bà cụ và ông cả Sinh đều ngậm ngùi. Tôi cũng không sao cầm được nước mắt.

Ông Cả cho người đưa tôi về Phượng, nhưng đến ga, tôi bảo người ấy trở lại, vì tôi định lên Tru.

Tôi mới có ý ấy từ hôm bà cụ nói chuyện ngày xưa đã buôn bán ở Tru. Tôi sực nhớ làng tôi có hai người buôn bán trên ấy. Tôi chưa lên Tru bao giờ, nhưng tôi đã hỏi thăm biết lối đi.

Năm đầu ở Tru, tôi có hai việc đáng kể lại, một việc buồn và một việc vui.

Việc buồn là tôi bỏ thằng Mùi-con.

Việc vui, là tôi đã làm được túp nhà lá.

Ngày mới đến Tru, tôi ở với bà hai Giản người làng. Vì không đủ vốn, tôi phải nhờ bà đưa đến các hàng mua chịu ít hàng. Thế là tôi có nhiều mặt hàng, để bán các chợ, chợ Tru, chợ Đồn, chợ Phí, và chợ Sủi.

Tôi đi từ sáng đến tối. Thằng Mùi thay tôi giữ em. Ở đấy buôn bán dễ dãi, nên ngày nào tôi cũng kiếm được dăm sáu hào lãi.

Nghề thế, được đằng nọ hỏng đằng kia. Thằng bé con không được mẹ chăm nom săn sóc, nó lại còm sẵn, nên chỉ một cơn sài, là nó đi.

Tôi buồn, nghỉ chợ mất đến mười hôm. Các bà ấy đến khuyên tôi mãi. Lúc chán nản, tôi đã toan trở về Rừng với nhà tôi. Song tôi lại tiếc cái đời đương được bình tĩnh. Về với chồng, tôi sẽ lâm vào cảnh đau khổ xưa.

Bà hai Giản cho tôi vay mười đồng để mua lại cái nhà tranh người ta bán rẻ. Nhân có miếng đất con cạnh nhà bà, là đất công, giáp ngay chân đồi, tôi bèn làm giấy xin phép quan làm nhà ở đấy. Tôi thuê người cuốc thêm đồi cho rộng thêm chỗ, lấy đất đổ nền, rồi dựng nhà.

Được chỗ ở khác, tôi khuây khoả dần, nên lại bắt đầu đi chợ.

Ở Tru, tôi bặt tin nhà tôi. Vì không phải lo nghĩ công việc lớn, nên tôi vui vẻ lắm. Sự buôn bán lại đem lại cho tôi nhiều lời lãi. Tôi trả được nợ bà Hai, rồi không phải lấy chịu hàng các hiệu, cho nên càng phát tài. Tôi cho thằng Mùi đi các chợ gần để nó học buôn bán.

Nếu được như thế, đến năm tôi già, tôi chết, thì tôi sung sướng biết ngần nào.

Nhưng một hôm, ở chợ về, tôi thấy ở cổng nhà một người đàn ông ngồi xổm, che ô khuất mặt.

Tôi không để ý, nhưng thằng Mùi bảo:

-Quái, ai như thầy ấy, u ạ.

Tôi hơi chột, nhưng đáp:

-Thầy có biết đâu u ở đây.

-Bây giờ thầy che lấp ô đi, ban nãy con trông rõ ràng là thầy.

Quả nhiên thằng bé trông không sai. Chính nhà tôi thực. Chắc thoạt thấy tôi, nhà tôi ngượng, nên lánh mặt.

Tôi đến nơi. Nhà tôi đứng dậy cười bằng cái cười rất gượng. Tôi hỏi:

-Thầy nó đến bao giờ?

Nhà tôi vừa xoa đầu thằng Mùi, vừa đáp:

-Đến từ sáng, nhưng hỏi thăm thấy bảo u con đi chợ, nên tôi ngồi chờ đây.

Tự nhiên, tôi thương hại. Nhất là tôi thấy nhà tôi thờ thẫn, ăn mặc tiều tuỵ, quần áo vừa rách vừa bẩn, đi đất, tóc thì xù ra, khăn vừa bạc vừa rách.

Tôi mở khoá cổng, bảo nhà tôi vào. Nhà tôi kêu đói, vì từ sáng chưa được ăn. Tôi sai thằng Mùi đi mua hai tấm bánh nếp, trong khi tôi ở trong bếp thổi cơm.

Nhà tôi buồn rầu, cho tôi biết là đã trót chơi bời quá, nên còn cái nhà bán nốt rồi.

Tôi thở dài, nhưng không buồn, vì đã đoán trước cả như thế.

Nhà tôi bảo đã biết tôi ở Tru đã lâu, nhưng mấy lần toan đến, lại sợ ngượng.

Bây giờ nhà tôi ăn nói như một người lù rù. Ra khi không có tiền, ai cũng hết cả hống hách.

Thấy nhà tôi tỏ ý định ở Tru, tôi bằng lòng ngay. Ai có thể giận dữ một người đã biết hối hận, huống nữa người ấy lại là chồng, đã ăn ở với nhau, con sống có, con chết có.

Nhà tôi đổi khác cả tâm tính. Trước kia, mê chơi, thích lắm bạn, bây giờ tôi giục mấy lần sang chơi nhà ông hai Giản và ông cả Bính, nhưng nhất định nhà tôi không đi. Thật thế, nhà tôi không bước ra khỏi ngõ. Nhiều người nói chuyện với tôi thế, mà cửa nhà, tôi nhận thấy quang đãng sạch sẽ hơn. Trước kia, tôi bận đi chợ cả ngày, nên để hàng rào cây mọc bừa bãi. Nhưng nay, những lúc rỗi, hoặc nhà tôi cầm dao đi phát lá hoặc đập lại chỗ nền nhà gồ ghề, hoặc buộc lại cái rui nhà long lạt. Tôi cho là hạnh phúc đã đến, vì tôi ở hiền nên gặp lành.

Tôi cũng tỏ ra biết quí chồng. Thỉnh thoảng thấy nhà tôi nằm thừ vắt tay lên trán thở dài, tôi phải kiếm một vài câu chuyện vui làm quà, cho có tiếng cười, vui nhà, vui cửa.

Một hôm tôi hỏi nhà tôi đã bán nhà cho ai, bao nhiêu

tiền, để nếu có thể tôi lo chuộc về. Vì tôi nghĩ chỗ quê cha đất tổ, còn mồ mả, còn bàn thờ, bỏ đi cả sao đành.

Cuối tháng ấy, tôi vay thêm ít tiền, về Rừng chuộc nhà, và gọi người cho ở nhờ. Người ta mách tôi rằng nhà tôi mới nghiện, nên giữ cẩn thận.

Tôi lên Tru ngay, vờ như không biết chuyện gì, vẫn vui vẻ như thường. Nhà tôi hỏi săn đón xem ở quê gặp những ai, nhưng tôi bảo vì vội về phiên chợ Đồn, tôi không đến chơi ai cả.

Để cho nhà tôi yên tâm, tôi mới dễ dò xét.

Nếu nhà tôi nhất quyết nhịn được thuốc phiện, thì là nhất.

Nếu tôi làm ra biết nhà tôi nghiện, nhà tôi không cần giấu, tất hút lại ngay.

Một hôm, tôi nghĩ đến việc lo hiến tế cho nhà tôi vào kỳ xuân tế sang năm. Ở chỗ dân làng, không đủ lệ cũng rầy rà. Tôi bàn với nhà tôi, thấy công việc tốn chừng hai trăm bạc.

Cả vốn liếng tôi hiện nay chưa đầy món tiền ấy, song, tôi có thể giật quanh, và lấy hàng chịu các hiệu cũng được.

Nhà tôi bảo:

-Nếu u nó định sang năm tôi hiến tế, thì mồng một này tôi phải về, để có cơi trầu ra xin các cụ, kẻo các cụ gọi người khác.

Tuy tôi không tin nhà tôi lắm, song tôi phải đưa đủ tiền và hành lý khứ hồi.

Tôi cho thằng Mùi đi theo, dặn nó giữ thầy nó.

Ngờ đâu trở về Tru, thằng Mùi bị cảm. Tôi hỏi, mãi nó mới dám thú thực là thầy nó bắt nó đi bộ, để tiền hút

thuốc phiện và cho vợ lẽ.

Tôi giận đầy hơi. Nhưng không nỡ nói nặng. Thấy tôi khóc lóc, vì chồng nghiện ngập, nhà tôi chỉ cười làm lành và xin lỗi, cùng thề sống thề chết từ nay nhất định chừa.

Nhưng nào nhà tôi có giữ lời thề. Hôm sau, nhà tôi tán khéo xin tiền để đi hút ngay. Tôi không nghe thì thấy mất chiếc đèn điện bấm trong gánh hàng.

Tôi hỏi nhà tôi. Cũng như ngày trước, chối bay, đổ cho tôi bị mất cắp ở chợ:

-Chứ người hay giống vật, mà nhẫn tâm thế.

Thấy chồng vật đầu vật tai, tôi đành im. Vả tôi phải giữ tiếng với hàng xóm.

Nhưng liền liền mấy hôm sau, tôi không mất thứ nọ thì mất thứ kia mà toàn thứ quý giá.

Tôi tức đến điên đầu, nói chẳng nể lời. Tôi thề từ nay không làm ăn gì cả, cho cả gia đình chết đói, rồi tôi đập đầu vào cột. Nhà tôi giữ tôi lại và hối hận, rớt nước mắt. Tôi nức nở, sụp xuống đất lạy hai lạy, đưa con dao phay, vừa khóc vừa nói:

-Nếu thầy nó không chừa thì đây, thầy nó hãy cứ giết chết mẹ con tôi trước đi.

Nhà tôi đỡ tôi dậy, rạch dao xuống đất:

-Mai mà tôi còn đi hút, thì tôi chết thế này.

Quả nhiên lần này tôi thấy nhà tôi giữ lời hứa, vì tôi không mất hàng nữa.

Song tôi hơi nghi, vì nhà tôi bắt đầu hay đi chơi các nhà. Tôi biết nhà tôi hễ quen ai là cũng la cà vay mượn. Tôi phải dặn dò trước các nơi, rằng ai đưa nhà tôi tiền, tôi mặc kệ.

Một hôm ở chợ Phí về, tôi thấy người xúm đông xúm đỏ trước nhà. Tôi biết hẳn có việc gì lôi thôi đây.

Tôi vừa bước chân vào sân, bà Tư Tòng đã tay cầm kính đen, tay xỉa xói vào mặt tôi:

-Ông nhà bà tệ quá, bà tử tế, nhưng ông nhà bà tệ quá. Tôi tưởng chỗ tôi và bà là chỗ bạn bán hàng với nhau, nên để cho ông ấy đi lại với nhà tôi, thế mà không biết ông ấy rủ rê nhà tôi thế nào, bây giờ hoá nghiện dở. Ban nãy khi ông ấy vào chơi, khi ra, nhà tôi kêu mất cái kính, tôi nghi ngay, theo về đây, quả nhiên thấy kính trong túi ông ấy.

Tôi nhìn nhà tôi, nhà tôi trợn mắt trợn mũi, phân trần:

-Thì tôi cũng có cái kính, lúc ở chơi đằng ông Tư ra, tôi ngỡ kính của tôi, nên mới bỏ túi. Lúc về, tôi thấy lầm, toan mang trả, thì bà lại. Người hay ngợm mà xử tệ với anh em như thế. Tôi nghiện hút thật, nhưng nếu không có tiền, tôi bảo nhà tôi đưa, việc gì tôi phải thế!

Tôi thở dài, ôn tồn xin lỗi bà Tư:

-Nhà tôi lấy lầm kính thật đấy; thôi, bà đừng ngờ thế phải tội.

Tôi nhận liều thế, chứ thực nhà tôi có kính đâu. Còn cái gì thừa mà nhà tôi không cầm cố cho hết! Bà Tư nói:

-Nhưng tôi tức lắm kia! Ông ấy rủ rê để bây giờ nhà tôi đâm nghiện.

Nhà tôi cãi:

-Ông ấy nghiện bao giờ, ai bảo bà là tôi rủ rê?

-Chính ban nãy nhà tôi bảo, mọi khi nhà tôi vẫn giấu tôi.

-Ông ấy bảo mà bà tin à?

-Sao lại không tin. Bà ấy nhà ông không cho ông tiền,

ông mới xui nhà tôi đi hút để hút ghẹ, ông cãi nữa đi.

Đến đấy, nhà tôi đuối lý, bèn cười nhạt:

-Thế đấy, để rồi tôi hỏi lại ông ấy cho ba mặt một lời.

Tôi can:

-Thôi, tôi xin bà, những việc ấy, bà nên dò xét cho đích xác, kẻo bà trách oan. Nhà tôi có nghiện thật, nhưng mấy tháng nay đã chừa rồi kia mà.

-Bà tưởng thế đấy, bà thử đi hỏi tất cả những nhà có bàn đèn ở Tru này xem có ngày nào ông ấy nhịn không?

Tôi thẹn quá. Nhà tôi cũng tịt không nói được nữa.

Tôi đành để bà tư nhiếc móc mấy câu nữa cho hả giận, rồi lấy lời lẽ ôn tồn để xin lỗi.

Đêm hôm ấy, không lúc nào tôi ráo nước mắt.

Nhà tôi cứ kiên gan mà van lạy tôi.

Tôi bảo:

-Thôi, tôi lại đi, thà đi ăn mày để chết đâu thì chết phen nữa cũng đành. Chứ cứ thế này, không thể nào tôi mọc mũi sủi tăm được.

Đến lúc tôi nguôi nguôi, nằm yên, nhà tôi mới dỗ dành tôi cho mang bàn đèn về nhà:

-Như thế tôi hút có ngữ, không phải bê tha nay nhà nọ mai nhà kia. Rồi túng, tôi phải đâm liều, như chuyện cái kính, mang tiếng chết.

-Không, thầy nó phải chừa, tôi thấy khối người nghiện đến mười lăm năm còn chừa nổi.

-Thế là u nó nghe người ta nói láo. Cái nghiệp thuốc phiện, đã bập vào nghiện là không tài nào gỡ ra được. Càng chừa càng sinh bệnh, đến khi phải hút lại, thì hút

nặng hơn trước. Tôi biết sống nhờ vào vợ thế này là sống nhục, song đã trót biết làm thế nào.

Tôi thở dài. Nhà tôi lại tỉ tê tán tỉnh, không biết lúc ấy nghĩ thế nào, tôi cho nhà tôi sắm bàn đèn.

Thế là từ hôm sau, nhà tôi rước tĩnh về. Những trông thấy ông chồng nằm dài ra hút mà tôi chán ngán!

Rồi vỡ tung ra, nhà tôi còn nợ những người nghiện ở Tru hơn mười đồng bạc. Họ không thấy nhà tôi đến hút, bèn đòi.

Tôi phải cắn răng trang trải cho xong.

Tôi tính ra, từ ngày có nhà tôi đến, mỗi tháng vào miệng nhà tôi mất ngót mười lăm đồng bạc. Còn buôn bán gì cho lại!

Tháng hai năm sau, nhà tôi và tôi cùng thằng Mùi về quê sửa hiến tế. Nhân tiện tôi mua quan viên cho thằng Mùi.

Lo được cho chồng có nơi ăn chốn ngồi trong làng, tôi mất vừa vặn hai trăm tư.

Tôi mắc nợ mất hơn trăm.

Song tôi rất hả hê. Kể cả lần chuộc nhà, thế là đến nay, đời tôi đã làm được hai việc lớn. Xong đám ở làng, tôi khuyên nhà tôi nên ở lại quê, trông nom nhà cửa, tháng tháng sẽ có tiền gửi về.

-Để tôi lên Tru, được yên tâm đi chợ kiếm chút lời lãi.

Nhà tôi bằng lòng ngay:

-Vả lại mới đang cai xong, được ra đình ăn nói, tội gì đi đâu vội.

Từ đó tôi buôn bán bạo tay hơn trước. Tôi vẫn đi chợ lại vay vốn đặt đay và đong thóc. May dịp ấy được lãi

nhiều, tôi lại trả được một trăm bạc nợ.

Nhưng trong khi ấy, ngờ đâu nhà tôi ở Rừng lại phá một phen nữa hết sạch sành sanh.

Mãi khi nhà tôi tay trắng, lên Tru tôi mới biết.

Thoạt tiên, thấy nhà tôi đến, tôi ngạc nhiên. Nhưng nhà tôi nói rằng lên thăm tôi sắp đến tháng ở cữ, và lấy tiền về nộp sưu.

Nhưng nhà tôi lần chần mãi không về quê. Tôi giục, nhưng cứ nay hẹn mai hẹn. Sau, bất đắc dĩ, nhà tôi mới đủng đỉnh nói:

-Còn đếch nhà đâu nữa mà ở.

Tôi vội vàng hỏi:

-Thế nào?

-Bán mẹ nó mất rồi còn gì.

Như bị tiếng sét, tôi hỏi dồn:

-Thế nào? Thầy nó lại bán nhà rồi à? Làm sao thế?

-Thua bạc chứ còn làm sao?

Tôi rú lên, đập tay xuống giường, lăn lộn khóc.

Nhà tôi nằm thẳng cẳng ở phản, vắt tay lên trán, thỉnh thoảng lại chửi đổng:

-Mẹ kiếp, không cái dại nào giống cái dại nào. Lúc khôn thì già rồi! Bây giờ mới biết ông nghe con đĩ là dại.

-Lại rước con đĩ về!

Tôi thét lên như thế! Nhà tôi thở dài.

Thì ra nhà tôi gọi cô vợ lẽ quý về. Sau tôi gặng mãi nhà tôi mới phun ra rằng vì buồn, không có việc gì, mới đâm ra đánh bạc, mà những con bạc lại là mấy thằng nhân

tình cũ của vợ lẽ.

-Nó dắt người đến lừa à?

Tôi dằn vặt thế. Nhà tôi đủng đỉnh:

-Chứ lại gì.

Rồi im một lát, nhà tôi tiếp:

-Lại hút nặng thêm nữa mới tức chứ!

-Khổ! Tôi đã bảo thầy nó giết chết tôi đi thì không, để tôi sống cực nhục mãi! Bán nhà cho ai?

-Cho ông chánh bá.

-Bao nhiêu tiền?

-Hỏi làm đếch gì, chuộc làm đếch gì nữa. Ở nhà ấy chỉ có hại. Ông thầy ông ấy bảo rồi còn chết chóc khối.

-Khổ thân tôi, thầy nó không biết thương tôi.

-Thương chứ sao chẳng thương, nhưng lỡ người ta mới trót thế, biết làm thế nào.

-Một lần trót, chứ mấy lần trót nữa. Đa mang con đĩ vào mãi.

-Tống cổ mẹ nó đi rồi, còn đâu mà đĩ với thoã.

-Trời đất ơi!

Tôi khóc, lăn lộn mà khóc.

Trong lúc bực mình, tôi quật phá đồ đạc tan tành.

Giá tôi có nhiều anh em, quyết khi ở cữ xong tôi nhờ mỗi người nuôi hộ tôi một đứa, rồi thất cổ chết quách cho nhẹ nợ.

Tôi nhất định từ hôm sau không đi chợ nữa, tôi bảo:

-Tôi không cần gì cả, chẳng buôn bán thì đừng, còn gánh hàng này, còn cái nhà này đem bán đất bán rẻ đi, ăn

hết rồi cùng nhịn đói.

Thực thế, tôi còn chăm chỉ tần tiện để mong gì. Một người làm một người phá. Người làm chắt bóp từng trinh, quanh năm không dám ăn của ngon, mặc của đẹp, muốn mua thứ gì cần còn năm lần bảy lữa mới dám bỏ tiền ra. Thế mà người phá thì vén tay áo sô đốt nhà táng giấy. Ra bấy lâu nay công cốc. Tôi khó nhọc cho người khác hưởng!

Cả ngày hôm sau, nhà tôi luôn mồm réo tên vợ lẽ mà chửi cho tôi bằng lòng. Nhưng tôi xua tay:

-Thôi đi, tôi không phải lữa nữa đâu. Tôi, có dại chỉ dại một lần này thôi.

Rồi việc nọ chứa nguôi, việc kia đã đến, đêm hôm sau, tôi mất trộm cả gánh hàng hơn trăm bạc.

Thật phen này tôi đến sạch sành sanh. Số kiếp đâu có số kiếp ăn mày thế!

Buổi sáng khi mở mắt, tôi thấy cửa buồng mọi khi khoá, mở phanh ra. Giật nẩy mình. Tôi vội chạy vào xem, thì thấy gánh hàng mất.

Tôi choáng người, mê lên. Tôi rú một tiếng, gọi nhà tôi, rồi ngã vật xuống đất.

Nhà tôi ôm tôi lên giường, gọi tôi. Tôi nghe tiếng, nhưng không tài nào thưa được. Như có cái gì nghẹn ở cổ vậy. Lúc ấy tôi oán nhà tôi lạ. Giá cứ lịm đi đến khi chết, tôi sung sướng biết ngần nào.

Khi tỉnh, tôi khóc lóc rầm rĩ.

Nhà tôi bảo:

-Thì đêm trước, u nó san sát suốt đêm, cả tôi cũng không ngủ được; chắc kẻ trộm nó biết thế, nên đoán rằng

đêm qua hẳn hai người phải ngủ say, mới dám vào chứ gì.

Ngay lúc ấy, thằng Mùi ở dưới bếp, chạy lên mách:

-Con vàng phải bả, nằm chết ở kia, u ạ.

Tôi tru tréo, chửi quân gian. Tôi giục nhà tôi khăn áo đi trình ông lý. Nhưng nhà tôi can:

-Hãy khoan, cứ yên để mình dò xem đứa nào hãy hay, chứ chưa chi đã trình, thì nó trốn mất.

Tôi không cho là phải, nhà tôi lại nói:

-Mà biết nhà ông lý ở đâu bây giờ.

Thấy nhà tôi trốn việc tôi bèn thân hành đi. Ông lý vốn vẫn mua hàng chịu của tôi, nên đối với tôi rất tử tế. Ông ái ngại cho tôi. Ông làm giấy hộ, và cam đoan thế nào cũng tìm cho ra gánh hàng. Ông nói:

-Mấy thằng trộm cướp vùng này tôi biết cả. Để tôi kêu quan bắt một thằng, đánh cho một trận là phun hết.

Tôi về nhà, nói chuyện công việc như thế, nhà tôi gật đầu:

-Ừ thế thì may đấy.

Buổi trưa hôm ấy, nhà tôi bảo tôi đưa tiền để về quê nộp sưu, kẻo thuế má đến nơi, không chậm được.

Tôi phải vay bốn đồng bạc.

Khi nhà tôi đã đi, tôi lại đến nhà ông lý, giục ông tất lực hộ, như ông đã lên huyện trình quan hộ tôi rồi.

Tối hôm sau, ông lý hớt hơ hớt hải, đến mách tôi một tin ghê gớm:

-Này, chết chửa, thế nào mà ông nhà bà bị chúng khai là dắt chúng vào lấy trộm của bà đấy.

Tôi rụng rời, hỏi:

-Thật à?

-Phải, quan đang nã ông ấy đấy.

Tôi sực nghĩ ra. Thảo nào nhà tôi vội trốn đi. Ông lý bảo:

-Ra mưu mô ở ông ấy hết, ông ấy đánh bả chó, ông ấy mở cửa buồng, ông ấy trỏ cho chúng nó chỗ để gánh hàng.

Ruột tôi như thắt. Ông lý tiếp:

-Nhưng bà thật may, số chưa hết của, nên hai bồ hàng không suy suyển mấy. Chỉ mất ít nhiều là phần chúng nó phải chia tay cho ông ấy lấy đi. Còn chúng nó chưa bán chắc được thứ gì.

Thế này thì chồng tôi không còn chút tình gì nữa. Tôi hỏi:

-Việc này, ông bàn tôi nên thế nào?

-Nếu theo tôi, bà cứ để ông ấy vào tù một dạo cho chừa đi, may lại bỏ được thuốc phiện. Trong cái dở biết đâu lại có cái hay.

Tôi cho lời bẩn rất hay. Song, đến đêm, tôi ngẫm nghĩ, dù chồng tệ bạc thế nào, mình cũng không nên tệ bạc lại. Hay gì cái tiếng chồng phải án ăn trộm ngồi tù. Ấy thế là tôi đổi ý kiến.

Hôm sau, tôi nhờ ông lý đưa lên kêu với quan.

Nhưng quan nhất định không tha. Quan bảo:

-Chồng dắt trộm vào lấy của vợ, tội ấy đáng ngồi tù nặng gấp ba. Mày còn thương thằng vô lương tâm ấy ư?

Tôi dập đầu lạy:

-Lạy quan lớn, đằng nào cũng là chồng. Xin quan lớn thương mà tha cho. Con không kiện chồng con.

-Mày không kiện nhưng tao kiện. Tao lấy quyền cai trị tao kiện. Thấy những việc như thế này, tao cứ thẳng tay tao làm. Hiện nay tao đang tư bắt chồng mày, chỉ mai kia là được, rồi tao sẽ làm án nặng.

-Lạy quan lớn đèn trời...

-Vô ích, mày lạy van vô ích. Tao không thể dung túng những đứa làm càn.

Thấy quan quả quyết quá, tôi đành chịu không dám kêu nài.

Tôi ở công đường ra, vừa đi vừa khóc mếu. Đến cổng, tôi gặp một người, người ấy hỏi chuyện đầu đuôi, rồi xui tôi một kế.

Lúc bấy giờ quả tôi như người sắp chết đuối, nên dù thấy cái bọt cũng giơ tay với liều. Cho nên ai bảo làm gì tôi cũng nghe.

Tôi về Tru, đi vay mượn và cầm nhà, để đủ số trăm bạc chạy cho nhà tôi.

Thì quả nhiên, nhà tôi bị giam vẻn vẹn có một ngày đã được về.

Nhưng khốn khổ thân tôi, do việc đó, tôi phải chịu vết thương suốt đời không thể hàn gắn được.

Nguyên nhà tôi được tha, chắc phần hối hận cũng có, phần xấu hổ với thiên hạ cũng có. Chiều hôm ấy, nhà tôi bảo tôi mổ gà làm một bữa rượu ăn mừng.

Không hiểu trời xui đất khiến thế nào, tôi chiều ý ngay. Chén say sưa xong, nhà tôi móc túi lấy đồng bạc, sai thằng Mùi mua thuốc phiện. Tôi can:

-Mua làm gì nhiều thế?

-Để hút dần.

-Tiền đâu mà có thế?

-Tôi chưa lấy thẻ.

Tôi gắt:

-Rồi lại nã tôi thì tiền đâu!

Nhà tôi chán nản, trả lời:

-Chà, cần gì!

Nhà tôi hể hả nằm tiêm thuốc, gọi thằng Mùi ngồi cạnh bàn đèn, tỉ tê nói chuyện với nó, rồi thở dài:

-Tao lấy u mày, thật sung sướng mà không biết hưởng. Đời tao đã hư hỏng, thôi thì tao trông mong ở mày. Đừng có bắt chước bố mà khổ, con ạ.

Đến khuya, tôi vẫn thấy hai bố con thủ thỉ với nhau, tôi giục:

-Gớm, đi mà ngủ cho nó ngủ với chứ, hút nhiều lắm rồi.

-Ồ, vừa hút vừa nói chuyện mới lâu thế, chứ đã hết lượt sái nhất đâu.

Thì ra bữa rượu ấy là bữa rượu nhà tôi ly biệt vợ con, và những lời nói với thằng Mùi, là những lời nhà tôi trối trăng nó.

Lúc đêm, tôi sực dậy, thấy tắt hết đèn lửa, tôi yên chí hai bố con đã ngủ. Ngờ đâu, lừa lúc cho mọi người yên giấc, nhà tôi lén xuống bếp, lấy dây lưng treo cổ lên xà nhà.

Đau đớn cho tôi chưa!

Con

Ngày tôi đoạn tang nhà tôi, một hôm bác Trung sang chơi. Tôi hiểu ý ngay. Quả nhiên, bác ta nói bà cụ và ông cả Sinh nhờ bác sang hỏi tôi làm kế. Thì ra ông ấy vẫn kén người nội trợ.

Từ ngày tôi ở nhà ông ấy về Tru, tôi vẫn ân hận là chưa trở lại thăm bà cụ và ông ấy. Giá nhà tôi như người ta, tôi đành nghỉ một buổi chợ, để vợ chồng con cái sang nhà ông ấy, trước là để cảm ơn bà cụ đã cho tôi nghĩ ra sự lên Tru để làm ăn một ngày một khá giả; sau là, gặp con người tử tế, cứu mình trong lúc mình bối rối, chưa định đưa chân đi đâu, thì mình càng thêm năng đi lại, để tỏ rằng mình thuỷ chung.

Ai lại biền biệt từ độ ấy đến giờ, tôi chỉ sợ người ta tưởng lầm là tôi để bụng việc cũ. Nhưng thật vì nhà tôi đa mang thuốc sái tôi chỉ e lỡ đến đấy, có lèm bèm lại thêm mang tiếng mang tai.

Hôm năm mươi ngày nhà tôi, không biết ai mách tin, ông cả Sinh tự nhiên đem cau rượu vàng hương đến phúng viếng cẩn thận. Thì ra tôi không chu đáo, mà ông ấy vẫn chu đáo lại.

Ngày ấy, tôi buồn chưa nguôi, vả mới ở cữ con cháu

Hồ, nên ông Cả chỉ ngồi chơi có một lát. Tôi giữ lại ăn bữa cơm thế nào cũng không được. Tôi hỏi thăm biết bà cụ vẫn mạnh. Tôi nói buôn bán lời lãi, ông rất mừng.

Đến nay, thấy bà cụ và ông ấy vẫn theo đuổi ý trước, tôi khó nghĩ quá. Bác Trung nói rằng:

-Cơ nghiệp ông Cả thì to, ông tôi phải tìm người đảm đang.

Chắc là ngoài tôi ra, ông ấy cho không ai xứng đáng hơn, để gánh vác công việc nhà cửa.

-Cụ tôi thì già, bác Trung lại nói, từ ra giêng đến giờ quặt quẹo luôn, nên ông tôi lo. Bà về với ông tôi thì ruộng sâu trâu nái, nhà ngói cây mít, tha hồ sung sướng.

Tôi biết thế lắm. Tôi đắn đo. Tôi nên ở vậy thờ chồng nuôi con, hay nên bước đi cầu nữa? Tôi mới ngoài ba mươi tuổi, trẻ chưa qua già chưa tới. Khó xử quá. Tôi khất đến đầu tháng sau sẽ trả lời.

Tôi nghĩ ngợi mười hôm. Mà nghĩ lúc nào, tôi ràn rụa nước mắt lúc ấy. Tôi thương nhà tôi xấu số. Tôi thương các cháu còn thơ dại. Tôi lại thương ông cả Sinh chung tình.

Sau hết, tôi quyết định. Hôm bác Trung sang tôi nhất định từ chối, và ứa nước mắt, khóc:

-Tôi đi lấy chồng thì tôi sung sướng nhưng các cháu khổ.

*

Thấm thoắt trong mười lăm năm trời sau, tôi chịu thương chịu khó nên vốn liếng lại khá.

Tôi cất mộ nhà tôi, về tậu đất làm nhà ở Rừng và mua được ba mẫu ruộng.

Thằng Mùi giống thầy nó như tạc, cả người lẫn nết. Tôi biết rằng không trông nom dạy dỗ rồi cũng đến hỏng.

Năm thầy nó mất, nó còn bé, nên tôi được thư thả buôn bán. Nhờ trời làm ăn mỗi ngày lại thêm ra. Lời lãi nhiều, mà ăn tiêu ít, nên khi tậu nhà tậu ruộng ở nhà quê xong, tôi mới tính lo cưới vợ cho nó.

Đáng lẽ nó lấy con gái bà hai Giản. Bà là người làng, lại là hàng xóm tôi ở Tru. Chính bà đã giúp tôi nhiều khi tôi mới chân ướt chân ráo đến đây, còn bỡ ngỡ. Nó làm rể bà hai, còn gì mãn nguyện cho tôi hơn.

Tôi ở cữ con Hồ hôm thầy nó mất được bốn nhăm ngày.

Năm con bé mười lăm có bốn đám đến dạm cả thảy. Một là thằng Trương, con ông Lý ở Tru, hai là thằng Tuấn, con ông trưởng Cới ở Phượng Vĩ, ba là thằng Tính, con vợ kế ông cả Sinh, bốn là thằng Bách, con ông đám Lợi ở Rừng.

Cả bốn đám cùng đánh tiếng hỏi con Hồ dồn dập trong hai tháng. Tôi phải một phen khó nghĩ. Gả nó cho thằng Trương ở Tru cũng được. Ông lý có nhiều ruộng, thằng bé trông cũng ngoan ngoãn. Và tôi ngụ cư ở làng này mà dâu gia với ông lý thì còn gì hơn.

Nhưng ông trưởng Cới lại là người làng tôi. Tôi chỉ có một trai một gái. Tôi đã định cho con trai lấy vợ bên nội, thì con gái, nên gả chồng về bên ngoại, để sau này, khi tôi rỗi rãi, về quê nào cũng gặp con.

Ông cả Sinh làm tôi khó nghĩ hơn. Ngày nghe tin bà cụ mất, tôi sang phúng, thấy ông ấy đã lấy một người. Người ấy là con nhà tử tế, và rất thạo công việc đồng áng. Thằng Tính kém con Hồ hai tuổi. Nó ngoan ngoãn lắm,

ông ấy bảo làm thế nào xin được cô Hồ cho nó, ông ấy mới vui lòng. Vì con gái tôi chắc phải giống tính nết tôi.

Giữa lúc đang đắn đo về ba nơi này, thì đám ông Lợi nhờ người đến xin con cháu cho thằng Bách nhà ông ấy.

Thằng Mùi xui tôi nên gả em nó cho con ông lý ở đây.

Còn con Hồ bằng lòng làm dâu bên ngoại.

Bà hai Giản khuyên tôi nên dâu gia với ông cả Sinh để tạ lòng ông ấy. Lấy một trong ba đám này, con Hồ sẽ được sung sướng, vì đám nào cũng giàu.

Nhưng tôi suy tính. Đời tôi lấy chồng đã chẳng ở quê chồng, nay trời thí cho hai mụn con đấy, thì nên dựng vợ gả chồng cả cho chúng nó ở quê chồng là hơn. Anh em nó được gần gũi nhau đùm bọc lấy nhau. Nó ở xa, rồi ngày sau, ngày kị ngày lạp, có về được thì tốn, mà không về được thì lại áy náy trong lòng.

Cho nên đến tháng giêng năm sau, tôi nhất định gả con Hồ cho thằng Bách, nhà tuy nghèo nhưng được là người làng Rừng.

*

Thằng Mùi, tôi không ngờ càng ngày càng hư đốn ngỗ ngược.

Tôi dỗ dành nó lấy con gái bà hai Giản, nó vùng vằng:

-Tôi không lấy, nó hơn tôi những bốn tuổi, để rồi tôi gọi nó là chị à.

-Nó nhiều tuổi nhưng nó xinh, buôn bán thạo, tao đỡ

phải đạy. Nó có đến ba bốn trăm bạc vốn, còn đâu hơn.

-Nghìn bạc tôi cũng không thèm.

-Hay mày trót dan díu với đứa nào, mày cứ nói thực.

-Tôi có nhân tình nhân ngãi thì u biết đấy, ngày nào không từ sáng đến tối tôi kè kè bên cạnh u.

-Nhưng tối mày đi đến khuya mới về, tao có theo mày đâu mà biết.

-Thì ở chợ cả ngày mệt nhọc tối đến cũng phải chơi chỗ nọ chỗ kia cho tiêu khiển chứ.

-Mày tiêu khiển đâu thì tiêu khiển, nhưng tao van mày đừng hay lại nhà thằng Ngà, thằng Bột. Thầy mày ngày xưa là cái gương tầy liếp cho mày rồi.

-Chà, thầy khác, tôi khác. Tại u không giữ nổi thầy.

-Cho nên tao định lấy vợ cho mày để nó giữ mày. Bây giờ chửa già, tao cũng có tuổi, mày hư nữa, tao đến ốm về buồn mà chết mất.

Thằng Mùi không nói gì. Một lát nó tặc lưỡi:

-U cho tôi trăm bạc, tôi khắc lấy con bà hai Giản ngay.

-Trăm bạc để mày làm gì?

-Để có vốn riêng, vợ nó khỏi khinh, khỏi bắt nạt.

-Tao có mình mày là trai, rồi tao làm ra bao nhiêu chẳng là về mày, chứ tao giữ cho tao đâu.

-Thế đằng nào trước sau u chẳng cho tôi. Cái Hồ thì u gây dựng cho nó, nó có gánh hàng đi chợ.

-Nó là phận gái, tao cho nó bao nhiêu nó được bấy nhiêu. Rồi khi nó về nhà người ta, tao mặc kệ nó. Thế sao tao dạy mày làm ăn buôn bán, mày không chịu học.

-Ồ, tôi là con trai, u cứ bắt tôi gánh hàng như thằng nhỏ. Rồi đến chợ, u bắt tôi coi hàng, ngồi cả ngày. Vả chả có quyền gì chỗ mua bán tôi đâm chán.

-Mày khoẻ mạnh, thì gánh đỡ tao. Vả tao chỉ mượn mày gánh những hôm tao thấy trong mình mệt nhọc. Còn như mày coi hàng, tức là mày học buôn bán chứ gì. Ngày bé, mày ngoan ngoãn, nhưng càng lớn mày càng đỏ đốn. Mày đánh đeo với chúng bạn, nã tiền tao để sắm ăn sắm mặc.

-Sắm ăn sắm mặc! Hơi một tí là u kể. Có mấy cái quần chúc bâu với cái áo cánh lụa chứ gì.

-Còn hơn tao, từ thuở bé, tao kiếm ra đến hàng nghìn, mà tao chỉ quần nâu áo vải.

-Bì thế nào được với u. U là đàn bà goá. Tôi là con trai trẻ. Thế mà u cứ bắt tôi lấy vợ. Lấy vợ mà ăn mặc với làm lụng như thằng nhỏ, tôi xấu hổ lắm.

-Giúp việc mẹ mà kêu xấu hổ?

-Thì u cứ cho tôi trăm bạc, tôi lấy vợ ngay.

-Mày lấy tiền làm gì?

-Để sắm ăn sắm mặc chứ làm gì.

-Thế sao ban nãy mày nói để làm vốn riêng?

-Làm gì kệ tôi, không có trăm bạc, tôi không lấy con bà hai Giản.

Bất đắc dĩ tôi phải cho nó đủ số tiền ấy. Nó hứa bằng lòng lấy con bà Hai.

Nó sắm khăn lượt, áo đoạn, giày tây và ô lục soạn. Tôi thấy nó ăn mặc như công tử, mà gớm.

Tôi hỏi nó sắm từng ấy thứ, làm gì hết trăm bạc. Còn

chỗ thừa, tôi dỗ nó đưa tôi giữ hộ. Nhưng nó đáp:

-Ư giữ thì mất. Tôi có khối chỗ giữ chắc chắn hơn.

-Để tao đặt lãi, chỉ trong ít lâu, lại đủ trăm cho mày.

Nó lắc đầu.

Tôi định lúc nào đêm khuya thanh vắng, mẹ con trò chuyện, dỗ dành nó mới nghe, chứ ngữ này, tôi biết, một là dại gái, hai là cờ bạc dông dài, rồi trăm bạc đến đi đời hết.

Tôi vừa định thế, thì một buổi sáng, nó kêu nhức đầu, nói với tôi xin ở nhà, không đi được chợ.

Buổi chiều về, tôi không thấy nó đâu. Hỏi bà Hai, tôi thấy bảo nó khăn áo tếch đâu từ lúc tôi vừa ra khỏi cửa.

Thì ra, khổ thân tôi quá, nó dỗ hai đứa con gái nhà ba Nỉ bán bánh giò, cả ba đứa đem nhau đi.

Con Hồ biết rõ chuyện nhưng không dám mách, sợ anh nó, vì nó doạ nếu để tôi biết, nó đánh què.

Rồi con Hồ tru tréo lên:

-Trời ơi, tôi có ba chục đồng bạc giấu trong hốc cột này, anh ấy lấy mất rồi.

Khốn nạn con bé, tiền ấy định đem về nhà chồng.

*

Tôi và con Hồ phải nghỉ chợ để tìm thằng Mùi. Con Hồ đi quanh gần, tôi về quê và các nơi. Song không thấy tăm tích nó đâu. Thành thử mất đến mười đồng bạc và thiệt mất mấy buổi chợ.

Bà hai Giản sang chơi, nói nhất định không gả con gái cho thằng Mùi nữa.

Nhà ba Nỉ đến bắt đền tôi, làm rầm rĩ cả lên. Tôi tức và xấu hổ quá.

Hai đứa con nhà ấy, tôi biết, đã nổi tiếng là hư nhất Tru. Con Trinh là chị hơn thằng Mùi đến sáu tuổi, chê chồng, nhưng nhân tình đến tám nhăm thằng. Con Tiết là em, mới mười bảy tuổi, vừa rỗ vừa ngọng. Nhưng nứt mắt ra, mà chẳng đám chèo nào ở làng là thiếu mặt. Nó đi đến khuya về, mà ra đến đường là con trai quây chung quanh.

Hỏng, cơ đồ này hỏng. Công lao tôi đến là công cốc mất.

Tôi nghĩ tôi có ăn ở tàn ác với ai đâu mà trời bắt khổ sở thế này.

Từ hôm mất tiền, con Hồ đâm ra ngơ ngác cả người. Nó gầy đi, không ăn được, chỉ khóc. Tôi phải đền nó ba chục khác, nó mới chịu vui vẻ sắm sửa quần áo cưới.

Bị việc ấy, tôi như phải trời giáng. Thế là bao nhiêu ý định của tôi phút chốc tan tành.

Ngày cưới con Hồ, người làng không thấy thằng Mùi, nên hỏi. Tôi phải nói dối là nó ốm.

Được một tháng, thằng Mùi vác mặt về.

Tôi giận, chửi cho một chập, nhất quyết đuổi đi.

Trước, nó chịu lỗi, cứ nín thin thít, kêu là trót dại.

Nhưng sau, nó bảo:

-Tôi đã biết hối, nếu u nói dai nữa, tôi tự tử cho mà xem.

-Mày hết tiền hay mày biết hối? Nói cho thực.

Nó không đáp, đập ngay đầu vào cột, và nằm thẳng cẳng ra. Tôi hết hồn, ôm lấy nó, vừa gọi vừa khóc.

Mãi nó mới mở mắt, và mặc cả ngay:

-Thế còn con Trinh con Tiết, u phải cho nó về nhà này.

Tôi lại nổi giận. Ra nó vờ chết để dọa. Thực ra, nó nằm im để dò bụng tôi, và nghĩ câu nói.

Tôi lắc đầu:

-Mày phải lấy con bà hai Giản.

-Từ trước đến sau tôi vẫn bảo tôi không bằng lòng kia mà.

-Mày không bằng lòng nhưng tao bằng lòng.

-U bằng lòng thì u lấy, tôi không lấy.

-Sao mày dám há họng xin tao trăm bạc.

-Mặc chứ, ai bảo u tin.

-À, mày lừa tao, con nhà vô phúc!

Nó nhăn răng ra cười làm tôi đầy khúc ruột. Một lát, nó nói:

-Tôi muốn lấy đám này, u cứ bắt tôi lấy đám khác, sao tôi chịu.

-Cho mày lấy con đĩ phải không?

-Chả đĩ bợm gì cả, bây giờ chúng nó là dâu u rồi đấy.

-Mày giết tao trước, rồi hãy mang hai đứa ấy về đây. Hễ mày có chúng nó thì đừng có tao.

-Tôi chả có ai cả. Tôi chỉ biết phải duyên phải kiếp thì chúng tôi ở với nhau.

-Để cho người ta cười cho thối óc.

-Chả biết ai cười ai. Nhà có phúc thì người dở cũng thành hay, mà nhà vô phúc người hay cũng hoá dở.

-Nhà mày chả có phúc lắm đấy mà!

-Biết đâu về sau thế nào. U đã không phải tốn kém về việc cưới tôi, lợi bao nhiêu rồi. Nếu tôi lấy con bà Hai, thì ít ra u cũng tốn kém đến hai ba trăm. Thế mà tôi mới lấy của u có một trăm, tôi được những hai vợ, u chửi cho mất mặt. Đáng lẽ u phải đưa thêm tôi hai trăm nữa, cho vợ chồng tôi làm vốn mới phải.

-Tao tống cổ mày đi, tao từ mày, nếu mày còn đa mang chị em con đĩ.

-U cứ việc từ.

Thấy nó thách, tôi lộn ruột, đứng dậy, toan băm vằm mặt nó ra, nhưng nó chạy quanh sân. Tôi đuổi mãi không kịp. Thành thử tôi mệt, nằm dí xuống giường.

Thôi, tôi đành với trời là con hư, không dạy nổi. Tôi dỗ dành năm lần bảy lượt, nó không nghe. Thì đây, tôi mặc kệ, cho nó rước hai con đĩ về.

Nhân bác Trương Tân có nếp nhà lá trước cửa nhà tôi, muốn bán đã lâu, tôi bèn tậu cho thằng Mùi bằng giá bốn chục. Tôi cho nó một trăm bạc, giao hẹn còn no hết nhịn, cấm từ nay không được xin thêm tiền tôi nữa.

Từ hôm thằng Mùi nó dắt hai vợ nó về, tôi mới chướng mắt làm sao. Cứ lúc tôi đi chợ, khuất mắt và bận bịu, thì có thể quên được. Nhưng hễ về đến nhà, tôi không muốn nhìn sang bên nó.

Thằng Mùi không lai vãng về với tôi, mà hai vợ nó cũng không sang chào tôi. Trước tôi yên chí là vợ chồng nó sợ, không dám dàn mặt, ngờ đâu bà hai Giản kể với tôi rằng nó có bảo vợ nó mấy lần sang tôi nhưng vợ nó không nghe lại đỏng đảnh nói:

-Tôi lấy anh Mùi, tôi chỉ biết có anh Mùi, chẳng phải

đi chào thằng nào con nào cả.

Tôi tính đến cho chúng nó một trận, thằng Mùi nào dám bênh vợ. Nhưng thôi, đánh những hạng ấy thêm bẩn tay.

Rồi tôi thấy hai con đĩ rởm đời hết sức. Ngày còn ở nhà chúng mặc váy quai cồng, đứa thì gánh nước, đứa thì giã giò, trông như con sen con nụ, thế mà bây giờ nuôi một thằng nhỏ để hầu hạ, cậu cậu mợ mợ cả ngày sềm sệp, sắm những quần trắng, yếm đầm, lê guốc lẹp kẹp và rẽ lệch.

Có một lần, tôi gặp con Trinh ở đường. Thấy tôi nó quay mặt đi.

Tôi hỏi dò, ra chúng nó chẳng làm ăn gì cả. Mặc kệ chúng nó, rồi đói nhăn răng ra cho chúng nó biết thân. Tôi đây một xu cũng không thí cho nữa.

Một hôm, tôi nghe bên ấy có tiếng kêu và tiếng chửi. Thì ra hai chị em nó ghen và đánh nhau. Chúng nó xé quần áo soàn soạt. Sau hết, con em tả tơi, ra ngồi ăn vạ ở hè đường, khóc đến nửa đêm.

Rồi cứ độ nửa tháng, chúng nó lại ghen nhau om sòm một lượt.

Tôi đoán trước nhà ấy đến tan nát. Cứ mặc cho thằng Mùi xơ xác rạc rầy một độ, tôi mới hả lòng.

Một buổi chiều, bà hai Giản lại mách tôi rằng, không biết thằng Mùi phải lòng con nào nữa, bị cả hai chị em nó đánh ghen. Hai đứa về hùa với nhau, cắn xé thằng Mùi, và giày vò nó suốt ban ngày, đến lúc tôi về thì mới im miệng.

Một hôm đi chợ về, tôi trông thấy thằng Mùi ở cổng đương bước vào nhà. Cơn giận tôi nổi lên đùng đùng. Không chờ cho nó nói, tôi nghiến răng:

-Thằng khốn nạn kia, bây giờ ít tiền rồi, mày dẫn xác về nã tao phải không?

Nó đáp:

-Không phải thế. Tôi đến xin u việc khác. Là con Tiết bây giờ nó có mang, u cho nó về nhà, nhận nó là dâu con.

Tôi đay:

-Nó có mang với mày hay đứa nào?

Thằng Mùi vò đầu vò tai, van lạy, rồi nói:

-U đừng nghĩ thế mà oan chúng nó. Từ khi lấy tôi, chúng chả bước chân đi đến đâu.

-Bởi vì đã có mày nuôi báo cô, chúng nó no, không cần đi với đứa nào cả.

-Tôi biết u giận tôi lắm, nhưng mẹ có một con, con có một mẹ, tôi đã về lạy u mà u không nghe, thì tôi biết làm thế nào.

Tôi động lòng, im lặng. Nó lại nói:

-Vả chúng nó cũng là đứa ngoan.

-Là đứa ngoan, chứ không tai ngược bao giờ. Chúng nó không chửi nhau, không chửi mày bao giờ. Tao còn để tội con Trinh, nó gặp tao ngoài đường nó quay mặt đi đấy nhé.

-Thì từ hôm nay trở đi, u xem nó có chào không nào.

Tôi trừng mắt:

-Thôi, đừng tán, tao không phải lừa nữa. Mày định xin tiền tao, nhưng một trinh tao cũng không thí. Có đường có nẻo thì bước.

Vừa nói tôi vừa đẩy thằng Mùi ra sân, ra cổng và đóng ập hai cánh, gài then lại. Nó lai nhai nằn nì mãi,

nhưng tôi vào không thèm nghe.

Chiều hôm sau, khi tôi vừa đi chợ về, thì khôn ngoan làm sao, thằng Mùi dắt cả hai vợ chạy theo sang liền, tôi không kịp đóng cổng.

Hai con bé thụp ngay xuống đất, lạy lấy lạy để.

Tôi lộn cả ruột gan, quay mặt đi. Thằng Mùi nói:

-Người ta đánh kẻ chạy đi chứ ai đánh kẻ chạy lại. Vợ chồng chúng tôi đã phải thế này mà u còn giận, thì thôi, cả ba đứa chúng tôi cùng cắn lưỡi chết ngay trước mặt bây giờ, cho u mát ruột vậy.

Nó dọa thế mà công hiệu ngay. Tôi quay lại, nói:

-Thà mày chết ngay về sài từ năm lên hai, tao không phải khổ sở như thế này.

Nó sụt sịt khóc. Một lát nó nói:

-Từ mai tôi cắt một đứa đi chợ gánh hàng cho u, một đứa ở nhà trông nom cơm nước.

-Tao không khiến, mày là con tao ăn ở với tao rất tệ bạc, no thì bước, đói thì bò về. Mày định về để phá hết cửa nhà này phải không?

-Không phải thế. Mọi ngày, trông thấy u ở chợ về, cứ lủi thủi một mình, tôi không cầm lòng được. Nay một đứa có mang, thì con nó cũng là cháu nội u. Cho nên tôi xin u cho chúng tôi về, u nhận chúng nó là dâu là con cho vui vẻ, kẻo ở đây người ta nói.

-Từ trước đến nay tao ở một mình được, thì từ nay về sau, tao chẳng cần đứa nào.

Tôi vừa nói dứt lời, cả ba đứa cùng bưng mặt khóc. Không biết chúng nó vờ bảo nhau thế để lừa tôi, hay chúng nó khóc thật. Chúng nó làm tôi phải động lòng.

Thành ra tôi cũng khóc. Sau hết tôi cởi dải yếm, quăng ra giường cho đồng bạc, tức thì cả ba đứa im bặt và rủ nhau tháo lui.

Hôm sau, ở chợ về, tôi thấy cả hai con cùng ở nhà tôi. Con Tiết quét sân, con Trinh vo gạo. Hẳn thằng chồng xui chúng nó đây.

Tôi biết vậy, nhưng thấy chúng nó cũng đỡ được ít công việc, nên rồi cũng sai bảo.

Tôi xem ý, con Trinh tai ngược lắm. Có mặt tôi, nó vờ bận tíu tít, mắng em san sát cho tôi nghe tiếng.

Nhưng đó là mầu mỡ riêu cua. Ngữ ấy chỉ ăn tàn phá hại, hay thì ở, dở thì bước, nên tôi vẫn dò xét ý tứ.

Một hôm, con Tiết mách bảo thằng Mùi là con Trinh có nhân tình, thằng Trương Phiêu, và xui chồng đuổi chị nó đi.

Thằng Mùi đem chuyện ấy bàn với tôi, tôi bảo:

-Đấy nhé, cho mày trắng mắt ra. Hai chị em ruột mà chúng nó có che đậy cho nhau đâu. Thế mày đã rình bắt quả tang chưa?

-Chưa, nhưng chả khó.

-Tao mặc kệ, mày lấy nó thì mày tự xử trí, tao không biết. Tao đã đoán trước đồ ấy không theo đứa nào được lâu đâu mà. Còn tiền thì còn tình nghĩa, hết tiền là kiếm đứa khác, nó bước. Tuỳ ý mày, tao không dính dáng.

Nhưng con đĩ chẳng chờ bị đuổi. Một đêm, nó cuỗm hết cả nồi niêu bát đĩa, lẫn quần áo chồng, quần áo em ruột, rồi trốn biệt.

Thấy thế, tôi bảo thằng Mùi:

-Đến em nó, nó còn chẳng thương, huống chi mày!

Thằng Mùi nín thin thít, rồi nói:

-Còn con em nó, nay đã có mang được bốn tháng, tôi xin u cho nó về ở với u. Nhà bên kia cho thuê.

Lúc ấy tôi thấy thương hại con. Tôi bằng lòng cho hai đứa về. Để cho chúng nó đói tôi không cam lòng. Rồi lỡ nó đói ăn vụng, túng làm càn, tôi không đành tâm được. Thà tôi cho vợ chồng nó về ở chung, chúng nó còn giúp đỡ tôi được đôi chút.

Tháng hai năm sau, vợ thằng Mùi đẻ được đứa con trai. Thằng bé mập mạp, trông rất hay. Tôi đặt tên cho là thằng Cún. Nhà hiếm thì nên lấy tên xấu xí.

Có cháu để bế, tôi được khuây khoả khi phiền muộn. Tôi cho là trời đền cho tôi thằng cháu nội để vui cửa vui nhà. Không trông mong gì được con, tôi trông mong ngày sau ở cháu vậy.

Bất đồ trong tháng vợ nó ở cữ, thằng Mùi chơi bời và có nhân tình.

Mà nhân tình nó, lại là cô ruột vợ nó, đã luống tuổi, và goá chồng.

Nó thua tháy về lấy cả xà tích của vợ đem cầm. Rồi vợ chồng chửi nhau, đánh nhau tán loạn.

Thương hại con bé, máu non, uất lên, thành ra ốm.

Tôi mời ông lang cắt thuốc, tốn kém đến hơn hai chục đồng bạc. Trong khi ấy, thằng Mùi vẫn còn mê man ích xì. Và thua nhiều, nó bắt đầu làm như thầy nó ngày xưa, nghĩa là bán hết của vợ, khi xin không được tiền, thì ăn cắp của tôi.

*

Thế là tôi lại trông thấy cảnh cũ. Ngày đêm, tôi đề phòng con tôi. Não lòng tôi thế!

Nó ăn, nó chơi, nó không biết thương đến mẹ, đến vợ, đến con.

Tôi nghĩ đời tôi, không lúc nào được sung sướng. Lúc lấy chồng, tôi mong được nhờ chồng. Nhưng thất vọng về chồng, tôi vẫn không nản chí. Tôi cứ làm việc chắt bóp từng trinh, mong gây cho con, để lúc tuổi già nhờ con được thanh nhàn. Ngờ đâu, công lao tôi từng ấy năm trời, hết chồng phá đến con phá. Đã mấy mươi năm nay, hôm nào cũng như hôm nào, tôi dậy từ gà gáy, thổi cơm, ăn quàng cho xong bữa, để kịp đến chợ sớm. Rồi chiều sẩm về đến nhà. Ăn cơm xong, vừa tối mịt. Nhiều lần mệt quá, hoặc muốn hà tiện gạo, tôi không thổi cơm nữa. Bữa sáng tôi ăn còn cơm nguội thì ăn nốt, và mua thêm xu bánh nếp cho vừa bữa. Có khi tôi thấy vẫn còn hơi đói, nhưng cũng thôi, nhịn bụng đến hôm sau ăn một thể. Ăn xong, nào được nghỉ. Tôi phải đi cất hàng hoặc đi tính công tính nợ. Thế mà con tôi chơi bời, vợ chồng nó không kiếm ra được đồng nào còn ăn cắp hoặc lừa tôi, mỗi khi hàng đồng, có khi hàng chục.

Tôi chán nản hết sức, mắng chửi nó, nó cứ trơ ra. Không nói không rằng, rồi đâu lại đóng đấy.

Tôi khuyên vợ nó phải biết giữ chồng, thì vợ nó vùng vằng:

-Bà còn chả giữ nổi nữa là tôi.

Thằng Mùi không bao giờ hỏi đến con nó. Nó vô tình

đến nỗi một hôm con nó nóng, tôi đưa tiền bảo nó ra hiệu bào chế mua độ một hào thuốc về cho con nó để hoà với nước sôi, uống sẽ khỏi. Nó đi một lúc, về nói bây giờ người ta bán những hào rưỡi. Tôi đưa thêm năm xu. Thế là nó đi mất mặt từ bấy giờ đến chiều hôm sau, lại mất thêm cái áo the mà thuốc vẫn không có. Thì ra nó lấy tiền, rồi sa vào đám bạc. Trong khi chờ đợi thuốc cho thằng bé không được, tôi mới sai mẹ nó đi mua, thì cũng chỉ có một hào thôi.

Ấy nó gian dối và tệ bạc là thế đấy. Tôi thốc cho một hồi. Không những nó không chịu lỗi còn cãi:

-Bà muốn tôi lại tự tử như thầy tôi ngày xưa à? Bà cay nghiệt vừa chứ.

Tôi lộn tiết:

-Tao cay nghiệt với mày?

-Phải, vì bà cay nghiệt nên chồng bà mới không ở được, mới không muốn sống, mới thắt cổ.

Tôi cười:

-Ai bảo mày thế? Ra quân này gớm thật!

-Tôi bảo thế, chả gớm tí nào cả.

-Tao đẻ ra mày để mày cãi lại tao nhem nhẻm có phải không?

-Trái thì cãi! Làm mẹ thật, nhưng cũng phải vừa vừa mới được, cay nghiệt lắm không xong.

-Tao không cho mày tiền để mày chơi bời cờ bạc, là tao cay nghiệt có phải không? Mày thử hỏi tất cả Trù này xem thế là tao phải hay mày phải. Tao là tao giữ cho mày hay là tao giữ cho ai?

-Ai mượn bà giữ. Bà đội đá ở đời mãi để giữ à? Tôi

chỉ mong của nhà này hết tiệt trước khi bà chết, để bà trơ mắt bà ra.

Tôi xông vào, giơ tay tát nó một cái. Nó khỏe quá, gạt tôi ra, làm tôi ngã vập vào phản. Tôi chửi rầm, tru tréo trời đất và bảo:

-Tao không ngờ mày bất hiếu, bất mục đến thế. Mày làm con mà không biết thương mẹ, làm bố mà không biết thương con. Mày có nhớ ngày mày tiêu hết trăm bạc, mày đem vợ mày về lạy van tao những gì không, mà đến bây giờ mày tàn nhẫn với tao thế này.

Con vợ ngồi ở giường bệnh chồng:

-Thôi, tôi xin bà, bà đừng nhiếc móc tôi, tôi có vô phúc mới lấy phải con bà, nó dỗ ngon dỗ ngọt tôi đi theo nó.

-À, mày về hùa với chồng mày à?

-Không phải về hùa, là tôi nói cho bà biết, chứ tôi là con gái hơ hớ, làm gì không lấy được chồng tử tế bằng vạn con bà. Nó bảo bà giàu, về nhà bà tha hồ ăn tiêu. Tôi trót nghe nó, chứ những thứ cay nghiệt như bà, làm thế nào nổi mẹ chồng tôi.

-À, vợ chồng mày bảo tao cay nghiệt. Có đời thủa nào con dâu nói với mẹ chồng thế không? Có đời thuở nào con trai nói với mẹ thế không?

Thằng Mùi cười gằn:

-Chỉ có nhà này vô phúc mới thế. Bà bớt cay nghiệt, thì chả bao giờ trong nhà có chuyện gì.

-Con mày ốm, tao cho mày tiền. Rồi mày lấy hào rưỡi đi đánh bạc. Ngộ tao cứ chờ thuốc, rồi quá đi, con mày có sao thì làm thế nào?

-Chà, chết thì chôn, cho hết giống cay nghiệt đi.

-Mày nói thế à? Mày nói thế à?

Tôi sấn vào nó. Nó lại chạy:

-Có đường có nẻo thì bước. Bước ngay khỏi nhà bà.

Tôi trỏ tay ra cửa, đuổi nó. Bất đồ nó bảo vợ nó:

-Bà đã đuổi, u nó thu xếp đi đi.

Rồi nó giao hẹn:

-Tôi đi đây, tôi dắt vợ con tôi đi đây. Lỡ chúng tôi có thế nào, là bà giết cả vợ chồng con cái nhà tôi đấy nhé.

Tôi chạy đến vợ nó, ôm lấy thằng Cún:

-Vợ chồng mày đi đâu thì đi. Cháu bà, bà giữ lại.

Thằng Mùi giật lấy:

-Con tôi, tôi mang đi. Bà không có phép giữ. Cho chết cả ba mạng, để bà mát ruột.

-À, mày định đổ tội ác cho bà. Bà không ác. Cả Tru này biết bà không ác. Bà không cần. Mày không đem cháu bà đi được.

-Tôi đố bà giữ nổi.

Nói xong nó bế con chạy tọt ra cửa. Tôi đuổi theo, nhưng không kịp. Vợ nó thu xếp quần áo vào thúng, đi theo chồng.

-Tôi chỉ đâm đầu vào đường xe lửa cho vợ thằng ăn trộm ngồi tù thôi.

Lúc ấy, vừa là đầu trống tư. Ngoài đường tối mù mịt. Chó cắn ran.

Thành ra từ tối tôi chưa được ngả lưng lúc nào. Tôi đóng cửa, định đi ngủ. Nhưng luẩn quẩn nghĩ, giận con,

nhớ cháu, không sao chợp mắt được. Tôi lẩm bẩm khấn nhà tôi khôn thiêng, cải tâm cải tính cho thằng Mùi, và phù hộ cho tôi buôn bán được nhiều lời lãi để có tiền gây dựng cho con cháu. Tôi đoán bây giờ thằng Mùi về nhà vợ nó. Chứ đương đêm, nó dám đi đâu. Rồi ở đấy vài hôm, chắc nó lại bò về, van lạy tôi xin tha tội.

Đến giữa trống năm, tôi mới lơ mơ ngủ. Nhưng những chiêm bao mới ghê gớm làm sao. Lúc tôi mê hai đứa lên về, và thắt cổ ở bếp, chính chỗ nhà tôi tự tử ngày xưa. Lúc tôi thấy vợ chồng nó bóp mũi thằng Cún, rồi vứt ở hè nhà. Lúc rõ ràng như vợ chồng nó về, thì thụp lễ tôi như tế sao. Thằng Cún, trông thấy tôi, sà hai tay ra đòi bế. Mỗi khi sợ, tôi giật mình tỉnh dậy, bàng hoàng, trống ngực thình thình.

Từ gà gáy tiếng đầu tiên, tôi không sao ngủ được nữa. Tôi ngồi dậy, nhưng mệt lả cả người.

Thôi, để vậy chúng nó đi mấy hôm, tôi càng nhẹ mình, đỡ lo mất cắp.

Tôi thổi cơm ăn để ra chợ.

Đi đường, nhiều người gặp tôi đã biết chuyện và hỏi thăm tôi rồi. Ai cũng chép miệng phàn nàn cho tôi. Có bà xui tôi đem nó lên quan mà từ đi. Song tôi không nỡ. Tôi chỉ được mình nó là trai, chứ nào có năm bảy gì. Có bà xui tôi hễ vợ chồng thằng Mùi nói hỗn, thì cứ đánh tan xác nó ra, sao cho con dâu cãi mẹ chồng thế để nó quen đi.

Đến trưa, tự nhiên tôi nóng cả gan cả ruột. Không biết có chuyện gì. Tôi ngồi thần người ra. Có khách mua hàng đến, tôi chả buồn bán. Rồi tự nhiên bồn chồn, vội xếp hàng vào bồ, gánh về.

Nhưng ở nhà không xảy ra sự gì cả. Tại tôi nhớ thằng Cún quá. Mà về chợ sớm, tôi càng buồn. Thà cứ ở nguyên

đấy, lúc nào cũng có người đi kẻ lại rầm rập, ồn ào, còn được vui mắt, vui tai. Nhà tôi không có tiếng trẻ, nó trở nên vắng tanh vắng ngắt. Mọi ngày ở chợ về, tôi giơ tay bế thằng Cún. Nó toét mồm ra cười rồi chúm miệng lại nói chuyện. Tôi chơi với nó một lát rồi mới ăn cơm. Thế mà bây giờ tôi thui thủi một mình. Tôi nhớ nó quá, nhớ cồn cào cả ruột.

Ăn cơm xong, tôi đóng cổng tắt đèn đi nằm.

Tôi ngẫm nghĩ, không biết bây giờ vợ chồng con cái nó đem nhau đi đâu. Giá về chợ sớm, tôi đi hỏi dò thì phải. Thôi, nhưng tôi mặc kệ nó thì hơn, tôi lo thằng bé, vừa khỏi nóng đầu, đã bị bố mẹ nó bế đi sương. Tôi thương cháu bao nhiêu lại giận con bấy nhiêu. Vợ chồng nó đổ cho tôi cay nghiệt. Nào tôi cay nghiệt với chúng nó những gì. Tôi chiều chuộng nó đến lúc không thể chiều chuộng nổi mới thôi. Tôi vun đắp cho nó. Tôi chăm chỉ làm ăn đến tận bây giờ cũng là để cho nó. Không có nó, tôi chẳng cần khó nhọc gì thêm, cứ ba mẫu ruộng ở Rừng, cũng đủ no ấm suốt đời.

Tôi tìm văn tự ruộng cất giấu trong hốc cột để xem lại. Nếu tôi không cất kín, thằng Mùi biết chỗ thì nhà này, ruộng này còn đâu được đến bây giờ.

Đã có lần nó gạn hỏi tôi văn tạ đâu. Nó dỗ tôi bán nhà bán ruộng ở quê để lấy tiền tậu ở Tru. Nó nói cũng có lý. Nó bảo vì quanh năm tôi đi vắng, nên ruộng nhà quê cứ phải bán mầu. Thà tậu ở Tru, thì mình làm lấy có lời hơn. Nó trách tôi để nhà cho người ở nhờ, mà mình phải ở một chỗ vừa chật chội vừa hướng tây, nóng bức. Thà bán đi mua một miếng đất ở Tru mà làm nhà, được ở rộng rãi mát mẻ. Nhưng tôi biết nó định lừa tôi. Tôi giao cho nó văn tự lúc nào thì mất bay cả nhà lẫn ruộng lúc ấy. Nó chui vào

đám bạc và cho gái thì chỉ một đêm là túi nhẵn như chùi. vả người phải có gốc tích, có nhà có ruộng ở nơi quê cha đất tổ, ai lại đem bán đi để tậu ở thiên hạ bao giờ.

Đêm hôm ấy, tôi nhớ cháu không thể ngủ được. Tôi sốt cả ruột. Tôi lại chiêm bao. Và mỗi lần chiêm bao là một lần sợ. Sau, tôi phải chong đèn để có ánh sáng vui nhà.

Sáng hôm sau, tôi dậy, thổi cơm ăn để đi chợ. Nhưng đến khi sắp gánh hàng ra sân, tôi sực nghĩ đến thằng Cún. Tôi đứng thần ra, và bụng cồn cào không muốn cất nhắc chân tay nữa. Giá vợ chồng nó để thằng bé ở nhà cho tôi, thì chúng nó muốn đi đâu thì đi, chết đằng nào thì chết. Nó lại bế cháu tôi đi, tôi còn thiết làm ăn gì.

Tôi nghỉ chợ. Và đi vơ vẩn tìm cháu.

Tôi nhờ người hỏi dò. Nhưng không ai biết chúng nó đâu. Xem bói, tôi thấy thầy bói bảo đi rồi lại về, đi đây là đi lập công danh. Tôi hỏi phương nào, thầy bói bảo phương tây nam. Tôi bèn bổ về Rừng, ở đó tôi thấy nói vợ chồng nó có về, nhưng vay người ở nhờ năm đồng bạc, rồi lại đi ngay, bảo lên Tru. Thấy nói thằng Cún vẫn ăn chơi như thường, tôi được yên tâm. Tôi đi tìm hết các nơi có người quen kẻ thuộc, rồi sau gặp nó ở bên Phượng Vĩ.

Nhưng chúng nó khôn ngoan, nói dối cậu nó rằng tôi cho nó với vợ nó về chào cậu mợ kẻo ngót hai mươi năm nay nó chưa được về quê ngoại. Nó chỉ gặp cậu nó năm thầy nó mất. Mà từ khi nó lấy vợ, mấy lần vợ chồng định về Phượng lễ tổ tiên, nhưng hết bận việc nọ đến bận việc kia, rồi sau vợ nó có mang, nó mới chờ ở cữ xong, con nó cứng cát, sẽ về chơi một dạo ở lâu nhà.

Cậu nó tưởng thật, quý hoá chúng nó quá.

Thằng Mùi mà tha thiết đến quê ngoại thế! Còn trời đất nào nữa! Nếu thiết tha quê ngoại nó chả đầy đoạ tôi thế này.

Thấy tôi đến cổng, thằng Mùi vội vàng đi trốn. Nhưng trốn đâu cho thoát, tôi đã trông thấy rồi. Nó nhiếc tôi:

-Tưởng thế nào. Ai bảo bà đuổi chúng tôi mãi, nay còn tìm.

Tôi toan tát nó một cái, nhưng thấy cháu, tôi hết tức ngay. Tôi vội vàng ôm chầm lấy cháu, nước mắt chạy quanh. Tôi hôn hít, vuốt ve thằng bé.

Cả nhà, cậu, mợ nó, các cháu mừng rỡ ra sân đón tôi. Thấy tôi về đột ngột, cậu nó hỏi, mới vỡ ra sự bất hiếu của thằng con tôi.

-Chị nhớ thằng cháu Cún quá, cậu mợ ạ. Nhớ nó không làm ăn gì được nữa, nên mới phải đi đón cháu về.

Cậu nó nghiêm mặt, trách mắng thằng Mùi. Nó đứng im không dám cãi. Sau cùng nó mới nói:

-Động một tý, bà tôi doạ đuổi. Thì tôi thử đi một phen, đã chết đói đâu. Tôi chắc thế nào bà tôi cũng không bỏ được chúng tôi.

Tôi lắc đầu, bảo cậu nó:

-Đấy, cậu nghe cháu cậu đấy. Ăn ở với mẹ đã đầy đặn chửa!

Tôi ở Phượng ba hôm, đi chơi khắp họ hàng quen thuộc, rồi cùng vợ chồng con cái thằng Mùi lên Tru.

Đến nhà, tôi vứt hết cả giận dữ. Lúc vui chuyện tôi than thở với thằng Mùi vì nó, tôi tốn kém đến mười lăm đồng bạc hành lý. Nó vừa cười vừa nói:

-Về phần tôi, vay mượn tất cả cũng đến mười lăm

đồng, tôi xin bà để tôi trang trải. Giá bà đừng tiếc hào rưỡi, có đỡ phải mất ba chục đồng bạc không? Việc này để làm gương cho bà về sau.

*

Nhân hôm nọ về Rừng, có người khuyên tôi kỳ xuân tế năm sau, nên bảo thằng Mùi lo cái hiến tế.

Tôi đã nghĩ việc ấy ngày tháng năm. Trước sau, đằng nào cũng phải một lần. Mà trông vào lưng tôi, chứ nó có gì. Bây giờ lệ làng đã nhẹ, không như ngày trước. Người ta bảo chỉ tốn kém từ một trăm đến trăm rưỡi là cùng. Tôi muốn sau khi hiến tế, cho vợ chồng nó ở nhà ít lâu để biết âu yếm họ hàng kẻo dì thiên hạ từ thuở bé, rồi ngày sau về làng, lại bỡ ngỡ. Tru chẳng qua chỉ là chỗ tạm bợ để tôi buôn bán. Rồi đến khi già, khá khẩm, tậu thêm ít ruộng nữa, tôi sẽ về ở luôn làng. Vợ nó, thôi thì ăn ở với nó được mụn con đấy, hay dở cũng là người nhà rồi, nên phải biết quê chồng, anh em chú bác nhà chồng. Kẻo nó lại kêu ca tôi ghét bỏ, nó lấy chồng từng ấy năm, tôi không cho biết quê cha đất tổ.

Thế mà thằng Mùi nhất định không về hiến tế. Nó nói:

-Tôi không có tiền, không hiến tế.

-Mày phải mất đồng nào của vợ chồng mày.

-Chỉ vì thế nên tôi không muốn. Giá tôi kiếm nổi miếng ăn, và đủ sức lo, tôi về mới vui vẻ. Đằng này tiền tiêu vào thân, bà chả cho, bà còn đem tiêu vào sự vô ích.

-Đừng nói thế phải tội lời mất ra. Việc tế thần là việc

kính cẩn, một đời người mới được một lần. Có người vì đến tuổi không lo nổi, rồi sau, khi phong lưu, chịu tốn gấp hai gấp ba xin hiến tế, làng không cho đấy.

-Làng thì làm gì, tôi bỏ!

-Đừng càn rỡ. Có mồ mả tổ tiên, mỗi chốc mày bỏ được làng à?

-Ai thiết đến mồ mả tổ tiên thì về làng mà ở.

-Mày tệ bạc quá, Mùi ạ. Thần thánh nào chứng minh cho mày. Mày như người ta, năm mười hai, mười ba tuổi đầu, đã có thể giúp tao được đỡ vất vả. Tao tưởng mày thấy tao khổ sở về thầy mày, thì mày thương tao mới phải. Thế mà đến nay, ba mươi tuổi đầu rồi, mày chỉ một việc là ăn bám vào tao. Không những thế, mày còn làm tao lụn bại nữa. Giá như người khác, tao mặc kệ vợ chồng nhà mày, đủ no thiếu đói, tao còn vun đắp lo lắng làm gì cho mày. Nhưng dù thế nào tao cũng thương mày, tao muốn mày đẹp mặt với làng nước, mà đối với tao mày bất hiếu quá.

-Hơi một tý là bà kể, hơi một tý là bà lôi thầy tôi ra nhiếc móc. Người ta bảo phúc đức tại mẫu. Vậy chắc bà ăn ở làm sao, thầy tôi với tôi mới đến nỗi thế này. Bà bảo tôi về hiến tế; thà để món tiền hiến tế ấy cho tôi làm vốn, có phải tôi đỡ ăn bám vào bà không?

-Làm vốn đánh bạc phải không? Làm vốn cho gái phải không? Tao đã cho mày vốn mấy lần rồi?

-Mới ngần ấy đã kể. Có hai lần bà cho trăm bạc về việc tôi lấy u nó, thì tôi đã bảo chưa bằng số tiền bà tốn kém cưới con bà hai Giản cho tôi kia mà. Dù rồi sau, thỉnh thoảng tôi có làm bà mất lúc dăm ba đồng, lúc vài chục, chẳng qua cũng như tiền bà tốn kém cưới vợ cho tôi ngày

ấy. Thế mà mỗi lần bà mất mát gì, bà lại chửi bới tôi.

-Chả lẽ mày hư đốn tao lại im.

-Bà đưa tiền hiến tế đây cho tôi. Tôi thề rằng từ nay không tơ hào của bà một xu nhỏ. Tôi lại mang vợ con sang nhà trước cửa tôi ở, như vậy bà đỡ lo tôi lấy cắp đồ hàng của bà.

-Mày ở cạnh tao, tao nói xa xả còn hư đốn như thế, nữa là mày ở xa. Con vợ mày nó không dám nói mày, vì mày cục, hơi tý là thượng cẳng tay, hạ cẳng chân. Mày không hiến tế, thì suốt đời ở làng là thằng cu bố đĩ. Tao muốn mày nên danh giá, ngang hàng với ông nọ ông kia.

-Tôi bảo tôi không về làng nữa, ông nọ ông kia hay thằng cu bố đĩ thì làm gì.

-Nhưng tao đã trót nói với các cụ rồi.

-Thì bà hiến tế. Sao bà định thế bà không bảo tôi?

-À, mày giỏi, mày bắt chẹt tao phải không?

-Thôi, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, bà có bằng lòng cho riêng tôi năm chục, thì tôi về. Tiếc số tiền ấy thì bà về mà hiến tế, tôi không biết.

-Năm chục bạc làm gì?

-Để tôi có cái quần, cái áo. Ông đám ăn mặc thế này à?

-Tao đã sắm cả cho mày, ai bảo mày đem cầm cố hết đi. Mà may quần áo làm gì hết năm chục?

-Cả quần áo nhà tôi nữa. Bà đám gì mà tiều tuỵ như con ở.

-Mày may gấm hay vóc cho vợ mày?

-Còn bao nhiêu tôi tiêu riêng kệ tôi. Chẳng lẽ ông

đám mỗi khi có ai đến chơi, lại ngửa tay xin mẹ từng hào, để mẹ nhiếc móc trước mặt khách.

Tôi ngẫm nghĩ, thở dài, rồi lắc đầu:

-Thì ra mỗi khi tao bảo mày làm gì, tao phải đút tiền cho mày.

Tôi còn nhớ năm nó mười lăm, tôi cất mộ thầy nó về bên quê cũng vậy. Nó cũng nằng nặc không bằng lòng, bảo đợi khi nó lớn, làm ăn khá giả, hãy cất cũng được, chứ bây giờ chưa được thừa thãi, lo được một việc thì hết vốn. Tôi tưởng nó thương tôi, tôi đáp:

-Nhưng cỗ ván mỏng, nếu không cất ngay thì nát hết.

Nó cũng không bằng lòng bảo tôi cất mặc tôi, nhất định nó không về quê. Rồi sau hết, nó nói thực là tôi phải cho nó hai đồng bạc. Tôi không rõ nó làm gì, nhưng chắc là để tiêu nhảm, và từ đó tôi biết nó coi đồng tiền như rác bẩn.

Tôi phải chịu cho nó bắt chẹt năm chục bạc. Nó chỉ chuộc cái áo the, mua cái khăn xếp ba hào, còn bao nhiêu nắm lấy tiêu một mình.

Đến hôm gần ngày đám, vợ nó lại dằn dỗi không về, nói là không có quần áo. Tôi dỗ dành sao thằng Mùi cũng không bớt cho vợ nó may mặc.

Tôi tính nếu cứ thế, có núi bạc cũng hết, nữa là tôi chỉ có hai bổ hàng, giá tôi không thật thà, nhiều người tin cậy, thì những lúc cần tiền ai cho vay.

Nhưng nào nó có chỉ lấy năm chục mà thôi đâu. Rồi nó mời khách khứa ở lại chơi đêm, mà tiền trả cô đầu, thuốc phiện, đều bắt tôi phải chi hết. Nó bảo những khoản ấy thuộc về sự cai đám, nên nó không chịu.

Tôi lo nó mắc nghiện, nên xui vợ nó giữ. Nhưng nó cứ hút, càng mong có khách để hút, mà khách hút một, nó hút mười. Nó chắc chắn rằng có người nọ người kia, tôi phải nể, không đay nghiến nó.

Rồi rút cục, khi vợ chồng con cái nó lên Tru, tôi phải trả nợ cho nó mười lăm đồng nữa là tiền nó thua bạc, vay cào vay cấu chỗ dăm ba hào, chỗ một hai đồng.

Như vậy, tôi phải đeo nợ mất bảy chục đồng bạc. Mà vì món ấy không để được lâu, nên tôi phải dạm bán cái nhà trước cửa để làm vốn.

Cái nhà ấy, tôi bán đi là phải. Trước kia tôi tậu cho nó ở với hai vợ nó. Nhưng từ khi vợ cả nó bỏ đi theo thằng Trương Phiêu, vợ con nó về ở với tôi, nhà ấy bỏ không. Nhà đã không có người ở, thì dễ mục nát, thành thử tôi cứ phải bỏ tiền chữa chạy luôn. Để mặc kệ thì nó đổ tai hại gấp mấy. Cho nên bán đi cho nó đỡ bận mình. Nhưng tôi hớ một nỗi là khi tậu, trong giấy má đề tên nó, nên khi tìm được người mua, tôi bảo nó ký văn tự, nó nhất định không ký:

-Tôi tưởng văn tự tên bà, thì bà tha hồ bán, đằng này văn tự tên tôi, bà không có quyền. Bà đưa văn tự đây, vì là nhà của tôi.

Tôi bực mình:

-Không thì thôi, tao không bán nữa. Tao không đưa văn tự cho mày.

-Bà không đưa, tôi đi kiện cho bà xem. Và bây giờ tôi đã lớn, tuy nhà bà tậu thật, văn tự tên bà thật nhưng khi bán, cũng phải có chữ ký của tôi, không có thì cả người bán lẫn người mua lôi thôi to với tôi.

-Mày kiện tao?

-Chứ lại không à!

-Mày giỏi thực.

-Nhà của tôi bà có phép nào bán.

Tôi chắc nó lại bắt tôi đút lót cho dăm đồng để tiêu riêng, bèn nói:

-Hay là mày muốn xin tao chút ít như những bận trước thì tao cho, chứ đừng giở quẻ.

-Tôi không xin, việc gì tôi phải xin. Nhà của tôi kia mà.

-Thế tiền của mày tậu à?

-Quan người ta biết đâu. Quan cứ người trong văn tự chứ ai cứ người có tiền. Tôi thách bà kiện lấy nổi cái nhà ấy đấy.

Rồi nó bắt nọn tôi:

-Lại cả nhà với ruộng ở Rừng nữa, bà cũng đề tên tôi, bà phải đưa cả văn tự, không có tôi đi kiện.

-Đưa cả cho mày để rồi đi ăn mày.

Tôi biết câu nói ấy hớ. Thế là nó đinh ninh đã đoán đúng. Mà sai sao được. Tôi có một mình nó là trai, tậu gì, tôi chả viết tên nó. Nó nói:

-Chỉ có mỗi cái nhà này là tên bà.

Tôi bực mình:

-Nhà này cũng chả tên tao. Đất là đất công, tao xin quan vỡ thêm ít đồi, rồi làm nhà, chứ chả có tên ai cả.

Nó cười sung sướng:

-Thế là bà tay trắng. Bao nhiêu ruộng nương đất cát của tôi hết, bà chỉ là người ở nhờ.

-Phải, tao ở nhờ, rồi vợ chồng mày đuổi tao ngày nào thì đuổi phải không?

-Chả phải thế. Nhưng tôi nói để bà biết, tôi có bán chác thứ gì, là bán chác của tôi, không phải của bà, bà nói không được.

-Sao tao nói không được, tao không là mẹ mày à?

-Hễ bà nói, tôi đi kiện thật. Tôi kiện bà chiếm đoạt gia tài tôi.

Tôi thách:

-Mày cứ đi kiện xem nào?

Nó đứng dậy, vớ khăn, áo. Tôi mặc kệ, không gọi lại, xem nó có dám đi thực hay không. Song tôi cũng lo. Nó càn rỡ, làm cách gì ra tiền mà nó chả làm. Nhưng đến chiều, nó về, mặt đỏ gay, nói:

-Thôi, tôi hoãn cho bà một lần. Tôi muốn mẹ con trong nhà thu xếp với nhau cho ổn thoả đã; không ổn thoả, hãy đem nhau đến cửa công. Tôi hỏi bà, bà có đưa tôi văn tự nhà trước cửa hay không?

-Tao không đưa.

-Đưa tôi, thì bà còn nhà ruộng ở Rừng. Nếu bà cứ khư khư giữ, thì tôi đi kiện thật. Tôi uống rượu về đây, tôi say lắm. Lúc say, tôi hăng. Tôi hăng thì nói sao làm vậy.

-Mày hăng thì đánh tao đi.

Tôi nức nở khóc, nó nằm thẳng cẳng ở hè. Nó thản nhiên như không, đáp:

-Tôi đánh để bà đi kiện tôi ấy à? Nhưng phen này, tôi kiện bà thật. Đành rằng tôi phải chạy tiền, dù sau bán nhà đi để lo đến nỗi không còn một xu nào, nhưng được kiện bà, tôi hãy sướng đã. Để cho bà biết rằng không nghe tôi

là bà thiệt. Đã bao nhiêu lần không chiều ý tôi, là hại những thế nào, bà quên rồi à?

-Mày thật là cái nợ. Tao không ngờ mày tàn nhẫn với mẹ mày như thế!

-Tôi chả là con ai cả. Tôi ở kẽ nẻ chui lên đây. Ai bảo bà đẻ ra tôi.

Tôi vật mình vật mẩy. Nhưng vẫn chẳng động lòng, nó cứ lải nhải đòi văn tự. Tôi gắt:

-Mày giết tao đi rồi muốn làm gì thì làm.

-Việc gì tôi lại giết bà, để bà đi kiện tôi ấy à?

Nói rồi, nó nhăn răng ra cười, như để trêu tức tôi vậy.

Tôi gọi:

-Này, Mùi, tao bảo. Tao chả sống được mấy nữa đâu. Để khi tao chết, mày muốn đem ruộng nương nhà cửa làm gì thì làm. Nhưng tao còn sống ngày nào, mày hãy cho tao trông thấy những thứ tao làm ra, hãy còn cả, để tao yên tâm rằng sau khi nhắm mắt, mày có tiền mua được cỗ ván, và thuê người khiêng tao ra đồng.

-Nào tôi có muốn bán cả đâu. Tôi chỉ đòi bà cái văn tự nhà ở Tru thôi.

-Tao không đưa.

-Được, bà cứ giữ. Thử xem bà với tôi, ai chết trước ai. Rồi đến ngày bà chết rồi và tôi có bán chác, bà chui ở áo quan lên mà ngăn cấm.

-Mùi, tao không ngờ lúc trẻ tao khổ về thầy mày, lúc già tao khổ về mày. Thà tao tự tử ngay ngày lên Tru lúc tao tay bế lưng cõng anh em chúng mày. Xưa nay tao chưa thấy đứa con nào ăn nói với mẹ thế.

-Chưa thấy thì bây giờ bà thấy. Chỉ tại bà hay giữ tôi.

-Vì tao mong cho mày hay, hay muốn cho mày dở?

-Thôi được, nếu bà không bằng lòng đưa tôi văn tự, bà cất kỹ đi, bà cất thật kỹ đi. Nhưng tôi hẹn trước bà giấu đâu, tôi cũng lấy được.

Nói xong, nó bỏ đi chơi.

Tôi đoán thế nào cũng một là nó đi kiện, hai là nó ăn cắp cho được văn tự. Tôi bỏ cả các giấy má vào trong hộp, vùi giữa cót trấu dưới bếp, rồi nghỉ chợ để canh nhà.

Nhưng hai hôm sau tôi thấy cót trấu mất giấu. Tôi giật mình bới ra, thì chỉ còn hộp không.

Thằng Mùi lấy cả ba văn tự rồi bán cả nhà cửa ruộng nương ở Rừng, bán bằng một giá rất rẻ.

*

Thật là nó giết tôi!

Tôi ốm về thế. Tôi không thuốc thang gì cả, mong cho được chết để theo chồng, theo tổ tiên. Sống lắm thêm nhục.

Tôi không thể đi tìm nó, vì không còn hơi sức nữa. Tôi không sai vợ nó vì hết cả tiền. Vả vợ nó, về hùa với nó, chứ thương tôi đâu. Hẳn thằng chồng có hẹn với vợ ngày về mà con này giấu tôi đấy. Nếu tôi sai vợ nó đi, vợ nó cứ vâng dạ, nhưng về nhà nó vài hôm, rồi nói với tôi là không thấy. Tôi nằm một xó, biết đâu chỗ ấy. Thà kệ xác nó, cho đỡ phải đeo thêm công nợ về tiền hành lý.

Vả hôm nào tôi cũng yên chí rằng đến chiều thằng Mùi về. Nó hư thật, nhưng sao chả có chút lòng thương mẹ.

Nó ăn cắp được cả văn tự, thì dù có muốn bán, chắc nó chỉ dám bán cái nhà ở Tru này là cùng. Nơi quê cha đất tổ, người ta mong có nhà có cửa chẳng được nữa là.

Tôi dặn ở Tru, xin đừng ông bà nào tậu nhà tôi nếu thằng Mùi dạm bán. Người ta nể tôi, nên cam đoan sẽ không mua.

Mười hôm sau, nó mới về, và nói đã bán nhà và ruộng ở quê. Nó nói rất tự nhiên, không chút ngượng nghịu và hối hận.

Tôi làm kinh thiên động địa, hỏi nó tiền, nó đáp:

-Của bà đâu mà bà hỏi. Tiền của tôi, tôi muốn làm gì kệ tôi.

Rồi vui vẻ, nó hát, nó thổi sáo, hình như không quan tâm đến tiếng chửi, tiếng thở dài của tôi. Tôi buồn, không ăn được, nó cũng không hỏi han một lời. Nó sắm cho vợ khăn nhung, giầy cườm, quần lụa. Tôi bảo nó cho tôi vay lại món tiền còn lại, viết văn tự hẳn hoi, nhưng nó không nghe. Tôi xin nó bảy chục bạc để trang trải nợ; nó cũng mặc. Tôi nhờ nó đi cắt thang thuốc uống cho đỡ mệt, nó lắc đầu ngửa tay bảo tôi đưa tiền.

Thế thì tôi còn trông mong gì được nó về sau này, khi tôi già yếu.

Ở nhà, nó bị tôi chửi lắm, vợ nó xui nó dọn sang nhà trước cửa để ở.

-Ta có nhà ta, việc gì ta phải ở nhờ bà ấy để bà ấy chửi cả ngày.

Rồi từ hôm ấy, cả vợ chồng nó, không đứa nào lai vãng về thăm tôi nữa.

Tôi ốm, may mà không chết, chứ nếu có nhắm mắt

lúc nào nó cũng chẳng biết. Và có biết chăng nữa, chẳng hay nó có bỏ tiền ra mua áo quan, hay phải đợi khi bán hết phản giường của tôi đi đã.

Tôi cực nhục hết sức.

Bên nhà nó, lúc nào cũng rầm rập khách ra vào chơi bời. Tiếng cười không mấy khi ngớt. Nó có tiền, nên có rất nhiều bạn.

Nhiều bà đến chơi, tôi phàn nàn và bế thằng Cún về cho tôi vui với nó chốc lát. Nhưng con mẹ nó tai ngược, hẹn giờ bắt con về. Nó lại dám hợm hĩnh:

-Đời tôi chỉ còn sang bên ấy một lần nữa thôi, mà lần ấy cũng là bất đắc dĩ, là khi nào bà ấy chết, thì tôi phải sang làm ma.

Nhiều câu tương tự như thế, người ta đem đến tai tôi khiến tôi tức điên ruột. Sau tôi phải nói với các ông các bà rằng ai đến thăm tôi, xin đừng đá động đến thằng trời đánh ấy nữa.

Con cả Bách tức là con Hồ, nghe tin tôi ốm, vội vàng lên Tru thăm tôi. Thương hại con bé bụng to gần đến tháng ở cữ mà phải vất vả. Con bé kể rằng anh nó về quê, nói dối là tôi bảo bán nhà bán ruộng để lấy tiền về Tru làm nhà gạch. Nó tin ngay. Nếu nó biết anh nó lừa dối, đã ngăn cản, không cho làm bậy.

Con Bách cho tôi năm đồng để uống thuốc.

Nghỉ chợ nửa tháng, tôi lại phải đi. Không đi tôi lấy gì mà ăn, mà trả nợ.

Nhưng vì tôi phiền muộn nhiều điều, nên làm ăn có kém. Mà nhất là tôi quặt quẹo luôn, nên thường phải nghỉ chợ, và nhiều hôm cố gánh hàng, nhưng đến trưa nhất là trưa nắng, tôi chóng cả mày cả mặt. Có hôm tôi vào nằm

nhờ nhà người quen nghỉ cả buổi, mượn người xếp hộ hàng và thuê gánh về.

Có một năm trời, tôi gầy, già đi, tóc đã lốm đốm bạc. Tôi chắt bóp lắm, nên trả được hai chục bạc nợ. Giá tôi còn khỏe mạnh, thì món nợ ấy, chẳng mấy chốc mà hết.

Tôi đoán từ nay về sau, không thể nào tôi mát mặt được nữa. Sức làm kém đi, tôi được đủ ăn là may rồi. Tôi chỉ lo trời làm lụt loạt, các chợ ngập, thì không biết tôi sống bằng cách gì.

Vợ chồng thằng Mùi không lai vãng sang bên tôi. Tuy tôi bực mình thực, song, được đỡ gai mắt. Nhưng tôi đoán nó bỏ tôi không lâu đâu. Một ngày kia, hết tiền, nó lại về nhà, ăn bám vào mẹ. Lúc bấy giờ, tôi đuổi đi, nhất định không chứa. Có con hư thế, thà không còn hơn.

Quả nhiên, chưa đầy một năm, chúng nó về thực. Tôi nghiến răng, trỏ tay ra cửa:

-Bước, bước ngay, bà cấm chúng bay vào.

Nó không van, không xin, vênh mặt cãi:

-Bà không có phép cấm.

-Bà cấm được, nhà bà, bà cấm được. Chúng bay đừng đến, bẩn nhà bà.

-Bà đẻ ra tôi, bà phải nuôi tôi. Bà không có phép đuổi tôi.

-Mày đi mà kiện.

Rồi tôi đay vợ nó:

-Tao đã chết đâu mà mày về làm ma? Mày bảo đời mày mấy lần về nhà này nữa, con kia!

Vợ nó không dám cãi, nhưng nó đáp:

-Tôi không kiện, nhưng bà không đuổi nổi.

Nó bảo vợ nó cứ bế con, vào giường tôi mà nằm.

Tôi đẩy vợ nó một cái. Nó hung hăng, cầm con dao phay để dưới chiếu, băm mãi vào thành giường:

-Bà muốn tôi phá hết thì bà bảo. Chết đói thì cùng chết đói cả. Chỉ một que diêm, tôi đốt thì nhà này ra tro.

Tôi rưng rức lên khóc:

-Thế sao mày không bán nốt nhà của mày bên ấy đi, vội gì đã phải nhờ tao cho nhục?

Nó cau mặt:

-Giá chưa bán, tôi đã chả thèm về.

Trời đất ơi! Thế là hết, hết tiệt. Tôi dằn vặt:

-Ông ơi, bây giờ ông lại về đẽo mẹ ông cho đến xương đến tuỷ phải không? Mẹ ông bây giờ chỉ còn có cái xác, vợ chồng ông có muốn xả ra mà ăn thì xả đi.

Tôi nằm xuống, cầm con dao phay đưa cho nó. Nó chẳng nói chẳng rằng. Một lát tôi ngồi dậy, gọi:

-Mùi, một là mày ở nhà này thì tao đi, hai là mày đi thì tao ở nhà này. Tao không mẹ con gì với mày nữa.

-Tôi không đi đâu cả, còn tuỳ bà đấy.

-Nhưng nhà này là nhà của tao.

-Là nhà bà nên tôi có phép ở.

-Tao không chứa!

Nó giơ tay, lý sự:

-Không ai cấm được tôi.

Tôi đứng phắt dậy, vả vào miệng nó một cái thật đau.

Bất đồ nó vớ ngay cái đài trên bàn thờ thấy nó vừa vứt

ra sân, vừa nói:

-Này đuổi này!

Rồi vứt cái nữa, vứt cái nữa:

-Này đuổi này! Này đuổi này!

Tôi hét lên, ôm lấy nó. Nó giằng ra:

-Bà không cần tôi cúng giỗ cho bà ngày sau, thì để những thứ này làm gì.

-Tao không cần mày thực. Rồi tao làm ma đói ma khát.

Rồi tôi khóc, vừa phàn nàn:

-Không biết kiếp trước tôi ăn ở thế nào, mà kiếp này ông đầy đoạ tôi như thế này.

Thằng Mùi lay tôi, gọi:

-Này bà. Tôi sang đây chỉ là hỏi bà có một câu là bà có chứa vợ chồng con cái tôi nữa hay không?

-Tao đã bảo là tao không chứa.

-Một là bà chứa, hai là tôi lấy gánh hàng của bà. Tôi lấy ngay trước mắt bà, chứ không cần ăn cắp.

Tôi vội vàng chạy lại cửa buồng, bóp khoá lại, và nhắc:

-Tao đã bảo là tao không chứa.

-Thế thì được, bà đừng kêu thôi.

Dứt lời nó đưa mắt cho vợ nó chạy lại ôm chầm lấy tôi. Tôi kêu rầm làng nước, thì bị bịt mồm, bịt mũi. Tôi lăn lộn xuýt chết ngạt. Trong khi ấy, thằng Mùi bẻ khoá không được, giơ chân đạp mạnh vào cửa. Cánh cửa bằng cót mỏng thủng bung ra, nó bẻ khung rồi vào buồng. Nó gánh đôi bồ, rồi ra sân chạy thẳng.

Khi nó đi xa, vợ nó mới buông tôi. Tôi túm lấy con mẹ, vừa kêu vừa đánh cho một chập. Nhưng tôi càng kêu nó càng cấu thằng Cún cho thằng bé khóc om lên lấp tiếng tôi đi.

Sau hết, nó đánh tháo được và chạy mất. Tôi đuổi theo, kêu rầm rĩ. Thằng Cún ở trong nhà sợ hãi hét váng lên.

Bao nhiêu người đổ đến xem, thấy tôi nằm vừa thở vừa nói không lên tiếng. Họ không hiểu gì, nhưng ai cũng đoán lại vì chuyện thằng Mùi.

Bà hai Giản lấy rượu chổi bóp tay cho tôi, và sai con gái về nhà nấu cháo, vì thấy tôi mệt quá không ăn được cơm.

Tôi biết mình ốm to đến nơi, nên nhờ bà hai cho người về quê gọi con cả Bách.

Vợ chồng nhà Bách đến nơi, mấy mẹ con khóc lóc với nhau. Có con gái con rể, và cháu nội cháu ngoại bên cạnh, tôi đỡ buồn đôi chút. Song, tôi sinh ra chứng sốt cách nhật, cứ hai ngày một, chiều đến, tôi lại thấy gây gây.

Con Bách khuyên tôi về Rừng ở với nó. Tôi lắc đầu, đáp:

-Tao bây giờ về, nhà cửa chả có, tao xấu hổ quá.

-Bà ở với vợ chồng nhà con. Nhà con cũng là người khá. Vả anh ấy lừa bà, chứ bà có bán đâu mà xấu hổ.

-Đành vậy, nhưng tao xấu hổ với họ hàng. Người ta chỉ biu rằng tưởng đi làm giàu, chứ gần hai mươi năm trời, bây giờ tay trắng hoàn tay trắng, lại phải nhờ con gái. Vả mày còn bố mẹ chồng, chị em chồng, ở thế sao tiện.

Thằng Bách cũng mời tôi khan vã. Nhưng tôi im. Tôi

từ chối sợ phụ lòng nó. Tôi nói:

-Sau này u có chết, chỉ nhờ anh chị cho cỗ ván, thế là mãn nguyện.

Con Bách không nghe:

-Con là phận gái, chả báo hiếu bà được ngày nào. Bà chả để con nuôi lúc sống chả hơn ư?

Tôi ứa nước mắt:

-Tao đã đành, lại còn thằng Cún nữa.

-Thằng Cún thì rồi mặc anh chị ấy. Để sau này nó và vợ nó đối với anh chị ấy, như anh chị ấy đối với bà bây giờ.

-Tao không muốn thế. Tao muốn nó đừng giống bố mẹ nó.

-Bà không muốn cũng không được, mà muốn cũng không được.

Thằng Bách ở Tru ba hôm thì về, để vợ lại, dặn rằng trông nom thuốc thang cho tôi đến khi tôi khoẻ.

Sau khi chồng nó đi, con Bách khoe:

-Nhà con dặn con cố mời cho kỳ được bà về quê. Ở với con, sớm tối bà có rể, có con, có cháu vui vẻ, và khuây buồn. Bà ở đây một mình con lo lắm, khi khoẻ đã vậy, khi yếu đau, lỡ ra thì khổ.

Tôi thở dài:

-Tao không chết đâu. Vợ chồng thằng trời đánh nó kéo đi là phúc cho tao. Tao lại đi chợ. Tao hết nợ rồi làm giàu, miễn là chúng nó đừng về quấy tao nữa.

Con Bách nhìn tôi, lắc đầu thở dài:

-Nhưng thế nào anh ấy chả về. Như mấy bận trước bà

biết đấy.

-Về thì tao chém chết. Tao chém nó không chết thì tao chém tao.

-Không được. Bà vẫn thương anh ấy. Bà không muốn cho thằng Cún báo hiếu anh ấy như anh ấy báo hiếu bà, là bà còn thương anh ấy.

Tôi lắc đầu, cười:

-Thật đấy, dù thế nào, mẹ cũng không hết được lòng thương con. Lắm lúc tao giận, chỉ muốn giết chết nó nhưng nghĩ lại, tao lại thương nó. Ngay như bây giờ; nhiều lúc nghĩ đến nó, tao vẫn áy náy.

-Thế rồi anh ấy về, bà lại chứa. Anh ấy lại lừa của bà, sinh sự cho bà phát ốm lên.

Nghĩ một lát, tôi đáp:

-Nhưng tao tiếc đất này, dễ làm ăn. Và còn nợ người ta, tao đi không yên tâm.

-Nợ thì trả, con nhận cho bà.

-Người ta tin tao chứ ai tin mày.

-Bà chỉ kiếm cớ thoái thác!

Con Bách thật có bụng thương tôi. Tôi nghĩ một lát, rồi thở dài:

-Bỏ Tru để về quê, tao tiếc lắm. Tao còn làm ăn được, mà đất này còn buôn bán dễ. Thôi, mày cứ để tao ở lại đây, bao giờ tao già yếu hẳn, hãy nhờ vợ chồng nhà mày.

-Nhưng có thằng Cún, bà đi chợ thế nào?

-Được, ban ngày, tao cho nó sang chơi bên bà Hai.

-Rồi nó quấy, ai dỗ?

-Không sợ, nó quen đi. Ở đây các cửa hiệu người ta

nể tao. Bây giờ tao yếu, người ta không cho lấy chịu nhiều, nhưng vài chục hàng, thì vẫn được. Ở các chợ, tao có khách quen. Tao về ở với mày, chả lẽ cứ song sóng ra ăn ngày hai bữa, vừa buồn vừa ngượng.

-Bà cũng đi chợ với con.

Nhưng tao không có khách quen, thì bán dễ dàng sao bằng đây.

Hôm sau con Bách bảo:

-Nếu bà không về, thì con bàn với nhà con chúng con sẽ lên Tru buôn bán vậy. Nhà con mang máy khâu lên đây làm, có lẽ kiếm ăn hơn ở nhà.

Tôi mừng rỡ:

-Thế thì còn gì hay hơn. Tao nhường khách của tao cho mày. Tao yếu không buôn được nhiều thứ như trước, lắm lúc mất khách, tức đáo để. Hôm sau con Bách về quê, quyết định trở lại Tru để đi các chợ búa, chợ Tru, chợ Đồn, chợ Phí, và chợ Sủi.

Việc nó định được bố mẹ chồng và chồng bằng lòng.

Nhưng hôm vợ chồng nó vừa yên sở, định sáng sau bắt đầu đi chợ, thì tối hôm trước có người mách tôi một tin dữ dội:

Thằng Mùi chết!

Thằng Mùi chết một cách rất thảm.

Hôm cướp hàng của tôi, nó đi bán đất bán rẻ ở Tru, rồi cùng vợ lên Tam Quận, vùng Yên Bái ở với vợ chồng con Trinh.

Nó chung vốn với chồng con Trinh, không biết tên là gì, vì con này đã bỏ thằng Trương Phiêu. Hai đứa nung vôi cho người ta.

Tôi cùng con Bách với thằng Cún lên Yên Bái, hỏi thăm đường vào Tam Quận. Từ tỉnh vào, ba mẹ con bà cháu phải đi đường rừng, đến gần chiều mới tới.

Tôi hỏi thăm những người Mán, nhờ đưa đến nhà thằng Mùi, thì ra ở đấy không ai biết. Họ lắc đầu, đáp:

-Không có ai là thằng Mùi đâu mà.

-Mùi làm nghề nung vôi ấy mà.

-Thế thì đến gần lò vôi đằng kia mà hỏi.

Tôi tìm đến một lò vôi, nhưng gần đấy cũng không ai biết ai là Mùi.

Tôi nói rõ:

-Nhà ấy có hai người đàn ông và hai người đàn bà ấy mà?

-Cũng không biết.

-Thế ở đây có ai vừa mới chết không?

-Có, ở làng bên cạnh, hôm qua có một ông già mới chết.

-Không phải, hai người đàn ông trẻ, một người chết chừng một tháng nay kia mà!

-À, thế thì có. Đi một tý nữa.

Sự hỏi thăm ở đây thực khó khăn.

Đi mãi đến hai cây số nữa, tôi mới trông thấy ba nóc nhà, và cái lò vôi xây ở giữa sườn đồi.

Tôi đánh bạo vào một nhà hỏi thăm, có người ra đáp:

-Bọn ấy trước kia ở bên cạnh đấy, nhưng nay đi tất cả rồi. Cụ với bà là thế nào với những người ấy?

-Tôi là mẹ, cháu đây là em, thằng bé này là con.

-Con ai? Con người sống hay con người chết?

-Con thằng Mùi.

-Mùi à?

Thế thì không phải.

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa mừng thầm. Hay tin thằng Mùi chết là tin sai? Tôi bèn nhờ người ấy đưa sang nhà bên cạnh để xem cho đích xác. Con Bách cạy cửa để vào, thì trông thấy ở tường còn treo ảnh thằng Mùi chụp với vợ nó. Nó nói:

-Chính phải người này là anh tôi.

-Thế thì phải bác này chết. Để rồi tôi kể chuyện cụ nghe.

Tôi và con Bách ôm lấy ảnh, khóc như mưa như gió.

Người ấy nhìn chúng tôi thở dài, rồi mới về bên nhà.

Con Bách khăn trắng, quấn cho thằng Cún cái khăn sô, rồi bỏ ảnh anh nó vào đầy.

Ông Ba, tức là người đàn ông, tử tế lắm. Ông mời chúng tôi ăn, tuy chúng tôi đã có sẵn quà bánh. Ông kể chuyện:

-Bây giờ tôi mới biết tên bác là Mùi. Nhưng còn bác kia tên là gì?

-Tên là Trương Phiên.

-Bác này lé một mắt, cao, và trắng trẻo.

Tôi ngờ ngợ nhìn con Bách:

-Thế thì không phải Trương Phiêu. Chắc nó lại mới lấy thằng này.

Ông Ba tiếp:

-Nguyên lên đây làm ăn, chúng tôi ở làng Mán, nên không ai muốn cho nhau biết tên thật. Tôi thấy bác hơn tuổi tên là Năm, bác ít tuổi tên là Sáu. Tôi đoán là hai anh em rể.

-Vâng, chính phải.

-Và hai người vợ hao hao giống nhau.

-Vâng.

-Hai bác ở đây là ở nhờ ông chủ tôi. Ông chủ tôi ở tỉnh, thỉnh thoảng mới về trông nom, vì ở đây nước độc lắm. Hai bác nhận nung vôi, nhưng tôi xem ra, hình như cả hai người không ai thiết làm ăn cả.

-Thế cả hai người cùng đến đây một dạo?

-Không, bác Năm đến đây từ tháng giêng, làm chung với một người khác, nhưng vì công việc không thạo, bị lỗ vốn nên cả hai bỏ đi từ ngày tháng tư. Ông chủ tôi định

thưa tại toà, nhưng bác Năm lạy van xin khất ít lâu nói rằng để có thời giờ xuống dưới quê, tìm người làm chung. Ngót một tháng nay, bác ta trở lại, dắt hai vợ chồng bác Sáu lên. Bác Sáu cả tin vợ, nên tai hại về vợ.

Tôi thở dài:

-Vâng, con vợ nó chẳng biết làm ăn gì.

Ông Ba cười, lắc đầu:

-Không phải về chuyện làm ăn. Tôi ở bên này, những lúc bên ấy to tiếng, lõm bõm nghe câu được câu chăng, thì tôi đoán được rằng hình như bác Sáu nhà ngày xưa đã có một dạo dan díu với nhà bác Năm gái thì phải.

Tôi vờ đáp:

-Tôi không rõ.

-Vâng, chắc việc ấy bác ấy giấu cụ. Một hôm hai bác trai đi vắng. Tôi thấy hai chị em ghen nhau, đánh nhau làm loạn cả nhà, và giở chuyện cũ ra đay nhau. Nhưng chính nhà bác Năm trai khôn ngoan, lập kế lại để thả vợ để nhân tình với bác Sáu lần nữa. Bác Sáu dại gái, thành thử có bao nhiêu tiền vốn, bị chị vợ bòn tiệt. Một cuộc xô xát rầm rĩ. Đến khi bác Sáu trần như nhộng, lại bị bác Năm quyến rũ mất vợ mà chính bác ấy không biết. Thật là loanh quanh, nực cười. Chúng tôi là người ngoài, xem tình ý thì biết thế, chứ có ai dám nói đến tai bác ấy đâu. Chắc khi bác Năm được cả của lẫn người, mới lập kế lìa bác Sáu trai. Hai người rủ nhau đi, nói là lên tỉnh, rồi bác Sáu chết.

Bác Năm về đây nói với chúng tôi là bác Sáu bị ngã nước, nửa đường lên cơn sốt nặng, không chữa được. Nhưng tôi ngờ một là bác ấy bị thuốc độc, hai là bị đánh chết.

Tôi và con Bách rú lên khóc, ôm nhau mà khóc.

Thằng Cún thấy chúng tôi khóc cũng khóc theo. Ông Ba kể nốt:

-Tôi nghĩ thế, bởi tôi biết rõ chuyện thế. Vì sự thực, bác Sáu mới lên trên này, đã ốm ngã nước trận nào đâu. Mà tôi nghi thế không oan, vì sau khi bác ấy chết, vợ bác ta chẳng để tang chồng, theo hai vợ chồng bác Năm bỏ Tam Quận này đi biệt tích.

Khốn nạn thân con tôi. Tôi có ngờ đâu nó chết thảm chết hại như thế.

Hôm sau, tôi nhờ ông Ba dẫn vào rừng thăm mả thằng Mùi. Cỏ đã mọc đốm xanh. Tôi thấy nấm đất mới, bị nước mưa làm bẹp dí, mà đứt từng khúc ruột. Tôi gào lên khóc, nằm lăn lên mả:

-Mùi ơi! Con đi đâu bỏ mẹ già, con dại, Mùi ơi.

Tôi sửa lại mộ rồi thắp hương, bắt thằng Cún lễ bố nó. Ông Ba xui:

-Bây giờ cụ lên đây, cụ nên làm giấy xin quan trên xét, kẻo bác Sáu bị chết oan lắm.

Con Bách tức, nói:

-Phải đấy, cho ba đứa nó vào tù.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi thở dài:

-Bây giờ đi kêu, thì người ta khai quật mả lên, người ta khám.

Ông Ba đáp:

-Thì phải làm thế mới biết bác ấy chết vì lẽ gì.

Nghĩ một lát, tôi vừa khóc, vừa lắc đầu:

-Thôi ông ạ, để cho con tôi nó nằm yên dưới mả là hơn. Đào nó lên mà mổ ra, tôi đau lòng lắm.

Từ ngày nhà Bách lên Tru buôn bán, vợ nó đắt hàng, nhà cửa có vẻ ấm cúng. Tôi được khuây nhớ con trai. Con bé hiếu hạnh và biết thương tôi lắm. Thấy tôi ngày nào cũng còm cọm gánh hàng đi chợ, nó bảo:

-Bà già và yếu, đừng đi chợ nữa. Bà nên ở nhà trông nom các cháu.

Tôi đáp:

-Nhưng nhờ trời tao còn làm ăn được, mày đừng bắt tao nghỉ mà tao buồn. Hai bồ hàng của tao bây giờ nhẹ tếch, nặng nhọc gì mà chả gánh nổi.

-Nhưng lãi lờ được mấy tý mà khổ thân.

-Được đồng nào trọng đồng ấy. Đời tao chỉ mong có ba điều, cho nên tao mới còn thiết sống. Một là cất mộ cho anh mày. Hai là sạch nợ. Ba là tậu được sào ruộng hay cái nhà ở quê, để gọi là có tí cho thằng Cún.

Nhưng tôi chép miệng:

-Tao biết như vậy là khó lắm. Nhưng trời cho tí cháu nội, bố nó chết sớm, mẹ nó bạc ác, nó chỉ trông cậy vào bà, thì tao sống ngày nào, phải gây dựng cho nó ngày ấy. Tao mà chết nó tất khổ.

Nghĩ đến thằng Cún lúc nào, tôi lại ứa hai hàng nước mắt lúc ấy. Nó hiền lành, ngoan ngoãn chắc không giống bố. Bây giờ mới tí tuổi, nó đã biết âu yếm tôi. Tối tối nó

vẫn chịu khó đấm lưng cho tôi khỏi mỏi.

Tôi thương nó bao nhiêu lại nghĩ đến bố nó bấy nhiêu. Bố nó chả ra gì. Nếu số có phải chết, sao không ở nhà mà chết, được trông thấy mẹ thấy con, ma chay có người trông nom tử tế. Thế mà nó đi, đi tận Yên Bái, Lào Kay, tận chỗ ma thiêng nước độc, để chết một cách khốn nạn. Tôi không hiểu từ ngày ấy mẹ nó lang bạt vào những nơi nào, chứ chưa dám về đến Tru. Thôi, những đồ bất nhân bất nghĩa, trời nào chứng cho.

Hôm giỗ thằng Mùi, tôi hỏi con Bách:

-Tao định đến chạp này, lên tam Quận mang anh mày về quê, mày nghĩ sao?

Con bé đồng ý:

-Vâng, để con lên, bà cứ ở nhà.

-Không, tao lên, mày đi thì bỏ mấy buổi chợ, chồng mày kêu.

Rút cục, cả hai mẹ con tôi cùng đi.

Mắt tôi lại trông thấy cảnh thảm hại hết sức.

Tôi tìm đến chỗ ông Ba ở, thì bấy giờ đấy không còn nhà cửa gì nữa. Chỉ có mấy cái nền đất trơ, cỏ tranh mọc đến gối. Tôi trở ra, đến mộ thằng Mùi, thì mãi không thấy. Đường cũ, tôi không nhớ, mà không sao nhận được lối đi, vì chỗ nào cây cũng mọc rậm. Tôi phải nhờ một người Mán, nói lại chuyện cái chết của thằng Mùi, và thuê hắn dẫn đến mả.

Người Mán rẽ lá, chặt cành đưa tôi đi. Rồi đến một nơi, hắn trỏ:

-Chôn ở đây.

Nhưng tôi không nhận ra chỗ nào cả. Đâu cây cũng

rậm rạp xanh um. Tôi và con Bách tìm, nhưng không thấy mô đất nào cao. Tôi bảo người Mán:

-Không phải ở đây.

Người ấy gật đầu:

-Phải ở đây. Bây giờ không thấy là vì ngày trước mả đắp thấp, mưa làm đất lún bằng đi rồi.

-Bây giờ làm thế nào?

-Phải đào lên mà tìm chứ.

Con Bách trợn mắt:

-Đào cả khu này lên à?

Người Mán đứng ngẫm một lúc, rồi gật đầu:

-Chôn ở gần gốc cây này. Cứ đào lên may thì thấy.

-Mới là may đấy thôi à?

Người Mán cười:

-Không hề gì mà, thế nào chả thấy, nó ở quanh đây chứ có chạy đi đâu. Mả lún, không nhận ra, thì phải tốn công một tí chứ. Thế sao ngày ấy không đánh dấu.

Sáng hôm sau, tôi thuê ba người đào lung tung, mãi mới thấy cỗ ván mục. Thật may, nếu tôi chậm bốc, dễ cốt nát hết.

Tôi bỏ bộ xương vào trong va-li, đem về đến tận làng, may đi đường không ai hỏi han khám xét gì cả.

Công việc xong xuôi, tôi lại lên Tru.

Rồi Tết năm ấy, tôi ăn Tết bằng nước mắt.

Thực thế, không còn cái đau đớn to nhỏ nào, ông ấy chữa tôi ra nữa. Tôi không ngờ đến lúc kề miệng lỗ, tôi còn phải khóc con Hồ.

*

Sáng hôm hai mươi tám Tết, con Bách đi chợ Đồn với tôi. Riêng nó đã bốn đẫy hàng tấm nặng, vì phiên chợ Tết, nên bán mạnh lắm.

Đường qua con sông, phải đi phà.

Vì chợ ngày Tết, nên rất đông người mua kẻ bán. Đến chiều, chuyến phà nào về Tru cũng đầy ắp.

Tôi và con Bách cùng xuống một chuyến phà, nhưng chật quá, đứng chen không được. Phu phà cứ ầy bớt khách lên, mà người ta cứ xô nhau xuống.

Thấy phà đầy tôi rất lo, nhưng vì đã tranh được một chỗ, thì tội gì không lên cho uổng. Ai chả mong về cho sớm sủa, vì nếu chờ được chuyến vắng thì đến bao giờ.

Người phu phà nói to:

-Nếu các bà không lên bớt, thì mặc kệ, tôi không chở đâu, các bà ở đến tối.

Nhưng thấy trên bờ còn bốn năm chục người đứng chờ, mọi người dỗ:

-Thôi, cứ đi đi. Chịu khó vậy. Đằng nào bác chả chở đủ cả chị em chúng tôi sang rồi mới được nghỉ tay.

Người phu phà gắt:

-Ai chả biết thế. Nhưng đầy quá, mà phà thì rò. Các bà đứng chật thế này, lấy chỗ nào tôi tát nước.

Người nọ giục người kia lên, nhưng không ai chịu nhúc nhích. Sau hết người phu phà tìm những bà có gánh hàng nhỏ, để bắt lên. Là bởi mỗi bận qua sông những người này vẫn cho hắn có hai xu, thì hắn ghét mặt, bắt chờ đợi. Còn bà nào buôn to, cho hắn năm xu hai lượt thì hắn

để yên.

Tôi vào số những người phải ở lại. Thấy tôi bị đuổi lên bờ, con Bách nằn ni với người phu phà:

-Bà cụ nhà tôi đấy mà.

-Mặc kệ.

Tôi không lên, cãi:

-Thế ngày xưa, tôi chả đi nhẫn phà của bác là gì, bận nào tôi không đãi năm xu. Phà của nhà nước chứ phà đâu của nhà bác.

-Không phải thế, nhưng đò đầy, bà ạ. Nếu bà không ở lại, tôi không chở nữa.

Nhiều người khuyên tôi nên lên đi cho xong, nhưng con Bách bực mình, nói:

-Thôi được, bà với con cùng lên, ta thuê thuyền nan mà đi. Mất bao nhiêu thì mất.

Mọi người can:

-Thôi, để mình bà cụ lên, bác chen ra thế nào được.

Con Bách thấy lối ra khó khăn, dặn tôi:

-Bà chịu khó ở lại vậy. Con về trước thổi cơm cho.

Các bà cười:

-Ừ, thế chả hơn ư, khỏi phải đâm đầu vào bếp.

Tôi gửi con Hồ gánh hàng, bảo đến bờ bên kia, nó thuê người gánh hộ. Tôi lên bờ.

Tôi ngồi nghỉ chân ở hàng nước. Và mới độ mươi phút, tôi thấy tiếng kêu, tiếng khóc như ri.

Tôi vội chạy ra xem, thì rụng rời cả chân tay. Chiếc phà đương từ từ chìm.

Tôi tru lên:

-Hồ ơi! Con ơi! Bách ơi!

Trời xầm tối, mắt tôi kém, tôi không phân biệt được con tôi đâu nữa. Tôi chỉ thấy vài chiếc thuyền nan bơi vội ra cứu, những cái đầu nhô lên, thụt xuống, với những cánh tay thò lên mặt nước để vẫy.

Tôi mê lên, khóc lóc, gọi với thuyền nan:

-Bác ơi, bác làm phúc vớt hộ con bé nhà tôi nhé.

Rồi không biết nghĩ lẩn thẩn thế nào, tôi nhảy ùm xuống sông, toan sự cứu con.

Thì ra tôi cũng trôi theo dòng nước và uống đầy một bụng. Có người giỏi bơi, dìu được tôi lên bờ, chữa mãi tôi mới tỉnh lại.

Chuyến phà ấy đắm, hai mươi người chết. Xác con tôi đến hôm sau, nổi lên, dạt vào bãi cát làng Bê.

Những ngày cuối cùng của bà Thuyết

Bà Thuyết khóc nhiều quá, đâm ra loà.

Và ốm một trận thật nặng, lúc khỏi, bà thành lẩn thẩn.

Trừ khi kể lại những sự đau đớn trong đời bà là được rành mạch, còn câu nào bà nói cũng như người mất trí.

Bà không còn một đồng một chữ làm vốn, và cũng không thể làm được việc gì để kiếm ra tiền.

Bà ở với rể.

Chiều chiều, nếu không lợi dụng được thằng Cún nó dắt đi, thì một mình, bà lấy gậy để dò đường. Bà đi lẩn vào những lối khuất, tránh các nhà bà còn chịu tiền. Ai nỡ đòi bà nữa, song bà vẫn còn sáng suốt ở chỗ lo nợ.

Bà đi như thế để ra đồng, thăm mả con gái. Lúc ấy, giữa chỗ hiu quạnh, nổi lên tiếng khóc thảm thiết, giọng khàn khàn và run run.

Bà khóc con gái. Bà khóc con trai. Bà khóc chồng, bà lại khóc bà.

Người ta an ủi bà rằng số Hồ chết nên đã định lên bờ,

thuê thuyền nan đi với bà rồi lại thôi.

Nhưng bà bảo trời muốn đày đoạ bà, nên xui người lái đò đuổi bà lên, để bà không những không được chết mà còn trông thấy con chết.

Bà mong được chết. Một ngày của bà sống là một ngày thảm.

Bà thèm về Phượng và về Rừng để trối già, nhưng không có tiền, ngửa tay xin rể, bà ngượng.

Thành ra bà ở Tru để ôm cháu nội cháu ngoại mà khóc, khóc để hai mắt hoá thong manh.

*

Một hôm, bà sực nhớ đến ông cả Sinh.

Tự nhiên bà muốn đến thăm ông ấy.

Không hiểu vì bà lẩn thẩn, hay cái gì nó xui giục bà đi.

Bà lấy nhúm gạo, thổi cơm để nắm. Và chờ Bách đi vắng, bà bỏ ống tiền của thằng Cún lấy hào bảy và chẳng dặn dò gì ai, bà bắt đầu lên đường.

Ngày ấy vào tháng năm.

Trời nắng chang chang.

Nhưng đầu không nón, bà cứ đi, đò gậy để ì ạch lê từng bước.

Đường dài hai mươi nhăm cây số, bà đi mất ba ngày.

Nhưng ông bà cả Sinh sang ăn giỗ bên nhạc từ hôm trước.

Người nhà vì biết bà, nên mời vào.

Bà thở than là đen. Ở đó đến sáng hôm sau, bà sồn sồn đòi về, kêu là nóng ruột. Tính, con ông cả, trước kia đã hỏi Hồ làm vợ, cố mời bà:

-Cụ cứ ở chơi, cậu mợ cháu chiều nay thể nào cũng về.

Bà xua tay:

-Thôi, bác cứ để tôi đi, tôi nhớ các cháu lắm. Tưởng được gặp ông bà một lần để nói chuyện, nhưng ông bà đi vắng, thì thế cũng là tôi thành tâm rồi. Mấy chiều nay, không được ra mộ con gái tôi, tôi thấy tôi xa nó quá.

-Cụ ở đây vài hôm nữa. Cụ nên đi chơi cho khuây, chứ cứ ở nhà thì buồn, rồi cũng đến chết.

Bà thở dài, ứa nước mắt:

-Chứ bác mong tôi sống nữa làm gì, để chịu thêm cái khổ nữa à? Còn gì để tôi khổ nữa mà phải sống!

-Cụ đừng nói thế. Biết đâu rồi trời đền cho cụ những gì. Mấy hôm nay, nắng quá, nếu để cụ đi, thì cậu mợ cháu về, cháu phải mắng.

Bất đắc dĩ, bà ở lại.

Bữa chiều hôm sau, người nhà bưng mâm lên.

Thấy có đĩa xôi đậu, bà hỏi:

-Quái, hôm nay mồng một không phải, rằm không phải, sao có xôi nhỉ?

-Đây là xôi bác Tụng biếu, tôi dọn cụ xơi.

Bà nhìn người nhà bằng con mắt trắng bệch:

-Bác Tụng nào, tôi nghe tên đến quen.

-Bác ta nhà ở bên kia ao.

Bà sực nhớ. Người ấy đã cho con bà bú. Người ấy đã

đến dỗ bà lấy kế ông cả Sinh. Bà nghẹn ngào, hỏi:

-Bác Tụng làm gì mà biếu?

-Hôm nay là ba ngày chồng bác ấy.

-Chồng bác ấy chết rồi à? Khốn nạn, thế thì đưa chồng bác ấy giữa hôm tôi đến đây à?

-Vâng, buổi sáng.

-Chốc nữa tôi phải sang hỏi thăm bác ấy một lúc.

Người nhà lắc đầu, ngăn:

-Cụ đừng nên sang, chồng bác ta chết về bệnh kia đấy mà.

-Bệnh gì?

-Bệnh đi tả, chóng quá, có một đêm.

-Ồ, chết đã có số, mà ai mới sợ chết, chứ tôi đang mong được chết không được đây.

Ăn xong, bà nhờ người dắt sang bác Tụng. Bà và bác ta cùng khóc, mỗi người khóc một cảnh.

Khi bà trở về, vừa gặp vợ chồng ông cả Sinh về đến nhà. Ông Cả trông thấy bà, kinh ngạc:

-Trời ơi, mới mấy năm không gặp bà, bây giờ tôi trông bà khác hẳn đi.

Bà mếu máo:

-Còn gì nữa mà chưa được là cái xác chết hả ông.

Bà kể lể gia cảnh cho ông bà cả Sinh nghe. Hai vợ chồng chủ thở dài, an ủi:

-Người như bà, lúc về già phải khổ thì thật lạ. Nhưng biết đâu được với Trời. Ngộ ông ấy đền bà cái khác chăng.

-Tôi cũng mong thế, chẳng biết có được hay không.

Rồi bà bần thần, ngồi ngẩn ra, miệng lẩm bẩm một mình những gì không ai nghe rõ.

Trưa hôm ấy bà thấy dấm dẳng đau bụng, nhưng bà không nói. Bà đi tả. Bà cũng giấu. Bà cứ gượng đứng, gượng ngồi.

Mãi đến khi không còn sức nữa, bà mới nằm, nhưng lại kêu rằng mệt xoàng.

Đến lúc ông cả Sinh thấy bà đi tả đến ba lượt liền mới hơi nghi. Ông hỏi Tính, thấy mách bà ăn xôi biếu và đến thăm bác Tụng. Ông mới đoán chắc bà mắc bệnh thời khí.

Ông cho bà rượu thuốc, nhưng không công hiệu.

Bà đi đến hai mươi lần nữa.

Mới vài giờ, mặt bà đã xám, lưỡi bà đã rụt.

Ông Cả sợ, biết không cứu được, bèn hỏi:

-Bà muốn gì xin cứ nói.

Bà ú ớ:

-Tôi muốn về Tru.

Ông vội vàng cho người ra ga gọi xe, đắt mấy cũng thuê. Ông tính bà Thuyết đi xe với đầy tớ ông ngồi cạnh để giữ, một người kéo hai người đẩy, thì về Tru còn kịp, cho chậm lắm, hai giờ đồng hồ là đến nơi.

Ông dặn người thuê xe, nói rằng kéo người ốm, chứ đừng bảo ốm bệnh gì.

Phu xe, vì phải đi đêm, bắt chẹt hai đồng bạc. Nhưng đến lúc người nhà uống rượu say, bế bà lên xe, thì bà đã mệt quá, lả như con gà chết.

Ông Cả sai đầy tớ, một người đi mua gỗ xẻ ván đóng áo quan, một người đi xe ấy khứ hồi, sang Tru gọi Bách.

Nhưng Bách đến không kịp. Độ hơn một giờ sau, bà thở hơi cuối cùng.

*

Ngay nửa đêm hôm ấy, bà ra đồng.

Đám ma không có gì là phiền phức.

Vì bọn đầy tớ sợ, trốn biệt cả, nên Bách và Tính phải khâm liệm bà.

Ông Cả bàn hãng đưa ra đến ruộng, rồi đào huyệt sau.

Đám ma ấy gồm có ba người, người nào cũng một việc quan trọng. Cả ba đều sặc mùi rượu. Ông Cả đi trước, vai vác cuốc, mai, vồ, tay cầm bó hương và đuốc để soi đường. Áo quan thì xỏ vào dây chão để hai người gánh. Một đầu đòn là Tính, một đầu đòn là Bách.

Chó trong xóm sủa rinh.

Sáu gót chân thình thịch bước thật nhanh.

Không thừa một ai đi đưa đám. Không thừa một ai nổi tiếng khóc.

Hay tại lúc sinh thời, người ấy đã đưa đám và đã khóc nhiều?

1940

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN
Trang 7

HỖN CANH HỖN CƯ
Trang 9

CÁI THỦ LỢN
Trang 451

NỢ NẦN
Trang 613

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04).9434044 - 9430219 - Fax: 04.8229078

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III TP Hồ Chí Minh - ĐT: (08) 9303262

Tiểu thuyết

NGUYỄN CÔNG HOAN

HỖN CANH HỖN CƯ
CÁI THỦ LỢN - NỢ NẦN

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:PHẠM ĐỨC

Biên tập: KHÁNH VÂN - QUANG VŨ

Bìa: VĂN SÁNG

Sửa bản in: LÊ MINH

In 1.200 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tại Công ty in Ba Đình Thanh Hóa. Số XB: 35/769 CXB, cấp ngày 12-7-2002.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2002.

Tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan

Hỗn canh hỗn cư
Cái thủ lợn
Nợ nần

GIÁ : 91.000Đ